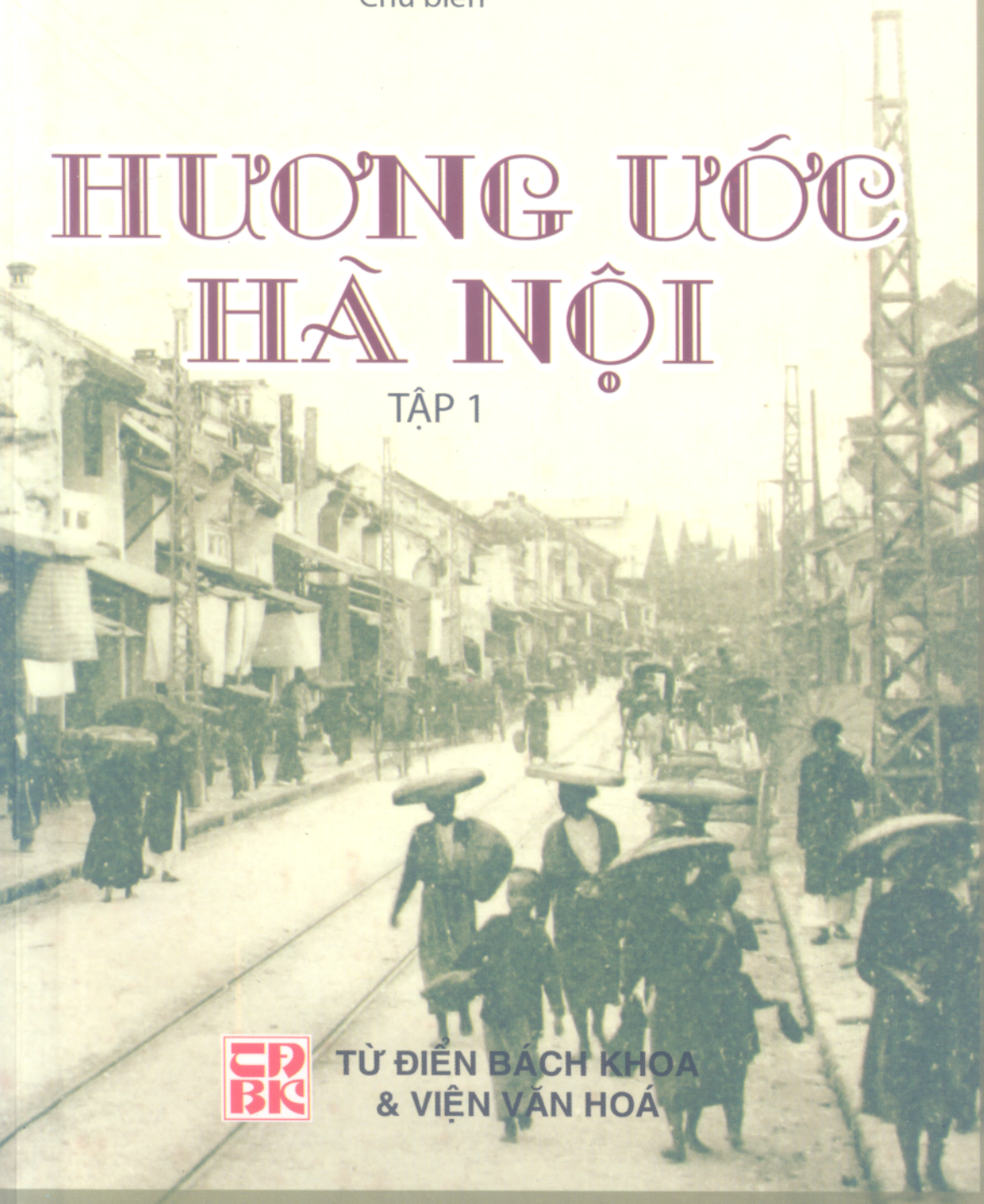
TRƯƠNG SỸ HÙNG
Chủ biên

HƯƠNG ƯỚC HÀ NỘI

TẬP 1



TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA
& VIỆN VĂN HOÁ

HƯƠNG ƯỚC HÀ NỘI

TẬP 1

Các huyện Hoàng Long, Thanh Trì
và một số vùng lân cận

TRƯƠNG SỸ HÙNG
Chủ biên

HƯƠNG ƯỚC HÀ NỘI

TẬP 1

Các huyện Hoàng Long, Thanh Trì và một số vùng lân cận

NHÀ XUẤT BẢN TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA
& VIỆN VĂN HÓA

Cộng tác sưu tầm tư liệu

ĐÀO TỐ UYÊN

HOÀNG THỊ MAI HƯƠNG

TRƯƠNG SỸ TÂM

Hương ước Hà Nội
Một di sản văn hóa

Cho đến cuối những năm 50 của thế kỷ XX vào đúng thời điểm cải tạo và khôi phục kinh tế (1958 - 1960) ở miền Bắc, Hà Nội vẫn giữ lại gần như nguyên vẹn lối sống theo văn hóa truyền thống làng xã, có cải biên nếp suy nghĩ trong buôn bán, trao đổi, quan hệ nội trị ngoại bang theo cơ cấu tổ chức nhà nước của phương Tây. Tuy nhiên trải qua 80 năm chống Pháp và 30 năm chống Mỹ, dường như sự du nhập lối sống văn hóa và cách làm ăn công nghiệp vào Việt Nam nói chung và thủ đô Hà Nội nói riêng diễn ra còn ở mức cầm chừng xem xét. Sau khi thống nhất đất nước (1975), tình hình thế giới có nhiều biến đổi phức tạp. Việt Nam không thể nằm ngoài sự tác động thời đại. Thế nhưng cũng phải hơn 10 năm sau, Đảng Cộng sản Việt Nam mới có quyết sách đổi mới tư duy kinh tế, từng bước đổi mới toàn diện cơ chế thị trường, nhanh chóng nắm bắt những thành tựu công nghệ mới nhất của thời đại tin học, quyết tâm đưa đất nước thoát khỏi tình trạng nghèo đói, tiến tới xây dựng một Việt Nam mới có nền nông công nghiệp hiện đại, có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Rất may mắn và cũng là kết quả tất yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam, mọi di

sản văn hóa truyền thống dân tộc đều được gìn giữ và phát huy những yếu tố tích cực. Những di sản văn hóa vật chất bị thời gian hủy hoại thì được trích góp công của tu bổ lại, những giá trị tinh thần được sưu tập chỉnh lý và ấn hành rộng rãi để trả lại cho đông đảo quần chúng nhân dân. Chính việc làm cấp thiết này đã đáp ứng nhu cầu đòi hỏi hằng xuyên của mọi người từ công, nông, trí thức... trong nước đến các học giả, nghiên cứu sinh và sinh viên nước ngoài muốn tìm hiểu về Việt Nam. Bên cạnh các tác phẩm văn nghệ dân gian khác, hương ước Hà Nội là những tư liệu xác thực, cụ thể về phong tục tập quán và phương thức sinh hoạt văn hóa, phương thức hoạt động kinh tế... đa dạng của một bộ phận người Việt sinh tụ ở đất kinh kỳ.

Nghiên cứu hương ước của Hà Nội trước cách mạng tháng Tám năm 1945 cũng là dịp khơi nguồn văn hóa truyền thống, giúp cho người quan tâm đến lĩnh vực quan trọng này tiếp xúc trực tiếp với văn bản mà "gạn đục khơi trong" và từ đây có thể rút ra những điều cần thiết cho việc xây dựng những bản quy ước văn hóa mới cho mỗi xã, phường, thị trấn theo tinh thần *Nghị quyết hội nghị lần thứ năm* của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VII và *Nghị định của Chính phủ* về việc ban hành *Quy chế thực hiện dân chủ ở cấp xã* năm 1998.

Để tiếp cận vấn đề có ý nghĩa khoa học, trước khi khai thác những giá trị tinh thần từ hương ước Hà Nội xưa, việc nắm bắt sơ lược lịch sử thay đổi địa danh Hà Nội là rất cần thiết. Tuy nhiên, công việc khảo sát lịch sử địa danh Hà Nội cũng đòi hỏi một công trình nghiên cứu qui mô, mà ở sưu tập hương ước Hà Nội chưa đủ điều kiện làm đầy đủ, chi tiết được. Chúng tôi tạm thời điểm qua sự thay đổi từ khi nhà Nguyễn đặt tên tỉnh Hà Nội đến năm 1961 là thích hợp.

Sách *Đại Nam nhất thống chí* cho biết: "Bản triều Gia Long thứ 1 (1802) đặt Bắc Thành tổng trấn lĩnh 11 trấn trong đó có 5 nội trấn là Sơn Nam Thượng, Sơn Nam Hạ, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương và 6 ngoại trấn là Tuyên Quang, Hưng Hóa, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái

Nguyên và Quảng Yên. Năm Minh Mạng thứ 12 (1831) bỏ Bắc Thành tổng trấn, chia tỉnh hạt, lấy huyện Từ Liêm thuộc tỉnh Sơn Tây đổi lệ vào phủ Hoài Đức, lại lấy 3 phủ Ứng Hòa, Lý Nhân và Thường Tín thuộc Sơn Nam Thượng *đặt riêng làm tỉnh Hà Nội*"[1]... năm Tự Đức thứ năm (1852), bỏ phân phủ, bớt quan lại, huyện Thọ Xương kiêm nhiếp Vĩnh Thuận... Hà Nội nay lãnh 4 phủ 15 huyện. Như vậy là địa danh Hà Nội có tên gọi chính thức theo văn bản hành chính nhà nước từ năm 1831. Cuộc cải cách đơn vị hành chính thời Minh Mạng dường như kéo dài sự ổn định đến khi nhà Nguyễn nhường quyền cai trị đất nước cho thực dân Pháp.

Theo *Các tổng trấn xã danh bị lãm* thì địa danh Hà Nội với tư cách là đơn vị hành chính cấp trấn, xứ, nội, đạo vẫn chưa có, chứng tỏ sách đã viết trước năm 1831. Nếu truy tìm những tên gọi cấp phủ, huyện nay còn nằm trọn trong thành phố Hà Nội, thì chỉ có phủ Hoài Đức, hai huyện Từ Liêm và Thanh Trì. Còn 3 phủ Ứng Hòa, Lý Nhân, Thường Tín sẽ đề cập kỹ hơn vào dịp khác. *Phủ Hoài Đức hai huyện* (Thọ Xương và Vĩnh Thuận),13 tổng, *250 phường, thôn, trại*[2]. Phủ Hoài Đức nguyên là phủ Phụng Thiên do Gia Long đổi tên năm 1805.

1. Huyện Thọ Xương có 8 tổng, 193 phường, thôn, trại

1 - Tổng Tả Túc có 20 phường, thôn: Các thôn Trừng Thanh Thượng; Sài Thúc, Bể Thượng, Bể Hạ, Ngũ Hầu, Cựu Vệ Tả thuộc Trừng Thanh Trung. Các thôn Thượng, Tả, Hữu, Hàng Kiếm thuộc Trừng Thanh Hạ. Các thôn Nguyên Khiết Thượng, Nguyên Khiết Hạ, Ngoại Ổ thuộc giáp Hương Bài. Phường Phục Cổ có các thôn: Nghĩa Dũng, Phúc Lâm, Kiên Nghĩa, Mỹ Lộc, Tả Lâu, Đình Hạ và phường Đông Hà Bến Đá, chợ Bến Đá, Vạn Hà, Hàng Lược, đồn Tây Long, miếu Trung Liệt, chợ

---

[1] *Đại Nam nhất thống chí*, N.x.b. KHXH – H, 1971.

[2] *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XX* do Dương Thị The – Phạm Thị Thoa dịch và biên soạn, N.x.b KHXH, H,1981.

Hà Khẩu. Các *phường thủy co* Đông Trạch, Trúc Võng, Biên Dương, Vũ Xá, Tự Nhiên, Lãng Hồ."

2 - Tổng Tiền Túc có 29 phường, thôn: Các thôn Hữu Đông Môn, Xuân Hoa, Hoa Nương, Tố Tịch, Tiên Thị, Thuận Mỹ, Khánh Thụy Tả, các phường Đồng Lạc, Phúc Phố. Thuộc phường Cổ Vũ có các thôn: Thượng, Trung, Trung Hạ, Kim Bát Thư Khánh Lệ Hữu, Tô Mộc, chùa Báo Thiên, An Nội, Thị Vật. Chùa Tháp thuộc phường Báo Thiên. Các thôn Hàng Nồi (sau đổi là Nhân Nội), Kim Bát Hạ, chợ Đồng Thành, Chân Sơn, Hàng Đàn, Đông Thành, các phường Thái Cực, Đông Hà Kim Bát Thượng thuộc An Nội. Các thôn Chiêu Hội, An Thái.

3 - Tổng Hữu Túc có 18 thôn, phường: Các thôn Hàng Chè, Hàng Chài, Đông An, Trung An, Nam Hoa, Tư Nhất, Hậu Lâu, Tả Vọng, Hàng Cá, Kho Súng, Hậu Bi, Trung Nghĩa, Hạ Hà, Hà Khẩu. Các phường Đông Các, Diên Hưng, thôn Nhiễm Thượng thuộc phường Đông Tác. Phường Dũng Hậu.

4 - Tổng Hậu Túc có 17 thôn, phường: Các thôn Nghĩa Lập, Thanh Hà, Huyền Thiên, Tiền Trung, Vĩnh Trù, Phú Từ, Nội Tự cửa Đông Hoa, cửa Tiền Đông Hoa, cửa Hậu Đông Hoa, Cầu Cháy, Đồng Xuân, Vĩnh Thái, Nhiễm Trung thuộc phường Đông Tác. Phường Đông Hà. Các thôn An Phú, Đồng Thuận, Hoa Đán.

5 - Tổng Tả Nghiêm có 23 phường, thôn: Các thôn Vũ Thạch Tiểu, Vũ Thạch Hạ, Thuần Mỹ, Hồi Thuần, Phúc Lâm Tiểu, Đổi Mã, Giáo Phường, Hàng Bài, Vệ Hồ Giao, Hậu Phong Vân, Thống Nhất, Thịnh Xương, Sài Tân, Cẩm Chỉ Hạ, Nhiễm Hạ, Trung Tự; các phường Kim Hoa, An Thọ, Hồng Mai, trại Quỳnh Lôi thuộc phường Đông Tác. Các phường Phúc Lâm, Phục Cổ, thôn Đông Hạ thuộc phường Phục Cổ.

6 - Tổng Tiền Nghiêm có 30 thôn: Các thôn Vĩnh Xương, An Trung Thượng, An Trung Hạ, Hoa Ngư (chợ Cửa Nam), Lưu Truyền, Phú Ngữ, Hoa Cẩm, Nam Phụ, Cung Tiên, Linh Quang, Linh Đống, Quang Hoa, Khâm Thiên Giám, Tương Thuận, Liên Thủy, Thái Giao, Pháp Hoa, Hữu Lễ, Thiên Quang, Trung Kinh, Hàng Dầu, Bắc Thượng, Bắc

Hạ thuộc phường Cổ Vũ. Các thôn Thượng Môn, Thượng Môn Hạ, Thượng Đồng Hạ thuộc phường Bảo Thiên. Thôn Cửa Nam thuộc phường Đông Tác. Các thôn Tô Tiến, An Tập, Nguyên Khánh.

7 – Tổng Hữu Nghiêm có 27 thôn, phường: Các thôn An Hòa, Văn Mặc, Hữu Giám, Hậu Giám, Hữu Biên Giám, Minh Triết, Thị Trung Tiền, Hàng Gạo, Cầu Biêu, Quan Thổ, Ngự Sử, Huy Văn, Đình Tân, Tạo Đế, Hữu Biên, Tả Bà Ngô, Hậu Bà Ngô, Trung Tả, Ngõ Hàng Kẻ, Nội Súng, Cổ Thành, Hàng Chảo, Phụng Thành, Giao Trì, Hàng Bột, Trung Tiền. Phường Xã Đàn.

8 – Tổng Hậu Nghiêm có 20 thôn, phường: Các thôn Hữu Vọng, Nhân Chiêu, Đức Bác, Thanh Nhàn, Thanh Lãng, Cảm Ứng, Hàng Rau, An Hội, Hàng Hương thuộc An Hội. Các thôn Hoa Viên, Thọ Lão, Trung Chỉ, Lương Xá, Hộ Quốc, ngõ Hàng Trứng, Hàm Châu, An Lạc, Tây Hồ, An Xá, Trường Khánh.

2. Huyện Vĩnh Thuận có 5 tổng, 57 xã, thôn, phường, trại.

1 – Tổng Thượng có 7 phường: Hòe Nhai, Thạch Khối, An Hoa, Nghi Tàm, Quảng Bá, Tây Hồ, Nhật Chiêu.

2 – Tổng Trung có 6 phường: Thụy Chương, Hồ Khẩu, Bái Ân, An Thái, Trích Sài, Võng Thị.

3 – Tổng Nội có 10 thôn, trại: Các trại Liễu Giai, Vĩnh Phúc (kiêm thôn Cống An), Ngọc Hà, Cống Vị, Giảng Võ (kiêm thôn Tam), Vạn Bảo, Hào Nam, Hữu Tiệp, Thủ Lệ. Thôn Đại An.

4 – Tổng Hạ có 6 phường, trại: Quán Trạm, Nam Đồng, Yên Lãng, Khương Thượng, Công Bộ, Thịnh Quang.

5 – Tổng Yên Thành có 26 phường, thôn: Yên Thành, An Thuận, Cận Hàn, An Ninh Hạ, An Canh, An Định, chùa Trúc Bạch. Các thôn Ngũ Xã Tràng, Tứ Chiếng Tràng, chùa Long Châu, Hậu Khán Sơn, chùa Một Cột, chùa Tăng Phúc, Thanh Ninh, Thanh Trường, Cận Tú An, Tiên Châu, Dụ Hậu, Phụ Bảo, Bà Lễ, An Viên, Quan Thánh, Khán Sơn, Trấn Vũ, An Duyên, Tân An.

3. Huyện Từ Liêm cắt từ trấn Sơn Tây sáp nhập Hà Nội "có 13 tổng, 91 xã, thôn, trang, trại, phường, sở":

1 – Tổng Thượng Hội có 6 xã: Thượng Hội, Hà Mỗ, Phù Trung, Vĩnh Kỳ, Thúy Hội, Thượng Mỗ.

2 – Tổng Thượng Trì có 5 xã: Thượng Trì, Hữu Cước, Bồng Lí, Bá Dương, Đông Lai.

3 – Tổng Hạ Trì có 6 xã: Hạ Trì, Thượng Cát, Đại Cát, An Nội, Mạc Xá, Hoàng Xá.

4 – Tổng Phú Gia có 8 xã: Phú Gia, Thượng Thụy, Phú Xá, Thụy Hương, Quán La, Nhật Cảo, Hoa Lạc, sở Quán La.

5 – Tổng Minh Cảo có 8 xã, thôn, châu, sở: Minh Cảo, Đông Ngạc. Các sở Minh Cảo, Tam Bảo, châu Bảo Xuyên, châu Vạn Bảo, thôn Nội, thôn Ngoại thuộc châu Tam Bảo.

6 – Tổng Cổ Nhuế có 6 xã, thôn: Cổ Nhuế gồm hai thôn Tam và Hoàng, Cáo Đỉnh, Phú Diễn, Phù Diễn, Phú Diễn.

7 - Tổng Dịch Vọng có 10 xã, sở, trại: Dịch Vọng, Thượng Yên Quyết, Mai Dịch, Mễ Trì, Kinh Chủ, Nhân Mục, Nghĩa Đô, trại Đoài Môn, Hạ Yên Quyết, sở Dịch Vọng.

8 – Tổng Hương Canh có 5 xã: Hương Canh, Phú Mỹ, Vân Canh, Nhân Mỹ, Miêu Nha.

9 – Tổng Tây Đam có 7 xã, thôn: Tây Đam, Ngọc Kiểu, Trung Đam, Đan Hội, Phúc Đam, Hạ Hội, thôn Hạnh Đàn thuộc xã Ngọc Hội.

10 – Tổng Thượng Ốc có 7 xã, trang: Thượng Ốc, Thanh Chước, Hương Cổn Tang Linh Thượng, Hương Quan, Lại Dụ, Đông Lao.

11 – Tổng Yên Lũng có 6 xã: Yên Lũng, Vân Lũng, Yên Thọ, La Phù, Ngải Cầu, La Dương.

12 – Tổng La Nội có 6 xã: La Nội, Ỷ La, La Tỉnh, La Khê, Yên Lộ, Nghĩa Lộ.

13 – Tổng Thiên Mỗ có 7 xã, thôn: Thiên Mỗ, Tây Mỗ, thôn Vạn Bảo, thôn Mộ Lao, Ngọc Trục, Hồng Đô, Phùng Quang.

Huyện còn kiêm lý các phường Thủy Hàm thuộc tổng Minh Cảo, Hạ Trì, Thượng Cát thuộc tổng Hạ Trì, Hoa Ngạc thuộc tổng Phú Gia.

4. Huyện Thanh Trì thuộc trấn Sơn Nam sáp nhập Hà Nội gồm "12 tổng, 100 xã, thôn, trại, sở:

1 – Tổng Thanh Trì có 9 xã, thôn, sở: Thanh Trì, Đồng Nhân Châu, Vĩnh Hưng, Nam Dư, Khuyến Lương, Yên Duyên, Thụy Ái Châu, thôn Thượng, thôn Hạ thuộc sở Yên Duyên.

2 – Tổng Hoàng Mai có 10 xã, thôn: Hoàng Mai, Tương Mai, Mai Động, Thịnh Liệt. Các thôn Giáp Nhất, Giáp Nhị, Giáp Tứ, Giáp Lục, Giáp Thất, Giáp Bát thuộc xã Thịnh Liệt.

3 – Tổng Khương Đình có 11 xã, thôn: Các thôn Lý, Quan Nhân, Hoa Kinh, Khu Lũng, Cự Lộc thuộc xã Nhân Mục Môn. Thôn Trung, thôn Hạ thuộc xã Khương Đình. Các thôn Khương Đình, Hạ Đình thuộc xã Nhân Mục Cựu. Thôn Thượng thôn Hạ thuộc xã Định Công.

4 – Tổng Quang Liệt có 7 xã thôn: Quang Liệt, Bằng Liệt, Tựu Liệt. Các thôn Pháp Vân, Tứ Kỳ thuộc xã Hoằng Liệt. Các thôn Linh Đường, Đại Từ thuộc xã Linh Đường.

5 – Tổng Cổ Điển có 12 xã, thôn: Cổ Điển, Văn Điển, Cương Ngô, Quỳnh Đô, Yên Ngưu, Đồng Trì, Lưu Phái, Huỳnh Cung. Các thôn Bảo Thị, Yên Kiện, Ngọc Điển, Ngõ Vịnh thuộc xã Vĩnh Trung.

6 – Tổng Nam Phù Liệt có 9 xã, thôn: Các thôn Tự Khoát, Yên Viết, Hưu Liệt thuộc xã Nam Phù Liệt. Đông Phù Liệt, Tranh Khúc, Đông Thạch, thôn Hoa Ả, Văn Uyên, Tương Trúc.

7 - Tổng Vĩnh Hưng Đặng có 5 xã, thôn: Vĩnh Hưng Đặng, Đại Áng, thôn Vĩnh Bảo, Nguyệt Áng, Vĩnh Hưng Trung.

8 – Tổng Hà Liễu có 11 xã, thôn, trại: Các thôn Khánh Vân, Đỗ Hà, Hoàng Xá, Liễu Nội, Liễu Ngoại, Xuân Nê thuộc xã Hà Liễu. Thôn Tử thuộc xã Vĩnh Dự. Đàn Giản, Dư Dụ, Dụ Tuyển, trại Cửa Am.

9 – Tổng Ninh Xá có 11 xã: Ninh Xá, Duyên Trường, Hạ Thái, Nội Am, Bằng Sở, Thọ Am, Phúc Am, Nhị Châu, Đại Lộ, Yên Phú, Hoa Nhị.

10 – Tổng Vạn Phúc có 2 xã: Vạn Phúc Châu, Yên Mỹ Châu.

11 – Tổng Xâm Thị có 6 xã: Xâm Thị, Xâm Dương, Xâm Động, Xâm Xuyên, Thành Hồ, Cẩm Cơ.

12 – Tổng Vân La có 7 xã, thôn: Các thôn Thị, Thượng, Nội thuộc xã Vân La. Thận Vi, Đông Thai, Nỏ Bạn, Dương Cảo.

Trên thực tế, thực dân Pháp đã có ý định đánh chiếm Hà Nội từ năm 1872. Jean Duypuis đem hai chiến hạm, một tàu máy 30 khẩu đại bác, một tầu gỗ chở 7000 súng tay, 15 tấn đạn và gần 200 quân xâm phạm địa phận Thăng Long, với danh nghĩa "mượn đường đi Vân Nam". Ngày 20 tháng 11 năm 1873 chúng nổ súng đánh thành Hà Nội lần thứ nhất. Củng cố vị thế sau hòa ước và thương ước năm 1874, thay vì phải trả thành Hà Nội cho triều đình Huế, thực dân Pháp lại cất quân đánh chiếm Hà Nội lần thứ hai năm 1882. Ngày 19 tháng 7 năm 1888 tổng thống Pháp ngang nhiên ra *Sắc lệnh thành lập thành phố Hà Nội* gồm *8 phường* và xếp Hà Nội vào loại thành phố cấp I, tức thành phố cỡ lớn đương thời.

Ngày 1 tháng 10 năm 1888 Đồng Khánh ra đạo dụ nhượng hẳn cho Pháp quyền sử dụng hoàn toàn thành phố Hà Nội, cùng với thành phố Hải Phòng và phân khu Đà Nẵng. Lập tức ngày 2 tháng 10 năm 1888 toàn quyền Đông Dương có nghị định chuẩn y. Hàng loạt các tuyến đường, ngõ phố đã bị thay tên bằng tiếng Pháp. Đương nhiên là dân chúng kinh kì vẫn sử dụng tên làng xã cũ. Theo số liệu trong bản báo cáo của đốc lý Hà Nội Domerque, năm 1904 thì thành phố Hà Nội có diện tích 950 ha, trong đó diện tích nhà ở của cả người Pháp và người Việt chiếm 528 ha, khu vực quân sự chiếm 76 ha, khu vực dành riêng cho bộ máy cai trị toàn Đông Dương và Bắc Kỳ chiếm gần 37 ha, đường phố chiếm 114 ha. (Theo *Bulletin de Li Asie frangaise, 1904).*

Những miền đất, núi, sông, bến bãi... gói gọn trong phạm vi Hà Nội ngày nay đã trải qua nhiều biến đổi. Ngày 26 tháng 12 năm 1896, toàn quyền Đông Dương ra Nghị định chuyển tỉnh lỵ Hà Nội về làng Cầu Đơ. Sách *Địa dư các tỉnh Bắc Kỳ* của Đỗ Đình Nghiêm – Ngô

Vi Liễn – Phạm Văn Thư, in ở nhà in Lê Văn Tân năm 1926 cho biết: "Thành phố Hà Nội bây giờ ở về hữu ngạn sông Hồng Hà. Đông Bắc giáp sông Hồng Hà, Tây giáp làng Thụy Chương, làng Ngọc Hà, Nam giáp làng Kim Liên, Bạch Mai và Quỳnh Lôi.

Diện tích đo được độ 2.710 mẫu ta (gần 10 km^2- T.S.H), xưa là địa phận 106 xã thuộc tỉnh Hà Nội. Sau khi nắm quyền thống trị Hà Nội, thực dân Pháp đã ráo riết hoàn tất công việc đồng hóa mọi mặt hoạt động xã hội ở Hà Nội mà không được.

Ngày 3 tháng 5 năm 1902, toàn quyền Đông Dương lại có nghị định cắt gần hết tỉnh Hà Nội nhập với một số địa danh khác thành lập tỉnh Cầu Đơ. Hai năm sau, ngày 6 tháng 12 năm 1904 toàn quyền Đông Dương đổi tỉnh Cầu Đơ thành tỉnh Hà Đông. Tỉnh Hà Đông bao gồm 4 phủ: Hoài Đức, Thường Tín, Ứng Hòa, Mỹ Đức và 6 huyện: Thanh Trì, Thanh Oai, Chương Mỹ, Phú Xuyên, Đan Phượng, Hoàn Long. Mặc dù "Hoàn Long là huyện bao quanh thành Thăng Long xưa. Năm Quang Thuận triều Lê đặt phủ Trung Đô, gồm hai huyện Vĩnh Xương và Quảng Đức. Năm Minh Mạng thứ 12 (1813) đổi huyện *Quảng Đức thành huyện Vĩnh Thuận*. Năm Thành Thái thứ 11 (1899) đổi huyện *Vĩnh Thuận* thành huyện *Hoàn Long*"[1]. Đến trước ngày 2 tháng 9 năm 1945, thành phố Hà Nội đã bị thu nhỏ lại "gồm 8 phường", một số nơi xây dựng công sở và nhà ở của tướng lĩnh và quan chức Pháp.

Cách mạng tháng Tám (1945) thành công, rồi toàn quốc kháng chiến kéo dài đến năm 1954. Trong 9 năm ấy, tuy chính quyền Việt Nam dân chủ cộng hòa còn non trẻ, nhưng những quyết sách giải pháp tình thế vẫn được ban hành. *Sắc lệnh số 77* ngày 21 tháng 12 năm 1945 của chủ tịch chính phủ lâm thời đặt tên thành phố Hà Nội cùng với 7 thành phố khác trong cả nước. Đương nhiên những tên phố tiếng Pháp bị xóa bỏ; cho dù trong khoảng 1946 – 1954, viên thượng hiếu Bắc Việt - người Việt - đứng đầu bộ máy cai trị bù nhìn,

[1] *Địa chí Thăng Long Hà Nội trong thư tịch Hán Nôm*, N.x.b Thế giới, H, 2007.

dưới quyền cao ủy Pháp có một vài văn bản thay đổi địa bàn hành chính Hà Nội, nhưng không để lại dấu vết nào đáng kể. Thành phố Hà Nội chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chính phủ Trung ương. Ở cấp thành phố có hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân và ủy ban hành chính. Cấp khu phố có ủy ban hành chính khu phố. Ủy ban nhân dân hai cấp và hội đồng nhân dân thành phố, được hình thành theo hình thức dân bầu. Ngày 14 tháng 5 năm 1946, *Bộ trưởng bộ Nội vụ duyệt y việc chia địa giới khu vực nội thành, thành phố Hà Nội thành 7 khu vực hành chính:*

1 – Khu Trúc Bạch gồm có: các phố Thủ Khoa Huân, Hoàng Hoa Thám, Mai Xuân Thưởng (từ Phan Đình Phùng đến Quán Thánh), Hùng Vương (từ Phan Đình Phùng đến Quán Thánh), Đặng Tất, Nguyễn Biểu, Đặng Dung, Cửa Bắc, Yên Ninh, Hàng Bún, Lê Hữu Chính, Nguyễn Văn Trạch, Hòa Giai, làng Thụy Khê, đê Yên Phụ, (đến phố Hòa Giai), ngõ Trúc Bạch, phố Trúc Bạch, Nguyễn Thái Học, Xứ Nhu, Phạm Hồng Thái, Nguyễn Trường Tộ, Hàng Than (từ đê Yên Phụ đến Hòa Giai), Châu Long, Yên Thành, ngõ Hàng Bún, Quán Thánh (từ phố Nguyễn Văn Trạch giở lên), Phan Đình Phùng (từ phố Nguyễn Văn Trạch giở lên), toàn bộ khu Ngũ Xá, Phó Đức Chính, Trúc Lạc.

2 – Khu Đồng Xuân gồm có: các phố Quán Thánh (từ Nguyễn Văn Trạch đến Hàng Than), Phan Đình Phùng (từ Nguyễn Văn Trạch đến Hàng Cót), Hàng Than (từ Hòa Giai đến cầu Long Biên), Trần Nhật Duật (từ cầu Long Biên đến Hàng Chĩnh), Hồng Phúc, Thủ Khoa Trực, Hàng Dầu, Nguyễn Trí Phương (từ Cửa Đông đến Phan Đình Phùng), Lò Rèn, Hàng Cá, Ngõ Gạch, Phương Đình, Đào Duy Tử, (từ Hàng Buồm đến Hàng Chiếu), Hồng Thái, Thanh Hà, Hàng Đường, Khúc Hạo, Cổng Đục, Hàng Gà (từ Hàng Vải đến Hàng Mã), Hàng Đồng, Hàng Rươi, Thuốc Bắc, Chả Cá, Hàng Cót, Hàng Chai, Hàng Mã, Hàng Chiếu, Hàng Lược, sông Tô Lịch, phố chợ Đồng Xuân, Hàng Giấy, Tán Thuật (từ Hàng Buồm đến Hàng Khoai), Hai Hiên, Nguyễn Mậu Kiến, Phùng Hưng (từ Hàng Vải đến Phan Đình Phùng).

3 - Khu Thăng Long gồm có: các phố Hùng Vương (từ Phan Châu Trinh đến Phan Đình Phùng), Cao Thắng, Hoàng Diệu (từ Phan Châu Trinh đến Phan Đình Phùng), Hàng Lọng (từ Phan Châu Trinh đến Dân Chủ Cộng Hòa), Lê Cảnh Tuân, Tự Do, Nhâm Diên, Tích Quang, Tôn Trung Sơn, Tôn Thất Thuyết (từ Tống Duy Tân đến Nguyễn Tri Phương), Cao Bá Quát, Ông Ích Khiêm, Lê Trực, Hàm Nghi, Sơn Tây (từ phố Ông Ích Khiêm đến chợ Kim Mã), Tống Duy Tân (cả phố Song Mai đến đường Cát Linh), Hạnh Phúc, Dân Quyền, Một Cột, đường Nhân Quyền, Dân Chủ Cộng Hòa, Hàm Nghi, Phan Chu Trinh (từ Cửa Nam đến Kim Mã). Kiêm thuộc khu Thăng Long có: Xuân Biểu, Vạn Phúc, Kim Mã, đường Sơn Tây (từ Tống Duy Tân đến chùa Kim Mã; cả 3 nơi chỉ lấy hai bên mặt phố), đoạn phố Đội Cấn (trong phạm vi phường Ngọc Hà).

4 - Khu Đông Thành gồm có: các phố Cửa Đông, Hàng Điếu, ngõ Nhà Hỏa, Hàng Gà (từ Hàng Vải đến Hàng Mã), Bát Đàn, Hàng Thiếc, Hàng Cân, Phùng Hưng (từ Hàng Đồng đến Hàng Vải), Đường Thành, Hà Trung, Bùi Bá Kỷ, ngõ Tạm Thương, ngõ Hàng Chỉ, ngõ Trạm Mới, Hàng Da, Tố Tịch, Bát Sứ, Hàng Vải, Hàng Phèn, Hàng Bồ, Hàng Bút, ngõ Hàng Bút, Lương Văn Can (từ Hàng Gai đến Hàng Bồ), Hàng Nón, Hàng Quạt, Phạm Phú Thứ, Phan Thanh, Cấm Chỉ, ngõ Yên Thái, Hàng Mành, Hàng Hòm, Tôn Thất Thuyết (từ Nguyễn Tri Phương đến Phùng Hưng).

5 - Khu Đông Kinh Nghĩa Thục gồm có: các phố Hàng Đào, Hàng Ngang, Tân Thuật (từ Hàng Buồm đến Hàng Bạc), Hàng Tre, Bắc Ninh, Trần Nhật Duật (từ Hàng Chĩnh đến Nguyễn Trãi), Hàng Mắm, Cầu Gỗ, Bình Chuẩn, Trần Cao Vân, Hàng Bè, Tạ Hiện, Ngô Văn Sở, Đào Duy Từ (từ Lương Ngọc Quyến đến Hàng Buồm), Mã Mây, Lương Ngọc Quyến, Hàng Chỉ, Hàng Muối, Hàng Bạc, Lê Ninh, Gia Ngư, Bạch Thái Bưởi, Nguyễn Trãi, Hàng Dầu (từ Nguyễn Trãi đến Cầu Gỗ), các ngõ Hải Tượng, Phất Lộc, Trung Yên.

6 - Khu Hoàn Kiếm gồm có: các phố Hàng Bông (từ Hàng Trống đến Dân Chủ Cộng Hòa), Hàng Gai, Lê Thái Tổ, Phan Thanh Giản,

Nguyễn Thành Hiên, Trương Công Định, Gia Định, Hàng Vôi, Quán Sứ (từ Tràng Thi đến Hàng Bông), Chân Cầm, ngõ Thọ Xương, Nhà Chung, Bảo Khánh, Quang Trung (từ Tràng Tiền đến Nhà Chung), Trần Quang Khải (từ Nguyễn Trãi đến Đồn Thủy), Hàng Dầu (từ Lê Thái Tổ đến Nguyễn Trãi), Trần Nguyên Hãn, Lê Lai, Lục Tỉnh, Lê Thạch, Tô Hiến Thành, Lý Thái Tổ, ngõ Hội Vũ, Nguyễn Đình Chiểu, Ngõ Huyện, Nguyễn My, Lý Quốc Sư, Hàng Trống, ngõ Hàng Hành, Ngô Quyền (từ Tràng Tiền đến Hàng Vôi).

7 – Khu Văn Miếu gồm có: các phố Lê Như Hổ, Bảo Anh, Phan Như Tiến, Phạm Lập Trân, Phùng Hưng, (từ Cát Linh đến Phan Chu Trinh), Bích Câu, Sĩ Nhiếp, Đinh Tiên Hoàng, ngõ Thanh Miếu, Bùi Huy Bích, Trạng Bùng, Quốc Tử Giám, Cát Linh, Đoàn Thị Điểm, Trương Vĩnh Ký, Mạc Đĩnh Chi, Hàng Bột (từ Trương Vĩnh Ký đến Phan Chu Trinh), Đặng Trần Côn, Chu Văn An, Ngô Sĩ Liên, Nguyễn Công Trứ, ngõ Nguyễn Công Trứ, ngõ Ngô Sĩ Liên, Tế Sinh. Sáp nhập các làng Văn Chương, Linh Quang, hai bên dãy phố Hàng Bột và Khâm Thiên, ngõ chợ Khâm Thiên (đến hết chợ).

8 – Khu Quán Sứ gồm có: các phố Đình Ngang, Hàng Bông, Cửa Nam, Tràng Thi (từ Dân Chủ Cộng Hòa đến Quang Trung), Bà Trưng (từ Hàng Long đến Quang Trung), Nam Ngư, Lý Thường Kiệt (từ Hàng Long đến Quang Trung), Phan Bội Châu, khu Tức Mặc, Yết Kiêu, Trần Bình Trọng (từ Trần Nhân Tông đến Trần Hưng Đạo), Quán Sứ (từ Trần Hưng Đạo đến Tràng Tiền), Hoa Lư, Thợ Nhuộm (từ Hàng Bông đến Quang Trung), khu Hàng Cỏ, khu Kiếp Bạc, Trần Quốc Toản (từ Hàng Long đến Quang Trung), Ôn Như Hầu, Đỗ Quyên, Trần Quý Cáp, Đặng Đình Nhân, Nguyễn Thượng Hiền, Huấn Quyền, Tông Đản, Thi Sách, Lê Chân, Nguyễn Huy Tự, khu Hạ Hồi, Quang Trung (từ Nguyễn Du đến Tràng Tiền).

9 – Khu Đại Học gồm có: các phố Tràng Thi (từ Quang Trung đến Mai Hắc Đế), Hàng Khay, Tràng Tiền, Đồn Thủy, Bà Trưng (từ Quang Trung đến Lê Thánh Tông), Lý Thường Kiệt (từ Quang Trung đến Lê Thánh Tông), Trần Hưng Đạo (từ Quang Trung đến Lê

Thánh Tông), Thợ Nhuộm (từ Quang Trung đến Mai Hắc Đế), Khuông Việt, Hàm Long, Trần Quốc Toản (từ Quang Trung đến Duy Tân), Trương Hán Siêu, ngõ Tràng Tiền, Phạm Sư Mạnh, Vọng Đức, khu Cổ Am, Nguyễn Chế Nghĩa, khu Nghĩa Lộ, ngõ Bạch Vân, Lê Thánh Tông, Đặng Thái Thân, Phạm Ngũ Lão, Trần Khánh Dư (từ Đồn Thủy đến Trần Hưng Đạo), Chu Mạnh Trinh, Mai Hắc Đế, Triệu Quang Phục, Ngô Quyền (từ Hàm Long đến Tràng Tiền), Yên Đổ, Trạng Trình, Hàn Thuyên, Phan Huy Chú.

10 – Khu Bảy Mẫu gồm có: các phố Hồ Xuân Hương, Trần Nhân Tông, Thái Phiên, Tô Hiệu, Kỳ Con, Đội Cung, Đại Cồ Việt (từ Hàng Lọng đến Duy Tân), Trần Quốc Đạt, Trần Bình Trọng (từ Trần Nhân Tông giở xuống), Quang Trung (từ Trần Nhân Tông đến Đại Cồ Việt), Bùi Thị Xuân (từ Trần Nhân Tông đến Đại Cồ Việt), Trần Phú, Bà Triệu, Minh Khai, Bùi Quang Trinh, Lê Bình, Lê Đại Hành, khu Nam Nghĩa.

11 – Khu Chợ Hôm gồm có: các phố Duy Tân, Đô Lương, Phù Đổng, khu Vân Thân, Yên Bái, Kinh Dương Vương, Hòa Mã, ngõ Hòa Mã, Văn Lang, Lạc Long Quân, khu Thiên Trường, Lữ Gia, Thái Nguyên, Lê Văn Hưu, Trần Thánh Tông, Yersin (từ Duy Tân đến Lò Đúc), Giải Phóng, chùa Vua, ngõ Duy Tân, Tân Trào, ngõ Tân Trào.

12 – Khu Lò Đúc gồm có: các phố Lò Đúc, Lê Quý Đôn, Hồng Đức, Tăng Bạt Hổ, Nguyễn Trung Ngạn, Phạm Đình Hổ, Yersin (từ Lò Đúc đến Trần Khánh Dư), Trần Khánh Dư (từ Trần Hưng Đạo đến Ấu Triệu), Hàng Khoai, Lãn Ông, Nguyễn Thị Bình, sáp nhập làng Lãng Yên (trừ bãi ngoài đê).

13 – Khu Hồng Hà gồm có: các khu Nghĩa Dũng, Tân Ấp, Phúc Xá Hạ, Văn Thủy.

14 – Khu Long Biên gồm có: Khu Phúc Tân cũ (từ cầu Long Biên đến phố Phan Thanh Giản thẳng ra lộ bờ sông), bãi Cơ Xá (từ đầu Phan Thanh Giản đến Vạn Kiếp).

15 – Khu Đồng Nhân gồm có: khu Đồng Nhân, bãi Lạc Chung, Thanh Lương, sáp nhập làng Yên Sở.

16 – Khu Vạn Thái: Hàng Vạn.

17 – Khu Bạch Mai (cửa ngoại thành nhập vào nội thành) gồm có: phố Nam Bộ (Bạch Mai cũ), làng Bạch Mai.

Như vậy, tổng số khu *nội thành* thành phố *Hà Nội từ tháng 5 năm 1946 có 331 đơn vị hành chính cấp xã, phường.*

Mười một ngày sau, ngày 26 tháng 5 năm 1946 bộ Nội vụ lại duyệt y biên bản chia khu vực ngoại thành thành phố Hà Nội bao gồm 5 khu:

1 – Khu Lãng Bạc gồm có 23 làng: Cáo Đỉnh, Liên Ngạc, Nghi Tàm, Ngọc Xuyên, Nội Châu, Nhật Tân, Nhật Tảo, Phú Xá, Phú Gia, Quảng Bá, Quán La, Quán La Sở, Tam Lạc, Tây Hồ, Tàm Xá, Thượng Thụy, Từ Châu, Vạn Ngọc, Vạn Đâu, Xuân Tảo, Xuân Tảo Sở, Yên Phụ, Phúc Xá.

2 – Khu Đại La gồm có 31 làng: Bái Ân, Trúc Sài, Võng, Thị, Cống Vị, Cổ Nhuế Hoàng, Dịch Vọng Hậu, Dịch Vọng Sở, Dịch Vọng Trung, Dịch Vọng Tiền, Đại Yên, Đoài Môn, Đông Xã, Giảng Võ, Hữu Tiệp, Hạ Yên Quyết, Tiền Môn, Hồ Khẩu, Kim Mã, Liễu Giai, Mai Dịch, Mễ Trì, Ngọc Hà, Ngọc Khánh, Nghĩa Đô Thượng, Nghĩa Đô Hạ, Thủ Lệ, Vạn Phúc, Yên Hòa, Yên Thái, An Thọ, Vĩnh Phúc.

3 – Khu Đống Đa gồm 28 làng: Chính Kinh, Cự Lộc, Định Công, Giáp Nhất (trước thuộc Khương Đình), Hạ Đình, Hòa Mục, Khương Thượng, Khương Trung, Khương Hạ, Kim Lũ, Kim Giang, Kim Văn, Mỹ Đức, Nhượng Công, Ngã Tư Sở, Nam Đồng, Phương Liệt, Quan Nhân, Trung Kính, Thượng Đình, Thịnh Quang, Thái Hà, Trung Tự, Trung Phụng, Thổ Quan, Thịnh Hào, Xã Đàn, Yên Lãng.

4 – Khu Để Thám gồm 13 làng: Đại Từ, Định Công Hạ, Giáp Nhất, Giáp Nhị, Giáp Tứ, Giáp Lục, Giáp Bát, Hoàng Mai Đông, Hoàng Mai Đoài, Tương Mai, Mai Động, Phương Liệt, Quỳnh Lôi.

5 – Khu Mê Linh gồm 11 làng: Khuyến Lương, Lạc Trung, Nam Dư Thượng, Nam Dư Hạ, Sở Thượng, Thanh Lương, Thanh Trì, Thúy Lĩnh, Vĩnh Tuy, Yên Duyên, Yên Lương.

Tổng số đơn vị hành chính của khu vực ngoại thành Hà Nội từ tháng 6 năm 1946 là 106 làng xã.

Trải qua 30 năm, miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục đấu tranh thống nhất cả nước hướng về thủ đô Hà Nội cùng chung một ý chí giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Cho đến năm 1975, khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, địa danh Hà Nội cũng có nhiều thay đổi từ tên phố phường đến các làng xã ngoại thành.

Sự thay đổi đó không chỉ biểu hiện ở tên địa danh mà nhiều khi còn có sự thay đổi cả về chu vi, diện tích trên từng tấc đất do nhu cầu xây dựng và tốc độ phát triển. Trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, do nhu cầu củng cố và phát triển kinh tế – văn hóa, địa danh Hà Nội cũng còn khá nhiều đổi thay lớn. Nghị quyết kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa 4 ngày 20 tháng 4 năm 1961 về việc mở rộng thành phố Hà Nội, bao gồm sáp nhập thêm 18 xã, thôn và 1 thị trấn thuộc tỉnh Hà Đông; 29 xã và 1 thị trấn của tỉnh Bắc Ninh; 17 xã và nửa thôn (16 xã của huyện Đông Anh, xã Kim Chung của huyện Yên Lãng, nửa thôn Phủ Lỗ Đoài của huyện Kim Anh) của tỉnh Vĩnh Phúc; xã Văn Đức thuộc huyện Văn Giang tỉnh Hưng Yên[1]. Những lần tách, nhập khác chúng tôi tạm thời chấp nhận chưa khảo sát ở đây để có dịp bổ sung sau. Song để có những địa danh có thể liên quan trực tiếp đến hương ước Hà Nội trước năm 1945; tạm thời dừng lại ở thời điểm năm 1961, ta biết tổng số làng xã ở nội thành có 331 đơn vị và ngoại thành có 172 đơn vị hành chính nhỏ nhất thuộc Hà Nội.

---

[1] Từ những tài liệu thống kê địa danh trên đây, bạn đọc muốn so sánh chi tiết thì tìm đọc: - *Bảng đối chiếu tên phố cũ và tên phố hiện tại* trong sách *Lược sử tên phố Hà Nội* của Lê Thước – Vũ Tuân Sán – Vũ Văn Tỉnh – Trần Huy Bá – Nguyễn Văn Minh, do sở VHTT Hà Nội xuất bản năm 1964.

- Bùi Thiết, *Từ điển Hà Nội địa danh*, N.x.b. VHTT, H, 1993.

- Bùi Thiết, *Làng xã ngoại thành Hà Nội*, N.x.b Hà Nội,1985.

Với mục đích góp phần khôi phục phần nào diện mạo văn hóa Hà Nội xưa, chúng tôi đã sưu tập và chỉnh lý hầu hết các bản hương ước của các xã, phường, phủ, huyện thuộc phạm vi Hà Nội đến trước ngày 1 tháng 8 năm 2008. Toàn bộ tỉnh Hà Tây cũ và một số xã mới sáp nhập vào Hà Nội thì đã có các văn bản hương ước được ấn hành, đáng kể nhất là tập *Hương ước cổ Hà Tây*[1]. Không hẳn tất cả các làng xã ở Hà Nội cũng đều để lại hương ước, nên bước đầu bạn đọc hãy cùng chúng tôi kiểm kê xem mức độ còn, mất của mảng di sản văn hóa quí báu này. Khá nhiều văn bản hương ước viết bằng chữ Hán đã bị thời gian hủy hoại, hoặc phần nào còn được lưu giữ đây đó trong dân gian, trong các kho sách Việt Nam và thế giới, hiện còn chờ thời gian tìm kiếm. Những dạng lưu truyền khác của hương ước hoặc là nội dung hương ước đã được trộn lẫn vào các vấn đề khác, đã khắc vào biển gỗ, lá đồng, bia đá. Trường hợp *ước thệ thôn Hữu Đạo* (1894) hiện còn ở xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ[2] ngày nay là một trong 6 tấm bia mới tìm được.

Hơn chục bản hương ước Hà Nội bằng chữ Hán Nôm sưu tập được trong sách này, có một số bản chúng tôi được thừa hưởng thành tựu của đồng nghiệp, còn lại là các văn bản mới được sưu tầm và tạm dịch. Hy vọng trong tương lai, chúng tôi tiếp tục tìm được những văn bản khác, nhờ sự hỗ trợ của bạn đọc. Các văn bản hương ước cải lương hình thành từ những năm đầu thế kỷ XX, lưu giữ ở thư viện Viện Thông tin khoa học xã hội là thành tựu sưu tầm từ năm 1990, chủ yếu là dạng viết tay, do các quan chức địa phương ở cấp làng xã biên soạn. Tuy có sự hướng dẫn cách thảo bản của chính quyền Trung ương, nhưng xem lại các bản hương ước, rõ ràng giữa văn bản hướng dẫn và kết quả thực tế là có sự khác biệt bởi tính cụ thể của từng làng xã. Về hình thức với các chương mục có thể nhận thấy sự giống nhau về cơ bản, song nội dung hương ước ở những mục địa

---

[1] *Hương ước cổ Hà Tây*, Sở VHTT Hà Tây, 1993.

[2] *Chương Mỹ xưa và nay*, Sở VHTT Hà Tây, 2003.

giới, phong tục, thờ cúng thành hoàng làng... thì mỗi làng một khác, biểu hiện những bóng dáng lịch sử đa dạng của cư dân Việt.

Hương ước là một loại hình văn bản văn hóa dân gian được hình thành trong quá trình hình thành và phát triển lâu dài của cộng đồng tộc người Việt ở Việt Nam. Đối với các bản hương ước cổ, mỗi văn bản hương ước ra đời thực chất là sự chắt lọc những ý kiến đóng góp trí tuệ của các bô lão, các chức sắc trong tổ chức làng xã cổ truyền. Đó là di sản văn hóa dân gian vô cùng quý báu, giữ vai trò trọng yếu trong việc giữ gìn kỷ cương xã tắc, hướng thiện cho đông đảo các tầng lớp nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa, ổn định tư tưởng để làm ăn, phấn đấu xây dựng một nền kinh tế phồn thịnh. Đó cũng là văn bản cơ sở in đậm dấu ấn pháp lý sơ khởi mà các hình thức tổ chức nhà nước phong kiến Việt Nam đã để mất đến.

Theo *Lệnh ban bố* của vua Lê Thánh Tông ngày 20 tháng Tư năm Hồng Đức thứ 7, ở điều 6 "Nhất cấm dân tục thiết lập tư ước" (一禁民俗設立私約) thì chắc chắn là trước thời điểm 1471 trong cộng đồng làng xã người Việt đã tồn tại các dạng khác nhau của hương ước. Có thực tế đó nên khi lập lại kỷ cương, giáo hóa dân và nhất là khi triều đình đã và đang xây dựng bộ *Quốc triều hình luật* (國朝刑律) Lê Thánh Tông mới viết: "Nếu làng xã nào có những tục khác lạ lập ra khoán ước và cấm lệ, ắt phải nhờ viên chức nho giả, người nào đứng tuổi, có đức hạnh ngay thẳng, mới có thể tuân hành. Khi đã lập ra khoán lệ rồi, phải trình lên quan chức, các nha môn xem xét rõ các điều lệ có nên theo, sẽ phê chuẩn cho mà thừa hành. Nếu thấy trong khoán ước có điều thiên tư gian tà thì phê chữ "bác", để cho khỏi sinh những gian mưu. Nếu người nào không dự vào việc lập ước ấy, mà tụ họp riêng, thì cho phép xã quan tố cáo lên nha môn để trị tội, để bỏ tệ tục, lấp hẳn sự cường hào tiếm đoạt. Các nhà chức trách không thể dung thứ"[1]. Hơn nữa, "phép vua" thì ngay từ thời nhà Triệu đã thể

[1] *Hồng Đức thiện chính thư*, Nam Hà ấn quán, Sài Gòn, 1959.

theo luật nhà Hán mà sử dụng hình phạt cắt mũi, thích chữ vào mặt người phạm tội. Nhà Đinh có hình phạt bằng vạc dầu và hổ dữ. Thời tiền Lê thì xẻo thịt, băm xương. Thời Lý có *Hình thư* (形書), thời Trần có *Hoàng triều đại điển* 皇朝大典)... còn "lệ làng" thì không thể thiếu những qui ước cụ thể mà hầu như tất cả không có điều gì trái với luật, do triều chính ban hành. Câu thành ngữ "*Phép vua thua lệ làng*" chỉ mang tính ngoa dụ ước lệ trong dân gian, chứ không phải là khẩu hiệu chống đối hay sự thách đố mà chỉ là cách bộc lộ thái độ mềm dẻo thể hiện ý nguyện của người dân với giai cấp thống trị. Là ước lệ dân gian được áp dụng vào đời sống sinh hoạt cụ thể ở từng làng xã nhằm củng cố tinh thần tự hào dân tộc, xây dựng nếp sống an ninh trật tự trong cộng đồng, khẳng định lại những giá trị văn hóa của đời trước, đề cao thành tựu lao động sản xuất được thể hiện dưới hình thức tín ngưỡng thành hoàng. Lễ vật dâng cúng từ hạt ngũ cốc đến thịt gia súc, gia cầm... được chế biến tinh xảo tự nói lên điều đó. Những hình thức diễn xướng trong tổ chức lễ hội dân gian vừa là giữ lại vừa là cách truyền dạy trực tiếp cho các thế hệ sau truyền thống thượng võ, trọng văn, yêu chuộng hòa bình của dân tộc.

Lê Thánh Tông đã đặt nền tảng pháp lý cho xã hội Đại Việt từ nửa sau thế kỷ XV. Trải qua các thế kỷ XVI, XVII, XVIII và đến đầu thế kỷ XIX, khi bộ *Hoàng Việt luật lệ* (皇越律例) ra đời thời Gia Long và ban hành năm 1813 thì dường như diện mạo hương ước không thay đổi nhiều, trừ việc chỉnh lý sai sót qua kiểm nghiệm thực tế. Điều đó cũng nói lên tính bền vững trong tổ chức làng xã cổ truyền của người Việt. Chẳng hạn trong *Kim Ngân đình sự lệ* biên soạn bằng chữ Hán Nôm năm 1784, được bổ sung năm 1843 đã chỉ rõ: "Thường nghe, triều đình có phép tắc của triều đình, làng xóm có lệ của làng xóm; huống hồ phố ta vốn có nghề riêng là của báu quốc gia. Nếu không có khoán lệ ràng buộc thì lấy gì kết cấu lòng người. Nhân đó *tham chước cổ lệ mà định cách thức mới*"[1]. Đây là một

[1] Đinh Khắc Thuân – Chủ biên, *Tục lệ cổ truyền làng xã Việt Nam*, N.x.b KHXH, H, 2006.

dạng hương ước Hà Nội căn cứ vào một văn bản có sẵn từ cuối thế kỷ XVIII được gìn giữ đến giữa thế kỷ XIX, trải 60 năm vẫn được bảo lưu trọn vẹn và các quan viên, những bậc cao niên vẫn cùng bàn luận với cư dân làng xóm để áp dụng trong quan hệ làng xã, dù có "đính cách thức mới", cũng không mấy điều thay đổi lớn.

Việc cải biên hương ước ở Hà Nội diễn ra đồng thời với tình hình chung của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ đồng đại hoặc chỉ thay đổi bổ sung một số điều cho phù hợp với giai đoạn đương đại.

Biết chắc khó có thể dùng bạo lực để phá vỡ cơ cấu tổ chức làng Việt cổ truyền, thực dân Pháp phải tiếp tục để dân chúng duy trì hương ước, nhưng có những sửa chữa theo yêu cầu cai trị của chúng. Xem ra, hầu như bất cứ bản hương ước cải lương nào cũng chỉ có vài lời lấy lệ theo cách ứng xử văn hóa của người Việt, chứ nội dung cơ bản nào có "cải lương" theo ý "các quan nước mẹ".

Rất nhiều bản hương ước chép ở phần mở đầu *Chủ ý cải lương* là "Khoán ước của làng lưu truyền từ xưa hoặc chỉ có *khẩu truyền mà không có văn, hoặc có minh văn mà không có văn minh, hoặc có minh văn mà không hợp thời thế*... nên cải lương suy xét hiện tình thời nay, so sánh với khoán lệ thuở trước điều nào hại thì đổi, điều nào lợi thì thời theo mục đích, làm cho gia tộc được thịnh giầu, dân làng có sau sẽ theo chương trình tiến hóa mà cải bổ thêm."[1] Chắc rằng đây là theo mẫu hướng dẫn của bộ máy cai trị phong kiến. Và "Trong hơn 20 năm, từ những năm cuối cùng của thế kỷ XIX đến những năm đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp vẫn giữ nguyên cơ cấu tổ chức làng Việt, biến nó thành công cụ đàn áp, bóc lột nhân dân"[2]. Nặn ra hội đồng tộc biểu và đưa họ vào hàng ngũ quan lại địa phương, thực dân Pháp hòng lôi kéo, giật dây họ theo ý đồ của mình, nhưng kết quả thực tế diễn ra lại trái ngược, tinh thần cơ bản của hương ước vẫn nêu cao tinh tự hào dân tộc, giữ vững lề luật

[1] *Hương ước làng Thịnh Quang* – Kí hiệu *Hu 564*, thư viện Viện TTKHXH.
[2] Bùi Xuân Đính, *Hương ước và quản lý làng xã*, N.x.b KHXH, H, 1998.

truyền thống dân chủ của làng xã, hướng dẫn mọi thành viên trong cộng đồng thực hiện nếp sống có văn hóa; lao động, học tập và giữ gìn kỷ cương phép nước được qui định cụ thể mà không đi quá xa so với các văn bản hoặc là lời giao ước cũ.

Có nhiều trường hợp các dạng thức của hương ước thể hiện điều đó. Khoán ước xã Tu Hoàng lập bản năm 1785, trải qua 100 năm có sửa chữa, bổ sung 8 lần, lần cuối cùng có ghi rõ: "Khoán ước lập ngày 21 tháng 5 năm Đồng Khánh nguyên niên (1886)" và "*Ngày 10 tháng Giêng năm Duy Tân 10 (1907),* lý trưởng Nguyễn Văn Tạo xã Tu Hoàng kính sao khoán ước điều lệ của bản xã". Sao lại bản khoán ước năm 1811 "lý trưởng xã Tu Hoàng đi vắng, kỳ mục kiêm chủ tế Nguyễn Văn Lạp ký thay"; ghi là ngày 20 tháng 12 năm 1915. Viết điều lệ chống tham ô trong hàng ngũ xã quan khoán ước này chỉ rõ: "Ngày 10 tháng 8 năm Thiệu Trị thứ 3 (1843), hương lão xã Tu Hoàng cùng nhau hội họp lập điều lệ vì bản xã từ trước tới nay người dân phần nhiều có thói cấu kết bè đảng, tự biện bản chức dịch của thôn để lấy tiền tiêu riêng, không cho hương lão cùng biết. Đó là thói xấu của phong tục giáo hoá, bởi người già nên nghỉ ngơi. Thiết nghĩ rằng: Nếu cứ theo tục cũ thì càng ngày càng lan ra, sợ tổn thương đến phong tục giáo hoá. Vì vậy, cùng nhau hội họp lập ra điều lệ rằng: Từ nay về sau hễ viên lý trưởng hoặc quan dịch nào, hoặc có chiếu bổ, hoặc mua việc gì thì lý trưởng có lời với hương lão, thượng bản sai tích phu đánh mõ 1 hồi 6 tiếng, hương lão cùng đến ở đình tham gia xem xét phải trái, đúng là mua việc gì, cùng thỏa thuận ký tên điểm chỉ mới được. Số tiền tiêu việc gì hết thì xin dân xét để biết đủ, thiếu cho thoả lòng dân. Nếu người nào theo thói cũ tự tiện mua việc gì thì trình lên để phạt không tha thứ. Hoặc viên hương lão nào quen thói cùng với lý trưởng ba bốn người dựa vào hương lão tự tiện bán việc gì thì phạt 1 quan 2 mạch tiền nay lệ". Đề cập đến những khoản chi tiêu cần thiết trong phạm vi một tập thể cộng đồng làng xã, để đảm bảo tính dân chủ, gây dựng và giữ vững uy tín lâu dài của cộng đồng làng xã, *Hương lệ xã Thượng Cát* (1854) ghi lại: "Làng có lệ cũng như nước

có luật. Nước có luật là để giữ yên nước, làng có lệ để chỉnh đốn phong tục, nên không thể thiếu được. Từ khi có làng ta đến nay, các viên quan, hôn, tang, tế kính biếu chúc mừng hay có sự lạm vượt, tuy đã từng được sửa đổi nhưng giảm được cái này thì lại tăng cái kia, vẫn theo như cũ, trong đó chứa cả những cái tệ hại.

Nay các kỳ mục trong làng cùng nhau sửa sang các điều thường gặp. Từ đây trở đi chiếu theo khoản lệ, ai dám vi phạm sẽ bị phạt nặng".

Với mục đích chỉ hướng luôn chú trọng vào việc mở mang dân trí, đó là việc cổ vũ động viên những thành viên trong cộng đồng có công ra sức học hành, thi cử đỗ đạt cao; *Văn hội ước lệ phường Hồng Mai - Đông Tác* viết khoảng cuối thời Minh Mạng có đoạn: "Tiền lưu trữ ở viên chính câu đương, dùng vào việc chung, còn như bản hội mừng trúng tiến sĩ: mừng một trướng văn (thay tiền 5 quan, giao cho người mới trúng tự biện các khoản nhưng phải để chữ: "Văn hội huyện Thọ Xương đồng hạ").

Trúng phó bảng mừng một trướng thơ, thêm một câu đối (có thể thay bằng 3 quan tiền giao cho như trên).

Trúng cử nhân thì một trướng thơ (thay bằng 2 quan tiền giao cho như trên).

Trúng tú tài một thiếp (thay bằng 1 quan tiền giao cho như trên).

Văn, thơ, đối, thiếp: câu đương lệ viên đều trình lên hội trưởng, giao cho bản hội cùng nghĩ soạn, đến ngày tế tựu, viên chính câu đương hoặc phó viên đính chính, sao chép lại, dùng giấy dầu mẫu viết, đồng thời kiểm lại số tiền thể để mang đến mừng cùng. (Tiền thể lấy ở công quĩ chi dùng). Duy học sinh trúng cử nhân tú tài, sau khi ra bảng nên đem 50 khẩu giầu do chính phó câu đương dẫn trình với bản hội trước là để tán yết sau là để chúc mừng". *Khoán lệ phường Xã Đàn tổng Vĩnh An huyện Hoàn Long*[1], (Nay thuộc quận Đống Đa) lập năm Thành Thái thứ 12 khẳng định:

---

[1] *Ký hiệu: AF a 2/35*, thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

- "Triều đình bổ dụng quan tước, làng xóm coi chuộng tuổi tác, trước bổ dụng theo thi cử, tiếp sau bổ dụng theo chức sắc. Văn thi từ tú tài giở lên, võ thi từ ngũ phẩm giở lên. Nếu người vào dâng lễ chính chưa có hàm văn võ thì lấy theo tuổi tác. Nếu đang mắc đi xa thì người sau sẽ tiếp nối.

- Người đậu tiến sĩ được tặng bức trướng mừng, trong đó có lụa thêu đỏ 2 vuông, hai bên dùng lụa màu vàng thêu nổi câu đối, cùng cau, rượu. Đến ngày mừng vinh quy, mọi người trên dưới chỉnh tề đầy đủ theo nghi lễ tế thần của mình vái lạy, đón ân trên. Rồi tuân mệnh đến đình yết thần. Việc xong lại rước về từ đường họ mình.

Mừng người trúng phó bảng dùng lụa đỏ 2 vuông, thêu thơ văn, cùng cau, rượu.

Mừng người trúng cử nhân, dùng lụa đỏ 2 vuông và cau rượu.

Mừng người đỗ tú tài, vải Tây dương một cuộn cùng cau, rượu. Làm vậy để tôn trọng đạo lý, để chấn hưng văn phong.

- Với người thăng, nhậm quan tước từ tứ phẩm giở lên, mừng cau, rượu, chi tiền 3 xâu; từ ngũ phẩm đến thất phẩm mừng cau, rượu, chi tiền 2 xâu; bát cửu phẩm mừng cau, rượu, chi tiền 1 xâu. Làm vậy để đề cao văn phong quý hiển.

- Mâm lão làng có ai lên tuổi thọ 60, 70; năm ấy việc tế xuân, thu đã xong thì mừng thọ, lụa đỏ 10 vuông, giấu không 100 lá, rượu 1 vò, sắp đủ đến nhà ông lão thọ chúc mừng. Nếu có cụ thọ 80, 90, 100 tuổi thì lễ mừng có giấu không, rượu cũng vậy, chỉ có lụa đỏ 20 vuông để đề cao phong tục trọng tuổi tác".

Mặc dù câu thành ngữ *Hương đảng trọng xỉ* đã thấm nhuần sâu sắc trong nhận thức người Việt mà lại là người Việt ở chốn kinh thành, nhưng sau lời "phi lộ" của đoạn văn: "Triều đình bổ dụng quan tước, làng xóm coi chuộng tuổi tác, trước bổ dụng theo thi cử, tiếp sau bổ dụng theo chức sắc. Văn thi từ tú tài giở lên, võ thi từ ngũ phẩm giở lên", khoản lệ phường Xã Đàn vẫn xếp việc giáo dục thi cử vào khoản chú trọng trước cả khoản quan chức, rồi

mới đến khoản "trọng xỉ". Đó là nhận thức văn hóa gần như quán xuyến trong các bản khoán ước, sự lệ, tục lệ, hương ước... của người Hà Nội xưa. Và ngay ở mục qui ước về việc đối đãi với người thi đỗ - dường như là lần đầu tuyên dương công trạng của một thành viên trong cộng đồng mới được ghi danh bảng vàng trong sự nghiệp phục vụ nhân dân của họ – rồi họ sẽ đảm đương gánh vác những trọng trách khác nhau trong công cuộc bảo vệ, dựng xây đất nước. Đơn vị hành chính nhỏ nhất ở cấp làng, xã, phường, trại... tôn vinh họ theo lệnh vua phép nước xuất phát từ niềm tự hào chính đáng, vì sau khi thi đỗ dù ở cương vị quan chức nào, họ vẫn là những người con yêu qui của quê hương.

Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam rất coi trọng việc học hành, thi cử. Bất cứ ai đạt thành tựu đỗ cao nhất là tiến sĩ ở 3 bậc thi ông nghè tân khoa được vua ban áo mũ, võng lọng về quê vinh qui bái tổ, bổ nhiệm quan chức, vẫn còn đậm nét trong tâm thức mọi người. Dấu ấn quan trọng ấy không chỉ "vua biết mặt, chúa biết tên" loa truyền tên tuổi, xóm làng huyện tổng trở thành đất danh hương, bảng vàng treo, bia đá khắc ghi mà lợi khí "nghìn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ" cũng được văn hóa dân gian lưu truyền:

Mùng nay Nho sĩ có tài
Bút nghiên dóng dả dùi mài thi thơ
Rõ ràng nên dáng học trò
Công danh hai chữ, trời cho dần dần
Tình cờ chiếm được bảng xuân
Ấy là phú quý đẩy sân quế hòe
Một mai ông cống ông nghè
Vinh qui bái tổ ngựa xe đầy đình
Bốn phương nức tiếng vang lừng
Ngao du bể Thánh, vẫy vùng rừng Nho
Quyền cao chức trọng trời cho
Bõ công đèn sách sớm khuya công dầy.
Vui nào bằng hội xướng danh
Nghề nào bằng nghiệp học hành là hơn.

Thế thì tâm lý làng xã Việt Nam xưa nhìn từ đất "kinh kỳ kẻ chợ" vẫn thấy hiển hiện những nét điển hình. Người nông dân lam lũ quanh năm với ruộng đồng, gồng gánh, tuy gian nan vất vả với mọi nẻo mưu sinh, nhưng hầu như ai cũng coi trọng, chăm lo đến việc học hành của con. Con khôn lớn trưởng thành sẽ là những thành viên trong xã hội cộng đồng. Thắt lưng buộc bụng với cảnh nghèo nàn lạc hậu nên họ luôn cố gắng vượt lên hoàn cảnh, luôn mơ ước một ngày mai có cuộc sống khấm khá hơn. Và con đường học để có tri thức hằng xuyên được quan tâm.

Song không phải bất cứ ai, bất cứ hoàn cảnh nào cứ muốn là được, dẫu sao có được sự động viên khuyến khích ngay từ lúc còn nhỏ tại quê hương, gia đình vẫn là thiết thực hơn cả:

Học trò đèn sách hôm mai
Ngày mai thi đỗ nên trai mới hào
Làm nên quan thấp, quan cao
Rồi mai lọng tía, võng đào nghênh ngang.

Lưu truyền bằng những mẩu chuyện giai thoại, bằng ca dao, tục ngữ dường như chưa đủ, đến mức khoán lệ phường Xã Đàn còn đưa thành điều qui ước "Người đậu tiến sĩ được tặng bức trướng mừng, trong đó có lụa thêu đỏ 2 vuông, hai bên dùng lụa màu vàng thêu nổi câu đối, cùng cau, rượu. Đến ngày *mừng vinh quy, mọi người trên dưới chỉnh tề đầy đủ theo nghi lễ tế thần cúi mình vái lạy, đón ân trên. Rồi tuân mệnh đến đình yết thần. Việc xong lại ruớc về từ đường họ mình*". Như thế, tưởng không còn phương cách nào hơn chứng tỏ người Việt rất trọng thị việc học, nhất là đối với những người được khẳng định tài năng. Vậy "phép vua" và "lệ làng" sao gọi là mâu thuẫn.

Tiếc rằng khoảng trên dưới 100 năm sau, cũng chính trường hợp hương ước của làng Xã Đàn theo xu thế cải lương đã không giữ lại được những nét tinh tế đó nữa. Ấy là chế độ thi cử Nho học mới bị bóp chết 15 năm trước, chữ Quốc ngữ cũng đang chịu sự đè nén của tiếng Pháp. Thế nhưng trong cùng hoàn cảnh o ép đó thì rất nhiều

bản hương ước của các làng khác vẫn giữ lại những cốt cách cơ bản cổ thời. *Hương ước làng Phúc Xá* tăng bổ năm 1931 vẫn quan tâm chu đáo đến việc trợ cấp học phí cho con em một cách cụ thể:

"Điều thứ 46 - Mỗi năm dân trả một món tiền trong sổ chi thu gọi là tiền học phí để cấp cho những thanh niên trong làng có khiếu thông minh xuất sắc mà có giấy của quan đốc nhà trường nhận thực nhưng nhà nghèo không thể đi học được, để cho theo học lên cao đẳng, hay là học công nghệ.

Tiền cấp thì định từ 3$,00 cho đến 6$,00 một tháng trong hạn 3 năm. Nếu người học trò nào hết hạn ba năm chưa học đến nơi mà quan đốc nhà trường cho học lại đảm bảo tốt thì có thể xin tái hạn được một lần nữa, mà nếu học vào khoa nào còn cần phải học thêm nữa mới thành tài thì phải đệ giấy trình sưu thuế để xét định.

Điều thứ 47 - Người học trò được tiền cấp của dân thì cha mẹ phải làm tờ cam kết khi thành tài đi làm được tiền thì phải bỏ một phần tư lương ra để giả dân cho kỳ hết số tiền học phí của dân đã cấp cho.

Điều thứ 48 - Những học trò ăn lương cấp nếu vì nỗi xấu phải đuổi hay nửa chừng bỏ học thì cha mẹ phải bồi tiền cấp lại cho dân.

Điều thứ 50 - Người trong dân ai muốn xin tiền cấp thì làm đơn trình sưu thuế nói xin bao nhiêu tiền và xin học nghề gì để hương hội xét thực đúng sẽ cấp cho.

Điều thứ 51 - Các điều hương tục tăng bổ ấy, sưu thuế đã y chuẩn trong kỳ hội đồng họp ngày 2 Séptmbre 1931 và hội đồng kỳ mục đã chuẩn y".

Lối sống thương mại đô thị đã có ảnh hưởng, làm cho tổ chức phường bị phân hóa bởi các chức sắc, quan lại cấp cơ sở. Hơn 10 năm trôi qua, chiếu bài hội đồng tộc biểu (còn gọi là hội đồng cải lương hương chính) do chính quyền đô hộ áp đặt từ năm 1921, thay cho hội đồng kỳ mục cùng với sách lược "cải cách" bộ máy quan chức địa phương, đã làm cho diện mạo hương ước mới "đẹp ý quan thầy". Ngay

cả "lý trưởng là trung gian giữa làng với nhà nước, có nhiệm vụ giữ con dấu, công văn, địa bạ, các chỉ thị của nhà nước, lo việc thu thuế, giữ gìn an ninh. Lý trưởng không có quyền tự ý quyết định việc làng, phải theo ý kiến chung của hội đồng tộc biểu".[1]

Ngân quĩ làng xã có đặt nguyên tắc chi tiêu thì vẫn là tiếp thu lệ cũ, nhưng nạn cho vay nặng lãi bắt đầu gieo mầm. Thực tiễn này cũng đẻ ra việc mua quan bán tước cấp thấp, vốn đã có trong xã hội phong kiến suy vong, nay được "hướng dẫn mới" của chính quyền thuộc địa tiếp sức. Với tình hình đó, hương ước năm 1933 của làng Xã Đàn thể hiện khá rõ:

"Điều thứ 125 - Khao vọng làng: Các ông đại khoa nộp 20,00 đồng, làng mừng một đôi câu đối gấm, trúng khoa cử nhân nộp 15,00 đồng, làng mừng đôi câu đối vóc, chánh phó lãnh binh tư tại nộp 10,00 đồng, làng mừng đôi câu đối dạ.

Những người có phẩm hàm cùng chánh phó quản xuất đội trưởng, chánh phó tổng, lý trưởng, phó lý, đều nộp 10,00 đồng, làng mừng đôi câu đối dạ, không phải làm tiệc mời làng nữa. Những người chưa có chân tư văn mà được phẩm hàm nếu muốn dự vào bàn tư văn thời phải nộp vào bàn 25,00 đồng còn khao vọng, thời cũng nộp theo như những người có phẩm hàm. Người nào muốn dự vào bàn tư văn, phải nộp 25,00 đồng. Nếu làng cần tiền để làm việc công thời bàn tư văn bán thứ vị là 30,00 đồng một ngôi".

Nội dung hương ước cải lương đã phá vỡ nếp cũ. Quan hệ kinh tế tuy còn giữ hình thức tự cấp nhưng cơ chế thị trường đã công khai mặc cả. Đọc lại những lời lẽ trong khoán ước cũ của chính phường Xã Đàn xưa, ta thấy các cụ suy nghĩ, xử thế còn mực thước dè dặt: "Trộm nghĩ đời xưa bậc thánh đế minh vương cai trị đều dùng lễ nghĩa để chỉnh đốn lòng dân, có đạo đức xếp đặt yên ổn hành vi của dân; chẳng việc gì vượt ra ngoài lễ, nhạc, hình, chính, quan, hôn, tang, tế để duy trì phong tục cho nên dạy lòng kính để có hiếu nơi thờ quỷ

[1] Bùi Xuân Đính, *Hương ước và quản lý làng xã*... S.đ.d.

thần, dạy lòng thuận để làm đầy đặn phong tục, dạy lòng hiếu để biết coi trọng nhân luân, dạy lòng đễ để biết phân biệt lớn nhỏ, làm cho điển chế đôn hậu mà luân lý thì có trước có sau; thận trọng suốt cuộc đời mà luôn ghi nhớ người đi trước; tất cả các điều này chẳng gì không lấy dân làm gốc. Dân ta ắt biết xét việc xưa để làm quy phạm, theo nếp học để yêu thương người, mau chóng gột rửa cái bỉ lậu của duyên tưởng tục trần; trong chốc lát quay trở lại phong tục thuần hậu của thời thái cổ. Chớ vì bần khó mà xiểm ninh, chớ vì giàu có mà kiêu căng, chớ để vẻ ngoài cung kính mà tâm cách xa, chớ để ban đầu thành nên mà cuối cùng lại nát hỏng. Dù là công hầu khanh tướng, sĩ nông công thương cũng đều từ làng quê mà ra cả. Nếu không nắm vững pháp luật, không có sự răn giới của lễ nghĩa thì bò cày lẫn đàn ngựa kỷ, mắt cá loạn lẫm ngọc châu; làm sao để phân biệt lớn nhỏ, lấy gì để định lập tôn ty. Cho nên dần dần đem lòng nhân để cọ mài, dùng lòng nhân nghĩa để khiến sai, cung kính tuổi già và hiền từ với trẻ, tiếp thu điều phải mà vứt bỏ cái sai, trên dưới hợp hòa thì muôn việc cùng thành. Như là người thờ thần thì có nơi trông cậy, thần nhờ người mà được hưởng tế tự. Muôn năm sau này có biến đổi sao! Cho nên việc ăn uống nơi làng xóm phải theo lễ để làm sáng tỏ nghi thức người trên người dưới, sách *Luận ngữ* có câu: nên ở nơi lòng nhân, phong tục thuần hậu.

Muốn làm phong tục trở nên đôn hậu, trước tiên ắt phải lập khoán ước để làm chuẩn mực cho muôn đời. Thể theo tâm lý tiểu nông, một khi "bầu trời riêng" trong làng xã bị vẩn đục, nếp sống kinh tế - văn hóa thường niên bị xáo trộn, thì phải chăng "phép vua" khi nhà Nguyễn đã trao chính quyền vào tay thực dân Pháp đô hộ thì không còn thiêng liêng như trước nữa. Chính phủ đô hộ muốn áp đặt chính sách mới vào tổ chức làng xã cổ truyền Việt Nam, chúng muốn được nhân gian đổ "rượu mới" vào "bình cũ" đâu phải chuyện dễ. Tương kế tựu kế, để chuẩn bị từng tư thế "ra đòn" chống lại ách áp bức, nhiều hương ước cải lương chỉ giả làm theo trên hình thức - thực chất chỉ đảo lại các nội dung – chứ không tuân thủ nghiêm nhặt

những yêu cầu do thực dân Pháp ban bố. Mâu thuẫn chỉ nảy sinh khi quyền độc lập dân tộc bị xâm phạm nghiêm trọng. Mất quyền tự do đồng thời người dân mất quyền tự chủ làng xã, mất quyền hưởng thụ văn hóa do chính tổ tiên mình gây dựng.

Nội dung chủ yếu thứ hai của hương ước Hà Nội là những tập tục nghi lễ thờ phụng thành hoàng làng. Thành hoàng làng của người Việt thường là những nhân thần có công gây dựng làng xóm buổi ban đầu, hoặc là người có công đánh giặc cứu nước, cứu vớt dân lành khi hoạn nạn khó khăn bởi thiên tai địch họa. Có thể nói, tục thờ thành hoàng làng của người Việt ở Hà Nội mang tính điển hình nhất của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ cổ thời. Hầu hết các thủ lĩnh, tướng tài, tổ nghề... có công khai phá đất ở, dạy dân biết kế sinh nhai, đuổi giặc giữ làng từ thời Hùng Vương đến nửa đầu thế kỷ XIX đều được suy tôn. Vì thế trong thiết chế văn hóa cổ truyền của người Việt bên cạnh luật làng là hương ước còn có một hệ thống thần linh được lập đền, chùa, am, miếu để thờ cúng. Tỉ lệ thần thờ không rõ ràng về tiểu sử, hoặc là do mất tài liệu hoặc là cụm dân cư nhỏ lẻ kéo dài chưa hoạch định được tính danh làng xã, chỉ có khoảng 10%. Đền, am, miếu thờ thần. Chùa thờ Phật. Những di sản văn hóa vật thể này được toàn thể cư dân trong làng tự nguyện đóng góp công của và xây cất bằng gạch ngói gỗ loại tốt, to nhỏ tùy thuộc vào khả năng mỗi làng. Ít gặp cũng có làng vì quá nghèo phải dựng tạm một điểm thờ nào đó bằng tường đất tranh tre mái rạ. Song song với mỗi điểm thờ đều có bản thần tích ghi vào bia bảng hoặc chép sách ghi lại hành trạng cuộc đời của vị thần thờ. Mỗi bản thần tích là một bản tiểu sử của vị thần thờ, gắn liền với một địa điểm thờ vị thần đó. Còn địa điểm thờ Phật nơi chùa làng coi như phổ cập, không có thần phả mà chỉ có bản ghi chép về lịch sử xây dựng, cẩn thận hơn thì có đoạn nói về các vị sư tổ đã từng tu nghiệp tại chùa. Kinh sách được sưu tập có cả dạng chép tay tương đối thống nhất như các bản kinh Phật phổ biến. Như vậy, hương ước và thần tích là hai thành tố văn hóa thuộc "thượng tầng kiến trúc" ở mỗi làng quê Việt Nam cổ truyền. Mọi bản hương ước, khoán lệ đều

chỉ nêu tên điểm thờ, thần thờ một cách sơ sài, cũng nhiều bản không nêu. Điều quan tâm nhất của hương ước là vấn đề thờ cúng như thế nào, thái độ của từng thành viên trong cộng đồng cần phải ứng xử ra sao, thể lệ và nghi thức thực hành. Cần lưu ý là các khoản chi dụng vào nghi lễ thờ cúng có tính bền vững, ngoài khoản công quĩ còn có riêng những mảnh điền tự, điền thần hoặc tương tự như thế. Bản *Tư Hoàng xã khoán lệ* (1876) viết:

"Trước đây người nào xin thủ từ vào chùa, số tiền lễ cúng chưa có xét giao. Nay cùng nhau bàn bạc và định lệ rằng: từ nay về sau xin thủ từ vào chùa xét giao số ruộng và các tiền lễ cùng viết vào khoán ước để làm thể thức về sau biết có sự lệ mà mãi mãi làm theo. Các sự lệ liệt kê vào sau đây.

Kê:

1. Người nào xin thủ từ, cho lễ cúng 6 đấu xôi lớn, gà, rượu giá 3 mạch tiền cổ, 1 phong giầu cau, quan viên, hương lão và những người có mặt cùng uống rượu.

2. Cho thủ từ ruộng đèn nhang các kỳ sóc, vọng (mồng 1 và ngày rằm) và mua pháo giao cho làm lễ. Ruộng cúng cộng là 4 sào 7 thước, xứ Mả Kỳ 2 thửa 4 thước, xứ Khu Miêu nửa sào, xứ ruộng Mão 3 thước, xứ Chu Thượng 6 thước xứ Mả Bộc 2 thước, xứ Ông Pháo nửa sào, xứ Cây gạo 2 thước, xứ ruộng Lăng nửa sào, xứ Đồng Ngạc 1 sào, xứ Lăm Chùa 1 sào.

3. Cho thêm 2 thửa ruộng quan liền nhau cộng là 2 sào.

4. 5 tiết Cầu Phúc của 4 quý hàng năm, mua 15 quả pháo, mỗi tiết 3 quả.

5. Tiết xuân hàng năm giao cho người thủ từ làm một lễ chính gồm 5 đấu lớn xôi gà, rượu, cộng lại là 3 mạch tiền và 1 phong giầu cau. Các quan viên và những người trong xã thôn hiện có mặt cùng uống rượu.

6. Tiết Thường Tân hàng năm chỉnh biện 1 mâm xôi gà 3 mạch tiền, 1 vò rượu, 1 cơi giầu, (làm lễ xong) các quan viên xã thôn cùng

nhau uống rượu. Còn lễ thì cho quan viên sau tiết Thường Tân 3 ngày, không được kéo dài.

7. Điện có bao nhiêu sào ruộng thì giao cho thủ từ canh tác, lại cho thêm 4 cây cau, còn 4 phía nội điện thì làm hàng rào bảo vệ.

8. Người nhận chân thủ từ để trông nom chùa chiền, nếu sơ suất đến nỗi để người ngoài đục tường phá hoại thì bị phạt 3 mạch tiền cổ.

9. Lệ cho thủ từ: nếu viên nào gửi tặng tại địa phận bản xã thì nạp cho thủ từ 1 mạch tiền cổ cùng 1 mạch tiền mua hương tốt.

10. Lệ thờ cúng Thần 4 tiết hàng năm, biếu thủ từ 1 cỗ cũng giống như bản xã (cỗ này do giáp đông đãi).

11. Khi tế thần, viên thủ từ mặc áo mũ chỉnh tề, cửa nhỏ ở 2 bên đều phải đóng lại để người ngoài không được đột nhập vào. Nếu không tuân theo thì phạt thủ từ 3 mạch tiền cổ. Nếu ruộng mạ của đình nảy mầm mà người ngoài và thủ từ cắt lấy thì phạt thủ từ 3 mạch tiền cổ.

12. Lệ hai chùa Linh Hội, Càn Phúc cho mỗi chùa 2 vị sư, nếu thiếu mà người nào trong xã muốn xin vào chùa thì đều chịu mỗi người 6 quan tiền cổ, cúng lễ 30 chiếc oản, gà rượu trị giá 3 mạch tiền cổ. Các quan viên, hương lão có mặt đều uống rượu. Lễ vào chùa trị giá 3 quan tiền cổ, tất cả cùng chịu một nửa. Đến tết Thường Tân đem nộp lễ vào chùa, mỗi chùa 3 quan. Còn người xin vào chùa thì chiết một nửa mua lợn, rượu, xôi, đem đến đình để mọi người trên dưới đang có mặt cùng uống rượu. Người làng khác xin vào chùa thì không ở trong lệ này. Lệ chùa Linh Hội tiền vào chùa tăng 6 quan. Tiết Thường Tân làm cỗ xôi mỗi chùa 3 đấu lớn.

13. Lệ tiết tháng Giêng cho nhà chùa chiếu thu mỗi viên trong xã đều 1 bát đàn gạo. Còn nhà sư 2 chùa đến ngày mồng 1 thì dùng oản quả lễ cúng. Quan viên, hương lão, tất cả trên dưới của xã thôn đến chùa lễ phật. Biếu mỗi viên 1 oản quả, kể cả viên mục, lão nhiêu không có mặt tại đình cũng đưa cho mỗi người 1 oản quả. Cỗ sắm các ngày mồng 2, mồng 3, mồng 4 chiếu bổ theo quy định, ai vi phạm thì phạt.

14. Lễ đặt ruộng cho hai chùa lo lễ đèn nhang, oản quả, mỗi chùa 1 sào để hàng năm vào hai kỳ lễ mồng 1 và rằm hàng tháng, mỗi kỳ 3 đấu gạo, 3 buồng chuối, luân lưu cúng dường. Hương lão đến chùa làm lễ, người có mặt đều được nhận lộc. Vị sư nào vắng mặt thì bị tước bỏ chức hiệu và bị phạt thêm. Hương lão mỗi bàn 6 viên, mỗi chùa 3 viên đến chùa làm lễ.

15. Số ruộng trong chùa đều chia làm 2, mỗi nhà sư giữ một nửa, chùa thường làm hàng rào thưa cốt sao cho kiên cố và chặt chẽ. Nếu vị sư nào sơ suất, không tuân theo để đến nỗi trâu bò đột nhập vào trong mà tuần phu phát giác ra thì bị phạt 6 mạch tiền cổ.

16. Về ruộng chùa Linh Hội và ruộng chùa Càn Phúc, cả thảy có bao nhiêu thì chia làm 2 phần. Nếu cây cối quanh chùa bị người nhà chùa và người ngoài chặt cắt trộm mà tuần phiên và người trong làng trông thấy thì phạt 6 mạch tiền cổ.

Viết khoán lệ ngày 15 tháng 5 năm Cảnh Hưng 47 (1786)[41]

Sinh, lão, bệnh, tử là bốn chặng đường đời với bất cứ ai trong mỗi cuộc đời. Sinh trưởng rồi lớn lên trở thành thành viên của mỗi cộng đồng, người đỗ đạt cao thì trước khi nhận mệnh vua đi nhận quan chức ở bất cứ nơi nào đều đã trở về quê vinh qui bái tổ, cử nhân, tú tài thì trở về làm quan chức hàng huyện, xã. Đây là lệ chứng khiến cho bất kỳ ai đến tuổi trưởng thành ra vai gánh vác việc dân việc nước cũng phải ghi nhớ dấu ấn đậm về nơi chôn rau cắt rốn của mình. Trên đây đã nêu những giải pháp hữu hiệu điển hình của phường Xã Đàn (sau lại gọi là làng) từng có điều ước riêng để cổ vũ động viên người có thành tựu trong độ tuổi học hành. Đến tuổi nghỉ ngơi, theo lệ cổ từ 50 tuổi trở lên thì như khoán lệ làng Tu Hoàng đã có quy định chế độ đãi ngộ, đối xử đúng mực cung kính với các cụ ở chốn đình trung trong những dịp hội hè đình đám. Đồng thời làng cũng có những điều quy ước về hành vi quan hệ trong gia đình và xã

[41] *Tục xã cổ truyền lệ làng Việt Nam...* S.đ.d.

hội với từng đối tượng. Khoán lệ chỉ rõ từng mức độ tuổi: "Từ 50 tuổi giở lên đến cả các sĩ nhân dự thi trúng cách một hai trường đều được miễn trừ tạp dịch. Còn người dự các kỳ khảo hạch mà trúng thi trong một năm được miễn việc sai dịch để tỏ sự tôn trọng nho phong giữ nghiêm khoán lệ.

Người trong phường phải kính trọng tuổi già, người già hiền từ với trẻ, chớ cậy giàu mà khinh nghèo và phỉ báng lẫn nhau đến nỗi mất lòng mà đánh lộn gây ồn ã náo động làng xóm, như vậy phải nộp phạt tiền 12 xâu, giấu không 100 lá để giữ nghiêm khoán lệ.

Trong phường có nhà nào cha con không thương yêu nhau, vợ chồng không hòa thuận, anh em không êm ấm đến nỗi nhà cửa náo loạn, bản phường nghe thấy thì bắt nộp tiền 12 xâu, giấu không 100 lá. Nếu không chịu sẽ đưa ra cửa quan để giữ nghiêm khoán lệ. "Nếp sống văn hóa ngàn xưa ấy cho đến nay, dù đất nước đã trải qua biết bao nhiêu thăng trầm biến đổi mà những nét đẹp văn hóa từ trong nhà ra ngoài ngõ đó vẫn đáng trân trọng lưu truyền. Có thưởng với người sống tốt và có phạt với người làm trái theo lệ làng phép nước, đó là hình thức răn đe, giáo dục có hiệu quả.

Việc thứ ba được hương ước Hà Nội quan tâm là tục tang ma. Tang ma là việc hệ trọng không chỉ đối với gia chủ mà nghiễm nhiên lệ làng người Việt đã coi là việc chung lo của cả cộng đồng. Câu thành ngữ "*Nghĩa tử là nghĩa tận*" đã trở thành tư tưởng chỉ đạo đối với tất cả mọi người khi đến tuổi trưởng thành. Với tư cách là hương ước của cả phủ Hoài Đức, bản viết năm Duy Tân thứ Tư (1910) có đoạn: "Khoản tang lễ: Dân các xã trong tổng nhà nào có tang, nếu nhà phú quý có thể mổ trâu, mổ bò, cỗ bàn thịnh soạn, bánh dày mời bàn dân cùng đến ăn uống. Nếu không có cũng không trách. Nhà nghèo khó chiếu theo lệ của giáp mà biện nộp.

- Hai xã Dịch Vọng Tiền và Mai Dịch, tang chủ biện 1 thủ lợn, 1 mâm xôi, 100 khẩu giấu, 1 vò rượu. Nếu không nộp 1 quan tiền 2 mạch cũng được.

- Mai Dịch Trung và Hạ Yên Quyết: rượu thịt một lễ, giầu cau 50 khẩu.

- Xã Dịch Vọng Hậu có lệ: tùy tuổi người chết cao thấp mà chiết nạp tiền công ra chi tiêu.

- Xã Nghĩa Đô, Hòa Mục, Mễ Trì, Mai Dịch Sở, Trại Đoài Môn: tang chủ phải biên mâm cỗ chỉnh tề, thịnh soạn hay sơ sài tùy gia cảnh.

- Xã Trung Kính: lệ nộp một thủ lợn, một mâm xôi, cau rượu đủ dùng nếu không nộp thành tiền 7 quan 2 mạch cũng được".[1] Ở đây cấp phủ ban hành điều khoản tang ma cho các tang chủ phải thực hiện lệ biếu cỗ, rượu, giầu cau hoặc tiền bạc "chiếu theo lệ của giáp mà biện nộp".

Điều ước về tang ma trong *Tục lệ phủ Hoài Đức* – 1910 hiện đang được lưu hành, ứng dụng vào thập niên đầu thế kỷ XX, lúc đó cố đô Thăng Long đã rơi vào tay thực dân Pháp hơn 20 năm, chúng đang ra sức xây dựng và củng cố vị thế của chính quyền đô hộ ở Bắc Kỳ, từng bước tiến hành xâm lược lan rộng ra các tỉnh. Khu phố người Âu ở các phố Tràng Tiền, Hàng Trống, Đinh Tiên Hoàng được hối hả kiến thiết. Đến năm 1901 phủ thống sứ, kho bạc, nhà bưu điện, nhà đốc lý, nhà kèn ở vườn hoa Pônbe (nay là vườn hoa Chí Linh), mở phố Đồng Khánh (nay là Hàng Bài), Gia Long (nay là Bà Triệu)... Các nhà máy: điện, nước, diêm, dệt, bia... và cả nhà thờ lớn cũng lần lượt ra đời. Rõ ràng là thực tiễn xã hội cổ truyền làng xã, phố phường Hà Nội đang bị xáo trộn nghiêm trọng. Lối sống "ông Tây bà đầm" đang nhan nhản xuất hiện trên khắp nẻo đường, ngõ phố vẫn còn đậm nét nghèo nàn lạc hậu trong khung cảnh kinh tế tự cấp tự túc là chính.

Vua quan nhà Nguyễn để mất nước, người dân đã mắc sai lầm vì quá tin vào triều đình, giờ đây họ vừa sống vừa nghĩ cách, tìm mưu kế giành lại độc lập. Khó khăn về kinh tế vẫn chồng chất, đất làng, khu phố bị tước đoạt, cư dân lao động bị xô đẩy phiêu dạt. Đời

[1] *Tục lệ phủ Hoài Đức*, ký hiệu A.175, thư viện Viện Hán Nôm.

sống văn hóa sẽ tiếp diễn sao đây, nếu tri thức dân gian không tích góp lại cùng với sự tham mưu chí tình của các Nho sĩ và tầng lớp quan chức cơ sở. Nằm trong hoàn cảnh chung của cả nước, nhiều đơn vị hành chính cấp phường xã cũng bị dao động. Tuy nhiên, bản sắc văn hóa của người Việt vốn có bề dầy lịch sử, đã được tôi luyện thử thách qua hàng nghìn năm Bắc thuộc, với nguyện ước độc lập tự do vẫn hằng xuyên nung nấu, chứ họ không hề cam phận làm nô lệ vĩnh viễn. Câu ca "nghìn năm bìa miệng vẫn còn trơ trơ" nói lên sức sống vô biên của tri thức văn hóa dân gian Việt, giữ cho nhịp điệu cuộc sống tương đối cân bằng mà không đối kháng đến mức tự hủy diệt. Giải pháp tình thế có thể tạm thời hòa hoãn, nhưng những nét bản chất sâu xa như tình làng nghĩa xóm, ân nghĩa mẹ cha, đường ăn lề ở, anh em thân tộc, họ hàng... mãi mãi và mãi mãi là liên kết vi mô trong cơ cấu tổ chức làng Việt. Vì vậy trải qua hơn nửa thế kỷ, chính quyền "bảo hộ" đã bao lần thay đổi sách lược cai trị, nhưng mục tang lễ trong *Hương ước làng Đại Từ* năm 1944 vẫn viết: "Điều thứ một trăm linh tám: Trong làng có ai bất hạnh quả cố, người tang chủ nếu giầu có muốn mời mấy người thân tộc hộ lễ cũng mặc lòng. Những ai chợt biết có việc sang nhà tang chủ trước, không phải đợi dân hoặc là đợi kỳ mục.

Điều thứ một trăm linh chín: Tang chủ chỉ được mời những người nhờ lễ và người giúp việc, không được mở tiệc để mời làng.

Điều thứ một trăm mười: Khi chưa chôn, dân làng có đến điếu phúng chỉ dùng hương hoa mà thôi.

Điều thứ một trăm mười một: Hàng giáp đưa ma là trả nghĩa lại nhau. Chính bổn phận mình phải làm, trừ những người đi đâu, còn ai ở nhà đều nên đi đưa ma cả. Nếu tang chủ có xin làng cắt đô tuỳ thì làng cũng cắt người đi cho tử tế".

Sự giao lưu văn hóa ở bất cứ đâu không phụ thuộc vào các cuộc chiến tranh chinh phạt và sự áp đặt của giai cấp thống trị. Văn hóa tự thân vận động trong cơ chế vận hành của cuộc sống con người và tự

khẳng định mình ở những thành tựu có giá trị tốt đẹp trên mọi phương diện. Điều ước tang ma trong hương ước làng Đại Từ là sự tiếp nối hoàn thiện một nếp sống văn hóa cần được nhận thức lại của người Việt, chứ không phải do thống sứ hướng dẫn mà có. Xác định việc đi đưa đám ma cho mỗi thành viên là "chính bổn phận mình phải làm, trừ những người đi đâu, còn ai ở nhà đều nên đi đưa ma cả" và "nội người trong giáp hay ngoài giáp khi an táng xong rồi, chào ngay tang chủ ở ngoài mộ rồi đi về, không được vào nhà tang chủ mà ăn uống" là những nét đẹp mới được đúc rút qua kiểm nghiệm thực tế. Để đảm bảo tính dân chủ làng xã, hương ước vẫn còn quy định: "tang chủ nếu giầu có muốn mời mấy người thân tộc hộ lễ cũng mặc lòng", bên cạnh đó cũng nói rõ: "ai chợt biết có việc sang nhà tang chủ trước, không phải đợi dân hoặc là đợi kỳ mục"; khác các bản hương ước cổ là gia tang phải bẩm báo với các vị chức sắc trong làng có kèm theo lễ vật.

Những vấn đề khác được hương ước Hà Nội đề cập cũng rất đa dạng, phong phú. Trật tự an ninh ở làng xã là những điều khoản được đề cập cụ thể. Phần lớn việc canh giữ xóm làng, bảo vệ đê điều, cầu cống... đều có sự phân công khá rõ ràng có quy định bằng mệnh lệnh và đều có thưởng phạt nghiêm minh. Vệ sinh đường thôn ngõ xóm, việc toàn dân phải tuân theo mệnh lệnh "không được vứt đồ dùng của người chết ra đường, sông, hồ, ao...", "không được chôn xác động vật vào nghĩa địa", "không được phóng uế bừa bãi"... là những nét đẹp văn hóa mãi mãi là di sản quí báu mà hương ước Hà Nội đã và đang phát huy tác dụng và sẽ là bài học vĩnh cửu cho đời sau.

Vì số bản hương ước viết tay chỉ có số lượng quá ít nên đến nay việc sưu tầm lại gặp rất nhiều khó khăn. Hiếm lắm mới có bản đánh máy. Bản hương ước làng Thị Cấm cho biết thông tin, chắc là tình hình phổ biến: "Quyển hương ước này làm thành bốn quyển và một quyển chữ Nho, phải có chữ những người giáp biểu và cả người trong làng ký, có chữ quan sở tại phê có chữ quan tổng đốc và quan công

sử duyệt y cho, làm thành 5 quyển: quyển thứ nhất ở dinh quan tổng đốc, quyển thứ nhì ở toà án, quyển thứ ba lưu chiểu ở nhà quan sở tại, còn 2 quyển một quyển chữ Nho và một quyển Quốc ngữ thời ở làng giữ.

Làm tại Thị Cấm ngày 20 tháng Giêng năm Bảo Đại, thứ mười một (Tây lịch ngày 12 tháng 2 năm 1936, đồng dân lý dịch sưu thuế ký kết sau khi đã nghe đọc những khoản ước ở trên)".

Như vậy hương ước Hà Nội là một loại hình di sản văn hóa điển hình của người Việt.

Sưu tập hương ước Hà Nội lần này, chúng tôi kết hợp cả việc lấy tài liệu hiện được lưu giữ ở từng địa bàn làng, xã, phường, phố... và khai thác ở các thư viện Viện Hán Nôm, thư viện Viện Thông tin khoa học xã hội, thư viện Hà Nội, thư viện Hà Đông... v.v. Bạn Đinh Khắc Thuân đã tặng sách *Tục lệ cổ truyền làng xã Việt Nam* (2006) và vui lòng cho sử dụng sáu bản khoán ước, hương lệ... chúng tôi chỉ sửa chữa một số từ xét thấy cần thiết so với nguyên bản, và ghi nhận sự giúp đỡ quý báu đó.

Những bản hương ước chữ Hán Nôm mới được sưu tầm dịch thuật có thể còn sai sót, rất mong bạn đọc góp ý, bổ sung và nhất là cung cấp cho những bản khác có giá trị hơn. Hương ước Hà Nội nếu so với địa danh hiện đang ẩn chứa trong các tên gọi mới hoặc giữ nguyên thì sưu tập này còn thiếu nhiều. Song để phục vụ kịp thời tư liệu cho việc nghiên cứu nhiều mặt nhân dịp kỷ niệm 1000 năm thành lập thủ đô Hà Nội, chúng tôi mạnh dạn in thử một số bản để bạn đọc có thể giúp chúng tôi sửa chữa, giới thiệu hoặc phô tô cho những bản hương ước cổ và hương ước cải lương hiện còn nằm đâu đó trong đời sống văn hóa dân gian. Hy vọng, có dịp sách được tái bản chúng tôi sẽ sửa chữa, bổ sung, để chúng ta có một sưu tập có thể đầy đủ hơn.

Cần nói thêm rằng, trong sưu tập *Hương ước Hà Nội*, chúng tôi in lại nguyên văn, kể cả những từ mà sự phát triển và hoàn thiện

tiếng Việt đã có nhiều thay đổi; mục đích là giữ nguyên vẹn diện mạo lịch sử của văn bản. Vậy nên, có bản ghi trầu cau là "giầu cau" hay dầu hỏa ghi là "rầu tây"... Lại có cách ghi là "Điều thứ 13" hoặc "Điều thứ mười ba"... ở đây vẫn giữ lại nguyên bản. Đương đại ngôn ngữ dân gian nói và viết thế tùy từng địa phương, nay ta tìm đọc lại cũng cần biết người xưa ăn nói theo cách nào? Loại văn bản Hán Nôm có tình trạng xếp lẫn trang, làm đảo lộn thời gian tăng bổ, sửa chữa trong nguyên bản, đó là do lịch sử lưu truyền, bản dịch xin được giữ nguyên. Đối với hương ước cải lương, có nhiều đoạn mờ do mực nhòe hoặc chữ viết quá xấu không đọc được chúng tôi để trống (...) hoặc ghi rõ là "không đọc được", mà không tự ý thêm vào.

Trao đổi thư từ xin gửi:

Trương Sỹ Hùng, số 7- Đoàn Kết – phường Biên Giang
quận Hà Đông - thành phố Hà Nội
Điện thoại: 091 226 5613

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

KHOÁN LỆ XÃ TU HOÀNG

Tổng Kim Thia, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Đông

Lập năm Cảnh Hưng 46 (1785)

Ký hiệu AF. a2/20, 80 trang. Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Dịch nghĩa:

KHOÁN LỆ XÃ TU HOÀNG[1]

Quan viên, hương lão, sắc mục, xã thôn trưởng cùng toàn thể trên dưới xã Tu Hoàng, huyện Đan Phượng, phủ Quốc Oai lập khoán lệ. Do trước đây chọn bầu tuần phiên coi giữ trong ngoài xã và đồng ruộng đều có định ngạch, nhưng các lệ trong khoán ước chưa thoả đáng để đến nỗi có những kẻ lười biếng quấy rối mà tuần phu không thể nào bảo vệ nổi. Vì vậy {mọi người} hội họp lại để bàn bạc, nêu ra những điều có quy củ trước đây, tăng bổ lệ để làm thành điều lệ mãi mãi. Tất cả các điều được ghi chép vào sau đây:

1. Lệ của bản xã cho tiền lan nhai cả năm là 5 quan tiền cổ. Bên nội biếu 2 mạch, bên ngoại biếu 3 mạch. Người ngoài chôn nhờ ở địa phận của bản xã thì nạp 3 mạch tiền.

2. Lễ cầu phúc thờ cúng thần hàng năm mổ trâu bò, biếu tuần phiên 1 đùi, 6 đấu xôi, 1 vò rượu. Nếu mổ thịt lợn thì biếu cấp trưởng 1 chiếc chân giò, xôi, rượu cũng như vậy. Còn ngoại lệ, thì chỉ biếu 1

[1] *Tục lệ cổ truyền làng xã Việt Nam*... S.đ.d.

chán giò, 2 bát rượu. Trong xã khi có sự việc lớn mà mổ thịt trâu bò thì cũng biếu 1 đùi, 2 bát rượu.

3. Người nào trong xã, ban đêm đi từ giờ Tuất đến giờ Sửu nên có đèn, đuốc. Nếu không tuân theo, bị tuần phiên bắt được đích danh thì bị đưa đến đình, tra rõ sự thực mà bắt phạt 3 mạch tiền cổ. Thưởng tuần phiên 3 mạch tiền cổ. Nếu người nào giấu giếm đến khi phát giác ra cũng bị phạt 3 mạch tiền cổ.

4. Người nào trong xã chứa đánh bạc mà bị tuần phiên bắt được quả tang thì trình tại quan viên tra xét sự thực, bắt phạt người chứa đánh bạc là 3 quan tiền cổ. Những người cùng bàn cũng bị phạt mỗi tên 1 quan tiền cổ. Thưởng tuần phiên 1 quan tiền cổ. Nếu tuần phiên cố ý dung túng nói là dân bắt càn không có tang chứng thì phạt tuần phiên 6 mạch tiền cổ.

5. Người nào đang đêm tụ tập uống rượu, vô cớ gây ồn ào la hét thì cho tuần phiên bắt vào trong đình, phạt lợn, rượu giá 3 quan tiền cổ. Thưởng cho tuần phiên 1 quan tiền cổ, tra ra nhà nào dung túng việc đang đêm uống rượu thì cũng phạt như vậy.

6. Người nào trong xã có khách nghỉ trọ qua đêm, thì cho trình mỗi tên 2 văn. Nếu giấu giếm mà bị tuần phiên tra ra sự thực, thì phạt nhà quán 3 mạch tiền cổ. Còn như khách trọ mang theo đồ vật lớn thì nhà quán phải xin tuần phiên xem trước để làm bằng. Nếu không tuân theo là bị phạm lỗi. Đến như anh em, bạn bè ở xã khác đến ngủ đêm lại cũng cho trình 1 phong giấu cau. Nếu không tuân theo thì bị phạt cũng như vậy.

7. Trong xã bị bọn cướp xâm nhập vào mà viên tuần phiên nào dám bắt được cướp thì thưởng cho 3 quan tiền cổ. Nếu như hai bên ẩu đả nhau mà bị thương tích nặng thì ngay trong ngày cho 1 quan tiền cổ để thuốc thang, người bị thương nhẹ thì 6 mạch, người không may bị thương nặng mà chết đi thì bản xã chôn cất, chiếu trong hương ẩm mỗi viên đều 1 mạch tiền cổ, cho con cháu hưởng 1 suất nhiêu nam. Khi có việc đến cứu trợ mà bị thương thì cũng cấp phát tiền như vậy.

Nếu người nào bị mất của cải mà lại lấy lại được thì cũng thưởng như thế. Còn như có viên tuần phiên nào thấy bọn cướp mà lại lười biếng, không ra sức đuổi bắt cướp, để cho bọn cướp tẩu thoát, về sau có người phát giác ra thì phạt 1 quan tiền cổ.

8. Của cải, đồ vật trong xã, ngoài đồng bị kẻ gian lấy trộm, nếu tuần phiên bắt được, nhiều thì thưởng 2 quan tiền, ít thì thưởng 1 quan. Người bắt trộm khi bị thương tích thì cho tiền uống thuốc theo như lệ. Nếu không may bị thương nặng mà chết cũng chiếu theo lệ trước đây. Người lấy lại của đã mất thì xét thưởng tuỳ theo ít nhiều.

9. Nếu như thủ từ bẻ trộm cây cối, hoặc người nhà chùa trông coi đền chùa và những người khác lấy trộm ma, tư tiện thả trâu bò mà tuần phiên bắt được quả tang thì bị đánh 10 trượng và phạt 3 mạch tiền cổ. Nếu cố tình giấu giếm, mất mà không phát giác để tra xét thì phạt tuần phiên 3 mạch tiền cổ.

10. Nếu người nào trong xã lấy trộm cá ở ao và các thứ hoa màu, cây cối mà bị bắt quả tang thì bị phạt 3 quan tiền cổ, thưởng cho tuần phiên 1 quan tiền cổ. Viên tuần phiên nào lười biếng không chăm chỉ, đến nỗi người khác bắt được thì phạt 3 mạch tiền cổ, thưởng cho người bắt được 3 mạch tiền cổ.

11. Tiền trông nom trâu, bò thu cả năm, mỗi con trâu 1 mạch tiền cổ, mỗi con bò 36 văn. Nếu bị mất trộm cho bồi thường 1 con trâu là 5 quan, 1 con bò 3 quan, phạt tuần phiên trâu 3 quan, bò 2 quan.

12. Hàng năm là nơi vãng lai đông đúc, mọi người không được bán rượu. Nếu người nào không tuân theo mà tuần phiên bắt được quả tang thì phạt người đó 3 mạch tiền cổ. Tuần phiên giữ số rượu đó lại để uống mà bị người khác tố cáo thì bị phạt 3 mạch tiền cổ, thưởng cho người báo 3 mạch tiền cổ.

13. Những cây cau trong xã, cứ mỗi gốc từ 100 quả giở lên cho lấy thuế mỗi gốc 6 văn tiền. Nếu không cẩn thận để mất thì bồi thường mỗi buồng cau là 30 văn. Cây ngoài sổ thuế và cây bị mất thì bồi thường 1 phần 3, phạt tuần phiên 6 mạch tiền cổ.

14. Hai vụ hè đông của trong xã cho lấy lúa, mỗi mẫu là 3 lượm 1 gối, cứ theo thửa mà nhận thu. Người ngoài xâm canh thì lấy mỗi sào 1 lượm. Người nào vi phạm thì phạt 3 mạch tiền cổ. Bị mất trộm thì bồi thường mỗi sào 3 gánh, mỗi gánh 14 lượm, phạt tuần phiên 6 mạch tiền cổ.

15. Trong xã cho lấy thuế ruộng đậu mỗi sào 6 văn, ruộng trồng khoai lang, khoai sọ là 18 văn. Nếu bị mất trộm thì cho bồi thường cứ 100 quả là 30 văn, khoai mới trồng 100 củ là 36 văn, cau mỗi gốc là 16 văn, đậu mỗi gốc 2 văn. Trâu bò thả ra phá hoại cũng phạt như thế và thêm 6 mạch.

16. Người nào xâm canh ruộng cho lấy thuế dầu bông mỗi sào 18 văn, đậu 9 văn, cây kỳ và khoai lang 24 văn, khoai sọ 36 văn, bị mất trộm thì tuỳ theo số lượng nhiều ít mà phạt bồi thường 6 mạch tiền cổ.

17. Cho lấy thuế cây lúa vụ hè mỗi sào 9 văn, cây lúa vụ đông mỗi sào 6 văn, người bị mất trộm thì đền mỗi trăm 1 mạch tiền cổ, phạt thêm 6 mạch tiền cổ.

18. Hai vụ hè đông thu hoạch chưa xong thì không được tự tiện thả trâu, bò, gà, vịt ra, cùng người nghèo thì mót lúa. Người nào không tuân theo thì bắt phạt 18 văn tiền cổ, tuần phiên dung túng che dấu thì phạt 3 mạch tiền cổ.

19. Các bờ ruộng của bản xã cho tuỳ nghi thả giữ để tiện canh tác. Nếu sơ suất, lười biếng hoặc để ngập hết lúa mả, hoặc để cạn khô đồng ruộng thì lập tức phạt 3 mạch tiền cổ. Ai thấy người nào ăn trộm, bắt được quả tang thì được thưởng 3 mạch tiền cổ, bản xã phạt tiền ăn trộm 1 quan 2 mạch.

20. Các cây cau trong đền giao cho tuần phiên coi giữ. Nếu coi giữ không cẩn thận thì phạt 6 mạch tiền.

21. Các đường sá, đê điều, bờ ruộng của bản xã thường phải bồi đắp để tiện qua lại, canh tác. Nếu người nào lười biếng không chăm chỉ để sụt lở bờ ruộng thì phạt 3 mạch tiền còn như người nào cố gắng thì thưởng riêng thêm.

22. Mạ ở các xứ đồng ruộng đem trồng đến lúc chin, nếu thấy người nào xuống ruộng bắt cá và các thứ ốc, tôm phá hoại lúa thì cho tuần phiên bắt phạt 3 mạch tiền cổ. Người trong tuần phiên tự tiện không tuân theo thì phạt thêm 6 mạch tiền cổ. Nếu dung túng che dấu, có người cáo giác thì phạt bản phiên 6 mạch tiền cổ.

23. Các thứ bông xanh và lúa ở địa phận trong xã đã trổng xanh, không được thả trâu, bò chăn ở bờ ruộng. Nếu thả ra thì phải làm rọ mõm lại. Ai không tuân theo thì phạt 16 văn tiền. Tuần phiên dung túng thì phạt 3 mạch tiền.

24. Trong xã nuôi lợn không được tự ý thả ra. Nếu lợn bỏ chạy ra phá hỏng các thứ thì cho báo với tuần phiên xin trong 3 ngày phải làm lại nghiêm chỉnh. Ai không tuân theo, cho tuần phiên bắt bạt 18 văn tiền. Tuần phiên dung túng đến nỗi bị người khác phát giác thì phạt 3 mạch tiền cổ.

25. Tuần phiên tuần phòng trong xã cốt sao chuyên cần, bí mật. Nếu không chuyên cần cố gắng để đến nỗi kẻ trộm xuyên tường, đục vách lấy trộm của cải trong nhà và các thứ chuối, khoai nước thì cũng phạt 3 mạch tiền cổ.

26. Tuần phiên tuần phòng trông giữ trong làng ngoài đồng đến hết năm tính tất cả thưởng bao nhiêu, phạt bao nhiêu, trừ công, trừ tội liệu xét thưởng, người được thưởng thì thưởng 5 quan, người bị phạt cũng phạt 5 quan.

27. Bờ ruộng Cửa Mô phó thác cho tuần phiên luôn luôn bồi đắp. Nếu không tuân theo để đến nỗi kẻ khác khơi nước trộm cũng phạt 3 mạch.

28. Trong số tuần phiên, người nào đi ban đêm nhìn thấy bọn phỉ lẻn vào làng mà không cố gắng đuổi bắt, lại vội vàng tự chạy trước thì phạt 3 quan, tước bỏ chức tuần phiên và không được cùng đi với bản phiên.

Các điều trên đây tuần phiên phải thực hiện như trong các điều khoản, ai không tuân theo, xảy ra điều gì thì phải tội. Nếu như tuần

phiên tuân theo các điều trong khoán ước mà bị người khác sinh sự thì tiền tổn phí hết bao nhiêu cả xã cùng chịu.

Viết khoán lệ ngày mồng 01 tháng 7 năm Cảnh Hưng 46 (1785).

Giám sinh Vương Huy Tốn ký, hương lão Vương Trọng Hiểu ký, Nguyễn Danh Lam ký, Nguyễn Hữu Dung ký, Lê Quang Ánh điểm chỉ, Vương Đình Thoan ký, bá hộ Nguyễn Hữu Giám ký, Nguyễn Xuân Tại điểm chỉ, Nguyễn Bá Phấn điểm chỉ, sinh đồ Nguyễn Hữu Cẩn ký, sinh đồ Vương Đăng Quĩ ký.

Các quan viên, hương lão, xã thôn trưởng xã Tu Hoàng, huyện Đan Phượng, phủ Quốc Oai là giám sinh Vương Huy Tốn, sinh đồ Nguyễn Ích Đôn, hương lão Vương Trọng Hiểu. Nguyễn Hữu Khách, bá hộ Nguyễn Huy Giám, trì bạ sinh đồ Vương Khải Quĩ, trì bạ Vương Tuân Thoan, trì sự Vương Tuân Cơ, Nguyễn Hữu Dự, Nguyễn Xuân Trung, xã trưởng Nguyễn Công Đại, Nguyễn Tất Thiện, Vương Trọng Đạt cùng toàn xã lập sự lệ.

Trước đây người nào xin thủ từ vào chùa, số tiền lễ cúng chưa có xét giao. Nay cùng nhau bàn bạc và định lệ rằng: từ nay về sau xin thủ từ vào chùa xét giao số ruộng và các tiền lễ cúng viết vào khoán ước để làm thể thức về sau biết có sự lệ mà mãi mãi làm theo. Các sự lệ liệt kê vào sau đây.

Kê:

1. Người nào xin thủ từ cho lễ cúng 6 đấu xôi lớn, gà, rượu giá 3 mạch tiền cổ, 1 phong giầu cau, quan viên, hương lão và những người có mặt cùng uống rượu.

2. Cho thủ từ ruộng đèn nhang các kỳ sóc, vọng (mồng 1 và ngày rằm) và mua pháo giao cho làm lễ. Ruộng cúng cộng là 4 sào 7 thước, xứ Mả Kỳ 2 thửa 4 thước, xứ Khu Miêu nửa sào, xứ ruộng Mão 3 thước, xứ Chu Thượng 6 thước xứ Mả Bộc 2 thước, xứ Ông Pháo nửa sào, xứ Cây Gạo 2 thước, xứ ruộng Lăng nửa sào, xứ Đồng Ngạc 1 sào, xứ Lãm Chùa 1 sào.

3. Cho thêm 2 thửa ruộng quan liền nhau cộng là 2 sào.

4. 5 tiết Cầu Phúc của 4 quý hàng năm, mua 15 quả pháo, mỗi tiết 3 quả.

5. Tiết xuân hàng năm giao cho người thủ từ làm 1 lễ chính gồm 5 đấu lớn xôi gà, rượu, cộng lại là 3 mạch tiền và 1 phong giầu cau. Các quan viên và những người trong xã thôn hiện có mặt cùng uống rượu.

6. Tiết Thường Tân hàng năm chỉnh biện 1 mâm xôi gà 3 mạch tiền, 1 vò rượu, 1 cơi giầu, (làm lễ xong) các quan viên xã thôn cùng nhau uống rượu. Còn lễ thì cho quan viên sau tiết Thường Tân 3 ngày, không được kéo dài.

7. Điện có bao nhiêu sào ruộng thì giao cho thủ từ canh tác, lại cho thêm 4 cây cau, còn 4 phía nội điện thì làm hàng rào bảo vệ.

8. Người nhận chân thủ từ để trông nom chùa chiền, nếu sơ suất đến nỗi để người ngoài đục tường phá hoại thì bị phạt 3 mạch tiền cổ.

9. Lệ cho thủ từ: nếu viên nào gửi tặng tại địa phận bản xã thì nạp cho thủ từ 1 mạch tiền cổ cùng 1 mạch tiền mua hương tốt.

10. Lệ thờ cúng Thần 4 tiết hàng năm, biếu thủ từ 1 cỗ cũng giống như bản xã (cỗ này do giáp đông đãi).

11. Khi tế thần, viên thủ từ mặc áo mũ chỉnh tề, cửa nhỏ ở 2 bên đều phải đóng lại để người ngoài không được đột nhập vào. Nếu không tuân theo thì phạt thủ từ 3 mạch tiền cổ. Nếu ruộng mạ của đình nảy mầm mà người ngoài và thủ từ cắt lấy thì phạt thủ từ 3 mạch tiền cổ.

12. Lệ 2 chùa Linh Hội, Cản Phúc cho mỗi chùa 2 vị sư, nếu thiếu mà người nào trong xã muốn xin vào chùa thì đều chịu mỗi người 6 quan tiền cổ, cùng lễ 30 chiếc oản, gà rượu trị giá 3 mạch tiền cổ. Các quan viên, hương lão có mặt đều uống rượu. Lễ vào chùa trị giá 3 quan tiền cổ tất cả cùng chịu một nửa. Đến tết Thường Tân đem nộp lễ vào chùa, mỗi chùa 3 quan. Còn người xin vào chùa thì chiết một nửa mua lợn, rượu, xôi, đem đến đình để mọi người trên dưới đang có mặt cùng uống rượu. Người làng khác xin vào chùa thì

không ở trong lệ này. Lệ chùa Linh Hội tiến vào chùa tăng 6 quan. Tiết Thường Tân làm cỗ xôi mỗi chùa 3 đấu lớn.

13. Lệ tiết tháng Giêng cho nhà chùa chiếu thu mỗi viên trong xã đều 1 bát đàn gạo. Còn nhà sư 2 chùa đến ngày mồng 1 thì dùng oản quả lễ cúng. Quan viên, hương lão, tất cả trên dưới của xã thôn đến chùa lễ phật. Biếu mỗi viên 1 oản quả, kể cả viên mục, lão nhiêu không có mặt tại đình cũng đưa cho mỗi người 1 oản quả. Cỗ sắm các ngày mồng 2, mồng 3, mồng 4 chiếu bổ theo quy định, ai vi phạm thì phạt.

14. Lễ đặt ruộng cho 2 chùa lo lễ đèn nhang, oản quả, mỗi chùa 1 sào để hàng năm vào hai kỳ lễ mồng 1 và rằm hàng tháng, mỗi kỳ 3 đấu gạo, 3 buồng chuối, luân lưu cúng dường. Hương lão đến chùa làm lễ, người có mặt đều được nhận lộc. Vị sư nào vắng mặt thì bị tước bỏ chức hiệu và bị phạt thêm. Hương lão mỗi bàn 6 viên, mỗi chùa 3 viên đến chùa làm lễ.

15. Số ruộng trong chùa đều chia làm 2, mỗi nhà sư giữ một nửa, chùa thường làm hàng rào thưa cốt sao cho kiên cố và chắt chẽ. Nếu vị sư nào sơ suất, không tuân theo để đến nỗi trâu bò đột nhập vào trong mà tuần phu phát giác ra thì bị phạt 6 mạch tiền cổ.

16. Về ruộng chùa Linh Hội và ruộng chùa Cản Phúc, cả thảy có bao nhiêu thì chia làm 2 phần. Nếu cây cối quanh chùa bị người nhà chùa và người ngoài chặt cắt trộm mà tuần phiên và người trong làng trông thấy thì phạt 6 mạch tiền cổ.

Viết khoán lệ ngày 15 tháng 5 năm Cảnh Hưng 47 (1786)

Giám sinh Vương Huy Tốn ký, sinh đồ Nguyễn Ích Đôn ký, hương lão Vương Trọng Hiểu ký, viên mục Nguyễn Huy Giám ký, trí sự Vương Đình Cơ ký, viên mục Vương Khải Phát ký, xã trưởng Nguyễn Công Đại ký, thôn trưởng Nguyễn Duy Phiêu ký, Toàn xã cùng ký.

Quan viên, hương lão, sắc mục, xã khán, các sắc thôn trưởng, thủ phiên dịch cùng tất cả trên dưới xã Tu Hoàng, huyện Đan Phương, phủ Quốc Oai cùng nhau lập giao ước. Do giữa chừng bản xã cho hội họp

tính bổ vì lý do bất thường nên không tập hợp được đầy đủ đến nỗi việc làng phải kéo dài đến 10 ngày nên càng tốn phí. Vì vậy cùng nhau hội họp định lệ, khiến cho người đời sau có cái để tuân theo, không được vượt các điều lệ đã có. Các điều lệ được liệt kê vào sau đây.

Kê:

1. Lệ hai vụ hè đông đến ngày mở kho, xã thôn trưởng chuẩn bị thu tiền để nộp. Đến sau 3 ngày mở kho đem sổ bạ đến đình cắt sai tích phu tuyên xướng, xin dân cùng bổ. Còn quan viên chức sắc có ruộng từ 1 mẫu giở lên và thủ phiên nghe thấy hiệu lệnh, lập tức đến đình cùng họp xét tính đinh điền trong sổ của xã là bao nhiêu, sổ ruộng phụ canh là bao nhiêu, lấy bút ghi chú vào sổ sau mới xét bổ. Còn sổ bổ trình với thủ chỉ, sắc mục ghi chữ ở dưới, các chức sắc có ruộng cùng thủ phiên ghi chữ ở dưới mới được thu nộp. Khi thuế công hoàn thành, nên chỉnh biên lễ cúng thần và xin cho dân cùng xét tính. Còn các viên sắc mục cũng chuẩn bị tính bổ, lấy bút ghi vào sổ để làm bằng và thôn đã thu tiền phụ canh. Số tiền ngoài này kính biếu các viên dự tính bổ mỗi vụ là 2 quan tiền cổ để cúng xong thì uống rượu.

2) Lệ tiền điệu cùng các tạp dịch và binh lương nay quy định lần lượt theo tháng 1 phiên cùng bổ. Các quan viên chức sắc có ruộng và thủ phiên dịch nghe thấy hiệu lệnh tuyên xướng, thì tập họp tại đình tính bổ thu để công việc chung nhanh chóng hoàn thành. Nếu thôn nào trì trệ thì phạt 6 mạch tiền cổ.

3) Các viên dự tính phân bổ khi nghe tuyên xướng thì lập tức hội họp tại địa điểm họp, bàn bạc thoả đáng các công việc của làng. Nếu viên nào bận việc gì thì phải biên 6 miếng giấu để báo vắng mặt. Nếu cố ý vắng mặt thì bắt phạt 36 văn tiền cổ. Công việc của các kỳ lão không ở lệ này. Viên nào đăng ký lên lão thì đều được miễn cho vắng mặt. Nay lệ.

4) Lệ hàng năm lần lượt theo tháng, bản xã xét số tiền bổ là bao nhiêu thì xã thôn cùng nhau đi thu. Xã trưởng cầm sổ, thôn trưởng giữ

tiền. Bản xã nếu có mua sắm gì thì giao tiền là bao nhiêu đó cho thôn trưởng. Xong việc ngay ngày hôm đó ăn uống chi hết bao nhiêu thì khai vào sổ với xã trưởng để các viên sắc mục dự tính bổ và ghi chữ ở dưới, không được trì hoãn kéo dài để tránh sự sai lệch. Người nào vi phạm để đến ngày hôm sau cái nọ nhầm ra cái kia thì bản xã cho ra khỏi chức vị và bắt bồi thường.

5. Lệ xưa của làng, khi có viên thừa sai đến, thôn trưởng theo vị thứ mỗi ngày 2 người mời cơm, mỗi bữa cơm mỗi người 20 văn. Giữa chừng thì bỏ lệ này. Nay bản xã cùng nhau hội họp, sức theo y tục cũ, lại theo lệ cũ và tăng thêm mỗi người một bữa cơm giá tiền 36 văn tiền cổ.

6. Các loại tô thuế và lương bình, cùng các tiền gạo tạp dịch và thuế hoa màu đều bổ theo bình quân, cứ nghe tích phu tuyên xướng thì lập tức đến công sở họp bàn để tiện việc thu gom, kịp nộp đúng kỳ hạn. Nên định 10 ngày 1 kỳ đem đến công sở nộp làm 3 kỳ cho đủ số. Nếu người nào bỏ thiếu quá hạn dẫn đến việc xã thôn phải tạm chịu tiền lãi hoặc thiếu tiền quan dịch thì tiền phí tổn bao nhiêu, bắt người quá hạn phải chịu.

7. Lệ tiền việc quan ở trong tổng thì lương nhật trình ngày của mỗi viên là 1 mạch tiền cổ, nửa ngày là 36 văn. Đi ra ngoài trong 1 ngày thì mỗi viên là mạch tiền cổ, nếu ở lại 2, 3 ngày thì mỗi viên mỗi ngày 1 mạch 30 văn tiền cổ.

8. Cấp cho xã, thôn trưởng thu nạp thuế tô dung, một vụ là 6 quan tiền cổ. Lại cho xã trưởng tiền bút mực là 6 mạch. Còn việc thu phát lương thực khác và tạp dịch cùng tiền thuế điệu thì cho mỗi tháng 1 quan 2 mạch tiền cổ.

9. Lệ nếu có việc công gì, xã thôn trưởng nghe 3 hồi 3 tiếng mõ thì phải lập tức đến công sở để cho tiến hành công vụ. Nếu người nào hơi chậm thì bắt phạt 10 miếng giầu. Người nào quá chậm thì bắt phạt 36 văn tiền cổ. Nếu hết ngày không đến thì bắt phạt 3 mạch tiền cổ. Người nào có việc bận thì phải sắm sửa 6 miếng giầu để xin báo

vắng mặt. Tất cả những điều trên đây mọi người trên dưới cùng họp đình lệ. Nếu người nào không tuân theo khoán ước, cố tình ngang ngạnh để dẫn đến tổn phí bao nhiêu tiền, thì bản xã cùng chịu. Nay lập giao ước.

Lập giao ước ngày 16 tháng 12 năm Gia Long 4 (1805)

Viết khoán ước: Sắc mục Nguyễn Duy Truân *ký*.

Các quan viên hương lão, sắc mục, xã thôn trưởng cùng trên dưới toàn xã hội họp tại đình với lý do là: Bản xã trước đây đã có những điều khoản lệ, đều do vị giám sinh cất giữ. Đến nay đã bị thất lạc nhiều, khi bàn giao lại không được đầy đủ; vì thế mọi người cùng nhau hội họp để viết lại hương ước, điều lệ các tiết lễ thần cần sửa đổi thì sửa đổi, cần tăng thêm thì tăng thêm, cốt sao cho được hợp lý, hợp nghĩa, hợp thuần phong mỹ tục và để lại mãi mãi cho thế hệ con cháu mai sau. Tất cả các điều lệ ghi rõ sau đây:

1. Hàng năm có các tiết cúng Thần của 4 quý và các tiết lễ có ca hát, đấu vật. Nếu các tiết lễ thiếu bồi tế thì khi tế phải có các vị hương lão lần lượt cùng xã thôn trưởng xét theo thứ tự vào tế. Nếu chủ tế, bồi tế có thiếu văn tế cũng nên xét theo thứ tự mà vào. Nếu viên nào thấy tuổi cao, mệt mỏi không thể đứng làm lễ được cũng nên báo trước để vắng mặt. Nếu sau đó những người đến dự mà có viên tư văn thì nên cho vào làm lễ. Còn như lễ biếu thì nếu mổ trâu bò thì thụ lộc 1 miếng thịt dài 2 gang, rộng 1 gang y như lệ cũ. Lễ xong, chia đều lộc cho những người có mặt, biếu thêm cho chủ tế 2 phần, bồi tế mỗi viên 1 phần. Nếu như mổ lợn thì cũng chia biếu như thế và biếu cho tư văn tham dự làm lễ. Còn khi mổ trâu, bò thì biếu 1 miếng thịt cổ.

Về y phục tế lễ, áo tế màu đen, cùng giày, mũ. Xã nên sắm 3 đôi giày cho chủ tế và 2 vị bồi tế và mũ đủ dùng cho cả 3 người. Phải tôn trọng người cao tuổi để việc tế lễ Thần linh được nghiêm.

2. Các tiết tế Thần linh nếu có vị tư văn cùng dự tế thì nên sắm áo mũ, giày dép để cho việc tế tự được nghiêm trang, viên nào thiếu thì phạt 1 mạch tiền cổ.

Trong tư văn nếu vào dịp thờ cúng thần linh trong 4 tiết và trong các tiết chính ca xướng, đánh vật và tiết Thường Tân những người có tang 3 tháng mặc áo gai cũng chỉnh biện y như lệ đến hành lễ. Lễ xong, cởi áo mà về. Nếu người nào cố ý ngang ngạnh thì bị trị tội.

3. Lệ biếu trong tiệc chính ca hát đánh vật, biếu các vị quan viên dự lễ 1 mâm xôi 8 đấu gạo, 1 con gà to giá 3 mạch tiền cổ, 1 vò rượu. Khi mổ lợn làm cỗ thì những người có mặt đều cùng được uống rượu. Nếu trưởng văn có việc công tại nhà thì đặt biếu một phần. Tiết giao xuân, nếu vị văn trưởng có việc công mà vắng mặt thì cũng biếu như vậy.

4. Lệ tiết đại trà, 2 giáp chỉnh biện bánh dày thờ cúng thần, đặt biếu người tham dự là chức sắc. Bánh dày 1 cân giá 10 đấu lớn chia đều cho những người có mặt. Nếu trưởng văn có việc công tại nhà thì biếu một phần.

5. Lệ ngày mồng 01 tháng 02 hàng năm, 2 giáp 9 bàn Đông Đoài hội họp định việc thờ cúng Thần, bao nhiêu giầu, tra theo lệ hàng năm chiếu bổ trên dưới.

6. Lễ hội ca hát, đánh vật hàng năm quy định thu tiền hương của con rể ngoài xã mỗi viên 3 mạch tiền cổ.

7. Hội chính ca hát, đánh vật là ngày mồng 6 tháng 2, tất cả mọi người trên dưới trong xã san dọn đường lớn để rước {sắc} văn. Còn giầu cau {làm lễ} do 2 giáp đảm nhận.

8. Lệ trong lễ hội ca hát, đánh vật hàng năm, xã thôn thu tiền gạo, giầu, trà mỗi người 3 mạch tiền cổ.

9. Lệ chính ca hát, đánh vật vào ngày mồng 9 tháng 2, thì 9 bàn của hai giáp Đông Đoài lau rửa đồ thờ cúng, thu 3 mạch tiền trà giầu, tiền đó chi dùng cho công việc chung.

10. Vào ngày mồng 10 tháng 2 hàng năm, bản xã có lệ định là nấu 3 bát canh rau để thờ Thần, tuỳ theo mùa mà mua rau.

11. Các tiết lễ tế Thần nên dùng rượu màu vàng. Số tiền mua rượu đó dùng trong khoản tiền công.

12. Lệ rước văn tế soạn 1 cỗ xôi 6 đấu, 1 con gà to giá 3 mạch tiền cổ, 1 chai rượu để làm lễ. Lễ xong thì biếu người viết văn tế.

13. Lệ đại trà ca hát có 8 trò. Trên dưới 6 trò, giáp lễ 1 trò, giáp Nhạc 1 trò.

14. Cỗ của các trò ca hát khi vào hội thì làm 3 mâm xôi, kết thúc hội thì 4 mâm xôi, mỗi mâm 3 đấu. Mỗi mâm 1 miếng thịt lợn giá 1 mạch tiền cổ, rượu mỗi mâm 1 chai.

15. Lệ có các trò ca hát, đánh vật. Tư văn xã thôn cử ra 8 viên, biếu mỗi viên chủ trò 1 chai rượu. Khi xong hội thì biếu thủ trò 1 cỗ cùng ngồi ăn uống với bản xã.

16. Lệ ca hát kết thúc hội: Các viên chức dịch biện lễ tạ thần gồm 1 con gà giá 3 mạch tiền cổ, 1 chai rượu. Lễ xong những viên chức sắc làm lễ cùng ăn uống.

17. Lệ các tiết tế thần, ca hát, đánh vật đều ngồi ở trong đình, cốt sao cho trên dưới hoà thuận. Người nào gây ồn ào, thất lễ thì bắt phạt 3 mạch tiền cổ để phong tục được nghiêm chỉnh.

18. Lệ kết thúc hội chính trà, ca hát, đánh vật có mổ thịt lợn cúng thần, thì biếu Tuần phiên 1 bông hoa dài, 1 mâm xôi 3 đấu, 1 vò rượu theo lệ.

19. Lệ chính trà chỗ ngồi của Tuần phiên và những người ca hát là ở hàng thứ 2 nhà lá giáp Đoài.

20. Lệ trưởng văn viết văn cúng Thần. Nếu gặp kỳ để tang chỉnh thì giao cho viên thứ đảm nhiệm.

21. Lệ thờ cúng Thần và giờ làm lễ thì hương lão và các chức sắc giở xuống, nếu đi dép thì để dép ở ngoài hiên cửa. Từ cửa trở vào cho đến thượng điện đều cấm mang giày dép. Người nào vi phạm thì phạt 1 mạch tiền.

22. Lệ ngày 20 tháng 12 hàng năm, nộp tiền thuế 2 quan giao tạ Thủ từ, lại mua sắm các thứ để cúng Thần không được tiêu cái khác.

23. Các tiết tế Thần, trưởng văn chỉ nên viết các tên hương lão, quan viên mà thôi.

24. Đêm ngày 30 tháng 12 tiết giao Xuân và các ngày khai Hạ tháng Giêng hàng năm túc trực tại đình cùng Thần. Hội Tư văn xã thôn ai đã đến tuổi lên lão thì miễn, người chưa đến tuổi lão mà có việc công thì cho đem 6 miếng giầu đến cáo vắng mặt. Người nào làm trái thì phạt 36 văn tiền.

25. Tiết giao Xuân hàng năm, bản xã đã có 5 sào ruộng công do trên dưới luân lưu canh tác để chỉnh biện 1 mâm xôi, 1 con gà, 1 vò rượu, 20 miếng giầu. Lễ xong, chia làm 2 phần, 1 phần biếu hương lão, 1 phần biếu tư văn. Nếu xôi lễ đó không tinh khiết và thiếu cân thì phạt 36 văn. Còn gà đó mà thừa cân thì cho lại 1 mâm và cùng được ngồi ăn cỗ với bản xã. Gà thiếu cân thì phụ 1 con gà khác. Ai để thiếu lễ vật thì bị phạt thêm 1 mạch tiền

26. Tiết Khai Hạ hàng năm đặt biếu tư văn xã thôn tham dự và làm 2 cỗ cùng ngồi ăn uống với bản xã, mỗi cỗ rượu là 2 bát. Lại biếu tuần phiên 1 con gà, 3 đấu xôi, 2 bát rượu lớn.

27. Hàng năm tiết Khai Hạ nếu có thịt lợn thì biếu các chức sắc luân lưu đến lượt giữ chiêng, 1 chân giò, còn như mổ trâu bò thì biếu 1 miếng thịt giá 1 mạch tiền cổ theo lệ.

28. Hàng năm 9 bàn hai giáp Đông Đoài luân lưu giữ đồ vật thờ Thần. Tiết Khai Hạ mổ lợn trâu bò thì biếu thịt cũng như vật, gồm 2 đấu xôi, 2 bát rượu to y như lệ cũ.

29. Lệ thờ cúng Thần bốn quý hàng năm, bản xã đã có 1 mẫu 6 sào ruộng công, mỗi tiết 4 sào, tính lấy 1 mâm xôi cốt sao ngon lành sạch sẽ, tính theo cân. Người nấu xôi ngon, thưởng cho 36 văn, người nấu xôi không sạch sẽ, không ngon và thiếu cân thì cũng phạt như tiền thưởng trên.

30. Tiền làm cỗ tiết Thường Tân hàng năm, thu nhà chùa 1 quan; lại lấy 1 thửa ruộng công ở xứ Hàng Cơm luân lưu cày cấy, 5 đấu to gạo tẻ cốt là gạo mới đầu mùa, gà, rượu. Còn có 1 sào ruộng công do hương lão luân lưu cày cấy cấp tiền để Thủ từ chỉnh biện đủ lễ. Tích phu tuyên mời hương lão, quan viên, chức

sắc xã thôn cùng đến làm lễ. Lễ xong, những người có mặt cùng nhau uống rượu.

31. Lệ tiết Thường Tân, cho quan viên, hương lão các chức sắc xã thôn sau 5 ngày chuẩn bị đủ lễ vật không được chậm trễ, lại lấy 7 bát đơn gạo tẻ ở ruộng công mà hương lão luân lưu canh tác để sắm lễ. Từ thượng lão giở xuống phải dùng áo đen, không được mặc áo trắng để trong việc thờ cúng Thần, người nào làm trái thì phạt 1 mạch tiền.

Các điều trên đây bản xã đã thuận tình. Nếu sau này người nào thay đổi lệ làng thì Thần linh không dung tha.

Hương lệ lập ngày mồng 1 tháng 2 năm Gia Long 10 (1811).

Viết hương lệ: xã trưởng Nguyễn Hữu Huy ký
hương lão Nguyễn Hữu Tại điểm chỉ.

Ngày 20 tháng 12 năm Duy Tân 9 (1915)
Lý trưởng xã Tu Hoàng đi vắng.
Kỳ mục kiêm chủ tế Nguyễn Văn Lạp ký thay.

Quan viên, hương lão, viên sắc, xã khán, chức dịch cùng trên dưới toàn xã Tu Hoàng, huyện Đan Phượng, phủ Quốc Oai lập giao ước: Do từ trước đến nay bản xã chưa chọn được tuần phiên tuần phòng, có sự đùn đẩy công việc và làm hàng rào sơ sài, đến nỗi trộm cướp thường lẻn vào trộm cắp, làm cho phong tục của dân dần mai một. Dẫn đến hiềm khích nhau sinh ra kiện tụng nhau, khiến cho bản xã phí tốn tiền bạc. Vì vậy mọi người cùng nhau hội họp định ra lệ để dân cư được yên. Tất cả các điều lệ kê khai vào sau đây.

Kê:

1. Trong xã tuần phòng vẫn quy định: Viên sắc, xã khán, chức dịch hiện đã được bầu vào chức trưởng khi đi tuần phòng đều được xét miễn. Còn người từ 18 đến 48 tuổi đều chia làm bốn phiên luân lưu tuần phòng canh giữ. Nếu xã trưởng đủ khoá mà lại bầu làm việc không đủ khoá thì bổ thêm bắt đầu từ tháng 7 hàng năm canh giữ cho hưởng lộc y như lệ cũ. Nếu như có việc gì phải hội họp mua sắm thì chiếu theo trong phiên mà bổ đều. Còn đường cai thì tuỳ theo khả

năng mà lần lượt luân chuyển, các điếm thì tuỳ nơi hiểm yếu mà phân chia theo khu, chọn bầu trưởng khu, dựng trạm gác hàng đêm phải trực canh giữ, nhưng quy định phải có đòn xóc tre dài từ 10 thước đến 15 thước, đuốc dài 4 thước, hoành yêu 6 tấc mỗi suất 1 bó, hòm đá mỗi hòm 10 hòn, bùi nhùi mỗi điếm 1 túi giấy gai, đem theo mỗi suất 1 dây. Quan viên xã thôn trưởng luôn luôn kiểm tra, nếu người nào làm nghề thủ công và buôn bán, thuê mướn người nơi khác thì cho trình với xã khán làm bằng; cho nộp giầu cau ở khu ấy mỗi tháng 36 văn tiền. Đang đêm nếu bọn cướp đột nhập vào khu nào thì khu ấy cắt cử 1 người tuỳ phương tiện hô hoán, dẫn đường cùng đến cứu viện. Khán thủ, cai phiên cắt cử 2 người lưu lại phát loa hiệu bắt giữ. Khu lân cận đem đủ đuốc lửa tiếp sau. Còn các chức sắc ám hiệu lặng lẽ nhanh chóng ra ngoài đến nơi có bọn cướp đột nhập chặn đường. Người không đủ sức thì cũng phát hiệu đuổi đến nơi bọn cướp đột nhập. Nếu qua loa, lười biếng đến nỗi bọn cướp lấy được của cải trốn đi, thì phạt khu ấy 3 mạch tiền cổ, phạt khán thủ 3 mạch tiền cổ, phạt tuần phiên 6 mạch tiền cổ. Lại cho khán thủ kiểm soát người nào vắng mặt thì phạt 3 mạch tiền cổ. Nếu người nào lý gian thì xét xử không tha, còn như ai đó cố gắng chống cự, lấy lại được tài sản bị mất thì chia đều tài sản đó làm 3 phần, trả lại cho người có của 2 phần, thưởng cho người có công 1 phần. Ai bắt được 1 tên cướp lấy được trâu bò thì thưởng cho 3 quan tiền cổ. Người nào bị thương tích tuỳ theo nặng nhẹ cũng xét bổ cho bọn ấy tiền uống thuốc. Nếu không may bị chết thì cho 1 suất nhiều nam giống như các chức sắc. Lại xét theo hương ẩm cấp cho 6 quan tiền cổ, 1 bát đầy gạo. Người nào bắt được kẻ trộm đục tường, khoét vách thì thưởng 3 mạch tiền cổ, cũng chiếu bổ thu tiền y như lệ trước.

2. Năm xóm trong xã, mỗi xóm chuẩn bị 1 cái thúng sơn, 2 cái sảo nhỏ, 6 cái sảo sơn, 2 cái câu liêm để phòng hoả hoạn. Nếu ban đêm bị bọn cướp đốt lửa bốc cháy thì các hương lão từ 49 tuổi đến 59 tuổi dẫn dân đinh từ 17 tuổi giở lên đến cứu viện. Xong việc sẽ điểm số, nếu người nào vắng mặt thì phạt 1 mạch tiền cổ.

3. Ban ngày, nếu có ai không đeo phù hiệu mà đem quân lính ức hiếp việc gì, người nào biết rõ lập tức đánh 1 hồi 9 tiếng mõ thì mọi người trong xã phải cầm dùi cui, gậy gộc nhanh chóng đến nơi ấy cứu viện. Sau khi xong việc kiểm soát, người nào vắng mặt thì phạt 3 mạch tiền.

4. Hàng rào bốn phía xung quanh làng, bản xã đã bồi đắp cẩn thận để để phòng bọn gian phi. Măng tre ở trong và ngoài thì cấm cắt về ăn. Nếu người nào tự tiện bẻ măng và tự tiện chặt tre mà tuần phiên bắt được thì phạt 1 mạch tiền. Ai thấy mà bỏ qua không bắt thì cũng phạt 1 mạch. Hàng rào tre ấy hạn ngoài 3 năm thì trình với bản xã mới được chặt và khi chặt thì lưu lại 3 thước gốc để làm dấu. Người nào vi phạm cũng phạt 1 mạch tiền. Người nào đeo phù hiệu, tự tiện đem lính đến bản xã lấy tre, gỗ ở xứ ấy, ai biết được thì lập tức trình với chức dịch tuần phiên phát hiệu lệnh cùng đến xử ấy xét hỏi. Nếu như có giấy tờ mang theo thì thu lấy để tuần phiên khám xét. Còn không có giấy tờ gì thì cấm cho chặt cây.

Khi có việc công mổ trâu, mổ bò dọn mâm cỗ cần có lạt buộc cũng không được tự tiện chặt tre ở bờ rào xung quanh đình. Người nào vi phạm thì phạt 3 mạch tiền cổ. Từ nay về sau các xóm chiếu theo phần đường và tre pheo thuộc địa phận mình mà chú ý bồi đắp thêm. Nếu bị trống hở thì phạt 4 mạch tiền. Đường ở hai bên trong xóm chỗ nào có đất của riêng cũng phải làm hàng rào không được để trống không. Nếu không tuân theo cũng phạt 3 mạch tiền cổ.

5. Người nào trong xã có việc gì uất ức không chịu nổi thì trước tiên biện giấu cau trình với bản xã phân xử, cốt sao tránh được sự kiện tụng cho dân được yên. Nếu người nào không tuân theo khoán ước mà tự tiện kiện vượt cấp thì sẽ phạt 3 quan tiền cổ. Người nào đã trình bản xã phân xử rồi mà vẫn không nghe theo lại sinh sự kiện lên mà vẫn xử như bản xã đã phân xử thì cũng phạt 3 quan tiền cổ. Số tiền phí tổn bao nhiêu thì người đó phải chịu. Nếu như của cải trong nhà không đủ thì bắt con cháu, anh em trả cho đủ số. Nếu người nào

làm việc công mà lại nẩy sinh oán thù riêng, kêu lên ở nhà nào thì số tiền phí tổn hết bao nhiêu thì bản xã cùng chịu.

6. Theo phong tục tốt đẹp của làng xóm là trọng người có tuổi và người có tư cách. Nếu người nào sinh hư ăn trộm ăn cắp buồng chuối, buồng cau hoa màu rau cỏ từ vật nhỏ đến vật lớn mà bị bắt quả tang và vô cớ đánh người lương thiện cướp của hiện đã có án xét xử, khi mãn hạn trở về mà ngoan cố không thuận theo làng xóm thì đến 50 tuổi không được khao lão.

Nếu kẻ ấy ngoan cố vẫn dọn cỗ mời khao vọng theo lệ, người nào thiên vị tự tiện đến uống rượu thì bị phạt 3 mạch tiền cổ. Khi có việc công, người nào muốn lấy công làm tư, lại ngoan cố không chịu nhận lỗi thì không cho tham dự lễ lên lão. Nếu tự giác nhận là sai và xin tạ tội thì tha thứ.

7. Nếu bản xã có việc gì mà nghe mõ đánh mời đến dự việc bầu cử thì nên lập tức cùng nhau đến nơi họp hành để bình chọn. Người nào đi vắng thì châm chước miễn cho, nếu người nào lười biếng họp lâu rồi mới đến thì phạt 10 miếng giầu, hoặc giả mượn cớ để cáo vắng thì phạt 3 mạch tiền. Người nào có tang thì không nằm trong lệ này.

8. Người nào trong xã có thói xấu vô cớ mượn rượu la hét, chửi đổng thì phạt 3 mạch tiền cổ.

9. Ngày 15 tháng 11 mùa đông hàng năm theo lệ thu tiền thuế trâu bò trước mỗi con 1 mạch, bê thì mỗi con 30 văn, lấy thêm 3 quan tiền phụ canh để biện lễ thờ thần linh. Các quan viên chức sắc phải đi khám xét hàng rào xung quanh 4 phía, nếu hàng rào thuộc địa phận xóm nào bị trống hở thì phạt 6 mạch tiền cổ. Lại báo với các tuần phiên cùng những người tuần phòng họp xét sự thực và tuyên đọc các điều khoản ước để khuyến khích người có công và trừng trị kẻ ngang ngạnh. Nay lệ.

10. Những người ở các quán cơm củi lửa phải thật cẩn thận để phòng hoả hoạn, đêm đêm phải nhờ tuần phiên xem xét. Hễ thấy những thứ dễ bén lửa còn lại ở đâu thì phạt chỗ đó 3 mạch tiền cổ.

Nếu sơ suất từ khi trời sáng cho đến canh 1 nửa đêm mà để hoả hoạn thì phạt tuần phiên 3 mạch tiền cổ. Tháng 12 hàng năm, khu chợ phải cấp 1 quan tiền giấu tiền chè cho tuần phiên. Nếu bị kẻ nào manh tâm gây cháy thì phải lập tức đến nơi cứu viện, không được viện theo khoán ước cũ.

11. Đường sá trong xã có nơi có bờ ao nên làm cầu để tiện việc tắm giặt. Nơi nào đó có người đứng trên bờ tắm giặt thì tuần phiên bắt phạt 3 mạch tiền cổ. Nếu theo thói cũ, bản xã nhìn thấy dấu tích thì phạt tuần phiên ấy 3 mạch tiền cổ, nếu địa thế trong xã bằng phẳng thì các xứ ao hồ để nguyên như cũ không được đào sâu thêm, những chỗ đào mới phải lấp lại. Nếu người nào không nghe theo cứ đào xuống thì cho điểm ấy trình lên xã, nếu vẫn không nghe theo thì phạt người ấy và điểm ấy sáu mạch tiền cổ. Nay lệ.

Lập giao ước này 22 tháng 04 năm Gia Long 13 (1814)

Viết giao ước: xã trưởng Nguyễn Hữu Huy ký, hương lão Nguyễn Hữu Tại điểm chỉ, hương lão Nguyễn Bỉnh Di ký, hương lão Nguyễn Xuân Viết điểm chỉ, hương lão Vương Đình Trực điểm chỉ, hương lão Nguyễn Viết Thốc điểm chỉ, Nguyễn Hữu Du ký, Nguyễn Đình Diệu ký, Nguyễn Ích Thế ký, bản xã đã tham dự việc khoán lệ, hương lão Vương Đình Hựu điểm chỉ, hương lão Tuấn Nghĩa ký, hương trưởng Nguyễn Duy Truân ký, hương trạm Nguyễn Trí Tuấn ký, Nguyễn Đình Lỗi điểm chỉ, Nguyễn Văn Đẳng điểm chỉ, khán thủ Bùi Đình Thịnh điểm chỉ, chức dịch Vương Đình Lương điểm chỉ, Nguyễn Bá Tiên điểm chỉ, Nguyễn Bá Trọng điểm chỉ, Nguyễn Xuân Tài điểm chỉ, Nguyễn Hữu Đản ký, Nguyễn Thời Hoa điểm chỉ.

Ngày 10 tháng 8 năm Thiệu Trị thứ 3 (1843), hương lão xã Tu Hoàng cùng nhau hội họp lập điều lệ vì bản xã từ trước tới nay người dân phần nhiều có thói cấu kết bè đảng, tư biện bản chức dịch của

thôn để lấy tiền tiêu riêng, không cho hương lão cùng biết. Đó là thói xấu của phong tục giáo hoá, bởi người già nên nghỉ ngơi. Thiết nghĩ rằng: Nếu cứ theo tục cũ thì càng ngày càng lan ra, sợ tổn thương đến phong tục giáo hoá. Vì vậy, cùng nhau hội họp lập ra điều lệ rằng: Từ nay về sau hễ viên lý trưởng hoặc quan dịch nào, hoặc có chiếu bổ, hoặc mua việc gì thì lý trưởng có lời với hương lão, thượng bàn sai tích phu đánh mõ 1 hồi 6 tiếng, hương lão cùng đến ở đình tham gia xem xét phải trái, đúng là mua việc gì, cùng thoả thuận ký tên điểm chỉ mới được. Số tiền tiêu việc gì hết thì xin dân xét để biết đủ, thiếu cho thoả lòng dân. Nếu người nào theo thói cũ tự tiện mua việc gì thì trình lên để phạt không tha thứ. Hoặc viên hương lão nào quen thói cùng với lý trưởng ba bốn người dựa vào hương lão tự tiện bán việc gì thì phạt 1 quan 2 mạch tiền. Nay lệ.

Do hương lão lập giao ước.

Thượng lão Nguyễn Ích Vĩnh ký, Lê Đình Kim ký, Nguyễn Đình Kiên ký, Bùi Đình Hiệu điểm chỉ, Vương Văn Bối điểm chỉ, Nguyễn Duy Huấn ký, Nguyễn Hữu Bạng ký, Nguyễn Xuân Kiến điểm chỉ, Vương Đình Chế điểm chỉ, Nguyễn Khắc Dụng ký, Nguyễn Khắc Đĩnh điểm chỉ, Nguyễn Văn Lĩnh điểm chỉ, Vương Đình Hoà điểm chỉ, Nguyễn Văn Tinh điểm chỉ, Nguyễn Xuân Khê ký, Nguyễn Đình Tiến điểm chỉ, Bùi Đình Tống điểm chỉ, Vương Đình Thông điểm chỉ, Nguyễn Văn Trượng điểm chỉ, Vương Văn Điếu điểm chỉ, Vương Xuân Đán điểm chỉ, Đàm Bá Linh ký, Vương Đình Vĩnh ký.

Hương lão, lý dịch cùng toàn xã Tu Hoàng huyện Đan Phượng xưa nay vốn có phụng thờ Lý Nam Đế. Xưa có ngôi đình đặt hướng Giáp ngoảnh hướng Canh. Giữa chừng thì chuyển đặt hướng Mão ngoảnh hướng Dậu, nên người cũng như vật của nhân dân trong xã không được yên ổn. Đến nay toàn xã cùng nhau hội họp bàn việc xây dựng đình. Con người ta sống chỉ được 100 năm mà đình đã 200

năm, các vị quan viên há lại điềm nhiên mà ngồi nhìn hay sao? Bèn gọi thợ tiếp tục xây dựng. Mấy người thợ tên là Hạng, tên là Lợi chuyển xây dựng theo hướng cũ là đặt hướng Giáp ngoảnh hướng Canh, từ máng cho đến nóc không được dỡ ngói, còn như phía dưới thì làm y nguyên như cũ. Việc thuê thợ thì cứ mỗi người mỗi ngày cho 1 mạch 18 văn tiền và 1 đấu rưỡi gạo cho đến khi hoàn thành thì tuỳ theo dân xét mà cho. Đình hư hỏng nhiều quá thì bản xã làm mới. Nếu như thợ mộc làm nửa chừng rồi bỏ dở thì bản xã sẽ phạt không tha thứ. Người nào trong xã có suy tính khác thì không tính ở đây. Nay lệ.

Lập giao ước ngày 25 tháng 11 năm Tự Đức thứ 7 (1854)

Lý trưởng Nguyễn Hữu Phương ký, hương lão Nguyễn Duy Huấn ký, hương lão Nguyễn Xuân Dụng ký, hương lão Nguyễn Xuân Khê ký, hương lão Trịnh Trạch ký, Nguyễn Văn Điển ký, cựu lý trưởng Nguyễn Văn Trang ký, cựu lý trưởng Nguyễn Duy Bính ký, hương thủ Lê Quang Chiếu ký, cựu lý trưởng Nguyễn Duy Hoàn ký, Vương Đình ký, hương lão Vương Đình Chấn ký, hương lão Nguyễn Văn Vinh ký, hương lão Nguyễn Đình Ngự ký, cựu lý trưởng Nguyễn Văn Tầm ký, Nguyễn Văn Ấm ký, Nguyễn Văn Truân ký, hương lão Nguyễn Văn Năm điểm chỉ, Vương Văn Cam điểm chỉ, hương lão Nguyễn Văn Tính điểm chỉ, hương lão Nguyễn Văn Hạng điểm chỉ, Vương Văn Tính điểm chỉ, Nguyễn Xuân Huân ký, Nguyễn Văn Nhân ký, hương dịch Nguyễn Văn Mão điểm chỉ, Bùi Văn Cát điểm chỉ, Nguyễn Văn Phương điểm chỉ, Nguyễn Văn Lợi điểm chỉ, Nguyễn Văn Hạng điểm chỉ, Nguyễn Văn Ba điểm chỉ, Nguyễn Xuân Tư ký, Nguyễn Văn Hiến ký. Bản xã cùng thuận.

Hương lão, quan viên, lý dịch cùng toàn xã Tu Hoàng, huyện Đan Phượng, phủ Quốc Oai cùng nhau lập khoán ước về việc bản xã

vốn có một đoạn bờ đê ở xứ Cửa Giáo, tiếp cận địa phận Nguyên Xá, năm trước bị nước phá vỡ hư hỏng chưa kịp bồi đắp lại nên người và vật trong dân không được yên ổn. Vì vậy bản xã hội họp, nghĩ cách bồi đắp đê cho người và vật được yên ổn, mãi mãi không thay đổi. Toàn xã lập khoán ước giao cho tuần phiên ngày đêm canh giữ đoạn đê này. Hễ nhìn thấy người Nguyên Xá hoặc người nào trong xã đào bới, phá đoạn đê ấy thì báo cho xã biết. Nếu bắt được kẻ đó thì xã sẽ thưởng cho 1 mạch tiền cổ. Nếu để đoạn đê hư hỏng mà không biết thì cũng phạt như vậy. Nay lệ.

Lại một lệ nữa rằng: Đoạn đê đó ở gần thôn Nguyên Xá, nếu người trong thôn ấy muốn cuốc phá thì người nào tuần phiên trong thôn can thiệp mà không may bị thương thì bản xã cùng chăm lo. Nay lệ.

Khoán ước lập ngày 16 tháng 6 năm Tự Đức 26 (1873)

Hương lão Nguyễn Văn Tích điểm chỉ, hương lão Nguyễn Khắc Lợi điểm chỉ, hương lão Nguyễn Văn Hạng điểm chỉ, Nguyễn Xuân Sáu điểm chỉ, Nguyễn Văn Hiền điểm chỉ, Nguyễn Văn Lợi ký, Nguyễn Văn Bảy ký, Nguyễn Văn Huy ký, Nguyễn Văn Ấm ký, Nguyễn Văn Việt ký, Nguyễn Văn Căn ký, Nguyễn Văn Trinh ký, Bùi Đình Tính ký, Vương Đình Uyển ký, Nguyễn Văn Sáu điểm chỉ, Nguyễn Văn Bệ ký, hương trưởng Nguyễn Duy Dược ký, viết giao ước Nguyễn Đức Nhuận ký, lý trưởng Trịnh Hồ ký tên và đóng dấu.

Hương lão, kỳ mục, lý dịch cùng toàn xã Tu Hoàng, huyện Đan Phượng cùng nhau lập khoán ước về việc giáp giới của bản xã ở đường quốc lộ cho nên quan quân nước đại Pháp và quan quân nước ta luôn luôn đi lại, bất chợt vào bắt phu hoặc mua các đồ ăn uống đến nỗi phụ nữ và trẻ con trong xã vô cùng kinh hãi, thật không tiện tỷ nào. Vì vậy bản xã hội họp tại đình nghị định rằng: Từ nay về sau nếu bất chợt gặp quan quân vào thì tuần phiên trực nhật ngày đó đến

ngay đình đánh 6 tiếng chuông làm hiệu. Các vị kỳ mục phải đến đình lấy 5, 6 người phiên trực ngày đó đi theo lý dịch để sai khiến. Nếu có bắt phu thì cứ những người trực ấy phải lo thừa hành, gánh vác. Bản xã thuận tình cho những người trực ấy lương ngày, mỗi người mỗi ngày 2 mạch để thêm vào chi phí. Nếu tuần phiên tự tiện bỏ vắng thì bản xã sẽ phạt tuần phiên từ trên xuống dưới là 3 quan 6 mạch tiền thì chớ có hối hận. Lại có điều lệ cụ thể ghi ở sau:

Điều lệ quy định cho mỗi phu gánh vác lương ngày chiếu theo số thu toàn xã mỗi nhà là 2 mạch.

Khoán ước lập ngày 21 tháng 5 năm Đồng Khánh nguyên niên (1886)

Hương lão Nguyễn Văn Sáu điểm chỉ, Nguyễn Văn Căn ký, Nguyễn Văn Cân ký, Nguyễn Văn Bật ký, Nguyễn Hữu Viên ký, Vương Văn Tư điểm chỉ, Nguyễn Văn Nguyên điểm chỉ, Đàm Xuân Quỳnh ký, Nguyễn Duy Thược ký, Vương Đình Khoan ký, Nguyễn Đức Nhuận ký, Nguyễn Duy Chước ký, Nguyễn Văn Cần ký, Nguyễn Văn Việt ký, Trịnh Chiêu ký.

Người viết khoán ước: Nguyễn Khắc Hành ký, lý trưởng Nguyễn Hữu Giản ký tên đóng dấu.

Ngày 10 tháng Giêng năm Duy Tân 10 (1907)

Lý trưởng Nguyễn Văn Tạo xã Tu Hoàng kính sao khoán ước điều lệ của bản xã.

TỜ KHOÁN THÔN QUAN NHÂN

Lập ngày 13 tháng 9 năm Gia Long thứ 3 (1804)
Bản sưu tầm tại địa phương

Thường nghe nói: Người có công thì được dân thờ phụng, lệ đó từ xưa đã có. Vị tiến sĩ thôn ta vốn người họ Lưu (tên khắc ở bia là Lê Trọng Điển). Tên ngài đã bén bảng khôi khoa, thân ngài được mặc áo vua ban, cầm cờ tiết việt. Ngài đã tạo lập giúp dân như khơi tháo đê đập, đắp lũy đào hào để bảo vệ địa giới. Ngài đã xuất ra 10 hốt bạc tinh ngân (mỗi hốt 10 lạng) giúp dân xây sửa đình chùa, lại mua dãy ao dọc theo đường, để giúp dân hưởng nguồn ngư lợi.

Ôi, sự nghiệp văn chương của tướng công, nhà nước còn thường trông cậy, huống gì dân thôn ta nhờ ngài mà chấn hưng phong tục văn minh; ai đâu dám quên công đức của ngài.

Ngày nay cũng như mai sau, dân nhìn lên ngôi đình, ngôi chùa, càng nhớ đến công ngài, nhìn xuống mặt ao càng cảm ơn công đức của ngài. Cứ nhắc đến những sự việc ấy, há lại có thể không vui không tự hào được sao?

Do vậy, dân thôn định lệ rằng: Hàng năm cứ đến ngày 25 tháng 10 là ngày giỗ ngài. Trước ngày đó, dân phải tổ chức ra ao thả lưới bắt cá, lấy cá làm lễ dâng cúng trong nhà thờ ngài. Đến 25 là ngày giỗ chính, thôn phải sắm lễ hương hoa giầu rượu, cử chức sắc kỳ lão 4 giáp đến dâng lễ, vái lạy ngài. Đối với người lo việc thờ tự tại nhà thờ

ngài, thôn miễn trừ cho việc đi lính, đi tuần, làm tạp dịch; hàng năm, thôn tế Khánh Hạ được hưởng cỗ biếu. Lễ biếu là biểu thị sự biệt đãi, vừa để úy lạo người xưa vừa để hợp đạo lý thời nay, đồng thời còn có ý nghĩa truy viễn công ơn người đã quá cố.

Dân thôn nguyện đời đời tuân thủ, thận trọng, không làm trái các điều quy định.

Nay định thành lệ.

Tờ khoán lập ngày 13 tháng 9 năm Gia Long thứ 3 (1804)

Khán thủ Nguyễn Huy Oánh ký

Nguyễn Đình Thạc ký

Nguyễn Đình Bảo ký. Đỗ Đình Cảo ký. Hà Đình Vinh ký. Nguyễn Đình Tuyên điểm chỉ. Nguyễn Công Đạm ký. Phạm Bá Viên ký. Tạ Đình Tiến ký. Phạm Tiến Lộng ký. Nguyễn Đình Trường ký. Ninh Hữu Châu ký. Nguyễn Huy Lịch ký. Phạm Duy Trị ký. Lưu Bá Thực ký. Lưu Kim Thanh ký. Phạm Bá Khẩn ký. Phạm Duy Vinh ký. Trần Đình Luật điểm chỉ. Lê Đình Kiên ký. Nguyễn Đình Bảo ký. Nguyễn Đình Mạo điểm chỉ. Lê Doãn Nhượng ký. Nguyễn Đình Tràng ký. Trần Nguyễn Ngoạn ký.

Toàn thôn đã ký và điểm chỉ; tuân theo đúng bản chính. Hoàng đế có câu đối tặng ngài:

Tất công kiều mộc bang chi vọng

Thiệu Bá cam đường nhân sở tư.

ĐIỀU LỆ XÃ ĐÔNG NGẠC

Lập năm Cảnh Hưng 2 (1741)

Ký hiệu A.2506 - Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Dịch nghĩa:

ĐIỀU LỆ XÃ ĐÔNG NGẠC[1]

Các vị quan viên hương lão, xã trưởng, thôn trưởng cùng toàn dân trên dưới xã đông ngạc, huyện Từ Liêm, phủ Quốc Oai {lập hương ước}.

Bởi lẽ bản xã trước đây có vị quan được tặng Công bộ Thượng thư, tước Lộc quận công là Phạm tướng công và bà vợ cả là Lệnh nhân Phạm Thị cúng cho xã 9 mẫu ruộng và 240 quan tiền cổ để biện lễ thờ cúng. Nay mọi người trong bản xã họp bàn, truy nhớ công ơn của tướng công vì trước đây khi sinh thời ông đã trùng tu miếu mạo, dâng áo giầu. Tướng công có công đức như thế với dân và được hưởng thờ tự theo lễ nghi cúng tế. Vì thế ghi rõ các lễ nghi phối hưởng làm hậu thần; vĩnh viễn không thay đổi. Nước có phép thường vì vậy lập bản bàn giao để chiếu theo làm lễ. Các tiết tế lễ liệt kê như sau. Kê khai:

Điều 1: Ba ngày tết Nguyên Đán tháng Giêng đầu xuân, mỗi ngày soạn 1 cỗ xôi, 1 con gà y lệ.

Điều 2: Ngày mồng 2 tết mở hội ca hát thì có lệ rước Thần và an vị xong thì 3 hàng xã và 8 giáp chỉnh biện cờ, trống, áo, mũ dâng

[1] *Tục lệ cổ truyền làng xã Việt Nam...* S.đ.d.

giầu cau cáo ở từ đường, rước Thần vị ra miếu đặt ở nơi trang trọng và làm lễ an vị. Trong ngày rước ấy thì soạn 1 mâm xôi, thịt. Lễ xong, kính biếu bản tộc.

Ngày tiễn Thần vị, soạn 1 mâm xôi thịt. Lễ xong, kính biếu bản tộc. Hai giáp soạn lần lượt các ngày ở giữa, mỗi ngày 1 mâm xôi thịt, bánh trôi và cam, cộng là 1 mâm (bánh trôi 12 viên, cam 10 quả) chỉ kính biếu bản tộc một ngày. 8 giáp tuỳ theo phiên trực mà soạn lễ (các chỗ trên đây đều tuỳ theo lệ nghênh rước). Đến khi ca hát xong, hàng 3 xã và 8 giáp lại trở về từ đường để làm lễ an vị. Nay lệ.

Điều 3: Ngày mồng 2 tết đầu xuân lễ cầu phúc không có ca hát chỉ soạn 1 mâm xôi thịt cùng đèn nhang, giầu cau do giáp đang cai chỉnh biện. Lễ xong kính biếu bản tộc.

Điều 4: Ngày tế Xuân thì soạn một mâm cỗ, đèn nhang, giầu cau, rượu, mổ thịt làm lễ. Lễ xong kính biếu bản tộc.

Điều 5: Ngày lễ cầu an, soạn một mâm cỗ chay.

Điều 6: Ngày lễ Thượng Điền, soạn một mâm xôi thịt, đèn nhang, giầu cau, rượu do giáp đang cai biện lễ. Lễ xong biếu bản tộc.

Điều 7: Ngày lễ Thường Tân, soạn một mâm xôi thịt, cơm, đèn nhang, giầu cau, rượu, mổ thịt làm lễ. Tế xong, kính biếu bản tộc.

Điều 8: Lễ ngày tháng Chạp, soạn một mâm xôi thịt cùng đèn nhang, giầu cau, rượu giáp đang cai chỉnh biện làm lễ. Lễ xong biếu bản tộc. Các tiết trên đây đều kính cẩn thờ cúng ở trong miếu.

Điều 9: Về lễ vật ngày giỗ, mỗi giỗ giết 1 con bê (giá 6 quan tiền cổ). Mỗi giáp 1 cỗ xôi, mỗi cỗ xôi là 10 đấu gạo nếp. Còn cỗ hàng canh thì biện một mâm cơm, đèn nhang vàng mã giầu cau, rượu do giáp đang cai chỉnh biện. Lễ xong mâm cỗ hàng Canh kính biếu bản tộc. Còn lại thì chia đều cho 8 giáp. Các vị quan viên, hương lão đều về uống rượu với 8 giáp.

Lập điều lệ hương ước ngày mồng 4 tháng 2 năm
Cảnh Hưng thứ 2 (1741).

Xã trưởng Nguyễn Hữu Điều ký, quan viên cùng ký,
hương lão cùng ký, thôn trưởng 8 giáp cùng ký.
Toàn dân trên dưới toàn xã cùng ký.

Ngày 24 tháng 3 năm Cảnh Hưng thứ 2 đời Lê (1741), toàn dân trên dưới do trước đây có vị được tặng công bộ hương thư là lộc quận công cùng vợ ở bản xã đặt ruộng hậu thần với 8 giáp và ruộng rau ruộng muối của giáp đương cai hàng năm. Các thửa ruộng được phân của bản giáp cộng là 9 sào 4 thước 8 tấc. Lại phân chia 1 thửa cho giáp đương cai là 1 sào 3 tấc. Còn lại thì bản giáp chia đều, chiếu theo thứ tự luân lưu cày cấy. Hàng năm những người canh tác mỗi người soạn 1 mâm.

Các phía Đông Tây 4 bên của các thửa ruộng phân chia lần lượt trên dưới, kê vào sau đây.

Kê:

Phần thứ 1: Cộng tất cả là 2 sào 4 thước 9 tấc (khi thu hoạch thì lấy 2 phần 5 bát thóc): 1 thửa ruộng ở địa phận xã Khang Cáo là 1 sào 12 thước 9 tấc. 1 thửa ở xứ Man Đông là 7 thước (nguyên là 1 thửa chia ra 4 phần).

Phần thứ 2: Cộng tất cả là 2 sào 10 thước 1 tấc (lấy thóc là 10 bát đồng quan): 1 thửa ruộng ở xứ Đồng Lũ Sái là 1 sào 10 thước 1 tấc. 1 thửa ở xứ Man Đông 1 sào 2 thước.

Phần thứ 3: Cộng tất cả là 2 sào 8 thước 5 tấc: 1 thửa ở xứ Man Đông là 1 sào 5 thước 2 tấc. 1 thửa ở xứ Cù Bình 1 sào 3 thước 3 tấc.

Phần thứ 4: Cộng 2 sào 4 thước 3 tấc (khi thu hoạch thì lấy 2 phần 5 bát thóc): 1 thửa ở xứ Nhà Cù Ma 1 sào 11 thước 8 tấc. 1 thửa ở xứ Man Đông 7 thước 5 tấc.

Số ruộng trên đây hàng năm luân lưu chia làm 4 phần cày cấy. Đến ngày 25 tháng Giêng, mỗi người canh tác nộp 5 mạch tiền cổ và tiền hoa lợi ở 2 mẫu ruộng trà lấy để làm giỗ quan Hậu thần.

Một thửa ruộng của giáp đang cai ở xứ Đội Hạ là 1 sào 3 thước.

Kê khai:

1) Tháng Giêng tết Nguyên Đán theo lệ cũ là 3 ngày đều có gà, xôi, rượu... Vào năm Giáp Tuất thì lần lượt chia bổ thành 10 hàng, mỗi người cấp 6 mạch tiền cổ. Cộng tất cả là 6 quan tiền cổ dùng để mua lễ. Ngày mồng 1, 1 con lợn, 1 mâm xôi cùng vàng mã, giấu rượu. Ngày mồng 2, mồng 3 mỗi ngày 1 con gà, 1 mâm xôi. Ba ngày đều soạn đủ lễ. Lễ xong, thủ lợn và 1 bát xôi biếu trưởng quan và biếu cỗ quan chầu. Việc cúng tế quan hậu thần quy định như sau: 3 ngày mỗi ngày 1 con gà, 1 cỗ xôi vàng mã, giấu cau, rượu. Còn gạo cấp cho 8 giáp mỗi tuần mỗi giáp 1 bát làm lễ. Giáp Nhạc nhận lễ đó giao cho quan từ đường cùng con em làm lễ. Theo lệ cũ giáp Nhạc được để lại tiền thuế là 1 quan 2 mạch. Nay lệ.

2) Tiết lễ khai hạ: Theo lệ cũ thì lễ gồm có 3 con gà, 1 cỗ xôi vàng mã, giấu rượu (chỉ giáp đương cai nhận lễ, giáp Nhạc thì làm lễ, lễ xong để ở giáp Nhạc).

Lại ở nơi hành lễ thì biện 100 vàng mã, 1 cơi giấu, ở đường Tam Ba cũng biện 100 vàng mã, 1 cơi giấu (8 giáp đang cai hành lễ). Còn tiền cấp ở 8 giáp đương cai tuần gạo thì mỗi giáp 1 bát. Lệ cũ có để lại tiền thuế là 6 mạch tiền cổ cho 8 giáp đang cai chia đều.

3) Lễ giỗ quan hậu thần ngày 20 (tháng Giêng): Làm thịt 1 con bê, vàng mã, đèn nhang, cơm xôi, thịt, giấu cau, rượu (8 giáp đang cai nhận ruộng, tiền của ruộng Hậu thần là 1 quan tiền cổ giao cho các bàn Tứ, Nhất, Nhì mua sắm lễ vật đưa đến giáp đang cai chính). Giáp đang cai chính thu nhận làm 8 mâm xôi (gạo tuần mỗi mâm 10 bát thu 8 giáp đang cai). Còn giáp Đồ tể lấy 1 chân giò làm 1 mâm cỗ cúng quan Hậu thần. Tế xong thì đầu bê biếu trưởng quan, thịt vai biếu giáp Nhạc, xương vai biếu giáp Đồ tể. Còn mâm cỗ đồ tể thì thêm mâm cỗ cúng, đem chia đều làm cỗ biếu. Quan chầu trưởng và các quan ở hàng 3, hội văn, giáp Đồ tể thì sai người đưa đi biếu ở các di tích. Còn 3 chân bê thì chia đều cho các giáp, cỗ cúng hậu thần thì kính biếu bản tộc.

4) Tiết khai ấn: theo lệ cũ thì biện 1 con lợn, 1 cỗ xôi vàng mã, giầu cau, rượu. Còn tiền thì 8 giáp đang cai mỗi giáp khoảng 4 mạch tiền cổ và 3 bát gạo tuần (giáp đương cai coi thu và giáp Nhạc làm lễ). Lễ xong, biếu trưởng quan 2 cỗ, 1 cái thủ lợn, biếu chầu quan 1 cỗ, còn lại biếu giáp Nhạc.

5) Lễ hạ tuần tháng Giêng: Lệ cũ có xin âm dương. Tiết lễ tháng 2 biện 3 con gà, 1 mâm xôi, vàng mã, giầu cau, rượu. Còn tiền thì Giáp Bát đương cai ứng ra, gạo tuần mỗi giá 1 bát (giáp đang cai lần sau coi nhận, Giáp Nhạc làm lễ). Lễ xong thì để ở giáp Nhạc.

6) Lễ ngày mồng 6: Theo lệ cũ thì phải sửa chữa nơi hành lễ: Chính ngự do 2 giáp đang cai sửa chữa, bình thiên do 6 giáp làm, lưỡng lang (hai bên hành lang) do giáp Bát làm; bàn cờ do 2 giáp đang cai làm, lá bông, măng tre thì nhị bàn Giáp Bát cùng mua. Các loại hoa quả cúng ở miếu thì 8 giáp lo. Còn như câu lan, đuốc, những tấm phên dày ở 2 bên trái do 2 giáp đang cai chịu.

7) Lễ tiết tháng 2: Thượng tuần động thổ, lệ cũ chọn ngày tốt để làm nơi hành lễ. Biện lễ 3 con gà, 1 mâm xôi vàng mã, giầu cau, rượu. Còn tiền thì giáp đang cai ứng ra, gạo tuần thì mỗi giáp 1 bát (giáp đang cai chính coi nhận, giáp Nhạc hành lễ). Lễ xong để ở giáp Nhạc.

8) Lễ ngày mồng 8: Theo lệ cũ thì các đồ thờ trong miếu phải trông coi, treo tranh hoa cây và tẩy rửa đôi hạc thờ. Còn giường sập, bàn ghế, 6 cán cờ, 3 hàng phản ở sàn phên dày ở Bình thiên, chiếu trúc ở giữa, chiếu trúc ở đường hiến rượu do 2 giáp đang cai chịu đảm nhiệm. Việc cọ rửa, lau chùi hương án, chuỳ đồng, búa riu, cùng chiêng trống, xa giá thì do 2 viên chịu trách nhiệm. Chiếu trúc trong 2 bộ giá kiệu do giáp Lục chịu trách nhiệm. Trượng hồng, nón lá do những người trung niên của giáp Bát cọ rửa. Ván sàn của giáp Bát và lộng vuông, quạt tròn, các loại cờ (do giáp Bát chịu trách nhiệm).

9) Việc thờ cúng hàng ngày ở trên điện chính. Thần vị chính ở trong nội cung gồm: thường phục, triều phục, áo mũ, cân đai. Mâm bàn, hũ rượu ấm trà của chính vị để lại long sàng nội cung. Còn ở

ngoài long sàng cũng biện lễ như thế vào các tiết Thượng Điền, ngày tháng Chạp, tháng Tư. Riêng lễ cầu phúc tháng 2 thì rước xa giá đi và rước xa giá về đã nói rõ thứ tự ở tiết đón rước tiết lễ tháng 2.

Long ngai đặt ở thảm đỏ trong cung, quần áo, mũ mão, ô lọng để ở nội cung. Các đài rượu, giầu cau, cơm nước đặt ở ngoài long sàng. Cỗ mặn thì bày ở giữa long sàng. Cỗ xôi gấc thì đặt ở phía dưới long sàng. Rồng hàng mã thì bày phía sau bên ngoài long sàng. Lại bày cỗ ngoài long sàng, gồm 1 cây đèn bấc và 2 cây đèn củ sát để 2 bên cây đèn bấc.

10) Lệ cũ đi tuần quanh đình và đi tuần phòng 3 vòng khi đón rước ban đêm ở nơi hành tại. Đi tuần quanh đình 4 lần trước và sau đêm rước.

11) Lệ rước Thần ngày mồng 10. Hễ nghe 5 tiếng trống thì Giáp Nhạc tắm rửa để làm lễ (trước đó phải vái 10 vái rồi xin tắm rửa). Lễ này soạn 1 cơi giầu cau, 1 chai rượu (2 giáp đang cai chịu trách nhiệm). Lễ xong thì Giáp Nhạc kính đặt tạm ra ngoài long sàng, thay quần áo thường phục rồi đưa vào tắm rửa (2 giáp phải ứng tiền mua giấy thơm). Lại đặt tạm áo chầu, mũ mão, cân đai ra ngoài long sàng để cho thủ từ quét dọn lau rửa ở chính giữa nội cung, rồi trải thảm hồng (tục gọi là cái thảm) vào giữa cung rồi rước vào an vị. Giáp Nhạc làm lễ, vái 10 vái để làm lễ cáo, soạn giầu cau (2 giáp đang cai chịu trách nhiệm). Lễ xong mỗi người ở Giáp Nhạc được 1 cơi giầu. Nhà sư ở chùa lớn làm lễ thì sửa soạn 1 con gà, 1 mâm xôi vàng mã, giầu cau, rượu. Lễ xong thì hạ lễ để ở giáp Nhạc. Bản xã có cỗ dâng gồm: 3 con gà, 1 mâm xôi 10 đấu gạo đầy. Lễ quan hậu thần thì soạn 1 con gà, 1 mâm xôi 2 đấu gạo đầy (giáp đang cai chính chịu trách nhiệm) giầu cau, rượu để ở giáp Bát 2 mâm, đến đêm thì đem đến giáp Nhạc. Việc rước xa giá, long ngai ở nơi hành tại ra đình cũ thì đặt tạm ngoài long sàng để giáp Nhạc làm lễ vái 10 vái xin rước Thần vị. Lễ xong, kính rước xa giá.

Lễ kính rước (xa giá), đem sơn quét thì thứ tự y như lệ khi đem đi tắm rửa.

12) Lễ kính rước [xa giá], từ khi rước cho đến khi rước xong mọi người trên dưới của 8 giáp, từ lúc tảng sáng khi nghe 1 hồi trống, ai giữ việc gì thì sẵn sàng, cứ đường thẳng đến ngoài mà ngồi. Nghe 1 hồi trống thì đứng dậy, nghe 3 tiếng lệnh thì tiếng trước hạ cờ xuống, tiếng thứ 2 kéo cờ ra, tiếng thứ 3 reo hò. Tất cả mọi người trên dưới, cầm cờ, khí trượng cùng đứng reo. Nghe thấy 3 tiếng trống nữa thì tiếng thứ 2 bắt đầu đi, tiếng thứ 3 tiến thẳng phía trước. Khi có 3 tiếng hoả khi trở đi, hễ trống giữa đánh xong thì trống trước lại đánh kế liền, trống sau lại đánh kế liền thì từ từ mà tiến cho chỉnh, chấp hiệu giữa nghe tiểu hiệu đánh thì đánh tiếp, nghe một tiếng mã la thì khẽ loa lên ốc ba hiệu cho đều, nghe 6 tiếng trống liền reo cho dậy, hễ hiệu reo mấy lần, cùng khi ngự giá đã đến hành tại. Nghe thấy hiệu reo hò thì reo 3 tiếng hoan hô. Rồi nghe thấy 9 tiếng trống, đánh 1 tiếng chiêng thì thôi. Nghe 1 hồi chiêng, các thứ đồ đạc của ai ở đâu thì cứ đến kiệu mà mang cho chỉnh tề. Dứt hồi chiêng ấy thì quay mặt vào tàn và tán, khí trượng cùng thả xuống cho đều. Đến khi rước về thì đoàn đi sau lại đi trước, còn hiệu lệnh thì cũng y như trước. Hai khu tiền, khu hậu khi về đến nơi ra hiệu mã la thì quay nghiêng mặt lại đứng chầu.

13) Khi rước đến đình cũ, hàng Tam, cùng giáp Tư văn làm lễ gồm 1 con lợn, 1 cỗ xôi và vàng mã, giầu cau, cơm rượu. Dầu đèn do 2 bàn Nhị của giáp Bát cùng chịu; còn hương đèn để rước về theo từng kỳ và việc trông coi thì giáp đang cai chính đảm nhiệm. Lấy trung nam ở giáp Bát giúp việc chỉnh biện 2 mâm cỗ. Giáp Tử đảm nhận việc rước cỗ đi trước và rước nước đi sau. Phải mặc quần áo chỉnh tề để làm lễ. Lễ xong, hàng Tam cùng giáp Tư văn và bàn Nhị đứng chầu. Nghe 3 hồi 9 tiếng chiêng liền thì cỗ được dâng vào trên dưới đều phải nghiêm trang. Sau 3 tiếng trống, liền bố trí cờ đủ ở 3 hàng. Lễ xong, tất cả mọi người trên dưới cùng ăn uống vui vẻ theo y lệ. [Sau đó] cho những người thân xung quanh mời vào đấu cờ. Ngày mãn hội thì đánh 5 tiếng trống, giáp Nhạc làm lễ tạ dâng giầu cau, vải

10 vái (tâu xin rước xa giá về). Còn cỗ bàn thì giáp đang cai chính đưa về giáp mình để chia lộc. Lấy thủ lợn biếu trưởng quan, số còn lại chia đều cho các giáp. Cỗ ở long sàng do 2 giáp đang cai phân phát. Cỗ chay ở 3 hàng chiếu trúc do trung niên của 9 giáp đảm nhiệm. Còn thảm đỏ ở long sàng và rước xa giá về (do 2 giáp đang cai đảm nhiệm), đôn đốc sắp xếp, đưa về bày đúng chỗ ở trong miếu. Khi rước về nơi hành tại thì 4 giáp đi sau sẽ đi trước, 4 giáp đi trước lại đi sau. Còn 3 kiệu giữa thì người đi sau lại đi trước. Những người không tham gia rước đi và rước về thì đi y như trước đây. Khi rước về tiến quân đến cửa Tam quan thì theo thứ tự đứng chầu ở hai bên. Quân cờ nam thì đứng chầu ở ngoài cửa tam quan; quân cờ nữ ở bên trái thì đứng giầu ở hai bên theo thứ tự ngoài tam quan. Khi xa giá vào đến trong miếu (giáp Nhạc tâu xin an vị). Nghênh rước an vị ở thảm hồng trong cung. Quan lễ bày biện cơm rượu, trà nước, bát đũa, hương đèn ở các đài (do giáp Nhạc làm lễ cáo xin được an vị) (Lễ xin an vị 10 vái). Lễ soạn giầu cau, rượu (do 2 giáp đang cai đảm nhiệm). Còn ô long và các đồ thờ cúng thì đều theo như thứ tự bài trí y như cũ.

14) Đêm mùng 10 vào hội làm lễ nghênh rước: Mua hai con lợn khoảng 10 quan tiền cổ (số tiền này do bàn Nhị giáp Bát ứng ra), giáp đang cai chịu trách nhiệm trông coi. Bàn Nhì thì chịu trách nhiệm mổ lợn, trung niên và con em của Giáp Bát làm cỗ. Thịt lợn thì chia đều cho 8 giáp, thủ lợn thì cho 2 giáp đang cai, mỡ lợn thì đợi tế xong đưa cho nhà của người đang cai chính. Mỗi giáp làm 1 cỗ xôi đâng lên, cỗ xôi hàng đầu mỗi giáp 1 mâm, cỗ cấp 3 mâm, còn cỗ Hậu thần và cỗ bộ hạ thì giáp đang cai chính chịu trách nhiệm. Tế xong thì giầu cau ở cỗ chính biếu hội xướng tế và hội văn ba cơi, giáp Nhạc 8 cơi, ban đứng chầu 1 cơi. Còn thủ lợn biếu trưởng quan, cỗ hậu thần kính biếu bản tộc, cỗ dâng bộ hạ đưa về các giáp, còn cỗ cấp biếu trưởng quan, 2 cỗ giầu thì 1 cỗ biếu quan tự khanh, 1 cỗ thì biếu chủ tế, 1 cỗ biếu cho người giữ áo chầu, 1 cỗ biếu thủ từ, 1 cỗ biếu bả lệnh. Còn bao nhiêu cỗ thì mời 3 hàng dùng. Hội văn và ban đứng chầu thì đều quy

về các giáp. Nếu có lễ giải hạn thì lấy trước cỗ của 2 giáp đang cai để đãi (vàng mã, giầu cau, rượu, nước, dầu, cơm thì giáp đang cai chính chịu trách nhiệm). Lúc đó bản xã có cỗ dâng xôi gà và cỗ hậu thần đều dâng vào sáng mùng 10 (giáp đang cai thứ chịu trách nhiệm).

15) Đêm 11 theo lệ cũ có cỗ lớn (giáp đang cai chính chịu trách nhiệm) 2 mâm cỗ bánh trôi (26 bát gạo đầy và thêm 2 bát cỗ hậu thần do giáp đang cai chịu trách nhiệm), 1 cỗ xôi (36 bát gạo đầy), 1 cỗ cam (140 quả và thêm cỗ hậu thần 10 quả), 1 cỗ mía (30 cây và thêm cỗ hậu thần, 10 khúc mía dài và 20 khúc mía ngắn), xôi hồng 3 bát làm một cỗ (3 bát gạo đầy lại thêm 1 bát hậu thần), 1 con lợn làm 3 mâm cỗ, thủ lợn đặt ở cỗ giữa, còn thịt ba chỉ đặt ở hai bên trái phải, 1 cỗ quan hậu thần, 1 cỗ bộ hạ. Tại hàng đầu đặt 8 cỗ của 8 giáp gồm 1 chân giò sống, 1 chân giò chín, 3 bát tiết canh, 3 cơi giầu. Quan hậu thần 1 cơi giầu, 8 hàng bộ hạ 9 cơi giầu, 9 chai rượu. Cỗ lớn thì phải dâng cơm, rượu. Lễ hậu thần thì bản giáp làm 1 bát gạo trà đầy giá 2 mạch tiền cổ dâng ở đình. Mỗi cỗ được thêm một bát xôi đỏ, đặt 3 hộp giầu cau, các vị hậu thần cũng thêm xôi đỏ, bánh ngọt và đặt 1 hộp giầu cau, 1 hũ rượu. Tế xong, ban trực chính mang giầu cau mời mọi người ngồi y như đêm hôm trước. Ngồi trực sau khi xướng tế cũng như vậy. Theo lệ, giáp Văn hội ngồi ở hàng hương lão. Giáp Văn hội 3 cỗ, giáp Nhạc 3 cỗ, ban giầu 1 cỗ, giáp Tuần Đinh 2 cỗ, cộng tất cả là 9 cỗ, cho thêm bả lệnh 1 cỗ, dịch phó 1 cỗ. Hạ cỗ từ giờ mùi cho đến nửa đêm, cỗ lớn và cỗ bánh thì đưa về bản giáp. Cỗ hậu thần biếu bản tộc. Theo lệ cũ việc tuần tiết ở đình cứ mỗi đêm tế thần thì 2 giáp Tuần phải áo mũ chỉnh tề, cầm gậy chầu ở 2 bên trước đình và cầm chuỳ, cầm gậy chầu trước cửa trong tam quan, chờ để cho trẻ con ở xung quanh ra vào xem làm huyên náo. Nếu giáp nào vắng hoặc chậm chễ thì bắt phạt mỗi giáp 3 mạch tiền cổ (giống như loại giáp Ngạc Nhất trực mùa màng đi tuần 2 lần).

16) Lệ cũ tế xuân, lễ dùng 1 con bê lớn, 1 con bê nhỏ đều đem làm thịt, 1 mâm xôi, 100 vàng mã (bản nhị giáp Bát 2 bản ứng ra mua

để biện lễ, lệ cho hàng quí 4 mạch tiền cổ). Cơm, rượu, dầu đèn, đuốc, nến đều cho thay bằng mỡ là 3 mạch tiền cổ (giáp Đồ Tể đảm nhiệm). 8 giáp mỗi giáp 1 mâm xôi, 1 cơi giầu cau. Còn đồ tể chính thì lấy 1 chân (1/4 con) để làm 3 mâm cỗ, quan hậu thần 1 mâm, bộ hạ 1 mâm và đồ tể 1 mâm. Còn lại 3 chân để nguyên. Tế xong, đầu bê thì biếu trưởng quan, thịt vai cho giáp Nhạc, xương vai cho giáp Đồ Tể. Giáp đang cai liệu lấy cỗ dâng thêm vào cỗ đồ tể để biếu các vị trưởng quan cống chiếu 1 cỗ, kính biếu quan tự khanh 1 cỗ, đãi chủ tế 1 cỗ, người giữ áo châu 1 cỗ, biếu thủ từ 1 cỗ, bả lệnh 1 cỗ, giáp đồ tể 5 cỗ (trong đó có 1 cỗ của giáp đang cai). 3 hàng hội Văn (ngồi hàng nhất) và những vị khác thì lấy 3 chân (3 phần), số khác sẻ ra kính biếu quan viên hương lão, hội văn, soạn văn, đọc chúc, viết văn mỗi người một miếng. Còn lại thì chia đều cho 8 giáp làm cỗ để đãi 3 hàng có mặt và tiếp các xã tại đình, tuỳ nghi cho đủ dùng (còn cỗ hậu thần thì biếu bản tộc).

17) Lấy quĩ tiền hương của quan viên hương lão làm cỗ biếu, biếu trưởng quan 1 cỗ, quan châu 1 cỗ (đã nói ở phần quan viên) còn quan viên, hương lão có mặt thì 4 người 1 cỗ. Nếu có cỗ lớn thì biếu quan châu (mỗi viên 5 quả cam, 5 chiếc bánh). Tự khanh và hương quan mỗi người 3 quả cam, 3 chiếc bánh, quan viên, hương lão mỗi viên 5 quả cam, 5 chiếc bánh.

Đồng trà lấy cỗ của 8 giáp để biếu trưởng quan 2 cỗ, quan giầu 1 cỗ, kính biếu quan tự khanh và quan hương lý 1 cỗ, đãi các quan viên ngoài đình cứ 4 viên 1 cỗ, đãi người giữ áo châu, thủ từ, chùa lớn, chùa nhỏ, nhà đò, giáp hội văn (đệ tử) cũng đều 1 cỗ.

18) Lệ cũ tiền hương thì thu ở phường vạn chài, chợ búa mỗi người là 6 quan tiền cổ (số tiền này để ở đình) đãi mỗi người một cỗ (luân lưu lấy cỗ ở các giáp). Lệ cũ còn lấy tiền hương ở các xã, mỗi xã là 1 quan tiền cổ, 100 miếng giầu cau và thưởng hàng quý, 8 giáp ứng ra mỗi giáp 2 mạch.

Lệ cũ về tiền hương, các xã đến bản xã thì mỗi xã 1 quan tiền cổ, 1 hộp giầu cau. Còn đãi cỗ lấy ở 8 giáp (nước trà tiếp ở trong đình,

còn giầu cau lấy ở 8 giáp). Hoặc giết lợn hoặc mua thịt làm cỗ ở nơi trực chỉnh (8 giáp trả lại 6 mạch tiền cổ, tiền trà nước, giầu cau).

19) Lệ cũ đứng giầu ở 2 bàn chính: Nếu người nào mất, thiếu vắng ở bàn chính thì người bàn dưới dù có tham dự ở giáp Hội Văn cũng phải theo thứ tự đứng chầu.

- Lệ cũ bồi tế ở giáp Nhạc: Nếu người nào dự ở Hội văn bản giáp, gặp lệ cỗ chính của bản giáp mà vào bồi bái cỗ của giáp khác thì không tính ở đây.

- Lệ cũ ăn uống ở trong đình: Hễ nghe 3 hồi chiêng thì đem cỗ yến ra, chiếu thứ bậc mà ngồi, nghe 1 hồi bên tang trống với 4 tiếng trống thì trung nam đương trực vào mở lồng bàn. Trong 3 hàng, ngoài 8 giáp cũng như vậy. Lại nghe một hồi tang trống với 4 tiếng trống, trung nam trực vào đốt hương trong 3 hàng, trung nam ngoài 8 giáp cũng như vậy. Khi nghe một hồi tang trống với 4 tiếng trống, trung nam rót rượu trong 3 hàng, ngoài 8 giáp cũng như vậy. Khi nghe một tiếng đao đầu, trong ngoài cầm chén trong 3 tuần cũng như vậy (3 hàng thưởng mừng quan giầu). Lại nghe 1 hồi chiêng, 8 giáp nổi hiệu lệnh loa, nghe 3 tiếng trống, cầm đũa cùng reo. Lại nghe 3 tiếng trống cầm đũa cùng reo, 3 tiếng trống nữa cầm đũa cùng reo. Nghe 1 tiếng chiêng thì thôi. Nghe một hồi tang trống với 4 tiếng trống thì 8 giáp xướng lên hỏi giờ, nghe 3 tiếng đao đầu thì thưởng. Bốn giáp thưởng rồi thì hiệu như trước mà reo. Bốn giáp sau lại nghe hiệu cứ thế mà hỏi, thưởng, rồi 8 giáp lại nghe hiệu reo như trước. Sau đó trong ngoài cùng ăn uống. Lại nghe hiệu reo như trước, nghe một tiếng chiêng trong ngoài đều đứng lên.

20) Lệ cũ đưa phiếu thưởng nêu cho giáp đang cai chính bắt đầu theo thứ tự luân chuyển trở lại. (Như Chính Nhất luân lưu 4 giáp Nhất, sau đó luân lưu 4 giáp Nhị. Như Chính nhị luân lưu 4 giáp Nhị sau đó luân lưu 4 giáp Nhất).

Đã có lập thành lệ kê khai như sau:

Giáp Ngạc Nhất thứ nhất. – Giáp Đoài Nhị thứ 2.
Giáp Đồng Nhất thứ 3. – Giáp Hoà Nhị thứ 4.
Giáp Hoà Nhất thứ 5. – Giáp Đông Nhị thứ 6.
Giáp Đoài Nhất thứ 7. – Giáp Ngạc Nhị thứ 8.
Giáp Đồng Nhất thứ nhất. – Giáp Hoà Nhị thứ 2.
Giáp Ngạc Nhất thứ 3. – Giáp Đoài Nhị thứ 4.
Giáp Đoài Nhất thứ 5. – Giáp Ngạc Nhị thứ 6.
Giáp Hoà Nhất thứ 7. – Giáp Đông Nhị thứ 8.
Giáp Hoà Nhất thứ nhất. – Giáp Đông Nhị thứ 2.
Giáp Đoài Nhất thứ 3. – Giáp Ngạc Nhị thứ 4.
Giáp Ngạc Nhất thứ 5. – Giáp Đoài Nhị thứ 6.
Giáp Đông Nhất thứ 7. – Giáp Hoà Nhị thứ 8.
Giáp Đoài Nhất thứ nhất. – Giáp Ngạc Nhị thứ 2.
Giáp Hoà Nhất thứ 3. – Giáp Đông Nhị thứ 4.
Giáp Đông Nhất thứ 5. – Giáp Hoà Nhị thứ 6.
Giáp Ngạc Nhất thứ 7. – Giáp Đoài Nhị thứ 8.
Giáp Ngạc Nhị thứ nhất. – Giáp Đoài Nhị thứ 2.
Giáp Đông Nhị thứ 3. – Giáp Hoà Nhất thứ 4.
Giáp Hoà Nhị thứ 5. – Giáp Đông Nhất thứ 6.
Giáp Đoài Nhị thứ 7. – Giáp Nhạc Nhất thứ 8.
Giáp Đông Nhị thứ nhất. - Giáp Hoà Nhất thứ 2.
Giáp Ngạc Nhị thứ 3. – Giáp Đoài Nhất thứ 4.
Giáp Đoài Nhị thứ 5. – Giáp Ngạc Nhất thứ 6.
Giáp Hoà Nhị thứ 7. – Giáp Đông Nhất thứ 8.
Giáp Hoà Nhị thứ nhất. – Giáp Đông Nhất thứ 2.
Giáp Đoài Nhị thứ 3. – Giáp Ngạc Nhất thứ 4.
Giáp Ngạc Nhị thứ 5. – Giáp Đoài Nhất thứ 6.
Giáp Đông Nhị thứ 7. – Giáp Hoà Nhất thứ 8.
Giáp Đoài Nhị thứ nhất. – Giáp Ngạc Nhất thứ 2.
Giáp Hoà Nhị thứ 3. – Giáp Đông Nhất thứ 4.
Giáp Đông Nhị thứ 5. – Giáp Hoà Nhất thứ 6.
Giáp Ngạc Nhị thứ 7. – Giáp Đoài Nhất thứ 8.

21) Lệ ngày tiễn cũng như giống như lệ ngày rước.

22) Lệ cũ các ngày lễ tiết hễ có cỗ lớn và ngày tế xuân thì không được tiến hành liền nhau. Dâng cỗ thì nên để riêng cỗ xôi gà (cỗ dâng mỗi ngày một mâm xôi một bát gạo đầy, 3 con gà. Cỗ hậu thần mỗi ngày một mâm xôi 2 bát gạo đầy 1 con gà. Gạo thì do 8 giáp đang cai cấp, còn tiền thì do 8 giáp và 2 bàn ứng ra). Nay lệ.

23) Lệ cũ biếu thủ lợn thì đầu tiên biếu trưởng quan, thứ đến là biếu quan chầu, sau nữa là biếu hàng văn, lại sau nữa thì biếu độc chúc.

- Lệ trở về cung, giáp Nhạc lễ tạ (lễ soạn giầu, cau, rượu, 2 giáp đang cai chịu trách nhiệm). Lễ vái 10 vái. Lễ xong giáp Nhạc tâu xin cởi áo chầu đưa vào để ở long sàng trong cung. Giáp Nhạc thay quần áo chầu, mọi người lên điện làm lễ tạ. Thủ từ đóng cửa trong cung. Ban chầu giao đặt áo mũ, cân đai vào chỗ cũ, rồi đem vàng mã đi hoá. Giáp Nhạc làm lễ an vị (lễ an vị soạn giầu cau, rượu, 2 giáp đang cai đảm trách). Lễ xong, các giáp y theo lệ để các đồ thờ vào chỗ cũ.

24) Lệ cũ hổ mang: Biện một con lợn (do bàn nhì giáp Bát ứng tiền ra mua để giáp đang cai chính thu biện lễ). Thịt lợn chia đều cho 8 giáp, mỗi giáp một mâm cỗ (...), thủ lợn thì để ở giáp đang cai chính làm giả đầu hổ mang. Cỗ đưa đến 3 hàng lễ tống tộ (cầu may)[1].

Lệ khao 3 ngày là 1 con lợn (giáp đang cai ứng ra, giáp đang cai lần sau chịu trách nhiệm), thịt lợn chia đều cho 8 giáp, để lại lễ thỉnh 1 chân giò, 1 phần lòng lợn. Lễ thỉnh xong đem biếu nhà chùa. Mỗi giáp làm 1 mâm cỗ dâng (thủ lợn để ở giáp đang cai lần sau làm cỗ). Lễ tống tộ mỗi giáp làm 2 mâm khao ở đường đá. Còn một chiếc thuyền rồng thì 2 giáp đang cai chịu trách nhiệm, mỗi giáp 1 chiếc cồng, trước tiên giáp Nhạc làm lễ cáo từ, giáp đang cai và thầy chùa làm lễ khao; khao xong thì cỗ dâng và thủ lợn đưa về giáp Nhạc, cỗ đưa đường (tống tộ) đều đưa về giáp Nhạc.

---

[1] Lệ cũ này được chép lại không thống nhất, thực chất của lệ hổ mang nói ở đoạn đầu là lệ tống tộ nói ở đoạn sau. Lệ này rất khó hiểu (Nguyên chú của nhóm soạn giả *Tục lệ cổ truyền làng xã*... S.đ.d.)

25) Giỗ quan hậu thần ngày 22 tháng 2, lễ soạn giống y như ngày giỗ 20 tháng Giêng. Ban nhì giáp Bát mua lễ vật giao cho giáp đang cai thứ chịu trách nhiệm biện lễ.

26) Lệ cũ mặc áo chầu tháng 3, trước tiên là soạn cơi giầu làm lễ cáo. Hội giáp Nhạc mặc áo chầu và đặt các đồ cúng tế.

Sửa lễ cúng gồm 3 con gà, 1 mâm xôi mỗi giáp cấp 1 bát gạo nếp cùng vàng mã, giầu cau, rượu giáp Nhạc tiến hành làm lễ cáo, vái 10 vái. Lệ có 6 quan tiền cổ để mua hương cho vào bao áo chầu, giáp Bát đang cai ứng ra.

27) Lệ cũ cầu an vào ngày 15 tháng 4: Sáng sớm tắm gội làm lễ yên vị. Y như tiết lễ tháng 2, giáp Nhạc soạn 1 cơi giầu, 2 vị sư (là thầy cả) mỗi thầy 40 oản dâng đưa về giáp Nhạc; giáp đang cai ứng ra 1 quan tiền cổ đưa cho giáp Nhạc 6 mạch theo y lệ mua sắm 10 thứ lễ đủ dùng. Đưa cho bàn Nhì 4 mạch theo lệ mua sắm làm cỗ chay, mỗi cỗ có 2 quả dưa hấu, 2 quả bí đỏ, 2 nải chuối xanh, 5 bát gạo bánh trôi, bánh dầy, bánh chay, 5 bát gạo xôi là 1 hộc. Đến giờ Ngọ, bậc trung niên gánh ra đình (giáp Đồ tể chịu trách nhiệm) khao y như tiết tháng 2 (8 giáp đang cai ứng ra mỗi giáp 1 mạch tiền cổ, cộng lại là 8 mạch tiền cổ). Đặt tiền khai quang 1 mạch, cho bả lệnh 36 văn tiền, cho bản chùa 3 mạch, còn lại thưởng cho đạo tràng. Lại 1 tuần gạo mỗi giáp 24 bát, giáp đang cai lấy 5 bát làm bánh trôi, 5 bát thổi xôi đưa vào 2 mâm cỗ rượu. Lĩnh gạo ở viên đương cai là 10 bát, thổi 1 mâm xôi và 1 cơi giầu để bậc trung niên gánh ra [đình]. Đệ tử lấy ở viên đương cai 3 bát gạo để làm oản, lại lấy 1 bát gạo ở giáp Nhạc để làm 2 mâm cơm. Lại lấy gạo 1 bát đàn chiếu theo phần gạo 10 ngày.

Lễ xong thì hạ 5 mâm cỗ chay và 1 mâm cỗ hậu thần, cộng là 6 cỗ. Trước tiên là biếu trưởng quan, bàn nhì, quan chầu 1 cỗ (cỗ chay mỗi loại 1 thứ). Còn lại chia đều 75 cỗ, kính biếu quan thầy chùa 1 cỗ, bản chùa và đạo tràng 3 cỗ, hàng tam và bàn nhì thì chiếu theo người có mặt cứ 4 người 1 cỗ, còn giáp Nhạc ngoài đình cũng như

vậy. (Mỗi mâm trên đây đều 1 bát trà). Cỗ ở 8 giáp thì mỗi giáp 1 bát trà. Đệ tử hàng tam mỗi cỗ nửa bát [trà] oản và chuối tiêu biếu trưởng quan mỗi thứ là 10, biếu quan chầu mỗi thứ là 5, biếu thầy chùa mỗi thứ là 3. Trong ngoài tam hàng mỗi viên mỗi thứ là 1 nhà oản mỗi người mỗi thứ 1 cái. Nhà chùa mỗi thứ là 20, bả lệnh mỗi người mỗi thứ là 1, mỗi người phục dịch mỗi thứ là 1.

28) Nhị bàn thổi 8 nồi cơm: 1 nồi cho nhà oản, 2 nồi cho bản chùa và đạo tràng, 3 nồi cho giáp Nhạc, 1 nồi cho phục dịch.

29) Cỗ chay dâng cúng bàn nhì chia đều làm 11 cỗ, giáp Nhạc và xã trưởng theo lệ là 9 cỗ. Còn 2 cỗ chay nhị bàn chia cho bả lệnh và đệ tử. 8 mâm cỗ rượu thì giáp Nhạc theo lệ lấy 3 mâm, nhà chùa 1 mâm, còn 4 mâm chia đều cho 8 giáp.

30) Lệ cũ cúng giỗ ở chùa ngày 19 tháng 4, mổ thịt 1 con bê, cùng vàng mã, cơm và lấy mỡ bê thay mỡ giá 3 mạch tiền cổ (8 giáp đang cai nên làm 2 mâm, mua sắm lễ vật rồi sai đệ tử làm cỗ giáp đang cai thì trông coi. Bàn nhì của giáp Nhạc mổ thịt chia đều cho 8 giáp làm 2 mâm cỗ cấp, 2 mâm cỗ tống độ cùng xôi, rượu gánh đến tế lễ ở chùa lớn. Thủ và cổ [lợn] thì giáp đang cai chính đảm nhận tế. Còn giáp Nhạc mỗi người đều 1 cơi giấu. Tế xong, thủ bò biếu trưởng quan, cổ thì đưa về giáp Nhạc. Cỗ bàn thì biếu trưởng quan 2 cỗ, quan chầu 1 cỗ, đãi bản tộc 2 cỗ, cho đệ tử 1 cỗ; còn lại bao nhiêu thì chia cho giáp Nhạc. Hiện tại cỗ tống độ quy về 8 giáp (giỗ năm nay chỉ có thịt bê, lễ năm sau cùng ngày 25 tháng 5) dùng cỗ chay.

31) Lệ cũ tiết Đoan Ngọ mồng 5 tháng 5, dùng giống như tiết Khai ấn.

32) Lệ cũ giỗ ngày 25 tháng 5, nhà chùa cho đệ tử lấy gạo tuần 8 giáp, cấp cho mỗi giáp 3 bát đưa thử đương trông coi, lấy xôi làm 65 chiếc oản lớn, 5 nải chuối là cùng vàng mã, rượu (8 giáp đang cai ứng biện, giáp thứ đang cai thu gạo) oản, xôi, cơm giao cho người phục dịch đem đến chùa lớn bày biện. Giáp Nhạc mỗi người 1 cơi giấu làm lễ. Lễ xong, biếu trưởng quan 10 cái oản, 2 nải chuối là, biếu

quan chầu 5 cái oản lớn và 1 nải chuối lá. Kinh biếu bản tộc 2 mâm, mỗi mâm 5 chiếc oản lớn, 1 nải chuối lá. Giao cho giáp Nhạc mỗi người 1 chiếc oản vừa, 1 quả chuối tiêu. Còn lại thì làm 12 mâm theo như lệ hiện nay.

33) Lệ cũ tiết Hạ Điền hạ tuần tháng 5 dùng 2 con lợn khoảng 10 quan tiền cổ, 100 dật vàng mã loại tốt, 300 dật vàng mã loại vừa, cùng mũ đai mỗi thứ 1 chiếc (8 giáp ứng tiền, chánh đương cai trông coi quản lý). Số lợn chia đều cho 8 giáp, mỗi giáp làm 3 mâm cỗ, dâng 2 mâm cỗ cầu phúc ở xứ Cây gạo (văn tế Thần Nông thì xã trưởng đọc). Cỗ của đang cai 2 giáp đông là 1 thủ lợn. 100 dật vàng mã loại vừa cùng áo mũ cân đai, giấu, rượu (đương cai giáp chính cùng xã trưởng làm lễ). Cùng tế trong miếu do 2 giáp Đoài soạn cỗ gồm 1 thủ lợn, 100 dật vàng mã tốt, giấu, rượu (giáp nào đó cùng giáp đương cai làm lễ). Lễ quảng công tại xứ Cù Bạt do 2 giáp Nhạc soạn cỗ gồm 100 giật vàng mã loại vừa, giấu, rượu (do giáp đương cai làm lễ). Lễ quan Hà Bá tại xứ Chiêm Ngoã do 2 giáp Hoà soạn cỗ gồm 100 giật vàng mã loại vừa, giấu, rượu (giáp đương cai làm lễ). Các giáp làm lễ xong thì trung niên của 8 giáp bê cỗ vào miếu, mỗi giáp 2 cỗ. Biếu trưởng quan 1 thủ lợn và 2 mâm cỗ, biếu triều quan 1 thủ lợn và 1 mâm cỗ. Còn lại thì để cho giáp Nhạc, 2 mâm cỗ dâng cầu phúc thì đưa về bản giáp.

34) Lệ cũ hạ tuần lễ Thượng Điền soạn lễ y như tiết Khai ấn.

35) Ngày 27 giỗ quan hậu thần, soạn lễ 1 con lợn (1 mâm cỗ) 1 mâm xôi vàng mã, giấu, rượu v.v... 8 giáp đương cai xuất 3 quan tiền cổ trong số tiền ruộng ra để mua lễ bày cỗ đầy đủ. Cúng xong thì thủ lợn và cỗ biếu trưởng quan. Còn lại thì đưa về cho giáp Nhạc.

36) Lệ cũ ngày tiết lễ Thượng Điền mồng 2 tháng 7, mỗi giáp thịt 1 con lợn, còn gạo nếp thì mỗi người 1 bát để soạn cỗ cúng. Mỗi giáp soạn 1 cỗ gồm 1 thủ lợn và 2 miếng chả vai và xôi thịt. Cấp cỗ cho hàng đầu là 2 mâm, chả 30 miếng, xôi 1 bát. Chánh đang cai làm thêm 1 cỗ hậu thần, 1 cỗ bộ hạ và rượu tế, dâng cơm, đèn nhang v.v... và trông coi việc làm cỗ, mỗi giáp 2 mâm thì lập, 3 mâm trì ủng,

4 mâm trương ô, còn 5 mâm thì trương (nếu người nào có chuyên gì thì luân lưu cho xuống mâm dưới). Tế xong biếu trưởng quan 2 cỗ 1 cân chả 1 cỗ thịt, biếu triều quan 1 thủ lợn, 1 cân chả, biếu người làm văn tế 1 thủ lợn, biếu người đọc văn tế 1 thủ lợn, người viết văn tế 1 chân giò (dùng thịt chín, do chánh giáp đang cai chịu). Còn 3 thủ lợn đưa về giáp Nhạc kính biếu quan tư khanh 1 cân chả. Còn 3 hàng hội văn đứng giầu thì cứ 4 viên là 1 cân chả. Còn thì để lại cho giáp Nhạc. Còn việc cấp cỗ đãi chủ tế, người giữ áo chầu, thủ từ, bả lệnh, nhị tự, nhà đò cũng đều mỗi người 1 cỗ, còn lại đưa về giáp Nhạc.

37) Lệ cũ vào tiết lễ Thường Tân tháng 8 dùng thịt trâu thịt bê và cơm gạo mới cùng mâm xôi của đồ tể, 100 dật vàng mã tốt cùng 4 mạch hành lý (số tiền đó chia đều làm 10 hàng) giầu, rượu, đèn, dầu đều thay cho 3 mạch tiền mỡ (giáp đồ tể chịu trách nhiệm). Tám giáp mỗi giáp 1 mâm xôi, 1 cơi giầu, còn giáp Đồ Tể thì 1 chân giò làm 3 mâm cỗ cúng. Quan hậu thần 1 mâm, quan bộ hạ 1 mâm, đồ tể 1 mâm, còn 3 chân giò để nguyên. Tế xong, thủ bé biếu trưởng quan, thịt cổ chia đều cho 10 hàng, xương thì để ở giáp Đồ Tể lo liệu làm cỗ thêm vào mâm đồ tể. Biếu trưởng quan 2 cỗ, triều quan 1 cỗ. Cỗ cúng lại chia làm 10 hàng. Cỗ hậu thần kính biếu bản tộc. Kính biếu nhà chùa 1 cỗ, tế chủ 1 cỗ, giữ áo chầu 1 cỗ, thủ từ 1 cỗ, bả lệnh 1 cỗ, giáp Đồ Tể 5 cỗ (trong đó có giáp đang cai 1 cỗ). Những người ở 3 hàng hội văn, đứng chầu và lành binh có mặt cùng ăn cỗ. Lấy 3 chân giò xẻ ra kính biếu người làm văn, đọc văn tế, viết văn tế trong hội văn mỗi người 1 miếng thịt. Còn lại chia đều cho 10 giáp.

38) Lễ giỗ ông Đường ngày 14, soạn lễ gồm 1 con lợn vàng mã, giầu, rượu (8 giáp đang cai cùng đệ tử làm cỗ, chánh đang cai trông coi), đệ tử gánh cỗ đến nhà thờ ở ngõ Ngạc để làm lễ. Thủ lợn biếu trưởng quan, biếu bản tộc 2 mâm còn lại thì để ở giáp Nhạc rồi chia đều cho những người có mặt.

39) Lễ Trung thu ngày 15 tháng 8 dùng như tiếtKhai ấn.

40) Lễ giỗ tự quan ngày 16 dùng y như ngày 27 tháng 6.

41) Lệ cũ tiết lễ mặc áo chầu tháng 8 dùng hương tiền như tiết mặc áo chầu tháng 3.

42) Lệ ngày mồng 10 tháng 10, dùng như tiết Khai ấn, thủ từ có cúng thêm 1 mâm xôi, 1 con gà, giầu cau, rượu. Lễ xong, hạ xuống cho giáp Nhạc.

43) Lệ cũ giỗ ngày 15, nhà chùa cho đệ tử đến nhà giáp Nhạc lĩnh mỗi giáp 1 bát gạo đem về chùa lớn nhà chùa làm oản xôi (do canh tác ở ruộng cúng giỗ). Bản chùa mua thêm 1 con lợn giá 3 quan tiền cổ và các loại bánh, y như lệ biểu trưởng quan cùng giáp Nhạc và xã trưởng cùng đệ tử đủ dùng, cỗ bánh chay, chỉnh biện giầu cau xuất trình bản xã. Giáp Nhạc của bản xã đánh trống hiệu để mọi người cùng đến làm lễ. Lễ xong nhà chùa đem biếu bản xã, giáp Nhạc. Xã trưởng chiếu theo thứ bậc phân chia cỗ mỗi người 2 chiếc oản 1 nắm xôi 1 miếng thịt. Còn lại chia đều cho những người có mặt.

44) Lệ cũ tiết lễ ngày mồng 2 tháng 12 dùng như tiết Thượng Điền (lễ cúng Thần Nông khi cấy xong) tháng 7. Còn bậc trung niên bàn dưới thì làm các việc dọn mâm cúng, dọn bát đĩa và bắt lợn. Riêng bàn trên dọn mâm cúng và bát đĩa, riêng tiết tháng 2 không theo lệ này.

Ngày mồng 2 tháng 2 nhuận năm Cảnh Hưng 15 (1754).

Các xã trưởng, thôn trưởng xã Đông Ngạc lập bản ước lệ của bản xã, tất cả các điều lệ kê khai như sau:

Lệ tiền thuế dung của bản xã, hàng năm 2 vụ hè đông, hễ đến kỳ chiếu bổ, thì lấy 15 ngày làm 1 kỳ. Còn thứ bậc thì mâm thôn trưởng ở trên, mâm các chức sự thì ở bàn 2, bàn 3. Tất cả biên thu theo suất, nên nộp trước không được cẩu thả, chậm trễ. Nếu như trưởng thôn nào thiếu thì nên thôi ăn uống và trưởng thôn tiến hành bán các ruộng khoai, ruộng đậu vốn chia phần cho đến thờ Thần. Những người ở bàn 2 bàn 3 mà thiếu thì xã trưởng nên bắt phạt tiền quỹ đưa về kinh ngày hôm sau. Những người từ bàn 3 giở xuống mà thiếu thì xã trưởng nên chiếu theo số thiếu mà kê phiếu đưa về bản

giáp xem xét, tuỳ theo số lượng thiếu nhiều hay ít mà truất thứ bậc của họ. Người nào mỗi vụ thiếu ít thì truất xuống 1 bậc, người cùng thiếu thì truất xuống 1 bàn. Nếu vụ hè thiếu cho đến ngày Thượng Điền, vụ đông thiếu đến ngày cúng thần ngày tháng Chạp thì bản giáp không được thu gạo hương ẩm. Nếu như xã trưởng cố ý không kê khai và giáp cố tình thu gạo thì phải chia bồi thường tiền quỹ của xuất thiếu. Nếu số lưu thiếu của vụ hè, đến ngày Thượng Điền lại đem nguyên số thiếu nộp đủ. Bản giáp liệu thu lấy mới cho cấp gạo.

Còn vụ đông cũng theo lệ đó. Nếu như thiếu qua nhiều vụ mới nộp thì chiếu theo trong lệ mà truất thứ bậc. Nếu người nào bị thiếu mà thấy có đồ vật có thể bắt phạt được thì nên cho xã trưởng cùng 8 giáp tuỳ theo hoàn cảnh mà bắt phạt.

Lệ các việc cần làm hàng năm nên san các lệ hội trong năm giao cho 8 giáp đang cai và xã trưởng. Khi nghe trống hiệu và có đệ tử đến mời thì phải lập tức đến làm việc. Có việc gì bất đắc dĩ thì nên có giấu cau đến trình báo, lại cố ý trốn tránh thì lập tức bắt phạt 1 mạch tiền cổ, các thôn trưởng khác đều không được tự ý đến. Nếu có việc gì rắc rối xảy ra ở đó thì được đánh trống hiệu để toàn thôn ra bàn bạc giải quyết cho ổn thoả, không được dựa vào việc đó mà thu lợi. Tiền nộp trong năm đã có lệ do 8 giáp đang cai liệu xét. Giáp nào chậm trễ hoặc thiếu số thì các giáp phải chịu trách nhiệm.

Nếu để công việc tồn đọng, xảy ra việc không hay, tổn hại đến lợi tức thì người nộp thiếu phải chịu và tuỳ theo số lượng nhiều hay ít mà luận tội bắt phạt đủ tiền mới được vào hương ẩm và hàng thôn trưởng cũng chỉ cho làm 1 kỳ. Còn để phiền 7 giáp vay lĩnh tiền thì nên dừng lại. Công việc và thụ lộc cả năm thì chia thêm cho xã trưởng 8 giáp đang cai. Còn tiền đất của người ngoài táng nhờ và các tiền làm thuyền bán lưới và 1 cái ao công nuôi cá ở xứ trước đình thì phải có trách nhiệm trông coi để bắt cá chi phí cho việc thờ cúng. Số còn lại và số bổng lộc của bản xã thì chiếu theo lệ, lần lượt mà thu và ghi chép vào sổ rõ ràng. Số tiền đó nên để tại nhà xã trưởng để lo các

việc thờ tự. Trong 3 kỳ cầu phúc, Thượng Điền và ngày tháng Chạp hàng năm thì trước đó 1 ngày, bản xã cùng nhau hội họp, chiếu theo lệ mà chia đều. Nếu cố ý ẩn lậu gian dối, ghi chép không đúng sự thật, lại thu cản tiền hương thì tuỳ theo nặng nhẹ mà bắt phạt. Còn như lệ tiền thuế liên gia thì tứ phiên, xã trưởng thu đủ. Số tiền đó thu lần lượt từng ngày, được bao nhiêu tiền thì tập trung vào một chỗ, đến khi có việc công thì xuất tiền ra để mua lễ kinh biếu, còn lại thì chia đều cho mọi người không được để lại mà chia nhau. Nếu không tuân theo, cứ đến ngày thanh toán tiền mà xét và phạt tứ phiên, cùng xã trưởng gà rượu trị giá 6 mạch tiền cổ. Số tiền đó nhất thiết phải truy thu cho đủ số. Nếu người nào chậm trễ để đến năm sau thì không cho vào hương ẩm để cho nghiêm sự lệ.

Hàng năm lệ tháng 2 hoặc ca hát hoặc cầu phúc thì số tiền thu của các chàng rể ở ngoài và tiền hương ở các phường cũng như lệ cũ, giao cho các vị ở đình thu đủ để chi tiêu. Còn những người khác không được tự ý đi thu. Nếu có tiếp khách ở ngoài đình sở, tốn tiền giấu cau là bao nhiêu thì phải ghi phiếu, đem vào đình lấy ra hoàn lại. Tiền hương của ngày lễ cầu phúc mà chia nạp thì thu về đưa nạp vào đình. Còn những người thiếu thì thu cho đủ, nếu không nạp thì cứ theo lệ mà bắt phạt 1 con gà sống trị giá 6 mạch tiền cổ và truy thu nguyên số tiền cho nghiêm lệ cũ.

Khi làng xã có việc công hội họp thì phải trọng hoà khí, nghiêm túc lịch sự, nếu người nào không tuân theo mà cứ mày tao lăng mạ nhau ầm ĩ thì tuỳ theo nặng nhẹ mà xét. Người nào phạm tội nặng thì bắt phạt 1 con lợn, tội nhẹ thì bắt phạt 1 con gà. Nếu ngang ngược chống lại, không chịu nộp thì không cho ăn uống. Khi đến hội họp nơi công cộng mà mặc áo ngắn thì đuổi ra, không cho tham dự để trọng phong tục hương thôn. Nay lệ.

Tất cả các điều lệ trên đây bản xã đã cùng nhau hội họp nhất trí sửa đổi lập nên và trình với các quan viên ở bản xã phê duyệt. Từ nay về sau theo đó mà làm lệ thường. Nếu người nào thấy chưa đúng ý

mình mà sửa đổi, bài bác xin thổ địa thần linh cùng tam vị đại vương trừng trị.

Lập khoán ước ngày mồng 7 tháng 11 năm Cảnh Hưng 2 (1741)

Trên dưới toàn xã cùng ký.

Phiếu đề ngày mồng 2 tháng 12 năm Giáp Dần nêu ra:

Nếu người nào của 8 giáp có dự hương ẩm mà thiếu toàn bộ tiền thuế dung thì bị truất xuống 2 bàn. Người nào thiếu ít thì truất xuống 1 bàn. Còn số tiền thiếu, phải thu cho đủ lệ để tỏ sự răn trừng.

Nay làm phiếu

Tất cả trên dưới của 3 hàng bản xã kê:

Lệ nếu thu hàng quý thì thu cả nhị tam bàn. Tiền quỹ của giáp nào giáp ấy thu. Cứ lần lượt thu tiền hàng ngày rồi giao cho giáp trưởng. Nhà giàu có có rương hòm kiên cố để cất tiền cho tiện thì hạn trong 10 ngày tập hợp tiền các lệ của giáp nào thì đưa về giáp đó mà thu, rồi đem đến đền. Các đơn từ thì giao cho xã trưởng và Nhị bàn đem nạp theo quỹ rồi ghi vào sổ. Đến khi thu sổ hàng quý, người nào đủ thiếu ra sao thì trình với ba hàng và phó lý, hạn trong 5 ngày [phải nộp đủ]. Nếu người nào cố ý chậm trễ, kéo dài thì phạt thịt lợn và rượu trị giá 1 quan 5 mạch tiền cổ. Ba hàng và phó lý thấy kẻ gian nào gian tham, lạm dụng thì tuỳ theo nhiều hay ít mà luận tội. Người nào thiếu tiền quỹ thì cũng chiếu theo lệ này mà luận tội.

Thiên tử muôn muôn năm.

HOA NGẠC XÃ TỐNG CHUNG LỆ BẠ

(Nay thuộc xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm)

Lập năm Cảnh Hưng 44 (1783)

Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu: Afa2/60

LỆ BẠ VỀ VIỆC TANG MA XÃ HOA NGẠC[1]

Quan viên, hương lão, sắc mục, xã thôn trưởng xã Hoa Ngạc, huyện Từ Liêm, phủ Quốc Oai là : Hoàng Chân Thanh, Nguyễn Huy Giám, Đỗ Danh Diên, Nguyễn Đắc Bình, Nguyễn Đắc Thung, Hoàng Danh Toại, Đoàn Viết Thường, Hoàng Thế Gia, Vũ Đình Tuất, Vương Đình Tiến, Đoàn Hữu Cỗu, Hoàng Tuấn Mậu, Trương Ích Nhậm, Vũ Duy Dương, Hoàng Đình Tuân, Trương Ích Khang, Hoàng Thế Suyền cùng trên dưới toàn xã lập điều lệ.

Các điều lệ đưa tiễn người chết của ngạch cũ từ trước đến nay liệt kê vào sau đây:

1. Ba lệ thượng, trung, hạ đó chỉ có hạ lệ cho chuẩn quan tiền cổ, còn trung lệ có điện tế, ngu tế chỉnh biện cỗ bàn. Còn điện tế đãi bản xã uống rượu ở nhà viên đương cai, Ngu tế đãi bản xã uống rượu tại nhà của chủ sự. Ba lệ đó khi bắt tay vào làm cỗ nên châm chước.

---

[1] *Tục lệ cổ truyền làng xã Việt Nam*... S.đ.d.

2. Lệ cỗ của làng, tất cả trên dưới cùng uống rượu, người vắng mặt được chia đều phần, mỗi cỗ 10 đĩa thịt, 2 đĩa xôi. Nếu xin bao nhiêu người cầm cờ hiệu thì mỗi người 1 miếng giầu. Bao nhiêu suất người theo tiễn, mỗi suất 1 miếng giầu. Bản xã đem đến 12 miếng cho người cầm cờ hiệu, còn thịt thì mỗi đĩa 5 miếng dài 1 tấc 8 phân, dày 1 phân rưỡi, mỗi đĩa 4 miếng dài rộng đều 1 tấc, dày 5 phân.

3. Lệ giầu cau 100 miếng, người nào vắng mặt đem phần mỗi người 1 miếng.

4. Lệ cỗ: thể thức chọn xôi, mổ thịt. Trong đó mỗi bàn bày 4 đĩa thịt, 2 đĩa, 1 đĩa chả, 4 đĩa lòng lợn, 2 đĩa xôi cao 3 tấc rưỡi. Cỗ lễ ở đường đê: 1 thủ lợn, 1 mâm xôi, 1 vò rượu, 30 miếng giầu.

5. Lệ bao nhiêu người cầm cờ hiệu, mỗi người 1 mạch 12 văn tiền cổ. Người tiễn đưa bao nhiêu suất, mỗi suất 36 văn tiền cổ. Người đào huyệt 1 mạch tiền cổ. Nếu chôn nhờ ở ruộng thì người cầm cờ hiệu mỗi người là 2 mạch tiền cổ, người theo tiễn đưa, mỗi suất 1 mạch tiền cổ. Nếu biếu hậu hơn thì không ở tại lệ này.

6. Người tiễn đưa thì phải ăn mặc quần áo chỉnh tề để trọng đạo nghĩa. Như đám ma to thì lệ trước phải có áo mũ chỉnh tề, ngày hôm trước phải có diễn tập theo đúng nghi thức. Còn việc bản xã uống rượu thì theo như lệ cũ. Nếu biến lễ thì gồm 1 con lợn, 3 mâm xôi, 1 vò rượu, giầu cau đủ dùng, hoặc 1 con bê, xôi, rượu, giầu cau theo như lệ.

7. Hạ lệ thay cỗ là 1 quan tiền cổ, 100 miếng giầu. Nếu nhà nào không làm được cỗ thượng hạ lệ đủ số, thì phải đưa đúng 1 quan tiền cổ để bản xã chi dùng việc công, giầu cau phải chia đều. Nếu có lệ nộp cỗ bằng tiền đồng thì đem 1 cơi giầu cau 10 miếng đến viên đang cai đánh trống để mời bản xã uống rượu. Phải nộp tiền đồng và 1 cơi giầu cau ngon.

8. Bắt tay làm cỗ để trên dưới cùng uống rượu; người nào vắng mặt thì không có phần. Mỗi cỗ 3 đĩa thịt, 2 đĩa thịt ba chỉ, 2 đĩa xôi. Viên chủ sự có giầu cau đem đến vái lạy, có lời mời bản xã uống rượu vào lúc nào. Mọi người phải áo mũ chỉnh tề, có lệ vái quan tài. Người

vái phải chiếu theo tôn ti trong xã mà vái, người chức cao vái trước, người chức thấp vái sau, sau đó là người trong làng theo thứ tự lần lượt vào vái đúng như nghi thức.

9. Lệ khoản đãi người đưa đám. Kính đãi bản xã 3 mâm xôi, 1 con lợn. Kính đãi Tư văn 1 mâm xôi, 1 cân thịt. Hương nhạc 1 mâm xôi, 1 cân thịt. Bản xã cùng nhau uống rượu, người nào vắng mặt thì không chia phần. Các lệ ngu tế ghi ở sau đây:

Như lệ giữa đường nếu dọn cỗ thì dọn đủ lệ, hoặc 100 chiếc bánh dày, 100 miếng thịt nạc, nếu có các thứ xôi, lợn, bò cũng được. Lệ ngu tế dọn 4 cỗ 4 hàng:

- Tư văn 1 hàng.
- Hương nhạc 1 hàng.
- Bản xã 1 hàng.
- Bản tộc 1 hàng.

Nếu mổ thịt trâu, bò nhiều hay ít cũng chia đều làm 4 phần hàng. Còn thủ lợn biếu cho hàng Tư văn đọc chúc. Nếu mổ bò thì cũng cho hàng văn đọc chúc 1 cái thủ. Nếu chỉ mổ lợn thì thịt cũng chia đều làm 4 phần. Thủ lợn biếu cho hàng văn đọc chúc.

10. Lễ kính tiên sư.

Tư văn 1 mâm xôi, 10 miếng giầu, 1 chai rượu, 3 mạch tiền cổ. Nếu như người nào làm lễ thì số tiền ấy chia cho người có mặt. Lại có 1 cỗ dâng chính để cho các viên trợ tế uống rượu. Giáp hương nhạc 1 mâm xôi, 1 chai rượu, 10 miếng giầu, 3 mạch tiền cổ. Trước hết làm lễ kính tiên sư, sau đó làm lễ Ngu tế. Các lễ vật đó do hiếu chủ sắm sửa.

11. Lễ Ngu tế chia đều phần cho tất cả mọi người trên dưới, người vắng mặt cũng được đem phần về. Còn như Điện tế thì đãi bản xã uống rượu, việc chia phần thì nên châm chước. Tiết lệ này làm tại nhà viên đương cai, lệ Ngu tế uống rượu tại nhà chủ sự.

Lệ uống rượu là soạn cỗ cho những người có mặt uống rượu. Các cỗ thì chia đều thịt nạc, bánh dày cho bản xã, người vắng mặt cũng

có phần. Còn xôi chia đều, 1 nửa để uống rượu, 1 nửa chia cho người có mặt.

12. Lệ cũ của Ngu tế là 4 hàng.

Mỗi bàn đều 1 mâm bánh dày và các loại bánh, thịt nạc, xôi, thịt lợn hoặc thịt bê và các thứ rất nhiều. Nay bản xã cùng bày 4 hàng, mỗi hàng cỗ 2, 3 mâm, đều dùng kèm bánh dày và các thứ bánh. Mỗi hàng mỗi lượt 50 chiếc giở lên, xôi mỗi hàng 4, 5 mâm giở lên đều đủ lệ. Nếu làm y như tục lệ trước đây cũng không được.

13. Thể thức các nghị tiết có cho hộ lễ, trợ tế chỉnh biện mâm lễ. Trong đó dùng bánh dày mỗi cỗ 8 chiếc; xôi, bánh và các thứ đều kèm theo cỗ. Lệ sau có lễ bánh dày, bánh chưng và các thứ bánh khác. Còn tiết nào nếu mời toàn giáp thì toàn giáp mua sắm cỗ bàn, sắm 1 vò rượu đem đến chủ sự. Nếu như mời hộ lễ thì không ở trong lệ này.

14. Lệ các tiết mời toàn giáp Tư văn.

Tham dự có bản giáp cùng chức sắc, cũng có thể mời toàn giáp. Nếu như có người ngoài tham dự vào đám hội thì không được mời tràn lan toàn giáp. Nếu việc Ngu tế không câu nệ trong ngoài, có ý tăng thêm thì chỉnh biện mâm lễ trên dưới cho đủ lệ. Nếu nhà nào không làm được cỗ và mâm lễ đủ lệ thì chỉ ở hàng trợ tế. Trong số bàn giáp có mặt thì cho mỗi viên 1 phần bánh dày, bánh chưng.

15) Người ngoài phụ đám không được vào Tư văn.

Nhưng những người thi đỗ khoa bảng, nếu bản xã bầu đi làm việc và là người có chức sắc thì cũng có thể dự vào việc khao vọng và các loại tiền thì chiếu theo thứ tự khao vọng vào hàng thứ 2 hoặc thứ 3.

Lập điều lệ ngày 14 tháng Giêng năm Cảnh Hưng 44 (1783).

Xã trưởng Hoàng Thế Gia ký, sinh đồ Nguyễn Huy Giám ký, xã trưởng Đỗ Danh Diên điểm chỉ, thôn trưởng Nguyễn Đắc Bình điểm chỉ, thôn trưởng Nguyễn Đắc Thung ký, thôn trưởng Đoàn Viết Thường ký, thôn trưởng Vũ Đình Tuấn ký, thôn trưởng Vương Đình Tiến ký, thôn trưởng Đoàn Hữu Cầu ký, thôn trưởng Hoàng Đình Mậu

điểm chỉ, thôn trưởng Trương Ích Nhậm ký, thôn trưởng Vũ Duy Dương ký, thôn trưởng Hoàng Đình Tuân điểm chỉ, thôn trưởng Trương Ích Khang điểm chỉ, thôn trưởng Hoàng Thế Thụy điểm chỉ. Toàn xã cùng ký.

Các điều lệ trên đã xếp theo thứ tự. Duy còn việc nộp cho làng và bắt tay làm cỗ hiếu thì đem giầu cau đến vái làng.

Những người cầm cờ hiệu của bản hương và những người tiễn đưa hàng sau vái trước quan tài, rồi đưa quan tài đi, thứ tự ghi ở cuối sổ, ký và điểm chỉ ở trang sau. Sau đó 5 hàng vái trước quan tài. Trong ấp thì người hàng trên vái trước, người hàng dưới vái sau để phân biệt tôn ty trật tự, tỏ sự tôn trọng theo luân thường đạo lý. Vái xong thì người cầm cờ hiệu xếp hàng theo nghi lễ, những người đưa tiễn thì mỗi người 3 cơi giầu cau, mỗi cơi 4 miếng.

Quan viên, hương lão, xã thôn trưởng cùng tất cả trên dưới xã Hoa Ngạc, huyện Từ Liêm, phủ Quốc Oai thấy rằng: Do lệ tiễn đưa người chết trước đây đã ghi đầy đủ trong sổ, nhưng nếu chủ sự không được dư dật sợ e không tiện. Nay bản xã hội họp tại đình cùng nhau quy định: Từ nay về sau, ai có việc hiếu mà gia đình bối rối, chưa kịp biên lễ theo như lệ cũ thì nộp thay bằng tiền cho bản xã là 7 quan 3 mạch tiền cổ và 300 miếng giầu cau. Người cầm cờ hiệu và người tiễn đưa theo như lệ cũ, tiện thì nộp thay tiền lệ đầy đủ. Tiền ấy bản xã chia đều cho tất cả trên dưới và viên đang cai 1 phần. Còn lại theo như lệ kính biếu giáp Lễ, giáp Nhạc. Nay lệ.

Lập điều lệ ngày mồng 2 tháng 9 năm Minh Mạng 3 (1822).

Sổ này lại thêm 1 tiết hạ lệ.

Hoàng Hữu Liêm ký, xã trưởng Hoàng Thế Lộc ký, hương mục Hoàng Thế Hanh ký, Nguyễn Đình Nguyên ký, hương lão Hoàng Sĩ Thuyên cùng họp, thôn trưởng Đoàn Kim Ứng ký, hương mục Vũ Duy Trinh ký, Nguyễn Đình Cán điểm chỉ, Nguyễn Hữu Dung điểm chỉ, Vũ Lương Ngọc Tự ký.

VĂN HỘI ƯỚC LỄ

Phường Hồng Mai Đông Tác huyện Thọ Xương

Viện Nghiên cứu Hán Nôm - Ký hiệu: VHV 2605

1. Những người khoa mục, từ trước đến nay, tuy có chỗ khác nhau trong sưu thuế nhưng cùng là những kẻ mang dòng máu văn chương trong huyện. Có những người tuy chưa đỗ đạt nhưng tiếng tăm, tài năng cũng đáng trọng vọng và đáng để chúng ta ngưỡng mộ.

Bản huyện từ xưa đến nay vẫn thờ phụng vị tiên sinh tiên triều của Hồng Mai - Đông Tác, thờ tự ở chính đàn. Sau 100 năm, người nào trong hội mà tiếng tăm hiển đạt thì không câu nệ cử nhân, tú tài phẩm trật cao thấp, theo lệ của lưỡng tiền triều tiên sinh mà nhập tế văn, thờ tại bản huyện. Những tiên sinh khoa thi hương trước trúng tam trường, tứ trường nay cũng bàn bạc dâng lên tả hữu bàn thờ, thờ cúng. Cử nhân tự thân đến vái để tỏ lòng tôn kính.

2. Mỗi năm vào trọng xuân, trọng thu, ngày chính tế thì mọi người đến lễ và viên chấp sự chiếu lệ, chọn người thay mặt xem xét trước, người nào người ấy nên trai khiết tề chỉnh áo mũ, giày tất đến trước một ngày nơi thờ cáo yết để đến sáng ngày chính lễ (trừ người đi xa hoặc có đại tang, trừ những người có sự cố mới cho phép người thay thế) mang một hộp giấu cau đến chỗ tế để cáo lý do. Người nào làm trái hãy biện cau rượu để sau kỳ tế đến tế, tỏ rõ lòng tôn kính của mình.

3. Mẫu thông báo:

Hoàng... mỗ năm... tháng... ngày... văn hội huyện Thọ Xương thông báo sự việc kỳ tế xuân (hay thu). Cẩn định để ngày... tháng... (mùa xuân... sau 5 ngày; mùa thu... sau 1 ngày) đến tế. Tiến sĩ, phó bảng, cử nhân, tú tài bản hội nên người nào người ấy áo mũ, giày tất chỉnh tề (không được dùng khăn), giờ thân trước một ngày cùng tụ tập ở nhà thờ để cáo yết đồng thời sáng ngày chính lễ, trừ người đi xa, nhà có đại tang (chờ tế xong thì đội khăn vào bái cũng được), trừ những người có sự cố mới cho phép theo lệ cáo yết, kẻ nào làm trái, theo lệ phạt để tỏ lòng tôn kính (nếu tế mùa thu mà trùng với tiết trung thu thì nên hoãn lại sau 3 ngày mới đến tế. Tế xuân lấy ngày 10 tháng 2 thông báo, tế thu lấy ngày 4 tháng 10 thông báo).

4. Mỗi kỳ tế trọng xuân, trọng thu thì dùng 3 con lợn, trong đó có 1 con tế chính đàn, giá tiền 10 quan một con; 2 con tế tả hữu đàn, giá tiền 14 quan; 3 mâm xôi, mỗi mâm giá 1 quan 2 mạch - tiền vàng mã, hương nến, giấu rượu giá tiền 3 quan. Cộng 30 quan, lấy ở người lĩnh canh ruộng tế, còn nếu như lúc đó ứng biện giấu nước phục dịch cũng phải hỏi ở người giám thủ và người lĩnh canh.

5. Trước lễ tế xuân thu nhị kỳ 1 ngày, phải dự cáo lễ, dùng 1 con gà trống, 2 cỗ hương nến, rượu giấu, cơm, xôi đủ. Hai lễ Nguyên Đán và Đoan Dương đều dùng vàng mã, hương nến, rượu, giấu (2 lễ này nên trình câu đương sở tại cáo yết). Còn lễ khác gồm có lễ ruộng, đầm, giao cho giám thủ chỉnh biện.

6. Lễ xong thì ra nhà hậu đường ăn uống. Lễ thụ phúc thì lễ phẩm ở chính đàn. Thịt thủ để tỏ lòng chí kính đối với quan - tiến sĩ (hoặc 3-4 người giở lên cũng được). Cỗ thì dâng cử nhân phó bảng để tỏ lòng tôn kính (có sự khác biệt, không đồng đều). Chủ tế còn cho thêm 1 miếng thịt bụng cho người đọc chú. 1 chân thì cho Chính câu đương. 1 chân cho giám sức chỉnh biện, còn 1 chân thì chia cho Tả đàn, chiếu theo những người thụ phúc, lĩnh canh, phục dịch có mặt. Còn bao nhiêu cũng chiếu theo số người có mặt mà chia đều phần.

Bốn giáp của phường Hồng Mai sở tại và hai thôn Tô Hà, Hồng Hà đến vái cùng với nhạc công thì nên đem đến hữu đàn 1 con, 1 mâm xôi, đãi các phường một nửa còn lại chia đều cho hai thôn và nhạc công (không chia như nhau).

7. Mỗi năm thì người lĩnh canh ruộng tế và giám thủ tự nên chỉnh biện hai lễ tế rồi giao cho người lĩnh canh thừa biện ông cai tế điền: hơn 10 mẫu, 1 sào, 4 thước (người lĩnh canh làm đơn đưa cho trưởng quan nhân thực), trừ phần công cấy hái nộp tô, cho phép thu mỗi sào 6 quan cổ tiền không kể được mùa hay mất mùa. Tế xong cũng vào nhà, mỗi một cỗ có một phần để thù lao.

8. Mỗi năm hai kỳ tế xuân thu và bản hội vọng hạ (chúc mừng), các khoản đều có dự định trước, thông báo và tùy tình hình dự kiến tiền mừng cho chỉnh tề - họp bầu một tân cử nhân làm chính câu đương; 8 tổng tân tú tài 4 người làm phó câu đương, mỗi viên phó viên thông báo 2 tổng: Yên Hòa cùng Vĩnh Xương; Thanh Nhàn và Kim Liên; Đồng Xuân và Thuận Mỹ; Đông Trù và Phúc Lâm. Gần hai ngày tế, 4 phó viên dự trình với chính câu đương họp để thông qua 4 đạo thông báo và giao cho phó viên chiếu biện, khánh điếu cũng như vậy. Lễ phẩm hai lễ tế xuân thu chỉnh biện do tú tài, giám sức, lĩnh canh Hồng Mai cùng giám thủ tại đương sở.

9. Người nào đăng tiến sĩ, kính yết lễ: chuẩn tiền 10 quan.

Trúng phó bảng kính yết lễ: chuẩn tiền 6 quan.

Trúng cử nhân kính yết lễ: chuẩn tiền 5 quan.

Nếu mới trúng tú tài, kính yết lễ: chuẩn tiền 3 quan (nếu tái trúng thì miễn).

Tiền lưu trữ ở viên chính câu đương, dùng vào việc chung, còn như bản hội mừng trúng tiến sĩ: mừng một trướng văn (thay tiền 5 quan giao cho người mới trúng tự biện các khoản nhưng phải để chữ: "Văn hội huyện Thọ Xương đồng hạ").

Trúng phó bảng mừng một trướng thơ, thêm một câu đối (có thể thay bằng 3 quan tiền giao cho như trên).

Trúng cử nhân thì một trướng thơ (thay bằng 2 quan tiền giao cho như trên).

Trúng tú tài một thiếp (thay bằng 1 quan tiền giao cho như trên).

Văn, thơ, đối, thiếp: câu đương lệ viên đều trình lên hội trưởng giao cho bản hội cùng nghĩ- soạn- đến ngày tế tựu, viên chính câu đương hoặc phó viên đính chính, sao chép lại, dùng giấy dầu mầu viết, đồng thời kiểm lại số tiền thế để mang đến mừng cùng (tiền thế lấy ở công quĩ chi dùng). Duy học sinh trúng cử nhân tú tài sau khi ra bảng nên đem 50 khẩu giấu do chính phó câu đương dẫn trình với bản hội trước là để tán yết sau là để chúc mừng.

10. Tháng 2 năm trước bản hội đã bàn xem bói về từ đường ở địa phận phường Hồng Mai. Quan tri bạ tú lĩnh Bùi Huy Tùng nguyên ở giáp Phúc Thọ, phường Hà Khẩu, tổng Đông Thọ cúng tiến ruộng đất và ao hơn 10 mẫu 2 sào 7 thước đồng thời quyên góp bổ sức ra chi tiêu các việc mời đổng cán bản hội đến họp.

Tế xong hai lễ xuân thu mỗi năm, cai viên tùy năm mà thu lộc cùng bản hội khởi công xây. Cai viên đồng tâm hiệp lực mà làm thì hậu đáp, từ đường xây xong ai quyên tiến đều có khoản đáp lại.

11. Hiện nay từ vũ mới xong, bản hội phân bổ cho các hội viên hiện có mặt trong huyện 150 quan để mua lấy 1 mẫu ruộng tế. Tế xong, người nào làm quan hiện có lộc, bản hội cũng tùy bàn bạc ai quan thấp cũng tùy sức quyên tiến từ 1-2 sào giở lên để mở rộng việc tế tự.

12. Bản hội lập ra mẫu để phụng tự: các bậc tiên hiền là chủ nhưng cũng coi trọng đến lễ. Hội viên nào bản thân sau trăm tuổi bản tổng hoặc tổng lân cận, có người trong hội biết thì tức tốc đem việc đó báo cho chánh phó câu đương, không được bỏ qua. Đến lúc tang, chánh phó câu đương trình hội trưởng cử người soạn một thiếp đính chính, sửa sang, viết ra (có quyền dùng giấy dầu trắng viết tùy nhưng phải để chữ văn hội huyện Thọ Xương - đồng văn), có thể thế tiền 1 quan (tiền này lấy ở quĩ chung) tập hợp cùng đến. Bản hội trước sau

như một, cho nên các sự chủ nên trình lệnh trong khi thù đáp, cùng châm chước, miễn thứ, giản tiện để có thể hoạt động lâu dài - còn như trong hội có ai hiển đạt, không câu nệ cử nhân, tú tài, lúc đó sẽ định lệ (nếu ai ngộ có song thân mất, bản hội cũng nên tụ tập đến điếu, lễ 6 mạch).

13. Hội tư văn bản huyện cùng đặt ao ruộng tế thần: một mẫu tại phường Hồng Mai trong làng.

Minh Mạng thứ 17 mua ở giáp khu Mật phường Hồng Mai, bản đồ như thế nào sào thước, địa phận ghi ở sau.

PHỤNG KHAI VỀ HÌNH MỤC

Bản xã liên ngạc tổng phú gia

Viện Nghiên cứu Hán Nôm - Ký hiệu: A715/1

Tháng 7 năm Duy Tân thứ 4 (1865) kỳ lý xã Liên Ngạc tổng Phú Gia phụng khai về hình mục của bản xã như sau:

Hình mục

1. Ẩu đả đánh nhau:

Dân xã có kẻ nào đánh nhau phải kể rõ cho kỳ mục, lý dịch phân xử. Cả hai đều phải nghe theo. Kẻ nào trái thì phạt: Thanh tiền hai quan để sung công quĩ. Kẻ nào bị trọng thương thì đệ trình lên phủ đường tra xét. Tốn kém bao nhiêu hai bên phải chịu.

2. Xét xử:

Dân trong xã ai vi phạm khoản trên thì sự chủ trình quan trên khám biên, Tổng lý kỳ mục đợi khám xét. Nếu tốn kém bao nhiêu hai bên phải chịu.

3. A tòng với kẻ gian:

Dân trong xã kẻ nào lẳng nhẳng với gái chưa chồng, nếu bắt được đích trạng phạt đánh 30 roi, nếu với kẻ có chồng rồi thì đuổi đi.

4. Làm trái lại với bàn dân:

Trong xã có kẻ nào trộm cắp gà, chó, củi giả, tạp vật... hoặc kẻ dưới lăng mạ người trên, dân trong xã mà bắt được đích trạng thì kỳ mục phạt 3 mạch tiền, 100 khẩu giấu để tạ tội.

Lý trưởng Nguyễn Văn Tấu đóng triện.

Hộ mục

Tháng 7 năm Duy Tân thứ 4 (1865) Lý dịch xã Liên Ngạc tổng Phú Gia phụng khai:

1. Nợ tiền:

Dân trong xã nếu ai vay nợ, thì viết cam kết điểm chỉ, lý trưởng sẽ đóng triện trình ghi vào trước bạ.

2. Cấp liễm hội:

Nguyên xã có tiền cấp cho phường mỗi năm phân hai kỳ, mỗi kỳ mỗi người cấp cho 1,00$. Người nào có việc hiếu hỷ muốn xin phường cho thì trước tiên biện giầu cau, mỗi người một khẩu giao cho trưởng phường đệ báo cho mọi người trong phường, định ngày đến hội sẽ cấp cho. Nếu người nào chưa được cấp cho...

3. Lập tự:

Dân trong xã ai bất hạnh không có người nối dõi, hội sẽ họp người trong nội tộc lập thứ tự, người hiếu hiền sẽ được làm thờ tự.

4. Phân chia tài sản:

Dân trong xã có người nào giàu, sở hữu nhà cửa điền sản có bao nhiêu thì để làm giỗ tết hương hỏa các tiết trong năm, còn bao nhiêu chia đều cho các con trai, gái, mỗi đứa một phần, đều phải lập chúc thư có nội tộc ký kết trình tòa trước bạ.

5. Thu thuế thóc mỗi năm:

Dân trong xã cứ theo như xưa, ở khu châu thổ mỗi kỳ thu hoạch, cho phép tuần tráng thu mỗi sào 2 tiền.

6. Chia đều ruộng đất:

Dân xã xưa có đất châu thổ (bãi bồi) trừ đất để thờ cúng tiên phật, thần thánh ra còn bao nhiêu chia đều cho dân từ 18- 60 tuổi cày cấy.

7. Nộp cheo:

Dân trong xã nếu có người nào lấy vợ, lấy chồng lệ nộp cho làng 3 quan tiền, giầu cau 30 khẩu - Nếu lấy người ngoài làng nộp gấp đôi. Tiền ấy sung công.

8. Ly dị:

Dân trong xã có đôi vợ chồng nào bất hòa, thuận tình ly dị, phải cùng lập bản cam kết rõ ràng, lý trưởng nhập vào sổ giá thú.

Lý trưởng Nguyễn Văn Tấu đóng triện.

Chính trị

Tháng 7 năm Duy Tân thứ 4 (1865) Lý dịch xã Liên Ngạc tổng Phú Gia phụng khai:

1. Kỳ mục nghị sự (kỳ mục bàn bạc công việc):

Dân trong xã ai có tài cán được hội đồng dân bầu làm Kỳ mục thì cùng Lý trưởng thừa hành công việc.

2. Bầu cử tổng lý:

Trong xã nếu khuyết chân phó lý, thì báo cho mọi người bầu. Tốn kém bao nhiêu, người được bầu làm phó phải chịu.

3. Bổ thu sưu thuế:

Mỗi năm đến kỳ thu sưu thuế: dân tế tựu ở công sở, chiếu theo bài chỉ, chiếu bổ từ 18- 60 tuổi trai đinh thu cho đủ số lượng. Chi phí tốn kém bao nhiêu lý trưởng chịu trách nhiệm.

4. Cầu cống, đường sá:

Dân trong xã nếu sửa chữa đường sá, cầu cống, sai dân đinh trong, ngoài xã ứng tiền xây sửa, tốn bao nhiêu chia đều cho mọi người.

Phong tục

1. Tế tự:

Dân xã có hai lễ giỗ thần: 12 tháng 2 và 2 tháng 12.

Mọi người chỉnh biện một thủ lợn, một mâm xôi, giầu cau, rượu; mỗi lễ đặt 10,00$- chia đều cho dân đinh trong xã.

2. Ngôi thứ:

Khoa mục, đại quan ngồi ở trên rồi đến chức sắc phẩm ngự, rồi đến kỳ mục, lý dịch.

3. Chia lộc tế thần:

Sau khi tế thần xong, thủ lợn kính biếu khoa trường, lý trưởng.

Chân giò biếu ứng tế cùng hưởng.

4. Khao vọng:

Ở xã nếu có khoa mục, chức sắc khao vọng thì chỉnh biện một thủ lợn, một mâm xôi rượu, yết thần và dân cùng hưởng.

5. Hôn lễ:

Nếu có việc cưới xin thì giàu nghèo tùy hai họ, sính lễ ít hay nhiều tùy tâm chứ không định lệ.

6. Tang lễ:

Nếu nhà nào có tang, hiếu chủ chỉnh biện một thủ lợn, một mâm xôi, hai nậm rượu, giầu cau 100 khẩu đưa ra đình. Lễ xong cùng mọi người thụ lộc - Lại nộp 3 quan 7 mạch tiền sung công.

7. Lên lão:

Trong xã ai đến 55 tuổi chỉnh biện một con gà, một mâm xôi, giầu cau rượu ra đình yết thần - biếu dân.

8. Bán thứ vị cho dân:

Muốn tu bổ nhà thờ, chùa chiền chia đều cho dân cùng chịu, không có chuyện mua bán tước vị.

9. Cấp tiền ruộng cho lính:

Xã có người nào sung lính tại ngũ, dân chia cho 3 mẫu đất bồi. Đã mãn hồi thì trả dân sung công.

10. Cấp tiền, ruộng cho kỳ mục:

Trong xã có người nào làm lý trưởng đương chức, dân cấp cho 3 sào đất bãi. Không có khoản cấp cho kỳ mục tiền và đất.

Mỗi năm tháng Tư tháng Tám lễ dùng tam sinh, hoa quả, rượu, giầu cau đủ luân lưu chiếu biện bản giáp. Chuẩn tiền 3 quan kể từ sau năm Mậu Thân.

Kê:

Năm Mậu Thân:

Nguyễn Ngọc Khiết - chết.

Nguyễn Đình Doãn - chết.

Nguyễn Ngọc Doanh - chết. Nguyễn Huy Thực - chết.

Năm Kỷ Dậu: Nhữ Đình Vinh. Ngọc Đình Thuyết. Nguyễn Hoàng Chung. Vương Phú Hợp.

Năm Canh Tuất: Nhữ Đình (...). Phan Huy Điển. Nguyễn Nghĩa Thái. Nguyễn Nghĩa Đức.

Năm Tân Hợi: Lê Vân Địch. Nguyễn Văn Hùng. Nguyễn Ngọc Vịnh.

Quan Côn Bối.

Năm Nhâm Tý:

Nguyễn Ngọc Nhuận. Nguyễn Huy Ái. Nguyễn Huy Quế.

Nguyễn Ngọc (...)

Năm Quý Sửu: Nguyễn Huy Biển. Nguyễn Nghĩa Hân.

Nguyễn Huy Mai.

Năm Giáp Dần: Nguyễn Bá Khoảnh. Nguyễn Huy Uyển.

Kỳ mục Nguyễn Văn Xuân ký.

Kỳ nục Nguyễn Văn Soạn ký.

Lý trưởng Nguyễn Văn Uyển đóng triện

KHOÁN LỆ HƯƠNG LÃO

Ba giáp Mật Thái, Bái Thượng, Bái Hạ
phường Hà Khẩu, tổng Hữu Túc
huyện Thọ Xương, Phủ Hoài Đức

Viện Nghiên cứu Hán Nôm - Ký hiệu: A1023

1. Trong yến hội hương lão thì người cao tuổi ngồi trên chiếu theo thứ tự tuổi.

50 tuổi mà thượng vọng nhập lão bàn thì khao 3 quan tiền, một đôi lợn tuyển, xôi, giầu cau, rượu đủ dùng dâng lên cúng lễ. Lễ xong kính đãi ba giáp - tiền thì sung quĩ lão bàn.

2. Tháng 2 vào chiếu lão bàn - cấp mỗi người cổ tiền như thế nào để chỉnh biện đủ Hàn âm một bàn, giầu cau 30 khẩu, một bình rượu, chuẩn tiền 5 quan. Đương cai lão bàn ở giáp chỉnh biện. Đúng ngày các viên sắc tề chỉnh áo mũ cùng đinh phu đến cai giáp phụng nghênh rồi các bô lão cùng hành lễ.

3. Ngày bô lão đến lượt đương cai thì chỉnh biện canh bánh, tiền: 2 quan. Tiền bô lão sở tại thu.

4. Giáp đương cai yến lão làm hai mâm bánh, mỗi mâm dùng 20 bát chiết yêu 5 thốn; 12 đĩa, ba giáp cấp tiền kính đãi hương lão: hầu hát, uống rượu. Đến lượt thì đương cai chọn một người bồi tịch (phục vụ), khoản đãi chu toàn để trong người cao tuổi và làm thuần hậu phong tục.

5. Đêm đó, người hát phục vụ các bô lão, cấp thưởng cho 1 quan, nếu quá kỳ tháng 4 tháng 8 cũng vậy.

6. 60-70 tuổi lên lão đến 100 tuổi làm lễ mừng thì cũng theo vọng lệ biện: lợn xôi, giầu rượu, ba giáp sẽ bàn định ứng miễn. Ba xã sẽ cấp tiền cho lão bàn. Khi có đại lễ sự thần nếu gặp trở ngại gì, đi xa, các sự chủ đó phải báo cáo vì vắng mặt, biện 30 khẩu giầu. Nếu không báo: truy thu 3 mạch.

7. Người già, trẻ con phải biết kính nhường, nếu ai say rượu làm huyên náo, khi nhập chiếu bô lão phải ngồi dưới- ứng phạt rượu, chuẩn tiền 3 mạch - kẻ đó ở giáp nào thì trách cứ quan ở giáp đó để dừng ngay thái độ sai trái và trở lại phong tục tôn kính nhường nhịn.

8. Ai có chuyện gì, dùng toàn sinh (con vật một mẩu lông) kính biếu tam giáp trước sau đó lấy đầu để biếu các bô lão tỏ lòng thành kính.

9. Người nào trong giáp muốn lên lão, ghi tên vào sổ có lễ vật: lợn, xôi, giầu cau, rượu, đầu tiên lễ thần sau khoản đãi bản giáp. Trong cùng bản giáp nhường người già ghi tên họ trước để tỏ ý cùng tôn kính.

10. Người trong giáp ai khao vọng 50 tuổi thì trước tiên nên đinh ngày 2 tháng 2 mang giầu cau 4 phong, mỗi phong 30 khẩu, đầu tiên báo lão bàn, thứ báo cho tam giáp đến mùng 10 phụng cỗ kính lão đồng thời để phần biếu những người lễ vọng. Tùy ba giáp định ngày biện lễ bánh giò, các thứ kê khai:

- Bát chiết yếu 20 cái.
- Gà lông một mẩu, vịt một mẩu, chân giò 2 cái.
- Thịt: 2 phong.
- Cua thịt: 2 con.
- Thịt ba ba (hoặc thay thịt lợn cũng được)
- Bánh cá.
- Lươn

- Cua biển.

- 12 bát 5 thốn.

Tam giáp hương lệ 2 mẫu, 2 đĩa.

Chả: hai mẫu. Bánh mỗi mẫu 6 đĩa.

Năm Đinh Dậu, giáp Tỷ Hạ đến lượt đương cai chuẩn theo đơn này.

Sơn Kỳ

Giáp Mật Thái, Nhữ Đình Huệ *cùng toàn giáp chuẩn y.*

Giáp Tỷ Thượng, Nguyễn Như Tuấn *cùng toàn giáp chuẩn y.*

Giáp Tỷ Hạ, Vũ Văn Sâm *cùng toàn giáp chuẩn y.*

Mỗi năm tháng 2 thì tiệc như sau: Tế thần bản giáp luân phiên chỉnh biện dâng lễ phẩm: Dùng một con gà trống to, mâm xôi đầy, giầu cau 36 khẩu, rượu 1 vò, tiền vàng pháo hương nến đầy đủ, chuẩn tiền một quan. Từ Tự Đức năm thứ nhất (1848) thì chiếu biện như sau:

Năm Mậu Thân: Nguyễn Như Tuấn - chết.

Nguyễn Nghĩa Hân - chết.

Nguyễn Huy Ái - chết.

Năm Kỷ Dậu: Nhữ Đình Cừu - chết. Vũ Huy Diệu - chết.

Nguyễn Huy Mai - chết.

Năm Canh Tuất: Nguyễn Nghĩa Tiến - chết.

Nguyễn Như Chương - chết. Nguyễn Huy Quế.

Năm Tân mão: Nguyễn Duy Năng - chết. Nguyễn Huy Lẫm- chết. Nguyễn Ngọc Doãn.

Năm Nhâm Tý: Lê Quý Doãn. Nguyễn Huy Diệu - chết.

Nguyễn Đình Doãn - chết.

Năm Quý Sửu: Nguyễn Huy Thực - chết.

Vương Phú Hợp - chết. Nguyễn Ngọc Thái.

Ngày 6 tháng 2 Minh Mạng 18 (1879) lập khoán lệ.

Hương lão Hoàng Đình Tế ký.
Hương lão Vương Hoán Chương ký.
Hương lão Nguyễn Huy Châu ký.
Hương lão Nguyễn Nhân Thọ ký.
Hương lão Vũ Đức Diên ký.
Hương lão Nhữ Đình Cừu ký.
Hương lão Nguyễn Viết (...) ký.
Hương lão Nguyễn Ngọc Nguyên ký.
Hương lão Nguyễn Huy Bỉnh ký.
Hương lão Hoàng Đình Minh ký.
Hương lão Nguyễn Đình... ký.
Hương lão Ngọc Vinh Hợp ký.
Hương lão Đặng Đình Thạc ký.
Hương lão Nhữ Duy Triện ký.
Hương lão Phan Huân Nghiệp ký.
Hương lão Nguyễn Quang Nghiêm ký.
Hương lão Nhữ Công Kỳ ký.
Tú tài Nguyễn Nghĩa Tiến ký.
Nguyễn Nhữ Tuấn ký.
Dương Đức Tuấn ký.
Vũ Văn Sâm ký.
Lê Duy Cẩn ký.
Nhữ Đình Huệ ký.
Vũ Ngọc Phái ký.
Lê Trọng Yến ký.
Phạm Đình Minh ký.
Nguyễn Huy Diệu ký.
Nguyễn Nhân Sướng ký.
Nguyễn Điều Nguyên ký.
Lý Cung Huệ ký.
Nguyễn Đình Nhưng ký.
Nguyễn Ngọc Khiết ký.

Dương Đăng Trạc ký.
Nguyễn Quốc Trụ ký.
Phan Quan Trạch ký.
Phan Huy Điển ký.
Nhữ Đình Vinh ký.
Nguyễn Quang Hoằng ký.
Hoàng Đức Viên ký.
Vương Đình Giai ký.
Lê Trọng Cẩn ký.
Nhữ Duy Mật ký.
Đặng Đình Tích ký.
Vương Phú Hợp ký.
Hoàng Đình Đài ký.
Viết hương lão lệ: Tú tài Nguyễn Ngọc Doanh ký.

Ngày 17 tháng 2 Minh Mạng 18 (1879) nghị định yến lão tam giáp: Mật Thái, Tỷ Thượng, Tỷ Hạ phường Hà Khẩu, tổng Hữu Túc, huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội kê khai các loại:

- Bát chiết yêu 20 cái.
- Gà lòng một mẩu, vịt một mẩu,
- Chân giò 2 cái.
- Thịt: 2 phong.
- Cua thịt: 2 con.
- Thịt ba ba (hoặc thay thịt lợn cũng được)
- Ngũ tạng.
- Tôm.
- Tuyên hoa.
- Bánh cả.
- Lươn.
- Cua biển.
- 12 bát 5 thốn.

TỤC LỆ PHỦ HOÀI ĐỨC

Ngày 10 tháng Tư năm Duy Tân thứ tư

Chánh tổng Dịch Vọng phụng khai

Viện Nghiên cứu Hán Nôm - Ký hiệu: A715

Hình mục

1. Khoản đánh nhau ẩu đả:

Dân các xã trong tổng phạm vào khoản này, kẻ bị thương nhẹ do lý dịch trong xã của y gọi ra phân xử - phạt kẻ có tội 3 tiền, cho phép tuần phiên canh giữ tiền thu phí.

Nếu kẻ nào ương ngạnh thì cùng với kẻ trọng thương bị lý dịch trong xã của y làm đơn trình để truy cứu. Xong việc thì Kỳ lý trong xã đó đi lại khai báo đơn từ. Tiêu phí bao nhiêu sẽ phạt ba quan tiền vào kẻ sai trái.

2. Khoản a dua phụ họa bè phái với kẻ gian:

Dân các xã trong tổng tuần phòng trong hương ấp, ngoài đồng điền trách nhiệm do tuần phiên mà bắt được kẻ nào a dua với kẻ gian, Kỳ lý của xã đó đánh phạt để răn dạy.

Nếu bắt được kẻ nào ăn trộm bắt quả tang thì tùy từng trường hợp mà giải trình tra hỏi xét xử. Nếu gian dâm mà phát giác ra tuần phiên ở bản xã bắt cam kết nhận lỗi. Điều này đều có trong khoán ước các xã.

3. Khoản vi phạm với dân:

Dân các xã trong tổng kẻ nào làm điều gì trái với dân thì dân xã đó họp bắt phạt tên đó 3 quan 6 mạch sung công để cảnh cáo kẻ khác.

4. Khoản khám biên mệnh án:

Dân xã nào trong tổng nếu xảy ra vụ việc thì Kỳ lý xem xét, tra hỏi thực hư ra sao. Phí tổn cho việc ăn uống bao nhiêu bổ vào đầu kẻ sai phạm.

Hộ mục

1. Tiền nợ:

Các giáp trong xã, trong tổng nếu kẻ nào dùng tiền công cho vay bừa bãi, cầm bao nhiêu tiền đều có ghi rõ trong khoán bạ ở xã ấy- phải nộp mỗi năm, mỗi quan lợi tức là 4 mạch để chi tiêu và vật phẩm tế lễ mỗi năm.

2. Cấp liễm hội:

Các xã trong tổng hoặc 20 người hoặc 15 người cùng họp nhau làm một phường, người nào có việc hiếu, hỷ hoặc làm nhà thì chia người mang giầu cau thay nhau chuyển báo cho những người trong phường mỗi người một miếng hạn trong 10 ngày, bản phường cùng đến nhà sự chủ, chia đều cho mỗi sự chủ 3 quan hoặc 5 quan tiền gọi là giàu nghèo giúp nhau. Điều này có ghi trong khoán ước các phường các xã.

3. Khoản thu sương túc (thu thóc mỗi năm):

Trong tổng - xã nào to chọn 20 người tuần phiên, xã trung 15, xã nhỏ 10 người để tuần phòng trong hương ấp, ngoài đồng điền. Nếu để mất gì thì phải bồi thường cho hai vụ đông hạ, năm ấy cho phép tuần phiên xã đó thu mỗi sào một liễm (một liễm bằng 3 bả).

Người canh điền cho phép thu gấp đôi mỗi sào 2 liễm để thù lao cho tuần phòng.

4. Khoản ly dị:

Xã nào trong tổng nếu có đôi vợ chồng nào không hòa hợp, thuận tình chia tay thì làm đơn trình bày rõ cho Lý trưởng xã ấy xem xét sự thực, nhập vào sổ giá thú rồi mới cho ly hôn.

5. Khoản lan nhai (cười cheo): Tục lệ các xã trong tổng có các điều khác nhau:

- Ở xã Dịch Vọng Tiền nếu lấy vợ, lấy chồng trong xã thì nộp 10 viên gạch Bát Tràng, 150 khẩu giầu. Nếu lấy người ngoài xã thì theo lệ nộp gấp đôi do Kỳ lão của xã ấy thu nhận.

- Ở xã Dịch Vọng Trung và xã Hạ Yên Quyết lệ nộp 1 quan 2 mạch, 50 khẩu giầu cau do nhà gái thu nhận rồi đệ cho trước bạ Lý trưởng xã đó.

- Xã Dịch Vọng Hậu lệ lấy người trong xã nộp Hàn âm một lễ- 60 viên gạch Bát Tràng - giầu cau 30 quả. Người ngoài xã nộp gấp đôi, do Kỳ lão xã đó thu nhận.

- Xã Nghĩa Đô lệ thu: Thanh tiền 6 quan, người ngoài xã nộp gấp đôi do Kỳ lão thu nhận.

- Xã Mễ Trì: lấy người trong làng xã nộp 2 chai rượu, 200 khẩu giầu, 20 viên gạch Bát Tràng. Lấy người ngoài làng nộp gấp đôi - lại thu thêm một đầu lợn để bái yết thần. Xong việc Kỳ lý thu lại để cùng uống rượu.

- Xã Trung Kinh: lấy người ngoài làng thì nộp một con gà, hai chai rượu, 100 khẩu giầu cau. Người nào ở thôn Thượng thì tăng thu 3 quan tiền - thôn Hạ thu 60 viên gạch Bát Tràng do Kỳ lý trong xã thu nhận. Còn lễ vật thì cùng dân uống rượu.

- Xã Hòa Mục: nếu lấy người trong làng trong xã thì nộp 3 quan 6 mạch, lấy người ngoài nộp gấp đôi do Kỳ lý thu nhận sung vào công quĩ.

- Xã Dịch Vọng Sở: lệ nộp 20 viên gạch Bát Tràng, 6 quan tiền đồng dân thu.

- Trại Đoài Môn: Thu thanh tiền 10 quan, đồng dân nhận để sung công quĩ.

- Xã Mai Dịch: người trong làng thì nộp 150 khẩu giầu, 10 viên gạch Bát Tràng - người ngoài làng thì nộp gấp đôi.

6. Khoản chia đất ruộng công:

- Dân xã Hạ Yên Quyết sở hữu bao nhiêu mẫu công điền - trừ ruộng cấp cho binh lính, ruộng biếu, ruộng để thờ thần, thờ Phật -

còn bao nhiêu mẫu, mỗi năm một lần chia đều cho mỗi xuất đinh trong xã, mỗi xuất phân canh 1 sào 2 thước 4 thốn để trợ sưu dịch.

- Xã Dịch Vọng Hậu sở hữu ruộng đình, ruộng chùa cộng 20 mẫu, mỗi năm phân canh cho 4 giáp để tu bổ đình vu và lễ tế thánh thần,

- Xã Dịch Vọng Sở và trại Đoài Môn chia công điền- trừ ruộng cho binh lính, ruộng đình chùa và ruộng lộc cho Lý dịch tuần phiên còn bao nhiêu, mỗi năm một lần chia đều cho dân đinh từ 18 tuổi giở lên đều phải canh trưng. Còn lại các xã nếu như có linh khố xanh, khố đỏ xuất ngũ thì số ruộng đó để trợ dịch. Không chia đều cho số đinh.

Về chính trị

1. Khoản về hội họp kỳ mục bàn về việc làng: Dân các xã trong tổng nếu có chuyện công tư thì họp ở công sở của kỳ mục xã đó để bàn bạc. Lý dịch xã đó ứng trước giầu cau, trà nước để tiếp nhau, xong việc mọi người ai về nhà nấy, không có khoản ăn uống.

2. Khoản việc công của kỳ mục: Dân các xã trong tổng nếu gặp chuyện công kể cho kỳ mục cùng lý dịch trong xã thừa hành, ví dụ như: chiếu bổ sưu thuế, đốc suất tuần phòng, cấm giới gian lậu, khai rõ thực hư những việc trên do kỳ mục xã đó chịu trách nhiệm.

3. Khoản bầu cử kỳ lý:

Các xã trong tổng, xã nào khuyết chân kỳ mục, do lý dịch xã đó chọn người nào trong xã để phục vụ lâu năm mà không phạm lỗi lầm gì, đệ đơn trình xong thì mới sung vào. Nếu như khuyết chân chánh lý hoặc phó lý thì thông báo trước, kỳ mục xã đó họp ở công sở bầu người nào trong xã có vật lực, biết chữ cùng với đinh trong làng bầu, ghi tên người đó, nhân biện cơm rượu và 3 quan tiền, ghi tên điểm chỉ, chi tiêu tốn bao nhiêu, kỳ mục các xã không được hạch sách.

4. Bổ thu sưu thuế:

Dân cư các xã trong tổng thừa lệnh bài chỉ hồi dân, định ngày hội bổ đinh các hạng ruộng trong, ngoài đều thu như nhau. Một lễ do lý dịch ứng biện để yết thần, tùy hậu bạc. Phân bổ kỷ kết xong, uống rượu cùng với dân. Chiểu lễ hoàn tiền ghi chi tiêu vào sổ của xã đó.

Xã Dịch Vọng Tiền và xã Mai Dịch cho phép tiền đi lại, cho lý trưởng là 5,00$.

5. Khoản tu bổ đường sá cầu cống:

Dân xã nào trong tổng nếu như có khoản nào tu sửa cầu đường hoặc trích công quĩ hoặc kêu gọi mọi người đóng góp thì xong việc cùng mọi người họp bàn. Nếu tu bổ đường trong làng, mọi người cùng chung sức, nếu ở ngoài làng như đường ruộng khuyến nông thì cho tiền thuê xây.

Phong tục

1. Khoản tế tự:

Dân các xã trong tổng cứ tháng Giêng, tháng hai mỗi năm thì cầu phúc; tháng 3 mùa xuân thì tế ở văn chỉ. Tháng 4 cầu an. Tháng 6 Hạ Điền. Tháng 7 Thượng Điền. Tháng 8 tế thu ở văn chỉ. Tháng 9 ăn cơm mới. Tháng 12 tiết chạp tất cả đều tùy dân trong xã sắm lễ theo năm được hay mất mùa. Nếu như được mùa xã lớn dùng trâu hay bò, xã vừa và xã nhỏ dùng lợn hay gà. Nếu như mất mùa dùng rượu, giầu cau tế lễ, tùy theo không định lệ. Chi phí bao nhiêu trích ở tiền công ra, còn lại thiếu bao nhiêu chiếu bổ theo trên dưới. Những người có chân trong hội Tư văn mới được ứng tế.

2. Ngôi thứ ở đình làng:

Dân các xã trong tổng có khoa mục thì ngồi trên - thứ là phẩm ngự - đến lão làng - tổng lý, kỳ mục- dưới là các hạng binh lính tại ngũ, còn lại cứ theo tuổi mà ngồi để duy trì lòng kính trọng của dân xã đối với người già: người già ngồi trên đều có ghi trong khoán lệ của xã.

3. Khoản Thi cử:

- Thi trúng cử nhân, tú tài, phẩm ngự và những người làm cho công sở đến tổng lý đều khao vọng theo lệ.

- Dân các xã Dịch Vọng Tiền, Nghĩa Đô, Hòa Mục, Mai Dịch, Trại Đoài Môn nếu có người nào khao vọng lệ: lợn một đầu, xôi một mâm, cau rượu để yết thần và biếu dân.

- Xã Hạ Yên Quyết: người nào trúng cử nhân hoặc tú tài đều biện 4 con gà, 4 mâm xôi vọng tại văn chỉ - Lại biện thêm thanh tiền 3 quan vọng lại công đình. Nếu ai được thưởng phẩm ngự lại tái nhập trường thi thì vọng 40 quan. Nếu không nhập trường thì vọng 60 quan. Sắm sửa hậu bạc là tùy từng người. Người đang làm việc và tổng lý không có lệ khao vọng.

- Xã Dịch Vọng Hậu: Khoa mục không có lệ khao vọng. Duy phẩm ngự và những người đang làm việc công ở các sở và tổng lý lại phải biện một thủ lợn, một mâm xôi, một buồng cau, một vò rượu để lễ thần, biếu 4 giáp cùng uống rượu tại đình sở. Sau đó lại mời mọi người về nhà ăn uống, mời mọc thế nào tùy tâm không thành định lệ.

- Xã Trung Kính: các vị khoa mục cho đến tổng lý các hạng đều phải biện một thủ lợn, một mâm xôi, giầu cau để yết thần, đãi dân. Xong việc lại mời mọi người từ 18 tuổi giở lên về nhà mình, cứ 4 người một cỗ hậu bạc thế nào tùy từng người.

- Xã Mễ Trì và Dịch Vọng Sở các hạng đều phải khao vọng: Chỉnh biện thịnh soạn để bàn dân ăn uống, nhưng hậu bạc thế nào cũng tùy tâm.

- Xã Dịch Vọng Trung: Lệ mọi người biện một lễ (hậu bạc tùy tâm) yết thần, đãi dân.

Cấp tiền, ruộng cho binh và đinh bổ liễm như thế nào:

1. Dân xã Dịch Vọng Tiền cấp cho mỗi người đi lính 1 mẫu ruộng công.

Dân xã Dịch Vọng Hậu và Dịch Vọng Trung cấp đều cho mỗi người đi lính 2 mẫu ruộng công.

Xã Nghĩa Đô cấp cho mỗi người đi lính 5 sào ruộng công, 20 quan tiền chiếu sổ đinh mà chia đều.

Xã Hạ Yên Quyết, Dịch Vọng Sở, Mai Dịch chia đều cho mỗi người đi lính 3 mẫu.

Xã Trung Kính cho mỗi người 3 mẫu lại cho thêm 30 quan tiền chiếu theo suất đinh trong xã thu thêm để tăng thêm cho binh lính.

Xã Hòa Mục thì cho mỗi người đi lính về 1 mẫu, 2 sào ao, 7 sào bờ sông.

2. Dân mua chức vị:

- Dân các xã trong tổng nếu có tu bổ đình vũ, cứu giúp cho người bị nạn, người nào có tâm nguyện bỏ tiền ra tu tạo cũng cho phép có vị thứ, điều này có ghi trong khoán ước.

- Xã Dịch Vọng Tiền và Mai Dịch xuất 20,00$ ra để mua chỗ bên trái kỳ mục.

- Xã Dịch Vọng Hậu bỏ ra 30,00$ để nhập hội Tư văn.

- Xã Dịch Vọng Trung bỏ ra 24,00$ để nhập chức Nhiêu tế ở trong đình.

- Xã Nghĩa Đô bỏ ra 12 quan cho phép dự ứng tế Tư văn.

- Xã Mễ Trì bỏ ra trên dưới 60 quan được phép nhập hội Tư văn.

- Xã Trung Kính - Hòa Mục ai bỏ ra 26 quan sẽ mặc áo đội mũ nhập ứng tế trong đình.

- Xã Dịch Vọng Sở và Trại Đoài Môn ai bỏ ra 10 quan tiền cho phép được làm nhiêu tế.

- Xã Hạ Yên Quyết không có lệ mua đó.

3. Khoản Kỳ lý tại chức, dân xã sẽ cấp cho ngôi vị hoặc ruộng tiền:

- Xã Dịch Vọng Trung, Mễ Trì - xã cấp cho chánh, phó lý ruộng để chi phí cho việc giấy bút là 5 sào mỗi người.

- Hạ Yên Quyết cấp cho lý trưởng giấy bút: ruộng 2 sào.

- Xã Trung Kính cấp tiền giấy bút cho lý dịch: ruộng 3 mẫu.

- Xã Dịch Vọng Sở cấp cho lý trưởng 3 mẫu ruộng, phó lý 1 mẫu ruộng.

- Trại Đoài Môn cho lý trưởng 3 sào.

- Xã Mai Dịch không cấp ruộng. Duy năm nào cũng cấp cho lý trưởng 50,00$ - còn những khoản khác xã không cho.

4. Khoản chia đều lộc tế thần:

Dân các xã trong tổng nếu có các tiết tế thần có thể mổ 1 con bò hay 1 con trâu hoặc 1 con lợn. Thủ của nó bày biếu tiên chỉ, khoa mục, cổ của nó biếu chức sắc, phẩm ngự, người tòng sự và nhân viên, hương lão, còn bao nhiêu chia đều cho các giáp ăn uống.

Khoản hôn lễ:

Dân các xã trong tổng nếu có giai gái lấy vợ, lấy chồng, nhà nào giàu có biện lợn, xôi, giầu cau, rượu đủ dùng cùng 30-40,00$ tiền. Người nghèo thu 20-30,00$ cùng một lễ xôi gà. Điều này do hai bên thuận tình không có định lệ.

Khoản tang lễ:

Dân các xã trong tổng nhà nào có tang, nếu nhà phú quý có thể mổ trâu, mổ bò, cỗ bàn thịnh soạn, bánh dày mời bàn dân cùng đến ăn uống. Nếu không có cũng không trách. Nhà nghèo khó chiếu theo lệ của giáp mà biện nộp.

- Hai xã Dịch Vọng Tiền và Mai Dịch, tang chủ biện 1 thủ lợn, 1 mâm xôi, 100 khẩu giầu, 1 vò rượu. Nếu không nộp 1 quan tiền 2 mạch cũng được.

- Mai Dịch Trung và Hạ Yên Quyết: Rượu thịt một lễ, giầu cau 50 khẩu.

- Xã Dịch Vọng Hậu có lệ: Tùy tuổi người chết cao thấp mà chiết nạp tiền công ra chi tiêu.

- Xã Nghĩa Đô, Hòa Mục, Mễ Trì, Mai Dịch Sở, Trại Đoài Môn: Tang chủ phải biện mâm cỗ chỉnh tề, thịnh soạn hay sơ sài tùy gia cảnh.

- Xã Trung Kính: Lệ nộp một thủ lợn, một mâm xôi, cau rượu đủ dùng nếu không nộp thành tiền 7 quan 2 mạch cũng được.

Khoản lão lệ:

- Dân các xã trong tổng người nào 60 tuổi đăng hương lão, các xã đều có tục lệ.

- Xã Dịch Vọng Tiền, Dịch Vọng Trung người nào đến chiếu lão đều phải biện 1 thủ lợn, 1 mâm xôi, giầu rượu; trước yết thần, sau đãi dân để đăng ký vào chiếu lão.

- Xã Dịch Vọng Hậu: Nếu 3 đến 5 người cùng đăng lão chỉ phải biện một sinh lễ. Nếu phải nộp 50 quan thì chỉ nộp 20 quan, nếu phải nộp 60 quan thì chỉ nộp 50 quan..

- Xã Nghĩa Đô, người nào lên lão biện Hàn âm 1 lễ để yết thần, kinh dân.

- Hạ Yên Quyết ai 50 tuổi muốn nhập sổ lão thì lễ phẩm đủ, hậu bạc tùy hoàn cảnh, do hội hương lão của xã ấy thu nhận.

- Xã Mễ Trì người nào muốn vào hội lão ở bàn thứ nhất phải biện bánh tròn đủ mâm mời dân bản xã về nhà uống rượu. Nếu người nghèo có thể nộp 15,00$.

- Xã Trung Kinh thôn Hạ người nào 60 tuổi, đầu tiên biện Hàn âm 1 lễ bái yết thần, sau đó lại biện đầy đủ thịnh soạn mời hội lão 4 người 1 cỗ- hậu bạc tùy tâm. Nếu người nghèo có thể nộp 40 quan tiền sung vào hội lão tiêu chung. Thôn Thượng người nào 70 tuổi thì trước tiên biện một lễ xôi thịt yết thần, sau biếu mọi người cùng uống rượu.

- Xã Hòa Mục người nào 60 tuổi thì biện oản quả, giầu rượu yết thần đãi dân.

Khoản đối với bề trên, lý dịch:

Dân các xã trong tổng, nếu ai có gì khẩn cấp, theo lệ đến thẳng kể trình, không dám coi thường, dù gấp gáp đến đâu cũng phải trình kể.

Chánh tổng tổng Dịch Vọng Nguyễn Khánh Phú đóng triện.

Tháng 4 năm Duy Tân thứ 4 (1910) Chánh tổng tổng Thượng Hội Nguyễn Văn Tứ phụng biên. Các xã trong tổng từ nay về sau định lệ phong tục các khoản điều lệ của mỗi xã như thế nào đều nhất nhất khai rõ.

Xã Thượng Hội tục lệ như sau:

Hình mục khoản đánh nhau: Trong xã có kẻ nào chưa rõ bị người khác đánh thì lý dịch trong xã mang tuần tráng đến tận nơi xem thương tích nặng hay nhẹ rồi báo lại cho phủ khám, tốn kém như thế nào do bên nguyên chịu.

KHOÁN ƯỚC THÔN THỔ QUAN

Tổng Vĩnh An, huyện Hoàn Long[1]

Lập năm Thành Thái 19 (1907)

Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu: AFa2/31

Kỳ mục, lý lịch và toàn thôn Thổ Quan tổng Vĩnh An huyện Hoàn Long lập khoán ước. Bởi lẽ vâng thừa quý toà sức thúc dục dân thôn kỳ mục đến toà nghe hầu công cụ, thừa truyền tu soạn khoán ước của dân thôn xem có sự cải biên thế nào, hạn định 8 ngày đệ lên toà để trình thẩm xét. Vâng thừa kê rõ ra sau đây. Tất cả liên danh ký kết, nay lập tờ khoán ước.

1. Đất thờ của thôn gồm 3 sào, miếu thờ 3 vị Thượng đẳng phúc Thần ở dưới Thổ Tinh, tại phường Thịnh Hào tổng Yên Hạ, phía sau có một ao nhỏ.

2. Hàng năm có hai ngày lễ lớn cúng Thần. Lễ vật gồm lợn cả con hoặc bò, dê. Lễ xong, biếu những bậc tử tú tài bên văn, cử nhân bên võ giở lên 1 khoanh thịt cổ; biếu bàn lão và các viên đương cai, phó tổng, khoá sinh, dịch mục 1 khúc thịt (nạm); biếu các vị đương thứ lý trưởng, hương trưởng, tả văn, thủ bạ mỗi người được một đùi lợn.

3. Lệ hàng năm, ai đến tuổi 50, sắm sửa 2 thủ lợn, 2 mâm xôi, 2 vò rượu cùng 20 quả cau giầu hành lễ ở 2 miếu theo đúng như lệ. Thảng hoặc có người đến tuổi 50, muốn giản tiện hơn, xin nộp 40

[1] Theo *Tục lệ cổ truyền làng xã*... S.đ.d.

quan tiền, 2 bình rượu, 200 khẩu giầu, hành lễ tại 2 miếu theo đúng như lệ. Sau đó đi chia biếu lễ.

4. Trong thôn có người hiện tại đang theo kỳ khảo hạch ứng thí được miễn trừ tạp dịch. Người nào vốn theo nghiệp học cũng được xét theo lệ này.

5. Bảng thôn có đám đất ao công 1 mẫu 5 sào ghi trong sổ bạ. Trong thôn người nào làm lý trưởng nhận phần đất ao đó canh tác 6 năm một kỳ. Thời gian làm việc không phạm sai sót mà sau đó lại xin thôi việc thì có thể xét miễn tạp dịch cả đời. Nếu làm thất thoát sưu thuế sẽ truy cứu bắt họ tộc phải bồi thường.

6. Con gái lấy chồng người bản thôn, theo lệ lộp tiền lan nhai (nộp cheo) 12 viên gạch Bát Tràng, 1 bình rượu, 200 khẩu giầu. Nếu lấy chồng người ngoài thôn thì nộp 24 viên gạch Bát Tràng, 1 bình rượu, 100 khẩu giầu cau. Còn lấy chồng người nước ngoài, nộp tiền cheo gấp đôi là 48 viên gạch Bát Tràng, tiền giầu, rượu 1 quan 2 mạch tiền kẽm.

7. Hàng năm vào các tiết lễ lớn, Bản thôn sắm sửa lễ vật hoặc bò lợn giao cho đương cai mổ thịt làm lễ, cốt trọng thanh khiết. Ba mâm cỗ đặt ở trong đình, kiểm tra lễ vật thực sự tinh sạch mới được phép dâng lên 2 miếu tế lễ. Nếu đương cai mổ thịt không cẩn thận, bản thôn bắt nộp 5 quan tiền kẽm, trừng phạt tội cẩu thả. Nếu 3 mâm đồ tế mà kiểm tra thấy sơ sài thì người đó sẽ bị đuổi thành dân ngoại cư. Lễ vật lo không chu đáo, tinh sạch cũng bắt nộp phạt 3 quan tiền kẽm, 300 khẩu giầu để tôn nghiêm lòng thành cẩn trong việc tế lễ.

8. Trong các lễ lớn thờ thần, việc bày đồ tế khí trong đình phải chọn lấy những người thuộc bàn 5 và bàn 6. Đến ngày lễ, người ngồi bàn đó có mặt tại đình cùng 3 bàn dự tế cắt đặt việc bày biện đồ tế. Nếu người nào trong bàn ấy mà lơ là không tuân theo, giao cho lý trưởng, hương trưởng báo tuần phu vào nhà bắt đưa ra đình. Cũng giống như dân, bị đánh 30 roi để răn đe. Người nào có việc hoặc vừa mới đi xa có thể cho phép nhờ anh em người thân tới đình làm việc thay.

9. Trong thôn có một ngôi điếm, bầu ra một trương tuần, mỗi đêm cho 5 trai tráng đến canh gác điếm sở (mỗi đợt canh là 6 đêm). Tối đến, lý trưởng, hương trưởng qua đó kiểm tra quân số tuần phu giao cho trương tuần cắt đặt canh phòng điếm sở và các nơi khắp thôn cùng ngõ hẻm. Thời gian từ 6 giờ chiều, qua đêm đến 5 giờ sáng hôm sau, mới được về nhà. Nếu nửa đêm bỏ dở công việc về nhà, canh phòng lơ là bất cẩn, gặp phải qua đồn và binh lính huyện hạt đi tuần, hoặc trong thôn xảy ra vụ việc gì, thì số tiền phạt và bồi thường, trương tuần và các tuần phu hôm đó phải chịu.

10. Bản thôn rất coi trọng việc trên hoà dưới thuận. Nếu người bề trên lăng mạ kẻ dưới, kẻ dưới không tôn trọng người trên mà kiểm tra thấy đúng sự thật thì kẻ dưới sẽ bị đánh 20 roi để răn đe, người trên sẽ chịu phạt 1 quan tiền kẽm, 50 khẩu giấu để giữ nghiêm lệ làng.

11. Trong thôn, thảng hoặc có vụ tranh chấp gì, tất phải được lý trưởng, hương trưởng phân xử rõ ràng. Nếu đương sự khinh thường không chịu phục tùng lại đi kêu tới quan địa phương, quan địa phương tìm hiểu nguyên do ngọn ngành cũng đúng như hương trưởng, lý trưởng đã phân xử thì người sai sẽ phải nộp tiền phí tổn và bị bản thôn tước bỏ vị thứ trong làng để tránh tổn hại đến phong tục.

12. Người trong thôn nếu như lấy cắp bất cứ vật gì ở trong thôn hoặc thôn khác, mà bị bắt đích danh thì bị đánh 30 roi để răn đe. Nếu có hành vi đục tường khoét vách lấy trộm đồ đạc, lập tức bị tróc nã và xoá bỏ tên trong sổ bạ của làng. Người nào che giấu kẻ gian, vật gian mà bị bắt đích danh thì bản thôn đem kẻ che giấu cùng kẻ gian và tang vật giao cho quan địa phương trị tội để xoá bỏ nạn trộm cắp.

Ngày 10 tháng 2 năm Thành Thái 19 (1907), lập khoán ước.

Nguyễn Đình Thị, Trịnh Thu. Ngô Tĩnh, Nguyễn Thế Chiểu, Nguyễn Thế Chúc, Lê Đình Tập, Trịnh Khắc Đại, Ngô Vĩ, Đỗ Đình Tụ, Nguyễn Xuân Trạch, Nguyễn Đình Lạc, Nguyễn Như Lam, Lê Đình Quan, Lê Đình Cương (cùng ký). Lý trưởng Lê Đình Nghi (đóng triện).

KIM NGÂN ĐÌNH THỊ LỆ

(Nay là phố Hàng Bạc)

Biên soạn năm Giáp Dần niên hiệu Cảnh Thịnh 2 (1794), được bổ sung vào năm Thiệu Trị 3 (1843)

Điều lệ phố Kim Ngân[1]

Quan viên, thượng thọ, thượng toát, trùm lệnh trưởng trên dưới phố đình Kim Ngân lập điều lệ.

Thường nghe, triều đình có phép tắc của triều đình, làng xóm có lệ của xóm. Huống hồ phố ta vốn có nghề riêng là của báu quốc gia. Nếu không có khoán lệ ràng buộc thì lấy gì cấu kết lòng người. Nhân đó, tham chước cổ lệ mà định cách thức mới. Các điều lệ kê sau đây:

Điều thứ 1: Lễ Giao Thừa: cau giầu 100 miếng, chuẩn giá tiền 1 mạch 40 văn, rượu tinh khiết 1 chai chuẩn giá tiền 18 văn. Lễ Thường Tân cũng sắm như vậy.

Điều thứ 2: Lệ tháng Giêng từ Nguyên Đán đến ngày 2, ngày 3 mỗi ngày dâng gà 1 con, xôi một mâm, cau giầu 60 miếng, rượu 1 chai, chân giò 1 chiếc, mỗi lễ chuẩn giá tiền 1 quan. Đương trưởng ăn mặc quần áo tề chỉnh đến rất sớm để thông báo cho bản thi hành lễ. Lễ xong bày cỗ bàn để các vị có mặt thụ lộc. Nay định lễ.

---

[1] *Bản năm Cảnh Thịnh 2 bị rách nhiều, nên chúng tôi dịch theo bản Thiệu Trị 3. Nguyên chú theo* Tục Lệ cổ truyền... *S.đ.d.*

Điều thứ 3: Hàng năm vào tháng Giêng từ Nguyên Đán đến ngày 6, ngày nào cũng dâng lễ cau giầu 60 miếng, chuẩn giá 1 mạch tiền, rượu 1 chai chuẩn giá 18 quan tiền.

Điều thứ 4: Hàng năm vào tiết khai hạ, dâng lễ gồm 1 con lợn, xôi 1 mâm, giấy tiền 100 tờ, cau giầu 100 miếng, rượu tinh khiết 1 chai. (Tất cả) chuẩn giá tiền 5 quan, còn nhỡ khi khá giả thì không theo lệ này. Còn đồ lễ chín là lưỡi, đồ dồi, đại tràng và nội tâm thì cho lên đĩa bát ngọc một mâm. Thủ lợn, đuôi, chân giò, thịt lợn và xôi thì bày ở các mâm. Đến giờ, Đương trưởng thông báo trên dưới có mặt đầy đủ ăn mặc tề chỉnh áo quần hành lễ, ai vắng mặt, cho gọi về. Lễ xong, các lễ vật là nội tạng, đầu, đuôi lợn thì kính biếu giáp bàn, chân giò thì biếu trùm giáp, còn cỗ ở mâm ngọc chia đều cho dân trong phường. Số còn lại, bày làm cỗ để người có mặt thụ lộc. Còn thịt lợn thì chia đều cho các viên trong ngoài phố, mỗi viên 1 phần, nội thị 12 phần, sau đó đến giáp bàn và giáp trưởng, dân nhạp trạch 2 phần, cỗ mâm ngọc 1 phần.

Điều thứ 5: Hàng năm vào ngày 2 tháng 2 lễ Nhập Tịch, lấy ngày 29 tháng Giêng hội họp có mặt đầy đủ bài trí đồ vật và cắt cử chấp sự. Nếu ai vắng mặt sẽ bị phạt 3 mạch tiền cổ hoặc có ai đi xa mà vợ sinh con, hoặc bị bệnh đậu thì trình cau giầu chuẩn giá 1 mạch tiền.

Điều thứ 6: Hàng năm tháng 2 lễ Nhập Tịch, chọn người tế ở các giáp bàn, gồm những vị có chân chức sắc ở xã; hàng văn thì chọn từ bàn ất đến bàn trưởng, gồm những người đỗ đạt có chân chức sắc, nhiêu âm; còn như người chấp sự thì từ giáp bàn giở xuống chiếu theo tục lệ của bản phố mà lựa chọn.

Điều thứ 7: Hàng ngày bài trí tế khí do trưởng bàn chọn, nếu tế khí bị khiếm khuyết thì bắt phạt người bài trí không tha.

Điều thứ 8: Hàng năm vào tháng 2 từ lúc bắt đầu đến khi kết thúc Nhập Tịch, bản phố túc trực đêm ngày nghiêm ngặt tại đình. Ai vắng mặt mỗi đêm bị phạt 1 mạch tiền cổ. Duy người có đại tang thì châm chước.

Điều thứ 9: Hàng năm vào ngày 3 tháng 2 có lệ khoán xướng ca, sắm cau giầu tinh khiết 100 miếng, rượu tinh 1 chai chuẩn tiền 3 mạch. Đương trưởng thông báo trên dưới tề tựu không bắt buộc người có đại tang, tiểu cố (vận hạn nhỏ). Ai vắng mặt bị phạt 2 mạch tiền cổ. Tất cả hội họp nghiêm túc không được ồn ào. Tri bạ chiếu theo số người trong thường ngạch nếu có ai vi phạm vượt quá trong điều ước thì bắt phạt không tha để giữ nghiêm lệ ước.

Điều thứ 10: Hàng năm vào ngày 2 tháng 2 từ lễ Nhập Tịch đến ngày 12 hết lễ, phải sắm lợn 1 con, xôi 1 mâm, cau giầu tinh khiết 60 miếng, rượu tinh 1 chai, chân giò 1 đôi, mỗi lễ chuẩn giá tiền 3 quan. Tế xong lấy 1 khoanh cổ biếu thủ bạ, 1 miếng mũi má biếu tế viên, thủ lợn biếu hàng văn, bốn chân lợn biếu 4 tán viên, còn lại thịt và lòng gan thì bày làm cỗ để người có mặt thụ lộc.

Điều thứ 11: Mỗi ngày sắm lễ xôi gà, cau giầu tinh khiết 60 miếng, rượu một chai, chân giò một đôi, mỗi lễ tương đương một quan tiền. Lễ xong bày làm cỗ cùng thụ lộc.

Điều thứ 12: Mỗi ngày chấp sự hành lễ ăn mặc tề chỉnh, áo mũ nghiêm trang, nếu có ai khiếm khuyết bị phạt một con gà, chuẩn giá tiền 3 mạch. Duy người có đại tang, tiểu cố thì đến sau khi lễ xong để cho sự việc trang trọng.

Điều thứ 13: Lệ xướng ca, phụng thờ trong lễ Nhập Tịch, dùng 1 hoặc 2 hoặc 3 trù là tuỳ thuộc lễ to hay nhỏ. Người không có chức trách gì thì ăn mặc tề chỉnh ngồi tại đình xem ca hát. Giáp bàn ngồi ở giữa, từ trùm bàn giở xuống chiếu thứ tự ngồi từ phải qua trái, phân biệt tôn ti cao thấp để giữ nghiêm. Lệ có nhất canh nhất điếm. Người vắng bị phạt tiền cổ 3 mạch, còn người có tiểu cố, đại tang thì ngồi chỗ riêng. Kiểm soát trong ngoài đình, nhưng không o ép trên dưới để cùng vui vẻ.

Điều thứ 14: Lệ ca hát trong lễ Nhập Tịch, biện cỗ bàn, địch từ trùm bàn giở xuống thay nhau biện lễ cho đến kết thúc. Mỗi nhất trù 2 viên chỉnh biện 2 cỗ, mỗi chỗ chuẩn giá tiền 3 quan. Nếu ai trong

kỳ chịu tang thì để mãn hạn mới được tham dự. Tiền sắm cỗ bàn do bản phố phân phát đều, từ trùm bàn giở xuống số tiền giao cho người làm cỗ thu đủ số để làm cỗ.

Điều thứ 15: Lệ thu tiền, bản phố đã có phân chia đều chiếu bổ từ giáp bàn giở xuống sai người đi thu cho đủ. Nếu ai nạp thiếu sẽ bị định tội không tha.

Điều thứ 16: Lệ cầu phúc hàng năm (Xuân vào 12 tháng 2, Hạ vào ngày 12 tháng 5, Thu vào 12 tháng 8, Đông và 12 tháng 11), bản phố chiếu cấp từ trùm bàn giở xuống đến nam nữ ngoài phố và người miễn quan dịch, mỗi suất 2 mạch cổ tiền, đương trưởng dự liệu 10 ngày trước thu đủ số. Ai thiếu vắng thì bắt phạt 1 con gà giá tiền 3 mạch. Bản phố chiếu cấp tiền để tuỳ ý mua sắm lễ phẩm, gồm lợn 1 con chuẩn giá tiền 5 quan, gạo nếp chuẩn tiền 6 mạch (khi lễ lớn thì không theo lệ này) cau giầu 100 miếng chuẩn giá tiền là 1 mạch 40 văn, do đương trưởng thu; rượu tinh khiết 1 chai chuẩn giá tiền 18 văn. Hôm đó đương trưởng thông báo trên dưới tề chỉnh mũ áo, hành lễ, không bắt buộc người có sự cố nhỏ. Ai vắng mặt bị phạt tiền 1 mạch. Lễ xong, từ bàn thứ 3 giở xuống chia đều (nếu ai bị thiếu bị phạt 18 vạn tiền, số tiền này do người làm cỗ giữ), số còn lại làm cỗ (mỗi cỗ chiếu thứ tự các bàn ngồi, nếu bàn nào bỏ hoặc thiếu khuyết bị định tội toàn bàn 6 mạch tiền cổ). Còn như thủ lợn, đuôi lợn thì để cho giáp bàn, chân lợn thì chia trùm bàn nội, xương chia đều cho ba phần, 1 phần chia cho giáp bàn, 1 phần chia trùm bàn, 1 phần lệnh bàn. Trưởng bàn lấy lòng lợn, chiết ra nửa phần, còn 1 phần rưỡi bày làm cỗ, 1 phần rưỡi nữa chia đều cho dân nội thị (dân trong phố) trên dưới. Số thịt lợn còn lại chia đều cả nội ngoại thị (người trong ngoài phố), mỗi người 1 phần, vị trưởng bàn 5 phần, lại chọn lấy 12 phần cùng 12 phần lòng gan biếu giáp bàn để tỏ ý tôn kính.

Điều thứ 17: Hàng năm vào tháng Tư, lễ cầu phúc, mời thượng toát bàn hành lễ, dâng cỗ chay 1 mâm, rượu 1 chai, cau giầu 60 miếng, đương trưởng nhận lễ biếu tuỳ ý.

Điều thứ 18: Hàng năm bốn mùa tám tiết, lễ dâng xôi gà, cau giầu 60 miếng, rượu 1 chai, chân lợn 1 đôi, mỗi lễ chuẩn giá tiền 1 quan (tiết Thanh Minh tháng 3, ngày 8 tháng 4, Đoan dương tháng 5, Trung nguyên tháng 7, Trung thu tháng 8, Trùng Thập tháng 10, mồng 2 tháng 12), duy tiết Thường Tân hoặc lễ ngày 9 tháng 8 chuẩn tiền 3 mạch.

Điều thứ 19: Hàng năm lễ Trừ tịch, mua áo quần đai mũ khăn đai, giá tiền 3 mạch, cau giầu tinh khiết 60 miếng, rượu 1 chai 18 văn. Lễ do cựu trưởng chỉnh biện theo như lệ.

Điều thứ 20: Bản phố họp định hễ có các tiết hành lễ thì trên dưới nhất nhất ăn mặc tề chỉnh hành lễ như nghi thức. Nếu ai không có áo dài bị phạt 1 mạch cổ tiền để làm giữ cho trang trọng.

Điều thứ 21: Lễ nghi các tiết bày tri cỗ bàn, giáp bàn 2 cỗ, cau giầu 100 miếng và để tỏ lòng thành kính.

Điều thứ 22: Người nào trong phố có con cháu đã thành gia thất, người buôn bán trong nghề phường nếu là nhiêu nam thì miễn các tạp dịch 1 năm, mãn hạn thì bản phường chiếu khoán cho nhập bạ tịch, cha truyền con nối và phường nội, chịu sưu dịch, nếu không sẽ sống nơi khác. Người nào khinh mạn, làm trái đi sẽ bị bắt phạt và chịu tiền tổn phí. Phải làm nghiêm để giữ phong tục ở phố.

Điều thứ 23: Trong phố người nào có con cháu đã thành gia thất, lẽ phải chịu quan dịch, còn gia đình có người thành danh trong việc học tập thì tạm hoãn quan dịch, cho nạp tiền thay thế theo kỳ hạn. Hàng năm vào tháng Tư nạp tiền 6 mạch, nếu học hành không thành, thì tái thu quan dịch theo lệ.

Điều thứ 24: Trong phố người nào có con cháu đã có gia thất, lại theo nghề của phường thì tiền thuế, quan dịch 1 năm sau sẽ chiếu bổ vào sổ bạ bản phường nạp 1 quan, cau giầu 100 khẩu chuẩn tiền 1 mạch 40 văn, được ngồi ở dưới thứ bàn. Người đó dù tuổi nhiều, cũng không vượt quá hàng thượng thứ hoặc tam, tứ, được ngồi theo thứ bậc của cha đẻ, còn như con rể cháu rể, con nuôi được dân xã xác nhận

đã theo lệ nạp tiền 1 quan 2 mạch, cau giầu đủ lệ thì cũng được vào ngồi. Người ngoài không được xác thực thì dừng việc buôn bán. Như vậy để phân biệt người khinh kẻ trọng.

Điều thứ 25: Người được tôn bầu làm trưởng lễ, sắm lễ gồm xôi gà cau giầu 60 miếng, rượu 1 chai, chân lợn 1 đôi chuẩn giá 1 quan tiền dâng đến đương trưởng, trước 10 ngày có tờ trình xin viên thư bạ chọn ngày tốt tôn bầu trưởng theo lệ.

Điều thứ 26: Lệ từ thứ sang làm trưởng, từ trùm cự bàn đệ tử viên giở xuống kế tiếp luân phiên đến hết thì lại quay trở về đầu. Mỗi trưởng đảm nhận 3 tháng, không kể tháng nhuận, mỗi năm có 4 vị trưởng, khi mãn hạn được 30 ngày sắm lễ 1 thủ lợn, xôi cau giầu 60 miếng, rượu và chân lợn 1 đôi chuẩn tiền 1 quan 2 mạch. Lễ tạ thì sắm 100 khẩu cau giầu. Đương trưởng nhận và thông báo cho bản phường hành lễ. Sổ bạ ghi chép, tính toán đầy đủ (lệ có điểm số hễ ai thiếu từ người có đại tang, tiểu cố, thì mỗi viên bị phạt 36 văn tiền). Chiếu bỏ từ trên xuống dưới chi tiêu, đều vào sổ bạ, cấp tiền giấy mực trong 3 tháng là 3 mạch. Lại hứa cấp gạo ngon, rượu giá cổ tiền 3 mạch.

Điều thứ 27: Lệ có viên nào từ hạng thứ được lên hạng trưởng, sẽ được miễn mỗi trưởng thay tiền nạp là 6 quan tiền cổ.

Điều thứ 28: Lệ viên nào từ thứ thăng lên trùm cự bàn lễ nạp tiền 3 mạch, còn thăng lên trùm nhị bàn thì nạp 6 tiền mạch.

Điều thứ 29: Viên nào từ hàng thứ luân phiên thăng lên thượng toát bàn, lệ nạp trâu, bò hoặc lợn giá tiền 18 quan, Bản phường tuỳ nghi mua lễ phẩm. Tiền giấy bút cho viên thư tả là 1 quan. Tuỳ thời mà chỉnh biện tiền vọng 5 quan, cau giầu 100 miếng, nội thị 6 miếng để đưa đến giáp bàn. Số khác chia đều trên dưới, mỗi vị một khẩu. Còn lại thì mời người còn lại thụ lộc. Vọng tiền chia làm 3 phần, nội thị 2 phần, giáp bàn chia đều làm 6 phần. Viên thăng thứ hạng được 1 nửa phần, số còn lại chia làm 5 phần, nội thị 1 phần, lại chia làm 3 phần, nội thị 2 phần, dâng trùm bàn 1 phần, chia đều từ lệnh bàn giở xuống các viên.

Điều thứ 30: Viên nào luân phiên thăng giáp bàn lên đệ nhất viên có lễ cáo yết gồm xôi gà cau giầu. Lễ phẩm kính biếu bản phố.

Điều thứ 31: Bản phố họp định viên nào từ thứ hạng luân lưu thăng lên giáp bàn, cùng đệ nhất viên chưa mãn hạn hương ẩm của phố mà luân lưu thăng lên đến đệ nhị thứ viên, thì nạp đơn xin bản phố chiếu xét theo khoán lệ, cho luân lưu thăng lên giáp bàn đệ nhất. Nếu viên nào không khao vọng thì chỉ dừng ở đệ nhị thứ, không được thăng nữa.

Điều thứ 32: Trong phố ta có viên nào đỗ tiến sĩ bên văn và tạo sĩ bên võ, trong ngày yết bảng, dân phố ăn mặc tề chỉnh đón rước. Lệ có lễ khao là 1 con bò giá tiền là 10 quan. Các vị tân khoa yết kiến thánh sư, lễ vật tuỳ nghi. Còn như việc quan dịch, khoa thưởng từ thứ thủ phiên đến trưởng, thì bản phố châm chước miễn giảm. Duy những người từ thứ luân thăng lên giáp bàn, chiếu như khoán lệ. Hễ đến ngày Kỳ Phúc tháng 4, hoặc có trâu bò, lợn thì kính biếu 1 cái thủ để làm trọng thêm Nho phong, đẹp thêm phong tục trong phố.

Điều thứ 33: Trong phố có viên nào thi trúng tứ trường, sau ngày yết bảng, được mừng lễ vật là một con lợn giá 5 quan tiền. Viên đó ăn mặc tề chỉnh sắm lễ đến cáo tế Thánh sư, lễ tuỳ gia chủ, một lễ khác trình bản phố. Còn việc quan dịch, mua bán (danh vị), phụ trợ (tài chính) từ thủ phiên đến trưởng phiên sẽ châm chước chiếu giảm. Duy viên nào từ hạng thứ lên trưởng sẽ được miễn. Lệ định viên trưởng nạp 3 quan tiền. Hễ luân lưu thăng lên giáp bàn thì theo như chiếu khoán. Đến ngày lễ cầu phúc mùa Xuân, mùa Thu, viên đó ăn mặc tề chỉnh, sắm lễ cau giầu dâng lên bản phường. Khi có lễ trâu bò thì được biếu 1 khoanh thịt, 1 oản xôi để làm trọng phong hoá.

Điều thứ 34: Doanh môn nhất hạng là nhiêu (nam) đều được miễn, duy việc quan lịch, mua bán (danh vị), phụ trợ (tài chính) theo như người trong phố, hễ có sự luân lưu thăng lên thủ phiên, thì theo lệ của bản phố ta, quan lịch nhất nhất phải gánh nhận. Còn như từ thứ lên trưởng mà hiện đang theo học thì bản phường cho miễn và

được nạp tiền thế, lệ là mỗi trưởng 5 quan tiền cổ; còn nếu không đi học thì vẫn đảm nhận theo như lệ để nêu gương người khác.

Điều thứ 35: Lệ trong phố có vị nào từ sơ thụ các chức sắc đến sinh viên trong xã giở lên, từ tam tiết đến khai hạ, đều có lời mời thì bản phố đến chúc mừng cau giầu 1 buồng giá 3 mạch tiền, trà bánh tuỳ theo lễ phẩm to nhỏ.

Điều thứ 36: Người ngoài phố có viên nào thi trúng tiến sỹ và tứ trường, tam trường, nếu có thịnh tình mời bản phố đến chúc mừng 1 buồng cau. Duy người trúng tiến sỹ và trúng tứ trường thì sắm 1 lễ phẩm cáo yết Thánh sư (tuỳ lễ phẩm), 1 lễ dâng bản phố và việc quan dịch nhất nhất được châm chước miễn trừ.

Điều thứ 37: Lệ trong phố có vị nào được chúc thọ, nếu đến tuổi thọ 70 thì bản phố đến chúc mừng 1 tấm vải lụa, giá 3 quan tiền; người thượng thọ 80 thì bản phường đến chúc mừng 1 tấm vải lanh giá 5 quan tiền; người thượng thọ 90 và 100 tuổi được chúc mừng bộ áo quần lanh, mũ tiên, trượng trúc chuẩn giá tiền 10 quan. Hàng năm vào hai kỳ lễ Xuân Thu được biếu 1 oản xôi, 1 khoanh thịt. Nếu ai có tứ thân phụ mẫu và mệnh phụ và người ngoài phố thượng thọ mà có lời mời thì bản phố đến mừng cau 1 buồng, biếu xén theo lệ định. Các việc quan dịch nhất nhất được châm chước miễn trừ.

Điều thứ 38: Lệ nạp tiền hương giai (tiền nộp cho phố khi đi lấy chồng) không phân biệt người trong, ngoài phố. Có ai xuất giá lấy chồng trong phố thì nạp tiền 6 mạch, cau giầu 100 khẩu giá tiền 1 mạch 40 văn. Còn ai lấy chồng ngoài phố thì nộp 1 quan tiền 2 mạch, cau giầu đủ dùng theo lệ. Những người lấy chồng biệt xứ thì chia làm 3 loại: một loại nộp 10 quan 8 mạch tiền, cau giầu 100 khẩu, loại thứ hai nạp 7 quan 2 mạch tiền, cau giầu như lệ định, loại thứ ba nạp 4 quan 8 mạch tiền, cau giầu dùng theo lệ.

Điều thứ 39: Trong phố có ai trăm tuổi về già, sau 3 ngày trưởng phố thông báo với dân trong phố đến điếu phúng. Viên hàng nhất của giáp bản phúng 6 quan tiền, cau giầu 1 khay (30 khẩu)

Các viên giáp bàn phúng tiền 5 quan, cau giấu 1 khay, ất bàn phúng tiền 3 quan, cau giấu 1 khay, bàn hạng hành lễ, trên chắp, dưới vái. Ngày tống chung, đương trưởng thông báo với bản phố trên dưới và người ngoài phố đến đưa tiễn. Đưa đến bờ sông gần vào lúc giữa ngày để đi tiếp đến mộ. Có lệ tam tiết, mỗi viên nạp 1 mạch tiền cổ. Nếu là song thân và mệnh phụ thì chỉ đến điếu và tiễn đưa. Người ngoài phố và ngoài song thân thì chỉ đưa tiễn. Duy viên đệ nhất bàn giáp khi trăm tuổi mà mai táng về ở quê cũ, thì chọn từ giáp bàn đến trưởng bàn, mỗi bàn một vị về quê đưa tiễn mộ. Nếu ai khuyết điểm sẽ bị bắt phạt 1 con lợn chuẩn tiền 3 quan, hoặc có ai thiên lệch để thiếu nghiêm túc cũng bắt phạt như trên. Duy những người chưa đủ kỳ hạn vào dân phố thì không theo lệ này. Làm như vậy để đẹp hơn tục lệ.

Điều thứ 40: Khi phố thực hành quan dịch, người nào có vợ sinh con, hoặc con đau ốm thì trình cau giấu lên bản phường, nhưng báo trước 1 tháng.

Điều thứ 41: Bản sứ thực thi công vụ gặp lúc khó khăn thì việc ăn uống không nhất thiết phải có mặt đông đủ trên dưới.

Điều thứ 42: Bản phố mỗi khi hội họp đều điểm số, ai vắng mặt bị phạt tiền 1 mạch, cau giấu trình tương đương 36 văn. Những người có việc khẩn cấp thì tuỳ nặng nhẹ mà không áp dụng điều lệ này.

Điều thứ 43: Lệ về thu tiền thuế đúc vàng để lấy tiền làm lễ hội vào tháng Tư. Hễ trong phố có ai nhận đúc vàng, mỗi lượng thu 36 văn tiền (thu từ 5 tiền giở lên). Vàng mỗi hốt (không kể tốt xấu) thu tiền 30 văn. Người ngoài ngụ cư ở phường thì thu một nửa. Nếu việc chi dùng còn thiếu thì thu thêm. Người nào cố tình gian lận thì không kể người già, phụ nữ, chánh, thứ mà bị bản phường tra rõ thực trạng sẽ bị phạt 1 con lợn giá 1 quan 8 mạch tiền. Còn tiền công đúc vàng thì sẽ bị truy thu để giữ nghiêm tục lệ.

Điều thứ 44: Hàng năm vàng cống phẩm, phải mua nguyên liệu nấu, không cứ nhiều ít mà chia làm 3 loại: thượng toát và lão phụ

miễn dịch thu 1 phần, từ trùm bàn giở xuống thu 1 phần rưỡi, còn nửa phần thì nam nữ ngoài phố cùng chịu.

Điều thứ 45: Người ngoài phố có ai buôn bán chịu quan dịch thì theo như dân trong phố. Duy người phụ nữ ngoài phố thì cho nộp 1 nửa phần.

Điều thứ 46: Khi dân phố hội họp thấy vị trưởng phố đến thì phải đứng nghênh tiếp. Ai làm trái sẽ coi là thất lễ bị bắt phạt 1 con gà giá tiền 3 mạch, hoặc có ai trong khi uống rượu ngoa ngôn thất lễ, kẻ dưới lăng mạ người trên, thì tuỳ nặng nhẹ mà bản phố định phạt không tha để giữ nghiêm phong tục.

Điều thứ 47: Bản phố thực thi quan dịch, bổ cho tam trực (ba cơ sở thường trực) thuộc các lò đúc vàng: lò đúc vàng 1 lượng, bạc 5 hốt, lò đúc vàng 2 lượng, bạc 10 hốt và lò nấu than củi để thu tiền công tạm chi việc chung. Chi phí xong, thông báo toàn phố để chiếu bổ thu giao cho đương trực hoàn trả. Người ngoài không dùng lệ này. Đương trực bảo với thị trưởng để thông báo với toàn phường thực hành công vụ. Ai để khiếm khuyết sẽ bị định tội.

Điều thứ 48: Bản phố tuân thủ duy trì lệ cũ, đã phân làm tam trực để ứng phó công vụ, luân lưu hễ đến đương trực nào nếu có mua bán, nhận đúc vàng thì trực đó nhận lo việc cho chu tất, nếu trực nào chậm trễ, khất lần để kéo dài càng làm phức tạp thêm thì bị phạt không tha. Trong phố ở trực nào có ai đến kỳ ứng hành theo thủ phiên cắt cử mà không làm hoặc để khiếm khuyết, lại còn lòng tham tơ hào tài vật chung bị phát giác tất sẽ bị phạt. Còn những đương trực, thủ phiên không gắng sức đốc thúc công việc cũng bị phạt không tha. Lại bắt cả những người chốn tránh để làm răn.

Điều thứ 49: Trong phố khi có việc quan dịch thì đương trực cần sự trình với trưởng phố để thông báo cho toàn dân trong phố để có mặt đầy đủ, chờ tam phiên, đương trưởng về bản phố chiếu theo sổ bạ điểm số. Ai vắng mặt sẽ bị phạt 3 mạch tiền, hoặc phải trình cau giầu nộp với giá 1 mạch tiền để thế vào. Còn có ai đi xa không về kịp

mà có việc cần thiết thì châm chước. Những ai khi trở về làng mà không theo lệ này cùng gia đình bày mưu tính kế ngầm ý với viên trưởng đương trực để thoái thác, lấy tư làm công mà bị phát giác thì bị phạt 1 con lợn giá 1 quan 8 mạch tiền, còn viên trưởng đương trực cũng bị phạt như lệ trên để nghiêm khoán ước.

Điều thứ 50: Bản phố hội họp bàn định khi có việc quan dịch phải nghiêm cẩn. Nếu có ý gian lạm dụng hoặc vì công vì tư không kể to nhỏ, có người nào tố cáo mà bản phố điều tra thấy quả tang thì tuỳ theo nặng nhẹ mà bắt phạt 1 con trâu giá tiền 5 quan; nếu nặng thì tước bỏ (ngôi thứ) như vậy để cảnh tỉnh tà tâm.

Điều thứ 51: Trong phố có ai đang ứng hành quan dịch mà sợ vất vả nghĩ cách trốn tránh đi nơi khác để bỏ khuyết quan dịch. Bản phố họp mà bàn chiếu theo danh vị người đó ở bàn nào, thứ nào không cho tuần tự thăng tiến. Nếu vượt kỳ thăng tiến 1 năm, mà người đó có cơi giấu trình bản phố, thì tuỳ theo sự châm chước mà truy thu tiền gốc và tiền phí tổn. Nếu nạp đủ thì viên ấy từ đó về sau sự thăng tiến. Nếu quá hạn mà không nạp số tiền đó thì cả phố cùng chịu.

Điều thứ 52: Nghề riêng của phố ta là của báu quốc gia, từ trước đã thành khuôn thước, phải giữ phép phụng sự việc công không thể xem nhẹ. Nếu có ai nhộn nhạo, xem thường phép tắc, bản phố tra xét mà đúng thì sẽ bị phạt 1 con trâu giá 5 quan tiền hoặc viên nào đó đi tra xét có ý thiên lệch cũng bị phạt như trên.

Điều thứ 53: Trong phố có ai tiêu mất tiền quan, bản phố họp định truy thu gia sản, ruộng vườn người đó, mang bán đi để lấy tiền bồi hoàn. Nếu nhà đó nghèo túng không có gì để thu, gia tộc nội ngoại (phải lo) số tiền đó và cả tiền tổn phí cho đủ số. Còn người đó sẽ bị tước chức danh vị ra thành người ngoài phố; người nào sinh ý ngang ngược không chịu thì bản phố nhất nhất bắt phải chịu.

Điều thứ 54: Trong phố có ai uỷ vào quyền thế mà bỏ bễ khiếm khuyết quan dịch nhiều lần, thì bản phố họp định bắt phạt 1

con trâu chuẩn giá 10 quan cùng tiền phí tổn bao nhiêu thì người đó phải chịu cả. Nếu người đó ngang ngạnh sinh ý làm khác đi thì cả phố trên dưới nhất thảy bắt phải chịu để cảnh tỉnh và giữ nghiêm tập tục.

Điều thứ 55: Trong phố có người nào gia thế khó khăn không kham nổi thì trình phố cau giấu để xin làm người ngoại thị, nếu được xem là thực tình thì thu tiền cho đủ theo lệ. Còn người đó về sau gia đình khá giả mà xin nạp quyên tiền (tiền góp của phố) thì lại được tái ngồi vào vị trí cũ.

Bản phố chiếu theo thứ hạng cũ tại bàn nào, thứ hạng nào thì cho hạ xuống 3 bậc. Còn người nào trước ở dưới bàn thứ thì tái chiếu dưới bàn 3 bậc. Làm như vậy để giữ nghiêm khoán lệ.

Điều thứ 56: Việc chơi cờ bạc ở đình, nhất thiết cấm hẳn. Nếu có ai lẻn chơi bị phát giác thì bắt cả bàn mỗi người 1 con lợn giá 3 quan tiền.

Điều thứ 57: Bản phố có đồ tế khí phụng thờ lưu giữ tại cung cấm trong đình, có ai manh tâm lấy trộm mà bị tố giác. Bản phố điều tra đúng sự thực thì truy thu số đồ vật đó mà bắt phạt 1 con trâu giá tiền 10 quan và treo thưởng cho người tố giác là 5 quan tiền, cùng tiền phí tổn bao nhiêu truy thu người lấy trộm. Làm như vậy để chấn chỉnh tệ đoan.

Điều thứ 58: Bản phố có đồ tế khí lưu giữ tại đình, nếu có ai bất cẩn làm vỡ, không kể đồ vật lớn nhỏ đều hạn trong 1 tháng phải tìm mua để thế vào. Nếu quá hạn định mà không bồi hoàn thì định tội không tha.

Giở lên là điều lệ mà bản phố trên dưới cùng các người kế thừa về sau nghiêm chỉnh thực thi không được làm trái. Trong các điều lệ đó có chỗ cần được thêm bớt thì bản phố hội họp trên dưới đủ mặt mới được sửa đổi và phụ phép vào. Nếu có ai không tuân theo điều lệ mà tư tình sửa chữa tuỳ tiện thì bản phố định tội phạt 1 con trâu giá 10 quan tiền cho nghiêm khoán lệ. Nay lập điều lệ.

Ngày lành tháng trọng Thu năm Giáp Dần niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 2 (1794), thượng toát Lê Đức Trương ký, cai hợp Trần Đình Cường ký, cai hợp Trần Vũ Quốc ký, sinh viên Vũ Nguyễn Trạc ký, cai hợp Hoàng Đình Duy ký, huyện thừa Vũ Đình Bân ký, trùm cự bàn Nho sinh Vũ Đình Luyện ký, cai hợp Nguyễn Đình Ngoạn ký, Phạm Đình Chu ký, Vũ Nguyễn Hoằng ký, Phạm Quang Biểu ký, sinh đồ Hoàng Gia Hiến ký, hương nhiêu Trần Vũ Cơ ký, Nguyễn Đình Tuấn ký, Vũ Nguyễn Nhương ký, sinh viên Trần Vũ Huy ký, hợp bàn nhiêu nam Vũ Đình Trưởng ký, Hoàng Đình Yên ký, Nguyễn Đình Thư ký, cùng toàn phố trên dưới ký).

Ngày lành tháng mạnh đông năm Ất Dậu niên hiệu Minh Mạng 6 (1825) Thượng toát bàn Vũ Đình Kỳ ký, Nguyễn Đình Ôn ký, Phạm Đăng Hội ký, Lê Đình Bảo ký, Phạm Đình Minh ký, trùm cự bàn Trần Đình Hàm ký, Vũ Đình Tôn ký, Phạm Đăng Khánh ký, Đỗ Tất Tế ký, Phạm Đình Tín ký, Trần Đình Tựu ký, trùm nhị bàn Phạm Đình Chung ký, Trần Đức Sủng ký, Phạm Đình Mỹ ký, Đỗ Huy Dung ký, Phạm Đình Đồng ký, lệnh cự bàn Nguyễn Duy Hinh ký, Phạm Đình Phấn ký, Trần Đình Lãng ký, Hoàng Đình Bản ký, Vũ Đình Sâm ký, Lệnh nhị bàn Vũ Đình Hoán ký, Trần Đình Phổ ký, Trần Đình Thắng ký, Trần Đình Thuật ký, Phạm Đình Kiêm ký, Phạm Đình Trị ký, trưởng cự bàn Lê Đình Hiếu ký, Nguyễn Đình Phủng ký, Phạm Đình Lục ký, Phạm Đăng Giám ký, Vũ Hữu Dực ký, trưởng nhị bàn Vũ Đình Phụng ký, Đỗ Huy Dụ ký, Phạm Đăng Thư ký, Đỗ Đức Hoằng ký, Nguyễn Đình Thuân ký, Trần Đình Truy ký.

Thứ bàn ba Trần Đình Huy ký, Vũ Đình Lộc ký, Phạm Đình Văn ký, Trần Đức Thận ký, Phạm Đình Đại ký, Vũ

Đinh Chi ký, thứ bàn tư Vũ Đình Hiên ký, Nguyễn Đình Trục ký, Đỗ Tổng Trinh ký, Trần Đình Khanh ký, Phạm Duy Tuyển ký, Nguyễn Đình Ẩn ký.

Thứ bàn năm Phạm Đình Phái ký, Vũ Đình Trạch, Đỗ Huy Chử ký, Phạm Đăng Hựu ký, Trần Đình Nhị ký, cùng toàn phố trên dưới ký.

(Bài Tế văn nhập tịch xuất tịch do viên quan là cựu chiến sĩ Thị lang trung Đại học sĩ người Hoa Đường soạn).

"Duy hoàng hiếu mỗ niên trùm lệnh trưởng đồng thị thượng hạ đẳng vi Kỳ Phúc sự cẩn dĩ mỗ cảnh vật cảm chiêu cáo vu:.."

Ngày 27 tháng 8 năm Minh Mạng 8 (1827) toàn dân phố trên dưới hội họp bổ sung điều lệ 1 điều là phàm các tiết lễ khi giết trâu bò, thì bộ lòng gan chia đều 2 phần, trong đó 1 phần bày làm cỗ, 1 phần chia cho dân phố trên dưới; còn như thịt thủ và đuôi thì mỗi phần 1 khoanh, cùng thịt 2 khoanh biếu thượng toát bàn. Lấy thịt cổ 1 khoanh chia làm 2 phần, chỗ gần vai thì biếu trùm cự bàn, chỗ gần thủ thì biếu trùm nhị bàn, số còn lại và chỗ thịt mũi để làm cỗ. Thịt còn lại chia toàn dân trong ngoài phố theo như lệ chia thịt lợn trong lễ Kỳ Phúc. Còn lại 4 chân thì để lại 3 chiếc, còn một chiếc cho chân giữ sổ bạ.

Ngày 20 tháng 11 năm Minh Mạng 13 (1832) toàn phố trên dưới hội họp tu bổ điều lệ phàm là 4 mùa 8 tiết trong năm thêm thịt lợn cho đủ 2 lễ, xôi 2 mâm, cau giầu 20 khẩu, rượu 1 chai chuẩn giá tiền là 3 mạch. Nay họp định.

Ngày 16 tháng 2 năm Minh Mạng 18 (1837), toàn phố trên dưới hội họp bàn về lễ xướng ca luân phiên làm cỗ. Theo trước ngày tuy có định lệ, nhưng lễ sắm nhiều thành ra thái quá, nay bản phố hội họp định mỗi cỗ chuẩn giá tiền là 1 quan 5 mạch. Còn các cỗ bát kê ra sau đây để về sau chiếu theo mà sắm không được tăng giảm. Nay lập điều lệ mới.

Kê:

Chim 1 bát, gà 1 bát, ngan 1 bát, chân lợn 1 bát, thịt nướng 1 bát, thịt nạc 1 bát, lươn 1 bát, cá bào ngư 1 bát, cá trắm 1 bát, giả dê 1 bát, giả ba ba 1 bát, giả cầy 1 bát, cơm nén 1 đĩa, nước mắm 1 bát, trà 1 bát, xôi vừng 1 đĩa, giò lụa 1 đĩa, giò vân 1 đĩa, giò hoa 1 đĩa, chả hoa 1 đĩa, chả phồng 1 đĩa, chả quế 1 đĩa, chả rau 1 đĩa, chả rối 1 đĩa, bánh lá 1 đĩa màu vàng, bánh út 1 đĩa màu vàng, bánh bột lọc 1 đĩa màu trắng, giò thái lẻ 1 đĩa, mất (mứt) bí 1 đĩa, mất cam 1 đĩa, mất hạt sen 1 đĩa.

Ngày 4 tháng năm Thiệu Trị 3 (1843), bản phố hội họp bổ sung 1 điều là hễ viên nào đến kỳ luân chuyển lên giáp bàn vào tiết xướng ca biện cỗ bàn giá 6 quan tiền. Lại thêm điều nữa là hàng năm vào ngày lễ Nhập Tịch, biện xôi, dầu, rượu lễ tại đình trung phải tinh khiết, không được làm trái. Bản phố họp định lệ từ thứ bàn đến trưởng bàn, mỗi ngày 1 viên biện lễ, hết lượt lại quay trở lại. Có đến lượt mà làm trái sẽ bị phạt tiền như lệ định. Làm như vậy để giữ việc phụng sự thần cho nghiêm cẩn. Nay định lệ.

KHOÁN LỆ PHƯỜNG XÃ ĐÀN

Tổng Vĩnh An huyện Hoàn Long

(Nay thuộc quận Đống Đa)

Viện Nghiên cứu Hán Nôm Ký hiệu: AF a 2/35

Hang mục các điều mà toàn thể phường Xã Đàn, tổng Vĩnh An, huyện Hoàn Long, phủ Hoài Đức cùng lập.

Trộm nghĩ đời xưa bậc thánh đế minh vương cai trị đều dùng lễ nghĩa để chỉnh đốn lòng dân, có đạo đức xếp đặt yên ổn hành vi của dân; chẳng việc gì vượt ra ngoài lễ, nhạc, hình, chính, quan, hôn, tang, tế để duy trì phong tục cho nên dạy lòng kính để có hiếu nơi thờ quỷ thần, dạy lòng thuần để làm đầy đặn phong tục, dạy lòng hiếu để biết coi trọng nhân luân, dạy lòng để để biết phân biệt lớn nhỏ, làm cho điển chế đôn hậu mà luân lý thì có trước có sau; thận trọng suốt cuộc đời mà luôn ghi nhớ người đi trước; tất cả các điều này chẳng gì không lấy dân làm gốc. Dân ta ắt biết xét việc xưa để làm quy phạm, theo nếp học để yêu thương người, mau chóng gột rửa cái bỉ lậu của duyên tướng tục trần; trong chốc lát quay trở lại phong tục thuần hậu của thời thái cổ. Chớ vì bần khó mà xiểm nịnh, chớ vì giàu có mà kiêu căng, chớ để vẻ ngoài cung kính mà tâm cách xa, chớ để ban đầu thành nên mà cuối cùng lại nát hỏng. Dù là công hầu khanh tướng, sĩ nông công thương cũng đều từ làng quê mà ra cả. Nếu không nắm vững pháp luật, không có

sự răn giới của lễ nghĩa thì bỏ cày lẫn đàn ngựa ký, mắt cá loạn lẫm ngọc châu; làm sao để phân biệt lớn nhỏ, lấy gì để định lập tôn ty. Cho nên dần dần đem lòng nhân để cọ mài, dùng lòng nhân nghĩa để khiến sai, cung kính tuổi già và hiền từ với trẻ, tiếp thu điều phải mà vứt bỏ cái sai, trên dưới hợp hòa thì muôn việc cùng thành. Như là người thờ thần thì có nơi trông cậy, thần nhờ người mà được hưởng tế tự. Muôn năm sau này có biến đổi sao! Cho nên việc ăn uống nơi làng xóm phải theo lễ để làm sáng tỏ nghi thức người trên người dưới, sách *Luận ngữ* có câu: nên ở nơi làng nhân, phong tục thuần hậu.

Muốn làm phong tục trở nên đôn hậu, trước tiên ắt phải lập khoán ước để làm chuẩn mực cho muôn đời. Các điều khoán lệ liệt kê như sau:

Các tiết tiểu lễ hàng năm:

Tháng Giêng: vào các ngày mùng 1, mùng 2, mùng 3 ban đêm thắp hương đèn, tiền 5 xâu.

Tháng 2: ngày mùng 2, các ngày từ 12 đến 14, hàng đêm đều thắp đèn nhang, tiền như vậy.

Tháng 3: vào ngày mùng 3.

Tháng 4: vào ngày mùng 1.

Tháng 5: vào ngày mùng 5

Tháng 6: vào ngày mùng 2

Tháng 7: vào ngày 2 và 15

Tháng 8: ngày 15.

Tháng 9: tối mùng 8

Tháng 10: ngày 10

Tháng 12: các ngày mùng 2, 25, 30.

Mỗi tiết đều soạn xôi gà một mâm vàng bạc một trăm, rượu một vò, giấu không trăm lá, trà nước đủ dùng. Từ trên xuống dưới, cuối rồi lại đầu, đều làm đầy đủ theo lệ làng.

Nếu người nào đến lượt mà lễ vật phải biện không được thanh bạch, không được đầy đủ thì bị bắt nộp tiền một xâu hai mạch, giấu không 30 lá để tạ thần, giữ nghiêm khoán lệ.

Hai kỳ cầu phúc hàng năm:

Tháng 2: ngày 14 yết lễ, ngày 15 tế chính.

Tháng 9: mùng 8 yết lễ, mùng 9 tế chính cùng lễ dâng thức mới.

Xuân thu hai kỳ: Trước đó hai ngày, gia chủ có trách nhiệm phải gom tiền định lễ trên dưới đầy đủ, không được chậm thiếu, khoản tiền lễ này giao cho Trưởng ba thu nhận đủ số, tùy theo thời giá mà biện lễ.

Tiểu lễ, đại lễ hàng năm và các tiết sóc, vọng, người nào đến lượt chịu trách nhiệm mà bỏ, thiếu thì chọn trong số thân thuộc của người ấy ai đó thay thế mà biện lễ đầy đủ. Nếu không tuân theo sẽ bị truất khỏi vị trí ấy, không tha.

Ngày tế chính, phải chỉnh đốn áo mũ, chú trọng thanh bạch. Từ trên chí dưới nếu có kẻ lỗ mãng không nghiêm, mũ áo không chỉnh, thân thể không sạch, lại chỉ trỏ nói cười không giữ nếp trên dưới thì đuổi ra khỏi đình. Sau khi tế xong nhà ấy phải biện mâm giấu không 30 lá làm lễ tạ thần kinh dân để giữ nghiêm khoán lệ.

Lệ bày lạy:

Trước bàn thờ thần, chia làm ba chiếu. Mâm gồm các bậc lão làng lạy xong thì đến mâm của những người kế tục, sau đó là mâm của các lệnh trưởng giở xuống, theo thứ tự mà lạy. Nếu có người nào đáng ở trên mà đứng dưới, đáng ở dưới mà đứng trên thì bắt biện giấu không 30 lá tạ dân để giữ nghiêm khoán lệ.

- Sau khi tế xong, người chủ dâng rượu có khi ở trong đình, có khi ở nhà, từ trên xuống dưới quỳ ở chỗ trên dưới hòa mục, không được xử sự hỗn tạp. Có ai đó xử sự hỗn tạp nếu là mâm các vị kế tục giở lên sẽ bắt nộp 30 lá giấu không, là mâm lệnh trưởng giở xuống sẽ phạt 5 hèo trừng trị để giữ nghiêm khoán lệ.

- Triều đình bổ dụng quan tước, làng xóm coi chuộng tuổi tác, trước bổ dụng theo thi cử, tiếp sau bổ dụng theo chức sắc. Văn thì từ tú tài giở lên, võ thì từ ngũ phẩm giở lên. Nếu người vào dâng lễ chính chưa có hàm văn vũ thì lấy theo tuổi tác. Nếu đang mắc đi xa thì người sau sẽ tiếp nối.

- Ngày cầu phúc, con lợn tế sau khi làm lễ xong, lấy thủ lợn biếu vị triều quan. Không có triều quan thì một nửa biếu mâm lão làng, còn một nửa chia đều như cũ. Thịt 4 vú biếu người tế chính. Thịt gáy một nửa biếu chức sắc, còn một nửa cùng thịt bụng biếu các viên thông xướng và chấp sự. Chỉ có hai người thông xướng bên đông và bên tây được biếu phần gấp ba. Một chân biếu lý trưởng, một chân biếu chấp bạ, một chân biếu người viết văn đọc khấn, một chân biếu viên trưởng mâm. Dành cho đại nhạc một cỗ, tiểu nhạc một cỗ, người nhập trạch lần sau một cỗ và 5 phần. Nếu ai đó chẳng may qua đời, được biếu đãi như còn sống. Mâm lão làng vẫn được hưởng nguyên như cũ cho đến tiết tiểu tường thì thôi. Mâm lệnh trưởng giở xuống cũng đến tiết tiểu tường thì thôi để giữ nghiêm khoán lệ.

- Hàng năm vào các ngày sóc vọng hàng tháng yết lễ oản xôi 10 cỗ, chuối xanh một buồng, rượu 3 mạch, giấu không 60 lá làm theo lệ. Đến 2 kỳ cầu phúc, kỳ tháng 2 (nhập trạch, tiền 3 xâu 2 mạch; chi cho đèn nhang 5 xâu); kỳ tháng 9 (nhập trạch tiền 4 xâu, chi cho đèn nhang 3 xâu). Trước đó một ngày yết lễ, giấu không 100 lá. Hôm sau, ngày tế chính, giấu không 100 lá vàng bạc 50, nến đỏ 4 đôi, củi đóm muối giấu không rượu cơm đủ dùng. Người chủ tế giao phó việc chuẩn bị thịt nướng và cỗ tế cho người có trách nhiệm, nếu thiếu người ấy phải tự bồi thường. Ngày thu tiền chỉ có rượu 1 vò mà thôi, giấu không, trà uống đủ dùng để giữ nghiêm khoán lệ.

- Ngày tế chính, từ mâm lão làng đến mâm kế tục, nếu có ai đó mắc việc đi xa, phải đem 10 lá giấu không bẩm báo việc khiếm lễ của mình. Nếu không bẩm báo sẽ bị buộc nộp tiền 6 mạch, giấu không 30 lá. Người có đại tang thì được miễn.

- Khi uống rượu không được say rượu nói nhiều. Người trên nói thì người dưới chịu vậy, người dưới nói thì người trên nghe vậy, lời ắt nên khiêm tốn, không gào thét giận dữ. Nếu người trên nói sai, người dưới a dua thì phạt tiền 3 xâu, giầu không 50 lá. Nếu người dưới lăng mạ người trên thì phạt tiền 5 xâu, giầu không 100 lá. Nếu ai không nghe sẽ chịu đòn 30 hèo để trừng phạt, giữ nghiêm khoán lệ.

- Vào các tiểu tiết hàng năm, ai được người đang cai cho ngồi trong đình uống rượu, thì khi uống xong người ấy phải rửa sạch sẽ đồ uống, sắp xếp ổn thỏa. Nếu ai bỏ bê việc đó sẽ bị ông từ bắt nộp tiền 1 xâu 2 mạch, giầu không 30 lá để giữ nghiêm khoán lệ.

- Trong phường, người có việc hiếu thì nhờ người trong phường (trừ mâm lão làng giở lên). Còn như 3 mâm các vị đương chức giở lên là 12 người khiêng quan tài. Một vị lão làng giữ chân làm hiệu. Nếu thiếu thì mâm dưới không được thay thế vào.

Một vị lão làng làm hiệu. Nếu ai đi xa thì người nhà thay mặt thuê người khác bổ sung vào số đó. Nếu quá thiếu sẽ bị phạt tiền 1 xâu 2 mạch để tỏ sự coi trọng đạo hiếu.

- Ai có lời mời bản phường tiễn về nơi chín suối thì trước đó một ngày đem giầu không 100 lá giao cho thủ bạ truyền cho mâm các lệnh trưởng thông báo. Rồi lại đem giầu không 100 lá, rượu 1 vò đến nhà thủ bạ. Bản phường họp định tiền khiêng quan tài và hạ huyệt là 1 xâu 2 mạch, giầu không 24 chúc. Tiền thuê kiệu lớn và đào huyệt là 1 xâu 8 mạch, giầu không mỗi người 1 chúc.

Theo lệ, sau khi an táng, hiếu chủ soạn đủ rượu 2 vò, giầu không 200 lá đến nhà thủ bạ. Hiếu chủ cảm ơn bản phường. Theo lệ, đến lễ cúng dâng thức ăn chín, hiếu chủ có mời thì không từ chối, mà không mời thì cũng không trách nợ. Đến 3 ngày làm lễ điếu, nên biện thêm lễ tiền 3 xâu. Có khi hai bên cha mẹ hoặc cha mẹ một bên có lời mời dự điếu cũng thế, để tỏ sự coi trọng đạo hiếu và giữ nghiêm khoán lệ.

- Trong phường nhà nào có việc hiếu, mời bản phường ngày nào, giờ nào cùng tập hợp tại nhà thủ bạ. Khi đi đưa không được tản

mạn ngồi nơi hàng quán. Nếu ai coi thường, chậm trễ sẽ bị phạt tiền 1 xâu 2 mạch. Nếu hiếu chủ có mời tư văn trợ tế, theo lệ phải biên giá 30 xâu tiền, xôi một mâm giá 5 xâu tiền, áo vải trắng dài tay 12 chiếc, mũ trắng 12 chiếc, khăn vải trắng 24 chiếc, rượu một vò, giấu không 100 lá. Nếu thiếu thì không được nghe.

- Trong phường có con gái về nhà chồng ở làng khác, tiền lan nhai để lát đường quy ra là gạch ngói 60 viên, giấu không 100 lá, rượu 1 vò nộp tại đình làm của công. Nếu con gái gả cho người làng thì gạch ngói nộp 30 viên, giấu không và rượu theo lệ. Nếu ai không tuân theo lệ này, bản phường bắt thân thích người ấy chiếu nộp theo lệ làng đủ số để tôn trọng luân lý.

Hoặc làng có việc gì gấp gáp, nếu trong làng thì chuẩn chi tiền 6 xâu, việc ngoài làng thì chuẩn chi tiền 12 xâu, không được vi phạm.

- Con cháu quan viên và các vị chức sắc trúng một hai trương đều được miễn công sai các việc. Khi mới vào hội tư văn nên khao vọng, heo một cỗ, xôi một mâm, giấu không 100 lá, rượu một vò. Đến ngày cầu phúc, theo lệ từ chức lệnh trưởng được ngồi mâm ngon, quý. Mới vào hội tư văn thì cứ theo lệ mà thu tiền 36 xâu, giấu không và rượu cũng vậy. Người đang cai lần sau cũng theo thứ tự mà làm để khiến phong tục thêm đầy đặn.

- Mâm các vị đương chức, tuổi đến 50 có lời mời bản phường khao vọng lão, sắp đủ heo một cỗ, xôi một mâm vàng bạc một trăm, rượu 1 vò, giấu không 100 lá, tiền 5 xâu làm lệ. Các vị chức sắc được miễn công sai giờ lên thì không phải nộp tiền vọng để giữ nghiêm khoản lệ.

- Người đậu Tiến sĩ được tặng bức trướng mừng, trong đó có lụa thâu đỏ 2 vuông, hai bên dùng lụa màu vàng thêu nổi câu đối, cùng cau, rượu. Đến ngày mừng vinh quy, mọi người trên dưới chỉnh tề đầy đủ theo nghi lễ tế thần cúi mình vái lạy, đón ân trên. Rồi tuân mệnh đến đình yết thần. Việc xong lại rước về từ đường họ mình.

Mừng người trúng phó bảng dùng lụa đỏ 2 vuông, thêu thơ văn, cùng cau, rượu.

Mừng người trúng cử nhân, dùng lụa đỏ 2 vuông và cau rượu.

Mừng người đỗ tú tài, vải tây dương một cuộn cùng cau, rượu. Làm vậy để tôn trọng đạo lý, để chấn hưng văn phong.

- Với người thăng, nhậm quan tước từ tứ phẩm giở lên, mừng cau, rượu, chi tiền 3 xâu; từ ngũ phẩm đến thất phẩm mừng cau, rượu, chi tiền 2 xâu; bát cửu phẩm mừng cau, rượu, chi tiền 1 xâu. Làm vậy để đề cao văn phong quý hiển.

- Mâm lão làng có ai lên tuổi thọ 60, 70; năm ấy việc tế xuân, thu đã xong thì mừng thọ, lụa đỏ 10 vuông, giầu không 100 lá, rượu 1 vò, sắp đủ đến nhà ông lão thọ chúc mừng. Nếu có cụ thọ 80, 90, 100 tuổi thì lễ mừng có giầu không, rượu cũng vậy, chỉ có lụa đỏ 20 vuông để đề cao phong tục trọng tuổi tác.

- Sau khi tế xong, trong điện cung chỉ có ông từ ra vào mà thôi. Nếu người trong phường chợt ra chợt vào sẽ bị bắt phạt giầu không 10 lá để tạ thần, giữ nghiêm khoán lệ.

- Hàng năm vào các tiết, đại lễ, tiểu lễ và sóc, vọng, người đang cai nên sớm biện lễ vật, hạn từ ngày sửu mùi đến sớm ngày dần, mọi người trên dưới tập hợp đầy đủ trong đình hành lễ, giờ thìn uống rượu. Nếu ai chậm chân đến sau, phải đứng bên cửa đình nhìn lên bản phường uống rượu. Rồi quay mình đi về không được oán giận để giữ nghiêm khoán lệ.

- Bản phường có các việc công, bày án, trải chiếu mời xóm làng, từ trên xuống dưới đều một lòng kính trọng. Kể từ những người được hưởng mâm ngon quý giở xuống đều phải phục dịch đắc lực, không được tránh mặt. Kể từ những người được hưởng mâm ngon quý giở xuống, nếu người trên sai bảo các việc mà cứng đầu cãi lại, hay bướng bỉnh bảo không được, gây ra chậm trễ việc thì bị phạt 30 roi để giữ nghiêm khoán lệ.

- Trong phường nếu xóm giềng chung quanh nhà ai có việc tế thần, hay hiếu hỷ, khao mừng thì bản phường nên sớm họp bàn ở nhà trưởng bạ, trên dưới cùng làm. Nếu ai chậm trễ đến sau hoặc ở

nhà không đến lại còn phỉ báng thì bắt phạt tiền 1 xâu 2 mạch, giấu không 10 lá để giữ nghiêm khoán lệ.

- Lễ cốt thành tâm, phàm trong phường có ai có liên quan các khoản thì không được trợ tế. Người ấy nếu không thành tâm đến độ dương dương tự đắc, không tuân lệ làng thì bắt phạt tiền 30 xâu, giấu không 100 lá để tạ dân giữ nghiêm khoán lệ.

- Trong phường, phải coi trọng phong hóa người nào có tội dâm ô hoặc thông dâm cho ngồi riêng một chỗ, không được chung mâm chung chỗ, bắt phạt tiền 30 quan, giấu cau 300 khẩu. Nếu không tuân không chịu sẽ trình báo lên trên để giữ nghiêm khoán lệ.

- Trong phường nếu có ai tự ý cho phép người ngoài trú ngụ hoặc thuê người ở phải đem giấu không 10 lá trình rõ với lý trưởng và thủ khoán, trương tuần biết. Nếu không tuân theo sẽ trình báo lên trên chớ hối hận để giữ nghiêm khoán lệ.

- Có lễ chạy tang, phàm trong xã ai có con trai, con gái đến khi làm lễ rước dâu mà gặp ngày cha mẹ anh em qua đời thì vẫn tiến hành hôn lễ để giữ nghiêm khoán lệ.

- Phạm tội với 5 mối luân thường là rất nặng. Phàm trong phường ai đang có tang 3 năm hoặc tang 1 năm mà lén làm hôn lễ là phạm vào tội thứ nhất trong 5 mối luân thường. Bản phường chỉ đích danh tội của kẻ ấy đáng nộp phạt tiền 50 xâu, giấu không 300 lá, phạt roi 30 hèo để tỏ sự tôn trọng nhân luân, làm đẹp phong hóa. Nếu kẻ đó không chịu thì đưa ra cửa quan. Sau đó không được ngồi chung mâm nữa. Nếu trong mâm này có ai đó cùng ngồi với kẻ kia thì chịu cùng tội đó.

- Trong phường, ai đó cho người ngoài trú ngụ lâu thì nhà đó phải trình báo rõ ràng, viết tờ nhận thực để tránh mối lo về sau.

- Việc làng không bàn nơi nhà riêng. Phàm các việc trong phường, ai đó ngồi nơi hàng quán uống rượu mà nghị luận việc làng, rồi vợ con phỉ báng thêu dệt động tới xóm giềng. Bản phường phát giác được thì phạt đánh 30 roi, giấu không 30 lá tạ tội với bản phường để giữ nghiêm khoán lệ.

- Từ 70 tuổi giở lên không dự bàn việc công. Tuổi già nên giữ thân yên, chỉ nên uống rượu mà thôi. Người không tuân lệ bị phạt giấu không 100 lá, rượu 1 vò tạ tội với dân để giữ nghiêm khoán lệ.

- Trong phường, ai muốn mua tư văn nộp tiền lệ là 60 xâu, giấu không 100 lá, rượu 1 vò, đủ số đó thì được cho vào trợ tế để giữ nghiêm khoán lệ.

- Từ 50 tuổi giở lên đến cả các sĩ nhân dự thi trúng cách một hai trường đều được miễn trừ tạp dịch. Còn người dự các kỳ khảo hạch mà trúng thì trong một năm được miễn việc sai dịch để tỏ sự tôn trọng nho phong giữ nghiêm khoán lệ.

- Người trong phường kính trọng tuổi già, hiền từ với trẻ, chớ cậy giàu mà khinh nghèo và phỉ báng lẫn nhau đến nỗi mất lòng mà đánh lộn gây ồn ã náo động làng xóm, như vậy phải nộp phạt tiền 12 xâu, giấu không 100 lá để giữ nghiêm khoán lệ.

- Trong phường có nhà nào cha con không thương yêu nhau, vợ chồng không hòa thuận, anh em không êm ấm đến nỗi nhà cửa náo loạn, bản phường nghe thấy thì bắt nộp tiền 12 xâu, giấu không 100 lá. Nếu không chịu sẽ đưa ra cửa quan để giữ nghiêm khoán lệ.

- Trong phường chẳng may có lời kêu cứu nước lửa, làng xóm phải cùng gắng sức đến cứu. Nếu ai ở lỳ trong nhà không giúp, sau này bị phát giác thì phải nộp tiền 1 xâu 2 mạch, giấu không 10 lá, phạt roi 30 hèo để giữ nghiêm khoán lệ.

- Người trong phường có ai bị ức hiếp oan khổ không chịu nổi hãy đem giấu không 10 lá trình rõ với làng xóm. Quan viên sẽ truy hỏi cặn kẽ, nếu kẻ ức hiếp không chịu, không nghe, bắt đến cửa quan xét xử y tội danh mà phạt tiền 10 xâu cùng giấu không, rượu làm lễ tạ. Nếu ai không theo lệ làng, vượt lên kiện tận cửa quan mà xét tội ra vẫn như vậy thì phạt thêm 30 roi trừng trị để giữ nghiêm khoán lệ.

- Các nơi ruộng đất trong ngoài phường, nếu người ngoài xin táng mộ không nệ cát hung thì phải có lời xin lý trưởng thuận tình cho phép táng. Theo lệ tiền đất nộp vào quĩ công, trích mỗi mộ tiền là

3 xâu hàng năm nộp vào phường để dùng vào việc công là thờ thần. Ai mà cho phép người khác tá trộm, bản phường phát hiện ra sẽ phạt tiền 30 xâu để giữ nghiêm khoán lệ.

- Trong phường có việc, chiểu theo bắt nộp tiền từ 1 mạch giở lên. Hôm trước, mâm trưởng phải đi thu, trên dưới đều nộp đủ. Nếu ai cưỡng lại, tạm để sang ngày khác không chịu nộp, bắt phạt tiền 6 mạch, giấu không 10 lá để giữ nghiêm khoán lệ.

- Trong phường có ai mắc sai lầm không chịu sửa hoặc gây lộn với xóm giềng hoặc gian ác không hối cải, lấy trộm của người ngoài và dân làng từ một cây củi giở lên, bản phường bắt được sẽ định tội đánh 30 roi, đem ra cửa quan, truất bỏ địa vị không dung thứ để giữ nghiêm khoán lệ.

- Trong phường cho phép sư nữ cư trú để thờ Phật là nơi cực kỳ thanh tịnh. Phàm đàn ông trong phường không có việc gì mà ngày đêm cứ qua lại thắp thoáng trước ban thờ Phật để dụ dỗ sư nữ; rồi đàn bà thì lén vây quanh trong chùa để kiếm ăn, bản phường mà nhận thấy lập tức phạt đánh 50 roi. Ai biết mà không báo giả vờ không biết thì tội cũng chung cùng để giữ nghiêm khoán lệ.

- Trong phường, con gái và quả phụ có tình riêng lén đến nỗi chửa hoang thì họ nhà ấy phải chịu theo lệ làng, mỗi người bị đánh 30 roi rồi cho về đoàn tụ. Đàn ông có thói dụ dỗ, đọc kinh lễ có dạy: loạn luân và gian phu gian phụ, đặc biệt là phạm pháp đều đem đến trình quan để dứt bỏ cái đầu mối xấu xa, khiến cho nhân luân sáng tỏ mà thành nên tục đẹp để giữ nghiêm khoán lệ.

Các điều ước khoán lệ trên đây giao cho trưởng ba. Phàm trong phường có ai phạm vào hương lệ thì theo lệ mà làm.

Ngày 2 tháng 6 năm Thành Thái 12.

Tiên chỉ Trịnh Đình Bút ký.

(...)

Lý trưởng Nguyễn Văn Thành áp triện.

KHOÁN ƯỚC THÔN TRUNG THÔNG

Viện Nghiên cứu Hán Nôm Ký hiệu: AF a2/32

1. Vào hai lễ xuân thu nhị kỳ hàng năm, cùng hẹn giờ Mùi ngày 11 tháng 3 và 9 yết lễ, đến giờ Thìn ngày 12 làm lễ chính. Trước buổi lễ hai ngày, họp tại nhà đương cai để bổ tiền. Số tiền được bao nhiêu, tùy nghi sắm lễ. Đến ngày 10 là phải giao đủ cho đương cai. Ai chậm hay nộp thiếu hội Tư văn sẽ phạt bằng giẫu rượu để tạ thiếu sót nhằm giữ nghiêm lệ làng.

2. Trong hai lễ tế xuân thu, những người ngồi bàn thứ ba giở lên, áo mũ chỉnh tề để hành lễ. Ai trong bàn thứ tư có nhiệm vụ đốc thúc đương cai sắm sửa, bày biện tế khí, lễ vật cốt sao cho trang nghiêm. Người nào làm trái, hội Tư văn sẽ phạt bằng giẫu rượu để tạ thiếu sót với hội Tư văn.

3. Tư văn, ai đến tuổi 50 được liệt vào hạng lão. Lệ khao vọng gồm một thủ lợn, xôi một mâm, tiền một quan 2 mạch, rượu một vò, giẫu cau 100 khẩu. Ai đến tuổi 60, lễ khao vọng cũng như vậy. Tuổi 70 giở lên được liệt vào hàng thượng thọ. Lễ khao vọng gồm một vò rượu, giẫu cau 100 khẩu (tiền lễ thì được phép miễn), chiếu theo vị trí mà ngồi để thể hiện sự tôn kính người có tuổi.

4. Trong thôn, người nào xuất thân từ con đường khoa cử (văn từ tú tài giở lên, võ từ cử nhân giở lên) theo thứ vị văn trước võ sau để xếp ngồi vào chiếu giữa. Tư văn định lệ biếu lợn hoặc bò. Người nào

không theo đường khoa cử, chỉ nhờ chức tạp quan lấy phẩm trật để được ngồi chiếu giữa, Tư văn cũng kính biếu như trên. Hoặc giữa người theo đường văn, võ và người mượn chức tạp quan để có phẩm trật lại cùng thời (ngang hàng nhau về tuổi tác) thì người theo đường văn, võ sẽ được nhường. Ngoài ra còn quy định, việc kính biếu không được tranh giành để thể hiện sự tôn trọng khoa bảng. Cũng có khi phẩm trật người theo khoa cử ngang với phẩm trật dựa trên quan chức (hoặc tú tài hoặc cửu phẩm) thì cứ theo vị trí mà vào chiếu chủ. Còn chuyện kính biếu thì cùng hưởng như nhau. Người nào chưa có chức sắc về văn hay võ và người làm việc vặt thì cũng hưởng bàn 3. Người có chức sắc còn được biếu thêm một gói nem trong tam bàn.

5. Trong hội Tư văn, lấy phẩm trật khoa mục đỗ để xếp ngồi chiếu chủ. Người chưa có phẩm trật, ai được miễn sai dịch cũng cho phép vào chiếu chủ, để biếu như chủ chiếu. Người chưa được miễn sai dịch thì xét theo tuổi chiếu vị trí mà vào chiếu chủ, biếu.

6. Trong thôn, người nào từ 18 tuổi giở lên được phép vào hội Tư văn. Người nào vốn theo nghiệp học, lệ khao vọng gồm 2 quan tiền, 1 vò rượu, 100 khẩu giầu cau. Người không theo nghiệp học, tiền vọng là 4 quan, giầu cau 100 khẩu. Người nào cha ông trước đây không có chân trong hội Tư văn mà tình nguyện nhập hội, lại vốn theo nghiệp học thì tiền vọng là 4 quan, giầu cau 100 khẩu. Người không có học vấn, tiền khao vọng là 10 quan, giầu cau 100 khẩu.

7. Người nào trong thôn, thi đỗ tiến sĩ, phó bảng (về văn) hoặc tạo sĩ, phó bảng (về võ) sẽ có thiếp mời. Bản thôn mừng 300 quan tiền, 1 bức trướng. Trúng trung khoa, mừng 100 quan, 1 bức trướng. Trúng tiểu khoa mừng 60 quan, 1 đôi câu đối. Quan viên làm việc vặt từ cửu phẩm giở lên có... được 50 quan; bát phẩm giở lên, mỗi phẩm thêm 10 quan. Chánh tổng mừng tiền 50 quan, phó tổng mừng tiền 20 quan, lý trưởng mừng tiền 10 quan (người nào không mời thì không mừng).

8. Những người thi đỗ cao (văn, võ) lệ khao vọng gồm lợn một màu lông, xôi 1 mâm, rượu 1 vò, giầu cau 1 buồng. Người đỗ thấp hơn

và các viên quan làm việc vặt được miễn tạp dịch thì lệ vọng cũng như trên.

9. Vào hai lễ xuân thu, lấy phần cổ lợn hoặc bò kính biếu các người già trong mâm người giả để các cụ cùng hưởng nhằm làm đẹp thêm phong tục.

10. Trong thôn, người nào làm phó tổng, trong lễ khao vọng gồm 1 con lợn, 1 mâm xôi, 1 vò rượu, 100 khẩu giầu cau sẽ được biếu 1 đùi lợn. Vị trí của Phó tổng sẽ ngồi cùng những quan viên ở mâm thứ nhất. Với lý trưởng nếu được hội Tư văn cho phép sẽ cùng với người giữ sổ sách, người viết chữ kính biếu mỗi người 1 đùi lợn (bò). Người nào ốm yếu không đi được, cử người khác đến đóng góp lễ tế, hội Tư văn cho phép người đó ngồi trên mâm thứ ba. Công việc khi đã xong thì chiếu theo vị trí mà ngồi.

11. Trong thôn, bất kể trong hay ngoài hội Tư văn, người nào có con gái lấy chồng là người bản thôn, tiền nộp cheo là 1 quan 2 mạch, rượu 1 vò, giầu cau 100 khẩu và biếu Lý trưởng 3 mạch. Nếu lấy chồng khác thôn, nộp tiền cheo 2 quan 4 mạch, giầu cau như trên và biếu Lý trưởng 6 mạch. Ai không thi hành, sẽ bắt người thân thuộc bồi thường để nghiêm trị.

12. Trong thôn, nếu ai say rượu gây huyên náo hoặc ngạo mạn thất lễ, từ bàn ba giở lên, phạt 1 quan tiền, giầu cau 100 khẩu. Người ngồi từ bàn bốn giở xuống đánh 10 roi để răn trừng.

13. Trong thôn có người nào hành vi sai trái, bắt được tang vật sẽ truất bỏ vị trí của người đó để giữ nghiêm lệ làng.

14. Mỗi năm, bản thôn đồng ý cấp cho lý trưởng 36 quan thanh tiền. Nếu có hương trưởng thì số lương này chia ba: Lý trưởng 2 phần, hương trưởng 1 phần nhằm giữ nghiêm lệ làng.

15. Trong thôn khi bầu lý trưởng hay hương trưởng thì chọn người trong hội tư văn để thực thi công việc. Ai không đứng trong hội tư văn thì không được tham gia ứng cử.

16. Việc tuần phu trong thôn chọn lấy 8 người trai tráng, mỗi người một phiên đến canh giữ điếm sở từ 6 giờ chiều đến 5 giờ sáng hôm sau mới được quay về làng. Ai lơ là việc này, phạt từ 10 roi giở xuống để cảnh cáo người khác.

Ngày 23 tháng 2 năm Thành Thái 19 lập khoán.

Chánh tổng Lê Văn Khánh áp triện.

Kỳ mục Nguyễn Văn Chi ký.

Viết khoán Lê Trọng Hàm ký.

Lý trưởng An Văn Hoằng áp triện.

HƯƠNG ƯỚC XÃ ĐẠI TỪ

Tổng Khương Đình, huyện Thanh Trì

Khoán ước của làng lưu truyền từ xưa, chỉ khẩu truyền mà không có minh văn. Minh văn mà không hợp thời thế... không phải cải lương.

Suy xét hiện tình thời nay so sánh:

Khoán ước khoá trước điều nào hại thì đổi, điều nào lợi thì theo mục đích làm cho gia tộc được thịnh giàu, dân làng có thu nhập, từ sau sẽ theo trình tự tiến hoá mà bổ thêm.

Phần thứ nhất
Chính trị - tổ chức hội đồng tộc biểu

Điều thứ nhất: Các hộ họp lại mà thành một làng. Bởi thế một làng do các tộc biểu cử người thay mặt để mà trông nom gọi là tộc biểu.

Điều thứ hai: Theo số người trong hộ mà xử: Hộ to 2 người, có thể là 3 người, hộ bé cử 1 người, hộ bé quá chỉ có 5 đến 3 tốt thì 2, 3 hộ cử chung 1 người.

Điều thứ ba: Tư cách tộc biểu là tuổi từ 25 giở lên, thông thái, có gia sản, không can tội án, tội giam. Tộc biểu làm việc 3 năm là 1 hạn.

Điều thứ tư: Hết hạn 3 năm lại cử 1 lần. Ai được tái cử thì lại được làm như những người đang làm tộc biểu.

Điều thứ năm: Chức vụ tộc biểu là phát biểu và quyết định việc làm, dựng sổ thu chi và kiểm soát sổ ấy.

Điều thứ sáu: Các tộc biểu tự bầu 1 ban, người trong ban làm hội trưởng và 1 người làm phó hội. Khi có hội đồng do tộc biểu báo cáo, nếu chánh hội trưởng ngăn trở việc gì thì phó hội trưởng báo cáo.

Điều thứ bẩy: Hội đồng lại bầu 2 người trong ban, 1 người thông hiểu thư toán làm thư kí để biên sổ sách và 1 người giàu có làm thủ quĩ để giữ tiền công.

Điều thứ tám: Nếu trong ban không thể bầu được người làm thủ quĩ thì hội đồng chọn người làng mà bầu. Người được bầu làm thủ quĩ ấy được quyền dự hội đồng.

Điều thứ chín: Trừ khi có việc làng cần mở hội đồng không thường kỳ còn thì cứ mỗi tháng vào mùng một ngày 15 hội đồng 1 lần để bàn việc làng. Ai say rượu thì không được dự hội đồng.

Điều thứ mười: Được quá nửa số trong ban dự hội đồng thì có thể bàn việc được. Bàn xong phải giải tán, không được ngồi lâu mà bày cuộc rượu thuốc phiện.

Điều thứ mười một: Hội đồng bàn gì thì phải làm biên bản ấy, phải có chữ kí của những người hội đồng viên hiện tại để mà lưu chiểu.

Điều thứ mười hai: Tộc biểu điểm danh, ai không đến dự hội đồng được phải báo cáo để hội đồng biết. Nếu ai không duyên cớ gì đích thực, tự bỏ đến 2 lần thì hội đồng bảo hộ ấy cử người khác thay.

Điều thứ mười ba: Đương họp hội đồng nếu trong làng có ai theo lễ phép mà hỏi điều gì thì hội đồng phải theo lễ phép mà đáp lại một cách minh bạch cho người ta biết.

Điều thứ mười bốn: Những việc hội đồng bàn, được quá nửa số ấy hợp thì đem thi hành. Nếu trong số ấy thấy không hợp thì phải bỏ phiếu. Nhưng một phiếu của hội trưởng được kể làm hai, hoặc bầu bằng cách giơ tay, hoặc bằng cách bỏ phiếu. Cần cùng bắt đầu từ người tộc biểu của hộ nhỏ nhất bầu trước rồi dần đến tộc biểu của họ lớn nhất là hết.

Điều thứ mười lăm: Khi có lệnh quan toà án hoặc quan cai trị cần hỏi đến làng thì hội đồng tự chọn: nhiều là hai người trong hội đồng đi với lý trưởng.

Điều thứ mười sáu: Ngoài ra khi có lệnh quan trên bắt làm thì không kể, còn những khi quan trên hỏi ý kiến về những sự quan hệ đến những quyền lợi chung của làng thì hai người tộc biểu và lý trưởng không được tự quyết mà phải bàn với hội đồng mà được nhiều người ý hợp rồi sẽ trình quan.

Điều thứ mười bảy: Tộc biểu và lý trưởng làm việc làng mà phải đi xa trong 5km, làng không chi lộ phí. Quá số ấy làng chi mỗi người 0,20$ một ngày, lên tỉnh thì hạn cho hai ngày; lên huyện hạn cho một ngày là cùng.

Quan kỷ

Điều thứ mười tám: Tộc biểu nếu làm việc gì trái hương ước thì hoặc cả hội đồng, hoặc một hộ nào trong làng thì chức sắc, kỳ lão trong làng họp hội đồng mà xét xử. Hội đồng chức sắc kỳ lão này có quyền quở trách hoặc phạt tiền từ 1,00$ đến 10,00$, không cho dự hội đồng nữa. Người nào làm mất tư cách đã nói ở điều thứ ba, làm tổn hại đến quyền lợi chung của làng thì hội đồng chức sắc, kỳ mục, kỳ lão phạt chức người ấy. Nếu hội đồng xử không xong, người tộc biểu có vẻ không phục tình thì hội đồng sẽ làm biên bản trình quan.

Sổ chi thu

Điều thứ mười chín: Muốn cho trong làng chi tiêu có chừng mực để khỏi tổn dân thì phải làm sổ chi thu.

...

Điều thứ hai mươi tư: Người nào tiêu việc gì lập tức biên vào. Khi nào có chi tiêu bất thường, hội trưởng phải mở hội đồng làm biên bản, nói rõ là có việc gì mà tiêu tiền và tiêu là bao nhiêu tiền. Vào biên bản ấy, phải đính ngay vào sổ chi thu những việc chi tiêu bất thường.

Số tiền quá 20,00$ bạc thì những biên bản ấy phải trình quan tỉnh duyệt trước rồi mới được thi hành.

...

Điều thứ hai mươi sáu: Những món tiền thủ quĩ chi ra mà không có hội trưởng ký thì không kể. Hễ ai đến lấy tiền thì thủ quĩ giao cho người nộp tiền ấy một miếng giấy phát tiền xé ở sổ răng cưa ra và có chữ hội trưởng ký, điểm chỉ người lĩnh tiền ấy. Cứ vài tháng hội đồng kiểm quĩ một lần và làm biên bản.

Điều thứ hai mươi bảy: Hết năm thì hội trưởng mở hội đồng tính sổ xem số tiền thực thu là bao nhiêu, chi ra là bao nhiêu, tiền hiện còn lại là bao nhiêu, yết thị tại đình một tháng để dân làng cùng biết. Khi yết thị cho mõ đi rao.

Điều thứ hai mươi tám: Chi tiêu không được vượt quá số dự định và phải thật là tiết kiệm để tiền công còn lại làm tiền lưu trữ.

Điều thứ hai mươi chín: Tiền lưu trữ ấy thì dùng làm việc sinh lợi, còn là để chi việc bất thường.

Điều thứ ba mươi: Hễ làng đem tiền ấy cho vay thì lấy tiền quĩ mà thôi, những người vay phải cầm điền sản làm tin. Hễ không cầm ruộng thì làng không cho vay.

Điều thứ ba mươi mốt: Những điền sản cầm cho làng giá đáng mười phần chỉ cầm cho được năm phần.

Điều thứ ba mươi hai: Hội đồng muốn cho ai vay phải làm biên bản và bảo người vay viết văn tự. Văn tự ấy phải trước bạ biên bản. Giao cho hội trưởng giữ mà văn tự thì thủ quĩ giữ. Thủ quĩ sẽ chiếu trong văn tự mà phát tiền cho người vay. Ai vay tiền công hễ đến hạn thì phải trả cả gốc và lãi trước, không được tăng thêm hạn nữa. Hạn cho vay tiền không được quá một năm.

Điều thứ ba mươi ba: Số tiền ít mà người vay nhiều, vả lại số điền sản của những người vay ấy đem cầm đều bằng nhau thì hội trưởng mở hội đồng phải bỏ thăm. Ai bắt được thì hội đồng cho vay.

Điều thứ ba mươi tư: Cấm những người có chân trong hội đồng và vợ con những người ấy vay tiền của làng.

Điều thứ ba mươi nhăm: Làng sẽ cấp phụ cho chánh hội, thủ quĩ, thư ký mỗi năm mỗi người 3,00$ bạc.

Trưởng, phó lý

Điều thứ ba mươi sáu: Lý trưởng, phó lý không có quyền tự quyết việc làng mà theo ý chung của hội đồng tộc biểu.

Điều thứ ba mươi bảy: Làng sẽ cấp ruộng công để cho lý trưởng một mẫu, phó lý năm sào để chi phí làm việc quan.

Điều thứ ba mươi tám: Trưởng phó lý đã được ruộng làng cho, khi đi việc quan một mình không được tính phí tổn với làng nữa.

...

Bổ sưu thuế

Điều thứ bốn mươi: Lý trưởng tiếp dẫn quan phát bài giấy thuế mà thì phải bàn với hội trưởng mở hội đồng mà tính bổ.

Điều thứ bốn mươi mốt: Sưu thuế đã có ngạch nhất định của nhà nước, hội đồng cứ theo bài giấy mà bổ, không được chia đàn anh với đàn chị, ruộng nội canh với ruộng ngoại canh để mà bổ nhiều, bổ ít.

Điều thứ bốn mươi hai: Trong sổ bổ phải biên rõ người thì bao nhiêu, ruộng đất thì bao nhiêu tiền, không được lẫn lộn.

Điều thứ bốn mươi ba: Khi đã lập xong bài bổ thì giao cho trưởng phó lý chiếu thu để nộp.

Điều thứ bốn mươi bốn: Làng không bổ ngoại phí cho trưởng, phó lý nữa vì đã cho ruộng cho có lệ nhất định rồi.

Điều thứ bốn mươi lăm: Những người thiếu sưu thuế, lý trưởng chỉ nên trình quan xem xét.

Điều thứ bốn mươi sáu: Ngày bổ thuế không được bày ra ăn uống để phải đóng nộp thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ bốn mươi bảy: Trong làng có ai kiện cáo về dân sự phải trình trước với hội đồng hoà giải.

Điều thứ bốn mươi tám: Hội trưởng tiếp ai trình thì phải mở hội đồng lấy nhẽ chính đáng và tình thân ái mà hoà giải cho hai bên. Nếu hoà giải xong thì theo kiểu trong luật làm hoà giải chứng thư, giao cho lý trưởng trình quan sở tại biên vào sổ.

Điều thứ bốn mươi chín: Nếu hoà giải không xong hội đồng đi làm chứng trước toà án cho nguyên bị. Người phải thì chịu tiền phí tổn, những việc hình sự do không thể hoà giải thì những người đương sự cũng phải trình cho hội đồng biết.

...

Điều thứ năm mươi mốt: Hội đồng xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra, làm biên bản trình quan không được bắt hoạ và sách nhiễu nhà chủ sự.

Canh trong làng

Điều thứ năm mươi hai: Canh phòng để giữ tính mệnh, tài sản chung của cả làng thì hết thảy người làng từ mười mấy tuổi đến năm sáu mươi tuổi đều thì phải chịu trách nhiệm trừ những người chức sắc khoa mục, người hiện đương làm việc các sở, người đương đi học các trường, người chưa đến tuổi và người có tật bệnh. Ai mà phải phiên canh, nếu đi đâu có thể nhờ bà con, bạn bè, canh thay cho hoặc nộp cho làng 1,00$ để thuê người canh thay.

Điều thứ năm mươi ba: Những người đi canh phân làm ba ban, mỗi ban bốn tháng, hết lệ canh thì lại bắt đầu lại. Mỗi ban phải cắt một người làm đốc canh. Hễ tối đến thì người đốc canh phải ra điểm đánh hiệu để người trong ban ra canh; khi trong làng có cướp, có kẻ gian, hễ thấy động hiệu thì người đốc canh phải nổi trống mõ để các ban canh cũ phải ra mà ứng cứu với ban đương thứ.

Điều thứ năm mươi tư: Những khí giới để canh của ai người ấy phải sắm. Người nào nghèo không thể sắm được thì làng trích tiền công mà sắm cho, nhưng hết hạn canh thì phải giao giả làng.

Điều thứ năm mươi nhăm: Người làng sẽ tuỳ yêu cầu mà lập điếm canh và trích tiền công để chi về việc sửa điếm.

Điều thứ năm mươi sáu: Người đứng đầu ban canh gần tối thì nổi hiệu trống để gọi các người trong ban ra điếm. Ai lỡ có việc gì thì phải mượn người canh thay, hễ bỏ không canh hai lần đầu, mỗi lần phạt 0,10$. Lần thứ ba thì hội đồng chiếu lệ hương ước mà phạt.

Điều thứ năm mươi bảy: Ban canh thường phải đi tuần chung quanh làng để trộm và gian khỏi vào.

Điều thứ năm mươi tám: Ai bắt được kẻ gian thì làng thưởng cho 1,00$, bắt được tên cướp thì thưởng cho 10,00$.

Điều thứ năm mươi chín: Lệ tuần phiên phải chịu trách nhiệm về việc gian cướp. Ở trong làng có gian cướp mà tuần không bắt được tên nào thì phải chiếu giá đồ vật mất mà đền. Còn khi có cướp mà tuần hết sức kháng cự không bắt được thì không phải đền.

Điều thứ sáu mươi: Phó lý thường kiểm soát những người lạ mặt vào làng. Hễ thấy người nào không có thẻ tuỳ thân và căn cước khả nghi thì bắt giải trình quan xét xử.

Canh ngoài đồng

Điều thứ sáu mươi mốt: Làng cử một người trương tuần và 12 người tuần tráng để trông nom ngoài đồng.

Điều thứ sáu mươi hai: Tư cách trương tuần và tuần tráng: là người mạnh bạo, thực thà, có gia sản. Người nào có tiếng không tốt không được làm.

Điều thứ sáu mươi ba: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền pháp hội đồng tộc biểu và phó lý.

Điều thứ sáu mươi tư: Tuần coi việc giữ các đường khuyến nông của làng, thấy ai làm huỷ hoại thì bàn hội đồng xét thực phạt 0,30$.

Điều thứ sáu mươi lăm: Tuần coi việc giữ và tháo nước. Những khi nên giữ, nên tháo, phải hỏi ý kiến hội đồng không được tự quyết.

Điều thứ sáu mươi sáu: Những người nào tháo nước, đơm cá để ruộng bị cạn thì tuần phải bắt giải, bàn với hội đồng xét phạt 0,30$. Hễ tuần dung túng để nước cạn thì hội đồng phạt tiền cũng như người tháo nước.

Điều thứ sáu mươi bảy: Lúa má, hoa màu ngoài đồng tuần phải canh giữ cho cẩn thận, mất mát thì phải chiếu giá mà đền.

Điều thứ sáu mươi tám: Làng cấp tiền cho tuần không kể nội canh hay là ngoại canh, phụ canh đều cộng năm: mỗi mẫu sáu hào, tiền ấy chia theo vụ, vụ tháng năm, vụ tháng mười, mỗi vụ, mỗi mẫu phải nộp 0,30$. Cứ đến trước vụ thu hoạch, các chủ ruộng phải đem tiền ấy nộp cho thủ quĩ mà lấy giấy biên lai rồi hội đồng sẽ chiếu, tính toán mà chia phát cho trương tuần và tuần tráng. Từ giờ trở về sau tuần không được lấy lúa sương nữa.

Điều thứ sáu mươi chín: Trương tuần làm được ba năm đều tốt thì làng cho vị thứ kỳ mục cũng như phó lý. Hễ không làm hết bổn phận thì phải bãi chức. Đã bãi chức thì mất cả thứ vị kỳ mục.

Sự cứu cấp

Điều thứ bảy mươi: Gặp lúc cần gấp như là nước to, đê sắp vỡ hoặc là cháy nhà, hoặc có kẻ gian, trộm cướp nhà nào, trừ những người sáu mươi tuổi và những người yếu đuối. Còn người làng nghe động hiệu phải lập tức đến cứu ngay. Nếu ai lười biếng không đến, hội đồng xét thực phạt 0,10$ sung công.

Điều thứ bảy mươi mốt: Ai vì sự cứu cấp mà bị thương, làng cấp tiền uống thuốc. Ai bị thương thành tật, làng cho vị thứ kỳ mục. Ai bệnh chết làng cho tiền tử tuất 20,00$ bạc và làng đi đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ bảy mươi hai: Muốn cho người trong làng khoẻ mạnh cần phải theo phép vệ sinh, một là phòng bệnh, hai là chữa bệnh

Điều thứ bảy mươi ba: Hội đồng thường xuyên bảo người làng giữ đường chung và nhà tiêu cho sạch sẽ.

Điều thứ bảy mươi tư: Cấm không cho ai được vứt uế vật ra đường và làm nhà xí ra bên đường. Ai phạm điều cấm ấy phạt 0,20$ để sung công.

Điều thứ bảy mươi lăm: Các giếng nước ăn phải xây gạch, giữ gìn cho trong sạch. Những phí tổn về sự vệ sinh, sửa giếng, trích tiền công để chi.

Điều thứ bảy mươi sáu: Khi trong làng phát bệnh có thể truyền nhiễm thì lý trưởng phải trình quan về chữa ngay.

Điều thứ bảy mươi bảy: Trong làng có ai ốm đau, lý trưởng phải trình quan khám, đem ra nhà dưỡng tế, không được vì nể mà để ở trong làng.

Điều thứ bảy mươi tám : Những đồ dùng của người ốm hay của người chết cấm không được vứt xuống hồ ao. Ai phạm cấm ấy hội đồng phạt 0,20$. Lại cấm không ai được làm chuồng tiêu ở cạnh bờ đầm ao hay ở bên đường. Ai phạm cấm ấy phạt 0,30$ sung công.

Đường sá, cầu cống, đê điều

Điều thứ bảy mươi chín: Làng cử việc giữ đường để trông nom đường sá, cầu cống và đê điều. Giữ đường phải đốc suất tuần tráng tu bổ, quét dọn đường sá cho sạch sẽ. Thấy chỗ nào hư hỏng nhiều thì phải bàn hội đồng để sửa lại.

Điều thứ tám mươi: Các đường nối cả làng thì làng trích tiền công ra mà sửa hay là chia ra tu bổ tuỳ hội đồng xem xét. Các chỗ đường đến từng thôn, từng điếm thì từng điếm ấy phải đắp.

Điều thứ tám mươi mốt: Ai làm việc gì tổn hại đến đường sá, cầu cống chung của cả làng thì phải bồi thường và phạt sung công 0,30$.

Điều thứ tám mươi hai: Ai cần tháo nước qua đường, trước trình hội đồng biết, tháo xong phải đắp lại như cũ.

Điều thứ tám mươi ba: Giữ đường ba năm được chu toàn thì làng cho vị thứ kỳ mục cũng như phó lý. Hễ không làm hết bổn phận phải bãi việc.

Sự nhà nông

Điều thứ tám mươi tư: Thường năm tu bổ các đường khuyến nông và mở lũ các kho trữ nước cho làng tiện làm ruộng.

Điều thứ tám mươi lăm: Cấm không ai được phát cỏ bờ ruộng mà không đắp lại bờ. Nếu phạm cấm ấy phạt 0,10$ sung công.

Điều thứ tám mươi sáu: Cấm không ai được đắp ngăn qua kho mà đơm cá để cho nước không thông. Ai phạm cấm ấy phạt 0,10$ sung công.

Điều thứ tám mươi bảy: Cấm chăn trâu bò ở ruộng khi lúa đã tốt. Ai phạm cấm ấy hội đồng phạt 0,10$. Nếu trâu bò ăn lúa của người ta thì phải đền nữa.

Điều thứ tám mươi tám: Cấm chăn vịt nhiều ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa. Ai phạm cấm ấy, hội đồng phạt 1,00$ bạc để sung công.

Các của công

Điều thứ tám mươi chín: Đã gọi là của chung cả làng thì người trong làng ai cũng có nghĩa vụ phải giữ. Nếu ai làm tổn hại thì phải bồi thường và phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$ bạc để sung công.

Điều thứ chín mươi: Khi làng có bán động sản (bàn, ghế, đồ dùng...) hay bất động sản (ruộng công, đầm công, đất công, nhà cửa...) thì hội đồng phải đấu giá, cần yết thị cho mỗi người biết trước khi đấu giá 10 ngày.

Điều thứ chín mươi mốt: Ai đấu giá cao thì được nhưng hội đồng phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Xét gian lận

Điều thứ chín mươi hai: Những điều chính phủ đã có ghi cấm như rượu, thuốc phiện và mở sòng bạc thì hội đồng khám xem liền trong làng để trừ gian lận.

Điều thứ chín mươi ba: Ai cố ý phạm cấm, hội đồng không thể khuyên ngăn được thì hội đồng bảo lý dịch bắt tang vật làm biên bản giải trình quan trừng trị.

Điều thứ chín mươi tư: Những người phạm những điều cấm ấy do quan đã chiếu luật trị tội nhưng làm mất phong thể trong làng thì hội đồng phạt không cho dự đình trung tế lễ một năm.

Sự giao thiệp

Điều thứ chín mươi lăm: Theo thói quen, khi quan khách đến làng, chỉ lý phó ra ứng tiếp, hễ đi đâu thì quan khách không biết hỏi ai, như thế thì không tiện. Nay định việc ấy giao cho các người hội đồng.

Điều thứ chín mươi sáu: Không cứ quan Tây hay là quan An Nam ta, hễ có đến làng thì tuần báo ngay những người có chân trong hội đồng.

Điều thứ chín mươi bảy: Các người hội đồng và chánh phó lý phải lấy lễ pháp chính đáng tiếp tại sở công. Hễ các quan muốn khám xét nhà nào thì hội đồng dẫn khám. Khi khám hễ có sự gì cản trở thì hội đồng nghe tin báo phải đến tận nơi, liệu giữ gìn cho cẩn thận khi ở trong địa giới làng. Có ai ốm đau hay bị tai nạn gì thì hội đồng nghe tin báo phải đến tận nơi, liệu phương kế mà cứu ngay.

Ngụ cư, chôn nhờ

Điều thứ chín mươi tám: Làng chỉ cho người nào có căn cước rõ ràng và có nghề nghiệp chính đáng ngụ cư mà thôi.

Điều thứ chín mươi chín: Trừ những người ngụ cư tạm thời, còn những người có gia sản ở làng thì phải chịu trách nhiệm canh phòng.

Điều thứ một trăm: Ai chôn nhờ ở đồng làng do mua đất của làng hay là của ai cũng phải trình hội đồng và phó lý biết. Người nào xin chôn nhờ thì phải nộp tiền kiểm hộ cho làng 16,00$ bạc. Người nào xin gửi chôn ở đất cát thì phải nộp cho làng 10,00$ bạc và phải sửa 100 giầu và một chai rượu trình dân. Tiền đấy để sung công.

Sự giáo dục

Điều thứ một trăm linh một: Làng sẽ lập một trường ấu học để dạy trẻ con trong làng thì trích tiền công để chi việc trường và cấp lương thầy giáo.

Điều thứ một trăm linh hai: Trẻ con trong làng đến tám tuổi phải cho đi học.

Điều thứ một trăm linh ba: Làng lấy tiền công mua giấy bút cấp cho trẻ con nhà nghèo, hội đồng xét thực nghèo không mua được thì mua cho.

Phần thứ hai

Phong tục - sự chia đều điền thổ

Điều thứ một trăm linh tư: Làng không có công điền cấp cho dân đinh, chỉ duy có 7 mẫu, 5 sào ruộng công trước thì để cấp cho ..... thừa đã, người đó phải giả ruộng cho dân rồi thì ruộng ấy đệ lên cho đấu giá bán, thuê để lấy tiền sung công. Còn 14 mẫu, 7 sào đầm làng cộng với một mẫu ruộng cấp tiền tổng sư. Tháng 11 yết thị đấu giá bán, thuê lấy tiền sung công để chi việc công ích.

Hôn lễ

Điều thứ một trăm linh năm: Chiêu nội thì phải nộp 3,00$ bạc và 60 miếng giầu. Chiêu ngoại thì phải nộp 6,00$ bạc, giầu cau cũng như thế. Hễ đến ngày cưới, người chủ hôn phải đem tiền và giầu nói với lý trưởng và bàn với hội đồng thu tiền lan nhai để sung công quĩ.

Điều thứ một trăm linh sáu: Nhà nào có con gái lấy chồng hạn trong 10 ngày, người chủ hôn phải bàn với lý trưởng và kể cả tên tuổi người con trai, con gái ấy để biên bản vào sổ giá thú và người nào không theo lý trưởng bàn với hội đồng, phạt người chủ hôn ấy 0,30$ để sung công.

Điều thứ một trăm linh bảy: Cấm không ai được giăng dây hay là đóng cổng để chặn đòi tiền làm ngăn trở hôn sự của người ta. Không tuân thì hội đồng chiếu phạt 0,20$ để sung công.

Tang lễ

Điều thứ một trăm linh tám: Trong làng có ai bất hạnh quá cố, người tang chủ nếu giầu có muốn mời mấy người thân tộc hộ lễ cũng mặc lòng. Những ai chọt có việc sang nhà tang chủ trước không phải đợi dân hoặc là đợi kỳ mục.

Điều thứ một trăm linh chín: Tang chủ chỉ được nhờ những người mời lễ và người giúp việc, không được mở tiệc để mời làng.

Điều thứ một trăm mười: Khi chưa chôn, dân làng có đến điếu phúng chỉ dùng hương hoa mà thôi.

Điều thứ một trăm mười một: Hàng giáp đưa ma là trả nghĩa lại nhau. Chính bổn phận mình phải làm, trừ những người đi đâu, còn ai ở nhà đều nên đi đưa ma cả. Nếu tang chủ có xin làng cắt đô tuỳ thì làng cũng cắt người đi cho tử tế.

Điều thứ một trăm mười hai: Nội người trong giáp hay ngoài giáp khi an táng xong rồi, chào ngay tang chủ ở ngoài mộ rồi đi về, không được vào nhà tang chủ mà ăn uống.

Điều thứ một trăm mười ba: Tang chủ cũng nên tạ ơn hàng giáp ở ngoài mộ, không được mời khách về nhà.

Điều thứ một trăm mười bốn: Tang chủ muốn để danh dự cho người chết và có lòng báo đáp mà đổi tiền kỷ niệm làm của công, thì một hạng 6,00$ bạc, một hạng 1,00$ bạc. Tiền ấy sung công, ai không có thì thôi, không ai được nói gì cả.

Điều thứ một trăm mười lăm: Những người chức sắc, khoa mục quá cố, khi đưa ma làng cắt mỗi giáp 6 người. Viên chức mặc đồ trắng đi đưa và cắt 4 người trai khiêng chiêng trống để tỏ ý kính trọng, còn lệ xôi lợn đều bỏ hết.

Điều một trăm mười sáu: Tế lễ cứ mỗi năm đến ngày 25 tháng Giêng là ngày nhập tiệc có xướng ca. Bốn giáp phải sửa một bàn xôi, một con lợn giá 10,00$ bạc, đem ra đình để tế. Các giáp ấy đã có ruộng công cày cấy để lấy tiền lễ.

Điều thứ một trăm mười bảy: Mỗi năm cứ ngày 25 tháng 2, 25 tháng 8 là ngày đinh tế đức Tiên thánh. Toàn dân mỗi kì phải sửa 1 bàn xôi, 1 con lợn giá 10,00$ bạc làng đã có ruộng công cấy. Lệ đến ai cấy ruộng thì phải làm lễ xôi lợn.

Điều thứ một trăm mười tám: Mỗi năm cứ đến kì mùng 10 tháng 2, mùng 10 tháng 9 là ngày Đại tuế. Mỗi giáp phải sửa 1 bàn xôi, 1 con lợn giá 20,00$ bạc để làm lễ. Tiền ấy bổ vào nhân dịch.

Điều thứ một trăm mười chín: Hễ năm nào được mùa, dân có muốn bày tiệc thì hội đồng với lý trưởng sẽ xin phép quan.

Khao vọng

Điều thứ một trăm hai mươi: Trong làng có ai được chức sắc phẩm hàng quan tước văn giai, võ giai hay là thi đỗ Tây, Nam, cử nhân tú tài và tham tá thông ngôn, kí lục. Muốn nộp lệ khao vọng thì phải sửa xôi thủ, lễ thần, kính dân và nộp tiền 20,00$ bạc để sung công. Còn lại mời dân ăn uống đều được cả.

Điều thứ một trăm hai mốt: Trong làng đến tuổi 50 thì phải sửa 100 giầu 1 chai rượu để lễ thần kính dân. Còn 1 chai rượu với 100 giầu ra lễ thọ lão và nộp lệ 10,00$ bạc. Ai đến tuổi 65 cũng phải sửa lễ như thế. Chỉ phải nộp bạc có 6,00$. Hễ ai nghèo không nộp được lệ tiền ấy cũng thôi. Còn như những lệ ăn uống đều được miễn cả.

Vị thứ trong làng

Điều thứ một trăm hai hai: Tước rồi đến xỉ, từ xưa đến nay văn võ chức sắc văn thì đỗ Tây, Nam cử nhân tú tài và những viên tham tá thông ngôn, kí lục đã nộp lệ khao vọng thì cứ theo quan chế phẩm trật cao thấp phân thứ tự mà ngồi rồi đến những người tổng lí làng, hương trưởng, hương mục.

Điều thứ một trăm hai ba: Trừ những văn võ quan viên có lệ định rồi còn những người làng trưởng phó lí, hương trưởng được 3 năm đủ lệ. Dân thì ngồi ở dưới người hương lão. Hễ ai làm việc 6 năm thì ngồi trên người hương mục mua.

Điều thứ một trăm hai tư: Kể từ khi làm khoán lệ này, điều lệ cũ trái hương ước đều bỏ đi cả.

Điều thứ một trăm hai nhăm: Trong làng ai trái hương ước kể trên hội đồng xét thực bắt phạt 1,00$ bạc, việc nặng thì không cho dự tế đình trong 1 năm hoặc đánh xuống 3 bàn.

Điều thứ một trăm hai sáu: Mỗi năm cứ đến ngày tế lễ sự thần, thư kí phải đem hương ước làng này đọc cho cả làng cùng nghe.

Thừa sao y chính hương ước để lưu truyền mà soi

Bảo Đại năm thứ 17 ngày 28 tháng 6 (1942)

Hà Đông tỉnh, Thanh Trì huyện, Khương Đình tổng, Đại Từ xã

Hội đồng kì mục lý dịch thừa sao hương ước chính bản đệ trình

Hội đồng

Trần Văn Tụng, Vũ Duy Tiêu, Đỗ Đình Viêm *kí*

Quyền lý trưởng thừa sao y như bản chính hương ước làng Đại Từ

Nguyễn Văn Trung *kí*

HƯƠNG ƯỚC LÀNG THỊNH QUANG

Huyện Hoàn Long tỉnh Hà Đông

(Nay là phường Thịnh Quang, quận Đống Đa)

Mục lục

Phần thứ nhất

Chính trị

Tổ chức hội đồng tộc biểu:	từ điều thứ 1 đến 17
Quản kỷ:	Điều thứ 18
Sổ chi thu:	từ điều 19 đến 21
Tiền thu:	từ điều 22 đến 23
Tiền chi:	từ điều 24 đến 35
Lý phó trưởng:	từ điều 36 đến 40
Bổ sưu thuế:	từ điều 41 đến 47
Sự kiện cáo:	từ điều 48 đến 53
Sự canh phòng:	từ điều 54 đến 73
Sự cấp cứu:	từ điều 74 đến 75
Sự vệ sinh:	từ điều 76 đến 82
Đường sá cầu cống:	từ điều 83 đến 87
Sự vệ nông:	từ điều 88 đến 91
Các của công:	từ điều 92 đến 94

Xét gian lậu: từ điều 95 đến 97
Sự giao thiệp: từ điều 98 đến 100
Sự giáo dục: từ điều 101 đến 104
Ngụ cư ký tảng: từ điều 105 đến 109

Phần thứ hai

Tục lệ

Sự quản điều thổ: từ điều thứ 1 đến thứ 3
Tế tự: từ điều 4 đến 8
Hôn lễ: từ điều 9 đến 10
Tang lễ: từ điều 11 đến 23
Khao vọng: từ điều 24 đến 25
Thứ vị trong làng: từ điều 26 đến 37

Chủ ý cải lương

Khoán ước của làng lưu truyền từ xưa hoặc chỉ có khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không có văn minh, hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, nên cải lương suy xét hiện tình thời nay so sánh với khoán lệ thuở trước điều nào hại thì đổi, điều nào lợi thời theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giàu dân làng có sau sẽ theo chương trình tiến hóa mà cải bổ thêm.

Phần thứ nhất

Nói về chính trị

Tổ chức hội đồng tộc biểu

Điều thứ nhất: Các họ họp lại thành một làng, bởi thế việc làng mỗi họ cử người thay mặt để mà trông nom gọi là tộc biểu.

Điều thứ hai: Theo số người trong họ mà cử họ to cử hai họ nhỏ cử một người họ nhỏ qúa chỉ ba bốn xuất thời hai ba họ cử chung một người.

Điều thứ ba: Tư cách tộc biểu là tuổi từ 20 giở lên và thông thái có gia sản. Không can án bao giờ, tộc biểu giữ việc 3 năm là một hạn.

Điều thứ tư: Hết hạn 3 năm cử lại một lần, ai đủ đạo đức tái cử thời lại được làm nữa. Những người đương làm tộc biểu thời trừ tạp dịch như là canh phòng trong làng tu bổ đường sá. Khi hết hạn thời làng cho người như lính cũ hoặc đã có ngôi thứ rồi thời cho ngôi kỳ mục.

Điều thứ năm: Chức vụ tộc biểu là phát nghị quyết việc làng, dựng sổ thu chi và kiểm soát sổ ấy.

Điều thứ sáu: Các tộc biểu tự chọn trong ban một người làm hội trưởng và một người làm phó trưởng, khi có hội đồng do hội trưởng bá cáo, nếu hội trưởng ngăn trở việc gì thì phó hội trưởng bá cáo.

Điều thứ bảy: Hội đồng lại bầu hai người trong ban một người am hiểu thế tình làm thư ký để biên sổ sách và một người giầu có làm thủ quĩ để giữ tiền công.

Điều thứ tám: Nếu trong ban không bầu được người làm thủ quĩ, thời hội đồng chọn trong một làng mình mà bầu những người được làm thủ quĩ ấy thời được quyền dự hội đồng.

Điều thứ chín: Trừ ra khi có việc cần mở hội đồng bất thường, còn cứ mỗi tháng ngày mồng 1 và ngày rằm hội đồng họp một lần để bàn việc làng, ai say rượu thời cấm không được dự hội đồng.

Điều thứ 10: Khi bàn việc gì trong làng thời được quá nửa số người trong ban dự hội đồng có thể bàn việc, bàn xong, thời phải giải tán ngay, không được ngồi lâu mà bàn cuộc rượu phiếm.

Điều thứ 11: Hội đồng bàn việc gì phải làm biên bản, những biên bản ấy phải có chữ ký những người hội viên hiện tại và phải... mà lưu chiểu.

Điều thứ 12: Tộc biểu hoặc cứ mắc bận không đến hội được phải có lời cáo để hội đồng biết, nếu không có duyên cớ đích thực tự bỏ đến hai lần, thời hội đồng phải bảo họ ấy cử người khác thay.

Điều thứ 13: Đang lúc hội đồng, nếu có ai trong làng theo lễ phép mà hỏi điều gì thời hội đồng phải theo lễ phép mà đáp lại minh bạch cho người ta biết.

Điều thứ 14: Những việc hoạt động bàn được quá nửa số người ý hợp thời phải thi hành nếu ý kiến không hợp thời phải bỏ phiếu, nhưng một phiếu của người hội trưởng được kể thành hai, hoặc bảo bằng cách dơ tay, hoặc bỏ phiếu kín, cũng phải bắt đầu từ người tộc biểu họ nhỏ nhất bầu trước rồi dần dần đến tộc biểu họ to mới là hết.

Điều thứ 15: Khi có lệnh quan tòa án hoặc họ nhiều là hai người trong ban đi với lý trưởng.

Điều thứ 16: Trừ ra những người khi có lệnh quan trên bắt làm thời không kể, còn những khi quan trên hỏi ý kiến về việc quan hệ và quyền lợi chung cả làng thời hai người: tộc biểu và lý trưởng không được tự quyết mà trình quan ngay, phải mở hội đồng tất cả mọi người ý hợp rồi sẽ trình sau.

Điều thứ 17: Tộc biểu và lý trưởng vì việc làng mà phải đi xa một ngày lên tỉnh, hạn cho 0,30$ lên huyện hạn cho 0,20$ là cùng.

Quan kỷ

Điều thứ 18: Tộc biểu nếu làm việc gì trái hương ước nghĩa là tổn hại lợi của làng hoặc cả hội đồng hoặc một họ nào trong làng xác xuất, thời chức sắc kỳ lão trong làng họp hội đồng mà cứu xử đích thực, thời hội đồng phạt ngân từ 0,10$ cho đến 1,00$ sung công và không cho dự hội đồng nữa, nếu hội đồng xử không xong hay người ấy không phục tình thời hội đồng sẽ làm biên bản trình quan.

Sổ chi thu

Điều thứ 19: Muốn cho làng chi tiêu có chừng mực đều phải làm sổ chi thu.

Điều thứ 20: Thường năm cứ mồng một tháng một Tây các tộc biểu hội đồng dự tính sang năm thu những tiền gì, tiêu những việc gì,

rồi làm thành sổ cả hội đồng ký kết trình quan sở tại kiểm soát để tỉnh bẩm duyệt đến mồng một tháng Giêng Tây mới được thi hành.

Điều thứ 21: Sổ thu chi của làng do hội trưởng được quyền cho phép thu phát những khoản tiền đã dự định ở trong sổ.

Tiền thu

Điều thứ 22: Thủ quĩ nhận tiền của ai nộp thời phải biên ngay vào sổ răng cưa và xé một nửa cho người nộp tiền làm biên lai tiền nộp ấy thuộc khoản gì, thời thư ký phải biên ngay vào sổ chi thu, ở khoản đã dự định cho thu những món tiền ấy.

Điều thứ 23: Ai nộp tiền cho một người nào mà không có thủ quĩ biên lai thời tiền ấy coi như chưa nộp.

Tiêu chi

Điều thứ 24: Ngày nào tiêu việc gì thời thư ký phải biên vào sổ chi thu ngay ngày hôm ấy, ở hàng đã để chừa cho biên những món tiền ấy.

Điều thứ 25: Làng có chi tiêu bất thường các tộc biểu phải mở hội đồng làm biên bản nói vì cớ gì tiêu đã tiêu là bao nhiêu, biên bản ấy phải đính ngay vào sổ chi thu những khoản chi tiêu bất thường quá số hai mươi đồng bạc, thời những tờ biên bản ấy phải trình quan duyệt y trước đã rồi mới được thi hành.

Điều thứ 26: Những món tiền thủ quĩ chi ra mà không có chữ hội trưởng thời không được kể, hễ ai đến lĩnh tiền thời thủ quĩ bắt những người lĩnh tiền ấy giao cho một cái phái lai xé sổ răng cưa và có chữ ký của hội trưởng hay là điểm chỉ của người lĩnh tiền ấy, cứ cuối tháng hội trưởng hội đồng kiểm quĩ một lần và phải làm tờ biên bản.

Điều thứ 27: Hết năm thời hội đồng tính số tiền thừa..... bao nhiêu tiền còn lại là bao nhiêu, yết thị lại định ít ra một tháng để đông dân cũng biết, hễ khi đã yết thị thì phải cho mõ đi rao.

Điều thứ 28: Chi tiêu không được quá số dự định và phải chi thật tiết kiệm để cho công quĩ còn tiền thừa làm lưu chữ.

Điều thứ 29: Hàn tiêu lưu hạ ấy làng để chi tiêu việc bất thường.

Điều thứ 30: Nếu làng đem tiền ấy cho vay thời lãi nhẹ mà thôi, nhưng người vay phải cầm đền sản làm tin nếu không cầm thời không cho vay.

Điều thứ 31: Những điền địa cầm cho làng giá đáng 10 phần chỉ được 3 phần.

Điều thứ 32: Hội đồng định cho vay, phải làm biên bản và bảo người vay phải viết văn tự, văn tự ấy phải trước bạ, biên bản giao hội trưởng giữ mà văn tự thủ quĩ giữ, thủ quĩ sẽ chiếu trong văn tự mà phát tiền cho người vay, ai vay tiền công hễ đến hạn phải giả cả gốc lẫn lãi chứ không được viết lãi làm gốc mà chồng thêm hạn nữa, hạn cho vay tiền không được qua một năm.

Điều thứ 33: Nếu số tiền có ít mà người vay nhiều và những số điền địa của những người vay ấy đều cầm bằng nhau, thời hội đồng bỏ thăm ai bắt được thăm thời cho người ấy vay.

Điều thứ 34: Muốn cho làng tin cậy ..... phải làm hết bản thân vậy nên cấm những người có chân hội đồng và vợ con những người ấy vay tiền của làng.

Điều thứ 35: Làng sẽ tùy số chi thu trong làng mà phụ cấp cho hội trưởng thủ quĩ thư ký, những số tiền phụ cấp ấy bao nhiêu phải biên vào sổ làng.

Lý phó trưởng

Điều thứ 36: Lý trưởng là người thay mặt một làng mà thừa hành việc quan, phó lý người giúp việc lý trưởng.

Điều thứ 37: Lý phó trưởng không có quyền tự ý quyết định việc làng phải theo ý kiến chung cả các tộc biểu.

Điều thứ 38: Lý phó trưởng là người hành chính trong làng đều được dự chân hội đồng trong làng cả chánh phó tổng cũng vậy.

Điều thứ 39: Làng sẽ trích công điền, cấp cho lý trưởng bẩy sào và phó lý hai sào, để chi phí về việc quan.

Điều thứ 40: Lý phó trưởng được cấp ruộng làng đi việc quan một mình không được tính tiền phi tổn.

Bổ sưu thuế

Điều thứ 41. Lý trưởng tiếp quan phát bài chỉ thuế về thời sưu thuế trưởng mở hội đồng tính bổ.

Điều thứ 42: Sưu thuế đã có ngạch nhất định của nhà nước, hội đồng cứ theo bài chỉ mà bổ không được chia đàn anh, đàn em, xuống nội canh hay ngoài phụ mà bổ nhiều bổ ít.

Điều thứ 43: Trong sổ phải biên rõ người nào bao điền thổ, bao nhiêu sưu đinh là bao nhiêu thành tiền không được làm hỗn.

Điều thứ 44: Khi đã bổ xong giao Lý trưởng hành thu đệ nạp.

Điều thứ 45: Làng không có bổ tiền ngoại phí cho Lý trưởng nữa, vì làng đã cấp ruộng cho rồi.

Điều thứ 46: Những người thiếu sưu thuế lý trưởng phải lên trình quan cứu xử.

Điều thứ 47: Ngày hội bổ thuế không được bày ra ăn uống để dân phải đóng nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 48: Trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay thương sự trước phải trình hội đồng hòa giải.

Điều thứ 49: Hội trưởng tiếp ai trình thời phải mở hội đồng lấy nhẽ chính đáng và tình thân ái hòa giải cho hai bên, nếu hòa giải xong thời theo kiểu trong luật làm hòa giải chứng thư giao lý trưởng trình quan sở tại biên sổ.

Điều thứ 50: Việc hòa giải không xong, hội đồng vì nguyên bị mà phải đi làm chứng trước...

Điều thứ 51: Những việc hình sự thì không hòa giải nhưng người đương sự cũng phải trình hội đồng biết.

Điều thứ 52: Hội đồng xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra, làm biên bản trình quan trước không được bất vạ hay cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Điều thứ 53: Trong làng hoặc đàn ông đàn bà dù có tức bậc việc gì thời đợi đến phiên hội đồng ra kiện hễ ai không tuân còn theo thói chửi rong thời phạt từ 0,20$ đến 0,50$ sung công.

Sự canh phòng

Điều thứ 54: Canh phòng để giữ tính mệnh tài sản chung cả làng thời hết thảy người làng từ 18 tuổi giở lên đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm, trừ ra những người chức sắc khoa mục, người làm việc quan các sở, người đang đi học các trường, người chưa đến tuổi và người ta tật bệnh.

Điều thứ 55: Người nào phải phiên canh mà đi vắng, thời có thể nhờ bà con bạn hữu thay cho hoặc nộp cho làng mỗi ngày 0,20$ để thuê người thay.

Điều thứ 56: Lần lượt cắt tuần, mỗi năm là 12 người, hễ hết năm thời cắt lượt khác để thay, 12 người tuần ấy chia làm 2 ban, mỗi ban 6 người, canh trong làng một ban còn một ban canh ngoài đồng luân chuyển thay đổi với nhau hoặc có hỏa hoạn, cướp bóc, tất cả các ban canh cùng người làng nghe động hiệu phải đến ứng cứu ngay không được chậm trễ.

Điều thứ 57: Những khí giới canh của ai người ấy phải sắm.

Điều thứ 58: Vì làng nhỏ lập một điếm trong làng, một điếm quán sở, mỗi điếm 6 người với trưởng tuần, phó lý đốc xuất canh phòng cho cẩn mật nhưng phí tổn về sự điếm ấy, làng trích tiền công và chi.

Điều thứ 59: Người đứng đầu ban canh cứ gần tối thời nổi hiệu mõ, trống gọi các người trong ban ra điếm ai có phương trở phải mượn người thay, nếu bỏ không canh thời hai lần đầu mỗi lần hội đồng phạt 0,10$, lần thứ ba thời hội đồng chiếu khoản không theo hương ước bắt phạt 0,30$.

Điều thứ 60: Ban canh thường đêm phải đi tuần luôn chung quanh trong làng cho trộm khỏi vào.

Điều thứ 61: Đi bắt được kẻ trộm làng thưởng 1,00$ bạc, bắt được 1 đứa kẻ cướp thưởng 10,00$ bạc.

Điều thứ 62: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về việc trộm cướp trong làng, như trong làng có nhà nào mất trộm cướp mà tuần không bắt được đứa phạm, thời chiểu giá mất mà đền cho sự chủ, như khi cướp bạc mà tuần đã hết sức trống cự thế không thể giữ được thời không phải đền.

Điều thứ 63: Lý phó trưởng thường kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không có thẻ tùy thân và căn cước đáng nghi thời phải bắt giải trình quan xét.

Điều thứ 64: Làng cử một người trương tuần đốc xuất tuần tráng trông nom trong làng ngoài đồng.

Điều thứ 65: Tuần tráng thời các giáp chiểu sổ người cắt lượt mà đi hoặc ai không thể đi được thuê người khác thay phải trình hội đồng biết.

Điều thứ 66: Tư cách trương tuần và tuần tráng là người mạnh khỏe, thực thà và có gia sản, người nào mang tiếng bất hảo thời không được làm.

Điều thứ 67: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền phép các tộc biểu và lý phó trưởng.

Điều thứ 68: Tuần trong các đường khuyến nông của làng, thấy ai làm nát tổn thương thời tường hội đồng xét thực phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 69: Tuần trông việc giữ nước và tháo nước, những khi nên giữ nên thảo phải hỏi ý kiến hội đồng không được tự quyết.

Điều thứ 70: Những người nào tháo nước làm các ruộng bị cạn thời tuần bắt ngay giải tường hội đồng xét thực phạt từ 0,20$ đến 1,00$, nếu tuần dong túng để nước bị cạn thời hội đồng phạt tiền cũng như người...

Điều thứ 71: Lúa mạ hoa màu ngoài đồng, tuần phải canh giữ cho cẩn thận, mất đâu tuần phải theo nguyên giá mà đền.

Điều thứ 72: Làng cấp cho tuần không kể nội canh hay ngoại phụ, đều đồng niên mỗi mẫu 0,60$ những tiền ấy chia làm 2 thứ, một thứ tháng 5, một thứ tháng mười để trừ lúa xương túc, hễ đệ niên đầu gặt các điền chủ đem nộp ngay để hội đồng chi phát.

Điều thứ 73: Trương tuần làm việc được 3 năm mà được chu thỏa thời làng cho ngôi thứ cũng như hương hào, nếu không làm hết bổn phận phải bãi việc mà mất ngôi thứ ấy.

Sự cứu cấp

Điều thứ 74: Hoặc gặp lúc cần cấp như là lửa cháy nhà nào, hoặc cướp trộm nhà nào, trừ ra những người 60 tuổi và người đau yếu, còn bao nhiêu người làng nghe hiệu đều phải lập tức đến ngay cứu, nếu ai biếng trễ không đến hội đồng xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Điều thứ 75: Đi vì sự cấp cứu bị thương thời làng trích tiền công cấp cứu chữa thuốc, trọng thương hoặc thành tật làng cho ngôi làng kỳ mục, hoặc thương đến chết thời làng cấp cho tiền hai mươi đồng và cả làng đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 76: Muốn cho người làng mạnh khỏe cần phải theo phép vệ sinh, điều thứ nhất phòng tật, điều thứ hai giữ bệnh.

Điều thứ 77: Hội đồng thương hiểu bảo người làng giữ nhà riêng và đường chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 78: Cấm không ai được phóng uế vật ra đường và làm nhà xí bên đường ai phải điều cấm ấy hội đồng phạt 0,30$.

Điều thứ 79: Các giếng ăn nước phải tìm cách giữ gìn cho sạch sẽ những phí tổn về sự sửa giếng ấy, dân trích tiền công để cho.

Điều thứ 80: Khi trong làng phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm lý trưởng phải trình quan ngay xin thầy thuốc về chữa.

Điều thứ 81: Trong làng hoặc ai phải bệnh phong lý trưởng phải trình quan khám đem ra nhà dưỡng tế không được vì nể mà để ở trong làng.

Điều thứ 82: Những đồ dùng của người ốm hay người chết, cấm không được vất xuống hồ ao và làm chuồng lợn hay chuồng trâu bò ở cạnh bờ ao, hay là ở chỗ ô uế mà có thể chảy xuống hồ ao được. Ai phạm những điều đó phạt 0,30$.

Đường sá cầu cống

Điều thứ 83: Cử một người thủ lộ để trông nom đường sá cầu cống, thấy nơi nào hư hỏng phải trình hội đồng sửa lại và thủ lộ phải coi sóc không được để người có súc vật làm tổn hại đến đường sá cho lúc nào cũng được tốt.

Điều thứ 84: Các đường chung cả làng để làng trích tiền công mà sửa chữa hay là chia ra nhận xuất tùy hội đồng tùy nghĩ còn các đường riêng từng xóm thời phải sửa chữa.

Điều thứ 85: Đi làm việc riêng mà hại đến cầu cống, đường sá chung cả làng thời phải bồi thường và phải phạt từ 0,20$ đến 1 đồng bạc để sung công.

Điều thứ 86: Đi cần thảo nước qua đường trước phải trình hội đồng biết, tháo xong phải đắp lại như cũ.

Điều thứ 87: Thủ lộ làm việc trong ba năm đều được chu thỏa thời làng cho ngồi kỳ mục, nếu nguyên trước chưa có chức phẩn gì cho giấy hỏi hương hào, nếu không làm hết bổn phận thời phải bãi chức thoái về nguyên vị.

Sự vệ nông

Điều thứ 88: Thường làng tu bổ các đường khuyến nông và khai sâu các ngòi lạch cho tiện làm ruộng.

Điều thứ 89: Cấm không ai được rẫy cỏ bờ ruộng hay rẫy cỏ mà không đắp lại để bờ vỡ dần đi, ai phạm cấm, hội đồng phạt 0,10$.

Điều thứ 90: Cấm không ai được chăn trâu bò bờ ruộng khi lúa đã trỗ, ai phạm hội đồng phạt 0,10$ trâu bò ăn lúa của ai thời phải đền nữa.

Điều thứ 91: Cấm chăn vịt ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa ai phạm cấm, hội đồng phạt 0,10$, nếu vịt phá lúa mạ phải đền nữa.

Các của công

Điều thứ 92: Đã gọi là của công của làng thì ai cũng có nghĩa vụ phải giữ nếu ai làm tổn hại thời phải bồi thường.

Điều thứ 93: Khi làng có bán động sản hay bất động sản thời hội đồng phải đấu giá kín nhưng yết thị cho mọi người làng biết trước khi đấu giá 10 ngày.

Điều thứ 94: Đi đấu giá cao thời được, nhưng hội đồng phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Xét gian lậu

Điều thứ 95: Những điều chính mà đã có lệnh quan cấm như rượu lậu, thuốc phiện và mở sòng đánh bạc lấy hồ thời hội đồng phải khám xét luôn trong làng để trừ gian lậu.

Điều thứ 96: Ai có ý phạm cấm, hội đồng không thể khuyên ngăn được, thời hội đồng bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản giải quan trừng trị.

Điều thứ 97: Những người phạm ấy dù quan chiểu luật trị tội nhưng làm mất phong thể trong làng, hội đồng phạt không cho dự đình trung tế tự trong một năm.

Sự giao thiệp

Điều thứ 98: Theo thói quen khi quan khách đến làng lý phó trưởng ra ứng tiếp nếu đi vắng thời hội đồng tộc biểu phải ra tiếp.

Điều thứ 99: Không cứ quan Tây, quan ta, nếu có đến làng thời tuần phải đi báo ngay những người chân hội đồng.

Điều thứ 100: Các người hội đồng và chánh phó lý lấy lễ nghi chỉnh đáng mà tiếp tại công sở, nếu các quan muốn khám xét nhà nào, thời hội đồng dẫn khám, nếu có sự gì ngăn trở thời hội đồng phải gìn giữ cho được ổn thỏa, hoặc chi ở dưới làng có ai ốm đau hay bị tai nạn gì hội đồng nghe tin báo phải đến tận nơi liệu phương kế mà giúp ngay.

Sự giáo dục

Điều thứ 101: Dạy trẻ con học thức phổ thông là nghĩa vụ người làm phụ huynh không ai...

Điều thứ 102: Hễ sau học trường học xin trích 3 mẫu công điền chi lương thầy giáo đồng niên, còn trường vụ trích tiền công để sửa.

Điều thứ 103: Khi nào lập trường thời trẻ con trong làng đúng 8 tuổi phải đi học cả.

Điều thứ 104: Làng lấy tiền công mua bút giấy cấp cho những con nhà nghèo mà hội đồng xét thực nhà ấy thể thời sẽ cho.

Ngụ cư ký táng

Điều thứ 105: Làng chỉ cho những người nào có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp mà thôi.

Điều thứ 106: Trừ ra những người ngụ cư tạm thời còn người đã có gia sản ở làng thời phải chịu trách nhiệm tuần phòng với làng.

Điều thứ 107: Trong làng hoặc ai ký ky tại đình bên tả bên hữu thời mỗi vị 60 đồng bạc khi còn ở hữu phủ mỗi vị 30,00$ bạc, 1 mâm xôi, 1 thủ lợn, 2 chai rượu yết thần kinh dân tùy ruộng nhiều làm giỗ to ruộng ít làm giỗ nhỏ hoặc ai ký hậu chùa, mỗi vị 30,00$ bạc giao nhà chùa sửa chữa việc chùa khi dựng bia vọng cảm quả chai bàn cúng Phật kinh dân, còn ruộng nhiều ít để chùa làm giỗ.

Điều thứ 108: Đi ký táng ở đồng điền của làng phải trình hội đồng biết và nộp tiền kiểm cố cho làng 5,00$ bạc sung công với một mâm xôi, thủ lợn, giầu cau, rượu, (giá 2,00$) yết thần kinh dân.

Điều thứ 109: Như người làng khác muốn vào nhập tráng với làng thời phải có người làng nhận thực mới được phải nộp 15,00$ sung công cho như giai làng.

Phần thứ hai
Nói về tục lệ sự quân điền thổ

Điều thứ nhất: Ruộng công điền, công thổ, cộng là 95 mẫu.

Điều thứ hai: Ruộng công mỗi ba năm một lần hoán cấp cho nhân đinh để trợ sưu thuế nhưng chiểu số người hơn tuổi nhận phần trên, kém tuổi nhận phần dưới, không được ghen ty, liền anh lấy ruộng tốt, liền em lấy ruộng xấu và ruộng hỗn độn.

Điều thứ ba: Còn số ruộng công 4 mẫu 7 sào xin đem cố vụ lấy tiền làm đường, làm nhà hội đồng còn thừa để làm tiền công.

Sự tế tự

Xưa kia làng đệ niên 7 lần sự thần ở đình mỗi lần phí tổn ước một trăm giở lên đóng góp nhiều lắm và người chịu đương cai cũng tổn đến 3,00$, nay làng chỉ để một năm 4 lần mà thôi, 2 lần mỗi lần mâm xôi con lợn với 10 phẩm oản, ước 10,00$ bạc hai lần mỗi lần mâm xôi con gà với một mâm bánh chay ước 2,00$, những tiền mua lễ ấy, chiểu sổ từ người già đến người trẻ, mỗi người hoặc năm xu, hoặc ba xu góp lại làm lễ, khi lễ xong rồi đem về nhà đương cai chiểu sổ chia nhau là của liêm điển không ai được hơn còn như nhà đương cai quản chỉ phải chịu mâm bát mà thôi chứ không tổn gì nữa.

Điều thứ tư: Đệ niên ngày 12 tháng Giêng Thần đản, lễ dùng một mâm bánh chay với một mâm xôi con gà.

Điều thứ năm: Đệ niên ngày 21 tháng ba kỳ phúc, lễ dùng một mâm xôi, con lợn với mười phẩm oản hoặc năm nào có rước thời làng cắt chấp sự trước 10 ngày để sắm sửa cho chỉnh đốn.

Điều thứ sáu: Đệ niên ngày mồng 10 tháng Tư Kỳ An, lễ dùng một mâm xôi, con lợn với 10 phẩm oản.

Điều thứ bảy: Đệ niên ngày 15 tháng chín Thường Tân lễ dùng một mâm bánh chay với một mâm xôi con gà.

Điều thứ tám: Đệ niên ngày 28 tháng hai, tháng 8 tế đinh, lễ dùng mỗi kỳ một mâm xôi con lợn, những tiền làm lễ ấy Đông Đoài tư văn hai giáp phải chia chịu.

Việc hôn lễ

Điều thứ chín: Việc thu tiền cheo nhà giai làng lấy gái làng phải nộp 5,00$ bạc giai làng khác lấy gái làng phải nộp 10,00$ bạc đến khấu trừ cheo giáp xóm...

Điều thứ mười: Hễ ai nộp tiền cheo phải tường hội trưởng và lý trưởng nhận thu giao thủ quĩ nhận giữ rồi mới được, cứu ai mà trái ước làng kể một thành hai mà thu.

Việc tang lễ

Điều thứ 11: Tang là sự buồn dầu đau đớn của nhà người ta, theo thói quen đặt tiệc mời khách như đám hội vậy thực là trái nhẽ nay làng bỏ thói tục ấy.

Điều thứ 12: Tang chủ nếu giầu có muốn mời mấy người thân tộc tế thời cũng mặc lòng nhưng gọi là việc riêng của tang chủ, không phải theo lệ cũ mời kỳ mục.

Điều thứ 13: Tang chủ chỉ đãi những người hộ tế và những người giúp việc chứ không mở tiệc mời làng.

Điều thứ 14: Trước khi chưa chôn, dân làng phúng viếng chỉ dâng hương hoa mà thôi.

Điều thứ 15: Đến ngày an táng, tang chủ ở giáp nào, thời mời người giáp ấy hộ táng

Điều thứ 16: Hàng giáp đưa ma là giả nghĩa lẫn nhau, chính bổn phận mình phải làm trừ những người vắng mặt còn thời phải đi tất cả.

Điều thứ 17: Tang chủ cũng được báo cho dân làng biết ngày an táng để nhớ tình hương đương thì đi đưa ma nhưng báo hay không tùy ý tang chủ.

Điều thứ 18: Dù người trong giáp hay người ngoài làng cũng vậy khi an táng thời chào ngay tang chủ ở ngoài mộ địa rồi đâu về đấy, không vào nhà tang chủ ăn uống.

Điều thứ 19: Tang chủ cũng nên ta hàng giáp hay những người đi đưa ma ngay ngoài mộ địa không được mời về nhà khoản đãi.

Điều thứ 20: Tang chủ có muốn danh dự cho người chết mà một món tiền kỷ niệm làm của công trong làng thời làng cũng nhận món tiền ấy nhiều ít tùy ý tang chủ.

Điều thứ 21: Làng sẽ làm quyển sổ biên những món tiền kỉ niệm ấy lưu truyền về sau.

Điều thứ 22: Làng chỉ đem món tiền ấy làm những việc ích chung cả làng.

Điều thứ 23: Việc kỷ niệm gửi tiền là tùy ý tang chủ làng không bắt buộc ai cũng phải gửi.

Việc khao vọng

Điều thứ 24: Xưa kia người nào đến tuổi 50 vọng lão phí tổn ước một trăm bạc giở lên. Từ nay về sau chỉ lấy 10,00$ bạc với 1 mâm xôi chiếc thủ 2 chai rượu, 12 oản, cứ đệ niên ngày 12 tháng Giêng yết thần kính dân, bỏ lão 1 phần dân hai phần.

Điều thứ 25: Trong làng ai được phẩm hàm trước khi khao vọng tốn ước trăm bạc nay biết nạp liền thời văn giai bốn mươi đồng bạc, võ giai ba mươi đồng bạc, còn những người khi sai cung tạp chức thời nộp 15,00$ để sung công.

Thứ vị trong làng

Điều thứ 26: Chiếu tế chiếu ngự ở đình phải có tôn ty trật tự cho nên phải..... vi vượt phạt 0,20$.

Điều thứ 27: Chiếu thứ nhất tế chủ cung Pháp Viết tiến sĩ cử nhân, tú tài thông ngân, ký lại cao đẳng văn bằng đã khao vọng rồi tới lão 70 tuổi giở lên.

Điều thứ 28: Chiếu thứ hai, thì vái cúng mấy viên dự hội đồng đã có thứ vị khao vọng rồi mấy ông kỳ lý điển chức và lão 60 tuổi giở lên.

Điều thứ 29: Chiếu thứ ba những người phó lý cùng người hội đồng chưa có thứ vị gì với lão 50 tuổi trở lên sa binh linh hương hào thí sinh, khoa sinh tốt nghiệp văn bằng hiện đang long học được dự chiếu..

Điều thứ 30: Chiếu thứ tư những người tư văn hàng giáp cùng nam tráng trong làng hoặc có đại hội đồng bàn định việc gì mới được dự.

Điều thứ 31: Hỗ trợ (...) lý dịch bắt tuần giải hai chiếu vạch xám (...) đình để tiếp rể ngoại, nếu giai làng ngồi vào đấy phạt 0,20$, còn những rể ấy lễ giải bao nhiêu tiền, lấy ra làm oản để đãi những người rể ấy.

Điều thứ 32. Những viên khoa giáo tế chủ, viên thứ chỉ cùng lão 70 giở lên với kỳ mục đương chức hội đồng dự tế chủ viên nhân, thời các viên (...) biểu mỗi người 1 phẩm oản, con đường thứ tư (...).

Điều thứ 33. Việc nội ngoại giao nghĩa là trong làng cùng các làng tiếp cận, có khác đến việc gì mời đến hội đồng, tiên thứ chỉ kỳ dịch thời hội đồng phải trích tiền công ước hai hay 3,00$ là nhiều để chi chứ không được hơn nữa.

Điều thứ 34. Định lập 2 bia kỷ niệm ở đình, một bên gọi là công chính nghĩa là những người sung vào hội đồng mãn lệ 3 năm không nhầm lỗi điều gì được khắc tên vào đấy một bên gọi là công đức, nghĩa là ai cúng tiền công đức nhiều thời khắc tên ở trên ai cúng ít thời khắc tên ở dưới không cứ rằng đàn ông đàn bà liền anh liền em nhưng trước hãy tạm biên vào biển gỗ rồi 3 năm xem hơn kém khắc vào bia đá.

Điều thứ 35. Kể từ ngày thi hành khoán ước này, các điều gì cũ với khoán ước này thời bỏ cả đi.

Điều thứ 36. Trong làng ai trái khoán ước này thời hội đồng tùy tình lý nặng nhẹ mà phạt hoặc không cho dự đình trung một hạn là 6 tháng còn phạm lần nữa truất ngôi xuống ban thứ năm.

Điều thứ 37. Đệ niên kỳ tế thần thời thư ký phải đem khoán ước này đọc cho đồng dân cùng nghe.

Hết

Thừa sao chính bản. Vũ Hoàng

Le Tiên chỉ.

le 31-1-1921

HƯƠNG ƯỚC LÀNG PHÚC XÁ

Tổng Phúc Lâm huyện Hoàn Long

Lập ngày 15 mai 1923
Hương ước tăng bổ
Ngày 18 Novembre 1934

Tục lệ
Mục hương chính
Cách bầu cử, hành động kỷ quan của Hương - Hội

Điều thứ nhất - Cách bầu cử hành động. Kỷ quan của hội đồng tộc biểu thi cử chiếu theo điều thứ 1 cho đến thứ 18 và điều 21 cho đến 26 trong nghị định số 1919 ngày 12 tháng tám năm 1921 của quan thống sứ Bắc Kỳ mà thi hành.

Xưng hiệu

Điều thứ hai - Trong bản trị sự hội đồng, hễ ai làm việc hết hạn ba năm mà không có tai tiếng gì, đến khi cáo về có dự đến hương sự ký kết vào dọn từ khoản gì, vẫn được xưng là cựu chánh hay là cựu phó hương nghị hay là cựu thư ký, những lạm phải quan cách bài thi sau ký tên không được xưng hiệu gì cả. Hoặc người nào can phạm trọng khoản qua thời phải truất xuống tráng hạng.

Tưởng - Khuyến

Điều thứ 8 - Trong ban hội đồng trị sự, hễ ai làm việc hết hạn mà không tai tiếng dân tình tin phục hoặc làm việc gì đặc biệt công ích cho dân như là mở chợ, tạp bến để cho ích lợi về sau hay là lập nhà thương lập nhà học, lập nghĩa xương để phòng cơ hàn, cùng là chu linh chi tiêu kiệm ước để dư được nhiều tiền công quĩ, vân vân, làm được những việc trên ấy mà có công hiệu trắc dị, chối đòng dân ghi tinh danh vào bản danh dự của làng.

Sổ chi thu

Điều thứ 4 - Sổ chi thu thì cứ chiểu theo nghị định số 1950, ngày 12 tháng tám năm 1921 của quan thống sứ Bắc Kỳ mà thi hành.

Học Chính

Điều thứ 5 - Dân sẽ lập nhà trường ở trong làng để dậy chữ Quốc ngữ, chữ Pháp và chữ Hán. Tiền lương thầy giáo thì dân sẽ đinh liêu và lấy vào công ngân.

Nhà nào có con từ sáu bảy tuổi giở lên bất cứ hạng nào cũng phải cho con ra trường học, những nhà nào túng quá cho con đi học mà không thể lấy tiền đâu được, thời tưởng với tộc biểu họ mình để làm giấy nhập thực trình hội đồng. Tòa hội đồng xét thực thì sẽ cấp giấy bút cho 3 năm.

Học trò nào học hết hạn 3 năm rồi phải thi, xem hễ có tư cách thông minh có thể ra trường tỉnh học được, thì bố mẹ đứa ấy phải cho đi học, không được bắt con bỏ học mà làm việc khác. Nếu nhà nào nghèo khổ, không thể cho con đi học ở tỉnh được sau xét thực ra thì dân sẽ cấp tiền cho đứa trẻ ấy ra tỉnh học.

Người nào đã được tiền cấp mà không siêng năng học hành để có nỗi xấu thì dân không tư cấp nữa mà lại phải bồi số tiền ấy giả dân. Nếu không giả dân, thì dân sẽ ghi tên học trò ấy vào sổ, trước khi muốn mua ngôi thứ gì trong dân, thì phải chồng số tiền ấy giả dân đã.

Lý - Dịch

Điều thứ 6 - Trách nhiệm lý trưởng và phó lý thì theo điều lệ 19 và 20 trong nghị định ngày 12 tháng tám năm 1921 của quan thống sứ Bắc Kỳ.

Lý trưởng còn phải việc binh lương, đinh điền, cấm phòng, đê điều và các tạp phải việc quan đều là phận sự Lý trưởng cả. Trong làng có việc gì nên làm. Hội đồng ủy cho lý trưởng làm cũng không được từ nan. Lý trưởng làm mãn lệ ba năm hay quá hạn từ dịch không có can khoảng gì thời được nguyên ngôi Lý dịch nếu phải cách bãi hay can án gì thời không được.

Bầu cử lý phó

Điều thứ 7. Bầu cử lý trưởng, phó lý theo như lệ nhà nước đã định.

Tiền cấp cho lý trưởng

Điều thứ 8 - Đồng niên dân cấp lương cho lý trưởng chín mươi sáu đồng (96$,00). Lý trưởng đã được tiền làng cấp, thì khi đi việc quan một mình, không được tính phí tổn với làng nữa.

Về việc sưu thuế

Điều thứ 9 - Đệ niên đến kỳ sưu thuế, lý trưởng lĩnh được măng đa, bài chỉ về, thời tường trình hội đồng trị sự, họp hội đồng quản bổ. Cứ chiểu số bạc trong chỉ bài bổ về đinh sưu điền thổ, thì đô, là bao nhiêu và các khoản tạp tiêu, khoản nào bổ về đinh, khoản nào nên bổ về điền, cùng khoản phụ cấp cho lý trưởng chi phí đi việc bổ thuế là bao nhiêu, tổng cộng làm ra ba bản bài bổ, ký kết trình quan sở tại, một bản lưu nhà, lưu dân một bản và một bản lý trưởng đem niêm yết trước bẩy ngày tại đình cho đồng dân biết là quyết định ngày nào thu hễ ai đến nộp thì lý trưởng đã có giấy biên lai (răng cưa) phát biên lai cho phân minh.

Nếu người nào quá hạn không nộp thìlý trưởng khai tên ra, trình hội đồng bắt nộp cho đủ.

Trong khi thu thuế, bất hạnh người nào chết đi, thân thích không ai bồi được, sẽ lấy tiền công quĩ bồi cho hay là những người tha vãng chưa kịp thu thì phải tha thải mà nộp rồi bắt chịu tiền lãi. Lúc bổ thuế chỉ dùng giấu nước mà thôi, không được bày ra rượu chè gì cả.

Việc thu thuế thì giao cho lý trưởng với các tộc biểu còn thiếu thời lý trưởng tha thải hay vay công quĩ nộp cho kịp hạn, nếu hành thu bất lực, thời lý trưởng và những người tộc biểu phải bồi.

Tiền lộ phí

Điều thứ 10 - Khi nào có việc công dân mà lý trưởng hay kỳ mục phải lên tỉnh thời mỗi người mỗi ngày chỉ cho 0,50$ (0.$,50) lên huyện thì bốn hào (0$,40) một người. Đi việc quan không được đa sự ở lâu, người nào khai tăng số lệ phí, thời phải bồi thường.

Còn người nào có việc riêng mà phải hại đến kỳ lý đi, thì phải chịu phí tổn.

Trách nhiệm phó lý

Điều thứ 11 - Phó lý cũng theo như lệ đầu phiếu bảo cử, mãn lệ ba năm hay quá hạn từ dịch không có can khoản gì thì được nguyên ngôi lý dịch.

Phó lý phải tùy tòng với lý trưởng, giúp việc cẩm phòng đê điều cầu cống và các việc vặt.

Trách nhiệm hương trưởng

Điều thứ 12 - Hương trưởng thì phải tùng giữ với lý trưởng làm việc quan và trông nom riêng về việc sửa soạn đồ vật tế lễ và cỗ bàn trong các nghi tiết và coi giữ các đồ đạc của công dân, mất mát gì hay là để hư nát thì phải bồi thường.

Trách nhiệm của cai vạn

Điều thứ 18 - Cai vạn thì trông nom các thuyền bè của những người trong làng và sửa sang các bến xả. Những thuyền chở thì phải đánh số hiệu và thu tiền bến, nộp vào công quĩ. Những thuyền nào mục nát thì cấm không được cho chở.

Cắt cử tuần phiên

Điều thứ 14 - Việc cảnh sát trong làng thì đặt ra 30 người tuần phiên gọi là "tuần ngoại" và kén lấy trưởng tuần hai người để trông nom tuần phòng trong một năm.

Đệ niên cứ đến trung tuần tháng Chạp, là sắp hết lượt tuần thời hội đồng trị sự liên hiệp cùng lý trưởng chọn lấy đinh tráng trong dân mà đổi lượt tuần và bầu quản, hương tuần lượt khác để thay.

Trai từ hai mươi tuổi trở nên đến 61 tuổi đều phải lần lượt ra tuần ngoại cả, chỉ trừ người nào hiện đương tùng học tại công trường hay người nào đã có văn bằng tân học, các người tùng sự các công tòa, công nha, các hàng chức sắc, chánh phó tổng, chánh phó lý cực, các người được miễn sai các tộc biểu đương thử và tộc biểu cựu làm được hai khóa và người có chân tư văn.

Kén trong trai dân người nào cường tráng, cần mẫn thời bầu làm trưởng tuần mỗi người một khóa sáu năm, mãn lệ.

Còn những trai làng tuổi 18-19 thì cắt ra tuần nội để ứng trực hầu hạ trong khi dân họp hay là khi sưu thuế họp bàn việc làng.

Trách nhiệm tuần phiên

Điều thứ 15 - Trương tuần thì đốc suất hai tuần chia làm hai ban canh phòng, nội hương ấp ngoại đồng điền cho được yên ổn và theo lý trưởng với phó lý mà kiểm soát những việc phi pháp, như là cờ bạc rượu lậu, trông nom những việc vệ sinh chung như là đường sá cầu cống phải cho sạch sẽ, vân vân... hoặc khi nào trong làng có phát hỏa, thì phải đồng hiệu đến ứng cứu.

Nộp tiền thế tuần

Điều thứ 16 - Con trai dân người nào yếu đuối hay đi buôn bán nơi xa không ra tuần được, hay là nhà ở cách làng năm cây lô mét, hay là ở cách sông đi lại không tiện thời được phép nộp năm đồng bạc (5$,00) vào công quĩ để thay vào lệ hành tuần khóa ấy.

Thu tiền sương túc

Điều thứ 17 - Đệ niên đến đầu tháng năm, hội đồng trị sự chiểu sổ ruộng làm một quyển phải biên lai (răng cưa) mỗi tập ước một trăm bảy hai trăm tờ, có đóng số, giao cho trương tuần thu tiền sương túc, người làng ai cày cấy bao nhiêu phải trình trương tuần mà khai rõ ở xứ sở nào, cứ mỗi mẫu phải nộp đồng niên là sáu hào (0$,600). Trưởng tuần nhận tiền sương túc ấy rồi phỏng phải cho người điền chủ đem tường tuần phiên chứng chỉ, rồi mấy được gặt hoa lợi. Trưởng tuần nhận xong tiền sương túc, thời phải trình ngay với hội đồng kiểm soát mà nộp vào công quĩ.

Thu tiền kiến ốc và trâu, bò, ngựa, dê

Điều thứ 18 - Tiền kiến ốc chia làm ba hạng: hạng nhất nhà ngói đồng niên 0,30$, hạng nhì nhà gỗ lợp lá 0,20$, hạng ba nhà tranh 0,10$. Còn nuôi ngựa thì phải 0,50$ một con, trâu thời 0,30$, bò thời 0,20$, dê thời 0,10$. Đệ niên cứ đến tháng hai hội đồng làm phải biên lai giao cho trưởng tuần phải tuần đi thu, được bao nhiêu cũng nộp vào tiền công quĩ.

Còn như phủ nào thuê trâu bò về để ở nhà thì phải trình tuần, mỗi tối trâu ba xu (0$,03), bò hai xu (0$,02).

Tiền cân kẻn

Điều thứ 19 - Nhà nào nuôi tằm được kẻn, thì phải trình trưởng tuần mà nộp tiền lệ mỗi cân là 0$,02 bỏ vào công quĩ.

Điều thứ 20 - Trong dân ai có thuyền đỗ ở bến làng thì phải khai với cai vạn đóng số hiệu và nộp thuế bến mỗi tháng 1,00$ (1$,00) nộp vào công quĩ.

Lương tuần

Điều thứ 21 - Đồng niên chi lương cho tuần mỗi người là sáu đồng (6$,00) trưởng tuần mười hai đồng (12$,00), cứ đệ niên phát cho hai kỳ mồng một tháng bảy Tây và 31 tháng chạp Tây, hội đồng làm măng da lấy tiền công quĩ ra để chi phát. Hễ ai lĩnh tiền lương thì phải ký tên vào sổ cho phần mình.

Luật thưởng phạt hàng tuần

Điều thứ 22 - Tuần phiên người nào bắt được đạo tặc thời hội đồng thưởng cho 1,00$, bắt sống được kẻ cướp hay đánh chết được kẻ cướp thời thưởng cho năm đồng (5$,00), nhược bằng đánh cướp mà phải khinh thương thời dân cho từ 1,00$ đến năm đồng (5$,00) làm tiền phục dược, phải trọng thương thời cho mười đồng (10$,00), phải trọng thương mà thành tật, thời cho mươi lăm đồng (15$,00) và cho ngôi kỳ lý, không may mà chết đi thì làng làm ma và cắt kỳ lý đi đưa đến mộ, lại được phối hưởng vào hậu.

Những tiền thưởng ấy đều lấy ở công quĩ mà chi. Hội đồng lại làm đơn trình quan thưởng lục cho những người có can đảm đánh cướp.

Nếu tuần phòng bất lực, trong làng nhà ai mất trộm, ngoài đồng mất hoa mầu, thời hội đồng chiếu tang vật bắt đền tuần phiên phải bồi và phải phạt 0,50$.

Đánh cướp và đóng hỏa

Điều thứ 23 - Trong làng hay ngoài đồng hoặc có quân cường đạo đến cướp phá hay là có đóng hỏa, hàng tuần nổi hiệu ngũ liên, ... trai dân phải tận xuất 18 tuổi giở lên đến 19 tuổi, đều phải mang trúc trượng khí giới tề tựu tại công điếm sở theo với lý dịch hàng tuần ra đánh cướp, hay là chữa cháy, nếu ai khiếm diện thời phải phạt 1,00$ còn như lệ thường, phạt hay cấp cho tiền cũng theo như lệ hàng tuần ở trên.

Tu bổi đường sá

Điều thứ 24 - Các con đường trong các xóm, thôn và đường cái lớn, hễ làm tới đâu thời tuần phiên đốc bắt người trong xóm ấy quét rọn bồi đắp cho bằng phẳng sạch sẽ. Còn đường cái thuộc về công dân và các đường khuyến nông ngoài đồng, để chấp thủy phóng thủy, các con đường chỗ nào có cầu cống, hoặc nên bắc hoặc nên khai, thời tuần phiên sửa soạn cho tiện lợi và trình với hội đồng trị sự để tru khoản mà sửa sang, tu bổ.

Phàm trong làng ai muốn thảo nước qua đường nào thời phải trình lý trưởng cho phép, xong lại đắp lại như cũ. Nếu ai làm hủy hoại đường cống dân hay là tham lam cuốc vạc sâm chiếm thời phải phạt 0,50$.

Phá hủy hoa lợi

Điều thứ 25 - Phàm đương mùa lúa ma, hay là mùa ngô đậu, hoa lợi, hễ ai chăn trâu, bò, ngựa, dê, gà, vịt thời không được thả rong, nếu để tổn hại đến các ruộng lúa, ruộng ma, hoa màu thời phải phạt từ 0,20$ và phải đền thiệt hại cho nhà điền chủ, tái phạm thời phải phạt bội nhị.

Lập bia kỷ niệm

Điều thứ 26 - Trong làng người nào có ơn to với dân như là: lập trường học, lập nghĩa sương hay là quyên trợ giúp về việc công ích vân vân... cùng người nào có nghĩa như là: đánh cướp mà chết, tập trung với dân thời dân phải lập bia kỷ niệm khắc tên người ấy dựng ở đôi bên đình, tả vu, hữu vu, hễ đến ngày đại tiệc thời trần thiết nghi trượng hiến cúng hương hỏa ở các gian đình vũ ấy hội họp đồng dân, cử một người đọc bài diễn văn truy tặng công đức.

Tu lý đình cũ

Điều thứ 27 - Tu lý đình miếu và công sở trong làng, thời hội đồng trù liệu, hoặc cắt cử người làm, hay là đem đấu giá cho làm.

Vệ sinh chung

Điều thứ 28 - Tuần phiên cắt lượt nhau đốc bắt con em tuần phiên quét dọn, sửa soạn các con đường cái lớn công dân cho bằng phẳng sạch sẽ, các rãnh phải khai cho thông còn các đường lối, cửa ngõ lân cận về dân thời người ở đây mỗi buổi sáng phải quét dọn.

Phàm các chuôm, ao hồ, rãnh có nước tù hãm, thời dọn dẹp lấp đi cho sạch sẽ.

Các nơi công sở và chợ quán phải dọn cho sạch, mỗi năm một lần quét vôi.

Phàm các việc trên này, việc nào thuộc về công dân, thời do phó lý và trương tuần đốc sức tuần phủ trông nom sửa sang. Còn những nơi thuộc về nhà tư, thời sai tuần phiên gọi bảo từng nhà phải theo lệnh, nếu ai không tuân mà để bẩn hoặc phóng uế ra đường, thời phải trình hội đồng bắt phạt 0,20$ nộp vào công quĩ, tái phạm thì bội nhị.

Bệnh truyền nhiễm

Điều thứ 29 - Những người phải bệnh truyền nhiễm như là bệnh hủi, bệnh hạch, bệnh tả, lý trưởng phải xét trình quan, đem đi nhà thương. Nếu người nào bất hạnh mà chết về bệnh truyền nhiễm, thời phải bắt chôn ngay và đốt hết cả giường, chiếu, đồ dùng riêng của người bệnh ấy đi.

Nếu ai không tuân thời bắt phạt 1,00$ nộp vào công quĩ và sai tuần đến nhà lấy những đồ ấy đốt đi, nếu không chịu, thì giải nộp quan. Lý, phó hay quản tuần có ý ẩn lậu dấu đi, cũng phải phạt như thế và sẽ trình quan khiển trách.

Thú vật chết

Điều thứ 30 - Những con thú vật như là rắn, bò... vv, mà chết, thời phải bắt đem chôn ngoài đồng, chỗ xa làng, chôn sâu ba thước rồi đổ vôi bột vào cho khỏi khí độc truyền nhiễm, nếu ai không tuân

thời bắt khoản 1,00$ nộp vào công quĩ và giải nộp quan nghị phạt. Những người mà đào trộm thấy trâu bò đã chôn mà ăn thịt, thì cũng phải phạt như trên này.

Nghiêm cấm trộm cướp, cờ bạc, rượu chè và thuốc phiện lậu.

Điều thứ 31 - Những kẻ nào gian phi trộm cắp, thời lý trưởng bắt giải nộp quan trị tội mà truất bỏ ngôi hương ẩm.

Những sự gá, chứa cờ bạc, xóc đĩa, rượu lậu, thuốc phiện lậu đều là nghiêm cấm. Lý dịch quản tuần phải trông nom dò xét, nếu bắt được quả tang, thời phải trình quan xử nghị, mà lại bắt khoản người can phạm nộp vào công quĩ 1,00$. Nếu lý dịch tuần phiên có ý ẩn nặc, hễ phát giác ra, thời lý dịch và tuần phiên phải can cứu.

Những kẻ trộm cắp măng tre, hễ tuần bắt được quả tang thời bắt khoản 0,20$ nộp vào công quĩ, tái phạm, thì bội nhị.

Tạp tụng

Điều thứ 32 - Trong làng có ai kiện nhau về dân sự hay thương sự trước hết phải trình hội đồng hòa giải. Nếu hòa giải xong, thời hội đồng theo kiểu mẫu trong luật, làm hòa giải chứng thư, giao lý trưởng trình quan sở tại vào sổ. Nếu hòa giải không xong, hội đồng vì nguyên bị đi làm chứng trước tòa án, thời bên nào thua kiện, phải chịu phí tổn.

Những việc hình sự, dù không có thể hòa giải, nhưng sự chủ cũng phải trình hội đồng biết. Hội đồng chỉ được lập biên bản hỏi việc hình ấy phát sinh ra làm sao, cấm không được cho tuần phiên sách nhiễu sự chủ.

Hội đồng hòa giải

Điều thứ 33 - Các việc tạp tụng trong làng thì giao một hội đồng hòa giải có ba viên như sau này:

Một viên làm tọa chủ, kêu ở trong sưu thuế người nào thông hiểu luật lệ thì sung làm chức ấy.

Một viên phụ thẩm cũng kén ở trong các tộc biểu.

Một ông cụ trong các bô lão làng.

Lý tưởng cũng được dự vào hội đồng hòa giải để thêm ý kiến cho hội đồng tiện phân xử.

Hội đồng hòa giải thì bầu trong một hạn ba năm theo với hạn lệ Sưu thuế.

Hội đồng hòa giải thì chuyên về việc giải hòa các người trong làng có việc lôi thôi với nhau và khi hòa giải xong rồi thì làm tờ biên bản bắt hai bên ký kết rồi giao cho Lý trưởng đem trình quan.

Hội đồng hòa giải lại xử phạt các điều phạm vào khoản lệ của dân.

Nếu trong hai người đương xử có người nào thân thuộc với một viên nào trong hội đồng, thì viên ấy phải xin hồi ty, để Sưu thuế cử người khác thay tạm.

Điều thứ 34 - Những người phạm vào tội luân thường trừ ra đã có luật nghị sử song dân cũng ghi tên vào sổ kỵ quá.

Điều thứ 35 - Dân sẽ liệu một chỗ làm nhà thuốc phòng khi năm nào lệ khí mà người mắc phải bệnh ấy, thời vào đấy mà uống thuốc.

Người nào chẳng may mà chết ở nhà thuốc, thời người nhà phải mua quan tài mang ra đấy giao cho người coi vào quan. Hạn cho trong hai mươi bốn giờ phải đem chôn, không được ăn uống gì cả. Người nào muốn giả lệ dân, thời phải đợi đến ngày giỗ đầu mới được theo lệ mà làm, nếu ai không tuân dân phạt 1,00$.

Phòng bị lệ khí

Điều thứ 36 - Khi nào thấy các làng lân cận có lệ khí, thì cấm không cho người trong làng ấy vào trong làng mình, mà cấm người làng mình vào các nơi ấy. Nếu ai không tuân, dân phạt 1,00$.

Ở trong làng nhà nào cũng phải quét vôi trong nhà cho sạch sẽ. Hội đồng thường đi khám xét từng nhà, nếu ai không tuân để bẩn, dân phạt 0,20$.

Vu cổ tà thuật

Điều thứ 37 - Phàm những sư đồng cốt, quảng xiên bùa bèn ưu hoặc là phạm luật bất kinh thần minh, nếu trong làng nhà nào có điên tinh thờ tự, khi nào có đánh trống phu khảo thời phải xin phép lý trưởng và nộp vào công quĩ 0,20$ nếu nhà nào không tuân, thì chiếu bắt khoản 0,50$.

Quản nạp châu thổ

Điều thứ 38 - Châu thổ của làng thì định quân cấp như sau này:

Con trai từ 18 tuổi cho đến các cụ lão 60 tuổi..... mỗi người 5 sào.

Các bô lão ngoài 60 tuổi..... mỗi người, 2 sào rưỡi.

Các linh tại ngũ mỗi người 2 sào rưỡi. Người thủ tự 2 mẫu.

Đất hương đăng cho nhà chùa 2 mẫu

Đất hương đăng cho bà đồng giữ hai đền (...) 1 mẫu rưỡi.

Đất hương đăng cho người thủ am (...) 5 sào.

Những cô nhi quả phụ và những người tàng tật không làm ăn gì được (...) mỗi người 2 sào.

Hội Tư văn để chi lễ xuân thu (...) 2 mẫu.

Còn thừa bao nhiêu thì cho những người trong làng lĩnh chừng lấy tiền nộp vào công quĩ.

Hạn ba năm lại chia đất một lần, nếu trong hạn ấy mà người nào chết đi, thì vợ con chỉ được hưởng đến khi hết tang mà thôi, hay là gặp kỳ quân áp lại, cũng không được nữa.

Trước khi chia đất, thì phải vẽ thành địa đồ bản, chiếu nó nhân định phân ra từng phần và đánh số hiệu xong rồi thì hội đồng trị sự tề hồi dân làng để gắp thăm, hễ ai gắp được số nào, thì lấy số ấy, không được kêu nài gì cả.

Mỗi kỳ quân cấp thì nhận định ai nhận phần ruộng, thì phải nộp 1,00$, người nào ăn nửa phần, thì nộp 0,50$ vào công quĩ, còn cô nhi quả phụ và tàng tật lệ được hai sào, thì nộp 0,30$.

Mua bán điền thổ

Điều thứ 39 - Hội đồng trị sự làm ra một quyển công bạ biên những người mua bán công tư châu thổ cho phân minh, giao cho Lý trưởng phụng thủ, hễ người nào mua bán điền thổ phải trình Lý trưởng xét biên số văn tự vào sổ công bạ, cứ một trăm phải nộp vào công quĩ 1,00$. Thủ quĩ biên lai, Lý trưởng áp chiện. Người mua công điền thổ, chỉ cố hủy một năm cũng phải trình văn tự vào sổ công bạ như trên. Công điền nộp quĩ mỗi mẫu 0,50$, công thổ mỗi mẫu nộp 0,30$. Người nào không theo lệ nộp tiền vào sổ, ngày sau có việc lôi thôi, hội đồng không xét.

Biên sổ sinh tử giá thú

Điều thứ 40 - Sổ sinh tử giá thú giao cho một viên thư ký biên chép và lý trưởng trông nom. Hễ ai trình thì phải trước ba ngày, song mỗi tháng những kỳ hội đồng cũng phải đem sổ ấy ra tại đình, trong làng ai sinh hay tử, hay giá thú, phải ra trình trước bạ, không phải mất tiền, hễ ai ẩn lậu không khai, thì phải phạt 0,50$.

Hương tục
Phụng sự lễ nghi

Điều thứ 41 - Việc đèn hương trong đình thì cắt người nào trong làng đã có tuổi và cẩn thận làm thủ từ để phụng sự nhà Thánh và sửa lễ cho dân để lễ thần trong tứ thời bát tiết. Người thủ từ thì phải ở luôn tại đình và nếu sơ khoảng việc phụng sự hay là sửa lễ không được thanh khiết, thì phải phạt lần thứ nhất bốn hào (0$,40), lần thứ hai 1,00$ đến lần thứ ba thì bị đuổi ra và mất cả ngôi thứ trong làng.

Các lễ nghi

Điều thứ 42

1° Lễ chính tiệc: Năm nào cũng đến chiều ngày mồng sáu tháng ba ta, thì dân làm đại tiệc hội họp tại đình, từ bô lão cho đến tráng

hạng từ 18 tuổi giở lên đồng lạc dự tiệc. Ngày hôm ấy hoặc làm bò hay làm lợn và hát xướng để tế thần và cúng các vị hậu và làm lễ hôm yết và hôm tạ, chi phí hạn đến hai trăm (200$,00) mà thôi. Còn như năm nào phong đăng hòa cốc dân đinh vào đám rước sách nghênh tống thì chỉ tiêu hạn chỉ ba trăm đồng (300$,00) mà thôi. Những lễ ấy là chi phí mất nhiều tiền, thì độ hai ba năm mấy vào đám một lần mà không quá ba ngày, song phải có hội đồng trị sự bàn định rồi trình cả đồng dân cùng thỏa thuận mấy được làm.

2° Lễ Thánh Đản các đức bà mẹ tục là lệ Địch Mã: Năm nào cũng ngày hôm 25 tháng Chạp thì dân làng, nghĩa là chức sắc bô lão, tộc biểu, lý dịch, hội tư vấn, nhiều năm và ba bàn trên, hội họp tại đình làm lễ dịch mã. Hôm ấy đình làm xôi lợn, giầu rượu vàng mã, chi tiêu hạn có bốn mươi đồng (40$,00), lấy vào công qũy.

3° Lễ tứ thời bát tiết: Còn như tứ thời bát tiết như lễ ba ngày tết Nguyên Đán, lễ động trống hôm mồng bảy([1]) tháng Giêng, lễ xuân thủ hôm rằm tháng hai, lễ thành dãn hôm mồng một và hôm rằm tháng ba, lễ Hạ Điền hôm rằm tháng tám và những ngày sóc vọng thì làm ỏan quả hay là xôi gà theo như lệ thường, chi tiêu hạn mỗi lễ là ba đồng (3$,00) trừ ra ngày mồng một tết Nguyên Đán thì chỉ năm đồng (5$,00) lấy vào công quĩ, giao cho thủ từ trù liệu. Những thời tiết ấy thì các bô lão lý dịch, tộc biểu trong làng ai lễ, thì hưởng thụ lộc thánh.

4° Tiệc yến lão: Năm nào cũng định ngày hôm 16[2] tháng Giêng thì làm tiệc yến lão để các cụ bô lão nhiều tuổi khao vọng thì biên lễ ra kính thần và trình dân cùng nộp lệ tiền vào công quĩ. Hôm ấy thì làm lễ bằng lợn, xôi, giầu, rượu chi tiêu hạn có hai mươi nhăm đồng (25$,00) và các bô lão các chức sắc, các lý dịch, các tộc hiểu đương thứ và ba bàn trên ra hội họp tại đình hành lễ dự tiệc.

---

[1] Xem điều thứ 1 trong Tập cải bổ.
[2] Xem điều thứ 3 trong Tập cải bổ.

Phục dịch trong ngày đại lễ

Điều thứ 43 - *Phục dịch trong ngày đại lễ.* Những ngày đại tiệc thì cắt giai làng từ 18 tuổi cho đến 25 tuổi theo hương trưởng ra làm lễ và phục dịch cỗ bàn, còn hôm lễ dịch mã và yến lão, thì hương trưởng cắt tuần ra phục dịch về việc lễ.

Việc mua bán lễ vật trong những ngày tiệc, lễ thì cắt ba bàn 12 người từ 19 tuổi giở xuống để tòng giữ hương trưởng sửa lễ.

Chủ tế và bồi tế

Điều thứ 44 - Khi tế thì ông tiên chỉ vào chủ tế, hoặc tiên chỉ đi vắng, thì chánh phó hương nghị hay là một viên cao bàn hơn vào thay, bồi tế thì cắt vào các chức sắc hay là các cụ lão, còn như chấp sự, đọc chúc thì cắt vào các viên trong hội tư văn.

Tế nghi

Trong khi tế tự, các viên tế lễ phải cho kính cẩn, nếu thất lễ kính cẩn thời phải phạt năm hào (0$,50). Những khi tế lễ phàm người nào không có đội khăn thâm mặc áo thâm tử tế thì không được vào đình, nếu bắt được vô lễ như thế, thì phải phạt 0,20$.

Trung đình thứ vị

Điều thứ 45 - ([2]) Những khi đại tiệc và các nghi tiết thì thứ vị ở trong đình định như sau này:

Đặt tiếng một sở để hội đồng trị sự xem xét mọi việc.

Bên đình hữu gian trong: Thời các quan tại chức, các viên có phẩm, các người đỗ đại khoa, nghĩa là những người đỗ tiến sĩ cử nhân tú tài Tây học, đỗ cao đẳng học và những người có tên vào danh dự sách.

Gian giữa: tổng lý đương thứ, tổng lý cựu hương trưởng.

Gian ngoài: Hội tư văn và các tộc biểu đương thứ.

[2] Xem điều thứ 11 và 29 trong Tập cải bổ.

Bên đình tả gian trong: Thượng hạng lão nhiêu, trung hạng lão nhiêu.

Gian giữa: Trương tuần, cai vạn, nhiêu nam, lính trù bị, lính tại ngũ và tam bản.

Ngoài rạp thì bàn tư, bàn năm cứ chiếu niên xỉ mà ngồi.

Khi ở đình có tiệc lệ, nếu ai hỗn độn, không theo thứ vị phẩm chức và niên xỉ hay là thét lạc to tiếng hay làm náo động, thì phải trục xuất ngay và phải phạt 0,50$.

Lệ Nhập Tịch và ngôi hương ẩm ([1]).

Điều thứ 46 - Lệ hương ẩm thì nhà nào có con trai từ năm sáu tuổi giở lên phải nói với tộc biểu họ mình đem trình hội đồng vào sổ dân và nộp vào công quĩ 0,50$, đến khi 18 tuổi thì trình nộp lệ vào công quĩ 1,00$ thì được cấp phần công điền và được dự ngôi hương ẩm.

Những người làng muốn nuôi con, mà muốn xin cho Nhập Tịch, thì phải nộp bội nhị.

Nếu người nào trong làng đến tuổi mà không nộp lệ Nhập Tịch hoặc khi có cần dùng xin giấy chứng chỉ, thì lý trưởng không được hạ triện.

Bán ngôi hương trưởng

Điều thứ 47 - Khi nào trong dân có việc cần, phải bán ngôi hương trưởng, thì niêm yết rồi mới tả đơn lưu không ba chữ. Ai muốn mua hương trưởng, thời phải có nhời với hội đồng bằng lòng, thì thư ký để tên người ấy vào đơn và người ấy phải nộp lệ sáu mươi đồng (60$,00) và tiền khao hai mươi đồng (20$,00) cùng xôi gà lễ Thần rồi hội đồng giao đơn thế cho. Những người mua hương trưởng thì chỉ được thủ vị và trừ tuần tráng mà thôi, không được trừ tạp dịch.

---

[1] Xem điều thứ 24 trong Tập cải bổ.

Khao vọng ngôi tiên chỉ

Điều thứ 48 - Viên nào trong bậc khoa trưởng chức sắc cao hàm hơn cả, thì dân tôn lên làm tiên chỉ và khao vọng thì nộp hai mươi đồng (20$,00) vào công quĩ và xôi gà giầu rượu lễ Thần.

Bán ngôi nhiêu nam

Điều thứ 49 - Người nào đến tuổi đóng sưu thụ dịch muốn mua ngôi nhiêu nam, thời phải nộp vào công quĩ năm chục bạc (50$,00) và xôi gà lễ Thần, rồi dân tả đơn giao cho. Người ấy từ đó được miễn trừ tuần tráng trong làng.

Hoặc khi nào dân cần tiền làm việc công ích, có lệ gọi những nhà có con giai đã lớn tuổi cũng nộp tiền như trên, mà mua nhiêu nam trước cũng được, song lệ bán nhiêu ấy phải có sưu thuế thỏa thuận mới được thi hành.

Ngôi tư văn

Điều thứ 50 - Hội tư văn là những người khoa trường chức sắc, văn bằng, chánh phó tổng, lý phó trong làng, ai cũng phải dự vào hội cả, ai vào chân hội, thì phải nộp vào công quĩ năm đồng (5$,00). Viên nào có phẩm chức hơn, thì đứng đầu hàng tư văn và giữ việc tả văn.

Vì dân có ít văn học nên hãy đặc cách trong mười (10) năm kể từ ngày thi hành lệ tục này, những người trong làng từ 30 tuổi có biết chữ và không can khoản gì, thì được dự vào hội tư văn gọi là nhiêu tế và phải vọng sáu mươi đồng (60$,00) song phải tòa hội đồng xét thực là người đủ tư cách mới được.

Lý dịch khao vọng

Điều thứ 51 - Ngôi thứ lý phó hương trưởng, trương tuần xưa nay có lệ khao vọng nay chiết nộp vào tiền công quĩ như sau này và xôi gà lễ thần:

1° - Lý trưởng ..... 30,00$

2° - Phó lý ..... 20,00$
3° Hương trưởng ..... 20,00$
4° Trưởng tuần ..... 10,00$
5° Cai vạn ....10,00$

Vọng lão

Điều thứ 52 - Làng có lệ lên lão năm mươi, hễ ai đến tuổi cứ ngày đại tiệc sửa 100 giầu, một chai rượu ra đình lễ thần còn tiền khao thì nộp vào công quĩ mười đồng (10$,00) từ đó thì được miễn trừ đê điều tạp dịch, song trước khi vọng lão phải trình hội đồng xét có thanh thản thì mới được, nếu có tên trong sổ kỷ quả, thì phải hoãn lại hai năm mới được vọng. Còn từ 70, 80, 90 tuổi giở lên, mỗi một tiết 10 năm thì cũng sửa giầu rượu lễ thần như trên.

Kính tặng bô lão

Điều thứ 58 - Các cụ bô lão không có (.....) tích gì khi tuổi đến 70, dân làng tặng một cái gậy trúc giá 3$,00, khi đến 80, thì tặng một cái mũ giá 3$,00 và khi đến 90, thì tặng một bức hoành 10$,00.

Vọng vào ngôi quan viên chức sắc (1)

Điều thứ 54 - Các bậc khoa trưởng chức sắc như văn võ từ tứ phẩm giở xuống và những viên đỗ tiến sĩ và cử nhân, tú tài Tây học và thi đỗ cao đẳng học, cũng là tùng sự của công tòa công nha, như là tham biện thông phán, ký lục hay là hàng chánh phó tổng thì đến ngày đại tiệc phải sửa xôi gà ra lễ Thần và nộp tiền khao vào công quĩ hai mươi đồng (20$,00). Còn sự khao vọng ăn uống ra ngoại lệ, tùy ý, ai mời dân, dân có lệ mừng 3$,00.

Bậc quan tước từ tam phẩm giở lên, thì lễ Thần giầu rượu bò lợn tùy tâm, bởi bàn đãi dân thế nào tùy ý, còn nộp vào công quĩ năm mươi đồng (50$,00) nếu có mời dân, thì dân có lệ mừng 10$,00.

---

(1) - Xem điều thứ 12 trong Tập cải bổ.

Lệ mừng

Các hạng quan trường có sắc phong hay là phẩn hoàng, mà mời dân, thì dân có lệ mừng 10,00$.

Lệ phi linh

Điều thứ 55 - Phàm việc thế linh, thì phải theo lệ nhà nước mà điều chế lần lượt. Kén các họ lấy những người mạnh khỏe và những người nào có hai con giai giở lên thì phải lấy một người ra linh, không can án khoản gì và tính hạnh thuần cẩn mà đem ra ứng tuyển. Tiền cấp cho linh, thì theo như lệ nhà nước mới định.

Người linh nào mãn khóa hay là làm nên cai binh, đội trưởng, ngũ trưởng khi mãn về nhà, chưa có tư đội hàm, thì còn theo về ngôi nhiêu. Nếu có phẩm hàm bằng sắc, thì theo vọng như trên.

Khao trình văn bằng

Điều thứ 56 - Những người thì đỗ văn bằng sơ học (certificat primaire) trung học (diplème complémenlaire et brevet élementaire) được phép trình dân nộp vào công quĩ năm đồng (5$,00) và được trừ tuần tráng.

Cheo cưới(2)

Điều thứ 57 - Gái trong làng lấy chồng phải nộp cheo vào công quĩ 1,00$.

Việc tang ma

Điều thứ 58 - Việc tang mà chỉ hạn trong ba ngày là thành phục, tống táng, chứ không được để lâu. Nếu nhà nào có con cháu làm việc quan hay là buôn bán xa chưa về kịp được, hay là vì cớ gì mà phải chậm trễ lại, phải có lẽ chính đáng mới được, nhưng cũng không được để qua một chủ nhật và phải có hội đồng y thuận và

[1] - Xem điều thứ 25 trong Tập cải bổ.

quan cho mới được, song ngộ khi nào thời khí không yên, thời phải tống táng ngay trong 24 giờ.

Trong khi mà chay thì nhà sư chỉ không được làm cỗ bàn mọc mọc gì dân. Có cúng lễ, thì chỉ nêng trong thân thích mà thôi, bỏ không tuân, thời phải phạt 1,00$ và những người đến ăn cỗ cũng phải phạt 1,00$. Chỉ trừ những người ở xa làng cách 5 cây lô mét mà có việc hiếu mới dân làng đi hộ tống, thì được phép làm cơm tiếp, nhưng không được bày biện đồ nấu cao lương gì cả.

Phát dẫn và cắt đô tùy

Điều thứ 59 - Nhà tang chủ định ngày giờ phát dẫn tống táng, thì phải làm giấy xin hội đồng bao nhiêu đô tùy, để hội đồng cắt trai trở đích đi tống táng và xin bao nhiêu đô tùy, thì phải đe đến nhà hội đồng ngay hôm trước bấy nhiêu cái khăn trắng mỗi cái dài ba gang tay để phát cho đô tùy.

Lệ cắt đô tùy thì cứ chiếu sổ từ 18 cho đến 19 tuổi phải vào vai khiêng, còn các bô lão, chức sắc, khoa trường văn bằng, tộc biểu đương thứ thì đi đưa đám và trông nom cho việc tang ma có trật tự, chỉ trừ lý dịch đương thứ và các viên hội đồng trị sự đương thứ và lính tải ngũ mà thôi.

Người nào trong làng phải cắt đi đô tùy mà không đi được, thì phải mượn anh em họ hàng đi thay, nếu hai lần, hay là không chịu nộp phạt, thì dân ghi vào sổ, không cắt đến nữa và về sau nhà người ấy có việc, thì dân không cắt người đi hộ tống cho.

Nộp lệ về việc tang ma(1)

Điều thứ 60 - Khi tống táng về, thì tang chủ phải nộp lệ và tạ dân như sau này:

1° - Lấy 100 đô tuỳ giở lên, phải nộp thượng lệ mười lăm đồng (15$,00), 200 giấu và 2 chai rượu.

(1) Xem điều thứ 32 trong Tập cải bổ.

2° Lấy 50 đô tùy giở lên, phải nộp trung lệ mười đồng (10$,00), 100 giầu và 2 chai rượu.

3° Lấy 20 người đô tùy giở lên thì phải nộp hạ lệ năm đồng (5$,00), 10 miếng giầu, với một chai rượu.

Còn người nào nghèo khổ quá không thể nộp lệ được, thì dân cũng cắt 10 người đô tùy đi hộ tống cho.

Tiền lệ thì nộp vào công quĩ và giầu rượu thì giao cho thủ từ.

Đại biểu về việc hiếu

Điều thứ 61 - Như những viên có chức sắc, đại khoa chức dịch, đương thứ tổng lý thì đồng dân cắt một người chức dịch đại biểu đồng dân đi đưa đến mộ.

Lễ phúng(1)

Điều thứ 62 - Những nhà khoa trưởng, chức sắc những viên hội đồng trị sự đương thứ, tổng lý đương thứ và các cụ từ 70 tuổi giở lên có việc tang mà bản thân, hay là ông bà cha mẹ hay là vợ chính thất, thì đồng dân có lệ phúng 1,00$ cắt người chức dịch vào lễ bái quan. Còn ngoài những hạng trên này, thì về họ nào thì tộc biểu họ ấy thay mặt dân đi đưa đám.

Tế lễ việc hiếu

Điều thứ 63 - Nhà nào muốn theo tục tế lễ thì hài tống táng xong rồi, mà có chân tư văn, thời có thể mời hội tư văn đến tế được. Hội tư văn phải cắt người vào trợ tế cho không được cảo khiếm khi xong sự chủ tạ hội một cái thủ lợn và xôi cùng giầu rượu và nộp vào công quĩ mười đồng (10$,00).

Hậu thần

Điều thứ 64 - Ai nhà nghèo đi xa làm ăn, ở nhà không có ai giúp đỡ, đến nỗi bỏ khoáng, sau lại về xin đóng góp với dân, thời phải sắm một buồng cau tạ thần và phải nộp vào công quĩ mười đồng (10$,00).

(1) - Xem điều thứ 27 trong Tập cải bổ.

Ai đã bỏ làng lâu năm, mà lại nghĩ đến quê cha đất tổ, xin về đóng góp với dân, dân xét căn cước thực là người làng, thời người ấy phải nộp cho dân ba chục bạc (30$,00) và một buổng cau tạ Thần, rồi dân biên tên vào sổ là người mới hồi quán. Như sau muốn mua vị thứ gì, thì cứ chiếu số tiền lệ người vẫn ở làng nộp bao nhiêu thời phải nộp gấp hai.

Những người đến ngụ cư cùng người thê hương mẫu quan, cũng có thể Nhập Tịch với làng, nhưng phải có hội đồng cùng dân làng đều hòa thuận cả mới được; phải nộp lệ sáu mươi đồng (60$,00).

Tổng kết

Điều thứ 66 - Sổ cải lương hương tục này làm theo nghị định số 1949 và 1950 quan Thống sứ Bắc Kỳ ngày 12 Aout 1921, mang so sánh với lệ tục cũ mà châm chước với thời nghị. Vậy những người chức phận phải theo đó mà thi hành, còn những lệ tục cũ điều nào trái với những điều trong sổ cải lương này đều bỏ đi hết. Ai không tuân, thời hội đồng trình quan trừng trị. Ai làm điều gì phi pháp, thì cứ chiếu theo tục lệ mà phạt.

Làm tại làng Phúc Xá, ngày hôm mồng mười tháng hai Tây năm một nghìn chín trăm hai mươi ba.

Phó sưu thuế		Chánh hương hội
Nguyễn Văn Tui		*Nguyễn Thừa Đạt*
Nguyễn Văn ích		Chủ tọa hội đồng hòa giải
Thủy quĩ	Thư ký	Lý trưởng
Đinh Kim Cẩn	Lệ Vỹ	Nguyễn Văn Cổn
Sưu thuế nghị viên		
Nguyễn Ngọc Mỹ		Ngô Văn Chinh
Lê Đăng Thất		Lê Đức Nhung
Nguyễn Phú Thạch		Nguyễn Văn Lai
Nguyễn Văn Tấc		Nguyễn Viết Chuyên
Hồ Như Huệ		Nguyễn Văn Ninh
Lê Quang Khang		

Vu et Transis:
Hoàn long, lê 11 Mai 1925
Lê tri huyện
Trần Xuân

Vu:
Hadong, le 14 Mai 1923
Lê tổng dốc
Hoàng Trọng Phu

Vu:
Hadong, le 15 Mai 1923
P'L'Auministraleur Reisdent
et par Dõlégation,
L'Administrateur - Adjoinl,
(...)

Phụng sao
Chánh hương hội,
Nguyễn Thừa Đạt

HƯƠNG ƯỚC TĂNG BỔ XÃ PHÚC XÁ

Lễ nghi

Điều thứ 1 - (1) Lễ động trống trước đình vào ngày mồng 7 tháng Giêng, nay đổi vào ngày mồng một tết Nguyên Đán. Việc đông trống thì dân chon một ông chức sắc cao hàm hay là một ông cụ vợ chồng song toàn có con cái đề huề vào làm lễ và đông trống cho dân.

Điều thứ 2 - (2) Tiệc yến lão trước đình vào ngày 16 tháng Giêng, nay đổi vào ngày mồng 9 tháng Giêng (.....) và trước ngày yến lão 5 hôm hương hội viết thiếp mời các cụ bô lão. Chi tiêu về việc làm lễ đình từ 25$ đến 30$,00 lấy vào công quĩ để mua lơn gạo hay làm cỗ bát tùy theo sưu thuế đinh vào giao các ông tam bàn cùng các năm bàn chủ liệu.

Du tiệc ấy thì các chức sắc, các cụ bô lão cùng tộc hiểu, lý dịch và hương chức.

Điều thứ 4 - Đề niên cứ vào thượng tuần tháng 7 ta, chọn vào ngày chủ nhật dân làm lễ các bạch hình ở tại am làng và ngày thứ bảy trước hôm ấy thì dân cử một Ban chức dịch có lý trưởng, thư ký, trưởng ba, trương tuần và một ông trong ban lễ nghi thay mặt dân lên hương đình làng Trung Thôn tỉnh Bắc Ninh lễ hương và ra nghĩa địa tảo mộ.

---

(1) Trong quyển Hương ước đã lập ngày 10 Février 1923: (Art. 42 § 5 Page 11).

(2) Art. 4 4 §Page 11).

Điều thứ 5 - Lễ ấy đình trích tiền quĩ số 15$, để ban tam bàn mãi biện lễ nghi rồi giao cho năm bàn sửa lễ.

Các chức sắc, các cụ bô lão, hương lý chức dịch ai ra lễ thì thụ lộc phát.

Điều thứ 6 - Hàng năm cứ ngày mồng 1 tháng Giêng Tây thì hội đồng chiếu sổ từ dưới Tam Bàn, cất lấy 1 bản Tư có 4 người để tùy dữ ông Tư sửa sang lễ nghi và sai bảo các tà khí ở đình khi tứ thời bát tiết trong một năm.

Việc cất thì lần lượt tự trên xuống dưới ai cũng phải cất đến cả chỉ trừ những hàng chức sắc, tổng lý sưu thuế tân cựu và nhiêu nam đã vọng lệ rồi mà thôi. Người nào có đại tang hay đi làm ăn xa vắng thì được phép nộp lệ 3$,00.

Điều thứ 7 - Giỗ hậu năm nào cũng định vào ngày chủ nhật đầu tháng mười An Nam thì làm lễ hợp kỵ các vị hậu tại nhà hậu. Chi tiền đình là 30$,00. Hôm ấy thì chức sắc sưu thuế, lý dịch, hương chức bô lão, tam bàn và các chủ hậu hội tại nhà hậu hành lễ thụ phúc.

Về việc bôi bàn các ngày tiệc lệ của dân

Điều thứ 8 - Các ngày tiệc lệ của dân mà phải bôi bàn thì việc cất cử ấn định như sau này:

1° - 12 ông tam bàn thì 6 ông đản anh trông nom việc cỗ bàn còn 6 ông thì đi mua bán. Khi mua lễ vật về phải trình ban lễ nghi kiểm soát, nếu các lễ vật ấy tốt tươi nhận được thì ban lễ nghi giao cho 6 ông trông nom việc cỗ bàn để sai bảo ban năm bàn làm cỗ. Nếu thứ gì ban lễ nghi không nhận thì phải mua đền để thay ngay.

Những ngày tiệc lệ của dân thì 12 ông tam bàn dù chính suất hay là người đi thay cũng phải có mặt ở đình, mà nhất là những ngày tiệc lệ có lễ túc yết thì không ai được khiếm diện. Ai có phương trở không thể đến được thì phải đệ giấy kiến và 10 khẩu giấu, nếu ai khiếm diện không có giấy kiếu và cũng không đệ trần lại thì sẽ phải phạt.

Những ông tam bàn có phương trở phải mượn người thay thì phải để cử người liền ông và phải đệ giấy trình sưu thuế trước có ý cho mấy được.

2° - 20 người năm bàn thì phải ra làm cỗ, phải theo đúng như giấy khai làm cỗ của sưu thuế định, không được tăng giảm và phải cho rất tinh khiết. Cỗ bàn phải nấu cho tinh xảo, món nào xét ra làm có ý sơ sài, hay không được tinh khiết thì sẽ phải phạt.

3° - Bàn tuần ngoại phải ra tận suất để giữ trật tự cho dân cùng kẻ bẩy, quét tước, lau chùi chỗ ăn ngồi cho sạch sẽ. Trong khi yến ẩm thì hai trưởng tuần phải trông nom sai bảo tuần và phải cắt đích danh từng người đứng hầu các cụ cho được chu đáo. Người tuần nào đứng hầu, không trông nom cẩn thận, để thiếu thốn thứ gì mà không đòi hỏi, để các cụ phải phàn nàn thì sẽ phải phạt.

4 - Tuần thập bát thì phải ra để phụ vào mấy tuần ngoại để tùy tòng sai bảo và phải trông nom điếu đóm phù hoa cho chu đáo.

Tuần ngoại và tuần nội đều phải tuân lệnh của trương tuần cắt cử, nếu người nào ngang ngạnh, thì trương tuần phải làm giấy trình để sưu thuế nghị phạt.

Các ông tộc biểu đương thứ thì phải trông nom cả các việc, thấy sự gì không được chu đáo, thì bảo phải sửa đổi lại ngay, nếu ai không nghe thì làm giấy trình để sưu thuế nghị phạt.

Điều thứ 9 - Trong những ngày tiệc lệ, công việc ban nào làm được chu đáo, khi tiệc xong thì sưu thuế sẽ thưởng 5 quả cau, nếu ban nào làm điều gì thất thố thì sẽ phải phạt. Ban nào cũng phải chịu trách nhiệm liên đới với nhau, nếu một người làm không phải thì cũng như cả ban, nên các ban phải trông nom và bảo nhau cho công việc được chu đáo.

Điều thứ 10 - Các ngày sóc vọng, việc mua lễ vật và sửa lễ thì các ông tam bàn phải cắt cử lần lượt mà làm, mỗi kỳ là 2 ông.

Việc sửa lễ thì trương tuần phải cắt lần lượt mỗi kỳ sóc vọng 2 người tuần để tùy phái với hai ông tam bàn,

còn những khi đi lễ giáp các nghĩa áp, việc mua lễ vật cũng sửa lễ cũng giao cho ban tam bản trù liệu.

Lệ khao vọng

Điều thứ 11 - (*) Những danh dự viên nghĩa là những người có công lớn với dân và những viên đỗ đại khoa đã kê liệt trong điều thứ ... lệ này thì phải khao vọng chiết nạp 50$,00 vào công quĩ. Các viên đại khoa về vinh quy thì dân cư đại biểu có phường nhạc và có trống đón rước cho trong thổ. Nếu có mời dân thì dân mừng một câu biểu. Lấy là câu đối đăng 15$,00.

Điều thứ 12 - (*) Lệ vọng các viên chức sắc trước định có 20$,00 nay định lại là 10$,00, còn ngoài ra thì vẫn theo lệ cũ mãn khoá mà không can khoản gì, trừ ra viên nào đã có phẩm hàm khao vọng dân sự thì thôi; còn người nào chưa có thứ vị được vọng ngang bằng chánh phó tổng. Lệ vọng thì phải nộp chiết can 10$,00 vào công quĩ. Nếu có làm rượu mời dân thì dân có lễ mừng 3$,00.

Điều thứ 14 - Các viên thư ký, thủ quĩ, bộ lại, trưởng ban chánh hoà cải mãn khóa sáu năm thanh khoản thì được vọng ngôi thứ ngang hàng lý trưởng. Lệ vọng chiết cao 30$, vào công quĩ và xôi gà giữ rượu lễ thần, nếu có mời dân thì có lễ mừng 2$,00.

Điều thứ 15 - Phó thư ký, phó thủ quĩ, phó hộ lại, phụ thẩm ban hoà giải mãn khóa sáu năm thanh khoản thì được vọng ngôi thứ ngang hàng lý trưởng. Lệ vọng chiết cao 30$, vào công quĩ và xôi gà giữ rượu lễ thần, nếu có mời dân thì có lễ mừng 1$,00.

Điều thứ 16 - Các tộc biểu mãn hạn khóa 12 năm được thanh khoản thì được vọng vị thứ ngang hàng phó lý, lệ vọng thì chiết nạp 20$,00 vào công quĩ và sửa giữ rượu xôi gà lễ thần. Nếu có mời dân thì dân có lễ mừng 1$,00. Tộc biểu nào làm được nhiều việc có đặc

(*) ... trang 13)
(*) ... trang 14)

sắc, tương hội xét thực là người có công lao khi mãn khóa sau hơn thì được các cách vong ngôi thứ như lúc biếu tâm được 12 năm.

Điều thứ 17 – Những người cai linh, đội trương, ngũ trưởng thường khi mãn khóa chưa được phẩm hàm, nhưng nếu có đủ văn bằng chứng cớ thì cũng được vong ngôi thứ đội trương ngang hàng lý trương và cai binh ngũ trương thì ngang hàng phó lý. Lễ vong danh là: đội trương thì 30$, còn cai binh ngũ trưởng thì 20$, chiết nạp vào công quĩ và sửa xôi gà lễ thần.

Những người linh bị ban thì được vong ngôi thứ đối hàng nhiêu năm, lễ vong chiết nạp vào công quĩ 15$ và giầu rượu xôi gà lễ thần.

Điều thứ 18 – Trong làng viên nào được phong tặng phụ mẫu, phẩn hoàng có xin ân dẻ rước sắc thì phải nộp lễ vào công quĩ 50$ và sửa lễ thần, giầu, rượu, bò, lợn tùy tâm, nếu có mời dân thì có lễ mừng 15$,00.

Điều thứ 19 – Những người tiết phục được thụ hoàng ân tỉnh biếu có xin dân làng rước sắc thì phải nộp lệ 50$,00 vào công quĩ và sửa lễ thần, giầu rượu bò lợn tùy tâm, nếu có mời dân thì dân có lễ mừng 5$,00.

Điều thứ 20 – Các viên chức sắc, nếu được thăng hàm phải sửa giầu rượu lễ thần trình dân tuyên sắc và nộp lễ thăng hàm 3$,00 vào công quĩ và có ăn mừng mời dân thì dân có lễ mừng như khi mới vong thụ sắc.

Điều thứ 21 – Trong làng, ai đến tuổi lên ngôi tam bản thì cứ mỗi viên lão, sửa giầu rượu ra đình lễ thành trình dân và nộp lễ 1$,00 vào công quĩ; từ đây sẽ được miễn tuần tráng.

Các viên chức sắc cùng các hương chức đã khuất vong thì lễ cũng rồi, khi đến tuổi lên tam bản thì không phải sung vào việc ấy, nhưng phải nộp lễ là 3$,00 vào công quĩ và giầu rượu.

Điều thứ 22 – Người nào đến 50 tuổi lên lão mà bỏ khoáng nộp lễ tam bản sẽ không biên tên vào sổ hương lão và dân sẽ thu lấy phần đất sung công.

Nếu về sau lại xin vọng lão thì phải nộp bội nhị và phải đứng sau các lão nhiêu cùng vọng năm ấy.

Ngôi thứ hội nhạc

Điều thứ 23 - Trong làng có hội nhạc để khi việc lệ ra đình ứng trực và dân cấp cho hội ấy mỗi năm 21$,00 và trừ tuần cho những người có chân hội. Người hội trưởng làm sáu năm thanh khoản thì được phép vọng 10$,00 vào công quĩ và giầu rượu lễ thần để dự ngôi thứ ngang bằng nhiều năm, nếu mà làm việc trì trệ thì chỉ được trừ tuần thôi còn những người hội được miễn tuần và nếu có lỗi gì thì không được miễn nữa.

Lệ Nhập Tịch

Điều thứ 24 - ([1]) Nhà nào có con giai lên sáu tuổi thì phải khai với sưu thuế xin Nhập Tịch và nộp lệ là 0$,30 vào công quĩ, nếu để quá tuổi ấy mới xin khai Nhập Tịch thì từ 7 tuổi đến 17 tuổi phải nộp lệ quá tuổi mỗi tuổi là 0$,30 vào công quĩ, từ 18 tuổi giở lên mới xin Nhập Tịch thì phải chiểu từ người đã vào làng rồi mà lại bỏ, hay là đời cha đã bỏ khoáng, đời con lại xin vào làng thì phải theo khoản thứ một và thứ hai điều 65 trong hương ước.

Lễ lan nhai

Điều thứ 25 - ([2]) Nhà nào có con gái gả chồng, người làng khác thì phải nộp lệ giai 1$,00 và một trăm giầu, một chai rượu và phải chiết nạp vào công quĩ 4$,00 thay cỗ xôi con lợn theo lệ cũ.

Điều thứ 26 - Nhà nào con gái gả chồng người trong làng thì không được sách nhiễu tiền nong sinh lễ nhiều, trừ ra lễ vấn danh, lễ nạp thái, thân nghênh, còn thì nhà gái chỉ được lấy bên nhà giai giầu cau lễ vật và đủ số nữ trang thôi.

[1] Art. 46 "page 12" trong tập Tục lệ.
[2] Art. 57 "page 13"

Nếu ai không tuân, sách nhiễu tiền tài như việc mua bán người, lý dịch xét ra thì phải trình hương hội để làm niêm yết tại đình cấm không ai được đến ăn cỗ nữa và gia chủ phải phạt 1$,00.

Khánh điếu

Điều thứ 27 - ([1]) Các cựu tộc biểu, các cựu lý dịch và các bô lão từ 50 tuổi giở lên khi tạ thế thì dân sẽ sửa lễ viếng 1$,00 và cử người chức dịch và mấy ông bô lão đi đưa đám, còn những viên đương tại chức và các cụ từ 70 tuổi giở lên theo điều thứ 61 trong hương ước.

Điều thứ 28 - Trong làng ai có việc hỉ khánh như là: khao, trình văn bằng, mừng thọ, đám cưới, nếu có mời dân thì dân có lệ mừng 1$,00.

Trung đình thứ vị

Điều thứ 29 - ([2]) Trong khi tiệc lệ các tiết thì thiết một chiếu tại giữa đình gọi là "Danh dự Tịch" để riêng những viên có công lao lớn với dân, đã được tên ghi vào "danh dự sách" và những viên đại khoa trưởng như Pháp học, tiến sĩ, những ông đỗ bác vật, đỗ Ecole Polytechinique. Ecole Normale Supérieure, Ecole Centrale bên Pháp.

Còn các viên chức khác thì đặt ngôi như sau này.

A. Đình bên tả

Chiếu thứ 1 - Tiên chỉ, chánh phó hội đồng kỳ hào chức sắc, khoa trưởng như đỗ cử nhân tú tài Tây học, đỗ cao đẳng học.

Chiếu thứ 2 - Các chánh phó tổng, chánh phó hội đã vọng rồi.

Chiếu thứ 3 - Lý trưởng, thư ký, thủ quĩ, hộ lại, trưởng bạ, chánh hòa giải, tộc biểu đương thứ, đội trưởng.

Chiếu thứ 4 - Phó lý, phó thư ký, phó hộ lại, phó trưởng bạ, tộc biểu cựu đã vọng rồi, cai binh, ngũ trưởng, hương trưởng, nhiêu tế, trương tuần, cai vạn, nhiêu nam.

---

[1] Art. 62 "page 1" trong tập Tục lệ

[2] Art. 45 "page 12"

Chiếu thứ 3 - Các bà tiết phụ có thụ hoàng ân tình hiếu cùng các bà có công đức lớn lao với dân và các bà vợ các ông đã có ngôi thứ trong dân.

B. Đình bên hữu

Chiếu thứ 1 - Các cụ thượng hạng lão từ thất tuần giở lên

Chiếu thứ 2 - Các cụ trung hạng lão lục tuần.

Chiếu thứ 3 - Các cụ lão ngũ tuần.

Chiếu thứ 4 - Các ông tam bản đã vọng lệ rồi.

Chiếu thứ 5 - Các lan nhai về lễ giải.

Chiếu thứ 6 - Tại khoản thứ 12 trong hương ước có đặt thứ vị cho nhân định tại đình trong ngày đại tịch, nhưng nay bãi đi, nghĩa là những người đuổi tam bản không còn có thứ vị tại đình.

Trung đình hành lễ

Điều thứ 31 - Khi hành lễ ở đình tại chiếu lễ phân ra làm bốn hàng như sau này:

Chiếu thứ nhất - Tiên chỉ, danh dự viên, các chức sắc, các khoa trường như là đỗ tiến sĩ, cử nhân tú tài Tây học, đỗ cao đẳng học, chánh phó tổng, chánh phó hương hội và đã vọng lệ rồi, các cụ thượng hạng lão thất tuần giở lên đã được dân tăng trương mạo và hoành phi cùng các bà tiết phụ và các bà có công đức lớn lao với dân.

Chiếu thứ hai - Các cụ lão ngũ lục tuần, lý trưởng thư ký, thủ quỹ, cai tại, trương ba, chánh hòa giải, tộc biểu dương thư và đội trưởng.

Chiếu thứ ba - Phó lý, phó thư ký, phó thủ quỹ, phó trưởng ba, cai tộc biểu, cai bếp ngũ trưởng, hương trưởng, trương tuần, cai vạn, nhiêu tế, nhiêu nam, linh bị ban, tinh tại ngũ đã vọng lệ và tam bản.

Chiếu thứ tư - Giai dân từ 18 tuổi giở lên.

Còn các bà, khi có tiệc lễ ra đình lễ thánh thì cứ chiếu thứ vị của các ông bà mà hành lễ.

Lễ tang ma

Điều thứ 32 - ([1]) Trong dân người nào có việc hiếu xin đồ tùy:

Đến 20 người thì phải nộp lệ 2$,00

Đến 30 người thì phải nộp lệ 5$,00

Đến 50 người thì phải nộp lệ 10$,00

Đến 70 người thì phải nộp lệ 15$,00

Đến 100 người thì phải nộp lệ 20$,00

Tiền lệ ấy thì nhà hiếu chủ đệ đơn xin đồ tùy thì phải nộp ngay, nhưng nhà nào chưa lo kịp thì phải làm giấy khất và có chứ tộc biểu chứng nhận và hạn trong 5 hôm phải nộp, nếu để quá hạn hay không nộp thì sẽ ghi vào sổ là nhà người ấy thiếu đóng góp với dân. Đơn xin đồ tùy phải đệ trước 24 giờ.

Còn thì vẫn theo lệ cũ trong hương ước mà sửa biện. Khi ông chủ tọa ban tang ma tiếp được giấy của hiếu chủ xin bao nhiêu đồ tùy thì phải phát giấy lĩnh áo trắng đủ số và cho mang đến nhà hiếu chủ.

Điều thứ 33 - Các đồ tổng chung như là đòn đại dư và linh dư, linh xa bằng gỗ; cờ trống, áo trắng vân vân, thì người trong dân, ai có việc tang ma cũng được phép dùng cho long trọng. Nhưng khi đệ đơn xin đồ tùy thì sự chủ phải nói rõ trong đơn rằng mình xin bao nhiêu đồ tổng chung.

Còn người sự chủ nào không muốn dùng đến cũng được tùy ý.

Điều thứ 34 - Những danh dự viên tạ thế, khi tổng táng thì dân trước một cái bức trướng có bốn cái tua và cờ biển cùng cắt chức sắc hai viên y cân tể chính và hai cụ lão, áo thụng thân đi hành tổng và viên chánh hội phải đọc một bài diễn văn khi ha huyệt truy tặng công đức lúc bình sinh đối với dân làng.

Kinh biếu

Điều thứ 35 - Ngày tiệc yến lão thì có lệ hiếu như sau này:

([1]) Art. 60 "page 16" trong quyển Tục lệ.

Tiên chỉ, các danh dự viên và các viên đại khoa mỗi ông sáu quả cau, chức sắc, khoa trưởng, chánh hào mục, chánh tế, điển văn, chánh phó sưu thuế và các cụ từ 80 tuổi giở lên mỗi viên năm quả cau, chánh phó tổng mỗi viên bốn quả, các cụ lục tuần giở lên và các bà tiết phục, các bà công đức lớn với dân, các viên trị sự trong sưu thuế và lý phó trưởng, cai đội ngũ trưởng mỗi viên 3 quả. Các cụ 50 tuổi và tộc biểu mỗi người hai quả, hương trưởng, trương tuần, nhiêu tế, nhiêu nam, lính bị ban và tam bàn đã vọng lệ rồi mỗi người một quả.

Những các hạng được dân biếu phần cau thì dù có mặt hay đi vắng cũng phải biếu.

Mục hương chinh - Chức dịch phát thệ

Điều thứ 36 - Các viên chức dịch trong làng, như chánh hội đồng kỳ mục, chánh phó sưu thuế, thủ quĩ, thư ký chánh hòa giải lý phó trưởng, tộc biểu, trương tuần, khi nhận chức việc phải minh thệ trước thánh tiền, xin cam đoan hết bụng thành thực, hết lòng liêm chính trong khi giúp dân và nếu có lòng hà lạm của công hay là có bụng thiên tư để mất sự công bằng trong dân thì xin chịu tội "thiên chu địa giệt". Khi phát thệ thì làm ra hai bản minh thệ, một bản đốt ngay trong bình hương, còn một bản lưu trữ.

Những việc đã minh thệ mà không giữ nhời thề lại can phạm điều gì xét ra được thì sẽ phải phạt nặng gấp hai người khác và trình quan bãi dịch ngay và ghi tên vào sổ "ký quá".

Lệ trừng phạt

Điều thứ 37 - Những người nào bị phạt ngân mà không nộp thì phải ra điếm canh hay là trong dân có cần phu dịch để làm việc gì thì cắt đến những người ấy trước. Bị phạt từ 0$,10 cho đến 1$,50 thì phải canh trong 24 giờ và từ 0$,60 cho đến 1$,00 thì phải canh trong 48 giờ. Trước khi bắt đi canh thì phải đưa giấy đòi một lần cuối cùng nói rõ ràng nếu không nộp thì phải đi canh. Cái giấy ấy phải đưa cho người bị phạt lấy chữ ký làm bằng. Nếu người ấy đi vắng hay là lánh

mặt biên bản trình cho sưu thuế biết rằng đã dán ngày nào và giờ nào rồi.

Điều thứ 38 - Những người nguyên cáo hay là bị cáo, sưu thuế hay là ban hòa giải, xét việc có giấy đòi mà không đến thì lần thứ nhất phải phạt 0$,50. Đến lần thứ hai lại đòi không đến thì phải phạt 1$,00. Nguyên cáo không đến mà cũng không có giấy cáo thì việc kiện bỏ đi không xét nữa. Giấy đòi lần thứ hai cũng phải lấy chữ ký làm bằng, mà nếu người đương sự đi vắng, hay là lánh mặt không nhận thì phó lý cũng cứ dán tại cửa nhà và làm biên bản như trên này, sưu thuế hay hòa giải cứ việc nghị xử khuyết tịch, nhưng nếu việc cần phải đòi đến hỏi mới xét được thì đến lần thứ ba ban hòa giải trình với chánh hội cho tuần đi bắt đến.

Người nào sưu thuế hay ban hòa giải đã xử mà bất phục tình, nếu đi thưa nơi khác mà cũng sử như thế thì người ấy phải phạt theo điều thứ 32 trong hương ước.

Điều thứ 39 - Những người bị phải phạt ra điếm canh hay là đi phu dịch thì phải ghi tên vào sổ kỳ quả để sau này khi lên ngôi thứ thì phải hoãn lại một năm.

Điều thứ 40 - Trong khi dân hội họp tại đình để dự tiệc lễ hay là khi hương hội họp hội đồng mà người nào say rượu đến làm huyên náo hay là nói những điều vô lễ, hay là không được phép nói cũng cứ nói, làm ngăn trở việc hội đồng thì ông chủ tọa được phép sai tuần trục xuất ra ngoài, theo điều thứ 45 trong hương ước. Nếu người ấy kháng cự không chịu thì hội đồng, trị sự làm ngay nghị định bắt ra điếm canh 24 giờ và trình sưu thuế nghị định cheo ngôi thứ từ 1 đến 10 năm.

Điều thứ 41 - Người nào bị hương hội phạt mà lại không tuân rồi lại báng bổ hương hội hay là lập bè đảng để chống cự lại thì Sưu thuế sau khi giao cho hội đồng hòa giải xét đích thực thì có quyền truất người ấy xuống ngôi dưới hay là xuống tráng hạng tùy theo nặng nhẹ. Những nghị định của sưu thuế trước khi thi hành phải có hội đồng kỳ hào duyệt y mới được.

Điều thứ 42 - Trong làng có người nào dùng đầu xui nhận dinh chống cự với sưu thuế hay là hợp nhiều người để phản kháng sưu thuế hay là làm nhiều loạn trong dân cùng là làm giấy công nhiên bảng bố một cơ quan nào của dân thì phải truất ngôi trừ ngoại, không kể là người trong dân và không được dự vào hương sư nữa, cùng bị lấy lại phần đất công điền. Trước khi sưu thuế nghị định truất ngoại thì phải giao hội đồng hòa giải xét dích thực và phải có hội đồng kỳ hào đồng ý duyệt y mới được thi hành.

Những người bị truất ấy nếu lại cứ hành động phản đối hoặc công nhiên, hoặc làm ngầm nhưng có chứng cớ thì sưu thuế làm biên bản rồi đồng ý với hội đồng kỳ hào trình quan trên nghiêm trị.

Chức dịch lương bổng

Điều thứ 43 - Cải đổi khoản thứ 8 trong hương ước lương lý trương trước cấp mỗi năm 96$, nay giam xuống 72$.00.

Điều thứ 44 - Cải đổi khoản thứ 16 trong hương ước lệ thế tuần ngoại nay định tăng lên 10$.00 và tuần nội thì nộp lệ thế là 3$.00 như phải hợp điều lệ trong hương ước mới được nộp lệ thế tuần.

Điều thứ 45 - Chức phó lý trước không cố định lương nay dinh cấp cho mỗi năm 21$.00

Học phi trợ cấp

Điều thứ 46 - Mỗi năm dân trả một món tiền trong sổ chi thu gọi là tiền "học phí" để cấp cho những thanh niên trong làng có khiếu thông minh xuất sắc mà có giấy của quan đốc nhà trường nhận thực nhưng nhà nghèo không thể đi học được, để cho theo học lên cao đẳng, hay là học công nghệ.

Tiền cấp thi định từ 3$.00 cho đến 6$.00 một tháng trong hạn 3 năm. Nếu người học trò nào hết hạn ba năm chưa học đến nơi mà quan đốc nhà trường cho (...) tốt thì có thể xin tái han được một lần nữa, mà nếu học vào khoa nào còn cần phải học thêm nữa mới thành tài thì phải đệ giấy trình sưu thuế để xét định.

Điều thứ 47 - Người học trò được tiền cấp của dân thì cha mẹ phải làm tờ cam kết khi thành tài đi làm được tiền thì phải bỏ một phần tư lương ra để giả dân cho kỳ hết số tiền học phí của dân đã cấp cho.

Điều thứ 48 - Những học trò ăn lương cấp nếu vì nỗi xấu phải đuổi hay nửa chừng bỏ học thì cha mẹ phải bồi tiền cấp lại cho dân.

Điều thứ 50 - Người trong dân ai muốn xin tiền cấp thì làm đơn trình sưu thuế nói xin bao nhiêu tiền và xin học nghề gì để hương hội xét thực đúng sẽ cấp cho.

Điều thứ 51 - Các điều hương tục tăng bổ ấy, hương hội đã y chuẩn trong kỳ hội đồng họp ngày 2 Septmbre 1931 và hội đồng kỳ mục đã chuẩn y.

Phó sưu thuế	*Chánh hương hội*
Chủ tọa hội đồng hòa giải	*Nguyễn Văn Trong*
Lý trưởng	*Thủ quĩ*
Nguyễn Văn Cổn	Nguyễn Văn Nho

HƯƠNG ƯỚC LÀNG NGỌC HÀ

Tổng Nội, huyện Hoàn Long

Mục lục

Phần thứ nhất: Chính trị

- Tổ chức Hội đồng tộc biểu (từ điều thứ nhất đến thứ mười bẩy)
- Quan kỷ (điều thứ 18)
- Sổ chi thu
- Tiền thu
- Tiền chi (từ điều 18 đến điều 35)
- Lý phó trưởng (từ điều 36 đến điều 40)
- Bổ sưu thuế (từ 41 đến 47)
- Sự kiện cáo (từ 48 đến 52)
- Canh trong làng (từ 53 đến 61)
- Canh ngoài đồng (từ 62 đến 71)
- Sự cứu cấp (từ 72 đến 73)
- Sự vệ sinh (từ 74 đến 80)
- Đường sá, cầu cống và đê điều (từ 81 đến 85)
- Sự vệ nông (từ 86 đến 90)
- Các của công (từ 91 - 93)
- Xét gian lận (từ 94 đến 96)

- Sự giao thiệp (từ 97 đến 99)
- Sự giáo dục (từ 100 đến 103)
- Ngụ cư ký tảng (từ 104 đến 106)

Phần thứ hai: Tục lệ - Hôn lễ
Tang lễ - Khao - Vọng - Vị thứ trong làng

Chủ ý cải lương

Khoản ước của làng lưu truyền từ xưa hoặc chỉ khẩu truyền mà không có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần nên cải lương, suy xét hợp tình đời nay, so sánh khoản lệ thủa trước, điều nào hại thời đổi, điều nào lợi thời theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu, dân làng có trật tự, sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà cải thêm.

Phần thứ nhất
Nói về chính trị
Tổ chức Hội đồng tộc - biểu

Điều thứ nhất: Các họ hợp lại mà nên một làng bởi thế việc làng do các họ cử người thay mặt để mà trông coi gọi là tộc biểu.

Điều thứ hai: Cách thức bầu tộc biểu theo như nghị định ngày 12 tháng Tám năm 1921.

Điều thứ ba: Tư cách tộc biểu là tuổi từ 25 giở lên, thông thái, có gia sản, không can phạm phạt giam. Tộc biểu giữ việc 3 năm là một hạn.

Điều thứ tư: Hết hạn 3 năm cử lại một lần, ai được tái cử thời lại được làm nữa, những người đương làm tộc biểu thời được trừ tạp dịch như là canh phòng trong làng và tu bổ đường sá.

Điều thứ năm: Chức vụ tộc biểu là phát nghị và quyết định việc làng dựng sổ chi thu và kiểm soát sổ ấy...

Điều thứ sáu: Các tộc biểu tự chọn một người trong ban làm Hội trưởng và một người làm phó trưởng, khi có Hội đồng do hội trưởng bảo cáo, nếu Hội đồng ngăn xử việc gì thì phó hội trưởng bảo cáo.

Điều thứ bảy: Hội đồng lại bầu hai người trong ban, một người thông hiểu thư toán làm thư ký để biên sổ sách và một người giàu có làm thủ quĩ để giữ tiền công.

Điều thứ tám: Nếu trong ban không thể bầu được người làm thư ký hoặc thủ quĩ thời Hội đồng chọn được người làng mà bầu người được làm thư ký hoặc thủ quĩ thời được quyền dự Hội đồng.

Điều thứ chín: Trừ ra khi có việc cần mở Hội đồng bất thường, còn thời mỗi tháng cứ ngày mùng một, ngày rằm Hội đồng một lần để bàn việc làng, say rượu thời cấm không được dự Hội đồng.

Điều thứ mười: Được quá nửa số người trong ban dự Hội đồng thời có thể làm việc được, bàn xong thời phải giải tán ngay, không được ngồi lâu mà bầy cuộc tửu phiếm...

Điều thứ mười một: Hội đồng làm việc gì phải làm biên bản, tờ biên bản phải có chữ ký của những người hội viên hiện tại và phải để vào công hàm để mà lưu chiểu.

Điều thứ mười hai: Tộc biểu mắc bệnh không đến hội được thời phải có nhời cáo để Hội đồng biết. Nếu ai không có duyên cớ đích thực tự bỏ đến hai lần thời Hội đồng phải bảo họ ấy cử người khác thay.

Điều thứ 13: Đương lúc Hội đồng nếu có ai trong làng theo lễ phép mà hỏi điều gì thời Hội đồng cũng phải theo lễ phép mà đáp lại một cách minh bạch cho người ta biết.

Điều thứ 14: Những việc Hội đồng bàn được quá nửa số người ấy hợp thời đem thi hành nếu ý kiến không hợp thời phải bỏ phiếu nhưng một phiếu của trưởng hội được thành hai, hoặc bầu bằng cách dơ tay, hoặc bầu bằng cách bỏ phiếu kín, cũng phải bắt đầu từ người tộc biểu họ nhỏ nhất bầu trước rồi tộc biểu dần dần đến họ lớn nhất là hết.

Điều thứ 15: Khi có lệnh quan tòa án hoặc quan cai trị cần hỏi đến làng thời Hội đồng tự chọn nhiều là hai người trong ban đi mấy lý trưởng.

Điều thứ 16: Trừ ra những khi có lệnh quan trên bắt làm thời không thể, còn những khi quan trện hỏi ý kiến về những việc quan hệ và quyền lợi chung cả làng thời hai người tộc biểu và lý trưởng không được tự quyết mà trình quan ngay, phải xin phép về mở Hội đồng nếu được mọi người ý họp rồi sẽ trình quan.

Điều thứ 17: Tộc biểu và lý trưởng làm việc làng mà không đi ra trong 5 cây số làng không phải chi lộ phí - Quá số ấy thì làng phải chi mỗi ngày 0.40$.

Điều thứ 18: Quan kỷ - Tộc biểu nếu làm việc gì trái hương ước hoặc cả Hội đồng, hoặc một họ nào trong làng giắt ra thời chức sắc kỳ lão trong làng họp Hội đồng mà cứu xử. Hội đồng chức sắc kỳ lão này có quyền quở trách hay phạt tiền từ 0.10$ đến 1.00$ hay không cho dự hội nữa. Người nào làm mất tư cách đã nói ở điều thứ 3 hay là làm tổn hại quyền lực của làng thời Hội đồng chức sắc kỳ lão bãi chức người ấy. Nếu Hội đồng xử không xong hay người có lỗi không hợp tình, thời Hội đồng sẽ biên bản trình quan.

Sổ chi thu

Điều thứ 19: Muốn cho trong làng chi tiêu có chừng mực để khỏi tốn dân thời phải làm sổ chi thu.

Điều thứ 20: Thường năm cứ mùng một tháng một lấy các tộc biểu hội họp dự tính sang năm thu những tiền gì, tiêu những việc gì rồi làm thành sổ, Hội đồng ký kết trình quan sở tại kiểm sát đệ tỉnh bẩm duyệt, đến ngày một tháng Giêng Tây mấy được thi hành.

Điều thứ 21: Sổ chi thu của làng do hội trưởng giữ. Hội trưởng được quyền cho phép thu phát những số tiền đã dự định ở trong làng.

Tiền thu

Điều thứ 22: Thủ quĩ nhận được tiền của ai phải biên vào sổ rằng cưa rồi giao cho người nạp tiền một cái giấy biên lai. Thư ký thời phai chép ngay vào sổ chi thu ở khoản đã dự định cho thu món tiền ấy.

Điều thứ 23: Ai nộp tiền cho một người nào mà không có thủ quĩ biên lai thời tiền ấy coi như chưa nộp.

Điều thứ 24: Ngày nào chi việc gì thời lập tức hôm ấy phải làm biên bản vào sổ chi tiêu, về khoản gì thời phải biên vào chương đã để dành để biên vào khoản ấy.

Điều thứ 25: Làng có chi tiêu bất thường, các tộc biểu phải mở Hội đồng nói rõ vì cớ gì mà tiêu mà tiêu là bao nhiêu. Biên bản ấy phải trình quan tỉnh duyệt y trước rồi mới được thi hành.

Điều thứ 26: Những món tiền thủ quĩ chi ra mà không có chữ hội trưởng thời không kể. Hễ ai đến lĩnh tiền thời thủ quĩ bắt người lĩnh tiền ấy giao cho một cái phái lai xé sổ răng cưa ra và có chữ của hội trưởng chữ ký hay là điểm chỉ của người đến lĩnh tiền ấy, cứ cuối năm Hội đồng kiểm quĩ một lần và phải làm biên bản lưu chiểu.

Điều thứ 27: Hết năm thời Hội đồng tính sổ xem số tiền thực thu vào là bao nhiêu, tiền thực chi ra là bao nhiêu, tiền còn lại bao nhiêu, yết thị tại đình ít ra là một tháng để dân cùng biết. Hễ khi yết thì phải cho mõ đi rao.

(Thiếu từ điều thứ 28 đến điều thứ 33)

Điều thứ 34: Muốn cho làng tin cậy các tộc biểu và tộc biểu làm hết bổn phận vậy nên những người có chân Hội đồng thời vợ con người ấy không được vay tiền của làng.

Điều thứ 35: Làng sẽ tùy sổ chi thu trong làng mà phụ cấp Trưởng hội, Thư ký và Thủ quĩ. Số tiền phụ cấp ấy bao nhiêu biên vào sổ làng.

Lý phó trưởng

Điều thứ 36: Lý trưởng là người thay mặt làng mà thừa hành việc quan. Phó lý là người giúp việc lý trưởng.

Điều thứ 37: Chánh phó lý không có quyền tự quyết định được việc làng, phải theo ý chung của các tộc biểu.

Điều thứ 38: Lý phó trưởng là người hành chính trong làng đều được dự chân Hội đồng. Trong làng có chánh phó tổng thời cũng vậy.

Điều thứ 39: Làng sẽ trích ruộng công cấp cho lý trưởng một mẫu năm sào và phó lý trưởng 7 sào rưỡi để chi phí làm việc quan

(Thiếu từ điều thứ 40 đến điều thứ 47)

Sự kiện cáo

Điều thứ 48: Trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay thương sự, trước hết phải trình Hội đồng hòa giải.

Điều thứ 49: Hội trưởng tiếp ai trình, thì phải mở Hội đồng lấy lẽ chính đáng và tình thân ái hòa giải cho hai bên. Nếu hòa giải xong, thì theo kiểu trong luật làm hòa giải chứng thư giao lý trưởng trình quan sở tại biên số.

Điều thứ 50: Việc hòa giải không xong, Hội đồng vì nguyên bị mà phải đi làm chứng tòa án thời người thưa kiện phải chịu phí tổn.

Điều thứ 51: Những việc hình sự, dù không thể hòa giải, những người đương sự phải trình Hội đồng biết.

Điều thứ 52: Hội đồng xét hỏi duyên cớ hình sự phát ra, làm biên bản trình quan, chứ không được bắt vạ, hay là cho tuần tráng sách nhiễu nhà chủ.

Canh trong làng

Điều thứ 53: Canh phòng để giữ tính mệnh, tài sản của làng, thì hết thảy cả làng từ 18 tuổi đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm trừ ra những chức sắc, khoa mục, người hiện làm việc quan các sở, người đi làm việc quan các trường, người chưa đến tuổi và người tật bệnh, người nào phải phiên canh nếu đi vắng thì có thể nhờ bà con, bạn hữu canh thay cho, hoặc nộp cho làng tiền để thuê người khác canh thay.

Điều thứ 54: Những người đi tuần, chia làm 12 ban, mỗi ban canh một tháng, hoặc sáu tháng hoặc một năm, mỗi ban phải bầu một người trong ban làm đốc ban. Khi trong làng có cướp phát, thì tất cả các ban canh, nghe động hiệu phải đến ứng cứu ngay với ban canh đương thứ lý phó hương đốc canh.

Điều thứ 55: Những khi giới để canh của ai, người ấy phải sắm lấy, người nào nhà nghèo không thể sắm được, thì làng trích tiền công mà sắm cho, nhưng hết hạn canh, lại phải giao lại giả làng.

Điều thứ 56: Tùy làng nhớn hay nhỏ mà lập điếm nhiều hay ít, phí tổn về sự lập điếm làng trích tiền công để chi.

Điều thứ 57: Người đứng đầu ban canh, cứ gần tối thì nổi hiệu trống, mõ gọi các người trong ban ra điểm; nếu bỏ không đi canh, thì hai lần đầu mỗi lần Hội đồng phạt 0,10$, lần thứ ba thì Hội đồng chuyển khoản không theo hương ước mà bắt phạt.

Điều thứ 58: Ban canh, thường đi tuần chung quanh trong làng cho trộm cướp khỏi vào.

Điều thứ 59: Ai bắt được kẻ trộm làng thưởng 1,00$ bắt được một đứa cướp làng thưởng 10,00$.

Điều thứ 60: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về vụ trộm, cướp trong làng. Như trong làng nhà mà bị trộm cướp đến, thì hết sức giúp, không thì phải phạt và phải đền. Nếu hết sức trị mà không thể được thì không phải đền.

Điều thứ 61: Lý phó trưởng thường kiểm soát những người lạ mặt vào làng. Nếu thấy người nào không thẻ tùy thân và căn cước đáng ngờ, thì giải quan xét.

Canh ngoài đồng

Điều thứ 62: Làng cử một người trương tuần và ít ra là bao nhiêu tuần tráng để trông coi đồn điền.

Điều thứ 63: Tuần tráng thì cho trương tuần nộ.

Điều thứ 64: Tư cách trương tuần và tuần tráng là người mạnh bạo, thực thà và có gia sản. Người nào mang tiếng bất hảo, thì không được làm.

Điều thứ 65: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền pháp lý trưởng và tộc biểu.

Điều thứ 66: Tuần coi các đường khuyến nông của làng thấy ai làm hủy hại, thì trưởng Hội đồng phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 67: Tuần coi việc giữ nước và tháo nước, nhưng khi nên giữ, nên thảo thì phải hỏi ý kiến Hội đồng không được tự quyết.

Điều thứ 68: Những người nào tháo nước lấy cá, làm ruộng bị cạn, thì tuần bắt ngay giải Hội đồng xét phạt, từ 0.20 đến 1,00$. Nếu tuần tráng dung túng để nước ruộng cạn, thì Hội đồng phạt tiền cũng như người phạm.

Điều thứ 69: Lúa mạ hoa màu ngoài đồng, tuần cho canh giữ, để mất đâu, tuần phải chiểu nguyên giá mà đền.

Điều thứ 70: Làng cấp tiền công cho tuần, không kể nội canh hay ngoại phụ canh, đều đồng niên mỗi mẫu sáu hào (0.60). Tiền ấy chia làm hai thứ một thứ tháng năm một thứ tháng mười. Tiền ấy sẽ thế cho hóa sương, mà ngày trước tuần vẫn được thu. Từ giờ về sau, cứ đến trước mùa gặt, khi các điền chủ phải đem nộp ngay cho Thủ quĩ, mỗi mẫu 0,30$.

Điều thứ 71: Trương tuần làm việc ba năm được chu thỏa thì làng cho ngôi kỳ mục cũng như Phó lý. Nếu không làm hết bổn phận thì phải bãi dịch, bị bãi dịch, thì mất ngôi kỳ mục.

Sự cứu cấp

Điều thứ 72: Gặp lúc cần cấp, như nước nhớn, đê sạt hoặc lửa cháy nhà nào, hoặc trộm cướp nhà nào, trừ ra những người 60 và người yếu còn người lành nghe hiệu, thì phải lập tức đến cứu. Nếu ai biếng nhác không đến, hội đồng xét thực, phạt từ 0.20$ đến 0.50$.

Điều thứ 73: Ai vì việc cứu cấp mà bị thương, thì làng cấp tiền chữa thuốc. Nếu trọng thương thành tật, làng cho ngôi kỳ mục. Bị thương đến nỗi chết, làng cấp tiền tuất cho hai mươi đồng bạc (20.00$) và cả làng đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 74: Muốn cho người làng mạnh khỏe, cần phải theo phép vệ sinh, một là phòng bệnh, hai là chữa bệnh.

Điều thứ 75: Hội đồng thường hiểu bảo người làng giữ nhà riêng và đường chung cho rất sạch sẽ.

Điều thứ 76: Cấm không ai được vứt uế vật ra đường và làm nhà xí bên đường, ai phạm cấm ấy thì hội đồng bắt phạt tiền và phải giỡ đi.

Điều thứ 77: Các giếng nước, phải giữ gìn cho được trong sạch. Những phí tổn về việc sửa giếng, dân phải trích tiền công để chi.

Điều thứ 78: Khi trong làng có phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm, lý trưởng phải trình quan ngay xin thầy thuốc chữa.

Điều thứ 79: Trong làng có ai mắc phải bệnh phong, lý trưởng phải trình quan khám thực, đem ra nhà dưỡng tế, không được để ở trong làng.

Điều thứ 80: Những đồ dùng của người ốm hay người chết, cấm không được vứt xuống hồ ao, hay là những chỗ có thể nước chảy xuống hồ ao được.

Đường sá cầu cống và đê điều

Điều thứ 81: Làng cử một người thủ lộ để trông coi đường sá, cầu cống và đê điều, thấy nơi nào hư hỏng phải trình Hội đồng sửa lại, như việc đê điều, thì thủ lộ chỉ phải sóc để cho người và súc vật khỏi làm tổn hại. Đến... phải giữ những nơi hư hỏng, lại phải giữ gìn để cho lúc nào cũng được tốt, khi có chỗ nào hư hỏng nhiều, cần phải có nhà nước tu bổ mới được, thì thủ lộ phải tường hội đồng để trình quan.

Điều thứ 82: Các đường chung cả làng, thì làng trích tiền công mà sửa, hay là chia ra nhân sự, chia ra trâu bò, tùy hội đồng trù nghĩ. Cạnh đường riêng thôn hay riêng chỗ điếm, thì thợ điếm ấy phải chữa.

Điều thứ 83: Ai làm việc riêng mà hại đến đường sá cầu cống và đê điều chung cả làng, thì phải bồi thường và phải phạt từ 0.20$ đến 1.00$.

Điều thứ 84: Ai cần tháo nước qua đường, trước phải trình hội đồng biết. Tháo xong, phải đắp lại đẹp đẽ như cũ.

Điều thứ 85: Thủ lộ làm việc ba năm được chu thỏa thì làng cho kỳ mục cũng như phó lý. Nếu làm không hết bổn phận thì phải bãi chức.

Sự vệ nông

Điều thứ 86: Thường năm làng tu bổ các đường. Khuyến nông và khai sâu ngòi chảy chứa nước cho tiện việc làm ruộng.

Điều thứ 87: Cấm không ai được cấy lở bờ ruộng mà không đắp lại để vỡ lở dần đi. Ai phạm Hội đồng phạt 0,10$.

Điều thứ 88: Cấm không được đập khảm qua ngòi mà đơm cá, khiến nước không thông. Ai phạm Hội đồng phạt 0,10$.

Điều thứ 89: Cấm chăn trâu bò bờ ruộng khi lúa đã tốt. Ai phạm Hội đồng phạt 0.10$. Nếu trâu bò ăn lúa của ai thời phải đền nữa.

Điều thứ 90: Cấm chăn vịt nhiều ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa. Ai phạm Hội đồng phạt 1.00$ nhưng vịt phá lúa mạ thời phải đền nữa.

Các của công

Điều thứ 91: Đã gọi là của chung của làng thì người trong làng ai cũng có nghĩa vụ phải giữ, nếu làm tổn hại thì phải bồi thường.

Điều thứ 92: Khi trong làng có bán động sản hay là bất động sản thì Hội đồng phải đấu giá kín, nhưng yết thị cho mọi người đều biết trước đấu giá mười ngày.

Điều thứ 93: Ai đấu giá cao thì được, nhưng Hội đồng phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Xét gian lậu

Điều thứ 94: Những điều mà đã có lệnh cấm như rượu lậu, thuốc phiện và mở sòng đánh bạc và bài lá lấy hồ thì Hội đồng phải khám xét luôn trong làng để trừ gian lậu.

Điều thứ 95: Ai có ý phạm cấm Hội đồng không thể khuyên ngăn được thì Hội đồng bảo lý trưởng bắt tang vật để trình quan trừng trị.

Điều thứ 96: Những người phạm ấy dù quan đã chiểu luật trị tội, nhưng làm mất phong thể trong làng thì Hội đồng phạt không được dự đình trung tế tự trong làng... ngày.

Sự giao thiệp

Điều thứ 97: Theo thói quen khi có quan khách đến làng chỉ lý phó trưởng đương thứ ra ứng tiếp. Nếu đi vắng thì quan khách không biết hỏi ai, như thế thì không tiện, nay định giao việc ấy cho người Hội đồng.

Điều thứ 98: Không cứ quan Tây hay quan ta nếu có đến làng thì tuần đi báo ngay những người có chân Hội đồng.

Điều thứ 99: Các người Hội đồng và chánh phó lý lấy lễ nghi xứng đáng mà tiếp tại sở công. Nếu các quan muốn khám xét nhà nào thì Hội đồng dẫn khám. Khi khám có sự gì ngăn trở thì Hội đồng phải gìn giữ cho được ổn thỏa. Khi ở trong địa giới làng có người ốm đau hay bị tai nạn gì, Hội đồng nghe báo cáo phải đến tận nơi liệu phương kế mà cứu giúp ngay.

Sự giáo dục

Chương này hễ làng nào có thể theo thời phải làm.

Điều thứ 100: Dạy trẻ con có học thức phổ thông là nghĩa vụ người làm phụ huynh không ai được trừ. Làng mở một trường học để dạy trẻ trong làng.

Điều thứ 101: Thường năm dân trích tiền công chi tiêu việc trường học và lương thầy giáo.

Điều thứ 102: Trẻ con trong làng đúng tám tuổi phải đi học cả.

Điều thứ 103: Làng lấy tiền công mua bút giấy cấp cho những con nhà nghèo mà Hội đồng xét thực không thể mua được.

Ngụ cư ký táng

Điều thứ 104: Làng chỉ cho người nào có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 105: Trừ ra những người ngụ cư tạm thời còn những người đã có gia sản ở làng thì phải chịu trách nhiệm, canh phòng với làng.

Điều thứ 106: Ai ký táng ở đồng điền của làng dù mua đất của ai, nhưng cũng phải trình Hội đồng biết và nộp tiền kiểm cố cho làng là năm đồng (5.00).

Nói về tục lệ

Điều thứ 107: Hương đăng đình 2 mẫu vườn và ao chung quanh đình giao cho từ để lấy hoa lợi hương đăng nhà thánh.

Điều thứ 108: Hương đăng chùa - 2 mẫu ruộng và cây cối chung quanh chùa giao cho nhà sư để lấy hoa lợi hương đăng cúng Phật.

Điều thứ 109: Hương đăng đền bách linh - 5 sào ruộng công ở trước văn chỉ giao cho đồng đều để lấy hoa lợi hương đăng để thờ các quan bách linh.

Điều thứ 110: Tết Nguyên Đán - Trích hai mẫu ruộng ở đồng Vân giao cho lý hương để sửa lễ ba ngày tết Nguyên Đán cùng những ngày sóc vọng - Sửa lễ ba ngày tết Nguyên Đán, thời mỗi ngày 2 con gà 2 đĩa xôi, một chai rượu, sáu quả cau, lễ xong gà và xôi để lại đủ số cần của dân còn thừa mang về. Còn những ngày sóc vọng thì 4 đĩa xôi đựng vào đĩa thờ của dân một nải chuối một chai rượu và 6 quả cau.

Điều thứ 111: Xuân tế - ngày 19 và ngày 20 tháng Giêng có lệ hành hương lễ giải ba giáp, dân trích 3 mẫu ruộng công ở đồng Vân cho phó thuế lấy tiền tậu bò hoặc mua lợn để sửa lễ xuân tế - Hội đồng sẽ cử mấy người tộc biểu và lý hương trưởng để mua bán trâu cai sửa lễ.

Điều thứ 112: Lễ Kỳ Phúc - Đầu tháng Tư, trích 2 mẫu ruộng ở đồng Vân để phó thuế lấy tiền sửa lễ chi ông Từ (4.00) hương đăng.

Điều thứ 113: Ngày kỵ đức thánh mẫu là ngày 17 tháng năm, dân trích 5 sào ruộng ở đồng Vân cho phó thuế lấy tiền sửa lễ.

Điều thứ 114: Lễ tiên hiền tháng tám, dân trích 5 sào ruộng ở đồng Vân cho phó thuế lấy tiền sửa lễ tại văn chỉ.

Điều thứ 115: Ngày sảy bách linh là ngày mùng 6 tháng Chạp dân trích một mẫu ruộng ở đồng Vân cho phó thuế lấy tiền sửa lễ.

Điều thứ 116: Giỗ các hậu, dân trích 5 sào ruộng công sau văn chỉ giao cho nhà sư để lấy tiền sửa lễ những ngày kỵ hậu đã có ở bia.

Điều thứ 117: Tiên chỉ và thủ chỉ: Tiên chỉ là người phẩm hàm cao hơn về hàng giả lão, tức là thủ chỉ.

Điều thứ 118: Tế chủ những người chức sắc văn vũ từ cửu phẩm dĩ thượng ai hàng cao thời vào tế chủ. Những ông ấy vắng thời tổng lý đại tế.

Điều thứ 119: Lý trưởng tả văn, còn trong lòng văn viết tên ông tiên chỉ và ông thủ chỉ là đủ, nếu ông nào tế chủ thì viết thêm tên ông ấy nữa.

Điều thứ 120: Việc kinh biếu - tế lễ xong rồi dân biếu ông chủ tế một miếng tộ nhục, biếu trợ tế một cái nọng và lý hương mỗi người cái bắp, trẻ con đồng văn bốn tên một cỗ, cau tươi biếu ông tiên chỉ, ông thủ chỉ chánh phó sưu thuế mỗi ông ba quả, biếu chức sắc kỳ lão năm quả, các tộc biểu lý hương và ông từ, mỗi ông một quả, biếu cai đồng văn mỗi người một quả, còn thừa đặt vào cỗ từ bàn nhất giở xuống được đến đâu hay đến đấy, không ai được nói gì cả.

Điều thứ 121: Cỗ ngồi lý trưởng chiếu sổ hương ẩm biên phái giao cho đương cai làm phần và làm cỗ, nếu thiếu phần nào đương cai phải đền, đầu phần sưởng suất thượng hạ, cỗ ngồi thời người một cỗ, ai vắng thì lấy phần.

Điều thứ 122: Chiếu ngồi: Kỳ lão ngồi bên đông, chức sắc ngồi bên tây, còn tràng hạng theo ngôi hương ẩm ngồi cho thứ tự.

Điều thứ 123: Trông coi những ngày đại lễ dân cử bốn ông bàn sáu cùng với lý hương để kiểm soạn cỗ ngồi cho khỏi khuyết điểm, nếu trong bốn ông bàn sáu có ông nào được miễn trừ thì đầu bàn bảy lên thay, dân biếu bốn ông mỗi ông một quả cau.

Điều thứ 124: Chi tiền đương cai phải hỏa thảo muối mắm, đồ tế để làm bò thì dân chi 2.00$ và một cỗ, chi xong từ 4.00$ và một cỗ.

Điều thứ 125: Lệ ngày 19 tháng Giêng, được hành hương dân giai phải vào trấp kích, người nào phải vào việc gì đã có tờ niêm yết

tại đình trừ những người chức sắc, những người đi vắng xa hay là đương tòng công, đương đi học, hoặc yếu đau, còn ai ở nhà, thì ngày 18 đúng 12 giờ vào làm lễ tại đình, rồi nhận đồ trấp kich, của ai người ấy sửa soạn, nếu người nào bỏ thiếu phải phạt 0.30$ sung công.

Điều thứ 126: Ngôi thứ nhất: Khi có công việc gì hợp việc dân thì ai cũng phải theo thứ vị mà ngồi, có việc gì muốn nói, trên nói rồi, dưới sẽ thưa lên cho có thứ tự, nếu ai không tuân thì phải bắt 300 khẩu giầu tạ rồi chia suốt thượng hạ.

Điều thứ 127: Việc hỉ: Trong làng có ai có thỉ đỗ ăn mừng hoặc được thăng thưởng hàm, hoặc lên lão, hoặc thượng thọ mời dân yến ẩm thì dân mừng một đôi câu đối vóc và một buồng cau trị giá năm đồng bạc (5.00).

Điều thứ 128: Phẩm hàm - Ai được phẩm hàm có bằng sắc phải sửa lễ Thánh và kính dân, sửa lễ một con lợn, một mâm xôi, hai chai rượu, một buồng cau. Lễ Thánh rồi, kính dân để làm phần chia suốt thượng hạ, còn nội tâm con lợn thì làm cỗ ngồi hiện tại.

Điều thứ 129: Vọng lão - Trừ chức sắc còn ai 55 tuổi phải vọng lão, một thủ lợn, một mâm xôi, hai chai rượu, một buồng cau lễ Thánh rồi kính dân.

Điều thứ 130: Việc hiếu - Trong làng có việc tang hiếu mời dân rạp thì phải đưa ba chục khẩu trầu đến nhà Lý trưởng phải cho loan báo mời dân nhưng lý trưởng phải biên một giấy dán tại đình từ đầu bàn sáu giở xuống cả thảy là bao nhiêu tráng hạng, những người được trừ theo như điều thứ 125 còn thì phải vào đồ tùy và cầm đồ hành trạng, nếu ai bỏ thiếu phải phạt 0,30$ sung công, những đồ hành trang đối trướng bàn độc văn vân... mang đi bao nhiêu phải giữ gìn cẩn thận lại phải mang về cho đủ giao giả nhà hiếu chủ. Cất rạp xong rồi lệ thường giầu nước.

Điều thứ 131: Tứ thân phụ mẫu - Con giai con gái làng lấy vợ lấy chồng làng khác, khi nào bố mẹ vợ hoặc bố mẹ chồng trăm tuổi,

mà mời dân hộ đám thì dân cũng đưa khống tống, chứ không được bắt buộc theo lệ như người làng, trừ ra khi nhà hiếu chủ có nhờ mời dân cất đám cũng như trong làng thì dân phải chiểu theo điều thứ 130 nói ở trên.

Điều thứ 132: Con gái làng lấy vợ làng khác chẳng may bố mẹ vợ chết xin ký táng đất làng thì dân miễn không lấy tiền hậu thổ. Con gái lấy chồng ngoài khi bất hạnh chết xin chôn đất làng thì dân cũng tha không lấy tiền hậu thổ. Con rể và cháu ngoại chẳng may chết xin ký táng đất làng thì dân lấy 6.00$ hậu thổ và người ngụ cư chôn đất làng thì 12.00$, người nào có nhà hoặc đi cho ngụ thì người ấy phải nhận tiền giao ngay cho Lý trưởng để đưa ngay vào công quĩ 10.00$ còn 2.00$ để Lý trưởng mỗi người 1,00$.

Điều thứ 133: Con gái lấy chồng trong làng phải nộp tiền cheo 1,00$, cheo nội, cheo ngoại cũng thế.

Điều thứ 134: Kể từ ngày thi hành hương ước, những điều tục lệ cũ trái với hương ước mới này đều bỏ đi cả.

Điều thứ 135: Trong làng nếu có người nào trái hương ước thì sưu thuế tùy tình lý nhẹ nặng mà phạt hoặc phạt tiền từ 0,10$ đến 1,00$, hoặc không cho dự đình trung tế tự một hạn từ ba tháng đến một năm.

Kỳ mục, lý dịch ký tên

Vu:

Hà Đông le 2 Septembre 1923

Sửa đổi những điều trong hương ước như sau này:

Điều thứ 110: Lễ Nguyên Đán và những ngày sóc vọng: Trích hai mẫu ruộng ở đồng Vân giao cho Lý trưởng để lấy hoa lợi sửa lễ ba ngày tết Nguyên Đán cùng những ngày sóc vọng.

Sửa lễ ba ngày tết Nguyên Đán thì mỗi ngày ba con gà và sáu đĩa xôi đựng vào đĩa thờ của dân, một chai rượu và cau tươi sáu quả.

Còn những ngày sóc vọng, thì sửa sáu đĩa xôi đựng vào đĩa thờ của dân, một nải chuối, một chai rượu và sáu quả cau.

Điều thứ 118: Tế chủ và quan viên trợ tế - Chức sắc văn võ tự cửu phẩm dĩ thượng, mà đã vọng rồi, ai hàm cao hơn thì vào tế chủ. Nếu hàng chức sắc vắng, hoặc không vào tế thì hàng lão tự 60 tuổi giở lên, hay là hàng Tổng lý vào thay, còn thì vào bồi tế. Giai tự 18 tuổi, phải mũ áo vào tế, chỉ trừ những đại tang hoặc cơ niên, nghĩa là 9 tháng giở lên và những người đi làm xa biệt tỉnh. Còn những người tiểu cớ, nghĩa là từ năm tháng giở xuống cũng phải đi tế. Nếu ai phương trở việc gì, thì phải có ba chục khẩu giấu kiến ngay hôm yết tế.

Điều thứ 121: Phần cỗ ngồi - Lý trưởng chiếu số lương ẩm biên phải giao đương cai để làm phần và làm cỗ, nếu thiếu phần nào đương cai phải đền. Đầu phần thì cũng đặt vào cỗ ngồi cho tiện, cứ bốn người một cỗ, ai vắng thì lấy phần.

Điều thứ 123: Trông coi những ngày đại lễ - Dân cử bốn ông bàn sáu cùng với Lý hương trưởng, để kiểm soạn cỗ bàn cho khỏi khuyết điểm và tiếp khác. Nếu trong bốn ông bàn sáu, có ông nào được miễn trừ, thì ông đầu bàn bẩy lên thay. Dân biếu mỗi ông một quả cau.

Còn như lệ hai năm một kỳ, hai giáp rước hành hương sang lễ Thánh, dân phải ứng tiếp, vậy cắt thêm giao ba bàn cuối hàng quan viên để phụ với bốn ông bàn sáu cùng với Lý hương trưởng cho tiện về việc trong cai ứng tiếp.

Điều thứ 124: Chi tiền - Ai đương cai phải hỏa thất giêm hàm, đồ tế để làm bò thì dân chi 3,00$ và ba mâm cỗ. Nếu làm lợn thì dân chi 1,00$ và một mâm cỗ.

Dân chi ông từ bốn đồng bạc (4.00) hương đăng những kỳ đại lễ (xuân tế). Còn những kỳ khác thì tùy nghi, hoặc một vài đồng thôi.

Dân biếu ông từ một mâm cỗ.

Điều thứ 131: Tứ thân phụ mẫu - Con giai con gái làng lấy vợ lấy chồng làng khác, khi bố mẹ vợ hoặc bố mẹ chồng quá cố, mời dân hộ đám, thời dân cũng đi khống tống, chứ không phải bắt buộc theo lệ như người trong làng.

Phụ thêm vào hương ước những điều như sau này:

Điều thứ 136: Lên lão - Ai chưa 55 tuổi, mà ngôi đã lên chỗ năm bàn, thì muốn vọng lão ngay cũng được.

Điều thứ 137: Phần cỗ ngồi- Chức sắc và kỳ lão 5 bàn, ai đã nộp đủ lệ - dân, nếu những ngày lễ hàn âm mà vắng mặt, thì cũng có phần cỗ ngồi.

Điều thứ 138: Cỗ ngồi - Cỗ ngồi bên hàng chức sắc cũng theo như hàng kỳ lão - Ai đã dự vào phần chức sắc, thì không được nhận phần chỗ ngồi thứ mình nữa.

Điều thứ 139: Tòng công - Ai đương làm việc quan, nếu có giấy tư án quản, thì người ấy đối với dân được trừ tạp dịch, còn như đương coi chưởng nguyệt, thì phải theo ngôi thứ lần lượt như mọi người trong làng.

Điều thứ 140: Lý hương trưởng - Lý hương trưởng làm việc đủ sáu năm, chưa được khẩu hàm xin từ dịch, sửa xôi thủ vào đình lễ Thánh rồi kinh dân, thì sẽ được tùy tòng chức sắc kỳ lão.

Điều thứ 141: Tế đám ma - Nhà hiếu chủ muốn mời dân tế đám thì phải nộp lệ 10,00$ để sung công, mời dân xơi rượu và kính riêng quan viên trợ tế một con lợn chín và một mâm xôi để làm phần. Mời tế kỳ nào cũng phải nộp lệ như vậy.

Điều thứ 142: Cất đám: Khi dân đi cất đám về thì lệ thường giầu nước. Nếu nhà hiếu chưa mời dân xơi rượu thì dân cũng nhận chứ không phải là lệ phải có.

Điều thứ 143: Ai muốn mua hậu, phải có cơi giầu với dân và nộp lệ năm mươi đồng bạc để sung công, rồi tên người ấy khắc vào bia đệ lên chùa làng. Số năm mươi đồng này, thì trích ra mười đồng (10.00)

gửi cho sư bản tự để cứ đệ niên nhớ sửa lễ. Còn bốn mươi đồng (40.00) đó vào công quĩ.

Điều thứ 144: Bản thứ vị - Khi trong làng định làm việc gì công ích, như đình chùa, đường sá, cầu cống vân vân - mà tiền quĩ không đủ dân có thể bán thứ vị để lấy thêm tiền làm, mỗi vị độ năm mươi đồng bạc (50.00). Ai mua thì được thứ vị như Lý hương trưởng cựu (điều thứ 140).

Điều thứ 145: Tộc biểu - Những người tộc biểu đã giúp việc dân được hai khóa, nghĩa là đủ sáu năm không có lỗi lạc gì, mà muốn đối với dân được thứ vị như Lý hương trưởng cựu thì phải sửa xôi thủ ra lễ Thánh rồi kính dân và nộp lệ 10,00$ để sung công. Duy những người có trách nhiệm mà đã không lấy tiền phụ cấp của dân như là: Chánh, phó sưu thuế, thư ký, thủ quĩ, trưởng bạ và chánh phó hộ lại, thì được miễn, không phải nộp tiền, nhưng cũng phải sửa lễ Thánh theo như mọi người.

Điều thứ 146: Chỗ ngồi - Những người làng được tuy tòng chức sắc kỳ lão, sẽ ngồi riêng một hàng, còn như khi tế lễ và phần chỗ ngồi thì người nào cứ chiểu theo ngôi thứ người nấy.

Điều thứ 147: Vào làng - Những người làng, ai có con nuôi hoặc cháu ngoại, muốn xin cho vào làng thì người đỡ đầu phải làm giấy xin, có chữ Lý trưởng. Hội đồng xét đích thực và hạnh kiểm tốt sẽ làm biên bản, rồi mới nhận. Nhưng phải nộp lệ hai mươi đồng bạc (20.00) thì sẽ được quyền lợi như người sinh trưởng ở làng.

Dân đình làng Ngọc Hà ký tên

Vu:

Hà Đông le 4 Fevrier 1928

Le Tổng đốc *LeResident de France*

HƯƠNG ƯỚC LÀNG VÕNG THỊ

Tổng Trung, huyện Hoàn Long

Chủ ý cải lương

Khoán ước của làng lưu truyền tự xưa hoặc chỉ khẩu truyền mà không có minh văn hoặc có minh văn mà không hợp thời thế bởi vậy cần nên cải lương suy xét hiện tình thời nay so sánh khoản lệ thủa trước, điều nào hại thời bỏ điều nào lợi thời theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu. Dân làng có trật tự, theo trình độ tiến hóa mà cải bổ thêm.

Phần thứ nhất:
Nói về chính trị
Tổ chức hội đồng tộc biểu

Điều thứ nhất: Các họ họp lại mới thành một làng bởi thế việc làng các họ có người thay mặt để mà trông nom gọi là tộc biểu.

Điều thứ hai: Trích chức ban tộc biểu theo nghị định quan công sứ ngày 25 .... 1923. Tư cách của tộc biểu tuổi từ 25 giở lên và không can án mất quyền công dân tộc biểu.....

Điều thứ ba: Hết một năm mới lại một lần về được tái cử.... Năm nữa. Những người đang .....

Điều thứ 4: Chức vụ hương hội Hội đồng phải nghị và quyết định việc công ghi sổ chi thu và kiểm soát những sổ ấy.

Điều thứ 5: Các tộc biểu tự chọn một người trong ban làm Hội trưởng và một người làm phó hội. Khi có Hội đồng do hội trưởng báo cáo, nếu hội trưởng ngăn trở gì do hội phó báo cáo.

Điều thứ 6: Hội đồng lại bầu hai người trong ban một người thông hiểu thư toán làm thư ký để biên sổ sách và một người dân làm thủ quĩ để giữ tiền công.

Điều thứ 7: Nếu trong ban không thể bầu được người thủ quĩ và người thư ký, thời Hội đồng chọn người làng bầu người được làm chức ấy thời được quyền dự Hội đồng.

Điều thứ 8: Trừ ra khi Hội đồng có việc cần, mở Hội đồng bất thường, còn thời mỗi tháng, cứ ngày mồng một, ngày rằm để Hội đồng làm việc làng, ai say rượu thì cấm không được dự Hội đồng.

Điều thứ 9: Được quá nửa số người trong ban dự Hội đồng thời có thể bàn việc làng, bàn xong thời phải giải tán ngay, không được ngồi lâu mà bầy cuộc rượu bài.

Điều thứ 10: Hội đồng làm việc gì, thời phải làm biên bản, tờ biên bản ấy phải có chữ ký của những người hội viên hiện tại và phải bỏ vào hòm công để lưu chiểu.

Điều thứ 11: Tộc biểu mắc bệnh không đến họp được phải có lời cáo để Hội đồng biết. Nếu ai không có duyên cớ đích thực bỏ đi hai lần thì Hội đồng phải bảo họ ấy cử người khác thay.

Điều thứ 12: Đương lúc Hội đồng, nếu có người trong làng theo lễ phép mà hỏi điều gì thời Hội đồng cũng phải theo lễ phép mà đáp lại minh bạch cho người ta biết.

Điều thứ 13: Những việc Hội đồng bàn được quá nửa số người ấy hợp thì đem thi hành. Nếu ý kiến không hợp thời phải bỏ phiếu nhưng một phiếu của trưởng hội được thành hai, hoặc bầu bằng cách dơ tay, hoặc bầu bằng cách bỏ phiếu kín, cũng phải bắt đầu từ người tộc biểu họ nhỏ nhất bầu trước rồi dần dần đến tộc biểu to nhất là hết.

Điều thứ 14: Khi có lệnh quan tòa án hoặc quan cai trị cần hỏi đến làng thời Hội đồng tự chọn một hai người trong ban đi với lý trưởng.

Điều thứ 15: Trừ ra những khi có lệnh quan trên bắt làm thời không kể, còn những khi quan trên hỏi ý kiến về công việc quan hệ về quyền lợi chung cả làng thời hai người tộc biểu và lý phó trưởng không được tự quyết mà trình quan ngay.

Điều thứ 16: Phải xin phép về mở Hội đồng được mọi người ý hợp rồi se trình quan sau.

Điều thứ 17: Tộc biểu và lý trưởng, phó trưởng vì việc làng mà phải đi xa. Trong 5 km làng không được chi lộ phí quá số ấy làng chi mỗi người ngày đi lên tỉnh chi 0.40$, lên huyện 0.30$.

Quan kỷ

Điều thứ 18: Tộc biểu làm việc gì trái hương ước hoặc cả Hội đồng hoặc một họ nào phát giác ra thời chức sắc kỳ lão trong làng họp Hội đồng mà cứu xử, Hội đồng chức sắc kỳ lão này có quyền quở trách hay phạt tiền từ 0.10$ đến 1.00$ hoặc không cho dự Hội đồng nữa. Người nào làm mất tư cách đã nói ở điều thứ ba hay làm tổn hại quyền lợi của làng thời Hội đồng xử không xong hay người tộc biểu có lời không phục tùng thời Hội đồng ấy sẽ làm biên bản trình quan.

Sổ chi thu

Điều thứ 19: Muốn cho trong làng chi tiêu có chừng mực để khỏi tốn thời phải làm sổ chi thu.

Điều thứ 20: Thường năm cứ tháng 10 Tây các tộc biểu, Hội đồng dự tính để niên thu tiền gì, tiêu tiền gì, rồi biên vào sổ nhật ký chi thu cả Hội đồng, ký kết trình quan sở tại kiểm soát.

Điều thứ 21: Sổ chi thu của làng do thủ quĩ giữ. Hội trưởng được quyền cho phép thu phát những khoản tiền đã tính ở trong sổ.

Tiền thu

Điều thứ 22: Thủ quĩ nhân được những tiền của ai nộp thời phải vào sổ rằng cưa và đọc một bên giao cho người nộp tiền làm biên lai

tiền nộp ấy về khoản gì, thời thủ quĩ phải biên ngay vào sổ chi thu ở khoản thu những món tiền ấy.

Điều thứ 23: Ai nộp tiền cho một người nào mà không có thủ quĩ biên lai thời tiền ấy coi như chưa nộp.

Tiền chi

Điều thứ 24: Ngày nào tiêu việc gì thời lập tử hôm ấy. Thư ký phải biên lai sổ chi thu ở trang để dành cho biên những món tiền ấy.

Điều thứ 25: Làng có chi tiêu khoản gì quá số dự đinh hay là bất thường thời phải chi khoản gì ngoài số 20.00$ các tộc biểu phải mở Hội đồng làm biên bản trình quan trên duyệt trước rồi mới được thi hành.

Điều thứ 26: Những món tiền thủ quĩ chi ra mà không có chữ hội trưởng, thời không kể hễ ai đến lĩnh tiền, người lĩnh tiền ấy giao cho một cái phiếu rọc ở sổ răng cưa ra và có chữ hội trưởng ký hay là điểm chỉ của người lĩnh tiền ấy, cứ cuối tháng Hội đồng kiểm quĩ một lần và phải làm biên bản.

Điều thứ 27: Hết năm thời Hội đồng tính sổ sách số tiền thực thu vào sổ là bao nhiêu còn lại là bao nhiêu yết thị ở đình ít ra 1 tháng để đông dân cùng biết, khi yết thị thời cho mõ đi rao.

Điều thứ 28: Chi tiêu không quá số dự đinh và phải cho rất tiết kiệm để cho tiền công còn thừa làm tiền lưu trú.

Điều thứ 29: Món tiền lưu hạ ấy làng làm việc sinh lợi hay là để chi tiêu về phần năm sau, làng sẽ kê vào sổ chi thu trong làng.

Điều thứ 30: Làng phụ cấp cho thủ quĩ, thư ký đồng niên mỗi người 40.00$.

Lý phó trưởng

Điều thứ 31: Lý trưởng là người thay mặt làng thừa hành việc quan, phó lý là người giúp việc Lý trưởng.

Điều thứ 32: Lý phó trưởng không được tự ý quyết định việc làng phải theo ý chung cả Hội đồng.

Điều thứ 33: Lý phó trưởng là người hành chính trong làng được dự chân Hội đồng có chánh phó tổng cũng thế.

Điều thứ 34: Lý phó trưởng ngày nào có việc dân mà phải đi xa hay là việc quan thời làng trích tiền công chi lộ phí, đi tỉnh chi 0.40$, đi huyện chi 0.30$, còn lương phụ cấp đồng niên chi 12.00$ mà thôi.

Sổ lưu thuế

Điều thứ 35: Lý trưởng tiếp quan phát bài chỉ thuế về thời phát thưởng mà tính bổ.

Điều thứ 36: Sưu thuế đã có ngạch nhất định của nhà nước không được chia đàn anh đàn em mà bổ nhiều bổ ít, ngày bổ thuế làng chi 3.00$ trà phí và đẩy tớ đốc thuế.

Điều thứ 37: Trong sổ bổ phải biên rõ thuế người thuế đất mỗi thứ bao nhiêu không được làm hơn.

Điều thứ 38: Khi đã bổ xong rồi giao bài bổ cho lý trưởng trình quan hành thu đệ nạp.

Điều thứ 39: Làng không phải bổ tiền ngoại giao cho lý trưởng nữa.

Điều thứ 40: Những người thiếu thuế sưu, Lý trưởng phải trình quan bắn hạt nghị nhưng cả làng phải chịu trách nhiệm về sự nộp thuế, vậy phải theo mệnh lệnh quan quản hạt mà làm thế nào cho tiền thu nộp đủ đúng ngày quan công xứ đã định.

Điều thứ 41: Ngày họp bổ thuế không được bày ra ăn uống để làng phải đóng nặng thêm.

Sự canh phòng

Điều thứ 42: Canh phòng để giữ tài sản tính mệnh chung cả làng, thì hết thảy người trong làng từ 18 đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm trừ ra những người chức sắc khoa mục, người đương làm việc quan tại sở, người đương đi học tại trường, người đương dự việc dân và người tàn tật cũng là những người có phương vọng theo đúng lệ dân.

Những người phải đi canh đến lượt canh mà đi vắng có thể nhờ bà con bạn hữu canh thay. Những người đi tuần là những người đến tuổi phải đóng góp mà chưa có nhường vọng thì phải tùy tòng. Khán thủ cắt lượt đi canh. Những khí giới để canh phòng thì dân lấy của công sắm và giao khán thủ dữ.

Những người phải phiên canh ai có hàm chỉ, thì phải mượn người thay nếu bỏ canh thì phải phạt, mỗi tối 0.10$ sung quĩ.

Điều thứ 43: Nếu việc canh phòng không được cẩn mật xảy ra việc gì thời khán thủ phải chịu trách nhiệm.

Điều thứ 44: Khi trong làng hoặc có cướp, thời tất cả làng từ 59 tuổi giở xuống nghe động hiệu phải đến ngay ứng cứu, nếu ai không thấy mặt ẩn nấp ở nhà, Hội đồng xét ra thì phải phạt, từ 0.10$ đến 1.00$ sung quĩ.

Điều thứ 45: Canh phòng thời phải đi tuần luôn chung quanh làng cho trộm cướp khỏi vào.

Điều thứ 46: Ai bắt được kẻ trộm làng thưởng 1.00$ bắt được kẻ cướp thưởng 10.00$.

Điều thứ 47: Khán thủ phải chịu trách nhiệm về việc trộm cướp trong làng và ngoài đồng điền, nếu có mất trộm cướp mà khán thủ không bắt được thời phải chiểu tang vật mà đến cho sự chủ, nếu xét không đủ tang chứng thì người sự vụ không phải đền. Khi trong làng cướp mà tuần đã hết sức chống cự không nổi thì không kể, trong thời kỳ chống cự ấy mà người nào phải tai nạn gì thì làng sẽ liệu cấp dưỡng.

Điều thứ 48: Lý phó trưởng thường phải kiểm soát những người lạ mặt vào trong làng, nếu thấy người nào không thẻ tùy thân và căn cước đáng ngờ, thời phải giải nộp để quan xét.

Điều thứ 49: Những khán thủ trưởng phiên thì phải chọn những người có tư cách và mạnh bạo thực thà, trương phiên khán thủ và tuần tráng phải theo quyền lệnh Hội đồng và lý trưởng. Những khán thủ trương tuần và tuần tráng phải trông coi trong làng ngày đêm.

Nếu có thấy sự gì khác phải tường cho Lý trưởng biết và thấy ai làm hủy hoại vật gì của làng thì cũng phải tường cho Hội đồng lý dịch biết xét thực thì phạt người ấy từ 0.10$ đến 0.50$ sung quĩ.

Điều thứ 50: Khán thủ trương phiên làm việc được 3 năm được chu toàn thì làng cho theo ngôi thứ như Lý phó trưởng, song cũng phải nộp đủ lệ ngạch như người trước, nếu làm không hết bổn phận thì phải bãi chức và mất ngôi thứ.

Điều thứ 51: Hoặc khi bắt được kẻ gian phi mà ẩn nặc cho nó để ăn tiền mà tha đi sau có người rác ra thì Hội đồng phạt 1.00$ sung quĩ và đuổi về ngay.

Sự kiện cáo

Điều thứ 52: Trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay thương sự trước hết phải trình Hội đồng hòa giải.

Điều thứ 53: Hội trưởng tiếp ai trình thời phải mở Hội đồng lấy lẽ chính đáng và tình thân ái hòa giải cho 2 bên, nếu hòa giải xong thời theo kiểu trong luật mà hòa giải, chứng thư giao Lý trưởng trình quan sở tại biên sổ việc hòa giải.

Điều thứ 54: Những việc hình sự dù không thể hòa giải nhưng người đương sự cũng phải trình Hội đồng biết.

Điều thứ 55: Hội đồng xét hỏi duyên cớ việc hình sự rồi làm biên bản trình quan chứ không được bắt vạ hay cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Sự cấp cứu

Điều thứ 56: Gặp lúc cần cấp như là nước nhớn, đê sạt hoặc cháy hoặc trộm cướp nhà nào trừ ra những người 60 tuổi và người ốm yếu còn ai nghe hiệu đều phải lập tức đến cứu nếu ai biếng nhác không đến Hội đồng xét thực phạt từ 0.20$ đến 0.40$ sung quĩ.

Điều thứ 57: Ai làm sự cấp cứu bị thương, thời làng cấp cho 1.00$ trọng thương thời cấp cho... Chúng cứu đến nỗi chết thì làng cấp cho 15.00$ và cả làng đưa ma.

Việc vệ sinh

Điều thứ 58: Muốn cho người làng được khỏe mạnh cần phải theo phép vệ sinh, một là phòng bệnh hai là chữa bệnh.

Điều thứ 59: Cấm không ai được vứt uế ra đường và làm chuồng xí bên đường, ai phạm cấm ấy thời Hội đồng phạt 0.20$ sung quĩ.

Điều thứ 60: Hội đồng phải hiểu bảo người làng giữ nhà riêng và chung đường trong địa phận mình cho rất sạch sẽ.

Điều thứ 61: Các đường đi ra hồ, ao, biển, lên xuống phải sửa sang cho bằng phẳng.

Điều thứ 62: Khi trong làng phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm Lý trưởng phải trình quan khám thực ngay, xin thầy thuốc chữa.

Điều thứ 63: Trong làng có ai mắc bệnh phong, Lý trưởng phải trình quan khám thực đem ra nhà dưỡng tế không được vi nể mà để trong làng.

Điều thứ 64: Những đồ dùng của người ốm, hay người chết, không ai được vất xuống chuôm ao, lại cấm không được làm chuồng lợn những chỗ có thể chảy xuống ao chuôm, nếu ai phạm cấm ấy làng phạt 0.30$ sung quĩ.

Đường sá, cầu cống, đê điều

Điều thứ 65: Làng cử một người thủ lộ để trông nom cầu cống, đường sá và đê điều thấy nơi nào hư hỏng phải trình Hội đồng sửa lại, đến như việc đê điều khi nào nhà nước tu bổ cần phải bắt tráng, thời thủ lộ cùng Lý trưởng bắt tráng đắp vùng lên theo như ý quan trên trừ Hội đồng kỳ lý, còn từ 59 tuổi giở xuống phải đi cả.

Điều thứ 66: Các đường chung cả làng thời phải chịu tiền công mà sửa hay là chia ra nhân xuất hay là chia ra các nhà làm tùy thời Hội đồng trù nghĩ, các đường riêng xóm, thời xóm nào xóm ấy phải sửa.

Điều thứ 67: Ai làm việc riêng, mà làm hại cầu cống chung cả làng thời phải bồi thường và phạt từ 0.20$ đến 1.00$ sung quĩ.

Điều thứ 68: Ai có lòng công đức sửa sang đường cống đi lại cho tiện bằng phẳng để những người nghèo được ơn thời chăng cũng bằng lòng cho làm.

Điều thứ 69: Thủ lộ làm việc 3 năm đều được chu thỏa thì làng cho ngôi kỳ mục, cũng theo như lý trưởng, nếu không làm hết bổn phận phải bãi chức.

Các của công

Điều thứ 70: Đã gọi là của chung làng, thời người trong làng, ai cũng nghĩa vụ phải giữ, ai làm tổn hại thời phải bồi thường.

Điều thứ 71: Khi làng có bán động sản hay bất động sản, thì Hội đồng phải đấu giá kín, nhưng yết thị cho mọi người đều biết trước khi đấu giá 10 ngày.

Điều thứ 72: Ai đấu giá cao thì được nhưng Hội đồng phải lập biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Sự gian lậu

Điều thứ 78: Những điều Chính phủ đã có lệnh cấm: rượu lậu, thuốc phiện lậu và mở sòng gá bạc lấy hổ thời Hội đồng phải khám xét luôn trong làng để trừ gian lậu.

Điều thứ 74: Ai có phạm cấm, Hội đồng không có thể khuyên ngăn được, thời Hội đồng báo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để giải quan trị nghị.

Điều thứ 75: Những người phạm ấy dù quan đã chiểu luật tù tội, nhưng làm mất phong thể trong làng, thời Hội đồng phạt không được dự đình trung tế tự một năm.

Sự giao thiệp

Điều thứ 76: Theo thời gian khi có quan khách đến làng, thì Lý trưởng đương thứ ra tiếp nếu đi vắng, thời không biết hỏi ai, như thế thời không tiện nay các việc ấy định giao cho các người Hội đồng.

Điều thứ 77: Không cứ quan Tây, hay quan ta, nếu có đến làng thì tuần phải đi báo ngay những người có chân Hội đồng.

Điều thứ 78: Các người Hội đồng và chánh phó Lý lấy lễ nghi chính đáng mà tiếp ở công sở, các quan muốn khám xét nhà nào, thời Hội đồng dẫn khám, có sự gì ngăn trở thời Hội đồng phải gìn giữ được ổn thỏa. Khi ở trong địa giới làng có người ốm đau, bị tai nạn gì, Hội đồng nghe tin báo phải đến tận nơi liệu phương kế mà giúp ngay.

Sự giáo dục

Điều thứ 79: Khi nào làng có tiền lập trường học sẽ chiểu các khoản sau này mà thi hành.

Điều thứ 80: Dạy trẻ con có học thức phổ thông là nghĩa vụ người làm phụ huynh không ai được chối, làng mở một trường ấu học để dậy trẻ ở làng.

Điều thứ 81: Thường năm dân trích tiền công chi tiêu việc trường và trả công thầy giáo.

Điều thứ 82: Trẻ con trong làng đến 8 tuổi phải đi học cả.

Điều thứ 83: Làng lấy tiền công mua giấy bút cấp cho con nhà nghèo mà Hội đồng xét thực cha mẹ học trò quả tình nghèo.

Ngụ cư

Điều thứ 84: Làng chỉ cho người nào có căn cước chính đáng ngụ cư mà thôi. Nếu đã đóng góp được 3 đời thì mới được làm lý dịch, nếu có phẩm hàm thì được tòng kỳ mục.

Điều thứ 85: Trừ ra những người ngụ cư tạm thời, còn những người có gia sản cũng phải chịu trách nhiệm canh phòng ở làng.

Điều thứ 86: Những người ngoài muốn ký tảng ở trong làng, thì phải nộp tiền là 6.00$ sung quĩ, những người có thẻ hương man quán mà có thân thích quá cố thì không phải nộp.

Phần thứ hai: Nói về tục lệ

Sự điền thổ

Điều thứ 1: Những đất công và ao đầm cứ đồng niên cho thuê lấy tiền để sung quĩ và để chi tiêu về việc sửa chữa đình chùa, ai ở đất công của làng phải chịu tiền thuế và cấm không được làm nhà gạch lên đất ấy.

Điều thứ 2: Những đất công cấm không ai được tự tiện đào lấy đất hay lấp những hồ ao đi.

Hôn lễ

Điều thứ 3: Con giai làng lấy con gái làng, nhà con gái phải mang giấu đến tường lý trưởng và nộp số tiền là 2.00$ để sung quĩ. Nhà ai có con gái lấy chồng ở ngoài làng thời phải tường Lý trưởng và nộp lệ 6.00$ sung quĩ.

Điều thứ 4: Khi cưới xong thời phải theo đúng nghị định quan Thống sứ đã định, hai họ phải đến khai tại nhà... để vào sổ.

Điều thứ 5: Ngày nghênh hôn cấm những người trong làng, không được chăng giây đóng cổng, ai không tuân thì phải phạt 0.20$ sung quĩ.

Tang lễ

Điều thứ 6: Tang lễ là sự buồn dầu, đau đớn người ta theo thói quen đặt tiệc mời khách như đám hội vậy, thực là trái lẽ, nay làng bỏ thói lệ ấy đi.

Điều thứ 7: Tang chủ nếu giấu, mời người thân tộc lễ thời cũng mặc lòng, nhưng coi là việc riêng của nhà tang chủ không phải theo lệ cũ mà mời kỳ mục.

Điều thứ 8: Tang chủ đãi những người hộ lễ và những người giúp việc chứ không được mở tiệc.

Điều thứ 9: Trước khi chưa an táng dân làng đến thăm viếng chỉ dùng hương hoa mà thôi.

Điều thứ 10: Đến ngày an táng chủ phải tường với lý trưởng họp dân làng đều đến hộ tang nghĩa là khiêng quan tài và mang các đồ tang nghi trừ từ 60 tuổi giở lên còn phải đi cả.

Điều thứ 11: Trong làng đưa ma là trả nghĩa lần theo chính bổn phận phải làm, trừ những người vắng nhà, còn thời dù người trong làng hay ngoài làng cũng phải đi đưa đón, khi yên táng xong rồi thời chào tang chủ ngay ngoài mộ rồi đâu về đấy ngay không nên vào nhà tang chủ ăn uống.

Điều thứ 12: Tang chủ cũng nên tạ ơn người làng hay người đi đưa ngay ngoài mộ không được mời khách về nhà.

Điều thứ 13: Tang chủ muốn để danh dự cho người thác mà gửi một món tiền kỷ niệm để làm của công, hạng nhất 3.00$, hạng nhì 2.00$, hạng ba 1.00$, thì làng cũng nhập sung quĩ, nếu nhà ai xét ra nghèo quá mà không có cũng thôi.

Điều thứ 14: Làng sẽ làm quyển sổ để biên món tiền ấy để kỷ niệm về sau.

Điều thứ 15: Làng chỉ được đem món tiền ấy làm những việc ích lợi chung cả làng.

Điều thứ 16: Sự gửi tiền kỷ niệm là tùy ý tang chủ làng không bắt buộc ai cũng phải theo.

Tế tự

Điều thứ 17: Các việc tế trong một năm làng định chi như sau này:

Ngày mồng 1 tháng Giêng lễ Nguyên Đán 2.00$

Ngày mồng 2 chi 1.00$

Ngày mồng 3 chi 1.00$

Tháng 2 ngày mồng 7 lễ nghênh thần

Tháng 3 ngày 15 lễ Kỳ An

Tháng 7 ngày mồng 2 lễ tế thu

Tháng 8 ngày mồng 10 lễ thường tân

Tháng 9 ngày 16 lễ ky thần

Tháng 12 ngày mồng 2 lễ chạp thần.

Trong những ngày việc làng kể ở trên thì mỗi kỳ chi cho những người cần đương 2.00$ để làm lễ, còn đồng niên lễ sóc vọng giao thủ tự mỗi tháng 1.00$ để làm lễ.

Điều thứ 18: Trong những kỳ đại lễ thì tất cả chức sắc kỳ mục cùng hai bên lão hạng phải ra đình làm lễ, trừ những người đi vắng xa, ốm đau cũng là có chở cơ niên, còn ai ở nhà không đi tế thì phải có dầu kiểu nếu không thì Hội đồng phạt 0.10 sung quĩ.

Điều thứ 19: Khi đến kỳ lễ thời cả làng phải nghiêm chỉnh không được nói chuyện và nhởn nhơ, người nào dự tế nghe trống đình mang mũ áo ra làm lễ.

Điều thứ 20: Trong làng người nào nhiều tuổi hơn cả, thông hiểu Hán tự thì được làm tế chủ, cũng là những người khoa mục và những người có phẩm hàm cao nhất, nếu những người ấy đi vắng, thì cắt xuống người dưới.

Điều thứ 21: Trong làng ai tuổi đến 90 thời làng trích công quĩ may 1 mũ bằng vóc, 1 cái áo lụa đỏ để kính biếu gọi là kính thọ.

Khao vọng

Điều thứ 22: Trong làng ai thi đỗ Tây, Nam, trúng đại khoa vọng dân 15.00$, trung khoa vọng dân 8.00$. Tú tài bát cửu phẩm chánh phó tổng vọng 6.00$, chánh phó lý học sinh tốt nghiệp 3.00$, chánh phó quản cố vọng dân 8.00$, nhưng người 55 tuổi và 60 tuổi vọng dân 2.00$.

Điều thứ 23: Những người lên bàn nhất mà có chức sắc vọng dân 3.00$, người bách đinh vọng dân 5.00$ lên lão cũng vậy.

Điều thứ 24: Trong làng ai đẻ con giai, mà vào làng phải vọng 0.25$ và những người đến 18 tuổi, ai vọng dân 5.00$, nên ai đã nộp vào quĩ dân cải món tiền vọng trên thì làng sẽ trừ canh khống cho.

Thứ vị

Điều thứ 25: Chiếu nhất hạng tư bát chụ khoa mục và phẩm hàm, chiếu nhì chức sắc tân cựu. Hội đồng lý dịch, chiếu ba lão hạng ngang chiếu tư những người có chân tư văn.

Điều thứ 26: Vị thứ chiếu nào theo chiếu ấy, khi lễ bái cũng vậy, nếu ai trái phép Hội đồng phạt 0.20$ sung quĩ.

Điều thứ 27: Kể từ ngày đã được thi hành khoản ước này điều gì cũ trái với khoản ước này đều bỏ đi cả.

Điều thứ 28: Trong làng ai trái những khoản ước kể trên thời Hội đồng tùy tình nặng nhẹ mà phạt, nặng thời không cho dự đình trung tế tự 2 năm, nhẹ thời không cho dự đình trung 1 năm, nếu người ấy bất phục hình hai điều làm biên bản trình quan xét.

Điều thứ 29: Đệ niên tế thần xong việc thủ quĩ phải đem hương ước tuyên đọc cho cả làng, đàn ông đàn bà đều biết mà tuân.

Điều thứ 30: Các điều trên này về sau có khoản nào không hợp thời nghĩ thì sưu thuế sẽ xin phép quan trên cho cải chính bổ khuyết.

Thuận lập hương ước

Hội đồng kỳ mục

Nguyễn Hữu Dụng, Nguyễn Đình Khoát

Hội đồng trị sự

Thủ quĩ kiêm hộ lại Nguyễn Chiểu

Thư ký kiêm trưởng bạ Nguyễn Văn Lưu

Tộc biểu Hứa Văn Trạc

Khán thủ Hoàng Văn Thân

Lý trưởng Nguyễn Văn Khánh

Nguyễn Đình Dần, Nguyễn Văn Đệ, Nguyễn Văn Tre, Nguyễn Đình Tại, Nguyễn Văn Đồng, Nguyễn Đình Nhuận, Nguyễn Văn Nhuệ, Nguyễn Đình Tuyên.

HƯƠNG ƯỚC LÀNG NGỌC XUYÊN

Tổng Phúc Lâm, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông
(Nay là phường Tứ Liên, quận Tây Hồ)

Khoản ước của làng lưu truyền từ xưa hoặc có khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần phải cải... suy xét hiện tình thời nay so sánh khoản lệ thủa trước, điều nào hại thì đổi, điều nào lợi thì theo, mục đích làm cho gia tộc được giầu thịnh, dân làng có trật tự, sạch sẽ theo trình độ tiến hóa mà cải bổ thêm.

Phần thứ nhất: Chính trị
Tổ chức Hội đồng tộc biểu

Điều thứ nhất: Các họ họp lại mà thành một làng bởi thế việc làng do các họ cử người thay mặt để mà trông coi gọi là tộc biểu.

Điều thứ hai: Cách thức bầu tộc biểu theo như Nghị định quan thống sứ Bắc Kỳ ngày 12-8-1921.

Điều thứ ba: Tư cách tộc biểu là tuổi từ 25 trở

(Thiếu từ điều thứ 3 đến điều thứ 8)

Điều thứ 9: Thời gian khi nào có việc cần mở Hội đồng bất thường thời không kể, còn thời cứ ngày mồng 1 và ngày 15 họp Hội đồng một lần để bàn việc làng, nếu ai say rượu nói càn thời đuổi ra không hội nữa.

Điều thứ 10: Khi nào được quá nửa số người trong ban dự hội, thời có thể bàn được việc xong rồi thời phải giải tán ngay không được ngồi lâu mà bày cuộc tửu phiếm.

Điều thứ 11: Hội đồng bàn việc gì thời phải làm thành biên bản, tờ biên bản ấy có chữ ký của hội viên hiện tại và phải yết thị tại công sở và để vào công hàm lưu chiểu.

Điều thứ 12: Tộc biểu nào mắc bận việc gì không đến hội được thời phải có nhời cáo để Hội đồng biết, nếu không mà tự bỏ, thời phải phạt đến hai lần thôi. Hội đồng trình quan bãi chức mà biểu họ ấy cử người khác để thay.

Điều thứ 13: Đương lúc Hội đồng người trong làng nếu ai theo lễ phép mà hỏi điều gì thời Hội đồng cũng phải theo lễ phép mà đáp lại một cách minh bạch để người ta biết, nếu người ấy làm cho mất trật tự của Hội đồng thời Hội đồng được phép phạt hay là đuổi ra, nếu không phục tình làm biên bản trình quan.

Điều thứ 14: Những việc Hội đồng bàn được quá nửa số người ấy hợp ý thời đem thi hành nếu ý kiến không hợp thời phải bỏ phiếu nhưng một phiếu của trưởng hội được kể thành hai, hoặc biểu bằng cách dơ tay, hoặc biểu bằng cách bỏ phiếu kín, cũng phải bắt đầu từ họ nhỏ nhất rồi dần dần đến họ lớn nhất là hết.

Điều thứ 15: Khi có lệnh quan tòa hoặc quan cai trị cần hỏi đến làng thời Hội đồng tự chọn hai người trong ban đi mấy lý trưởng.

Điều thứ 16: Trừ ra những khi có lệnh quan trên bắt thời không kể, còn những khi quan trên hỏi ý kiến về những việc quan hệ và quyền lợi chung cả làng thời hai người tộc biểu và lý trưởng không được tự quyết mà trình quan ngay, phải xin phép về mở Hội đồng nếu được mọi người ý hợp rồi sẽ trình quan.

Điều thứ 17: Tộc biểu và lý trưởng vì việc làng mà đi xa như là lên huyện thời chi mỗi người mỗi ngày 0.40$, lên tỉnh thời chi mỗi người mỗi ngày 0.50$.

Điều thứ 18: Tộc biểu nếu làm việc gì trái hương ước hoặc cả Hội đồng, hoặc một họ nào trong làng phát giác ra thời Hội đồng họp chức sắc kỳ lý lại mà cứu xử. Hội đồng chức sắc kỳ lão này có quyền quở trách hay phạt tiền từ 0.10$ đến 1.00$ hay không cho dự hội nữa. Người nào làm mất tư cách đã nói ở điều thứ 3 hay là làm tổn hại quyền lực của làng thời Hội đồng chức sắc kỳ lão bãi chức người ấy. Nếu xử không xong hay người có lỗi không phục tinh, thời Hội đồng sẽ biên bản trình quan.

Điều thứ 19: Sổ chi thu muốn cho trong làng chi tiêu có chừng mực để khỏi tốn dân, thời phải làm sổ chi thu.

Điều thứ 20: Thường năm cứ đến ngày mồng 1 tháng 11 Tây Hội đồng dự toán sang năm sẽ thu được những món gì, chi tiêu những việc gì rồi làm thành sổ dự toán cả Hội đồng ký kết trình quan sở tại kiểm soát, đệ tỉnh bẩm duyệt, đến ngày mồng 1 tháng Giêng Tây mấy được thi hành.

Điều thứ 21: Sổ chi thu của làng do Hội trưởng được quyền cho phép thu phát những điều khoản tiền đã dự định trong sổ.

Điều thứ 22: Thủ quĩ nhận tiền của ai phải biên ngay vào sổ răng cưa và xé một nửa giao cho người nộp tiền, làm biên lai tiền ấy thuộc về khoản gì, thư ký phải biên ngay vào sổ thu chi ở khoản đã dự định cho thu những món tiền ấy, ai nộp tiền cho người nào mà không có chữ thủ quĩ biên lai, thời tiền ấy coi như chưa nộp.

Điều thứ 23: Ai nộp tiền cho người nào mà không có chữ thủ quĩ biên lai, thời tiền ấy coi như chưa nộp.

Điều thứ 24: (mờ không đọc được)

Điều thứ 25: Làng có chi tiêu việc bất thường hay là có trước chưa có dự định thời có tộc biểu phải mở Hội đồng làm biên bản cho rõ vì cớ gì mà phải tiêu và tiêu là bao nhiêu. Biên bản ấy trình quan kiểm duyệt y đã, rồi mới được chi.

Điều thứ 26: Những món tiền thủ quĩ chi ra mà không có phát lệnh của hội trưởng thời không kể hễ ai đến lĩnh tiền ấy giao cho cái

phiếu xé ở sổ răng cưa ra mà có chữ ký của hội trưởng cùng chữ ký hay là điểm chỉ của người lĩnh tiền cứ đến cuối tháng Hội đồng kiểm quĩ một lần và làm biên bản.

Điều thứ 27: Hết năm thời Hội đồng kết toán xem số tiền thực thu được là bao nhiêu, chi ra hết là bao nhiêu, còn lại là bao nhiêu, yết thị tại đình ít là một tháng để đồng dân biết, khi yết thị thời phải cho mõ đi rao.

Điều thứ 28: Chi tiêu không được quá số dự định và phải rất tiết kiệm để cho tiền công còn thừa làm tiền lưu hạ, tiền lưu hạ ấy hoặc làm việc sinh lợi, hoặc lưu tại quĩ để chi tiêu việc bất thường.

Điều thứ 29: Nếu Hội đồng đem tiền ấy cho vay thời chỉ lấy lợi 3 phiên, những người vay phải cầm điền sản, làm tin, nếu không cầm thời không được vay, những điền sản cầm cho làng giá đáng mười phần, chỉ được vay 4-5 phần mà thôi.

Điều thứ 30: Hội đồng định cho ai vay thời phải làm biên bản và bắt người vay phải viết văn tự. Văn tự ấy phải trước ba, biên bản giao hội trưởng giữ mà văn tự giao thủ quĩ giữ, thủ quĩ sẽ chiếu trong văn tự mà giao tiền cho người vay, ai vay tiền đến hạn thời phải giả cả gốc lẫn lãi chứ không được viết lợi làm gốc mà tăng thêm hạn nữa, hạn cho vay không được quá một năm.

Điều thứ 31: Nếu số tiền có ít mà người vay thời nhiều và điền sản đem cầm cũng bằng nhau thời Hội đồng bốc thăm, ai bắt trúng thăm thời được vay.

Điều thứ 32: (mờ không đọc được)

Lý phó trưởng

Điều thứ 33: Lý trưởng là người thay làng mà thừa hành việc quan. Phó lý là người giúp việc lý trưởng trông coi việc tuần phòng và đề dịch, Lý phó trưởng không được quyền tự ý quyết định việc gì khác với ý kiến chung của Hội đồng tộc biểu.

Điều thứ 34: Lý phó trưởng là người hành chính trong làng đều được dự Hội đồng cả, nếu trong làng có chánh phó tổng cũng vậy.

Điều thứ 35: Làng không có ruộng công mà cấp cho Lý phó trưởng để chi phí việc quan thời làng cấp cho Lý trưởng mỗi năm 20.00$. Phó lý mỗi năm 10.00$ mà Lý phó trưởng đã được tiền làng cấp cho ngạch nhất định khi đi việc quan một mình không được tính tiền lộ phí nữa.

Sự bổ thuế

Điều thứ 36: Lý trưởng tiếp quan phát bài chỉ thuế về, thời phải tường ngay hội trưởng. Khi mở Hội đồng bổ sưu thuế đã có ngạch nhất định của Nhà nước, Hội đồng cứ theo trong bài chỉ mà bổ, không được chia đàn anh đàn em, đất nội canh đất ngoại canh mà bổ nhiều bổ ít, trong sổ bổ phải biên rõ người nào bao nhiêu tiền thổ, bao nhiêu sưu đinh, thành là bao nhiêu tiền, không được hàm hỗn.

Điều thứ 37: Khi bổ... rồi thời chia về các tộc biểu, thu giao lý trưởng đệ nạp.

Điều thứ 38: Làng không bổ ngoại phí cho Lý trưởng về việc thuế nữa, vì đã cấp cho số tiền nhất định rồi, hoặc người nào thiếu thuế, sưu, thời Lý trưởng phải trình quan cứu xử.

Điều thứ 39: (mờ không đọc được)

Sự kiện cáo

Điều thứ 40: Trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay thương sự trước hết phải trình Hội đồng hòa giải.

Điều thứ 41: Khi Hội trưởng tiếp được ai trình thì phải mở ngay Hội đồng (....) cho đáng và tình thân ái mà hòa giải cho hai bên, nếu hòa giải xong thời theo kiểu mẫu trong luật hòa giải chứng thư trình quan sở tại biên vào sổ.

Điều thứ 42: Việc hòa giải không xong, hội đồng vì nguyên, bị mà phải đi làm chứng trước tòa án, thời người thua kiện phải chịu tiền

lộ phí, nếu tòa án xét xử cũng như khi Hội đồng hòa giải, thời biết mà không phục tiện lại phải phạt thêm 1.00$ để công quĩ.

Điều thứ 43: Những việc hình sự dù không có thể hòa giải được những người đương sự phải trình Hội đồng biết. Hội đồng xét duyên cớ việc hình sự ấy phát ra làm sao rồi làm biên bản trình quan, chứ không được bắt vạ hay là sách nhiễu nhà sự chủ.

Sự canh phòng

Điều thứ 44: Canh phòng để dữ tính mệnh tài sản chung cả làng thời hết thẩy người làng, tự 19 tuổi cho đến 45 tuổi đều phải chịu trách nhiệm cả, trừ ra những người khoa mục chức sắc kỳ lý hội đồng người làm việc quan có bằng cấp, người đương đi học các trường, người tàn tật, còn người nào phải phiên canh mà đi vắng thời có thể nhờ bà con bạn hữu đi thay hoặc nộp tiền cho làng để thuê người canh thay cũng được.

Điều thứ 45: Những người phải đi tuần chia làm năm phiên, mỗi phiên phải chịu trách nhiệm một năm, hết lượt (mờ không đọc được).

Điều thứ 46: Những khi giới canh thời làng trích tiền công mà sắm cho nhưng khi hết hạn canh thời phải giao giả phiên khác, hoặc khi nào phải (...) canh thời làng sẽ trích tiền công mà cho phiên canh để chia (...)

Điều thứ 47: (mờ không đọc được)

Điều thứ 48: Ban canh thường đêm phải đi tuần luôn chung quanh làng để trộm cắp khỏi vào làng, ai bắt được 1 đứa trộm thời thưởng 1.00$, ai bắt được một đứa cắp thời thưởng 10.00$, nếu khi trong làng nhà nào mất trộm cướp mà tuần không bắt được đứa phạm ấy thời phải chiểu giá vật mất mà đền cho sự chủ hoặc khi cướp phát ra tuần đã hết sức mà không thể chống lại được thời không phải đền.

Điều thứ 49: Lý phó trưởng thường kiểm soát những người nào lạ mặt vào trong làng, nếu thấy ai không có thẻ tùy thân và không căn cước đáng nghi, thời phải bắt giải trình quan.

Điều thứ 50: Lệ cắt tuần trừ ra những người chức sắc kỳ mục Hội đồng đương cựu lý dịch hương trưởng, còn thời tự 19 tuổi đến 45 tuổi đều phải đi tuần cả, ai mua được trưởng phiên thời đến lượt mấy phải ra, người nào không mua được trưởng phiên thời năm nào cũng phải đi luôn.

Điều thứ 51: Khi không có (...) kịp thời làng cử trương tuần để trông nom tuần tráng, tư cách người trương tuần là người mạnh bạo thực thà và có gia sản, người nào chậm chễ bất hảo thời không được làm trương tuần mà tuần tráng phải theo quyền phép Hội đồng và lý phó trưởng.

Điều thứ 52: Tuần tráng phải trông coi trong làng (.....) thấy người nào trộm cắp thời bắt đem về trình hội đồng xét phạt người ấy từ 0.50$ cho đến 1.00$ để công quĩ hoặc tuần tráng bất cẩn để mất hoa lợi trong làng ngoài bãi thời phải chiểu giá mà đền cho sự chủ.

Điều thứ 53: Làng thu đồng niên mỗi mẫu tiền sương 0.60$, chi cho mỗi người tuần đồng niên 3.00$ còn thừa để sung công quĩ và trong làng ai nuôi trâu bò thời phải nộp vào quĩ mỗi con 0.10$ hai khoản này tuần không được (...) của ai cả, nếu bất cẩn để mất của người ta, thời phải chiểu giá mà đền.

Điều thứ 54: Gặp lúc cần kíp như là nước to đê sạt lửa cháy cướp trộm chỉ trừ ra những người 60 tuổi và người yếu ốm còn trong làng nghe thấy hiệu (.....) ra ứng cứu, lập tức, nếu người nào lười biếng không ra thời hội đồng xét phạt từ 0.20$ đến 0.50$ để sung quĩ.

Điều thứ 55: Ai vì sự cấp cứu mà bị thương, làng cấp tiền cho chữa thuốc, hoặc trọng thương thành tật thời cho ngôi kỳ mục, thương đến nỗi chết thời làng cho tiền tử tuất 20.00$ và cả làng đi đưa ma.

Điều thứ 56: Muốn cho dân, làng được mạnh khỏe cần phải theo phép vệ sinh, một là phòng bệnh, hai là giữ bệnh.

Điều thứ 57: Hội đồng thường phải hiểu biểu cho người làng giữ cửa nhà và đường chung cho sạch sẽ, cấm không được vất rác ra

đường và làm nhà xí bên đường ai phạm cấm ấy thời phạt từ 0.10$ cho đến 0.50$.

Điều thứ 58: Khi trong làng phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm thời lý trưởng phải trình quan ngay, xin quan thầy thuốc về chữa, ai mắc bệnh hủi thời phải trình quan đem ra nhà dưỡng tế, chứ không được làm liều mà để ở trong làng.

Điều thứ 59: Những đồ dùng của người ốm hay là người chết, cấm không được vất xuống hồ ao, ai phạm cấm ấy thời phạt 0.30$ lại cấm không được làm chuồng trâu, chuồng bò lợn ở gần hồ ao, hay là chỗ do bẩn có thể chảy xuống hồ ao được.

Điều thứ 60: Các đường trong làng thời làng trích tiền công mà sửa đắp hay là chia ra nhân đinh, chia ra trâu bò tùy hội đồng trù nghĩ, các đường riêng từng xóm thời xóm nào xóm ấy phải sửa, nếu ai làm việc gì riêng mà tổn hại đến đường công phải bồi thường và phải phạt từ 0.30$ cho đến 1.00$ đền công quĩ.

Điều thứ 61: Cấm không ai được chăn trâu bò gần ruộng hoa mầu để ăn mầu mạ trong làng ngoài bãi, hễ tuần bắt được trình hội đồng xét phạt 0.50$ nếu ăn của ai thời lại phải chiểu giá mà đền cho người chủ.

Về của công

Điều thứ 62: Đã gọi là của công thời người trong làng ai cũng có nghĩa vụ phải giữ, nếu ai làm tổn hại thời phải bồi thường, khi có bán bất động sản thời hoạt động đấu giá kín, nhưng phải yết thị cho mọi người biết trước 10 ngày.

Điều thứ 63: Ai đấu giá cao hơn thời được, nhưng Hội đồng phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Xét gian lận

Điều thứ 64: Trong làng ai tụ tập gian phi và thử cờ bạc, nấu rượu lậu, thuốc phiện làm điều phạm cấm mà lý phó trưởng và tuần

phiên không tuần phòng, cho cẩn để Hội đồng bắt được thời tuần và lý phó trưởng phải phạt 1.00$ mà người gia chủ cũng phải phạt 1.00 lại phải truất xuống ngôi.

Điều thứ 65: Ai cố ý phạm cấm Hội đồng không thể khuyên răn được thời bắt tang vật làm biên bản trình quan trừng trị.

Điều thứ 66: Những người phạm cấm ấy, dù quan đã chiếu luật trị tội rồi, nhưng làm mất phong thế trong làng thời Hội đồng không cho dự đình trung tế tự nữa.

Sự giao thiệp

Điều thứ 67: Theo thói quen khi có quan khách đến làng, chỉ có Lý phó trưởng đương thử ra ứng tiếp, nếu đi vắng quan khách không biết hỏi ai như thế thời không tiện, nay định việc ấy cho Hội đồng.

Điều thứ 68: Không cứ quan Tây hay quan An Nam nếu có đến làng thời tuần phải đi báo ngay những viên Hội đồng. Những viên Hội đồng và Lý phó trưởng lấy lễ nghi chỉnh đáng mà tiếp tại công sở, nếu các quan muốn khám xét nhà nào thời Hội đồng dẫn khám, nếu có sự gì ngăn trở thời phải giữ gìn cho được yên ổn, khi trong địa giới làng có người ốm hay bị tai nạn gì Hội đồng nghe tin báo phải đến tận nơi liệu phương kế mà cứu trợ ngay.

Sự giáo dục

Điều thứ 69: Dậy trẻ con, có học thức phổ thông là nghĩa vụ của người làm phụ huynh không ai được từ, làng sẽ mở một trường ấu học để dậy trẻ con trong làng.

Điều thứ 70: Thường năm làng trích tiền công chi việc trường học và lương thầy giáo mà trẻ con trong làng lên 8 tuổi thời phải đi học cả.

Điều thứ 71: Làng sẽ lấy tiền công mua giấy bút cấp cho những con nhà nghèo mà hội đồng xét không có thể mua được.

Ngụ cư ký táng

Điều thứ 72: Làng chỉ cho những người có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 73: Trừ ra những người ngụ cư tạm thời thôi, còn những người đã có gia sản ở làng thời phải chịu trách nhiệm canh phòng mấy làng.

Điều thứ 74: Ai ký táng ở địa phận của làng dù mua đất của ai, nhưng phải trình hội đồng biết và nộp tiền kiểm cố 3.00$ để công quĩ, nếu đất ấy thuộc về công dân thời phải nộp 10.00$.

Sự quân cấp điền thổ

Điều thứ 75: Trừ đất gia cư ra, còn các xứ chia 6 năm là một khóa, tùy số đất nhiều ít mà chia, nhiều thời chia làm 2 lượt, ít thời chia làm một lượt, nếu còn thừa không đủ chia thời giá công bình mà bán. Khi bán thời bỏ phiếu ai giá cao hơn thời được mua tiền ấy sung công quĩ, hạn 3 năm là một trường.

Điều thứ 76: Lệ nhận đất thượng lão đến người 18 tuổi mỗi người một phần, các cụ không mua được xã - chính và người 17 tuổi mỗi người nửa phần lượt nào cũng thế, theo ngôi thứ trong làng mà nhận.

Tế tự khao vọng vị thứ

Điều thứ 77: Lệ tế khai xuân ngày mồng 9 tháng Giêng lấy tiền công mà sửa lễ định chi tiền việc ấy 35.00$.

Điều thứ 78: Lệ vào đám ngày 16 tháng ba trong 3 ngày định lấy tiền công chi tiêu việc ấy 50.00$.

Điều thứ 79: Lệ mua đồ lễ Nguyên Đán ở đình 6.00$ hương đăng ở chùa 4.00$ lệ Hàn Thực 2.00$.

Điều thứ 80: Lệ lễ Kỳ Yên tháng Tư định lấy tiền công chi tiêu việc ấy 25.00$.

Điều thứ 81: Lệ lễ Kỳ Phúc ngày 28 tháng 6 thời thượng lão giáp tỉnh lễ.

Điều thứ 82: Lệ lễ Trung thu ngày 14 tháng 8 thời Tư văn định tế một thể.

Điều thứ 83: Lệ lễ Kỳ Phúc ngày 13 tháng 9 thời giáp Bắc trình chỉnh lễ.

Điều thứ 84: Lập nhập tiệc thần ngày 12 tháng 10 thời lấy tiền công định chi tiêu việc ấy 40.00$.

Điều thứ 85: Lệ lễ Kỳ Phúc ngày 21 tháng 11 thời giáp Đông thịnh chỉnh lễ.

Điều thứ 86: Lệ lễ thanh đản ở chùa ngày mồng 1 tháng 11 thời định lấy tiền công chi tiêu việc ấy 20.00$.

Điều thứ 87: Trung nguyên, Trùng Ngũ, Trùng Thập và các tiểu tiết định lấy tiền công chi mỗi kỳ 1.50$ lễ thành thời Hội đồng hiện tại cùng thụ lộc.

Điều thứ 88: Lệ lễ sóc vọng ở đình định lấy tiền công chi mỗi kỳ 1.50$ lễ xong thời Hội đồng hiện tại cùng thụ lộc.

Điều thứ 89: Lệ kỵ hậu ở đình ở chùa mà không có tiền phóng lợi, thời định lấy tiền công chi mỗi hậu một 1.00$, còn những hậu có tiền phóng lợi thời chi mỗi hậu 2.40$, tuần sửa lễ xong thời Hội đồng hiện tại thụ lộc.

Điều thứ 90: Lệ hương đăng ở đình đồng niên trích lấy tiền công cấp cho thủ từ 40.00$ nếu làng không cử được thủ từ thời giáp nào nhất yên bài phải cắt người đèn hương, thời làng cũng cấp cho 40.00$.

Điều thứ 91: Lệ hương đăng ở miễn đồng niên trích lấy tiền công cấp cho thủ từ hương 10.00$.

Điều thứ 92: Chủ tế về phần đại khoa cử nhân tú tài chánh phó tổng, ai có phẩm hàm hơn thời được sung việc ấy, nếu không có chức ấy thời viên thủ chỉ được sung. Điển văn thời Lý trưởng đương thứ được viết việc trợ tế thời những người nào đã mua được trưởng - tư - văn đều phải vào cả, nếu ai giở bận việc gì thời phải cáo, nếu không thời phạt 0.30$ để công quĩ.

Điều thứ 93: Lệ đi mua lễ mua lợn làm cỗ, các đại tiết thời chạ thứ sáu và chạ sắc mục phải tùy theo lý dịch Hội đồng cắt việc sai khiến nếu ai không tuân lệnh thời phải phạt 0.30$ sung quĩ, còn các tiểu tiết thời tuần nhiệt phải chỉnh biện.

Điều thứ 94: Đương cai phải chịu dầu đèn củi lửa, phải đi mời viên chức Hội đồng lý dịch mỗi năm chia về hai giáp, mỗi giáp hai người làm đương cai khi có việc bất thường thời tuần nhật phải đi báo cáo những viên chức ấy.

Điều thứ 95: Trong khi tế lễ quý hồ thành, khi yến ẩm quý hồ thương mục hạ hòa, các đại tiết như là tháng giêng, tháng ba, tháng mười, thời để phần suốt từ thượng lão cho đến hương ẩm ai đi vắng cũng có phần, còn như các tiểu tiết thời chỉ để phần 4 viên bàn nhất kỳ mục đương thứ lý dịch hội đồng mà thôi.

Điều thứ 96: Những người có khao thời làng có biếu khi đại tiết ai có khoa mục phẩm hàm, hoặc 1, 2, 3, 4 người làng cũng chỉ biếu một cái canh lợn (nấm lợn) bốn viên bàn đệ nhất bốn cái chân lợn, viên thứ chỉ kỳ mục lý dịch đương thứ thì biếu mỗi người một miếng thịt, một đĩa xôi, một quả cau, còn chủ tế diễn văn thủ tế và quan viên trợ tế thời biếu cỗ, theo như cỗ quản phần.

Điều thứ 97: Trong làng phải có khao vọng cho có trật tự, nhưng lệ khao quy vào lấy tiền để cống quĩ, các hạng như sau này.

Điều thứ 98: Lệ đến 45 tuổi phải nộp 2.00$ đến 55 tuổi phải nộp 2.00$ lên bàn nhất phải sửa lễ, một cái thủ lợn, một mâm xôi, hai chai rượu, giầu cau hương nến đủ, lễ thành tự 19 tuổi giở lên ai ra thời tiến lễ, vắng thời thôi, ai mua xã nhập bạ 2.00$ mua xã chính 6.00$, xã cựu 6.00$, trưởng phiên 8.00$.

Điều thứ 99: Lệ khao lý phó trưởng hương trưởng hương tuần, trưởng bạ, chánh phó hộ lại, thư ký, thủ quĩ 20.00$, bàn ngồi hương trưởng 25.00$, ai làm lý phó trưởng mãn lệ 6 năm được từ dịch, thời nộp 25.00$ thành là kỳ mục, còn chánh phó tổng và phẩm hàm thời nộp 30.00$, giáo học thông kỳ tòng sự nhà nước được thưởng hàm

thời nộp 45.00$, vị thứ theo như hàng kỳ cựu, biếu khi đại tiết theo hàng phẩm hàm.

Điều thứ 100: Lệ cheo nội 1.00$ và thế đồ lễ 1.00$ lệ cheo ngoại 1.00$ thế lệ rượu 4.00$ và một cái thủ lợn một mâm xôi, hai chai rượu, phù tiu hương nến đủ lễ.

Điều thứ 101: Ngôi hương ẩm ở đình, khi đại tiết thời chia làm năm dòng mà ngồi, một dòng bàn nhất, bàn nhì rồi đến quan viên xã chính, một dòng tiên thứ chỉ kỳ mục chánh phó Sưu thuế rồi đến những viên cựu dịch, một dòng đương thứ lý dịch rồi đến quan viên sắc mục, một dòng các cụ, một dòng tích thứ sau.

Lệ cắt linh tráng

Điều thứ 102: Lệ cắt linh thời Hội đồng chiểu nhà nào nhiều anh em gọi trước ít anh em gọi sau để Lý trưởng đem tuyển nếu ai đến lượt Hội đồng gọi mà trốn tránh thời phạt 1.00$, thứ sau lại phải đi tuyển.

Điều thứ 103: Linh chính ngạch và linh mợ được mãn khóa về, thời làng cho nộp 10.00$ ngồi theo như cựu hương trưởng ai mà được chánh phó quản đội cai, có bằng cấp thời lệ khao vào ngôi thứ theo như phẩm hàm, còn linh tại ngũ thời ngồi theo lý dịch đương thứ.

Điều thứ 104: Lệ cắt tráng trừ những người khoa mục phẩm hàm kỳ mục được thứ chỉ dịch Hội đồng hương trưởng còn tự người 19 tuổi giở lên, phó lý cứ chiểu hương lệ mà cắt, tích thứ sau mỗi người 3 buổi, tích sắc mục 2 buổi, xã - chích 1 buổi, hết lượt lại lượt.

Lệ hiếu

Điều thứ 105: Lệ ma thời ai muốn đưa tiền kỷ niệm, nhiều ít tùy lòng tang chủ, nếu ai không có thời thôi, không ai được trách nói bỉ thư gì cả.

Điều thứ 106: Khi nhà nào có người chết thời phải trình Hội đồng và lý trưởng Hộ - lại để báo cáo cho dân làng biết, ai nhớ tinh, hương đảng thời đi đưa ma, khi yên táng xong thời những người đưa ma nên chào tang chủ ở ngay ngoài mộ địa, không được vào nhà tang

chủ ăn uống và tang chủ cũng chỉ giúp ta dân làng ngay ở ngoài mộ địa không được mời về nhà mà thiết đãi gì cả.

Điều thứ 107: Tang chủ nếu giàu có mà muốn mỗi thân tộc để hộ tế thời cũng mặc lòng nhưng việc ấy, coi là việc riêng, nhà tang chủ không phải theo lệ cũ mà mời dân làng kỳ mục các hàng nữa.

Điều thứ 108: Khi nào làng có việc gì thời đương thứ lý dịch sai đương cai hay tuần nhật đi mời khoa mục phẩm hàm đương cựu lý dịch Hội đồng còn những người chưa được vị thứ phải mời thời cứ nghe hiệu trống mà ra, lệ trống tự hương lão cho đến hương ẩm năm hồi 3 tiếng, lệ trống tự thượng lão cho đến 19 tuổi 3 hồi 3 tiếng, lệ chống Tư văn 1 hồi 9 tiếng, trống tuần chinh 3 hồi 9 tiếng, xã cựu 1 hồi 6 tiếng, cha thứ sìu 1 hồi 4 tiếng, trống tuần phiên 1 tiếng 1 hồi rồi 1 tiếng, lệ gọi tuần nhật 5 tiếng, gọi đương cai 4 tiếng, trống Hội đồng 1 hồi 3 tiếng, những điều lệ làng đã thỏa định trên này đệ trình bẩm duyệt lưu để đời đời tuân thủ, nếu ai trái khoản lệ này thời phải phạt từ 0.30$ cho đến 1.00$ sung làm công quĩ.

YÊN PHỤ DÂN ƯỚC

Làng Yên Phụ, xã Tổng Thượng, huyện Hoàn Long

Chủ ý cải lương

Khoảng ước của làng lưu truyền từ xưa đến nay mà không có sổ sách rõ ràng, hoặc có sổ sách mà không hợp thời, vậy nên cải lương.

Phải suy xét hiện tình nay so sánh khoản lệ thuở trước, điều nào hại thì đổi, điều nào lợi thế thì theo, mục đích cố làm cho gia tộc được thịnh giầu dân khang vật thịnh.

Hương - Chính
Hội đồng tộc biểu

Điều thứ 1: Các người họp thành một làng, bởi thế việc làng do các họ cử người thay mặt gọi là tộc biểu để trông sóc.

Điều thứ 2: Cách bầu tộc biểu theo Nghị định ngày 12 tháng tám 1921.

Điều thứ 3: Trong họ phải chọn người có học thức có hạnh kiểm xưa nay không có tai tiếng tham lam không có can án khoản gì mà phải từ 25 tuổi giở lên. Đồng tộc làm đơn ký kết bầu cử.

Tộc biểu làm việc một hạn là ba năm

Điều thứ 4: Hết hạn ba năm cử lại tộc biểu một lần ai được tái cử lại được làm.

Điều thứ 5: Chức vụ tộc biểu là phải nghị và quyết định việc làng, lập sổ chi thu và kiểm soát sổ ấy.

Điều thứ 6: Tộc biểu chọn lấy một viên trong ban làm Hội trưởng và một viên làm phó hội trưởng.

Khi có Hội đồng, do Chánh hương hội báo cáo nếu Chánh Hương hội ngăn trở việc gì thì phó Sưu thuế báo cáo

Điều thứ 7: Người sưu thuế lại bầu hai người trong những tộc biểu một người thông hiểu thư toán làm thư ký và một người có gia sản làm thủ quĩ để giữ tiền công.

Điều thứ 8: Nếu trong tộc biểu không thể bầu được người thủ quĩ và thư ký thời Sưu thuế chọn người trong làng làm việc ấy, những người ấy được dự hội đồng.

Điều thứ 9: Trừ ra khi có việc cần họp hội đồng bất thần còn mỗi tháng Sưu thuế họp một lần để bàn việc làng.

Điều thứ 10: Được quá nửa số người tộc biểu dự Hội đồng thời có thể bàn việc được, bàn xong thời giải tán, không được ngồi lâu mà bầy việc tửu điếm.

Điều 11: Hội đồng bàn việc gì thư ký làm thành biên bản phải có chữ ký những người hiện tại và phải để vào công hàm lưu chiểu.

Điều thứ 12: Tộc biểu nếu bận không thể đến dự Hội đồng được thời phải có nhời cáo để Hội đồng biết. Nếu ai không có sự gì đích đáng mà bỏ đến hai lần thì Sưu thuế phải trình quan, rồi bảo họ ấy bầu người tộc biểu khác thay.

Điều thứ 13: Đương lúc Hội đồng nếu ai trong làng lấy lễ phép mà hỏi điều gì thời hội đồng cũng phải theo lễ phép mà đáp lại một cách minh bạch cho người ta biết.

Điều thứ 14: Những nhời Sưu thuế bàn nếu được quá nửa số tộc biểu ưng thuận đem thi hành.

Nếu một nửa số tộc biểu ưng thuận, nửa số khác không ưng thuận, thời bên nào có viên Chánh hương hội bên ấy được.

Điều thứ 15: Khi có lệnh quan tòa án, hoặc quan cai trị cần hỏi đến làng, thời Sưu thuế cử hai người trong tộc biểu đi với Lý trưởng.

Điều thứ 16: Những khi quan trên hỏi ý kiến về những việc quan hệ về quyền lợi chung cả làng thì 2 viên tộc biểu Sưu thuế cử ra ấy và Lý trưởng không được tự tiện quyết định phải xin phép quan về hỏi ý kiến hương hội đã rồi sẽ trình sau.

Điều thứ 17: Tộc biểu nếu làm việc gì trái Hương ước hoặc cả Sưu thuế, hoặc một họ nào trong làng giác ra thì Sưu thuế họp lại để xử xét.

Sưu thuế có quyền quở trách hay phạt tiền từ 0,20$ đến sáu hào hay là trình quan không cho dự hội đồng nữa. Người nào làm mất tư cách đã nói ở điều thứ 3 hay là làm tổn hại quyền lợi của làng thời Sưu thuế xin quan bãi chức người ấy, nếu Sưu thuế xử không xong hay người biểu tộc không có lời biểu tình thời Sưu thuế sẽ làm biên bản trình quan.

Lập sổ chi thu

Điều thứ 18: Nếu muốn trong làng chi tiêu có chừng mực để khỏi tổn dân thời phải làm sổ chi thu.

Điều thứ 19: Thường năm cứ ngày rằm tháng mười một Tây Sưu thuế dự tính sang năm thu những tiền gì, tiêu những tiền gì làm thành sổ rồi Sưu thuế ký kết trình quan sở tại để trình quan trên duyệt y đến ngày mồng một tháng Giêng Tây mới được thi hành.

Điều thứ 20: Việc chi tiêu của làng do hội trưởng được quyền cho phép thu phát những số tiền đã được dự tính ở trong sổ chi thu.

Điều thứ 21: Thủ quĩ nhận được tiền của ai nộp thời phải biên ngay vào sổ răng cưa và xé một nửa giao cho người nộp tiền làm biên lai. Tiền nộp thuộc về khoản gì thời thư ký phải biên ngay vào sổ chi thu ở khoản đã định cho thu những món tiền ấy!

Điều thứ 22: Ai nộp tiền mà không có giấy thủ quĩ biên lai thời tiền ấy coi như chưa nộp.

Điều thứ 23: Ngày nào tiêu việc gì thời ngày hôm ấy thủ quĩ phải biên ngay vào sổ chi thu ở trang đã để dành cho biên những món tiền ấy.

Điều thứ 24: Nếu làng có việc chi tiêu bất thường thời hội đồng phải làm giấy xin phép quan Công Sứ rồi mới được biên nhận vào sổ chi thu.

Điều thứ 25: Những số tiền thủ quĩ chi ra mà không có chữ trưởng hội ký thời không được tính vào công quĩ. Hễ ai đến lĩnh tiền thủ quĩ bắt người lĩnh tiền ấy giao cho một cái phải răng cưa mà có chánh hương hội ký mới được.

Người lĩnh tiền ấy phải ký hoặc điểm chỉ vào sổ mới được lĩnh tiền.

Điều thứ 26: Hết năm thì hương hội tính sổ xem số tiền thực thu là bao nhiêu, tiền chi ra là bao nhiêu, tiền còn lại bao nhiêu yết thị tại đình ít ra là một tháng để đông dân biết. Hễ khi yết thị thì phải cho mõ đi rao.

Điều thứ 27: Chi tiêu không được quá số dự định và phải tiết kiệm để cho tiền công còn thừa làm tiền lưu thủ.

Trách nhiệm Lý - Phó - Trưởng

Điều thứ 28: Lý phó trưởng là người thay mặt làng để thừa hành làm việc quan. Phó lý là người giúp việc Lý trưởng và trông nom việc tuần phòng trong làng.

Điều thứ 29: Lý phó trưởng không có quyền tự ý quyết định việc làng phải theo ý chung của hương hội.

Điều thứ 30: Làng trích tiền công cấp cho Lý trưởng mỗi năm 30,00$, Phó lý 10,00$ bạc lương.

Tiến lộ - phi

Điều thứ 31: Lý phó trưởng đi cùng với tộc biểu về việc công dân phải xuống huyện mỗi ngày dân cấp cho 0,30$. Lý phó trưởng khi

nào đi một mình thì không được tính tiền lộ phí. Người nào cần đến Lý phó trưởng và tộc biểu đi thì phải chịu tiền phí tổn.

Bổ sưu - thuế

Điều thứ 32: Lý trưởng khi tiếp được chỉ bài quan phát về thời cùng với Chánh hương hội để họp Hội đồng chiếu bổ.

Điều thứ 33: Sưu thuế đã có hạn nhất định của nhà nước. Hội đồng cứ theo như chỉ bài mà quân bổ không phân đoàn anh hay đoàn em.

Điều thứ 34: Trong sổ phải biên rõ mỗi người phải đóng bao nhiêu tiền không được hàm hỗn.

Điều thứ 35: Khi đã bổ xong. Lý trưởng ngồi tại đình mà thu, thu xong đem nộp lấy biên lai, lại về trình hội đồng biết.

Điều thứ 36: Kể từ hôm bổ thuế hạn cho 15 hôm những người phải đóng thuế phải nộp tiền cho đủ, nếu quá hạn thời Lý trưởng trình quan.

Điều thứ 37: Làng không bổ tiền ngoại phí cho Lý trưởng Phó lý nữa vì đã cấp tiền có lệ nhất định theo như điều thứ 30 rồi.

Điều thứ 38: Ngày họp bổ sưu không được bày ra ăn uống để làng khỏi phải đóng nặng thêm.

Sự kiện - cáo

Điều thứ 39: Trong làng ai kiện cáo vì việc dân sự hay thương sự, trước hết phải trình Hội đồng hòa giải. Hội đồng lấy nhẽ chính đáng hòa giải cho hai bên nếu không thuận thời làm biên bản giao Lý trưởng trình quan sở tại xử.

Điều thứ 40: Ở trong làng ai có điều gì bất bình với nhau; phải trình Hội đồng phân xử trước đã, nếu Hội đồng hòa giải hai bên không thuận bấy giờ mới được thưa kiện nhau ở huyện hoặc ở tỉnh nếu tự tiện thưa kiện nhau ở huyện thời Hội đồng bắt khoản tự 0,50$ đến 1,00$ bỏ quĩ.

Điều thứ 41: Sưu thuế và Lý trưởng vì nguyên bị mà phải đi làm chứng, thời người thưa kiện phải chịu phí tổn, không được oán hận.

Điều thứ 42: Những việc hình sự dù Hội đồng không có thể hòa giải những người đương sự cũng phải trình Hội đồng biết. Hội đồng xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra rồi làm biên bản trình quan xét, chứ không được bắt vạ hay cho tuần sách nhiễu nhà sự chủ.

Canh trong làng

Điều thứ 43: Canh phòng để giữ tính mệnh và tài sản chung cả làng cho được yên ổn thời hết thảy giai làng từ 18 tuổi đến 45 tuổi đều phải lần lượt ra tuần cả, chỉ trừ những người đương đi học, những viên chức sắc, khoa mục, những người đương làm việc quan các công sở có bằng hay là người đã có sơ học tốt nghiệp dĩ thượng, văn bằng ở các trường thực nghiệm cùng những người tàng tật.

Điều thứ 44: Giác dân người nào yếu đuối hay là đi buôn bán nơi xa không ra tuần được thì phải thuê người đi thay nếu không có người thay thì phải nộp vào công quĩ 12,00$ để thay vào lệ hành tuần.

Điều thứ 45: Những người tuần phải canh phòng trong làng được yên ổn và phải theo Lý trưởng kiểm soát những việc phi pháp như là mở sòng gá bạc lấy hồ, nấu rượu lậu, bán thuốc phiện lậu hoặc khi trong làng có hỏa hoạn hay là nhà nào bị trộm cướp nghe thấy tiếng kêu thì phải động hiệu đến cứu ngay.

Điều thứ 46: Những khí cụ để canh thời làng trích tiền công sắm cho, nhưng hết hạn tuần phải giao lại giả làng ai vô ý đánh mất phải mua đền.

Điều thứ 47: Người đầu phiên cứ đến gần tối thời nổi hiệu trống gọi tuần ra điểm ai có phương trở phải mượn người thay thế nếu bỏ không canh thời hai lần đầu phạt mỗi lần 0,10$ lần thứ ba phạt 0,40$.

Điều thứ 48: Tuần canh thời phải đi tuần đêm chung quanh làng để phòng kẻ gian phi trộm cướp, ai bắt được kẻ trộm, làng thưởng 2,00$, bắt được một đứa cướp làng thưởng 10,00$ bạc.

Điều thứ 49: Tuần phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng hễ có nhà nào mất trộm cướp mà tuần không chịu hết sức bắt đứa gian phạm, thời phải cứu nhưng khi có cướp mà tuần đã hết sức chống cự không thể được thời không phải đền.

Điều thứ 50: Lý phó trưởng và tuần thường kiểm soát những người lạ mặt vào làng nếu người nào không có thẻ tùy thân, căn cước đáng nghi thì bắt giải nộp quan.

Sự cấp cứu

Điều thứ 51: Khi cần cấp như là nước nhờn, đê sạt, hoặc cháy, hoặc trộm cướp, nhà nào trừ ra những người từ sáu mươi tuổi dĩ thượng và người tàn tật, con giai làng nghe thấy hiệu đều phải lập tức đến cứu nếu ai biếng nhãng không đến Hội đồng xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Điều thứ 52: Ai đến cấp cứu mà bị thương nhẹ làng cấp tiền thuốc, trọng thương thành tàn tật làng chước tạp dịch cho suốt đời, thương đến nỗi chết làng cấp cho 20,00$ tiền tuất và cả làng đi đưa đám.

Điều thứ 53: Khi trong địa giới làng có người ốm đau ở đâu đến, hay là bị tai nạn gì. Lý phó trưởng hoặc tộc biểu nghe tin báo phải đến ngay tận nơi liệu phương kế cứu.

Điều thứ 54: Khi trong làng phát ra những bệnh truyền nhiễm Lý trưởng trình quan trên ngay, xin thầy thuốc đến chữa, trong làng ai phải bệnh truyền nhiễm lập tức người nhà phải trình ngay với Lý trưởng.

Người ốm bất hạnh chết không được để lâu ở trong nhà, hạn trong 24 giờ phải đem chôn.

Điều thứ 55: Những đồ dùng của người ốm hay người chết về bệnh thời khí, cấm không ai được vất xuống hồ ao, ai phạm cấm làng phạt từ 0,40$ đến 1,00$.

Điều thứ 56: Cấm không ai được làm những chuồng lợn chuồng trâu, bò và nhà xí giáp đường đi và gần hồ ao, nếu ai không nghe thì phạt từ 0,50$ đến 1,00$.

Điều thứ 57: Nhà ai nuôi trâu, bò, dê, lợn, phải quét dọn cho sạch sẽ hợp cách vệ sinh không được để dơ bẩn đến nỗi hại tổn sức khỏe của người làng.

Cấm không ai được chăn trâu, bò, dê, ngựa ở nơi nghĩa địa ở làng, ai không nghe phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Đường đi cầu cống

Điều thứ 58: Làng cử một người thủ lộ để coi sóc đường đê, để người và xe ngựa đi cho tiện, giữ cho súc vật khỏi làm tổn hại đến đường đê, phải bảo những người ở cạnh đường đê quét dọn lúc nào cũng sạch sẽ, khi có chỗ nào hư hỏng lắm cần phải nhà nước tu bổ mới được, thời Thủ lộ phải trình với Lý trưởng tường quan.

Thủ lộ lại phải tùy tòng với Hội đồng để thông đạt những giấy sức và thư từ

Điều thứ 59: Người làng ai ra làm Thủ lộ làng cấp cho mỗi tháng 4,50$ bạc lương.

Điều thứ 60: Đã gọi là của chung cả làng, thì trong làng ai cũng có nghĩa vụ phải giữ, nếu ai làm việc riêng mà tổn hại đến đường, đê, cầu cống vân vân...

Tiền nhang đăng

Điều thứ 61: Mỗi năm dân chi cho thủ - từ 60,00$ để chi vào việc nhang đăng và tiền lương, hễ thủ từ đánh mất những đồ vật ở trong đình thì phải đền.

Điều thứ 62: Khi làng có bán hay cho thuê công sản thời hội đồng phải yết thị cho mọi người biết trước mười ngày, khi đấu giá ai bỏ giá cao thì được thầu, nhưng hội đồng phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện thầu với bản ấy.

Điều thứ 63: Đất công thổ ở đất Vườn Táo là nghĩa địa chung của làng ai đã giồng cây ở đấy từ trước cứ đến cuối năm Tây hương hội xét hoa lợi tùy nhiều ít sẽ đánh thuế.

Xét gian - lậu

Điều thứ 64: Những việc chính phủ đã có lệnh cấm như nấu rượu lậu, bán thuốc phiện lậu và khai sòng đánh bạc lấy hổ thì Lý phó trưởng và tuần phải khám xét luôn trong làng để ngăn cấm những việc ấy.

Điều thứ 65: Ai có ý phạm cấm ấy dù quan đã chiếu luật trị tội nhưng làm mất phong thể trong làng, thời hội đồng phạt cấm không được dự đình trung tế tự trong một năm.

Sự thừa tiếp quan khách

Điều thứ 67: Khi có quan khách đến làng, thì Lý phó trưởng hoặc tộc biểu lấy lễ nghi chính đáng mà ứng tiếp tại đình sở.

Điều thứ 68: Khi quan muốn khám xét nhà nào thì Lý phó trưởng hoặc tộc biểu dẫn khách nếu có sự gì ngăn trở thì phải giữ gìn cho ổn thỏa.

Ngụ Cư

Điều thứ 69: Làng chỉ cho người nào có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp được ngụ cư trong làng mà thôi. Những chủ có nhà cho thuê không được cho người vô nghề nghiệp và du đãng thuê.

Điều thứ 70: Trừ ra những người ngụ cư tạm thời thôi, còn những người có gia sản ở trong làng thời phải chịu canh phòng với làng nhược bằng không thể ra tuần tráng thời mỗi năm phải nộp vào công quĩ: nhà gạch 4,00$, nhà lá 2,00$ thay vào tiền tuần phòng và tiền thuế thổ trạch.

Thuế trâu, bò, ngựa

Điều thứ 71: Người làng hoặc người ngụ cư ai nuôi trâu, bò, ngựa phải đóng thuế cho làng theo như phải giá của quan thống sứ đình ngày 12-8-1921.

Hương Tục - Kỳ tảng

Điều thứ 72: Ai kỳ tảng ở đất của làng hay mua đất của ai cũng vậy phải trình hương hội biết và nộp vào công quĩ:

Hung tảng 6,00$ cát tảng 5,00$.

Mua hậu

Điều thứ 73: Người khác làng ai muốn mua hậu, mua một tên hậu phải nộp vào công quĩ 10,00$, mua hai tên một lúc phải nộp 18,00$.

Người trong làng mua một tên hậu phải nộp 8,00$, mua hai tên phải nộp 15,00$. Đệ niên cứ đến ngày giỗ cả dân sửa oản, quả, giầu, rượu cúng.

Tang - lễ

Điều thứ 74: Trong làng có người bất hạnh mệnh một thời tang chủ phải trình ngay Lý trưởng vào sổ và Chánh hương hội vào sổ hàng giáp trước 12 giờ để cắt đô tùy giúp việc tống tảng.

Điều thứ 75: Từ ba bàn kỳ mục dĩ thượng đô tùy phải vái hai vái rồi chuyển cữu. Khi khiêng quan tài ra đến huyệt phải đắp mộ cho yên đẹp tử tế xong rồi sắp hàng vái bốn vái rồi mang các đồ hành trang của dân về đình nhận lệ.

Điều thứ 76: Khi đã an tảng rồi, tang chủ không phải mời ăn uống gì, nếu tang chủ muốn nộp vào công quĩ, một số tiền làm kỷ niệm nhiều ít tùy ý thời dân cũng nhận, chớ không bắt ép ai phải nộp.

Điều thứ 77: Ba bàn kỳ mục thì chấp hiệu. Từ bàn tư giở xuống ai đến lượt đô tuỳ thời trưởng sổ đưa cho một cái phiếu gọi, nếu không đi phải phạt 0,40$ bỏ vào quĩ hễ có người đi thay thì thôi.

Tế - tự

Điều thứ 78: Tết Nguyên Đán và các tết khác thì Đông Nam hai giáp phải gọi oản, quả, giầu, rượu, chiếu theo vị thứ mỗi người sửa một lần.

Duy có tết Nguyên Đán thì trích trong công quĩ độ sáu đồng giờ lại để mua các thứ lễ vật.

Điều thứ 79: Đệ niên tháng hai từ ngày mồng hai đến ngày rằm là ngày Thanh Đản thời hai giáp vào đám làm lễ tại đình, trích ở công quĩ ra một số tiền độ 10,00$ giờ lại để sửa lễ.

Điều thứ 80: Đệ niên tháng tám ngày mồng hai tám là ngày thánh hóa, dân sửa oản, giầu, rượu làm lễ và trích công quĩ ra 3,00$, để mua đồ lễ thượng tân. Lễ Thánh rồi cỗ Thượng Tân ấy để kính biếu chức sắc và ba bàn.

Điều thứ 81: Khi tế tư xong rồi dân kính biếu các viên tế chủ, điểm văn và trợ tế một buồng cau, chức sắc một buồng, kỳ mục hướng sinh một buồng.

Điều thứ 82: Những khi có việc sự thần tế tựu xong Giáp nào đem lễ phẩm về giáp ấy chia phần thì thôi.

Nhược bằng dân ngồi ở đình cứ chiếu vị thứ ngồi cho tinh túc, không được hỗn tạp, ồn ào, say rượu cãi nhau. Nếu trái lễ phép vừa thời phải sửa một trăm giầu tạ thánh quá lắm thì Sưu thuế bắt khoản tự 0,50$ đến 1,00$.

Điều thứ 83: Tế thần thời các viên khoa mục chức sắc đã khao vọng rồi vào tế chủ điểm văn. Đông giáp tế chủ thì Nam giáp điểm văn. Nam giáp tế chủ thì Đông giáp điểm văn. Hễ các viên khoa sắc kiếu không tế chủ điểm văn thì cứ các viên bàn nhất, nếu các viên bàn nhất dân cử ra điểm văn mà xin kiếu thì việc ấy giao cho Lý trưởng làm thay.

Điều thứ 84: Chức sắc hương trình ba bàn, kỳ mục, hưởng sinh được dự tế thần, trừ những người có tang tự 9 tháng giở lên thời không được sửa giầu kiếu, còn những viên nào có phiếu cắt vào tế mà không đi thì phải xin kiếu ngay và hôm tế Thánh phải sửa một trăm giầu kiếu.

Khao vọng

Điều thứ 85: Các bậc khoa tràng như Tiến sỹ, Cử nhân, Tú tài, những viên chức sắc, văn từ tòng cửu phẩm, võ tứ chánh xuất đội dĩ

thượng tham tá và người có bằng cao đẳng, trung học với Chánh tổng bổ thụ muốn khao phải nộp vào công quĩ 50,00$, không phải làm cỗ mời dân nhưng phải sửa ba buồng cau một chai rượu lễ Thánh, một buồng để kính biếu chức sắc, một buồng để kính biếu ba bàn, kỳ mục, hương sinh và một buồng chia suốt từ bàn tư giở xuống.

Khao vọng rồi được ngồi chiếu chức sắc trên chiếm bàn nhất, viên nào hàm ngồi trên.

Điều thứ 86: Ai vọng lên bàn nhất và bàn ba phải nộp vào quĩ 15,00$ và sửa một trăm giầu và 1 chai rượu lễ Thánh xong rồi biếu hàng giáp.

Điều thứ 87: Ai đến năm mươi tuổi vọng lão nộp vào quĩ 3,00$, sáu mươi tuổi sửa một trăm giầu và 1 chai rượu lễ thánh rồi kính biếu hàng giáp thời được đi dự lễ sóc vọng.

Điều thứ 88: Ai mua ngôi hương luận nộp vào công quĩ 5,00$ và sửa một trăm giầu lễ thánh. Vào làng sửa hai trăm giầu.

Điều thứ 89: Linh dân cắt ra khi mãn về nộp vào quĩ 1,50$, lính một mãn về nộp 2,00$.

Khi còn tại ngũ theo lệ ấy thời đều được ngôi Hương sinh.

Điều thứ 90: Người nào đến 18 tuổi muốn mua ngôi Hương sinh phải nộp vào quĩ 5,00$ thì được trừ tuần tráng chung thân.

Điều thứ 91: Những người khao vọng hoặc mua ngôi thứ kể tự điều 85 đến điều 90 làng đã chiết can lấy tiền bỏ vào quĩ thời không phải làm rượu mời dân hoặc làng giáp nữa.

Điều thứ 92: Chánh phó tổng, Lý phó trưởng được trừ dịch đạo mới được dự ngồi kỳ mục.

Tiến lan nhai

Điều thứ 93: Con gái lấy chồng người làng phải nộp vào công quĩ 1,00$ và 1,00$ chiết can vào giầu cau lấy chồng biệt xã nộp vào quĩ 1,00$ và 3,00$ chiết can về giầu cau và phải trình Lý trưởng trước ba giá thú.

Điều thứ 94: Ban đầu ai to tiếng cãi nhau và chửi nhau hoặc vô số om sòm phải phạt từ 0,20$ đến bốn hào.

Điều thứ 95: Quyển khoán ước này biên làm bốn bản. Đệ niên khi nào tế tự đông đủ cả làng thời Thư ký hoặc Tộc biểu đọc để đồng dân nghe.

Điều thứ 96: Trong làng ai trái những điều khoản ước này thì Sưu thuế tùy theo nhẹ nặng mà phạt tiền từ 0,40$ đến 1,00$ hoặc không cho dự tế tự ở đình trung tự 1 năm đến 2 năm.

Làm tại Yên - Phụ ngày 6 tháng 5 năm Khải Định thứ 8 (1923).

Chánh Hội trưởng Nguyễn Văn Duật ký

Phó Hội trưởng Đỗ Văn Đăng ký

Thư ký Ngô Văn Uyên ký

Thủ quĩ Vũ Đình Giu ký

Tên các tộc biểu ký.

Khiết, Hạp, Lạc.

Giật, Vạn, Đinh.

Thừa, Hồ, Thông.

Lý trưởng Đỗ Hữu Nhiễu ký tên áp triện

Phó lý Vũ Văn Hòa ký

Quan huyện Trần Xuân đệ trình ngày 27 Jum 1923

Quan công sứ Lachaud duyệt y ngày 30 Jum 1923

Thừa sao y chính bản

Le Lý trưởng

HƯƠNG ƯỚC XÃ VĨNH PHÚC

Chủ ý cải lương

Khoán ước của làng lưu truyền từ cổ, hoặc chỉ khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần nên cải lương soi xét hiện tình so sánh cựu lệ, điều nào hại thời đổi, điều nào lợi thời theo, mục đích làm cho gia tộc thời thịnh giầu, dân làng có trật tự, sẵn có theo trình tiến hóa mà cải bổ thêm.

Phần thứ nhất: Nói về chính trị
Tổ chức hội đồng tộc biểu

Điều thứ nhất: Các họ họp lại mà thành một làng, bởi chỉ việc làng do các họ cử người thay mặt để mà trông nom gọi là tộc biểu.

Điều thứ hai: Cách biểu tộc biểu phải theo như những điều nói ở trong nghị định ngày 12-8-1921.

Điều thứ ba: Tư cách tộc biểu là tuổi từ 25 giở lên thông thái có gia sản, không can án phạt giam, tộc biểu giữ việc sáu năm là một hạn.

Điều thứ 4: Hết hạn sáu năm cử lại một lần, ai được tái cử thời lại làm nữa, những người đương làm tộc biểu thời được miễn tạp dịch, như là canh phòng trong làng, tu bổ đường sá.

Điều thứ 5: Chức vụ tộc biểu phải theo nghị định quan thống sứ ngày 22 jenen 1924.

Điều thứ sáu: Tộc biểu tự chọn một người trong ban làm Chánh Hội trưởng và một người làm phó hội trưởng, khi có hội đồng do hội trưởng báo cáo nếu hội trưởng ngăn trở việc gì thời phó hội trưởng báo cáo.

Điều thứ 7: Hội đồng lại bầu hai người trong ban, một người thông biểu thư toán làm thư ký để biên sổ sách và một người giầu có làm thủ quĩ để giữ tiền công.

Điều thứ 8: Nếu trong ban không thể bầu được người thư ký thủ quĩ, thời hội đồng bầu cử những người thủ quĩ thư ký đã được quyền giữ hội đồng người nào đã làm..... mãn được sáu năm thời được dự chân kỳ mục.

Điều thứ 9: Trừ ra khi có việc cần mở hội bất thường, còn thời mỗi tháng cứ ngày mùng một hội đồng một lần để bàn việc làng, ai mà say rượu thời cấm không được dự hội đồng.

Điều thứ 10: Đơn phương chừa quá nửa số người trong ban dự hội đồng thời có thể bàn việc, bàn xong thời phải giải tán ngay không được ngồi lâu mà bầy cuộc rượu.

Điều thứ 11: Hội đồng bàn việc gì thời phải làm thành biên bản, tờ biên bản ấy phải có chữ ký các người hội viên và phải để vào công hàm làm lưu chiểu.

Điều thứ 12: Tộc biểu mắc bận không đến họp được phải có nhời cáo để hội đồng biết, nếu ai không có duyên cớ đích thực tự bỏ đến hai lần, thời hội đồng phải bầu cử người khác ra thay.

Điều thứ 13: Đương lúc hội đồng nếu có ai trong làng theo lễ phép mà hỏi điều gì thời hội đồng cũng phải theo lễ phép mà đáp lại một cách phân minh cho người ta biết.

Điều thứ 14: Những việc trong hội đồng (...) ấy hợp lại ý thừa đem thi hành, nếu ý biểu không hợp, thời phải bỏ phiếu bản, hoặc bỏ bằng cách giang tay, nhưng phải bắt đầu từ người tộc biểu họ nhỏ nhất trước rồi dần đến tộc biểu họ to nhất là hết.

Điều thứ 15: Khi có lệnh quan đòi án hoặc quan cai trị cần hỏi đến làng thời hội đồng tự chọn hai người trong ban đi với Lý trưởng.

Điều thứ 16: Trừ ra những khi có lệnh quan trên bắt làm thời không kể, còn những khi quan trên hỏi ý kiến những việc quan hệ về lợi quyền chung cả làng thời hai người tộc biểu và Lý trưởng không được tự quyết định mà trình quan ngay phải mở hội đồng tất cả mọi người ý hợp thời rồi sẽ trình quan.

Điều thứ 17: Tộc biểu và Lý trưởng vì làng mà phải đi làm việc công ích, lên tỉnh lộ phí mỗi người một ngày 0,40$, lên huyện chi mỗi người một ngày 0,20$.

Điều thứ 18: Tộc biểu nếu làm việc gì phải trái hương ước hoặc cả hội đồng, hoặc một họ nào trong làng giác ra thời chức sắc kỳ lão trong làng họp hội đồng mà cứu xử, hội đồng chức sắc kỳ lão thời có quyền quở trách hay là không cho dự hội đồng bạc (100 sung quĩ, hay là không cho dữ hội đồng nữa cũng được. Người nào làm mất tư cách đã nói ở điều thứ ba hay là (...)

Chức sắc kỳ lão bãi chức ấy đi, nếu hội đồng xử không xong, hay tộc biểu có lỗi không phục tùng thời hội đồng sẽ làm biên bản trình quan.

Sổ chi thu

Điều thứ 19: Muốn cho trong làng chi tiêu có chừng mực để khỏi tổn dân thời phải làm sổ chi thu.

Điều thứ 20: Thường niên cứ ngày mùng một tháng November các tộc biểu hội đồng dự tính sang năm thu những tiền gì tiêu những việc gì rồi làm thành sổ. Cả hội đồng ký kết trình quan sở tại biểu xét đệ tỉnh bẩm duyệt đến (...) mới được thi hành nhưng nếu tiền tiêu quá số 10,00$, thì chỉ biên vào sổ nhật ký ổi đến cuối năm tính toán trình quan sở tại duyệt y thôi.

Điều thứ 21: Tiền chi thu của làng do thủ quĩ giữ, hội trưởng được quyền cho phép thu phát những khoản tiền đã định ở trong sổ chi thu.

Điều thứ 22: Thủ quĩ nhận được tiền của ai nộp thời phải biên lai vào sổ răng cưa và xé một nửa giao cho người nộp tiền làm biên lai, tiền nộp ấy thuộc về khoản gì thời thư ký phải biên ngay vào sổ chi thu ở khoản đã dự định cho thu những món tiền ấy.

Điều thứ 23: Ai nộp tiền cho người nào mà không có thủ quĩ biên lai thứ tiền ấy coi như không nộp.

Tiền Chi

Điều thứ 24: Ngày nào tiêu việc gì thời ngày hôm ấy thư ký phải biên vào sổ chi thu ở trang đã để dành cho biên những số tiền ấy.

Điều thứ 25: Làng có chi tiêu bất thường các tộc biểu phải mở hội đồng làm biên bản nói rõ vì cớ gì mà tiêu và tiêu là bao nhiêu, biên bản ấy phải định ngay vào sổ chi thu những khoản chi tiêu bất thường quá hai mươi đồng bạc (20,00$) thời những tờ biên bản ấy phải trình quan tỉnh duyệt y trước đã rồi mới được thi hành.

Điều thứ 26: Những món tiền thủ quĩ chi ra mà không có chữ hội trưởng thời không kể, hễ ai đến lĩnh thời thủ quĩ bắt người lĩnh ấy giao cho một cái phiếu biên lai xé ở sổ răng cưa ra và có chữ ký của Hội trưởng, chữ ký hay là điểm chỉ của người lĩnh tiền ấy, cứ ngày mùng một hội đồng kiểm quĩ một lần và phải làm biên bản.

Điều thứ 27: Hết năm thời hội đồng tính sổ xem số tiền thu vào là bao nhiêu, tiền chi ra bao nhiêu, tiền còn lại là bao nhiêu yết thị tại đình ít nhất là một tháng để cả làng cùng biết, hễ khi nào yết thị thời cũng phải cho mõ đi rao.

Điều thứ 28: Chi tiêu không được quá số tiền đã dự tính và phải cho rất tiết kiệm để cho tiền công còn thừa lại làm tiền quĩ.

Điều thứ 29: Món tiền lưu lại ấy làng chỉ để làm việc sinh lợi, hay để chi tiêu việc bất thường.

Điều thứ 30: Nếu làng đem tiền ấy cho vay thời lấy lợi nhẹ mà thôi, những người vay phải cầm điền sản làm tin, nếu không cầm thời không cho vay.

Điều thứ 31: Những điền sản cầm cho làng giá đáng mười phần chỉ được ba phần.

Điều thứ 32: Hội đồng định cho ai vay phải làm biên bản mà bảo người vay tiền phải viết văn tự ấy phải trước bạ mà biên bản giao cho Hội trưởng giữ, văn tự thời giao thủ quĩ giữ, thủ quĩ sẽ chiểu trong văn tự mà phát tiền cho người vay, ai vay tiền công hễ đến hạn thời phải giả cả gốc và lãi, chứ không được viết lại làm gốc mà tăng thêm hạn nữa, hạn cho vay tiền không được quá một năm.

Điều thứ 33: Nếu số tiền có ít mà người vay nhiều và lại số điền sản của những người vay đem cầm đều bằng nhau thời hội đồng bỏ thăm, ai bắt được thăm thời được vay.

Điều thứ 34: Muốn cho trong dân tin cậy các tộc biểu và các tộc biểu làm hết bổn phận, vậy nên cấm những người có chân hội đồng và vợ con những người ấy vay tiền của làng.

Điều thứ 35: Tiền công làng có ít, những người tộc biểu ra trông coi việc làng, nếu có đi việc công của làng đã chi lộ phí thời làng không phải cấp lương tiền nữa.

Lý Hội trưởng

Điều thứ 36: Lý trưởng là người đứng thay mặt làng mà thời hành việc quan. Hương trưởng là người giúp việc Lý trưởng.

Điều thứ 37: Lý trưởng không có quyền tự ý quyết định việc làng, phải theo ý chung của tộc biểu.

Điều thứ 38: Lý trưởng là người hành chính trong làng đều được dự chân hội đồng, trong làng có chánh phó tổng cũng vậy.

Điều thứ 39: Làng sẽ cấp cho Lý trưởng đồng niên hai mươi bốn đồng bạc 24,00$ Hương trưởng đồng niên hai mươi đồng bạc 20,00$.

Điều thứ 40: Lý Hương đã được tiền làng cấp cho rồi thời khi đi việc quan một mình không được tính tiền phi tổn mấy làng.

Việc bổ sưu thuế

Điều thứ 41: Lý trưởng tiếp quan phát chỉ bài thuế về thời phải tường hội trưởng mở hội đồng mà tinh bổ.

Điều thứ 42: Sưu thuế có ngạch nhất định của nhà nước Hội đồng cứ theo trong bài chỉ mà bổ, không được chia đàn anh đàn em, ruộng nội canh hay là ngoại canh mà bổ nhiều ít.

Điều thứ 43: Trang sổ bổ phải biên rõ người nào bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu sưu, định thành bao nhiêu tiền không được hàm hỗn.

Điều thứ 44: Khi đã bổ xong giao lý trưởng hành thu để nộp.

Điều thứ 45: Làng không bổ tiền ngoại phí cho Lý trưởng nữa vì làng đã cấp tiền có lệ nhất định.

Điều thứ 46: Ngày hội bổ thuế không được bày ra ăn uống để làng đóng nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 47: Trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay là thương sự, trước hết phải trình hội đồng hòa giải.

Điều thứ 48: Hội trưởng tiếp án trình thời phải bảo hội đồng lấy nhẽ chính đáng và tình thân ái hòa giải cho hai bên, nếu hòa giải xong thời theo trong luật làm hòa giải chứng thư giao cho Lý trưởng trình quan sở tại biên sổ.

Điều thứ 49: Việc hòa giải không xong hội đồng vì nguyên bị mà đi làm chứng trước toàn án thời người nào thua kiện phải chịu phí tổn.

Điều thứ 50: Những việc hình sự nói không có thể hòa giải những người đương sự cũng phải trình hội đồng biết.

Điều thứ 51: Hội đồng xét hỏi nguyên cớ việc hình sự phát ra thế nào rồi làm biên bản trình chứ không được bắt vạ hay là cho tuần tráng quấy nhiễu nhà sự chủ.

Việc canh trong làng

Điều thứ 52: Canh phòng để giữ tính mệnh tài sản trong cả làng thời hết thảy người làng đinh tráng tự hiểu cho đến 18 tuổi và những người đã có phẩn ruộng đều phải chịu chách nhiệm trừ ra những người chức sắc khoa mục hiện làm việc quan các sở, người đương đi học các trường, người chưa đến tuổi và người tật bệnh còn người phải phiên canh đi vắng thời có thể nhờ bà con bạn hữu canh thay cho hoặc nộp tiền cho làng mỗi lần là 0,10$ để thuê người canh thay.

Điều thứ 53: Ban nhận đinh tráng điếm xóm nào thời cũng phải canh phòng điếm xóm ấy. Điếm xóm thương thời chiểu nhận đinh trong làng chia các ban canh, năm người một ban mỗi ban một tối, canh phòng ngộ khi trong xóm có cướp phạt tường tất cả ban nghe động hiệu phải đến ứng cứu ngay mỗi ban năm người mà đầu ban làm đốc canh trông coi tất cả hàng xóm, ngoài đồng đều hạn một năm cắt phiên khác thay.

Điều thứ 54: Những khi giới để canh thời làng trích tiền công chi phí cho, những người hết hạn canh lại giao lượt khác.

Điều thứ 55: Phí tổn về sự lập điếm, về điếm nào thời hàng xóm phải trích tiền công để chi.

Điều thứ 56: Người nào đầu ban thời phải canh giờ gần tới thời động hiệu trống mõ gọi các người trong ban điếm, ai có ngăn trở phải mượn người canh thay, nếu bỏ không canh thời hai tối đầu mỗi tối phạt 0,10$ để thuê người canh thay lần thứ ba thời hội đồng chiểu khoản không theo hương ước mà bắt phạt.

Điều thứ 57: Ban canh đương đêm phải đi tuần, luôn chung quanh trong xóm cho khỏi trộm cướp nó vào.

Điều thứ 58: Ai bắt được trộm làng thưởng một đồng bạc 1,00$ bắt được một đứa cướp làng thưởng 10,00$.

Điều thứ 59: Tuần phiên phải chịu chách nhiệm về trộm cướp trong xóm, như trong xóm nhà nào mất trộm cướp mà tuần không bắt

được đứa phạm nào thì phải chiếu đồ vật giá mất mà đền cho sự chủ, như khi cướp phát mà tuần đã hết sức chống cự thế không giữ được thời không phải đền.

Điều thứ 60: Lý hương trưởng thời phải kiểm xét tuần canh và những người lạ mặt nào làng, nếu thấy người nào không (...)

Canh đồng điền

Điều thứ 61: Tuần canh đồng điền xóm thượng thời đã nói ở điều thứ 53 nêu (...) hai xóm cắt mỗi xóm một người trương tuần, mỗi xóm tuần định 4 người để trông coi đồng điền xóm hạ.

Điều thứ 62: Tuần đồng điền mỗi năm một lần soát lại cứ ngày mùng hai tháng Chạp ta thì cải (...) các tộc biểu và Lý Hương trưởng.

Điều thứ 65: Tuần coi các đường khuyến nông của làng thấy ai làm phá hủy thời tường hội đồng xét thực phạt từ một hào 0,10$ đến năm hào 0,50$ sung quĩ.

Điều thứ 66: Tuần coi việc giữ nước và tháo nước, những khi nào nên giữ nên tháo phải hỏi ý kiến hội đồng không được tự quyết.

Điều thứ 67: Những người nào tháo nước đơm cá làm ruộng bị cạn thời tuần phải bắt ngay giải trình hội đồng xét phạt từ 0,20$ đến 1,00$ nếu tuần thông đồng để nước ruộng bị cạn thời hội đồng phạt tiền như người phạm. Nhổ mạ hoa màu ngoài đồng tuần phải canh giữ cho cẩn thận mất đâu thời tuần phải chiếu nguyên giá mà đền đấy.

Điều thứ 69: Làng cấp tiền cho tuần không kể nội canh hay ngoại ậu canh, hoa mầu mỗi vụ một sào ba xu (0,03$) cứ đến tháng nào được mầu thời phải nộp ngay, lúa mỗi vụ sào bốn xu (0,40$) cái tháng năm và tháng mười tiền lấy sẽ thế cho lúa sương ngày trước tuần vẫn được thu, từ giờ về sau cứ đến trước vụ cắt lúa thời các chủ điền phải chiếu hiện canh được là bao nhiêu mẫu sào tính sang số tiền đem lại nộp cho thủ quĩ để tiền giao cho tuần.

Điều thứ 70: Nếu ai chưa nộp tiền mà đã cắt phải phạt 0,30$ sung quĩ.

Sự cứu cấp

Điều thứ 71: Gặp lúc cần kíp như là nước sông lên to đê sạt hoặc lửa cháy hoặc trộm cướp nhà nào trừ ra những người 60 tuổi trở lên và người yếu đuối còn như người làng nghe hiệu đều phải lập tức đến cứu, nếu ai biếng nhác mà không đến hội đồng xét thực nghị phạt từ 0,20$ đến năm hào 0,50$ sung quĩ.

Điều thứ 72: Ai vì sự cứu cấp bị thương thì làng cấp tiền cho uống thuốc, trọng thương thành tật làng cho ngồi (...) làng cấp tiền chôn cho hai chục bạc (20,00$) mà cả làng phải đi đưa ma

Sự vệ sinh

Điều thứ 73: Muốn cho người làng mạnh khỏe cần phải cho phép vệ sinh một là phòng bệnh hai là giữ bệnh.

Điều thứ 74: Hội đồng thường hiểu bảo người làng giữ nhà riêng và đường chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 75: Cấm không được vứt uế vật ra đường và làm nhà xí bên đường, ai phạm cấm ấy thời phạt một hào 0,10$ sung quĩ.

Điều thứ 76: Các giếng ăn nước phải tìm cách giữ mục đích cho được trong sạch, những sửa sang phí tổn giếng thời hàng xóm phải chịu.

Điều thứ 77: Khi trong làng hoặc phát bệnh có thể truyền nhiễm thời lý trưởng phải trình quan ngay xin thầy thuốc về chữa.

Điều thứ 78: Trong làng có ai mắc bệnh phong lý trưởng phải trình quan khám thực đem ra dưỡng tế không được vì nể mà ở trong làng.

Điều thứ 79: Những đồ dùng của người ốm hay là người chết cấm không được vứt xuống hồ ao phạm cấm ấy làng phạt 0,30$ sung quĩ lại cấm không được làm chuồng trâu ở bờ ao hay lại ở những chỗ nước bẩn có thể chảy xuống hồ ao được.

Đường sá cầu cống đê điều

Điều thứ 80: Giai làng thời phải trông coi đường sá cầu cống và đê điều thấy nơi nào hư hỏng phải tường Lý trưởng để trình hội đồng

xem xét sửa lại, còn như việc tráng hộ đê điều thời phải tuân theo lý hương trưởng mà làm.

Điều thứ 81: Các đường trong làng thời phải trích tiền công mà sửa hay chia cho nhân xuất hoặc chia ra cho trâu bò tùy hội đồng trù nghĩ các đường riêng của từng xóm thời xóm ấy phải sửa.

Điều thứ 82: Ai làm việc riêng mà hại đến đường sá cầu cống trong cả làng thời phải bồi thường và phải phạt từ 0,20$ cho đến 1,00$ sung quĩ.

Điều thứ 83: Ai cần tháo nước qua đường trước phải trình hội đồng biết, tháo xong rồi đắp lại cho đẹp đẽ như cũ.

Điều thứ 84: Những người giai làng theo các điều này mà trông coi cho cẩn thận, nếu không làm hết bản phận thời phạt mỗi thứ 0,10$ sung quĩ.

Sự vệ nông

Điều thứ 85: Thường niên làng ta bổ các đường khuyến nông và khai sâu các ngòi lạch chứa nước cho tiện việc làm ruộng.

Điều thứ 86: Cấm không được phát bờ ruộng mà không đắp lại để bờ hỏng dần đi, ai phạm ấy phạt 0,10$ sung quĩ.

Điều thứ 87: Cấm không được đắp tràn cỏ qua ngòi đơm cá khiến nước không thông ai phạm ấy phạt mỗi lần 0,10$ sung quĩ.

Điều thứ 88: Cấm không chăn trâu bò ở bờ ruộng khi lúa đã tốt, ai phạm hội đồng phạt một hào 0,10$ sung quĩ, nếu trâu bò ăn lúa và hoa mầu của người ta thời phải đền nữa, mà khi dắt trâu bò đi qua đường làng phóng uế hoặc gánh phân rơi vãi thời phải dọn rửa sạch ngay.

Điều thứ 89: Cấm vịt thả ra ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa, ai phạm hội đồng phạt mỗi lần 0,10$ sung quĩ, nếu vịt phá hại của người ta thời phải đền nữa.

Các của công

Điều thứ 90: Đã gọi là của chung cả làng thời người trong làng ai cũng có nghĩa vụ phải giữ nếu người nào làm tổn hại thời phải bồi thường.

Điều thứ 91: Khi làng có bán động sản hay bất động sản thời hội đồng đấu giá kín nhưng yết thị cho mọi người đều biết trước khi đến đấu giá 10 ngày.

Điều thứ 92: Ai đấu giá cao thời được, nhưng hội đồng phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Xét gian lậu

Điều thứ 93: Những điều Chính phủ đã có lệnh cấm như nấu rượu lậu nấu thuốc phiện lậu và khai sòng chứa bạc lấy hổ thời hội đồng phải khám xét luôn trong làng để trừ gian dối.

Điều thứ 94: Ai cố ý phạm cấm hội đồng không khuyên ngăn được thời hội đồng bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để giải trình quan trừng phạt.

Điều thứ 95: Những người ấy dù quan đã chiểu luật tù tội, nhưng làm mất phong thể trong làng thời hội đồng phạt không được dự đình trung tế tự trong một năm.

Sự giao thiệp

Điều thứ 96: Nếu thói quen khi có quan khách đến làng chỉ hương lý trưởng ra ứng tiếp, nếu đi vắng thời quan khách không biết hỏi ai, như thế thời không tiện, nay định giao việc ấy cho các viên Hội đồng.

Điều thứ 97: Không cứ quan Tây hay quan ta nếu có đến làng thời tuần phải đi báo những người có chân hội đồng.

Điều thứ 98: Các người hội đồng và Lý Hương trưởng lấy lễ nghi chính đáng mà tiếp tại sở công nếu các quan muốn khám xét nhà nào thời Hội đồng dẫn khám nếu có sự gì ngăn trở thì Hội đồng phải giúp đỡ, phải tai nạn gì Hội đồng nghe tin báo phải đến tận nơi liệu phương mà cứu giúp ngay.

Sự giáo dục

Hiện bây giờ làng còn ít tiền chưa làm được trường học, nếu sau này làm được trường học sẽ chiếu khoản chương sẵn thi hành.

Điều thứ 99: Dậy trẻ con có học thức phổ thông là nghĩa vụ người làm phụ huynh không được từ, mỗi làng mở một trường ấu học để dậy trẻ con trong làng.

Điều thứ 100: Thường niên dân trích tiền công chi tiêu việc trường học và lương thầy giáo

Điều thứ 101: Trẻ con trong làng đúng 8 tuổi phải cho con đi học cả.

Điều thứ 102: Làng lấy tiền công mua giấy bút cấp cho những con nhà nghèo học khá mà hội đồng xét thực không thể nào mua được.

Ngụ cư - Ký táng

Điều thứ 103: Làng chỉ cho người có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 104: Trừ ra những người ngụ cư tạm trú thời thôi, còn như những người đinh tráng đã có phận ruộng ở làng thời phải chịu trách nhiệm canh phòng mới làng.

Điều thứ 105: Ai có ký táng ở đồng điều hay tha ma dù mua đất của ai nhưng phải trình hội đồng biết và tìm hiểu, có táng ở ruộng thời phải nộp tiền là (5,00$) năm đồng bạc hoặc táng ở tha ma thì phải nộp tiền 3,00$ để cho Lý Hương mỗi người 0,50$ làm bổng còn để công quĩ nhưng Lý Hương phải xét thực.

Phần thứ hai: Nói về tục lệ
Sự quản điền thổ

Điều thứ 106: Nguyên dân làng sổ địa bạ Gia Long - ruộng còn 34 mẫu, hễ một nhập đấu mà trườn một mẫu một nhập lục cơ kho ba sào, đồng gạch (.....) điền 12 mẫu ba sào, đồng vân nhất sở điền 20 mẫu hai sào, thành bờ sử một mẫu trong làng xứ một khu năm sào, trí thủ tử ba sào để làng chi sản quả phù thứ nhất nguyệt (.....) kỳ điều cả hương đăng đồng niên.

Làng xưa vừa có hai tòa chùa thờ Phật ruộng mỗi chùa một mẫu lệ để niên ngày nguyên đán và ngày hôm rằm đồng dân đều lên chùa lễ Phật.

"Nhà chùa phải sửa cỗ chay mời dân uống rượu nay bỏ đi hết cả" vậy xin giảm bỏ lệ ấy, chiết can lấy một chùa để cống quĩ làng.

Luân canh công điền

Điều thứ 107: Lệ trước có một mẫu ruộng công để cấp cho binh lính, nay không phải cấp nữa thời dân đã đấu giá công điền.

Việc phân ruộng công

Điều thứ 108: Điều thứ 108 này Hội đồng đã xin phép quan trên y cho cải đổi cứ ba năm quân cấp lại một lần còn những giai đình đúng 18 tuổi và phải nộp lệ dân 11,00$ thì dân mới chia cho phần ruộng mà không được ăn kế" như trước nữa.

Mai phục cho con hay là châu nội nộp được lệ tiền 11,00$ thời dân chia cho kế vào phần ruộng ấy, ai mà còn chậm trả đủ ruộng thời giả dân chia cho người khác. Ai nhận được phần ruộng ở đâu thời phải chữa dạng vào đổ bản ấy xong mới giao một bản cho Lý trưởng vào một bản thư ký một bản niêm yết sở công nếu ai xé bóc đi phải phạt 0,50$ sung quĩ.

Việc hôn lễ

Điều thứ 109: Trong làng có con gái gả chồng thời phải nộp cheo 1,00$ sung quĩ còn như chăng giây đóng cửa làm cho người ta ngăn trở thời cấm hết đi, nếu ai còn giữ thói ấy thời phạt hai hào 0,20$ sung quĩ.

Việc tang lễ

Điều thứ 110: Tang chủ là sự buồn đau đớn nhưng người ta theo thói quen đặt tiệc mời khách như đám hội vậy. Nay làng bỏ thói lệ ấy đi.

Điều thứ 111: Tang chủ nếu giầu có muốn mời mấy người thân tộc họ - lễ thời cũng mặc lòng nhưng coi là việc riêng của nhà tang chủ không theo lệ cũ mà mời lý mục.

Điều thứ 112: Tang chủ chỉ đãi những người họ - lễ và những người giúp việc chứ không được mở tiệc mời làng.

Điều thứ 113: Trước khi người nghe tang dân làng đến viếng chỉ dùng hương hoa mà thôi.

Điều thứ 114: Đến ngày an táng tang chủ có thể mời làng tổng chung, hoặc ai nghèo khó mời hàng giáp cũng tùy ý, nhưng phải sửa giầu một trăm khẩu, phải trình lý trưởng mấy hội đồng để mời tất cả làng hay là mời hàng giáp hoặc lý trưởng ở giáp khác thời...

Trình hội đồng thủ bạ để mời tất cả trong giáp đến họp tại công sở cắt người hộ tống tang chủ có đồ tang nghi thời cầm đi đưa ma gánh quan tài là giả nghĩa lẫn nhau chính bản thân mình phải làm cứ chiếu ngôi thứ lần lượt ai phải vào việc nào không đến thời phạt tiền 0,10$ để mượn người khác thay.

Điều thứ 115: Tang chủ dù người làng hay người ngoài làng khi an táng xong rồi thời giã tang chủ ngay ở ngoài mộ địa rồi đâu về đấy ngay không nên vào nhà tang chủ mà ăn uống.

Điều thứ 116: Tang chủ cũng nên tạ ơn làng và giáp hay là người đưa ngay ở ngoài mộ địa không được mời khách về nhà.

Điều thứ 117: Tang chủ muốn để danh giá cho người thác mà muốn nộp món tiền kỷ niệm làm của công trong làng thời làng nhận, hay là hàng giáp thời giáp nhận món tiền ấy.

Điều thứ 118: Làng sẽ làm quyển sổ biên những món tiền kỷ niệm ấy lưu truyền về sau.

Điều thứ 119: Làng chỉ được cầm những món tiền ấy làm những việc công ích chung cả làng.

Điều thứ 120: Sự nộp tiền kỷ niệm là tùy lòng tang chủ, làng không bắt buộc ai.

Sự tế tự

Điều thứ 121: Nguyên dân làng vẫn chia ở hai giáp có giáp đình mỗi giáp một đình xuân thu nhị kỳ sự thần tế tự thời bổ chia nhân xuất mỗi xuất 0,20$ để chi mua làm lễ, không lấy tiền gì của công dân.

Điều thứ 122: Đệ niên ngày tháng ba tháng chín giáp Đông Nhập Tịch tế tự mỗi kỳ ước độ ba chục bạc 30,00$ nhưng chiếu ngôi thứ trong giáp bổ đều nhau không lấy tiền gì của công dân.

Điều thứ 123: Đệ niên ngày tháng ba tháng chín giáp Bắc Nhập Tịch tế tự thời mỗi kỳ ước độ một chục bạc (10,00$) nhưng chiếu ngôi thứ trong giáp bổ đều nhau không lấy tiền gì của công dân.

Điều thứ 124: Trước ngày tế tự năm ngày giáp nào giáp ấy cử một ông tế chủ và một ông bồi tế, những người quang sạch đều ứng tế, khi xong rồi thời kính biếu hoặc chư, lao, ngưu các nhất phẩy, các cụ bản nhất với lý hương và chánh phó hội và khoa quan chức sắc đều được vào lễ chiếu nhất những người làm việc có bằng chức, những viên chấp sự và những người đã được dự đồng hương lão kỳ mục lý dịch đều được lễ chiếu thứ hai còn như tráng hạng giở xuống đều lễ chiếu thứ ba nhưng chiếu ngôi thứ trên dưới lần lượt mà lễ nếu ai xâm việt thời phạt 0,20$ sung quĩ. Những kỳ tế tự đãi tiệc thời lý trưởng phải đốc bắt tuần phiên và giai làng trông coi sửa sang dọn dẹp mỗi việc cho kính cẩn.

Việc khao vọng

Điều thứ 125: Trước lệ từ thượng lão giở xuống đó ngồi thứ đến bàn ba ai đã có mua nhiêu hương cũng phải nộp tiền khao 2,00$ ai chưa mua nhiêu hương thì phải nộp tiền khao bẩy đồng bạc 7,00$ lên hương lão thời trừ tạp dịch khao quan phẩm hàm, chánh phó tổng thời nộp tiền khao ba đồng bạc 3,00$ từ dịch không có kinh biếu, lệ thôn trương không được hội đồng tộc biểu, ai đã mua nhiêu hương rồi ra làm việc thời không phải nộp tiền khao, ai chưa mua nhiêu hương thời phải nộp tiền khao sáu đồng bạc (6,00$) làm ba

năm một khóa từ dịch thời tòng kỳ mục lệ ấy thôn trưởng không được, còn như lính binh chinh ngạch lý hương trưởng ra làm việc nộp tiền khao 3,00$ theo hương lão, ngay làm việc ba năm từ dịch tòng kỳ mục, lệ ấy làm đạo đức đủ sáu năm thời làng thưởng cho con một tên thôn trưởng, nếu không đủ không được lệ ấy, các tiền nộp khao đều sung quĩ dân.

Điều thứ 126: Lệ trước từ thượng lão giở xuống những ai đã nộp tiền lệ thôn trưởng là bậc trung nam thời phải gánh vác tạp dịch nếu khi nào làng có việc bất thường cần đến tiền gọi mà cho mua nhiêu hương nộp lệ sáu đồng bạc 6,00$ sung quĩ trừ tạp dịch.

Điều thứ 127: Những người mới sinh ra con giai vọng làng nộp lệ tiền 0,50$ sung quĩ một kỳ hai ba người cũng vọng thời chiếu ngôi thứ cha trên con trên.

Ngôi thứ trong làng

Điều thứ 128: Ngôi thứ trên dưới là đặt ra làm lễ văn khiến trong làng cho có trật tự, những chức gì có quan chế thời phải theo, quan chế không có thời theo tục lệ làng, vọng trước ngôi trên, vọng sau ngôi dưới không có vi việt.

Điều thứ 129: Kể từ ngày thi hành khoán ước này có điều gì cũ trái với khoán ước này đều bỏ đi.

Điều thứ 130: Trong làng ai trái với những khoán ước trên này thời hội đồng tùy tình lý nhẹ nặng mà phạt, không được dự đình trung từ sáu tháng đến hai năm.

Điều thứ 131: Đệ niên những khi tế thần thư ký phải đem hương ước này đọc cho đồng dân cùng nghe.

Khải Định bát niên ngũ nguyệt sơ nhật

Tiên chỉ: Nguyễn Văn Bài
Nguyễn Văn Tọa
Nguyễn Văn Soang
Phạm Văn Viên

Chánh hương hội:	Nguyễn Văn Tiếp
Phó sưu thuế:	Nguyễn Văn Hinh
Thủ quĩ:	Nguyễn Văn Nghi
Thư ký:	Nguyễn Văn Xã
Tộc biểu:	Nguyễn Văn Lân
	Phạm Văn Huynh
	Nguyễn Văn Thiện
	Phạm Văn Nhịn
Lý trưởng:	Phạm Văn Vấn

Thừa sao y bản chính
(Khải Định 1916 - 1925)

HƯƠNG ƯỚC LÀNG NỘI CHÂU

Tổng Phúc Lâm, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông

Phần thứ nhất: Việc chính trị
Tổ chức hội đồng tộc biểu

Điều thứ nhất: các họ hội lại thành một làng, bởi các họ cử người thay mặt để trông coi gọi là tộc biểu.

Điều thứ 2: Theo số người trong họ mà cử họ to hai hay là ba người họ nhỏ cử một người họ nhỏ quá chỉ vài ba xuất thời họp hai ba bốn họ cử chung nhau lấy một người.

Điều thứ 3: Tư cách tộc biểu là người tuổi từ 25 giở lên thông thái có gia sản không can án phạt giam tộc biểu dự việc ba năm là một khóa.

Điều thứ 4: Hết hạn ba năm cử một lần, ai được tái cử thời được lại làm nữa. Những người đương làm tộc biểu thời được trừ tạp dịch, như là canh phòng tu bổ đường sá. Khi người nào làm hết hai hạn được ích lợi trong làng, lúc người ấy mất tất cả hội đồng đi viếng đưa tới mồ địa mà sau lại khắc tên người ấy chung vào một cái bia đá dựng ở bên gian đình tòng phối. Người nào làm trong hạn không được công ích mà những lạm trong làng Hội đồng lập tức bãi chức tên ấy đi không được dự định việc làng nữa mà sau làng không phải đi đưa đón thăm hỏi gì để làm gương cho kẻ khác.

Điều thứ 5: Chức vụ tộc biểu là hội nghị và quyết định việc làng dựng sổ chi thu và kiểm soát sổ ấy.

Điều thứ 6: Các tộc biểu tự chọn một người trong ban làm hội trưởng và một người làm phó hội trưởng. Khi có hội đồng để hội trưởng thông biểu nếu hội trưởng ngăn trở việc gì do phó hội trưởng thông biểu cũng được.

Điều thứ 7: Hội đồng lại bầu hai người trong ban thông hiểu thư toán quốc ngữ làm thư ký để biên sổ sách và một người giàu có biết chữ làm thủ quĩ để giữ tiền công.

Điều thứ 8: Nếu trong ban không thể bầu được người thủ quĩ thời Hội đồng chọn người làng mà bầu, người được làm thủ quĩ ấy được quyền dự Hội đồng.

Điều thứ 9: Trừ ra khi có việc cần mở Hội đồng bất thường còn thời mỗi tháng cứ ngày mồng một, ngày rằm tiểu Hội đồng, cuối năm mở đại hội đồng một lần, để nghị định công việc sổ chi thu sang năm. Lúc hội đồng hễ người tộc biểu say rượu, đuổi người ấy ra không được dự hội đồng nữa.

Điều thứ 10: Khi Hội đồng được quá nửa số người trong ban dự hội, thời có thể bàn việc được, bàn xong rồi phải giải tán ngay, không được ngồi lâu mà bầy rượu chè thuốc phiện.

Điều thứ 11: Hội đồng bàn việc gì thời phải làm thành biên bản. Tờ biên bản ấy phải có chữ ký của những người hội viên hiện ở đấy và phải để vào công hàm lưu chiểu.

Điều thứ 12: Tộc biểu mắc bận không đến hội được phải có nhời cáo từ để Hội đồng biết, nếu ai không có duyên cớ đích thực, tự bỏ Hội đồng đến hai lần Hội đồng phải biểu họ ấy cắt người khác thay.

Điều thứ 13: Đương lúc hội đồng nếu có ai trong làng theo lễ phép mà hỏi điều gì thời Hội đồng cũng phải theo lễ phép mà đáp lại một cách minh bạch cho người ta biết.

Điều thứ 14: Những việc Hội đồng bàn được quá nửa số người ý hợp phải mang thi hành, nếu ý kiến không hợp thời phải bỏ phiếu, một phiếu của hội trưởng được kể thành hai hoặc bầu bằng dơ tay hoặc bầu bằng cách bỏ phiếu kín cũng phải bắt tộc biểu bầu

từ người tộc biểu họ nhỏ nhất bầu trước, rồi dần dần đến tộc biểu họ to nhất là hết.

Điều thứ 15: Khi có lệnh quan tòa án hoặc quan cai trị cần hỏi đến làng thời phải tự chọn trong làng nhiều là hai người (...).

Điều thứ 16: Trừ ra những khi có lệnh quan trên hỏi ý kiến về việc gì quan hệ quyền lợi chung cả làng thời hai người tộc biểu và lý trưởng không được tự duyệt mà trình quan ngay, phải mở đại hội đồng tất cả được mọi người ý hợp, rồi sẽ trình sau.

Điều thứ 17: Tộc biểu và lý trưởng vì việc làng mà phải đi xa trong 5 kilômét làng không chi tiền lộ phí, quá số ấy làng mấy chi mỗi ngày mỗi người là bốn hào, lên tỉnh hạn cho hai ngày lên huyện hạn cho một ngày là cùng.

Quan kỷ

Điều thứ 18: Tộc biểu nếu làm việc gì trái hương ước, hoặc cả hội đồng, hoặc một họ nào trong làng dáo mất ra thời chức sắc phẩm hàm kỳ lão trong làng họp Hội đồng mà cứu xử hội đồng chức sắc, kỳ lão có quyền tra hỏi hay phạt tiền từ một đồng cho đến 10,00$, hay là không cho dự Hội đồng nữa. Người nào làm mất tư cách đã nói ở trên điều thứ ba, thứ tư hay là làm tổn hại mới làng thời Hội đồng chức sắc kỳ lão bãi chức người ấy đi, nếu Hội đồng xử không xong hay là người tộc biểu có lỗi không phục tình thời Hội đồng làm biên bản trình quan.

Sổ chi thu

Điều thứ 19: Muốn cho trong làng chi tiêu có chừng mực để cho khỏi tổn dân thời phải làm sổ chi thu.

Điều thứ 20: Thường năm cứ ngày mồng một tháng một Tây, các tộc biểu hội đồng dự tính sang năm thu những tiền gì, tiêu những tiền gì làm thành sổ cả Hội đồng ký kết trình quan sở tại kiểm xét rồi để tỉnh duyệt y đến mồng một tháng sau mới được thi hành.

Điều thứ 21: Sổ chi thu của làng hội trưởng được quyền cho thu phát những khoản tiền gì đã dự định ở trong sổ.

Điều thứ 22: Thủ quĩ nhận được tiền của ai, thời phải biên ngay vào sổ răng cưa và xẻ một nửa giao cho người nộp tiền, làm biên lai. Tiền nộp ấy thuộc về khoản gì thời thư ký phải biên ngay vào sổ chi thu ở khoản đã dự đinh cho thu những món tiền ấy.

Điều thứ 23: Ai nộp tiền cho một người nào mà không có thủ quĩ biên lai, thời tiền ấy coi như chưa nộp.

Điều thứ 24: Ngày nào tiêu việc gì, thời ngày hôm ấy thư ký phải biên vào sổ chi thu ở trang giấy đã để dành cho biên những món tiền ấy.

Điều thứ 25: Làng có việc chi tiêu bất thường, các tộc biểu phải mở hội đồng làm biên bản nói rõ vì cớ gì mà tiêu và tiêu là bao nhiêu biên bản ấy phải đinh ngay vào sổ chi thu. Những khoản chi tiêu bất thường quá số tiền 20,00$ thời những tờ biên bản ấy phải trình quan tỉnh duyệt trước rồi mấy được thi hành.

Điều thứ 26: Những món tiền thủ quĩ chi ra mà không có chữ hội trưởng thời không kể. Hễ ai đến lĩnh tiền thời thủ quĩ phải giao cho người lĩnh tiền ấy một cái phái lai xé ở sổ răng cưa ra và có chữ hội trưởng ký hay là điểm chỉ của người lĩnh tiền ấy, cứ cuối tháng hội đồng kiểm quỹ một lần và phải làm một tờ biên bản.

Điều thứ 27: Hết năm thời Hội đồng tính sổ, xem số tiền thực thu vào là bao nhiêu, tiền chi ra là bao nhiêu, tiền còn lại là bao nhiêu yết thị tại đình ít ra là một tháng để đồng dân cùng biết hễ không yết thị thì phải cho mõ đi rao

Điều thứ 28: Chi tiêu không được quá số dự đinh và phải cho rất tiết kiệm, để cho tiền công còn thừa làm tiền lưu trữ.

Điều thứ 29: Món tiền lưu hạ ấy làng dùng làm việc sinh lợi, hay là đã chi tiêu việc bất thường.

Điều thứ 30: Nếu làng đem tiền ấy cho vay lấy lời đồng niên ba phần, những người vay phải cầm điền sản làm tin nếu không có thời không cho vay.

Điều thứ 31: Những điền sản cầm cho làng giá đáng 10 phần chỉ cầm cho ba phần.

Điều thứ 32: Hội đồng định cho người vay phải làm biên bản và bảo người vay tiền phải viết văn tự, văn tự ấy phải trước bạ, biên bản ấy giao cho hội trưởng giữ mà văn tự giao thủ quĩ giữ. Thủ quĩ sẽ chiếu trong văn tự mà phát tiền cho người vay, ai vay tiền công hễ đến hạn thời phải giả cả gốc và lãi chứ không được viết lãi làm gốc mà tăng thêm hạn nữa. Hạn cho vay cứ một năm mà thôi.

Điều thứ 33: Nếu số tiền có ít mà nhiều người vay và điền sản của những người vay mang cầm đều bằng nhau, thời Hội đồng bốc thăm, ai bắt được thăm thời cho vay.

Điều thứ 34: Muốn cho làng tin cậy các tộc biểu và tộc biểu làm hết bổn phận, vậy nên cấm những người có chân trong hội đồng và vợ con những người ấy vay tiền của làng.

Điều thứ 35: Làng sẽ tùy sổ chi thu trong làng mà phụ cấp cho trưởng hội, thủ quĩ và thư ký mỗi năm 6.00$.

Lý phó trưởng

Điều thứ 36: Lý phó trưởng là người thay mặt làng, mà thừa hành việc quan, phó lý là người giúp việc lý trưởng.

Điều thứ 37: Lý phó trưởng không có quyền tự quyết định việc làng phải tùy theo ý chung cả các tộc biểu.

Điều thứ 38: Lý phó trưởng là người hành chính trong làng đều được dự chân hội đồng, trong làng có chánh phó tổng cũng vậy.

Điều thứ 39: Làng sẽ trích công tiền cấp cho lý trưởng một năm 20.00$, phó lý một năm 12.00$ nhưng lĩnh tiền làm hai kỳ, tháng 6 một kỳ, tháng 10 một kỳ để chi phí đi việc quan, lý phó trưởng làng cấp (....) một mình không được tính tiền phí tổn mấy làng nữa.

Điều thứ 40: Khi mới ra làm việc làng cấp cho lý trưởng 24.00$ cho phó lý 12.00$ nếu làm được mãn lệ ở năm thì thôi, nhược bị phải can bãi thời giả lại dân số tiền ấy.

Bổ sưu thuế

Điều thứ 41: Lý trưởng tiếp quan phát chỉ bài thuế về thời phải tường Hội đồng, mở hội đồng mà tính bổ thuế.

Điều thứ 42: Sưu thuế đã có ngạch nhất định của nhà nước, hội đồng cứ theo tổng chỉ bài mà bổ không được chia đàn anh, đàn em, nội phụ ngoại phụ mà bổ nhiều bổ ít.

Điều thứ 43: Trong sổ bổ phải biên rõ các họ số người là bao nhiêu, số điền thổ bao nhiêu, sưu đinh thành bao nhiêu tiền. Giao cho tộc biểu. Họ nào thu họ ấy, làm một quyển biên bản bổ thuế ký kết trình quan không được làm hỗn.

Điều thứ 44: Khi đã bổ thuế trình quan rồi, cần giao về tộc biểu thu xong rồi giao cho lý trưởng trước 2 ngày, lấy chữ biên lai, để đến ngày thứ 3 lý trưởng đệ trình nạp kho mang phiếu về trình Hội đồng, hễ tộc biểu hay là lý trưởng làm sai suyễn tiền thuế ấy cứ những người ấy phải đền.

Điều thứ 45: Làng không có bổ tiền ngoại phí cho lý trưởng nữa vì làng đã cấp tiền có lệ nhất định rồi.

Điều thứ 46: Những người thiếu thuế lý trưởng chỉ nên trình quan cứu xử.

Điều thứ 47: Ngày hội bổ thuế không được bày ra ăn uống để làng phải đóng nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 48: Trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay về thương sự trước hết phải trình Hội đồng hòa giải.

Điều thứ 49: Hội trưởng tiếp ai trình, thì phải mở họp hội đồng lấy nhẽ chính đáng và tình thân ái hòa giải cho 2 bên. Nếu hòa giải xong thì theo kiểu luật làm hòa giải chứng thực giao cho lý trưởng trình quan sở tại biên vào sổ.

Điều thứ 50: Việc hòa giải không xong, Hội đồng vì nguyên bị mà phải đi làm chứng trước toà án, thì người thưa kiện phải chịu phi tổn cho người hội đồng.

Điều thứ 51: Những việc hình sự dù không có thể hòa giải những người đương sự cũng phải trình cho Hội đồng biết.

Điều thứ 52: Hội đồng xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra làm sao rồi làm biên bản trình quan trước không được bắt vạ, hay là cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Canh trong làng ngoài bãi

Điều thứ 53: Canh phòng để giữ tính mệnh tài sản chung cả làng thời hết thảy người làng tự 18 tuổi đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm, trừ ra những người khoa mục phẩm hàm chức sắc, người đương làm việc quan các sở, tổng lý phó hương hào những người đang đi học, đang đi lính, người chưa đến tuổi và người có tàn tật. Còn người nào phải phiên canh mà đi vắng thời có thể nhờ bà con bạn hữu canh thay cho hoặc nộp cho làng mỗi tối 0,20$ để thuê người canh thay.

Điều thứ 54: Tuần canh chia làm ba ban mỗi ban 15 người và phải đi tuần đủ mặt một năm, sang năm chuyển lượt đến ban khác, những tuần chức phận phải canh cả trong làng ngoài bãi, chi lương một người tuần một năm 3.00$, mỗi một ban phải bầu một người trong ban làm đốc canh. Khi trong làng có phát cướp trộm tất cả các ban 8 nhà nghe động hiệu phải đến ứng cứu ngay mấy ban canh đương thứ.

Điều thứ 55: Những khí giới để canh của ai người ấy phải sắm người nào nhà nghèo không thể sắm được thời làng trích tiền công mà sắm cho nhưng hết hạn canh lại phải giao giả hàng.

Điều thứ 56: Làng lập làm 2 điếm để canh phòng, tổn tiền về sự làm điếm, làng trích tiền công để chi làm điếm.

Điều thứ 57: Người đứng đầu ban canh, cứ gần tối thời nổi hiệu trống mõ gọi các người trong ban ra điếm ai có ngăn trở gì phải mượn người thay, nếu bỏ không canh thời 2 lần đầu mỗi lần Hội đồng phạt 0,20$ lần thứ ba thời không theo hương ước mà bắt phạt rất nặng.

Điều thứ 58: Ban canh đương đêm phải đi tuần luôn chung quanh làng cho trộm cướp khỏi vào làng.

Điều thứ 59: Ai bắt được trộm làng thưởng 1,00$ bắt được một đứa kẻ cướp làng thưởng 10.00$ đồng bạc.

Điều thứ 60: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng. Như có nhà nào mất trộm cướp mà tuần không bắt được đứa phạm. Thời phải chiểu vật giá mất mà đền cho sự chủ. Khi như mất cướp phải mà tuần đã hết sức chống cự mà không thể giữ được thời không phải đền.

Điều thứ 61: Lý phó trưởng thường kiểm xét những người lạ mặt vào làng. Nếu thấy người nào không thẻ tùy thân và căn cước, đáng ngờ thời bắt giải quan xét.

Điều thứ 62: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền phép Hội đồng tộc biểu và lý phó trưởng.

Điều thứ 63: Tuần coi các đường khuyến nông của làng thấy ai làm tổn nát, thời tường trình Hội đồng xét thực phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 64: Tuần coi việc giữ nước tháo nước nhưng khi nên giữ nên tháo phải hỏi ý kiến Hội đồng không được tự quyết.

Điều thứ 65: Những người nào tháo nước bắt cá làm ruộng bị cạn thời tuần phải bắt ngay giải Hội đồng xét phạt từ 0,20$ đến 1,00$. Nếu tuần dung túng để nước ruộng cạn thời Hội đồng phạt tuần như người phạm.

Điều thứ 66: Lúa mạ hoa màu ngoài bãi tuần phải canh giữ cho cẩn thận, mất đâu tuần phải chiểu giá mà đền.

Điều thứ 67: Kể nội phụ, ngoại phụ canh đồng niên mỗi mẫu nội 0,50$, ngoại 1,00$ tiền sương ấy chia làm hai thứ, một thứ tháng năm, một thứ tháng 10. Tiền ấy sẽ thế cho lúa sương là ... ngày trước tuần vẫn được thu. Tự sau này cứ đến mùa cắt lúa thời các chủ điền phải mang nộp tiền trước lúc chia cắt cho người thủ quĩ lấy chữ biên lai rồi mới được cắt lúa sau.

Điều thứ 68: Lý phó trưởng làm việc được sáu năm đều được chu thỏa thời làng cho ngôi kỳ mục nếu không làm biên bản phạm phải bãi chức mất ngôi kỳ mục.

Việc cấp cứu

Điều thứ 69: Gặp lúc cần cấp như lũ nước to, đê sạt, hoặc lửa cháy nhà nào hoặc trộm cướp nhà nào trừ ra những người 60 tuổi và người yếu, còn người làng nghe hiệu đều phải lập tức đến cứu, nếu ai biếng nhác không đi Hội đồng xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Điều thứ 70: Ai vì việc cứu cấp bị thương thời làng cấp cho tiền chữa thuốc, trọng thương hoặc thành tật thời làng cho ngôi kỳ mục, thương đến nỗi chết thời làng cấp tiền tử tuất cho hai mươi đồng bạc và cả làng đi đưa ma.

Việc vệ sinh

Điều thứ 71: Muốn cho người làng khỏe cần phải theo phép vệ sinh một là chữa bệnh hai là phòng bệnh.

Điều thứ 72: Hội đồng thời hiểu biểu người làng giữ nhà riêng và đường chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 73: Cấm không ai được vứt uế vật ra đường và làm nhà xí bên đường, ai phạm cấm ấy thời Hội đồng phạt từ một đến 0,50$.

Điều thứ 74: Khi trong làng phát ra chứng bệnh có thể nhiễm, lý trưởng phải trình ngay xin thầy thuốc chữa.

Điều thứ 75: Trong làng có ai mắc bệnh hủi ly hương phải trình quan khám thực đem ra nhà dưỡng tế. Không được vi nể mà để trong làng.

Điều thứ 76: Những đồ dùng của người ốm hay người chết cấm không được vứt xuống hồ ao. Ai phạm cấm ấy làng phạt 0,30$, lại cấm không được làm chuồng lợn, chuồng bò gần hồ ao hay là ở những chỗ nhơ bẩn có thể chảy xuống hồ ao được.

Đường sá, cầu cống, đê điều

Điều thứ 77: Làng cử mấy người thủ lộ trông coi đường sá, đê điều, thấy nơi nào hư hỏng phải trình Hội đồng sửa lại. Đến như việc đê điều thời thủ lộ chỉ phải coi sóc để cho người và súc vật hễ làm tổn hại đến đê phải giữ những nơi hư hỏng, lại phải giữ đồng cho để lúc nào cũng được tốt khi có chỗ nào hư hỏng đi mà cần phải nhà nước tu bổ mới được thời thủ lộ phải tường hội đồng để trình quan.

Điều thứ 78: các đường chung của làng, thời làng trích tiền công mà sửa, hay là chia nhân xuất hay là chia trâu bò, tùy Hội đồng trù nghĩ. Các đường riêng thôn hay riêng từng xóm thời thôn xóm ấy phải sửa.

Điều thứ 79: Ai vì việc riêng mà làm hại đến đường sá cầu cống chung cả làng thời phải bồi thường và phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 80: Ai cần tháo nước qua đường, trước phải trình hội đồng biết tháo xong rồi phải đắp lại như cũ.

Điều thứ 81: Thủ lộ làm việc (...) thỏa thời làng cho ngôi kỳ mục, cũng như phó lý nếu không làm hết bản phận thời phải bãi chức.

Sự vệ nông

Điều thứ 82: Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khai sâu các ngòi lạch, chứa nước cho tiện việc làm ruộng.

Điều thứ 83: Cấm không ai được... cỏ bờ ruộng mà không đắp để bờ lở dần đi. Ai phạm Hội đồng phạt 0,40$ đến 0,50$.

Điều thứ 84: Cấm không ai được đắp đập qua ngòi mà bắt cá, khiến nước không thông, ai phạm hội đồng phạt 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 85: Cấm chăn trâu bò vào ruộng khi lúa đã tốt, ai phạm Hội đồng phạt 0,20$ nếu trâu bò ăn lúa của ta thời phải chiểu giá đền nữa.

Điều thứ 86: Cấm chăn gà vịt lợn nhiều ở ngoài đồng khi đã gieo mạ, giống đậu và đã cấy lúa, ai phạm hội đồng phạt 0,10$. Nếu gà vịt lợn phá hoại lúa và hoa mầu thời phải đền nữa.

Các của công

Điều thứ 87: Đã gọi là của chung của làng thời người trong làng ai cũng có nghĩa vụ phải giữ nếu ai làm tổn hại thì phải đền.

Điều thứ 88: Khi làng có bán động sản hay là bất động sản thời Hội đồng phải đấu giá kín nhưng yết thị cho mọi người biết trước hội đấu ấy trong 10 ngày.

Điều thứ 89: Ai đấu giá cao thời được nhưng Hội đồng phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu truyền.

Xét gian lận

Điều thứ 90: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm như rượu lậu, thuốc lậu, mở sòng chứa bạc lấy hồ thời hội đồng phải luôn khám xét trong làng để trừ trong làng những người gian lận.

Điều thứ 91: Ai có phạm cấm ấy Hội đồng không thể khuyên ngăn được thời Hội đồng biểu lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để giải quan trừng trị.

Điều thứ 92: Những người phạm ấy dù quan đã chiếu luật trị phạt nhưng làm mất phong thể trong làng thời Hội đồng phạt không dư tế trong đình 3 năm. Từ sau không được dự làm tộc biểu Hội đồng.

Việc giao thiệp

Điều thứ 93: Theo thói quen khi có quan khách đến làng thì lý phó trưởng đương thứ ra ứng tiếp nếu đi vắng thì quan khách không biết hỏi ai như thế thời không tiện. Nay giao việc ấy cho các người Hội đồng.

Điều thứ 94: Không kể quan Tây hay là quan ta, nếu có đến làng thì tuần phải đi báo ngay. Những chân hội đồng ra ứng trực.

Điều thứ 95: Các người Hội đồng và chánh phó lý lấy lễ nghi chỉnh đáng mà tiếp tại sở công nếu các quan muốn khám xét nhà nào thời Hội đồng dẫn khám. Khi khám nếu có sự gì ngăn trở hội đồng phải gìn giữ cho được ổn thỏa. Khi ở trong địa giới làng có người ốm

đau hay bị tai nạn gì Hội đồng nghe tin báo phải đến tận nơi liệu phương kế mà cứu giúp ngay.

Việc giáo dục

Điều thứ 96: Dạy trẻ con có học thức phổ thông là nghĩa vụ người làm phụ huynh không ai được từ chối, làng mở một trường ấu học để dạy trẻ em trong làng hiện bây giờ chưa có trường học hẳng mang bốn mẫu đất học điền cho thực hủy vụ lấy tiền mua giấy bút mà cấp cho những trẻ con nhà nghèo trong làng đi học. Còn thừa tiền để làm công quĩ. Khi làm được trường học rồi lấy đất ấy ra làm lương thầy giáo.

Điều thứ 91: Trẻ con trong làng đúng 8 tuổi phải cho đi học cả.

Việc ngụ cư ký táng

Điều thứ 98: Làng chỉ cho người nào có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 99: Trừ ra những người ngụ cư tạm thời còn người đã có gia sản ở làng thời phải chịu trách nhiệm canh phòng mấy làng.

Điều thứ 100: Ai ký táng ở ruộng của làng mình dù mua đất của ai nhưng cũng phải trình Hội đồng biết và nộp tiền kiểm cố cho làng mỗi mộ năm đồng bạc để sung công quĩ.

Phần thứ hai
Nói về việc tục lệ
Việc chia ruộng chia đất

Điều thứ 101: Châu thổ xứ đất thương đầu, xứ đất năm mươi xứ đất hạ vĩ, xứ đất bãi mới, chữ đất học điền, chữ đất đèn lương đình chùa và cho những người cô nhi quả phụ mỗi người hai sào đất làm mẩn đai còn chiếu mỗi họ tự cụ lão đến giai 17 tuổi mỗi người mỗi xứ đất 1 phần đều làm một hạn 6 năm.

Điều thứ 102: Hễ đất chia trước Hội đồng tộc biểu phải giao giác đất đạc nọ, đất đạc kia so sánh xấu tốt cho đều phần rồi các họ mấy

gắp phiếu kín. Họ nào gắp được đất xứ nào hễ nhiều người được nhiều phần ít người được ít phần, những người tộc biểu nhận lấy phần đất ấy dù chia hay là gắp phiếu cho đều phần trong họ làm mấy nhau.

Điều thứ 103: Hễ trong họ chia đất mấy nhau không được đều phần mà thưa đến Hội đồng, Hội đồng lấy nhẽ công bằng mà phân xử cho được đều phần rồi, nhưng người họ làm trái phép như vậy Hội đồng xét thực phạt người họ ấy 1,00$ để làm công quĩ.

Điều thứ 104: Đất đã chia phần rồi mỗi năm một sào đất phải nộp cho làng 10,50$ nhưng khi mới nhận phần đất phải nộp ngay tất cả là 90 hào một lần năm đầu, rồi làm hết một hạn sáu năm như người nào chết đi thời vợ con anh em cũng được phép làm đất phần hết hạn rồi giả làng.

Điều thứ 105: Hễ hết hạn lại chia lại phần đại để trừ những người chết đi mà những người mới lên tuổi 17 cũng được phần đều nhau, người nào nhận phần đất rồi túng tiền tiêu muốn bán đi thời bán cho người trong họ hay là bán cho người trong làng không được bán cho người khác, mà những người (...) và người làng không được mua giá hạ phải ra Hội đồng mà định giá cho công bằng, rồi viết văn tự xin chữ hội trưởng và chiện lý trưởng, nếu không có chữ và chiện sau này ruộng hại kêu Hội đồng xét xử, người nào không có chữ và chiện thì mất đất.

Điều thứ 106: Làng có xứ đất hơn bốn mẫu ở hai bên chân đê ngày trước đắp để quan trên sai người đào đất làm cho đất ấy thành ra thâm tuấn. Nhưng tự giờ để một mẫu đất làm đình còn 3 mẫu đất kia nguyên lúc trước làng đã lấy tiền công tiêu của hơn hai mươi người trong làng, mà làng nhượng cho hơn 20 người ấy đắp đất làm nhà ở đã ngoài 30 năm nay, cửa nhà đã thành cơ chế cả rồi, dân làng cùng công thuận để cho các chủ nhà ấy ở mãi mãi làng không tính đến đất ấy nữa, nhưng thuế nhà nước các chủ ấy phải đóng.

Việc hôn lễ

Điều thứ 107: Trong làng con giai lấy vợ, con gái lấy chồng tùy họ hai bên ăn uống mấy nhau không được mời làng ăn uống và chia giầu cau nem bánh như trước nữa.

Điều thứ 108: Trước khi cưới độ 2 ngày phải nộp cho làng một bàn cheo nội 5,00$, cheo ngoại thì gấp đôi, khi nhà giai đến đón dâu cấm không ai được chăng dây đóng cổng như thói trước nữa.

Điều thứ 109: Trong làng người nào chưa có chồng mà chửa Hội đồng chiểu luật hình phạt.

Việc tang lễ

Điều thứ 110: Tang là sự buồn dầu đau đớn nhà người ta, trước theo thói quen mở tiệc mời khách đông như đám hội vậy, thực là trái nhẽ nay làng bỏ thói tệ ấy đi.

Điều thứ 111: Tang chủ nếu giàu có muốn mời mấy người thân tộc hộ tế thời cũng mặc lòng, nhưng coi là việc riêng của nhà tang chủ không phải theo lệ cũ mà mời làng kỳ mục.

Điều thứ 112: Tang chủ chỉ đãi những người hộ tế và những người giúp việc chứ không được mở tiệc mời làng.

Điều thứ 113: Trước khi chưa chôn dân làng đến biếu phúng chỉ mang hương hoa mà thôi.

Điều thứ 114: Đến ngày đi chôn tang chủ ở giáp nào thời mời người giáp ấy hộ tang nghĩa là khiêng quan tài và mang các đồ tang nghi.

Điều thứ 115: Hàng giáp đưa ma là giả nghĩa lẫn nhau, chính phận mình phải làm, trừ những người đi vắng phải mượn, còn ở nhà phải đi tất cả.

Điều thứ 116: Tang chủ cùng báo cho dân làng đều biết đích ngày đi chôn để ai nhớ tình hương đảng thời đưa ma, nhưng báo hay là không tùy lòng tang chủ.

Điều thứ 117: Dù người trong giáp hay người ngoài giáp cũng vậy, khi chôn xong rồi nên chào tang chủ ngay ngoài mộ địa rồi đâu về đấy ngay, không được vào nhà tang chủ ăn uống gì.

Điều thứ 118: Tang chủ cũng nên tạ ơn hàng giáp hay là người đi đưa ngay ở ngoài mộ địa, không được mời khách về nhà ăn uống gì.

Điều thứ 119: Tang chủ muốn để (...) mà giả một món tiền kỷ niệm làm của công trong làng mà làng cũng nhận món tiền nhiều hay ít tùy lòng tang chủ.

Điều thứ 120: Làng sẽ làm quyển sổ để biên những món tiền kỷ niệm ấy lưu truyền về sau.

Điều thứ 121: Làng chỉ được đem những món tiền kỷ niệm ấy làm những việc ích lợi chung cả làng.

Điều thứ 122: Sự gửi tiền kỷ niệm là tùy lòng tang chủ, làng không bắt buộc ai cũng đều nhau.

Điều thứ 123: Người nào ở trong làng nghèo khó bất hạnh chết, Hội đồng trích lấy tiền niệm mua cho một cái quan tài, người giáp nào giáp ấy đi chôn cho tử tế, không được nói nhời năng nhẹ gì, ta mấy toàn nghĩa sinh giữ tử tàng... hàng giả.

Việc tế tự

Điều thứ 124: Đình thờ ông thần cắt một người tử cẩn thận sạch sẽ để tối sớm đèn hương quét tước đình sở sạch sẽ để một mẫu rưỡi đất chi cho người tử.

Điều thứ 125: Mồng sáu tháng Giêng An Nam, tế địa tế chùa, lấy oản chuối (mờ không đọc được).

Điều thứ 126: Để bốn mẫu đất cho thuê lấy tiền trả lễ 16 tháng Ba tiệc húy đức thánh bà (nghĩa là em gái) chỉ lễ ngày 12 tháng 10 tiệc húy hai đức Thánh ông (nghĩa là anh giai) đình mua một con bò hay là một con lợn, ba giáp làm thịt, làng tế nhập tiệc xong trừ kinh biếu rồi có làm cỗ tự tiên thủ chỉ cụ lão đến giai 17 tuổi uống rượu đều một lượt không hơn kém gì rồi đóng cửa đình đâu về đấy.

Điều thứ 127: Ngày hôm trước giỗng hương lão lễ yết... (mờ không đọc được).

Điều thứ 128: Một năm khấn Kỳ Phúc, mỗi một kỳ lấy lượt 5 con gà, 8 thăng gạo nếp, một kỳ mồng năm tháng năm, một kỳ 28 tháng sáu, một kỳ 13 tháng chín, kỳ 21 tháng một. Lễ xong trừ kinh biếu rồi còn làm phần đều từ tiên thứ chỉ kỳ lão chức sắc tộc biểu bình (...) mỗi người đều một phần không được uống rượu ở đình.

Điều thứ 129: Ba ngày tết Nguyên Đán hai kỳ lễ sóc vọng... (mờ không đọc được).

Điều khao vọng

Điều thứ 130: Trong làng viên nào đỗ Hán học hay Pháp học, văn tự tiến sĩ, cử nhân, tú tài, cao đẳng tốt nghiệp sơ học. Lệ vẽ thành chung tốt nghiệp kinh thông bát cửu phẩm quan lại. Vũ tự thống chế đề đốc..... bình quản cơ xuất đọc chánh, phó tổng tòng cống sự cáo ta có bằng có sắc, làng chính lễ mừng cau chè ước 2,00$, người nào muốn được làng cắt dân giai mang cờ trống đi đón rước sắc chỉ về nhà viên ấy và viên ấy phải vọng tiền 20,00$ sung công quĩ, biện lễ một con bò đình rồi kinh làng uống rượu, như người nào không muốn rượu thời chỉ vọng số tiền và xôi thủ lợn mà thôi.

Điều thứ 131 - 133 (mờ không nhìn rõ)

Điều thứ 134: Trẻ con sơ sinh cứ mồng sáu tháng Giêng phải nộp 40 phẩm oản ước nặng đã ba yến 40 quả chuối, 10 quả cau, giá độ 2,00$ mà mỗi năm lấy ba giáp, ba người sơ sinh càng (...) phẩm, oản, chuối, cau và có việc gì ba hình ấy phải phục dịch

Điều thứ 135: Người nào đã vọng làng rồi phải mua ngôi làng và ngôi tư văn nộp 10,00$ công quĩ, bấy giờ mới vào sổ ngôi làng, sổ ngôi tư văn, tự đấy mà lên, hễ người nào không mua được tư văn, chưa có ngôi gì cả, hễ đến 18 tuổi đi tuần tráng luôn như trong làng hương ước.

Việc ngôi thứ

Điều thứ 136: Làng chuộng văn võ, cứ viên nào khoa mục hơn nhất cả làm tiên chỉ và làm chủ tế, nếu chưa có thời đến các viên có phẩm hạng. Ngôi tiên chỉ ấy ngồi với lễ vào hàng chiếu nhất trong làng, chiếu thứ hai tế văn khi tế vào mảnh bài khi lễ vào (mờ không đọc được).

Điều thứ 137: Làng dùng viên phẩm hàm, làm thứ chỉ và làm tả viên ngôi thứ chỉ ấy, ngồi chi lễ vào hạng chiếu thứ nhì trong làng, chiếu thứ ba tự văn, khi đã vận phải viết cho tinh tả, không được nhầm sót, tế rồi biếu 1 cái nọng bò một cái nọng lợn hay là một cái đùi gà, một đĩa xôi, ba quả cau, nhiều ông phẩm hàm cũng chung nhau biếu ấy thôi.

Điều thứ 138: Những vị trùm ngôi ngồi chiếu lễ vào hạng chiếu thứ ba trong làng, khi tiệc lệ gì chiếu ngôi thứ mà dự tiệc.

Điều thứ 139: Những người kỳ lão, kỳ mục ngôi ngồi chiếu lễ vào hàng chiếu thứ tư trong làng, chiếu thứ tư nằm. Khi tiệc lệ gì, kính biếu người ấy một đĩa thịt một đĩa xôi, một quả cau hay một... cánh, một cái đùi gà cũng được.

(Từ điều 140 đến hết mờ không đọc được)

HƯƠNG ƯỚC LÀNG TAM BẠC

Tổng Phúc Lâm, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông

Tổ chức hội đồng

Điều thứ 1: Các họ họp lại thành một làng bởi thế việc làng do các họ cử người thay mặt gọi là tộc biểu.

Điều thứ 2: Cách thức cử tộc biểu theo như nghị định quan thống sứ Bắc Kỳ ngày 12 aout 1291.

Điều thứ 3: Tư cách tộc biểu là người tự 25 tuổi giở lên, thông thái có gia sản không can án gì, tộc biểu giữ việc ba năm là một hạn.

Điều thứ 4: Hết ba năm cử lại một lần, ai sung tái cử lại được làm, những người tộc biểu được hết hai hạn có ích lợi trong làng lúc ông ấy chết tất cả Hội đồng đi viếng đưa đến mộ và phúng một bức câu đối, một buồng cau, người nào làm trong một hạn không được công bằng tham lận, Hội đồng lập tức trình quan bãi chức người ấy không cho dự định việc làng, mà sau chết Hội đồng không phải viếng thăm gì để làm gương cho người khác.

Điều thứ 5: Chức vụ tộc biểu là hội nghị và quyết định việc làng, dựng sổ chi thu và khám xét sổ ấy.

Điều thứ 6: Các tộc biểu tự chọn trong ban một người làm chánh hương hội. Khi có việc làng do chánh hội thẩm cáo.

Điều thứ 7: Hội đồng lại cử trong ban một người thông hiểu thư toán Quốc ngữ làm thư ký biên sổ sách và một người giàu có biết chữ làm thủ quĩ để giữ tiền công.

Điều thứ 8: Nếu trong ban không thể cử được thư ký, thủ quĩ, thời Hội đồng chọn người làng mà bầu, chọn được hai người ấy được quyền dự Hội đồng cả.

Điều thứ 9: Trừ ra những khi có việc cần mở Hội đồng bất thường còn cứ mỗi tháng ngày mồng 1 và ngày rằm là tiểu Hội đồng, còn đại Hội đồng mỗi năm hai kỳ, ngày mồng một tháng 3 là ngày bản tiệc thần và ngày cuối năm là ngày định sổ chi thu sang năm, lúc đương Hội đồng mà người nào say rượu nói càn thời đuổi ngay ra không cho dự hội nữa.

Điều thứ 10: Khi Hội đồng được quá nửa số người trong ban dự hội thời có thể bàn được, việc bàn xong rồi phải giải tán ngay, không được ngồi lâu mà bầy cuộc rượu chè thuốc phiện.

Điều thứ 11: Hội đồng bàn việc gì thời phải làm thành biên bản, tờ biên bản ấy có chữ của Hội đồng hiện tại và phải để vào hàm công lưu.

Điều thứ 12: Tộc biểu nếu ai bận việc gì không đến dự hội thời phải có nhời cáo mấy Hội đồng biết, nếu không duyên cớ gì đích thực tự bỏ Hội đồng đến hai lần, Hội đồng phải trình quan, rồi biểu họ ấy cử người khác để thay.

Điều thứ 13: Đương lúc Hội đồng trong làng nếu ai theo lễ phép mà hỏi điều gì, thời Hội đồng cũng phải theo lễ phép mà đáp lại cho minh bạch để người ta biết.

Điều thứ 14: Những việc Hội đồng bàn được nửa số người ý hợp phải mang thi hành, nếu ý kiến không hợp thời phải bỏ phiếu. Hoặc dùng cách bỏ phiếu kín, hoặc dùng bằng cách giơ tay, cũng bắt đầu tự họ nhỏ nhất, rồi dần dần đến họ to là hết.

Điều thứ 15: Khi có lệnh quan trên hoặc quan cai trị cần hỏi đến làng thời Hội đồng tư chọn hai người trong ban đi mấy lý trưởng.

Điều thứ 16: Trừ ra những khi có lệnh quan trên bắt thời không kể, còn những khi quan trên hỏi ý kiến về việc quan hệ quyền lợi chung cả làng thời hai người tộc biểu và lý trưởng không được tự quyết mà trình quan ngay phải về tường với Hội đồng rồi sẽ trình quan sau.

Điều thứ 17: Tộc biểu và lý trưởng vì việc làng mà phải đi xa trong cây lô mét thời không tính lộ phí, quá số ấy thời chi mỗi người 0,20$ khi lên tỉnh thời chi 0,30$.

Quan kỷ

Điều thứ 18: Tộc biểu làm việc gì trái hương ước, hoặc cả hội đồng, hoặc ít họ giác ra thời phẩm hàm chức dịch trong làng họp Hội đồng lại mà cứu xử, Hội đồng chức dịch ấy có quyền quở trách hay phạt 1,00$ bạc, hay là không cho dự hội nữa, người nào làm mất tư cách đã nói ở trên điều thứ 3, hay làm tổn quyền lợi của làng thời Hội đồng bãi chức người ấy, nếu người có lỗi không phục tình, hay Hội đồng xử không xong thời làm biên bản trình quan.

Điều thứ 19: Muốn cho trong làng ăn tiêu có chừng mực, để khỏi tổn dân thời phải làm sổ chi thu.

Điều thứ 20: Thường năm cứ ngày mồng 1 tháng 11 Tây, các tộc biểu hội đồng dự tính sang năm thu những số tiền gì, tiêu những món gì, làm thành sổ chi thu Hội đồng ký kết trình quan sở tại kiểm xét rồi đệ bẩm tỉnh duyệt y, đến mồng một tháng Giêng Tây mới được thi hành.

Điều thứ 21: Số tiền chi thu của làng chánh hội được quyền cho thu phát, những khoản tiền ấy đã dự định ở trong sổ.

Điều thứ 22: Thủ quĩ nhận tiền của ai thời phải biên ngay vào sổ răng cưa và xẻ một nửa đưa cho người nộp tiền làm biên lai, tiền nộp ấy thuộc về khoản tiền gì thời thư ký phải biên ngay vào sổ chi thu đã dự định cho thu những món tiền ấy.

Điều thứ 23: Ai nộp tiền mà không có chữ thủ quĩ biên lai, thời tiền ấy có thể như chưa nộp.

Điều thứ 24: Ngày nào tiêu việc gì thời ngày hôm ấy thư ký phải biên ngay vào sổ chi thu ở dòng giấy đã để dành cho biên những món tiền ấy.

Điều thứ 25: Làng có việc bất thường các tộc biểu phải mở ngay Hội đồng làm biên bản, nói rõ vì cớ gì mà tiêu và tiêu là bao nhiêu, biên bản ấy đính ngay vào sổ chi thu phải trình quan duyệt y rồi mới được thi hành.

Điều thứ 26: Những món tiền mà thủ quĩ chi không có chữ chánh hội ký thời không kể, hễ ai đến lĩnh tiền thời thủ quĩ phải bắt người lĩnh tiền ấy giao cho một cái phái xé ở sổ răng cưa ra mà có chữ ký chánh hội và chữ ký của người lĩnh tiền hay điểm chỉ, cứ cuối tháng Hội đồng kiểm quĩ một lần và làm biên bản.

Điều thứ 27: Hết năm Hội đồng sẽ trích sổ xem số tiền thực thu là bao nhiêu, chi ra là bao nhiêu, còn lại là bao nhiêu yết thị tại đình ít là một tháng để đồng dân biết. Khi yết thị phải cho mõ đi rao hay tuần đi biểu.

Điều thứ 28: Chi tiêu không được quá số tiền đã dự định và phải rất tiết kiệm để cho tiền công còn thừa làm tiền lưu trữ.

Điều thứ 29: (...) dùng làm việc sinh lợi hay là làm việc bất thường.

Điều thứ 30: Nếu làng đem tiền cho vay thời lấy lãi đồng niên là ba phân, những người vay phải cầm điền sản làm tin nếu không cầm thời không được vay, những điền sản đem cầm giá đáng mười phần thời chỉ được vay năm phần.

Điều thứ 31: Hội đồng định cho ai vay - phải làm biên bản và phải biểu người vay viết văn tự, văn tự ấy đưa vào biên bản để lưu chiểu, văn tự ấy giao thủ quĩ giữ thủ quĩ sẽ chiểu văn tự mà phát tiền cho người vay, hễ ai vay tiền công đến hạn thời phải giả cả gốc lẫn lãi chứ không được viết lãi làm gốc mà tăng thêm hạn nữa, hạn cho vay chỉ một năm thôi.

Điều thứ 32: Nếu tiền có ít mà người vay nhiều, mà điền sản đem cầm cũng bằng nhau thời Hội đồng phải bỏ thăm, ai bắt được thăm thời được vay.

Điều thứ 33: Muốn cho làng tin cậy các tộc biểu và tộc biểu làm hết bổn phận, vậy nên cấm những người có chân Hội đồng và vợ con các người ấy vay tiền của làng.

Điều thứ 34: Làng sẽ trích tiền công mà phụ cấp cho chánh hội, thư ký, thủ quĩ mỗi người một năm là sáu đồng bạc.

Lý phó trưởng

Điều thứ 35: Lý trưởng là người thay mặt làng, thừa hành việc quan, phó lý là người giúp việc lý trưởng.

Điều thứ 36: Lý phó trưởng không được quyền tư quyết việc làng phải theo ý chung cả Hội đồng.

Điều thứ 37: Lý phó trưởng là người hành chính trong làng đều được dự Hội đồng nếu trong làng có chánh phó tổng và trương tuần cũng vậy.

Điều thứ 38: Làng sẽ trích tiền công cấp cho lý trưởng mỗi năm mười 18,00$, cấp cho phó lý chín đồng bạc. Nếu không có phó lý thời tiền ấy giao cho lý trưởng chi vào việc san hộ, còn khi đi việc quan một mình không được tính lộ phí nữa.

Việc bổ thuế

Điều thứ 39: Lý trưởng tiếp được quan phát bài chỉ về phải tường chánh hội mở Hội đồng mà tính bổ.

Điều thứ 40: Sưu thuế đã có ngạch nhất định của nhà nước, hội đồng cứ theo trong bài chỉ mà bổ không được chia đàn anh, đàn em đất nội canh, ngoại canh mà bổ nhiều bổ ít.

Điều thứ 41: Trong sổ bổ phải biên rõ người nào bao nhiêu điền. Thổ bao nhiêu sưu đinh thành là bao nhiêu tiền giao cho tộc biểu. Họ nào thu họ ấy làm một quyển bổ thuế trình quan không được hàm hỗn.

Điều thứ 42: Khi bổ thuế trình quan rồi cần giao tộc biểu thu xong giao lý trưởng trước hai ngày lấy biên lai để đến ngày thứ ba lý

trưởng đệ trình kho bạc, đem phiếu về trình Hội đồng nếu tộc biểu hay lý trưởng làm sai thời phải đền.

Điều thứ 43: Làng không bổ tiền ngoại phí cho lý trưởng nữa, vì đã có số tiền cấp cho nhất định rồi.

Điều thứ 44: Những người thiếu thuế lý trưởng phải trình quan cứu xử.

Điều thứ 45: Nhật bổ thuế không được bày ra ăn uống nhiều để làng phải đóng nặng thời không được.

Việc kiện cáo

Điều thứ 46: Trong làng ai kiện cáo về dân sự hay về thương sự trước hết phải trình Hội đồng hòa giải đã.

Điều thứ 47: Khi Chánh hội tiếp được ai trình phải mở ngay hội đồng lấy nhẽ chính đáng và tình thân ái mà hòa giải cho hai bên, nếu hòa giải xong thời theo kiểu trong luật làm hòa giải chứng thư trình quan biên vào sổ.

Điều thứ 48: Nếu hòa giải không xong, Hội đồng vì nguyên bị mà phải đi làm chứng thời tiền phí tổn người thưa kiện phải chịu.

Điều thứ 49: Những việc hình sự mà không thể hòa giải được những người đương sự cũng phải trình hội đồng biết, Hội đồng xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra làm sao làm biên bản trình, chứ không được bắt vạ hay là cho tuần sách nhiễu nhà sự chủ.

Sự canh phòng trong làng ngoài bãi

Điều thứ 50: Canh phòng để giữ tính mệnh tài sản chung cả làng, thời hết thảy người tự mười tám tuổi cho đến năm mươi nhăm tuổi đều phải chịu trách nhiệm, trừ ra những người khoa mục phẩm hàm chức sắc, người đương làm việc quan tổng lý, phó, hương, những người đương đi học, người đương đi lính, người tàn tật, còn người nào phải phiên canh mà đi vắng, thời có thể nhờ bà con bạn hữu đi thay cho cũng được, hoặc nộp tiền cho làng mỗi ngày đêm 0,20$ thuê người canh thay.

Điều thứ 51: Tuần mỗi năm sáu người chức phận phải canh phòng trong làng ngoài bãi, làng chi cho mỗi người một năm 2,00$, còn đốc canh thời lý trưởng trông nom hoặc khi phát ra việc gì, thời tất cả người làng nghe hiệu phải đến ứng cứu mấy ban canh đương thứ.

Điều thứ 52: Những khi giới để canh phòng của ai thời người ấy sắm, nếu ai nghèo không sắm được thời làng lấy tiền công mà sắm cho, nhưng khi hết hạn canh lại phải giả làng.

Điều thứ 53: Làng lập một điếm để canh phòng phí tổn ấy thời làng chịu.

Điều thứ 54: Người đầu ban canh khi đến tối thời nổi hiệu để gọi những người trong ban ra điếm, nếu ai có ngăn trở gì thời phải mướn người đi thay nếu bỏ không thời Hội đồng phạt 0,20$ bỏ đến ba lần thời theo lệ trái hương ước mà phạt.

Điều thứ 55: Ban canh thường đêm phải đi luôn chung quanh làng để cho trộm cướp khỏi vào làng.

Điều thứ 56: Ai bắt được kẻ trộm thời thưởng 1,00$ bạc, bắt được kẻ cướp thời thưởng 10,00$.

Điều thứ 57: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về việc trộm cướp trong làng như có nhà nào mất trộm cướp mà tuần không bắt được đứa phạm ấy thời phải chiểu giá vật mất ấy mà đền cho sự chủ, khi phát ra cướp tuần hết sức nhưng không chống cự được thời không phải đền.

Điều thứ 58: Lý phó trưởng thường kiểm xét những người lạ mặt vào trong làng nếu thấy người nào không có thẻ tùy thân và không căn cước thời bắt trình quan xét.

Điều thứ 59: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền phép Hội đồng và lý phó trưởng.

Điều thứ 60: Tuần phải coi các đường trong làng ngoài bãi, thấy ai phá hủy thời trình Hội đồng xét thực phạt 0,20$ đến 0,50$, lúa ma hoa mầu ngoài bãi tuần phải giữ cho cẩn thận, nếu mất đâu phải chiểu giá mà đền.

Điều thứ 61: Không kể đất nội canh ngoại canh, đều đồng niên thu mỗi mẫu sáu hào, tiền ấy thế vào lúa sương mà ngày trước tuần vẫn thu, đến mùa gặt lúa những chủ điền phải nộp cho thủ quĩ để chi lương tuần.

Điều thứ 62: Lý trưởng làm việc mãn lệ đều được chu thỏa thời được ngôi kỳ mục nếu không làm hết bổn phận phải bãi chức thời không.

Việc cấp cứu

Điều thứ 63: Gặp lúc cần cấp như nước to đê sạt, lửa cháy, trộm cướp trừ ra những người sáu mươi tuổi và người yếu ốm, còn người làng nghe động hiệu phải lập tức đến cứu, nếu ai biếng lười, Hội đồng xét phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Điều thứ 64: Ai vì việc cấp cứu mà bị thương làng cho tiền chữa thuốc, trọng thương thành tật thời cho ngôi nhiêu, bất hạnh chết thời cho tiền tử tuất và cả làng đưa đám.

Việc vệ sinh

Điều thứ 65: Hội đồng phải hiểu biểu trong làng phải giữ nhà riêng và đường chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 66: Cấm không ai được đổ rác hay là phóng uế ra ngoài đường nếu ai phạm cấm ấy phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Điều thứ 67: Khi trong làng phát ra chứng bệnh truyền nhiễm, hay bệnh phong thời phải trình quan ngay đem ra nhà thương, chứ không được vì nể mà để trong làng.

Điều thứ 68: Những đồ dùng của người ốm, hay người chết không được vất xuống hồ ao, lại cấm không được làm lông lợn, lông gà, lông trâu bò ở giáp hồ ao, hay là những chỗ có thể chảy xuống hồ ao được, ai phạm cấm ấy thời phạt từ 0,20$ cho đến 1,00$.

Đường sá, cầu cống

Điều thứ 69: Đường chung của làng thời trích tiền công mà sửa đắp hay là chia ra nhân suất, các đường riêng thời các điếm phải sửa.

Điều thứ 70: Cấm không được chăn trâu bò gần ruộng khi lúa đã tốt ai phạm cấm ấy thời Hội đồng phạt 0,20$, nếu để trâu bò ăn lúa của ai thời phải chiểu giá mà đền nữa.

Điều thứ 71: Cấm không được thả gà vịt, lợn, ngoài bãi, khi lúa đã gieo nếu ai phạm cấm ấy thời phạt 1,00$, mà hoa mầu bị hại lại phải chiểu giá mà đền nữa.

Các của công

Điều thứ 72: Đã gọi là của công thời trong làng ai cũng phải có nghĩa vụ mà giữ, nếu ai làm tổn hại phải bồi thường.

Điều thứ 73: Khi làng có bán động sản hay bất động sản, thời phải đấu giá, yết thị cho người làng đều biết trước mười ngày, ai đấu giá cao thời được, nhưng Hội đồng phải làm biên bản để lưu chiểu.

Việc xét về gian lậu

Điều thứ 74: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm, như rượu, thuốc phiện lậu và mở sòng bạc lấy hồ, Hội đồng phải khám xét luôn để trừ việc ấy.

Điều thứ 75: Ai có phạm cấm Hội đồng không thể ngăn được, thời phải trình quan để trừng trị.

Điều thứ 76: Những người phạm cấm dù quan đã trị tội, nhưng làm mất phong thể trong làng, thời phạt không cho dự đình trung tế tự trong ba năm, về không được làm tộc biểu nữa.

Sự giao thiệp

Điều thứ 77: Theo thói quen khi có quan khách đến làng, thời chỉ lý phó trưởng đương thứ ra ứng tiếp mà thôi, nếu đi vắng, thời quan khách không biết hỏi ai, như thế thời không tiện. Nay những việc ấy giao cho những người Hội đồng.

Điều thứ 78: Những người hội đồng và lý phó trưởng lấy lễ nghi chính đáng mà tiếp khách các quan khách đến làng, nếu các quan

khách muốn khám xét việc gì, thời Hội đồng phải dẫn khám, nếu có việc gì ngăn trở thời Hội đồng phải gìn giữ cho yên ổn, khi trong địa giới có người nào bị ốm đau, hay tai nạn, Hội đồng phải đến tận nơi liệu phương mà cứu chữa.

Ngụ cư ký táng

Điều thứ 79: Làng chỉ cho những người có căn cước minh bạch và nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi, người tạm ngụ thời không kể, còn người nào đã có gia sản thời phải chịu trách nhiệm canh phòng mấy làng.

Điều thứ 80: Ai ký táng ở địa phận làng dù đã mua đất của ai cũng phải trình Hội đồng biết và nộp tiền kiểm cố 3,00$.

Việc quản châu thổ

Điều thứ 81: Trừ đất đình và đất gia cư mỗi nhà một sào ra, còn chia đều từ cụ thượng cho đến người mười tám tuổi, mỗi người một phần, cứ ba năm lại chia lại, nếu người nào làm chưa mãn chương bất hạnh chết, đến mãn phục làng trích ra đấu giá sung công.

Điều thứ 82: Cứ mỗi năm làng thu mỗi phần đất 1,00$ 0,50$ để chi tiêu tế tự trong một năm, còn thừa để làm tiền lưu trữ chi tiêu bất thường, nhưng tiền này phải biên vào sổ chi thu của làng.

Hôn lễ

Điều thứ 83: Con giai trong làng lấy con gái trong làng thời phải 50 khẩu giấu trình Hội đồng và lý trưởng nộp lệ cheo 1,00$, nếu nhà hôn chủ có mời, thời làng cũng ăn không thời thôi, không ai được trách móc.

Điều thứ 84: Con giai ở ngoài lấy con gái trong làng cũng phải 50 khẩu giấu trình Hội đồng và lý trưởng nộp lệ cheo 1,00$ và thêm đồ lễ chín đồng bạc để sung công.

Điều thứ 85: Khi nhà giai đến đón dâu cấm không được chăng dây và đóng cửa nữa, nếu ai không tuân thời phạt 0,20$.

Tang lễ

Điều thứ 86: Tang sự là việc chung khi bất hạnh trong làng có người nào chết thời hiếu chủ phải mười khẩu giầu trình chánh hội, hay lý trưởng để thông báo tất cả làng đi đưa ma nếu dân làng người nào đi vắng, thời phải tường Hội đồng, nếu không thời Hội đồng phạt 0,20$.

Điều thứ 87: Nếu nhà hiếu chủ muốn để danh dự về sau, thời đưa tiền kỷ niệm làm của công, dù nhiều ít tùy tâm hiếu chủ, ai đưa được tiền kỷ niệm, thời muốn xin tế lễ thế nào thời làng cũng cho nếu không thời thôi.

Điều thứ 88: Khi đi đưa ma về nhà hiếu chủ có lòng mời mọc thế nào thời làng cũng ăn uống, nếu không thời thôi, không ai được trách móc gì cả.

Điều thứ 89: Khi người nào bất hạnh quá cố đi, thời hiếu chủ phải trình Hội đồng và lý trưởng để báo dân làng đi đưa đám và mai táng, nếu ai tự tiện không trình thời Hội đồng phạt 0,50$.

Tế tự

Điều thứ 90: Đình để thờ thần phải cắt một người cẩn thận sạch sẽ, để tối sáng đèn hương quét tước, thời làng sẽ trích tiền công, cấp cho mỗi tháng 1,00$ 0,50$.

Điều thứ 91: Tự ngày mồng một tế cho đến ngày mồng bốn, thời mỗi ngày làng lấy hai con gà, hai mươi phẩm oản chuối, hai mươi khẩu giầu lệ, để làm lễ, lễ thành có người nào ở đấy thời thụ lộc, ai vắng thời thôi.

Điều thứ 92: Ngày mồng một là ngày bàn tiệc thần, ai làm lý trưởng thời phải sửa một con gà, một nậm rượu, một cơi giầu và đơm lấy hai mươi phẩm oản chuối lẻ và hai mươi khẩu làm lễ, lễ thành ai hiện tại thời thụ lộc.

Điều thứ 93: Ngày mười lăm là ngày tiệc thần, làng sẽ trích tiền công thổ 15,00$ để chi việc ấy lễ thành suất cả hàng lão cùng thụ lộc.

Điều thứ 94: Ngày mồng một tháng ba mở đại Hội đồng để định tiệc thần, thời lấy hai con gà, hai mươi phẩm oản chuối lễ, hai mươi khẩu giầu làm lễ, lễ thành ai có đấy thời thụ lộc.

Điều thứ 95: Ngày mười hai tháng ba là ngày đại Kỳ Phúc, thời dân lấy hai mươi đồng bạc công thổ chi việc ấy, lễ thành suất cả hàng lão cùng thụ lộc.

Điều thứ 96: Ngày mồng một tháng Tư dân lấy năm đồng bạc công thổ để chi việc lễ Kỳ Yên lễ thành cả hàng lão cùng thụ lộc.

Điều thứ 97: Ngày mồng năm tháng năm thời lấy hai mươi khẩu oản chuối bốn mươi khẩu giầu lễ xong ai hiện tại thời thụ lộc.

Điều thứ 98: Ngày hai mươi tám tháng sáu là ngày Kỳ Phúc, dân lấy hai con gà hai mươi phẩm oản chuối, bốn mươi khẩu giầu làm lễ thành ai hiện tại thời thụ lộc ai vắng thời thôi.

Điều thứ 99: Ngày rằm tháng bảy thời ba giáp sửa lễ tùy nghi chiếu biện.

Điều thứ 100: Ngày rằm tháng tám là tiết trung thu, thời tư văn làm lễ cả một thể.

Điều thứ 101: Ngày mồng chín tháng chín là ngày Kỳ Phúc thời dân lấy hai con gà hai mươi phẩm oản chuối lệ và bốn mươi khẩu giầu làm lễ thành có ai ở đấy thời thụ lộc.

Điều thứ 102: Ngày mồng mười tháng mười lấy hai mươi phẩm oản chuối, bốn mươi khẩu giầu làm lễ xong ai hiện tại thời thụ lộc.

Điều thứ 103: Ngày hai mươi chín tháng một lấy hai con gà, hai phẩm oản chuối lệ bốn mươi khẩu giầu làm lễ thành ai hiện tại thời thụ lộc.

Điều thứ 104: Ngày 25 tháng Chạp thời những con giai đẻ trong năm ấy phải sửa mỗi người một con gà hai yến xôi, hai mươi bốn miếng giầu đem ra đình lễ xong rồi chia phần suất tự thượng lão cho đến người nhật bạ.

Điều thứ 105: Hôm ba mươi tết thời lấy hai con gà hai mươi phẩm oản chuối, bốn mươi khẩu giầu làm lễ thành, ai hiện tại thời thụ lộc.

Khao vọng

Điều thứ 106: Trong làng viên nào đỗ khoa văn, tự tiến sĩ, cử nhân, tú tài, cao đẳng tốt nghiệp, thành chung tốt nghiệp, kinh thống bát cửu phẩm quan lại, võ tự thống chế đề đốc, Chánh phó lãnh binh quan cơ xuất đội, chánh phó tổng sự các tòa có bằng sắc làng mừng cau chè ước 2,00$, hễ ông ấy muốn rước thời làng cắt dân giai đi rước, thời viên quan ấy phải vọng hai mươi đồng bạc để sung công mấy lại một con lợn một bàn xôi, cau rượu lễ đình kinh dân uống rượu khi tiệc thần ông nào cao hàm vào chủ tế ông nào kém làm điển văn, lễ thành thời biếu mỗi ông một cái cổ lợn, một đĩa xôi, một quả cau nếu không có quan hàm, thời tiên thứ chỉ kỳ mục có văn bằng được sung chức ấy.

Điều thứ 107: Người nào lên trùm đến 12 tháng Giêng phải nộp khao ba đồng sáu hào cứ năm đến ngày tiệc thần, thời dân biếu một cái đò lợn, đến khi ra lão thời thôi.

Điều thứ 108: Người nào đến 55 tuổi ra lão lại phải nộp 3,00$ để sung công.

Điều thứ 109: Người nào làm lý trưởng được mãn hệ không can thiệp gì nạp lệ khao mười đồng bạc thành là kỳ mục khi tiệc thần biếu một khẩu thịt, một đĩa xôi khi tạo chức thời biếu một khẩu thịt một đĩa xôi một khẩu giấu.

Điều thứ 110: Người nào được bằng ngũ trưởng khoa sinh sơ học tốt nghiệp hai là mua ngôi hương trưởng đều lập mười đồng sung công thời được trừ tuần cả.

Thứ vị

Điều thứ 111: Trừ ra những khi có khoa văn phẩm hàm thời phải tôn chiếu ngồi mà thôi, còn tự khi mới nhập ba cho đến khi ra lão thời cứ noi bậc mà lên.

Điều thứ 112: Mỗi năm cứ đến ngày tiệc thần thời thư ký phải đem hương ước này tuyên đọc cho đồng dân cùng nghe biết nhuần mà tuân thủ.

Chánh phó hương hội, hội đồng tộc biểu ký tên đóng triện.

HƯƠNG ƯỚC LÀNG QUẢNG BÁ

Tổng Thượng, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông

Chú ý cải lương

Khoán ước của làng, lưu truyền từ xưa, hoặc chỉ khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần nên cải lương, suy sét hiện tình thời nay, so sánh khoán lệ thuở trước, điều nào hại thời đổi điều nào lợi thời theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu, dân làng có trật tự sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà cải bổ dần.

Phần thứ nhất: Nói về chính trị

Tổ chức hội đồng tộc biểu

Điều thứ 1 - Các họ hợp lại mà thành một làng, bởi thế việc làng do các họ cử người thay mặt để mà trông coi gọi là tộc biểu.

Điều thứ 2 - Theo số người trong họ mà cứ họ nhớn cử hai ba người họ nhỏ cử một người, họ nhỏ quá chỉ vài ba suất thì hai ba họ cử chung một người.

Điều thứ 3 - Tư cách tộc biểu phải cử những người 25 tuổi giở lên, biết chữ, có gia sản, không can phạt giam, tộc biểu giữ việc ba năm là một hạn.

Điều thứ 4 - Hết hạn ba năm cử lại một lần, ai được tái cử thời lại được làm nữa, những người đương làm tộc biểu thời được trừ tạp dịch như là canh phòng, trong làng tu bổ đường sá v.v.

Điều thứ 5 - Chức vụ tộc biểu là phát nghị và quyết định việc làng, dụng sổ chi thu và kiểm soát sổ ấy.

Điều thứ 6 - Các tộc biểu tự chọn một người trong ban làm chánh hội trưởng và một người làm phó hội trưởng, khi có hội đồng, do hội trưởng báo cáo, nếu hội trưởng phương trở việc gì, do phó hội trưởng báo cáo.

Điều thứ 7 - Hội đồng lại bầu 2 người trong ban, một người thông hiểu chữ nghĩa tính toán làm thư ký, để biên sổ sách, một người giầu có chắc chắn làm thủ quĩ để giữ tiền dân.

Điều thứ 8 - Nếu trong ban không thể bầu được người thủ quĩ thời hội đồng chọn người làng mà bầu, người được bầu làm thủ quĩ ấy thời được quyền dự hội đồng

Điều thứ 9 - Trừ ra khi có việc cần mỗi tháng cứ ngày 1 và 15 hội đồng một lần bàn việc làng, ai say rượu thời không được dự hội đồng.

Điều thứ 10 - Được quá nửa số người trong ban dự hội đồng có thể bàn việc, bàn xong thời giải tán ngay không được ngồi lâu bày cuộc tửu phiếm.

Điều thứ 11 - Hội đồng bàn việc gì thời phải làm biên bản, trong biên bản ấy phải có chữ ký của hội đồng hiện thời và phải để vào công hàm, để làm lưu chiểu.

Điều thứ 12 - Tộc biểu mắc bận không đến hội được, phải có nhời kiểu để hội đồng biết, nếu ai không có duyên cớ đích thực, tự bỏ đến 2 lần, thời hội đồng phải bảo họ ấy cử người khác.

Điều thứ 13 - Đương lúc hội đồng, nếu có ai trong làng theo lễ phép mà hỏi điều gì, thời hội đồng cũng theo lễ phép mà đáp lại một cách rõ ràng cho người ta biết.

Điều thứ 14 - Những việc hội đồng bàn được quá nửa số người ý hợp thì đem thi hành nếu ý kiến không hợp, thì phải bỏ phiếu nhưng một phiếu hội trưởng được kể thành hai, hoặc bầu bằng cách giơ tay, hoặc bầu bằng cách bỏ phiếu kín, cũng bắt đầu từ người tộc biểu họ nhỏ nhất bầu trước rồi dần dần đến tộc biểu họ to nhất là hết.

Điều thứ 15 - Khi có linh quan tòa án hoặc quan cai trị cần hỏi đến làng, thời hội đồng tư chọn nhiều là hai người trong ban đi với lý trưởng.

Điều thứ 16 - Trừ ra những khi có linh quan trên bắt làm thời không kể, còn những khi quan hỏi ý kiến về những việc quan hệ và quyền lợi chung cả làng, thì hai tộc biểu và lý trưởng không được tự quyết mà trình quan ngay, phải mở hội đồng tất được mọi người ý hợp rồi sẽ trình sau.

Điều thứ 17 - Tộc biểu và Lý trưởng, vì việc làng mà phải đi xa trong 5km, làng không phải chi tiền lộ phí, quá số ấy làng chi mỗi ngày 0,50$, lên tỉnh hạn cho hai ngày lên huyện hạn cho một ngày là cùng.

Quan kỷ

Điều thứ 18 - Tộc biểu nếu làm việc gì trái hương ước, hoặc cả hội đồng, hoặc một họ mà trong làng giác ra, thì những người chức sắc kỳ lão trong làng họp hội đồng mà cứu xử, hội đồng chức sắc, kỳ lão này có quyền trách hay là phạt tiền từ 1,00$ cho đến 10,00$, hay là không cho dự hội đồng nữa, người nào làm mất tư cách ở điều thứ 3 hay là làm tổn hại quyền lợi của làng, thời hội đồng chức sắc kỳ lão bãi chức người ấy, nếu hội đồng xử không xong hay người tộc biểu có lỗi không phục tình thời hội đồng sẽ làm biên bản trình quan.

Sổ chi thu

Điều thứ 19 - Muốn cho trong làng chi tiêu có chừng mực, để khỏi tốn dân, thời phải làm sổ chi thu.

Điều thứ 20 - Thường năm cứ ngày 1 tháng 11 Tây các tộc biểu hội đồng tính dự sang năm thu những tiền gì, rồi làm thành sổ, cả hội đồng ký kết trình quan sở tại kiểm soát, để trình bẩm duyệt rồi đến 1 tháng 1 Tây mới được thi hành.

Điều thứ 21 - Sổ chi thu của làng do hội trưởng giữ, hội trưởng được quyền cho phép thu phát những khoản tiền đã định ở trong sổ chi thu.

Điều thứ 22 - Tiền thu - Thủ quĩ nhận được tiền của ai nộp, thì phải biên ngay vào sổ răng cưa và phải xẻ một nửa giao cho người nộp tiền làm biên lai, tiền nộp ấy thuộc về khoản gì, thời thư ký phải biên ngay vào sổ chi thu ở khoản đã dự định cho thu những món tiền ấy.

Điều thứ 23 - Ai nộp tiền cho người nào, mà không có thủ quĩ biên lai, thời tiền ấy coi như chưa nộp.

Điều thứ 24 - Tiền chi - Ngày nào tiêu việc gì, thời ngay hôm ấy thư ký phải biên vào sổ chi ở khoản đã dự định để cho chi những món tiền ấy.

Điều thứ 25 - Làng có chi tiêu bất thường, các tộc biểu phải mở hội đồng làm biên bản nói rõ vì cớ gì mà tiêu và tiêu là bao nhiêu, biên bản ấy phải đính ngay và sổ chi thu, những khoản chi thu bất thường qúa số 20,00$, thời tờ biên bản ấy phải trình quan tỉnh duyệt y trước đã rồi mới được thi hành.

Điều thứ 26 - Những món tiền thủ quĩ chi ra mà không có chữ hội trưởng thời không kể, hễ ai đến lĩnh tiền, thời thủ quĩ bắt người lĩnh tiền ấy giao cho một cái phải lai xẻ ở sổ răng cưa ra, nếu có chữ ký Hội trưởng, chữ ký hay làm điểm chỉ của người lĩnh tiền ấy rồi mới phát, cứ đến cuối tháng, hội đồng kiểm quĩ một lần và phải làm tờ biên bản, nếu sai nhầm thời thủ quĩ có lỗi.

Điều thứ 27 - Hết năm thời hội đồng tính sổ, xem số tiền thực thu vào là bao nhiêu, số tiền chi ra là bao nhiêu, số tiền còn lại là bao nhiêu, yết thị tại đình ít ra là một tháng, để đồng dân cùng biết hễ khi yết thị thời phải cho mõ đi rao.

Điều thứ 28 - Chi tiêu không được qúa số dự định và phải cho rất tiết kiệm để cho tiền công còn thừa để làm tiền lưu trữ.

Điều thứ 29 - Món tiền lưu hạ ấy, làng dùng làm việc sinh lợi, hay để chi tiêu việc bất thường.

Điều thứ 30 - Nếu làng đem tiền ấy cho vay thời lấy lời 3% mà thôi, nhưng người vay phải cầm gia sản làm tin, nếu không cầm thời không cho vay.

Điều thứ 31 - Những gia sản cầm cho làng đáng giá 10 phần, chỉ cầm được 9 phần.

Điều thứ 32 - Hội đồng định cho vay, phải làm biên bản và bảo người vay phải viết văn tự, văn tự ấy phải trước bạ, biên bản giao trưởng hội giữ, mà văn tự thời thủ quĩ giữ, thủ quĩ sẽ chiểu theo văn tự mà phát tiền cho người vay, ai vay tiền công, hễ đến hạn phải giả cả gốc... mà tăng thêm hạn nữa, hạn cho vay tiền không được quá 1 năm, tiền cho vay hạn một năm thôi.

Điều thứ 33 - Nếu số tiền có ít, mà người vay thời nhiều và lại số gia sản của những người vay ấy cầm đều bằng nhau thời hội đồng phải bỏ thăm.

Điều thứ 34 - Muốn cho làng tin cậy các tộc biểu và tộc biểu làm hết bổn phận vậy nên cấm các người có chân hội đồng và những vợ con người ấy vay tiền của làng.

Điều thứ 35 - Làng định cấp cho hội trưởng đồng niên 4,00$ và cấp cho phó hội trưởng, thủ quĩ, thư ký, mỗi viên đồng niên 3,00$.

Lý Hương trưởng

Điều thứ 36 - Lý trưởng là người thay mặt làng mà thừa hành việc quan, Hương trưởng là người giúp việc lý trưởng.

Điều thứ 37 - Lý trưởng hương trưởng không có quyền phép tự ý quyết định việc làng, phải có ý chung cả các tộc biểu.

Điều thứ 38 - Lý Hương trưởng là người hành chính trong làng, đều được chân hội đồng có chánh phó tổng cũng vậy.

Điều thứ 39 - Làng sẽ trích đất bãi công cấp cho trưởng hai mẫu và cho hương trưởng một mẫu, để chi phí việc quan, khi về đất ấy phải trả ngay, để cấp cho người sau, nếu mới canh tác xong thời chi cho người sau, mà gần hết tháng thu hoạch, thời cho thu cả, hễ ai làm vi mãn lệ ba năm từ về, làng cho một tên hương luận thù lao, muốn viết cho ai, dân cũng bằng lòng, không phải mất tiền vọng gì cả, nếu

không mãi lệ hay là can khoản, cách bãi, thời phải chịu mọi sự cũng như người hương luận.

Điều thứ 40 - Lý hương trưởng đã được đất làng cấp thời khi đi việc quan, một mình không được lấy tiền phí tổn của làng.

Bổ sưu thuế

Điều thứ 41 - Lý trưởng tiếp giấy quan sức lịnh bài chỉ thuế về, thời tường ngay hội trưởng mở hội đồng mà tính bổ.

Điều thứ 42 - Sưu thuế đã có ngạch nhất định của nhà nước, hội đồng cứ theo trong bài chỉ mà bổ, không được chia đàn anh hay là đàn em, ruộng nội canh hay là ngoại canh mà bổ nhiều bổ ít.

Điều thứ 43 - Trong sổ bổ phải biên rõ người nào bao nhiêu, điền thổ bao nhiêu, sưu đinh thành bao nhiêu tiền, không được hàm hồn.

Điều thứ 44 - Khi đã bổ xong rồi, giao Lý trưởng hành thu để đệ nạp.

Điều thứ 45 - Làng không bổ tiền ngoại phí cho lý hương trưởng nữa vì làng đã cấp ruộng có lệ nhất định rồi.

Điều thứ 46 - Những người thiếu sưu thuế, Lý trưởng nên chỉ trình quan cứu xử.

Điều thứ 47 - Ngày hội bổ thuế, không được bày ra ăn uống, để làng phải đóng nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 48 - Trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay thương sự, trước hết phải trình hội đồng giải hòa.

Điều thứ 49 - Hội trưởng tiếp ai trình, thời phải mở hội đồng, lấy nhẽ chính đáng và tình thân ái hòa giải cho hai bên, nếu hòa giải xong, thời phải theo kiểu trong luật làm hòa giải chứng thư, giao lý trưởng trình quan sở tại biên vào sổ.

Điều thứ 50 - Những việc hình sự không có việc hòa giải, những người đương sự cũng phải trình hội đồng vì nguyên sự mà phải bỏ đi làm chứng trước tòa án, thời người thua kiện phải chịu tiền phí tổn.

Điều thứ 51 - Hội đồng xét hỏi những việc hình sự không có thể hòa giải, nhưng người đương sự cũng phải trình hội đồng biết.

Điều thứ 52 - Hội đồng xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra, làm biên bản trình quan chứ không được bắt vạ hay là cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Canh trong làng

Điều thứ 53 - Canh phòng để giữ tính mạng tài sản chung cả làng hết thảy người làng, từ 18 tuổi đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm, trừ ra những người chức sắc khoa mục, người hiện làm việc quan các sở, người đương đi học trường, người chưa đến tuổi và người tàn·tật. Người nào đến phiên canh mà đi vắng thời có thể nhờ bà con, bạn hữu canh cho, hoặc nộp cho làng một tối 0,10$ để thuê người khác canh thay.

Điều thứ 54 - Mỗi năm cắt tuần một lần lệ cắt 20 tên cắt từ trên 50 tuổi xuống đến 18 tuổi, mỗi người phải đi tuần một năm, cứ đến 1 tháng 12 Tây thời các nghị viên hội đồng xét sổ cắt ra người trên cắt trước, người dưới cắt sau biên liệt ra hai tờ giấy, 1 tờ giao Lý trưởng chiểu đấy mà gọi, một tờ để công hàm làm bằng, trong 20 tên tuần ấy, hai tên giao lý hương trưởng mỗi người 1 tên để nhật dạ cẩn tiện sai việc, còn 18 người chia làm 2 ban, một ban 8 người giao trưởng tuần canh gác ở đình tuần kiểm dân làng và đồng điền 1 ban 10 người giao cho hương trưởng canh gác ở điếm, tuần phòng các đường đê và ngoài bãi. Còn như tuần nhật ở trong đình, ngoài điếm ngày nào cũng có một người canh gác, phòng khi có quan về hay giấy sức, cùng là việc gì phải đi báo cáo, hội đồng với Lý trưởng và bất thần các viên hội đồng và lý dịch có việc gì cần, đánh trống gọi hạng tuần nào thời hạng ấy cứ nghe hiệu trống phải đến ngay, nếu ai chậm chễ thời có lỗi.

Điều thứ 55 - Những khi giới để canh, của ai người nấy sắm phải giữ, người nào nhà nghèo, không thể sắm được, thời làng trích tiền công mà sắm cho, nhưng hết hạn canh, thời phải giao lại giả làng.

Điều thứ 56 - Làng đã lập một cái điếm ở vệ đê, khi nào rột, thời phải làm lại, làng trích tiền còn để chi.

Điều thứ 57 - Người hương trưởng và trưởng tuần cứ đến gần tối thời nổi hiệu trống đốc gọi những người trong ban ra điếm mấy đinh, ai có phương trở, phải mượn người thay, nếu bỏ không canh, thời 2 lần đầu, mỗi lần hội phạt 0,10$, lần thứ ba hội đồng chiểu nghĩ không theo hương ước mà phạt.

Điều thứ 58 - Ban canh thường đêm ngày phải đi tuần, luôn chung quanh làng cho trộm cướp khỏi vào.

Điều thứ 59 - Ai bắt được kẻ trộm làng thưởng 1,00$ bắt được kẻ cướp, làng thưởng 10,00$ cùng là ai trông thấy việc phi pháp thì (.....) lý dịch hay là hội đồng ngay, hễ việc gì có phạt được tiền bao nhiêu, thời thưởng cho người báo cáo một nửa còn thời sung công.

Điều thứ 60 - Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự giữ trộm cướp trong làng, như trong làng có nhà mất trộm cướp, mà tuần không bắt được đứa phạm, thời phải chiếu vật giá mà đền cho nhà chủ, như khi cướp phát ra, mà tuần đã hết sức chống cự mà không thể giữ được, thời không phải đền.

Điều thứ 61 - Lý hương trưởng và trương tuần thường kiểm xét những người lạ mặt vào trong làng, nếu lý trưởng thấy người nào không thẻ tùy thân mà căn cước đáng nghi, thời bắt giải trình quan xét.

Canh ngoài đồng

Điều thứ 62 - Làng cử một người đã có ngôi hương luận làm trương tuần, để đốc tuần tráng trông coi hương ấp và ngoại đồng, làm việc mãn 3 năm chu toàn, thời khao vọng vị thứ, cũng như người hương trưởng cựu, nếu không mãn khóa hay can khoản gì, thời chỉ còn ngôi hương luận mà thôi.

Điều thứ 63 - Canh phòng báo cáo, cần phải dùng hiệu trống và ốc, hết thẩy người làng đều phải nghe hiệu lịnh mà đến như sau này:

Đánh trống gọi đại hội đồng 5 hồi 5 tiếng, gọi tiểu hội đồng 3 hồi 3 tiếng, gọi hội trưởng 1 hồi 9 tiếng, gọi thủ quĩ thư ký 1 hồi 6 tiếng, gọi Lý trưởng 9 tiếng gọi hương trưởng, gọi trương tuần 6 tiếng, gọi tuần ngày đinh 4 tiếng, gọi tuần ngày điếm 3 tiếng, gọi tất cả tuần điếm 1 hồi 3 tiếng, gọi tất cả tuần đinh 1 hồi 4 tiếng, gọi tất cả tuần đinh tuần điếm 2 hồi 2 tiếng, gọi học trò 1 hồi tha 1 tiếng, đến như việc cấp cứu như là thủy hỏa đạo tặc, ai biết trước chạy ngay vào đình hoặc ra điếm, đánh trống niên, thanh ngang lên, để cho dân làng biết, ai ai cũng phải chạy ra hết cả mà cứu, nếu ai không ra thời (...).

Điều thứ 64 - Tư cách người trưởng tuần và tuần tráng đều là người khỏe mạnh nếu người yếu thời làm việc nhẹ, như là chạy giấy cùng là đi đòi gọi.

Điều thứ 65 - Hương trưởng tuần và tuần tráng đều phải theo quyền phép các tộc biểu và lý trưởng.

Điều thứ 66 - Tuần coi các đường khuyến nông của làng, thấy ai làm hủy hoại, thời tường hội đồng xét thực, phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 67 - Tuần coi việc giữ nước và thảo nước, nhưng lại nên giữ (...), phải theo ý kiến hội đồng không (...) tự quyết.

Điều thứ 68 - Những người nào tháo nước đơm cá làm ruộng phải cạn thời tuần phải bắt ngay giải tường hội đồng xét phạt từ 0,20$ đến 1,00$ tiền phạt ấy được bao nhiêu cho tuần 1 nửa, còn thời sung công, nếu tuần dung túng để nước ruộng cạn, thời hội đồng phạt tiền ấy cũng như người phạm.

Điều thứ 69 - Lúa mạ hoa mầu ngoài đồng, tuần phải canh giữ cho cẩn thận, mất đâu tuần phải nguyên giá mà đền.

Điều thứ 70 - Làng cấp tiền cho tuần, nguyên làng có ruộng (...) mẫu, cứ mỗi mẫu đồng niên phải nộp trên 0,40$ tiền ấy chia làm 2 thứ một thứ tháng 5, 1 thứ tháng 10, tháng 5 nộp 0,20$ mà thôi, tháng 10 nộp 0,20$, nếu ruộng chỉ cấy được một mùa chiêm, thời chỉ phải nộp 0,20$ mà thôi tiền ấy sẽ thế cho lúa sương, mà tuần vẫn được thu. Từ đây về sau, cứ đến trước vụ gặt các điền chủ phải nộp

tiền lúa sương cho thủ quĩ đã, rồi mới được gặt, để làng lấy tiền chi cho tuần, đến như thổ trạch thời không phải nộp tiền sương.

Điều thứ 71 - Trương tuần làm việc 3 năm được chu ổn, thời làng cho ngôi kỳ mục cũng như hương trưởng, nếu không làm hết bổn phận, thời phải bãi chức, đã bãi chức thời mất ngôi kỳ mục.

Sự cấp cứu

Điều thứ 72 - Gặp sự cấp cứu như nước to sạt đê, lửa cháy nhà nào, trộm cướp nhà nào, trừ ra những người 60 tuổi và người ốm, còn người làng nghe hiệu, đều phải lập tức đến cứu, nếu ai lười biếng không đến, hội đồng xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,60$.

Điều thứ 73 - Ai vì sự cứu cấp bị thương làng cấp tiền chữa thuốc, trọng thương thành tật, làng cho ngôi kỳ mục, thương đến nỗi chết, làng cấp tiền tuất 20,00$, mà cả làng đi đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 74 - Muốn cho người làng mạnh khỏe, cần phải theo phép vệ sinh, một là phòng bệnh 2 là phòng giữ bệnh.

Điều thứ 75 - Hội đồng thường hiểu bảo người làng giữ nhà riêng và đường chung đều phải phát dọn đáp sửa cho quanh sạch.

Điều thứ 76 - Cấm không ai được vất uế vật ra đường và làm nhà xí bên đường ai phạm cấm ấy hội đồng phạt 0,10$.

Điều thứ 77 - Làng chưa có giếng thời ăn nước hồ Tây khi nào làng đào được giếng, thời phí tổn ấy làng trích tiền công để chi.

Điều thứ 78 - Khi trong làng phát chứng bệnh có thể truyền nhiễm, lý trưởng phải trình quan ngay xin thầy thuốc chữa.

Điều thứ 79 - Trong làng có ai mắc phải bệnh phong, Lý trưởng trình quan khám thực đem ra dưỡng tế, không được vi nể mà để trong nhà.

Điều thứ 80 - Những đồ dùng của người ốm hay là người chết, cấm không được vất xuống hồ ao, ai phạm cấm ấy làng phạt 0,30$,

lại cấm không được làm chuồng lợn, chuồng trâu, chuồng bò và nhà xí cạnh hồ ao hay là chỗ dơ bẩn có thể chảy xuống hồ ao được.

Đường sá cầu cống và đê điều

Điều thứ 81 - Người trưởng tuần phải kiêm chức thủ lộ để trông nom đường sá cầu cống, hễ thấy nơi nào hư hỏng, phải trình hội đồng sửa lại, đến như việc đê điều thời người hương trưởng chỉ phải coi sóc để cho người và súc vật khỏi làm tổn hại đến đê, phải giữ những nơi hư hỏng, lại phải giữ gìn để cho lúc nào cũng được tốt, khi có chỗ nào hư hỏng nhiều mà cần nhà nước tu bổ mới được, thời người hương trưởng phải trình hội đồng để trình quan.

Điều thứ 82 - Các đường chung của làng, thời làng trích tiền công mà sửa, hay là chia nhân suất chia ra trâu bò, tùy hội đồng lâm thời trù nghĩ các đường riêng thôn, hay là đường riêng từng xóm, thời bắt thôn xóm ấy phải sửa.

Điều thứ 83 - Ai làm việc riêng mà hại đến đường sá cầu cống chung cả làng, thời phải bồi thường và phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 84 - Ai cần tháo nước qua đường trước phải tường hội đồng biết, tháo xong phải đắp ngay lại cao tốt hơn trước mới được.

Điều thứ 85 - Nhà nào ở gần đường đi hay ruộng, cấm không được tre mọc lan ra cùng ngả ra ngoài đường hay ngoài ruộng, nếu không tuân thời hội đồng phạt từ 0,20$ đến 0,50$ mà phải chặt cây đào gốc ngay lập tức.

Sự vệ nông

Điều thứ 86 - Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khai dẫn các ngòi lạch giữ nước cho tiện việc làm ruộng

Điều thứ 87 - Cấm không ai được phạt cỏ bờ ruộng mà không đắp lại để bờ lở dần đi, ai phạm hội đồng phạt 0,10$.

Điều thứ 88 - Cấm không ai được đắp đập qua ngòi mà đơm cá, để nước không thông, ai phạm hội đồng phạt 0,10$.

Điều thứ 89 - Cấm chăn trâu bò ở bờ ruộng, khi lúa đã tốt, ai phạm hội đồng phạt 0,10$.

Nếu trâu bò ăn lúa của người ta thời phải đền nữa

Điều thứ 90 - Cấm chăn vịt nhiều ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa, ai phạm, hội đồng phạt 1,00$, nếu vịt phá lúa thời lại phải đền nữa, những tiền phạt trong sự vệ nông ấy đều phát cho người tuần nào bắt được một nửa, còn thời sung công.

Các của công

Điều thứ 91 - Đã là của công chung của làng, thời người trong làng ai cũng có nghĩa vụ phải giữ, nếu ai làm hại thời phải bồi thường.

Điều thứ 92 - Khi làng có bán động sản hay là bất động sản, thời hội đồng phải đấu giá kín nhưng phải yết thị cho mọi người đều biết trước khi đấu giá 10 ngày.

Điều thứ 93 - Ai đấu giá cao hơn thời được, nhưng hội đồng phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Xét gian lậu

Điều thứ 94 - Những điều mà có lệnh cấm như là rượu lậu, thuốc phiện lậu và mở sòng đánh bạc lấy hồ, thời hội đồng khám xét luôn trong làng để trừ gian lậu.

Điều thứ 95 - Ai cố ý phạm cấm, hội đồng không thể khuyên ngăn được, thời hội đồng bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để giải quan trừng trị.

Điều thứ 96 - Những người phạm ấy, dù quan đã chiểu luật trị tội, nhưng làm mất phong hóa thể diện trong làng, thời hội đồng chiểu phạt không dự trình trung tế tự trong sáu tháng.

Điều thứ 97 - Theo thói quen, khi có quan khách đến làng chỉ lý phó trưởng đương thứ ra ứng tiếp, nếu đi vắng thời quan khách không biết hỏi ai, như thế thời không tiện nay định giao các việc ấy cho các người hội đồng.

Điều thứ 98 - Không cứ quan Tây hay là quan ta, nếu có đến làng, thời tuần phải đi báo ngay những người có chân hội đồng.

Điều thứ 99 - Các người hội đồng và lý hương trưởng trương tuần lấy lễ nghi, chính đáng mà tiếp tại công sở, nếu các quan muốn khám xét nhà nào, thời hội đồng dẫn khám, khi khám có sự gì ngăn trở, thời hội đồng và lý trưởng, hương trưởng và trương tuần giữ gìn cho được ổn thỏa, ở trong địa phận làng có người ốm đau hay bị tai nạn gì, hội đồng và lý hương trưởng trương tuần nghe bảo phải đến tận nơi, liệu phương kế mà cứu giúp ngay.

Sự giáo dục

Điều thứ 100 - Dạy trẻ con có học thức phổ thông, là nghĩa vụ người làm cha anh, không ai được từ chối, nhưng bây giờ làng chưa có tiền mở trường học được, sẽ theo những điều như sau này.

Điều thứ 101 - Thường năm dân trích tiền công chi tiêu việc trường và lương thày giáo.

Điều thứ 102 - Trẻ con trong làng đúng 8 tuổi phải đi học cả.

Điều thứ 103 - Làng lấy tiền công quĩ mua bút giấy cấp cho những con nhà nghèo, mà hội đồng xét thực những người ấy không thể mua được thời mới chọn

Ngụ cư, ký táng

Điều thứ 104 - Làng chỉ cho người nào có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 105 - Trừ ra những người ngụ cư tạm thời, còn những người đã có gia sản, ở trong làng thời phải chịu trách nhiệm canh phòng mấy làng.

Điều thứ 106 - Ai ký táng ở ruộng đất của làng, dù mua đất của làng, hay là ai mặc lòng, nhưng cũng phải nộp tiền kiểm cố cho làng: một hàng ở ngoài đồng, hung táng 8,00$, cát táng 4,00$, hàng vườn vào ruộng chùa, hung táng 6,00$, cát táng 3,00$ tiền ấy đều sung công quĩ.

Phần thứ hai: Nói về tục lệ
Sự quản điền thổ

Điều thứ 106 - Đình thờ 7 vị Đại vương là của riêng bên lương cúng tế, nhà thờ Thiên Chúa là của riêng bên giáo cầu nguyện, văn chỉ các giáp là của riêng làm lên, để cúng tế đức tiên hiền và các kỳ hậu các giáp.

Điều thứ 108 - Đình thờ của bên lương thời bên lương sửa sang, nhà thờ của bên giáo thời bên giáo sửa sang, nhà thờ của các giáp thời các giáp sửa sang.

Điều thứ 109 - Nhà chùa, vườn chùa, ruộng chùa, là của riêng của bà công chúa làm lên và ruộng hậu chùa là của riêng của các vị hậu kỳ kỵ, nguyên văn giao nhà sư canh tác sửa sang cúng lễ.

Điều thứ 110 - Bên lương 204 suất, ruộng đất hương đã mễ oản 12 mẫu bốn sào, để (.....) cho lễ và sửa sang việc đình. Bên giáo 10,08$ suất ruộng đất đang lạp một mẫu một sào, để chu niên chi các lễ. Cứ hết 6 năm, lương giáo đổi bên chiểu suất chia lại một lần đều xong, không ai được hơn kém gì cả.

Điều thứ 111 - (mờ không đọc được)

Điều thứ 112 - Ruộng công điền và đất bãi cứ mãn 3 năm lại chiếu đinh quân cấp một lần, người trên bắt chước người dưới bắt sau, hễ ai bắt hạn quá cố, xong vụ thu hoạch, phần quân cấp ấy phải giả dân ngay, để quân cấp cho những người mới đáo tuế.

Hôn Lễ

Điều thứ 113 - Nhà ai có con giai con gái, phải nộp cheo trước khi đón dâu, (....) mà một trăm giấu, cheo ngoại 5,00$ và một trăm giấu, giấu này biếu các người thu cheo ở đình ăn, chứ không biếu ai cả.

Điều thứ 114 - Hai bên bằng lòng gả con cho nhau, sự ăn uống tùy hai họ ăn mấy nhau, không được mời cả làng hay là chia bánh gì cả, còn những việc chăng giây thời cấm chỉ.

Tang lễ

Điều thứ 115 - Tang là sự buồn rầu, đau đớn nhà người ta, theo thói quen đặt tiệc mời khách như đám hội vậy, thực là trái lẽ, nay làng bỏ thói tệ ấy.

Điều thứ 116 - Nhà tang chủ nếu giầu có, muốn mời thêm người thân tộc hộ lễ, thời cũng mặc lòng, nhưng coi là việc riêng của nhà tang chủ không phải theo lệ cũ mà mời mọc.

Điều thứ 117 - Tang chủ chỉ đãi những người hộ lễ và những người giúp việc, chứ không được mở tiệc mời làng.

Điều thứ 118 - Trước khi chưa chôn, dân làng đến phúng viếng, chỉ dùng hương hoa mà thôi,

Điều thứ 119 - Đến ngày an táng, tang chủ giáp nào thời mời giáp ấy cất đám, nghĩa là khiêng quan tài và mang các đồ tang nghi.

Điều thứ 120 - Hàng giáp đưa ma là giả nghĩa, lẫn nhau, chính bổn phận mình phải làm trừ những người vắng nhà, còn thời đều phải đi cả.

Điều thứ 121 - Tang chủ cũng được báo cho dân làng đều biết ngày an táng, để ai nhớ tình hương đảng thời đi đưa ma, nhưng báo hay không, thời tùy ý tang chủ.

Điều thứ 122 - Dù người trong giáp hay người ngoài giáp cũng vậy. Khi an táng xong, thời chào tang chủ ngay ở ngoài mộ địa, rồi đâu về đấy ngay, không nên vào nhà chủ ăn uống.

Điều thứ 123 - Tang chủ cũng nên tạ ơn công hàng giáp hay người đi đưa ngay ngoài mộ địa, không được mời khách về nhà.

Điều thứ 124 - Tang chủ muốn để danh dự cho người chết mà giữ một món tiền kỷ niệm làm của công trong làng, thời làng cũng nhận, món tiền ấy nhiều ít tùy nhà tang chủ.

Điều thứ 125 - Làng sẽ làm một sổ biên những món tiền kỷ niệm ấy để lưu truyền về sau.

Điều thứ 126 - Làng chỉ được đem tiền ấy làm những việc ích lợi chung của cả làng.

Điều thứ 127 - Việc giữ tiền kỷ niệm là tùy ý tang chủ làng không bắt buộc ai đều cũng như nhau.

Tế Lễ

Điều thứ 128 - Làng có 2 kỳ đại lễ, tháng 2 chi lễ 50,00$ kỳ tháng 8 20,00$, chi 12 ngày lễ soa và rằm tháng giêng lễ đức tiên nông, tiên thánh, rằm, tháng chín lễ đức tự tổ. Tiên thánh mỗi kỳ 2,00$, nguyên làng có ruộng nương đăng mễ oản 12 mẫu 4 sào đã nói ở điều thứ 110, trừ chi chu niên hương đăng và công người thủ từ hết 1m,6s. Còn 10m8s đồng niên ban hủy vụ ước được 120,00$. Bây giờ tính giảm, không phải đóng góp gì nữa, chỉ lấy tiền ấy ra mà chi nhưng các việc tế lễ trên này hết 98,00$ còn lại để làm của công, bên lương, phòng khi sửa sang về việc đình thời lấy đấy ra mà chi.

Điều thứ 129 - Việc tế chủ, điển văn xin cắt người khoa mục phẩm hàm, nếu các viên ấy, có phương trở việc gì kiểu không làm thời làng chọn người niên tôn đức thiệu và biết chữ làm hai chức ấy.

Điều thứ 130 - Quanh năm các kỳ tế lễ, những người đã nộp lệ đều được dự cả đến như hương luận, thời chỉ xuân nhi tế được dự mà thôi.

Khao vọng

Điều thứ 131 - Ông lão nhiêu nào được lên bàn nhất, phải sửa 100 khẩu giầu, một chai rượu lễ yết thần tế chủ, điển văn cũng thế.

Điều thứ 132 - Trong làng ai được 51 tuổi phải nộp khao 4,00$ và giầu rượu cũng như trên, là vọng Kỳ Anh.

Điều thứ 133 - Tự người đỗ cử nhân, tú tài Tây phẩm hàm thì, sai chánh phó tổng, người làm việc nhà nước, có giấy sức trước bài, thời phải nộp lệ khao 6,00$ còn như lý hương trưởng, trương tuần mãn lệ ba năm, thời phải nộp lệ khao 2,00$ nhưng các hang người ấy, đều phải nộp lệ khao trung đình 2,00$ nữa khi ai nộp tiền khao

ấy, đều phải nộp 100 khẩu giấu, một chai rượu lễ yết thần, kinh dân gọi là vọng sắc mục.

Điều thứ 134 - Lễ vọng hương luận, bây giờ tính giảm thu 4,00$ ai nộp lệ ấy thời đến ngày Nguyên Đán, xuân thu tế mới được đi tế lễ đình nhưng tuần tráng tạp dịch, đến lượt thời phải đi.

Điều thứ 135 - Ai chưa nộp lệ vọng hương luận gọi là hạ hạng, thời mỗi năm phải sửa dọn các đường công trong làng 6 ngày, còn như tuần tráng đê điều tạp dịch, hễ đến lượt thời phải đi.

Điều thứ 136 - Đệ niên ngày xuân tế, làng mua một buồng cau độ 100 quả lễ thần, lễ xong rồi cau ấy hương trưởng phải chiếu tính những viên đã nộp lệ khao ở trên này mà biếu, nhưng cứ tính mỗi lần khao, biếu 1 quả cau và kính đãi lý dịch mỗi người một quả.

Điều thứ 137 - Các hạng giấu tế lễ thời biếu các viên chợ tế vào việc trong như là bàn nhất mấy tế chủ điển văn, bồi tế, đông tây chúc, mỗi viên 1 khẩu, còn bao nhiêu thời sắc mục Kỳ Anh hiện tại và hương luận ra tế đấy thời được ăn.

Vị thứ trong làng

Điều thứ 138 - Đình đại tế có năm gian, một gian lễ giữa để ra tế lễ gian giáp giữa về mé đông, hội Kỳ Anh ngồi, gian giáp giữa về mé tây hội sắc mục ngồi và đương thứ lý dịch ngồi, phía ngoài hai gian ấy do dưới củng lấu, những người hạ hạng ngồi.

Điều thứ 139 - gian giữa lễ bái có bốn hạng; chiếu thứ nhất - Tế chủ, điển văn, cùng các viên chức sắc mấy bàn nhất, chiếu thứ 2; - Các ông lão nhiêu và thì sai chánh phó tổng, mấy các ông tộc biểu tân cựu lý dịch, cùng những người đã khao sắc mục, đã khao Kỳ Anh và hương sinh lễ. - Chiếu thứ 3 - hương luận lễ. Chiếu thứ 4 - giai hạng lễ.

Điều thứ 140 - Ai có con cháu vào làng thời phải nộp 0,50$ nếu là con nuôi người trong làng, thời phải nộp 2,00$.

Kể từ ngày thi hành khoán ước này, có điều gì, cũ trái với khoán ước này, thời đều bỏ đi.

Trong làng ai trái những khoản ước trên này, thời hội đồng tùy tình lý nặng nhẹ phạt, hoặc không cho dự tế lễ đình trung 1 hạn là 6 năm, hoặc truất vị trí xuống 1 bàn.

Đệ niên tế thần xong rồi, thời thư ký cầm khoán ước này đọc cho đồng dân nghe.

Năm Khải Định thứ 5 tháng 10 ngày 12 Thừa lập hương ước.

Đồng dân công ký.

Quan huyện kiểm soát phụng đệ

Quan Tổng đốc duyệt ngày 4 Fanvier 1921

Quan Công sứ y ngày 17 Fanvier 1921

Thừa sao hương ước

Y như chính bản

Le Thư ký

Lưu Văn Bùi

Lý trưởng

HƯƠNG ƯỚC LÀNG XÃ ĐÀN

Tỉnh Hà Đông

Chủ ý cải lương

Khoán ước của làng lưu truyền từ xưa chỉ có khẩu truyền mà thôi, không có văn minh và không hợp thời thế vậy nên cần cải lương, suy xét hiện tình thời nay so sánh khoán lệ khi trước điều nào hại thì đổi, điều nào lợi thì theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu, dân làng có trật tự, sau này sẽ theo trình độ tiến hóa mà cải cách thôi.

Phần thứ nhất: Nói về chính trị
Hội đồng tộc biểu

Điều thứ 1 - Các họ hợp tạo mà nên một làng, bởi vậy việc làng do các họ cử người thay mặt, để mà trông nom gọi là tộc biểu.

Điều thứ 2 - Theo số người trong họ mà cử, họ nhớn cử hai ba người, họ nhỏ cử 1 người, họ nhỏ quá chỉ vài ba suất đinh, thì hai ba họ cử chung một người.

Điều thứ 3 - Tư cách tộc biểu là tuổi từ 25 giở lên, thông thái, có gia sản, không can án mới được cử làm tộc biểu, một khóa là 6 năm.

Điều thứ 4 - Mãn khóa 6 năm cử lại một lần, ai được tái cử thời lại được làm nữa, người làm tộc biểu thời được trừ tạp dịch như là canh phòng trong làng, tu bổ đường sá.

Điều thứ 5 - Chức vụ tộc biểu là phát nghị và quyết định việc làng, dựng sổ chi thu và kiểm soát sổ ấy.

Điều thứ 6 - Các tộc biểu chọn một người trong ban làm hội trưởng và một người làm phó hội. Khi có hội đồng do hội trưởng bá cáo, nếu hội trưởng có việc gì ngăn trở, do phó hội báo cáo thay.

Điều thứ 7 - Hội đồng lại bầu 2 người trong ban. Một người thông hiểu thư toán làm thư ký, một người giầu có, có gia sản làm thủ quĩ để giữ tiền công.

Điều thứ 8 - Nếu trong ban không chọn được người thư ký và thủ quĩ, thời hội đồng chọn người làng mà bầu người được bầu làm thư ký và thủ quĩ ấy, được quyền dự hội đồng.

Điều thứ 9 - Trừ ra khi có việc cần mở hội đồng bất thường, còn mỗi tháng cứ ngày mồng một, ngày rằm hội đồng một lần để bàn việc làng. Ai say rượu thì cấm không được dự hội đồng.

Điều thứ 10 - Được quá nửa số người trong ban dự hội đồng, thời có thể bàn việc, bàn xong rồi thời phải giải tán ngay, không được ngồi lâu mà bàn việc tửu phiến.

Điều thứ 11 - Hội đồng bàn việc gì, làm thành biên bản, tờ biên bản ấy, phải có chữ ký những người hội viên hiện tại và phải có một bản để lưu truyền lại xem.

Điều thứ 12 - Tộc biểu bị bệnh không thể đến họp được phải có nhời tử cáo để hội đồng biết, nếu ai không có cớ đích thực mà tự bỏ đến 2 lần thời hội đồng phải trình quan xin bãi dịch người ấy và bảo họ cử người khác thay.

Điều thứ 13 - Đương lúc hội đồng nếu có ai trong làng theo lệ phép mà hỏi điều gì, thời hội đồng cũng phải theo phép mà đáp lại một cách minh bạch để cho người ta biết. Trong khi hội đồng bàn hay tại công sở, nếu người dưới nói hỗn với người trên thì phải đuổi ra không cho hội đồng nữa, nhưng phải có quá nửa hội viên ưng thuận mới được.

Điều thứ 14 - Hội đồng bàn việc gì được quá nửa số hội viên toàn số thì được thi hành. Nếu ý kiến không hợp, thời phải bỏ phiếu, nhưng hội trưởng được chọn lấy một điều trong hai điều là: ưng thuận

thì giơ tay lên hoặc bỏ phiếu kín. Nếu số hội viên ưng thuận và không ưng thuận, hai bên ngang nhau thời phải hoãn đến kỳ sau, nếu kỳ sau cũng ngang nhau, thì Hội trưởng về bên nào thì bên ấy được phép thi hành.

Điều thứ 15 - Khi có lệnh quan tòa án, quan cai trị cần hỏi đến làng thời hội đồng tự chọn lấy 2 người trong ban đi với lý trưởng.

Điều thứ 16 - Trừ ra những khi có lệnh quan trên bắt thì không kể, còn những khi quan trên nói ý kiến những việc quan hệ vào quyền lợi chung cả làng thời hai người tộc biểu và lý trưởng không được phép tự quyền mà trình quan, phải họp hội đồng tất cả mọi người hợp ý sẽ trình quan sau.

Điều thứ 17 - Tộc biểu và lý trưởng làm việc đi lên huyện và lên tỉnh, mỗi người mỗi ngày làng chi cho 0,20$ để làm lộ phí số tiền ấy trích ở công quĩ.

Điều thứ 18 - Tộc biểu nếu làm việc gì trái hương ước hoặc cả hội đồng, hoặc một người trong họ nào, trong làng giáo ra thời hội đồng tộc biểu và hội đồng kỳ mục trong làng xét xử. Hai hội đồng ấy có quyền quở trách hay là trình quan xin không cho dự hội đồng nữa. Người nào mất tư cách đã nói ở điều thứ 3 hay là làm tổn hại quyền lợi của làng thì hai hội đồng trình quan xin bãi chức người ấy.

Sổ chi thu

Điều thứ 19 - Muốn cho trong làng chi tiêu có chừng mực để khỏi làm tổn dân thì phải có sổ chi thu.

Điều thứ 20 - Thường năm cứ trong thượng tuần tháng giêng Tây các tộc biểu hội đồng để quyết định sổ chi thu năm ấy xem thu được những tiền gì và tiêu những việc gì, rồi làm thành sổ cả hội đồng ký kết trình quan sở tại kiểm soát, đệ trình bản duyệt để thi hành.

Điều thứ 21 - Sổ chi thu của làng do hội trưởng giữ, hội trưởng có quyền cho phép thu phát những số tiền đã dự định ở trong sổ.

Tiền thu

Điều thứ 22 - Thủ quĩ nhận được tiền của ai nộp thời phải biên ngay vào sổ răng cưa và xé một nửa giao cho người nộp tiền để làm biên lai. Tiền nộp về khoản gì thì chữ ký biên ngay vào sổ chi thu ở khoản đã định cho thu những món tiền ấy.

Điều thứ 23 - Ai nộp tiền cho một người nào mà không có chữ ký thủ quĩ biên lai thời tiền ấy coi như chưa nộp.

Tiền chi

Điều thứ 24 - Ngày nào tiêu việc gì, thời ngay ngày hôm ấy thư ký họp phải biên vào sổ chi thu một cách rõ ràng, những món tiền ấy.

Điều thứ 25 - Làng có chi tiêu bất thường, các tộc biểu phải họp hội đồng làm biên bản nói rõ vì cớ gì mà tiêu là bao nhiêu, làm biên bản trình quan tỉnh duyệt y trước đã rồi mới được phép thi hành.

Điều thứ 26 - Những món tiền thủ quĩ chi ra mà không có chữ hội trưởng thời không kể. Hễ ai đến lĩnh tiền thời thủ quĩ bắt người ấy giao cho một cái phải lai xé ở sổ răng cưa mà có chữ hội trưởng ký và điểm chỉ hay chữ ký của người lĩnh tiền. Cứ mỗi tháng hội đồng kiểm soát một lần và phải làm tờ biên bản.

Điều thứ 27 - Hết năm thời hội đồng tính sổ xem số tiền thực thu được là bao nhiêu, chi ra là bao nhiêu, còn lại là bao nhiêu, yết thị tại đình hay là công sở, ít ra là một tháng để đồng dân cùng biết. Hễ khi yết thị thời phải cho mõ đi rao.

Điều thứ 28 - Chi tiêu nên tiết kiệm để cho tiền công còn thừa làm tiền lưu trữ.

Điều thứ 29 - Món tiền lưu hại ấy dùng làm việc sinh lợi hay là để chi việc bất thường.

Điều thứ 30 - Nếu làng mang tiền ấy cho vay lấy lợi theo quốc lệ và người vay phải cầm điền sản làm tin. Hễ không có điền sản thời không cho vay.

Điều thứ 31 - Điền sản cầm cho làng giá đáng 10 phần chỉ cầm được ba phần mà thôi.

Điều thứ 32 - Hội đồng định cho ai vay, làm biên bản và bảo người vay phải viết văn tự, văn tự ấy phải trước bạ, thuế trước bạ người vay phải chịu. Biên bản giao cho hội trưởng giữ mà thủ quĩ tạm thời chiểu trong văn tự phát tiền cho người vay và giữ lấy văn tự cho làng. Ai vay tiền công của làng, đến hạn thời phải giả cả gốc lẫn lãi, không được viết lãi làm gốc mà tăng thêm hạn nữa. Hạn cho vay không quá một năm. Quá hạn mà người vay không giả được thời hội đồng làm biên bản trình quan, xin phát mại những điền sản gửi làm tin ấy.

Điều thứ 33 - Nếu số tiền có ít mà người vay nhiều và lại số điền sản của những người vay mang cầm thời hội đồng bỏ phiếu thăm ai bắt được thăm thời cho vay.

Điều thứ 34 - Muốn cho làng tin cậy, vậy nên cấn những người có chân hội đồng và chức dịch và vợ con những người ấy không được vay tiền của làng.

Điều thứ 35 - Hiện bây giờ làng chưa có tiền công, sau này nếu có, làng sẽ chiếu sổ chi thu chi cho thủ quĩ 3,00$ thứ ký 3,00$ một năm.

Lý phó trưởng

Điều thứ 36 - Lý, phó trưởng là người thay mặt làng mà thừa hành việc quan, phó lý là người giúp việc lý trưởng.

Điều thứ 37 - Lý phó trưởng không có quyền tư ý quyết định việc làng phải theo ý chung của các tộc biểu.

Điều thứ 38 - Lý phó trưởng là người hành chính trong làng đều được dư hội đồng. Nếu trong làng có chánh phó tổng thời cũng được hưởng quyền lợi ấy.

Điều thứ 39 - Làng trích tiền đấu số ruộng công cấy cho lý trưởng mỗi năm 2,00$ và cấp cho trương tuần mỗi năm là 6,00$ chi phí làm việc quan. Số tiền ấy trích ở công quĩ.

Điều thứ 40 - Lý trưởng và trưởng tuần đã được tiền làng cấp thì khi đi việc quan một mình không được tính phí tổn với làng nữa.

Bổ Sưu thuế

Điều thứ 41 - Lý trưởng tiếp được quan phát bài chỉ thuế về thời tường với Hội trưởng họp hội đồng mà bổ thuế.

Điều thứ 42 - Sưu thuế đã có ngạch nhất định của nhà nước hội đồng cứ trong bài chỉ mà bổ, không chia dản anh hay dân em ruộng ngoại canh hay nội phu, mà bổ nhiều hay bổ ít.

Điều thứ 43 - Trong sổ bổ thuế phải biên rõ người nào bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu thuế đinh, bao nhiêu tiền không được biên hàm hỗn.

Điều thứ 44 - Khi đã bổ xong giao lý trưởng hành thu đệ nạp.

Điều thứ 45 - Làng chi tiền ngoại phí cho lý trưởng từ 1,00$ đến 10,00$.

Điều thứ 46 - những người thiếu thuế thì lý trưởng trình quan xét xử.

Điều thứ 47 - Ngày họp bổ thuế, không được bày ra ăn uống để làng khỏi phải đóng nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 48 - Nếu trong làng có người nào bất hiếu với cha mẹ lăng mạ các huynh trưởng, nếu tường với lý trưởng hội đồng, thời người ấy phải quở trách, nếu không chừa, thì trình quan. Nếu là đàn bà thời quở trách nghị phạt theo luật hình người chồng vì không dậy vợ. Còn người nào cãi nhau, dằng co nhau, không có thương tích gì ra kêu đến làng nước, thời lý dịch xét bên trái thì phải phạt 0,40$ bốn hào, những tiền phạt ấy sung công quĩ. Nếu không chịu thì trình quan ngay. Còn ai kiện cáo về việc dân sự hay thương sự thời trước hết phải trình hội đồng để hòa giải.

Điều thứ 49 - Hội trưởng tiếp ai trình phải họp hội đồng, lấy nhẽ công bằng và tình nhân ái hòa giải cho hai bên nếu hòa giải xong thời chiếu trong luật làm hòa giải chứng thư giao lý trưởng trình quan sở tại.

Điều thứ 50 - Việc hòa giải không xong, hội đồng vì nguyên bị mà phải đi làm chứng tại tòa án, ở huyện thời người nào thua kiện phải giả tiền lộ phí. Nếu ai nại trứng riêng thời người ấy phải chịu lộ phí.

Điều thứ 51 - Những việc hình sự không thể hòa giải được, thời người đương sự cũng phải trình cho hội đồng biết.

Điều thứ 52 - Hội đồng xét duyên cớ về việc hình sự làm biên bản trình quan xét chứ không được bắt vạ hay là cho tuần sách nhiễu gia chủ.

Canh trong làng

Điều thứ 53 - Canh phòng giữ tinh mệnh, tài sản chung cả làng thời làng cắt mỗi khóa sáu người đi tuần, từ mười tám tuổi đến 49 tuổi chỉ trừ những người chức sắc khoa mục đi lính và những người tàng tật. Nếu người nào đến lượt đi tuần mà đi vắng không có thể mượn người khác đi thay thì nộp cho làng 10,00$ để làng thuê người khác đi thay cho.

Điều thứ 54 - Những người đi tuần hạn một năm khóa ai đi luôn được bốn khóa thời làng thưởng cho vào ngôi theo như trưởng tuần. Một người trưởng tuần làm đốc canh, nếu làm được 6 năm thời làng thưởng cho ngôi kỳ mục. Khi trong làng có cướp hay hỏa hoạn thì tất cả đàn đinh trong làng nghe hiệu cần phải đến cứu ngay với bản tuần đương thứ. Nếu nhân đinh nào mà cứ ở nhà thì làng phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 55 - Những khi giới của tuần canh thời làng trích tiền công để sắm cho. Nhưng hết hạn thời giao lại giả làng.

Điều thứ 56 - Làng làm một cái điếm canh, phí tổn về việc làm điếm làng trích tiền công để chi.

Điều thứ 57 - Người đứng đầu ban canh cứ gần tối thời nổi hiệu trống hay là mõ để gọi các người trong ban tuần ra điểm ai có phương trở phải mượn người khác thay; nếu ốm thời thôi còn người nào bỏ không canh thời hai lần đầu mỗi lần phải phạt 0,20$, đến lần thứ ba hội trưởng chiểu khoản không theo hương ước phạt 1,00$ mà người ấy vẫn phải đi canh.

Điều thứ 58 - Ban canh thường đêm phải đi tuần trong làng để ngăn trở những kẻ gian phi.

Điều thứ 59 - Ai bắt được trộm, làng thưởng 1,00$ bắt được tên cướp làng thưởng 6,00$. Nếu tuần vì đánh trộm cướp mà bị thương, thời làng cho tiền chữa thuốc và cho ngôi trưởng tuần. Nếu chết thời làng cấp cho vợ con 20,00$ và cho con một suất nhiêu; mà cả sưu thuế, lý dịch đi đưa đám ma.

Điều thứ 60 - Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về việc trộm cướp trong làng. Nếu trong làng có nhà nào mất trộm mất cướp mà tuần tráng không đến ứng cứu thời phải chiểu vật giá mà đền cho sự chủ một nửa. Nhưng khi có cướp mà tuần đã hết sức chống cự, không thể giữ được thời không phải đền.

Điều thứ 61 - Lý dịch thường kiểm soát những người lạ mặt vào trong làng. Nếu người nào có khách lạ thời phải tường với lý trưởng cùng Hội trưởng, nếu không tường thời phải phạt nhà chủ 1,00$ còn khách nào không có thẻ tùy thân và căn cước đáng ngờ phải bắt giải để quan xét.

Canh ngoài đồng

Điều thứ 62 - Cứ đến mùa cày cấy, thời trương tuần lấy ở trong ban 2 người ra canh (.....) ở ngoài đồng, hết mùa canh phải về canh với ban trong làng.

Điều thứ 63 - Người nào đến lượt đi canh tuần thời phải đi. Hết hạn lại cắt đến lượt người dưới. Hết lượt lại cắt lại.

Điều thứ 64 - Tư cách trương tuần và tuần tráng, phải mạnh khỏe, thực thà, cẩn thận. Hễ người nào có tiếng bất hảo làng không cho đi tuần.

Điều thứ 65 - Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền pháp Hội đồng và lý trưởng.

Điều thứ 66 - Tuần phải trông nom đường sá của làng hễ bắt được ai hủy hoại đường sá thời tường với hội đồng phạt người ấy 0,20$ sung quĩ.

Điều thứ 67 - Tuần coi việc giữ nước để cày cấy, những khi nên giữ nên thảo, phải hỏi ý kiến hội đồng không được tự quyết.

Điều thứ 68 - Những người thảo nước đơm cá để nước bị cạn thời bắt trình hội đồng xét phạt từ 0,10$ đến 0,30$. Nếu tuần dung túng phải phạt như người phạm.

Điều thứ 69 - Lúa mạ mẩu ngoài đồng tuần phải canh giữ nếu mất phải chiểu thường giá mà đền.

Điều thứ 70 - Làng chi tiền hoa mẩu cho tuần bất cứ nội canh hay ngoại phụ đồng niên mỗi năm 0,60$ một mẫu, tiền ấy chia cho một người trương tuần và 6 người tuần. Hễ đến mùa sưu thuế thời người có ruộng phải nộp tiền hoa mẩu cho lý trưởng, để giao thủ quĩ để hội đồng phát cho những người đi tuần.

Điều thứ 71 - Trương tuần làm việc được 6 năm chu toàn làng cho ngôi kỳ mục cũng như lý trưởng. Nếu không làm hết bổn phận thời phải bãi chức, không được giữ ngôi kỳ mục.

Sự cấp cứu

Điều thứ 72 - Gặp lúc cấp cứu như nước to, đê xung yếu hoặc hỏa hoạn, trộm cướp, trừ ra những người 50 tuổi giở lên, yếu đuối, tàng tật còn thời hễ ai nghe hiệu động đều phải đến ứng cứu. Nếu ai cứ ở nhà không ra cứu mà có người cáo tố, có chứng cớ đích xác thời hội đồng phạt người ấy 0,50$.

Điều thứ 73 - Ai làm sự cấp cứu bị thương thời làng cho tiền phục dược. Trọng thương thành tàng tật làng cho ngôi kỷ mục. Trọng thương đến nỗi chết thời làng trích công quĩ cho tiền tử tuất là 20,00$ và cả làng đi đưa đám.

Sự vệ sinh

Điều thứ 74 - Muốn cho trong làng được khỏe mạnh, cần phải theo phép vệ sinh: một là phòng bệnh hai là cứu bệnh.

Điều thứ 75 - Hội đồng thường hiểu dụ trong làng giữ nhà và đường chung cho thực sạch sẽ.

Điều thứ 76 - cấm không được vứt ra đường những uế tạp và làm chuồng xí bên đường, ai phạm luật phải phạt từ 0,50$ đến 1,00$ mà nhà xí ấy phải giỡ đi.

Điều thứ 77 - Giếng nước ăn phải tìm cách giữ gìn cho được trong sạch nếu phí tổn để sửa sang giếng ấy thì trích tiền công quĩ.

Điều thứ 78 - Trong làng có người nào phát ra những bệnh có thể truyền nhiễm thời lý trưởng phải trình quan để mang đi chữa thuốc.

Điều thứ 79 - Trong làng có ai mắc phải bệnh phong thời lý trưởng phải trình quan khám cho đi chữa thuốc.

Điều thứ 80 - Những đồ dùng của người ốm hay người chết cấm không được vứt xuống hồ ao. Cấm không được làm chuồng lợn chuồng trâu bò cạnh ao, ai phạm thời phải phạt từ 0,50$ đến 1,00$ nếu không tuân thời hội đồng làm biên bản trình quan xét.

Đường sá đê điều

Điều thứ 81 - Đệ niên hễ đến mùa nước, thừa giấy sức phải làm điếm và chứa đồ vật liệu, thời làng trích một món tiền công là 12,00$ giao cho lý trưởng để làm điếm và sắm đồ vật liệu, thuê người canh khi nước chưa lên, nếu thiếu ít nhiều làng sẽ chi thêm, khi nước lên to đê ản cần cấp thời chiểu đinh số từ 18 đến 49 tuổi phải đi sung hộ, hết lượt lại bắt đầu gọi lại. Khi Điều thứ thừa sự đi trông coi mỗi ngày

làng chi mỗi người là 3,00$. Còn như đường sá cầu cống chỗ nào sạt lở, hư hỏng thời làng phải sửa sang, nếu cần đến nhà nước tu bổ, thời hội đồng phải làm giấy trình quan xét.

Điều thứ 82 - Những đường chung của làng, nếu hỏng thời làng hoặc trích tiền công hay chia nhân xuất mà đắp.

Điều thứ 83 - Ai làm việc riêng mà làm hại đến đường sá cầu cống chung của làng, thời phải bồi thường và phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 84 - Ai cần thảo nước qua đường, trước hết phải trình hội đồng biết, tháo xong phải đắp lại như cũ. Nếu không thời hội đồng làm biên bản trình quan xét.

Điều thứ 85 - Nếu người ngoại canh làm hư hỏng đường sá cầu cống, tháo nước qua đường mà không đắp lại như cũ thời hội đồng trình quan xét xử. Còn ai phá hủy cây cối hai bên đường của làng thời phạt hội đồng và chiểu giá cây mà phải bồi thường nữa.

Về việc nông

Điều thứ 86 - Thường năm tu bổ các đường khuyến nông và khai sâu những ngòi lạch giữ nước cho tiện làm ruộng.

Điều thứ 87 - Cấm không ai được làm lở bờ ruộng và đường mà không đắp lại để lở dần đi thời hội đồng phạt 0,20$ mà bắt phải đắp lại như cũ.

Điều thứ 88 - Ai đắp ngăn qua ngòi đơm cá cho nước không được lưu thông thời hội đồng phạt 0,20$.

Điều thứ 89 - Ai trông trâu bò ở bờ lúa mà để trâu bò ăn lúa thời hội đồng phạt 0,20$ và phải đền cho người có ruộng nữa.

Điều thứ 90 - Cấm chăn vịt nhiều ở ngoài đồng, nếu để vịt phá lúa và hoa mầu thời hội đồng phạt 1,00$ và bắt phải đền nữa.

Các Của công

Điều thứ 91 - Đã là của công trong làng ai cũng có nghĩa vụ phải giữ. Nếu ai làm tổn hại thời phải bồi thường.

Điều thứ 92 - Khi làng bán động sản hay bất động sản, thời hội đồng phải đấu giá, nhưng phải yết thị cho mọi người đều biết trước khi đấu giá một tháng.

Điều thứ 93 - Ai đấu giá cao thời được, nhưng hội đồng phải làm biên bản phải đính theo giấy tình nguyện để lưu chuyển.

Xét gian lận

Điều thứ 94 - Những điều chính phủ đã có lệnh cấm như là rượu lậu, thuốc phiện lậu và mở sòng đánh bạc lấy hồ thời hội đồng phải khám xét luôn luôn trong làng để trừ gian lận.

Điều thứ 95 - Ai có ý phạm cấm hội đồng không thể ngăn cấm được thời hội đồng lý dịch bắt tang vật làm biên bản để giải quan trừng trị.

Điều thứ 96 - Những người phạm ấy nếu quan đã chiểu luật tù tội, nhưng làm mất phong thổ của làng thời hội đồng cấm không cho dự đình trung tế tự trong một năm và không cho hội họp bàn việc gì nữa.

Sự giao thiệp

Điều thứ 97 - Theo thói quen khi có quan khách đến làng chỉ có lý phó trưởng ra ứng tiếp nếu đi vắng thời quan khách không biết hỏi ai, như thế thì không tiện. Nay việc ấy định để hội đồng cùng lý dịch ứng tiếp.

Điều thứ 98 - Không cứ quan Tây hay quan ta nếu có đến làng thời tuần phải đi báo ngay những viên hội đồng biết.

Điều thứ 99 - Hội đồng lý dịch lấy (....) chính đáng ứng tiếp tại công sở. Nếu quan khách không muốn khám xét thời hội đồng lý dịch cần khám. Nếu có sự gì ngăn trở hội đồng lý dịch phải giữ gìn cho được ổn thỏa trong địa phận làng mình. Có người nào ốm đau bị tai nạn hội đồng nghe tin báo đến tận nơi liệu phương kế mà cứu giúp ngay.

Sự giáo dục

Điều thứ 100 - Thời chiểu khoản này làng còn nhỏ chưa có tiền công mà làm ngay được. Để sau này được nhiều tiền công sẽ theo từ điều 100 đến điều 103 mà thi hành.

Điều thứ 101

Điều thứ 102

Điều thứ 103 (cả ba điều mờ không đọc được)

Ngụ cư ký táng

Điều thứ 104 - Làng chỉ cho người nào có căn cước và có nghề nghiệp minh bạch chính đáng ngụ ở trong làng mà thôi.

Điều thứ 105 - Trừ những người ngụ cư tạm thời thôi. Còn người nào ngụ cư mà đã có gia sản ở đất công của làng thời sưu thuế thu tiền thửa đất công mỗi năm từ 1,00$ đến 3,00$ để có tiền chi lương cho lý trưởng. Như việc canh phòng đê điều thời những người ngụ cư có gia sản cũng phải chịu với làng nữa.

Điều thứ 106 - Ai ký táng vào công điền của làng, hay mua đất của ai thời phải nói với lý trưởng xét xem chỗ đất ấy có thể cho được thời mới được để, nhưng phải nộp tiền lệ cho làng hung táng 2,00$ cát táng 1,00$. Còn như những người có bố mẹ vợ ở làng khác mà ký táng thời đều nộp 1,00$. Nếu người nào nhận gian hội đồng xét thực thời người nhận gian phải nộp 2,00$. Nếu lý trưởng không bằng lòng cho để thời lý trưởng phải báo với chánh hội biết để cho giấy nộp tiền sung công.

Phần thứ hai: Tục lệ

Điều thứ 107 - Nguyên số điền thổ của làng có linh một mẫu đếm đâu có để chi lương cho lý trưởng làm bút chỉ.

Hôn Lễ

Điều thứ 108 - Người nào có con gái gả chồng ở làng phải nộp cheo 2,00$ và 500 miếng giầu, nếu gả chồng ở làng khác thời phải nộp cheo bốn đồng và 200 miếng giầu.

Phàm những việc chăng giấy thời nếu có đi đâu ai không nghe thì phạt 0,10$ sung quĩ.

Tảng lệ

Điều thứ 110 - Tảng lệ thì là một sự não đầu đau đớn nhà người ta theo thời cũ đặt tiệc mời làng như đám hội thực là trái nhẽ, nay làng bỏ thời cũ ấy đi.

Điều thứ 111 - (mờ không đọc được)

Điều thứ 112 - Nếu nhà hiếu chủ nào muốn mời làng hộ tế thời tuần tế thứ nhất phải nộp con lợn mâm xôi đáng giá mười đồng 10,00$ còn phẩm quả tùy gia chủ, tuần tế thứ hai hộp lệ 3,00$, tuần tế thứ ba nộp lệ 2,00$. Những tiền gia chủ nộp sung công quĩ, còn lễ vật tùy gia chủ. Làng cắt 12 người đi hộ tế, khi tế xong cấm không được ăn uống ở nhà gia chủ đến 3 ngày.

Điều thứ 113 - Khi cất đám làng cắt đô tùy đi đưa đám, người nào đi vắng, thời phải mượn người khác thay, nếu thiếu thời làng phạt 0,20$ để làng thuê người khác thay. Nếu người nào phải đi đô tùy mà cứ ở nhà không đi thì phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Điều thứ 114 - Nếu tang chủ định ngày nào cất đám thời phải đưa giấu đến nhà thủ bạ truyền báo để dân làng biết trước.

Điều thứ 115 - Nếu tang chủ mà có lòng tốt muốn để danh dự cho cha mẹ mà gửi một món tiền kỷ niệm thời làng cũng nhận. Món tiền ấy ít nhiều tùy ý tang chủ.

Điều thứ 116 - Làng sẽ làm một quyển sổ để thu nhận những món tiền kỷ niệm ấy để lưu chiểu.

Điều thứ 117 - Làng chỉ được đem những món tiền ấy làm ích lợi chung cả làng.

Điều thứ 118 - Sự gửi tiền kỷ niệm là tùy ý tang chủ chứ không bắt được ai cả.

Tế tự

Điều thứ 119 - Tết Nguyên Đán và các tết nhỏ thời làng gọi được mời được một mâm xôi và một lượt một con gà sống, 100 miếng giầu chiếu thứ vị mỗi người làm một lượt, hết lượt lại bắt đầu gọi lại.

Điều thứ 120 - Tháng hai, xuân tế, tháng chín thì tế cả làng làm lễ ở đình, mỗi kỳ một mâm xôi, một con lợn và chi hương đăng cả cho chủ tử, phi tổn việc hành tế là 20,00$. Tiền ấy dân bổ xuất thượng hạ khi nào có tiền công thì thôi. Những người nào đã 51 giở lên, không phải xôi cân gà lược và đang cai còn tiền thời phải đóng theo với làng. Người nào đến 50 tuổi vọng lão thời chỉ được trừ đang cai thôi.

Điều thứ 121 - Ngày mồng một tháng Tư dân lễ Kỳ Yên, số tiền làm lễ ước 12,00$ bổ suất thượng hạ khi nào có tiền công thời thôi.

Điều thứ 122 - Đệ niên xuân thu lễ giao hiểu với làng năm đồng phải rước thì kỳ mục cử xuân thu biện hành hương đi lễ vọng.

Điều thứ 123 - Tế thần thời dạng khoa sắc vào chủ tế nếu chưa có các ông ấy thời thay chánh phó tổng, chánh phó sưu thuế, lý trưởng vào chủ tế. Còn hội đồng và người có chân tư văn vào chấp sự. Những người có phương trở thời cáo với hội đồng trước để cắt người khác thay chỉ trừ cho những người đại tang mà thôi.

Điều thứ 124 - Tháng hai, tháng tám, hội tư văn làm lễ ở văn chỉ hoặc ở nhà đang cai, mỗi kỳ lễ ước 15,00$. Tiền ấy bổ những người có ngôi tư văn chứ không bổ suất thượng hạ.

Khao vọng

Điều thứ 125 - Khao vọng làng: Các ông đại khoa nộp 20,00$ làng mừng một đôi câu đối gấm, trúng khoa cử nhân nộp 15,00$ làng mừng đôi câu đối vóc, chánh phó lãnh binh, tự tại nộp 10,00$, làng mừng đôi câu đối dạ. Những người có phẩm hàm cùng chánh phó quản xuất đội trưởng, chánh phó tổng, lý trưởng, phó lý, đều nộp 10,00$ làng mừng đôi câu đối dạ, không phải làm việc mời làng nữa.

Những người chưa có chân tư văn mà được phẩm hàm nếu muốn dự vào bàn tư văn thời phải nộp vào bàn 25,00$ còn khao vọng, thời cũng nộp theo như những người có phẩm hàm. Người nào muốn dự vào bàn tư văn, phải nộp 25,00$. Nếu làng cần tiền để làm việc công thời bàn tư văn bán thứ vị là 30,00$ một ngôi.

Điều thứ 126 - Lên lão 50 thời nộp khao vọng công dân 4,00$, 500 miếng giầu và nộp vào bàn tư văn 4,00$, 500$ miếng giầu. Đến 51 tuổi thời được trừ theo như điều 120.

Điều thứ 127 - Ai làm lý trưởng, phó lý nộp tiền khao 10,00$ còn trương tuần 3,00$ làng mừng đôi câu đối hỷ, không phải làm rượu mời làng nữa.

Điều thứ 128 - Phàm khi tế tự ở đình và ở nhà đàng ngoài cứ chiếu thứ vị mà ngồi, đại khoa, trúng khoa cử nhân tú tài chính phó lãnh binh và những quan cai trị, tại chức hay về hưu thì ngồi chiếu thứ nhất.

Điều thứ 129 - Những người có phẩm hàm có bằng cao đẳng, chánh phó quản suất đội, đội trưởng chánh phó tổng, chánh phó sưu thuế, lý trưởng kỳ mục, cùng các kỳ lão từ 50 tuổi giở lên thì ngồi chiếu thứ hai.

Điều thứ 130 - Những người có cùng thành chung tộc biểu, hội đồng, hộ lại phó lý, trưởng ba, thủ ba thì ngồi chiếu thứ ba.

Điều thứ 131 - Những người có ngôi tư văn và trương tuần thì ngồi chiếu thứ tư. Còn từ chiếu thứ năm giở xuống thì theo tuổi mà ngồi.

Điều thứ 132 - Những người ngoại hương mà muốn vào làng thì phải nộp công làng 5,00$. Nếu muốn vào ngôi tư văn lại phải nộp vào bàn tư văn 40,00$. Nhưng người này nếu có phẩm hàm chức tước các thứ bằng về văn hay võ cũng không được dự vào ngồi tiên chỉ và không được vào chủ tế.

Điều thứ 133 - Kể từ ngày thi hành quyển hương ước này điều nào trái đã bỏ.

Điều thứ 134 - Trong làng ai trái với những điều ước trên này thời hội đồng tùy nặng nhẹ phạt từ 0,10$ đến 1,00$ hoặc không cho dự tế tự, họp bàn từ 6 tháng đến 1 năm.

Điều thứ 135 - Đệ niên cứ ngày rằm tháng Giêng An Nam thì người thư ký phải mang khoán ước này đọc cho cả làng cùng nghe.

Làm tại Làng Xã Đàn ngày (....) Auot 1933

Tiên chỉ cửu phẩm

Cựu chánh tổng

Giáp Văn Trâm

HƯƠNG ƯỚC THÔN HÀO NAM

(Nay là phường Hào Nam, quận Đống Đa)

Chú ý cải lương

Khoán ước của làng lưu truyền tự cổ hoặc chỉ khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần nên cải lương, suy xét hiện tình thời nay so sánh khoán ước lệ thuở trước điều nào hại thời đổi, điều nào lợi thì theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu, mà dân làng có trật tự sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà cải bổ thêm. Phần thứ nhất nói về chính trị.

Hội đồng tộc biểu

Cách tổ chức và sự hành động của Sưu thuế theo nghị định ngày 20 tháng tám năm 1921.

Điều thứ 1 - Người tộc biểu nào làm việc hết bổn phận mà mãn được 3 khóa nghĩa là sau 9 năm thì được dự chân kỳ mục.

Điều thứ 2 - Trừ ra khi có việc cần mở hội đồng bất thường còn thời mọi tháng cứ ngày mồng một, hội đồng một lần đều bàn việc làng, ai mà say rượu thì cấm không được dự hội đồng.

Điều thứ 3 - Được số người quá bán trong ban dự hội đồng thì họp, bàn xong thời phải giải tán ngay không được lâu mà...

Điều thứ 4 - Đương lúc hội đồng nếu có ai trong làng theo lễ phép mà hỏi điều gì thì hội đồng cũng phải theo lễ phép mà trả lời một cách công minh cho người ta biết.

Điều thứ 5 - Khi có lệnh quan tòa án hay quan cai trị cần hỏi đến làng thì hội đồng cử 2 người tộc biểu thay.

Điều thứ 6 - Trừ là những khi có lệnh quan hễ bắt làng thì không kể, nhưng khi quan trên hỏi ý kiến những việc quan hệ và lợi quyền trong cả làng thì 2 người tộc biểu (.....) không được tự quyền mà trình quan ngay, phải mời hội đồng, tất cả hội đồng ý hợp rồi sẽ trình quan.

Điều thứ 7 - Tộc biểu và lý trưởng vì việc ấy mà phải đi lên tỉnh chi lộ phí mỗi người một ngày 0,40$ lên huyện chi mỗi người 1 ngày 0,20$.

Lý khán thủ

Điều thứ 8 - Lý trưởng là người thay mặt làng thừa hành việc quan, khán thủ là người trợ việc lý trưởng.

Điều thứ 9 - Lý khán thủ không có quyền tự ý quyết định việc làng, phải theo ý chung tất cả tộc biểu.

Điều thứ 10 - Lý khán thủ trong làng đều được dự chán hội đồng, trong làng có chánh, phó tổng cũng vậy.

Điều thứ 11 - Làng sẽ cấp cho lý trưởng đồng niên 40,00$ để đi việc quan và khai báo, cấp cho khán thủ đồng niên 6,00$ để làm lương tuần phòng trong phân ấp.

Điều thứ 12 - Lý khán thủ đã được tiền làng cấp cho thì khi đi việc quan một mình thì không được tính phí tổn với làng nữa.

Việc bổ sưu thuế

Điều thứ 13 - Lý trưởng tiếp quan phát giấy chỉ bài thuế về thì phải tường hội trưởng khai hội đồng mà tính bổ.

Điều thứ 14 - Sưu thuế đã có lệnh nhất định của nhà nước, Hội đồng cứ theo trong bài chỉ mà bổ không được chia đàn anh đàn em, ruộng nội canh làng, ruộng ngoại canh mà bổ nhiều hay bổ ít.

Điều thứ 15 - Trong sổ bổ phải biên rõ người nào phải bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu sưu đinh, thành bao nhiêu tiền, không được là lạm.

Điều thứ 16 - Khi đã bổ xong giao cho lý trưởng hành thu cho đủ số.

Điều thứ 17 - Làng không bổ tiền ngoại phí cho lý trưởng nữa, vì làng đã cấp điền có lệ nhất định.

Điều thứ 18 - Những người thiếu sưu thuế thì hội đồng nói với lý trưởng trình quan cứu xử.

Điều thứ 19 - Ngày hội bổ thuế không được bày ra ăn uống để làng phải đóng nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 20 - Trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay thương sự trước hết phải trình hội đồng hòa giải

Điều thứ 21 - Hội trưởng tiếp ai trình thì phải báo hội đồng lấy lý, chánh trương và tình thân ái hòa giải cho hai bên, nếu hòa giải xong thì theo lệ luật trong làng làm hòa giải chứng thư giao lý trưởng trình quan sở tại lưu số.

Điều thứ 22 - Việc hòa không xong, hội đồng vì nguyên, bị phải đi làm chứng trước tòa án, thì người nào thua kiện phải chịu tiền phí tổn ấy.

Điều thứ 23 - Những việc hình sự dầu không thể hòa giải những người đương sự cũng phải trình hội đồng biết.

Điều thứ 24 - Hội đồng xét hỏi duyên cớ hình sự phát ra thế nào rồi làm biên bản trình quan chứ không được bắt vạ, hay là cho tuần tráng quấy nhiễu nhà sự chủ.

Việc canh trong làng

Điều thứ 23 - Canh phòng để giữ tính mệnh tài sản trong cả làng, thì hết thảy người trong làng đều phải chịu quĩ nhiệm, trừ ra những người chức sắc, khoa mục, người hiện làm việc quan các sở và người đương đi học các trường, người chưa đến tuổi, cả người thôn trưởng và người tật bệnh, còn những người phải phiên canh mà đi vắng thì có thể nhờ bà con, bạn hữu canh thay cho, hoặc nộp tiền cho làng mỗi tối là 0,10$ để thuê người canh thay.

Điều thứ 26 - Bản thân đinh tráng ở xóm nào thì canh phòng xóm ấy, điếm xóm trong thời chiểu nhậm, xóm trong chia làm các ban canh 6 người 1 ban mỗi ban năm tối, canh phòng ngộ khi trong xóm có cướp bóc thì tất cả các ban nghe động hiệu phải đến tất mà cứu ngay ban canh đương thứ tuần xóm ngoài.

Điều thứ 27 - Những khi giới để canh thì làng trích tiền công để sắm, những người hết hạn canh lại giao cho lượt sau.

Điều thứ 28 - Phí tổn về sự lập điếm, về điếm nào điếm ấy phải trích tiền công để chi.

Điều thứ 29 - Người nào đầu ban thì canh từ đầu cứ gần tối thì động hiệu trống mõ gọi các người trong ban ra điếm, có phương trở phải mượn người thay, nếu bỏ không canh 2 tối thì mỗi tối phải phạt 0.10$. Lần thứ 3, hội đồng chiểu khoản không theo hương ước mà bắt phạt.

Điều thứ 30 - Ban canh đương đêm phải đi tuần chung quanh điếm luôn cho khỏi trộm cướp nó vào.

Điều thứ 31 - Tuần phiên, khán thủ phải chịu trách nhiệm về sự canh phòng trộm cướp trong làng như trong làng có nhà mất trộm, mà tuần phiên không bắt được đứa phạm nào thì phải chiểu đồ vật giá mất mà đền cho sự chủ, như khi cướp phát mà tuần đã hết sức chống cự, thể không giữ được thì không phải đền.

Điều thứ 32 - Ai bắt được kẻ trộm làng thưởng 1,00$, bắt được một tên cướp làng thưởng 10,00$.

Điều thứ 33 - Lý phó trưởng thì thường phải kiểm soát tuần canh và những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không thẻ tùy thân và căn cước đáng nghi thì bắt phải trình quan xét.

Canh đồng điền

Điều thứ 34 - Tuần canh đồng điền là tuần phiên đã được hoa mầu thì 4 tuần phải chịu trách nhiệm trông nom.

Điều thứ 35 - Tư cách trương tuần, trương phiên tuần tráng là người mạnh bạo, thực thà, người nào mang tiếng bất hảo thì không được làm.

Điều thứ 36 - Trương tuần và tuần phiên phải theo quyền pháp các tộc biểu.

Điều thứ 37 - Tuần coi các đường khuyến nông của làng, thấy ai làm phá hủy thì tường Hội đồng. Hội đồng xét thực thi phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 38 - Tuần coi việc giữ gìn việc nước và tháo nước những khi nên đóng, nên giữ gìn việc nước và tháo nước phải hỏi ý kiến Hội đồng, không được tự quyết.

Điều thứ 39 - Những người nào đóng nước thả cả làm ruộng bị cạn thì tuần phải bắt ngay giải trình Hội đồng xét thực phạt từ 0,10$ đến 0,30$.

Điều thứ 40 - Nếu tuần dung túng để nước ruộng cạn thì hội đồng phạt tiền như người phạm.

Điều thứ 41 - Lúa má hoa lợi ngoài đồng, tuần phải canh giữ cho cẩn thận, mất đâu thì tuần phải chiếu giá mà đền đấy.

Điều thứ 42 - Làng cấp tiền cho tuần mỗi người đồng niên 10,00$ mỗi năm là 4 người, số tiền ấy sẽ thế cho lúa sương mà ngày trước tuần vẫn được thu là bao nhiêu mẫu sào, tính sang số tiền đem nộp cho thủ quĩ để Sưu thuế phát cho tuần.

Điều thứ 43 - Nếu ai chưa nộp tiền mà cắt luôn thì phải phạt 0,30$.

Sự cấp cứu

Điều thứ 44 - Gặp lúc cần kíp như nước sông tại đê hỏng hoặc lở, cháy. Trộm cướp vào trừ ra những người 50 tuổi giở lên và người đau yếu, còn người làng nghe hiệu lệnh phải lập tức tới cứu, nếu ai biếng trễ mà không đến, hội đồng xét thực thì phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Điều thứ 45 - Ai vì sự cấp cứu bị thương thì làng cấp tiền cho uống thuốc, trọng thương nên tật thì làng cho thứ vị, cấp kỷ mục cho, thương đến chết thì làng lại cấp tiền tuất cho 20,00$ và cả làng phải đi đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 46 - Muốn cho người làng mạnh khỏe cần phải theo phép vệ sinh, một là phòng bệnh, 2 là giữ bệnh.

Điều thứ 42 - Hội đồng thường trông bảo người làng giữ nhà riêng về đường chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 48 - Cấm không ai được vứt vật nuôi ra đường và làm nhà bên đường, ai phạm cấm ấy thì phạt 0,10$.

Điều thứ 49 - Các giếng nước ăn, phải tìm cách giữ gìn cho sạch sẽ, những việc sửa sang ở giếng thì hành điếm phải chịu phí tổn.

Điều thứ 50 - Khi trong làng hoặc phát bịnh chứng truyền nhiễm thì lý trưởng phải trình ngay xin thày thuốc về chữa.

Điều thứ 51 - Trong làng có ai nhiễm bệnh hủi lý trưởng phải trình quan, khám thực thì đem ra dưỡng tế không được làm bậy mà để ở trong làng.

Điều thứ 52 - Những đồ dùng của người ốm hay người chết cấm không vứt xuống hồ ao, ai phạm cấm ấy làng phạt 0,30$, lại cấm không được làm bẩn ở hồ ao hay ở những chỗ mà do cạn có thể chảy xuống hồ ao được.

Đường sá, cầu cống

Điều thứ 53 - Tuần phiên phải trông nom cầu cống, đường sá, thấy những chỗ nào lở hoặc hỏng phải tường lý dịch để thông báo Hội

đồng xem xét sửa lại như cầu cống song hộ thì phải tuân theo lý phán mà làm.

Điều thứ 54 - Các đường trong cả làng thì làng trích tiền mà sửa, còn đường riêng từng điếm thì điếm nào điếm ấy phải sửa.

Điều thứ 55 - Ai làm việc riêng mà hại đến đường sá, cầu cống của làng thì phải bồi thường và phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Điều thứ 56 - Ai cần tháo nước qua đường thì phải trình hội đồng biết và tháo xong phải đắp lại cho đẹp như cũ.

Điều thứ 57 - Những người tuần phiên theo các điều này mà trông coi cho cẩn thận, nếu không làm hết bổn phận thì phải phạt mỗi thứ 0,20$.

Sự về việc nông

Điều thứ 58 - Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khơi sâu các ngòi lạch cho nước chảy tiện việc làm ruộng.

Điều thứ 59 - Cấm không ai được phát cỏ bờ ruộng mà không đắp lại để bờ vỡ dần ai phạm phạt 0,10$.

Điều thứ 60 - Cấm không ai được đắp đập qua dòng nước để giữ cá khiến nước không thông, ai phạm, mỗi người phạt 0,10$.

Điều thứ 61 - Cấm không được chăn trâu bò bờ ruộng ai phạm phạt 0,10$. Nếu trâu bò ăn lúa và hoa màu của người ta thì lại phải đền cho người chủ có hoa màu. Khi dắt trâu qua đường làng, hoặc phóng uế, hoặc vỡ lở thì phải dọn dẹp và sửa sang ngay, nếu không phạt mỗi lần 0,10$.

Điều thứ 62 - Cấm thả lưới ra ngoài đồng khi đã cấy lúa, ai phạm thì hội đồng phạt mỗi lần 0,10$ nếu vớt vợt phá hại của người ta thì phải đền nữa.

Các của công

Điều thứ 63 - Đã gọi là của chung của làng thì người trong làng ai cũng có nghĩa vụ phải giữ, nếu ai làm tổn hại thì phải bồi thường.

Điều thứ 64 - Khi làng có bán của động sản hay bất động sản thì hội đồng đấu giá kín, nhưng yết cho mọi người đều biết trước khi đấu giá 10 ngày.

Điều thứ 65 - Ai đấu giá cao thì được, nhưng Hội đồng phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện lưu chuyển.

Xét gian lậu

Điều thứ 66 - Những điều chính phủ đã có lệnh cấm như nấu rượu lậu, thuốc nha phiến lậu và mở sòng chứa bạc lấy hồ thì hội đồng phải khám xét luôn trong làng để khỏi gian lậu.

Điều thứ 67 - Ai có ý phạm cấm, hội đồng không khuyên ngăn được thì hội đồng bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để giải trình quan trừng trị.

Điều thứ 68 - Những người phạm ấy dù quan đã chiếu luật trị tội nhưng làm mất phong thổ trong làng thì hội đồng phạt không được dự đình trung tế tự trong một năm.

Sự giao thiệp

Điều thứ 69 - Theo thói quen khi có quan khách tới làng chỉ lý, phó trưởng hay phán thủ đương thử ra ứng tiếp, nếu đi vắng thì quan khách không biết hỏi ai, như thế không tiện, nay định giao việc ấy cho Hội đồng.

Điều thứ 70 - Những người hội đồng và lý phó trưởng lấy lễ nghi chính đáng mà tiếp ở sở công, nếu các quan muốn khám nhà nào thì hội đồng dẫn khám. Nếu có sự gì ngăn trở thì hội đồng phải giữ gìn cho được ổn thỏa, khi ở trong địa giới làng có người ốm đau hay bị tai nạn gì. hội đồng nghe tin báo, Hội đồng phải đến tận nơi mà tìm phương cứu giúp ngay.

Sự giáo dục

Điều thứ 72 - Hiện bây giờ làng còn ít tiền chưa làm được học trường, nếu sau này làng lập được học trường sẽ chiếu theo các khoản sau thi hành.

Điều thứ 73 - Dậy trẻ con có học thức phổ thông là nghĩa vụ người làm phụ huynh không ai được từ. Mở một trường ấu học để dậy trẻ con trong làng.

Điều thứ 74 - Thường niên dân trích tiền công chi tiêu về trường học và lương cho thầy giáo.

Điều thứ 75 - Trẻ con trong làng đúng 8 tuổi phải cho đi học.

Điều thứ 76 - Làng lấy tiền công mua giấy cấp cho học trò con nhà nghèo mà Hội đồng xét thực.

Ngụ cư

Điều thứ 77 - Làng chỉ cho những người nào có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng ngụ ở trong làng mà thôi.

Điều thứ 78 - Trừ ra những người ngụ cư tạm thời, còn những người đã có gia sản ở làng thì phải chịu trách nhiệm canh phòng mới làng.

Phần thứ hai: Sự quản điền thổ

Điều thứ 79 - Nguyên sổ địa bạ Gia long thất lạc năm Cờ Đen chỉ còn địa bạ Minh Mạng ruộng công 94 mẫu, 1 sào, 1 thước, 1 tấu, công tư các hạng thổ 11 mẫu, 1 sào, 1 tấc, thầu từ Phật tự thổ 4 mẫu.

Điều thứ 80 - Chỉ còn thực canh là 79 mẫu, trong điền ruộng công tại Vũ Yên sứ là 59 mẫu, Đồng Trang sứ là 20 mẫu.

Sự thần

Điều thứ 81 - Kỳ tháng hai vào (.....) Nhập Tịch, kỳ tháng Tư đại Kỳ Phúc, kỳ tháng 5 thường tiêm và kỳ tháng Chạp sự thần, dân trích tiền công quĩ để chi, còn những ngày sóc vọng thì oản quả lần lượt mà thôi.

Điều thứ 82 - Đến kỳ lễ nào thì cứ đương cai phải đến quĩ nhận tiền để biện lễ, xong rồi đem lại đình quan viên lên tế, tế xong thì quân phân tại đình, cả làng thụ phúc, không ai được say rượu nói càn, ai phạm thì phải phạt 0,20$.

Việc chia ruộng công

Điều thứ 33 - Việc chia ruộng công thì 3 năm 1 tháng Hội đồng với lý, phó đồng dân luận điều xem mỗi xứ là bao nhiêu, chiểu sổ Hương ẩm ưu tiêu trên trước dưới sau, ai nhân phần ruộng ở đâu thì (.....) tên vào xứ ấy.

Việc hôn lễ

Điều thứ 84 - Trong làng ai có con gái gả chồng, người trong làng nộp cheo là 1,00$, 1 chai rượu, 30 quả cau, người ngoài làng nộp cheo là 1,00$, 2 chai rượu 60 quả cau đem lên tại đình. Hội đồng và lý trưởng thu để vào quĩ. Ai nộp cheo ấy lấy giấy biên lai rồi mới được nghênh hôn, còn như chăng dây đóng cổng làm cho người ta ngăn trở thì cấm hết đi, nếu người nào còn giữ thói ấy thì phạt 0,20$.

Việc tang lễ

Điều thứ 85 - Tang là sự buồn rầu, đau đớn, nhà người ta theo thói quen giải chiếu mời khách như là đám hội, vậy thực trái nhẽ, nay làng bỏ lệ ấy.

Điều thứ 86 - Tang chủ nếu giầu, mà muốn mời mấy người thân tộc họ lễ thì cũng mặc lòng, nhưng coi là việc riêng của nhà tang chứ không phải theo lệ cũ mà mời kỳ mục.

Điều thứ 87 - Tang chủ mời hàng giáp hộ táng, nghĩa là khiêng quan tài và các đồ tang nghi, trước khi chưa táng, dân làng đến thăm chỉ dùng hương hoa mà thôi.

Điều thứ 88 - Hàng giáp đưa ma là giả nghĩa lẫn nhau trừ ra những người vắng nhà còn (.....).

Điều thứ 89 - Tang chủ cũng báo cho dân làng đều biết ngày an táng để ai nấy đều nhớ tình hương đảng để đi đưa ma, nhưng báo hay không là tùy ý tang chủ.

Điều thứ 90 - Dù người trong làng giúp hay ngoài làng cũng vậy, khi an táng xong thì cáo từ tang chủ ngay ở ngoài mộ địa rồi đâu về đấy ngay, không nên vào nhà tang chủ mà ăn uống.

Điều thứ 91 - Tang chủ cũng nên tạ ơn làng và hàng giáp hay người đi đưa ngay ở mộ chứ không được mời khách vào nhà.

Điều thứ 92 - Tang chủ muốn để danh dự cho người thác mà đóng một món tiền kỷ niệm làm của công trong làng thì làng cũng nhận món tiền ấy để vào công quĩ, nhưng nhiều ít tùy ý tang chủ, chứ làng không bắt buộc ai cũng phải nộp.

Việc khao vọng

Điều thứ 93 - Trong làng có ai thi trúng, văn thi tiến sĩ, võ thi đai sĩ, lệ khao tiết tiền là 50,00$. Còn như lễ thần thì 1 chai rượu, 1 buồng cau, 1 mâm xôi, 1 mặt lợn, đồng dân hạ lễ. Trướng 1 bức ngồi cùng ông già 80, 90 tuổi giở lên, thì ngồi chiếu nhất.

Điều thứ 94 - Phó bảng, cử nhân, lệ khao tiết can là 20,00$, còn như lễ thần 1 mặt lợn, 1 mâm xôi, 1 chai rượu, 1 buồng cau đồng dân hạ lễ, cũng trướng 1 bức, thì ngồi cùng ông già 70 tuổi chiếu thứ hai.

Điều thứ 95 - Tú tài cùng thông kinh bát cửu phẩm chánh, phó tổng lệ khao tiết can là 1,00$, còn như lễ thần cũng 1 mặt lợn, 1 mâm xôi, 1 chai rượu, 1 buồng cau đồng dân hạ lễ, 2 vuông vải tiết lệ thì ngồi cùng ông 60 tuổi, chiếu thứ 3.

Điều thứ 96 - Lệ làng ai đến tuổi 50 thì phải vọng lão làng, tiền phải nộp 1,00$ oản quả lễ thần thì dân trừ tạp dịch, còn như lý, phó trưởng, phán thủ và lính binh thì phải vọng triết can nộp là 0,10$, còn như lễ thần tùy ý, ngồi cùng ông già 50 tuổi, chiếu thứ tư.

Điều thứ 97 - Những người đã đến 16 tuổi giở lên thì là bậc trung nam phải bắt quanh tạp dịch, nếu khi nào làng có việc bất thường cần phải tiêu đến tiền, mà gọi cho vọng lên bậc thôn trưởng thì phải nộp tiết can số tiền là 14,50$.

Điều thứ 98 - Còn như những người 13 tuổi giở xuống khi nào làng có việc bất thường cần phải tiêu đến tiền mà gọi lên cho đặc cách là bậc thôn trưởng thì phải triết can nộp là 13,50$.

Điều thứ 99 - Những người con giai đến tuổi vào làng thì phải nộp 0,10$, nếu một kỳ mà 2 hay 3 người cùng vọng thì chiếu ngôi thứ cha trên con trên.

Ngôi thứ trong làng

Điều thứ 100 - Ngôi thứ trên dưới là đặt ra lễ nghi, khiến cho trong làng có trật tự, nhưng chức gì có quan chế thì phải theo quan chế, không có quan chế thì phải theo tục lệ làng, vọng trước ngồi trên, vọng sau ngồi dưới, không được trái lễ (vị việt).

Điều thứ 101 - Kể từ ngày khoán ước, mong các điều gì cứ trái với khoán ước này đều bỏ đi.

Điều thứ 102 - Trong làng có ai trái với những khoán ước trên này thì Hội đồng tùy tình lý nặng nhẹ mà phạt.

Điều thứ 103 - Đệ niên tế thần thư ký phải đem Hương ước này đọc cho dân cùng nghe.

Đồng dân ký: Hào Nam, le 14 Aout 1942 Le tiên chỉ

HƯƠNG ƯỚC LÀNG NHẬT TÂN

Huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông

Chú ý cải lương

Khoản ước của làng lưu truyền tự xưa hoặc chỉ khẩu truyền mà không có minh văn hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần phải cải lương suy xét hiện tình thời nay so sánh khoản lệ thuở trước điều nào hại thời đổi, điều nào lợi thời theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu, dân làng có trật tự, sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà cải bổ thêm.

Phần thứ nhất: Nói về chính trị

Tổ chức hội đồng tộc biểu

1e. Các họ họp lại mà thành một làng bởi thế việc làng do các họ cử người thay mặt để mà trông coi gọi là tộc biểu.

2e. Theo số người trong họ mà cử họ nhớn cử hai hay ba người, họ nhỏ cử một người, họ nhỏ quá chỉ vài ba suất thời hai ba họ cử chung một người.

3e. Tư cách tộc biểu là tuổi từ 25 giở lên thông thái có gia sản không can án phạt giam, tộc biểu giữ việc ba năm là một hạn.

4e. Hết hạn 3 năm cử lại một lần, ai được tái cử thời lại được làm nữa những người đương làm tộc biểu thời được trừ tạp dịch như là canh phòng trong làng tu bổ đường sá v.v... Khi hết hạn những người

chưa có chân kỳ mục, nếu có khao vọng thời được ngồi giữ kỳ mục, nếu có rồi thời cho một tên hương ẩm nữa.

5e. Chức vụ người tộc biểu là phát nghị và quyết định việc làng dựng sổ chi thu và kiểm sát sổ ấy.

6e. Các tộc biểu tự chọn một người trong ban làm hội trưởng và một người làm phó hội trưởng, khi có hội đồng do hội trưởng báo cáo, nếu hội trưởng ngăn trở việc gì do phó hội trưởng báo cáo.

7e. Hội đồng lại bầu lấy 2 người, trong ban một người thông hiểu thư toán làm thư ký để biên các sổ sách và một người giầu có làm thủ quĩ để giữ tiền công.

8e. Nếu trong ban không thể bầu được người thủ quĩ thời hội đồng chọn người làng mà bầu, người làm thủ quĩ ấy được quyền dự hội đồng.

9e. Trừ ra khi có việc cần mở hội đồng bất thường còn thời mỗi tháng cứ mồng một ngày rằm hội đồng một lần để bàn việc làng ai say rượu thời cấm không được dự hội đồng.

10e. Được quá nửa số người trong ban dự hội đồng thời có thể bàn việc, bàn xong thời phải giải tán ngay không được ngồi lâu mà bầy cuộc tửu phiến.

11e. Hội đồng bàn việc gì, thời phải làm thành biên bản, tờ biên bản ấy phải có chữ ký của những người tộc biểu hiện tại và phải để vào công hàm để mà lưu chiểu.

12e. Tộc biểu mắc bận không đến họp được phải có nhời cáo để hội đồng biết, nếu ai không có duyên cớ đích thực, tự bỏ hai lần thời hội đồng phải bảo họ ấy (bầu) cử người khác thay.

13e. Đương lúc hội đồng nếu có ai trong làng theo lễ phép mà hỏi điều gì thời hội đồng cũng phải theo lễ phép mà đáp lại một cách minh bạch cho người ta biết.

14e. Những việc hội đồng bàn được quá nửa số người ấy họp thời đem thi hành, nếu ý kiến không hợp, thời phải bỏ phiếu, nhưng một phiếu của trưởng hội được kể thành hai hoặc bảo cách giơ tay

hoặc bảo bằng cách bỏ phiếu kín cũng phải bắt đầu tự người tộc biểu họ nhỏ nhất bầu trước rồi dần dần đến tộc biểu họ to nhất là hết.

15e. Khi có lệnh quan tòa án hoặc quan cai trị cần phải hỏi đến làng thời hội đồng tự chọn nhiều là hai người trong ban đi với lý trưởng.

16e. Trừ ra có lệnh quan trên bắt làm thời không kể, còn những khi quan trên hỏi ý kiến về những việc quan hệ về quyền lợi chung cả làng, thời 2 tộc biểu và lý trưởng không được tự quyết mà trình quan ngay, phải mở hội đồng được tất mọi người họp ấy sẽ trình sau.

17e. Tộc biểu và lý trưởng vì việc làng mà phải đi xa trong năm ky lô mét làng không chi lộ phí quá số ấy làng chi mỗi ngày một người lên tỉnh hạn cho 0,50$, lên phủ, huyện hạn cho 0,30$ là cùng.

Quan kỷ

18e. Tộc biểu nếu làm việc gì trái hương ước hoặc kỳ hội đồng hoặc một họ nào trong làng giác ra, thời chức sắc kỳ lão trong làng họp hội đồng mà xét xử, hội đồng chức sắc kỳ lão này có quyền quở trách hay phạt tiền từ 1,00$ bạc cho đến 10,00$ hay là không cho dự hội đồng nữa, người nào làm mất tư cách đã nói ở điều thứ ba hay là làm tổn hại quyền lợi của làng thời hội đồng chức sắc kỳ lão bãi chức người ấy, nếu hội đồng xử không xong hay người tộc biểu có lỗi không phục tình, thời hội đồng sẽ làm biên bản trình quan.

Sổ chi thu

19e. Muốn cho trong làng chi, tiêu có chừng mực để khỏi tốn dân, thời phải làm sổ chi thu.

20e. Thường năm cứ mồng một tháng một Tây các tộc biểu hội đồng dự tính sang năm thu những tiền gì tiêu những tiền việc gì, rồi làm sổ cả hội đồng ký kết trình quan sở tại kiểm soát để tỉnh bẩm duyệt, đến mồng một tháng Giêng mới được thi hành

21e. Sổ chi thu của làng do hội trưởng giữ, hội trưởng được quyền cho phép, thu phi những khoản tiền đã định ở trong sổ.

Tiền thu

22e. Thủ quĩ nhận được tiền của ai nộp thì phải biên ngay vào sổ răng cưa và xé một nửa giao cho người nộp tiền làm biên lai tiền nộp ấy thuộc về khoản gì, thời thư ký phải biên ngay vào sổ chi thu ở khoản đã dự định cho thu những món tiền ấy.

23e. Ai nộp tiền cho một người nào mà không có biên lai, thời tiền ấy coi như chưa nộp

Tiền chi

24e. Ngày nào tiêu việc gì thời ngày hôm ấy thư ký phải biên vào sổ chi thu ở trang đã để dành cho biên những món tiền ấy.

25e. Làng có chi tiêu bất thường, các tộc biểu phải mở hội đồng làm biên bản nói rõ vì cớ gì mà tiêu và tiêu là bao nhiêu, biên bản ấy phải đính ngay vào sổ chi thu, những khoản chi tiêu bất thường quá số tiền 20,00$, thời những tờ biên bản ấy phải trình quan tỉnh duyệt y trước đã, rồi mới được thi hành.

26e. Những món tiền thủ quĩ chi ra mà không có chữ hội trưởng thời không kể, hễ ai đến lĩnh tiền thời thủ quĩ phải bắt người ấy giao cho một cái phái lai xé ở sổ răng cưa ra và có chữ ký hội trưởng, chữ ký hay là điểm chỉ của người lĩnh ấy, cứ cuối tháng hội đồng kiểm quĩ một lần và phải làm một tờ biên bản.

Hết năm thời hội đồng tính sổ xem sổ ấy thực thu vào là bao nhiêu, tiền chi ra là bao nhiêu, tiền còn lại bao nhiêu, yết thị tại đình ít ra là một tháng, để cho dân cùng biết, hễ khi yết thị thời phải cho mõ đi rao.

28e. Chi tiêu không được quá số dự định và phải rất tiết kiệm, để cho tiền công còn thừa làm công tiền lưu trữ.

29e. Món tiền lưu hạ ấy, làng dùng làm việc sinh lợi, hay là để chi tiêu việc bất thường.

30e. Nếu làng đem tiền ấy cho vay thời lấy lợi nhẹ mà thôi, những người vay phải cầm điền sản làm tin, nếu không cầm không cho vay.

31e. Những điền sản cầm cho làng giá đáng mười phần chỉ cầm ba phần.

32e. Hội đồng định cho ai vay phải làm biên bản và phải bảo người vay tiền phải viết văn tự, văn tự ấy phải trước ba, biên bản giao hội trưởng giữ mà văn tự thời giao thủ quĩ giữ, thủ quĩ sẽ chiếu trong văn tự mà phát tiền cho người vay tiền công, hễ đến hạn, thời phải giả cả gốc và lợi chứ không được viết lợi làm gốc mà tăng thêm hạn nữa, hạn cho vay không được quá một năm.

33e. Nếu số tiền có ít mà người vay nhiều và lại số điền sản của người ấy đem cầm đều bằng nhau thời hội đồng bỏ thăm, ai bắt được thăm thời cho vay.

34e. Muốn cho làng tin cậy các tộc biểu và tộc biểu làm hết bổn phận. Vậy nên cấm các người có chân hội đồng và vợ con những người ấy vay tiền của làng.

35e. Chi cho người hội trưởng một năm 4,00$ thư ký, thủ quĩ mỗi người một năm 3,00$ nhưng làng lại cấp thêm cho người thư ký 4,00$ để làm bút chỉ.

Lý phó trưởng

36e. Lý phó trưởng là người thay mặt làng mà thừa hành việc quan, phó lý là người giúp việc lý trưởng.

37e. Lý phó trưởng không có quyền tự ý quyết định việc làng, phải theo ý chung cả tộc biểu.

38e. Lý phó trưởng là người hành chính trong làng, đều được dự chân hội đồng trong làng có chánh phó tổng cũng thế.

39e. Làng sẽ trích điền công cấp cho lý trưởng 2 mẫu và 2 phó lý mỗi người 7 sào để chi phí làm việc quan.

40e. Lý phó trưởng đã được ruộng công hay tiền làng cấp, thời khi đi làm việc quan một mình, không được tính phí tổn mấy làng.

Bổ sưu thuế

41e. Lý trưởng tiếp quan phát chỉ bài thuế về, thời phải tường hội trưởng mở hội đồng tính bổ.

42e. Sưu thuế đã có số nhất định của nhà nước, hội đồng cứ theo trong chỉ bài mà bổ, không được chia đàn anh hay đàn em, ruộng nội canh hay ngoại phụ, mà bổ nhiều bổ ít.

43e. Trong sổ bổ phải biên rõ người nào bao nhiêu điền, thổ, bao nhiêu sưu đinh thành bao nhiêu tiền, không được hàm hỗn.

44e. Khi đã bổ xong giao lý phó trưởng hành thu.

45e. Làng không bổ tiền ngoại phí cho lý phó trưởng nữa, vì làng đã cấp ruộng rồi.

46e. Những người thiếu sưu thuế, lý phó trưởng phải nên trình quan xét xử.

47e. Ngày hội bổ thuế không được bày ra ăn uống làng phải đóng nặng thêm.

Sự kiện cáo

48e. Trong làng có ai kiện cáo về việc dân sự hay thương sự, trước hết phải trình hội đồng hòa giải.

49e. Hội trưởng tiếp ai trình thời phải mở hội đồng lấy nhẽ chính đáng và tình thân ái hòa giải cho hai bên, nếu hòa giải xong, thời theo kiểu trong luật làm hòa giải chứng thư giao lý trưởng trình quan sở tại biên sổ.

50e. Việc hòa giải không xong, hội đồng vì nguyên bị mà phải đi làm chứng trước tòa án, thời người thưa kiện phải chịu tổn phí.

51e. Những việc hình sự dù không có thể hòa giải những người đương sự cũng phải trình hội đồng biết.

52e. Hội đồng xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra, làm biên bản trình quan, chứ không bắt vạ hay là tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Canh trong làng

53e. Canh phòng để giữ tính mệnh và tài sản cả làng thời tất thể người làng từ 18 tuổi đến 60 tuổi, đều phải chịu trách nhiệm, trừ những người chức sắc khoa mục, người hiện làm việc các sở công, người đương học các tràng, người chưa đến tuổi và người có tật bệnh, người nào phải phiên tuần canh mà đi vắng, thời có thể nhờ bà con, bạn hữu canh thay, hay là nộp đồng niên cho làng 15,00$ để làng thuê người canh thay.

54e. Làng cắt 24 người tuần phải đi canh suốt năm, sang năm lại cắt 24 người khác canh cả ngoài đồng và trong làng (do 8 người canh ngoài đồng, 16 người trong làng).

55e. 24 người tuần phải bầu một người đốc canh trong làng có cướp phát thời tất cả các người tuần không cứ trong làng ngoài đồng nghe hiệu động phải đến cứu ứng ngay với người làng.

56e. Những khí giới để canh thời của ai người ấy sắm, nhà nào không có thể sắm được thời làng trích tiền công sắm cho, nhưng hết hạn phải nộp giả làng.

57e. Làng lập ra hai điếm để canh, phí tổn về việc làm điếm, làng trích tiền công mà chi.

58e. Người đốc canh cứ gần tối phải nổi hiệu trống, mõ gọi tuần ra điếm, ai có phương trở phải mượn người thay, nếu bỏ không canh thời hai lần đầu làng phạt 0,10$, lần thứ ba chiểu khoản không theo hương ước mà phạt nặng hơn.

59e. Ban canh thường đêm phải đi tuần luôn trong làng để cho trộm cướp khỏi vào.

60e. Ai bắt được một tên trộm, làng thưởng 1,00$.

61e. Tuần phải chịu trách nhiệm về việc trộm cướp trong làng, như có nhà mất trộm hay là mất cướp, mà tuần không bắt được đứa trộm, cướp ấy, thời phải chiểu vật giá mà đền cho sư chủ, như khi cướp phát mà tuần đã hết sức chống cự, mà không thể giữ được thời không phải đền.

62e. Lý phó trưởng phải kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không thẻ tùy thân và căn cước đáng nghi thời bắt phải xét.

Canh ngoài làng

63e. Làng có 5 người tuần để canh trong đồng ngoài bãi, những người tuần này cũng là làng cắt ra (do mỗi năm làng cắt 24 người tuần, thời 8 người canh trong đồng ngoài bãi 16 người canh trong làng).

64e. Tư cách tuần là người mạnh bạo thực thà có gia sản, người nào mang tiếng bất hảo thời làng không cắt, việc cắt tuần thời làng chỉ trừ cho những người xưa nay được trừ việc đi tuần, nhưng việc đi tráng thời phải đi tất cả.

65e. Tuần tráng phải theo quyền phép tộc biểu và lý trưởng.

66e. Tuần coi các đường khuyến nông của làng thấy ai làm tổn hại thời phải tường hội đồng xét thực, phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

67e. Tuần coi việc tháo nước và tát nước, những khi nên tháo nên giữ phải hỏi ý kiến hội đồng không được tự quyết.

68e. Những người tháo nước đơm cả, làm cho ruộng bị cạn, thời tuần phải bắt ngay giải hội đồng xét, phạt từ 0,20$ đến 1,00$, nếu dung túng để nước ruộng cạn thời hội đồng phạt tiền cũng như người phạm.

69e. Lúa má ngoài đồng tuần phải canh giữ cho cẩn thận, mất đâu tuần phải chiếu giá mà đền.

70e. Làng cấp tiền công cho tuần không kể nội canh ngoại phụ mỗi mẫu là 0,50$, tiền ấy chia làm hai thứ, một thứ tháng năm, một thứ tháng 10, tiền ấy là tiền thế cho lúa sương mà ngày trước tuần vẫn được thu từ giờ về sau thời đến trước vụ gặt, thời các điền chủ phải đem nộp cho thủ quĩ, số tiền ấy đã định (tháng năm nộp 0,20$ tháng 10 nộp 0,30$) rồi mới cắt lúa.

71e. Làng không bầu trương tuần, thời việc trương tuần giao cho 2 phó lý và lý trưởng.

Sự cứu cấp

72e. Gặp lúc cần cấp, như là nước lớn đê sạt hoặc lửa cháy nhà nào, hoặc trộm cướp nhà nào, trừ ra những người 60 tuổi và người yếu đau, còn người làng nghe hiệu đều phải lập tức đến cứu, nếu ai biếng nhác không đến, hội đồng xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

73e. Ai vì sự cứu cấp mà bị thương thời làng cấp tiền giữ thuốc trọng thương thành tật, thời làng cho ngôi kỳ mục, thương đến nỗi chết thời làng cấp tiền tuất cho 20,00$ cả làng đi đưa ma.

Sự vệ sinh

74e. Muốn cho mạnh khỏe cần phải theo phép vệ sinh, một là phòng bệnh hai là giữ bệnh.

75e. Hội đồng thường hiểu bảo người làng giữ nhà riêng và đường chung cho rất sạch sẽ.

76e. Cấm không ai được bỏ uế vật ra đường và làm nhà xí bên đường, ai phạm cấm ấy thời hội đồng phạt từ 0,20$ cho đến 1,00$ mà bắt phải dọn đi ngay.

77e. Làng có hai cái giếng thuộc về xóm Huệ Đình xóm Cầu Bàng phải giữ gìn cho trong sạch phí tổn sửa sang những giếng ấy trong xóm ấy phải chịu.

78e. Khi trong làng phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm lý trưởng phải trình quan ngay mời thầy thuốc chữa.

79e. Trong làng có ai bệnh hủi lý trưởng phải trình quan khám thực đem ra dưỡng tế không được vị nể mà để ở trong làng.

80e. Những đồ dùng của người ốm hay là chết cấm không được vất ra hồ, ao, ai phạm cấm ấy, làng phạt từ 0,30$, lại cấm không được làm chuồng trâu ở cạnh hồ, ao hay là ở những chỗ mà nhơ bẩn có thể chảy xuống hồ ao được.

Đường sá, cầu cống và đê điều

81e. Làng cử một người thủ lô để trông coi đường sá, cầu cống và đê điều, thấy nơi nào hư hỏng, phải trình hội đồng sửa lại,

đến như việc đê điều thời thủ lộ chỉ phải coi sóc để cho người và súc vật khỏi làm tổn hại đến đê, phải sửa những nơi hư hỏng lại phải giữ gìn cho đê lúc nào cũng được tốt. Khi chỗ nào hư hỏng lâu mà phải nhà nước tu bổ mới được thời thủ lộ phải trình hội đồng để trình quan.

82e. Các đường chung của làng thời trích tiền công mà sửa, nếu không đủ thời làng bổ mỗi nóc nhà 0,10$ tiền công mà sửa, còn các đường riêng, về xóm nào thời xóm ấy phải sửa.

83e. Người làm việc riêng mà làm hại đến đường sá, cầu cống chung cả làng, thời phải bồi thường và phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

84e. Ai cần tháo nước qua đường, trước phải trình hội đồng biết, nếu tháo nước xong rồi phải đắp lại đẹp đẽ như cũ.

85e. Thủ lộ làm việc ba năm đều được chu thỏa thời làng cho tên hương ẩm, mình có rồi thời cho con, cháu hay là em (đến 18 tuổi mới được ra hương ẩm) người thủ lộ thời hội đồng chọn lấy một người biết việc mà bầu ra, nếu không hết bổn phận phải bãi chức.

Sự vệ nông

86e. Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khai sâu các ngòi lạch trữ nước cho tiện việc làm ruộng.

87e. Cấm không ai được phát cỏ bờ ruộng mà không đắp lại để bờ lở dần đi, ai phạm cấm ấy hội đồng phạt 0,10$.

88e. Cấm không ai được đắp qua ngòi mà đơm cá khiến nước không thông, ai phạm cấm ấy, hội đồng phạt 0,10$.

89e. Cấm chăn trâu bò bờ ruộng khi lúa đã tốt, ai phạm cấm ấy, hội đồng phạt 0,10$, nếu trâu bò ăn của người ta thời phải chiểu giá mà đền...

90e. Cấm chăn vịt nhiều ở ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa, ai phạm cấm ấy thời hội đồng phạt 1,00$, nếu vịt phá lúa mà thời phải chiểu giá mà đền.

Các của công

91e. Đã gọi là của công làng, thời người trong làng ai cũng có nghĩa vụ phải giữ, nếu ai làm tổn hại thời phải bồi thường.

92e. Khi làng có động sản hay là bất động sản thời hội đồng phải đấu giá kín, nhưng phải yết thị cho mọi người đều biết trước khi đấu giá 10 ngày.

93e. Người nào tình nguyện đấu giá việc gì, thời phải nộp tiền ản quĩ (ít hay là nhiều tùy việc nhớn hay là nhỏ, cứ việc đáng giá 100,00$, thời phải nộp ản quĩ 10,00$, những việc gì bé, chỉ đáng giá độ 10,00$, thời phải nộp ản quĩ 2,00$). Nếu bỏ cao mà không làm, thời mất ản quĩ tiền ấy và sau không được đấu giá việc gì nữa.

94e. Ai đấu giá cao thời được, nhưng hội đồng phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu quĩ.

Xét gian lậu

95e. Những điều chính phủ đã có lệnh cấm nhập rượu lậu, thuốc phiện lậu và mở sòng bạc lấy hồ, thời hội đồng phải khám xét luôn trong làng để trừ gian lậu.

96e. Ai có ý phạm cấm ấy, hội đồng không thể khuyên ngăn được, thời hội đồng bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để giải trình quan trừng trị.

97e. Những người phạm cấm ấy dù quan đã chiểu luật trị tội phạt nhưng làm mất phong thổ trong làng, thời hội đồng phạt không được dự định đình ba năm.

Sự giao thiệp

98e. Theo thói quen khi có quan khách đến làng, chỉ lý phó trưởng đương thứ ra tiếp nếu đi vắng, thời quan khách không biết hỏi ai, như thế thời không tiện, nay đính giao việc ấy cho các người hội đồng.

99e. Không cứ quan Tây và quan ta, nếu đến làng thời tuần phải đi báo ngay những người có chân hội đồng.

100e. Các người hội đồng và chánh phó lý lấy lễ nghi chính đáng mà tiếp tại công sở, nếu các quan muốn cần xét nhà nào thời hội đồng dẫn khám, khi khám nếu không có việc gì ngăn trở, thời hội đồng gìn giữ cho được ổn thỏa, khi ở trong địa giới làng, có người ốm đau hay bị tai nạn gì mà hội đồng nghe tin báo phải đến tận nơi, liệu phương kế mà cứu cấp ngay.

Sự giáo dục

101e. Làng ta chưa có thể lập được ngay trường học, nhưng một hai năm nữa sẽ theo các điều làm như sau này:

102e. Dậy trẻ con có học thức phổ thông là nghĩa vụ người làm phụ huynh, không ai được từ, làng mở một trường ấu học để dậy trẻ con trong làng.

103e. Thường năm dân trích tiền công chi tiêu việc trường và lương thầy giáo.

104e. Trẻ con trong làng đúng 8 tuổi phải đi học cả.

105e. Làng lấy tiền công mua bút giấy cấp cho những con nhà nghèo mà hội đồng xét thực không thể mua được.

Ngụ cư, ký táng

106e. Làng chỉ cho người nào có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng thôi.

107e. Trừ ra những người ngụ cư tạm thời thôi, còn người có gia sản ở làng thời phải chịu trách nhiệm canh phòng với làng.

108e. Ai ký táng ở đồng điền của làng, dù mua đất của ai, nhưng cũng phải trình hội đồng biết và nộp tiền kiểm cố cho làng là 6,00$ và 100 giấu.

Phần thứ hai: Nói về việc tục lệ
Sự quân điền thổ

109e. Về việc châu thổ nguyên trước tục lệ làng ta, chia làm 36 phần trong dân, chia làm 7 giáp, tùy giáp nhớn nhỏ, nhận nhiều phần

hay ít phần, có giáp nhận 7 phần, có giáp nhận 5 phần, có giáp nhận 3 phần, có giáp nhận 2 phần, sưu thuế các việc cũng đều theo như phần bãi ấy, cho nên chưa nhất định được, vậy nên phải để đến 3 năm nữa hết chương này, thời chiểu số ruộng bãi và số đinh mà chia đều nhau. Không ai được hơn được kém quyền lợi gì cả.

Hôn lễ

110e. Nhà nào có con gái gả chồng phải nộp cho làng tiền cheo 3,00$ để sung quĩ, mà không phải cheo xóm, cheo họ và chia giầu cau như trước nữa và cấm không được chăng dây, đóng cổng.

111e. Cheo ngoại, hễ người làng ở ngoài lấy con gái làng ta, thời phải nộp cheo 5,00$ để sung quĩ.

Tang lễ

112e. Tang là sự buồn rầu, đau đớn nhà người ta, theo thói quen đặt tiệc mời khách, như đám hội vậy, thực là trái nhẽ, nay làng bỏ thói tệ ấy.

113e. Tang chủ nếu giầu có muốn mời mấy người thân tộc hộ lễ thời cũng mặc lòng, nhưng coi là việc riêng nhà tang chủ không phải theo lệ cũ mà mời kỳ mục.

114e. Tang chủ chỉ được những người hộ lễ và những người chấp dịch chứ không được mở tiệc mời làng như trước nữa.

115e. Trước khi chưa táng dân làng đến phúng chỉ dùng hương hoa mà thôi.

116e. Đến ngày an táng, chủ ở giáp nào, thời mời giáp ấy hộ tang, nghĩa là khiêng quan tài và mang đồ tang nghi.

117e. Hàng giáp đưa ma là giả nghĩa lẫn nhau, vậy bổn phận mình phải làm, trừ những người vắng nhà, còn thời hết thảy, phải đi cả.

118e. Tang chủ cũng được báo dân làng đều biết ngày an táng, để ai nhớ tình hương đồng thời đi đưa ma, nhưng báo hay không tùy ý tang chủ.

119e. Dù người trong giáp hay người ngoài làng cũng vậy, khi an táng xong, thời chào tang chủ ngay ngoài mộ địa, rồi đâu về đấy ngay, không được vào nhà tang chủ ăn uống.

120e. Tang chủ muốn để danh dự cho người chết, nếu gửi một món tiền kỷ niệm làm của công trong làng. Nguyên trước lệ làng ta, ai mà chết thời kính dân ở ngoài đình một bàn xôi một cái thủ lợn 2 chai rượu và giầu cau nữa, lại ở giáp mình và xóm mình cũng thế, phí tổn ước độ 10,00$, nay dân chỉ định lấy 2,00$ thay vào tiền ấy, mà gọi là tiền kỷ niệm để sung vào quĩ.

121e. Làng sẽ làm quyển sổ để biên những món tiền kỷ niệm ấy để lưu về sau.

122. Làng chỉ được đem món tiền ấy làm những việc ích lợi chung cả làng.

123e. Sự gửi tiền kỷ niệm là sự sang trọng, ai cũng nên làm, chứ không bắt buộc.

Tế tự

124e. Đại tế về ngày mồng mười, ngày 12 tháng 2, chiếu nhân suất mỗi người 0,15$ ước được 100,00$, để mua một con bò, một con lợn, 9 bàn xôi, 5 nồi gạo nếp, 10,00$ vàng mã, 20 chai rượu và giầu cau và ngũ quả.

125e. Tháng ba là lễ Kỳ Yên, dân đình sửa lễ ấy một con lợn, một nồi gạo nếp, một nồi gạo tẻ, hai chai rượu, 5,00$ đồ vàng mã và giầu cau ước 30,00$ tiền chi lễ ấy, lấy ở công quĩ ra chi (nguyên trước đã có đất bãi để vào lễ ấy, nay dân định để đấu giá lấy tiền sung vào công quĩ).

126e. Tháng 8 là lễ Thường Tân, dân đình sửa lễ ấy, một con lợn, một nồi gạo nếp, một nồi gạo tẻ, 2 chai rượu và 1,00$ cốm và chuối với lại giầu cau nữa, tất cả ước 30,00$.

127e. Khi tế lễ xong rồi, thời các lễ vật ấy đem làm cỗ tại đình, từ trên đến dưới đều nhau cả, ai kiến tại đình thời ăn uống, không

phải kính biếu ai, nhưng mà xưa nay ai được ngôi biếu, thời chỉ biếu bằng giầu cau mà thôi (mỗi người một miếng giầu).

128e. Việc mua lễ vật ấy, thời dân giao cho lý dịch mà việc làm cỗ, thời dân giao cho các người tuần phiên.

129e. Còn như các ngày sóc vọng và các lễ thường trong một năm, các lễ này sửa bằng oản quả, trước thời nặng lắm, nay định mỗi một kỳ 30 phẩm oản, 30 quả chuối, 1 chai rượu, 100 giầu. Các lễ vật ấy, thời mỗi kỳ trích tiền công quĩ ra 2,60$ mà chi, còn 6 mẫu ruộng công tại xứ Đình Lẫm trước kia để vào việc các lễ này, bây giờ dân định để 6 mẫu ruộng công ấy, cứ đến đầu năm, thời đấu giá lấy tiền sung vào công quĩ. Các kỳ lễ này cũng chỉ biếu bằng giầu cau mà thôi và ai kiến tại đình hôm ấy thời được hưởng. Việc làm cỗ các kỳ này, dân giao cho các người hạ bàn (y như trước).

Khao vọng

130e. Người nào đỗ được cử nhân, tiến sĩ thời dân tôn lên bậc thứ nhất. Không lấy tiền khao, còn người nào đỗ cao đẳng văn bằng tú tài hay là có bằng thông ngôn và Thành chung tốt nghiệp muốn vọng vào chiếu chức sắc, thời phải nộp cho làng 10,00$ để sung công quĩ, ai đỗ được sơ học tốt nghiệp thời nộp cho làng 6,00$ làng cho một tên hương ẩm, nếu mình đã có rồi, thời cho con cháu và em (đến 18 ra hương ẩm mới được).

131e. Trong làng ai đến 60 tuổi lên lão, nếu mình đã có ngôi hương ẩm rồi, thời nộp 4,00$, để sung quĩ và 100 giầu, chưa có ngôi hương ẩm thời nộp 8,00$ sung quĩ và 100 giầu, không phải sửa lễ vật gì cả.

132e. Trong làng ai làm lý phó trưởng có bằng trình dân và những người có chân hội đồng mà chưa có chân kỳ mục, nộp lệ 10,00$, không phải khao nữa và 3 năm mãn lệ không can khoản gì, nếu nộp 3,00$ cho dân, thời dân cho một ngôi hương ẩm, không con cháu thời em (đến 18 tuổi mới được ra hương ẩm). Ai không muốn

thời thôi, còn như những người thưởng hàm, thời nộp cho dân 6,00$, 100 giầu không phải khao nữa.

133e. Ai làm chánh tế, tả văn thời phải nộp cho làng 6,00$ để sung quĩ không phải khao nữa, thời dân cho một tên hương ẩm. Không con cháu thời em (đến 18 tuổi mới được vọng). Ai có khoa mục thưởng hàm thời dân mới bầu làm chánh tế, tả văn, nếu trong làng không có người khoa mục thưởng hàm, thời dân chọn những người ở nhị bàn tư văn giáp ra làm.

134e. Trong làng ai đi lính mà tự dân cất đi, khi mãn lệ 6 năm về, cũng phải nộp cho dân 3,00$, thời dân cho 1 tên hương ẩm, không con, cháu thời em (đến 18 tuổi, mới được vọng).

Thứ vị trong làng

135e. Trong làng ai cử nhân, tiến sĩ, làng tôn chiếu thứ nhất ngồi trên chức sắc, còn dưới tục lệ làng chia làm 4 dòng, dòng thứ nhất là chức sắc, dòng thứ hai là kỳ mục lý dịch, dòng thứ 3 là các cụ các giáp và những người có chân hương ẩm, dòng thứ 4 là các người lính mãn khóa.

136e. Kể từ ngày thi hành các khoản ước ở trên này, thời có điều nào trái với khoản ước ấy, đều bỏ đi cả. Hễ ai mà làm trái khoản ước ở trên, thời hội đồng chiểu tình lý nặng nhẹ mà phạt, hoặc phạt trong 3 tháng hay là 6 tháng không cho dự vào việc tế đình trung, hoặc phạt phải tụt xuống hai bàn.

137e. Đệ niên cứ đến ngày tế lễ thời người thư ký phải đọc các khoản ước ở trên tại đình để cho đồng dân nghe.

Khải Định ngũ niên thập nguyệt thập tứ nhật (Tức Tây nhất niên cửu bách nhị thập niên, thập nhất nguyệt, nhị thập tứ nhật).

Lập hương ước

Phạm Đệ

Thừa sao chánh bản

Trần Văn Vy Lý trưởng Nhật Tân. Cửu phẩm văn giai Đỗ Văn Tiên ký. Kỳ lão Giầu Quang Hà ký. Cửu phẩm Tách hộ Đỗ Văn Nguyên ký. Kỳ lão Đỗ Văn Vinh ký. Kỳ lão Đỗ Văn Mạc điểm chỉ. Kỳ mục Đỗ Văn Trang ký. Kỳ lão Nguyễn Văn Cố điểm chỉ. Nguyễn Văn Rèn điểm chỉ. Nguyễn Văn Bừa điểm chỉ. Trần Văn Hờn điểm chỉ. Trần Văn Chức ký. Trần Văn Tuân ký. Nguyễn Văn Bào ký. Trần Văn Ginh ký. Kỳ lão Trần Văn Thềm ký. Kỳ lão Đỗ Văn Thống ký. Nguyễn Văn Biên ký. Kỳ mục Nguyễn Văn Thao ký. Nguyễn Văn Hoan ký. Kỳ mục Chu Văn Thuần ký. Kỳ mục Trần Văn Tiền ký. Đỗ Văn Tịnh ký. Đỗ Văn Tụy ký. Trần Văn Đảm ký. Trần Văn Phương ký. Nguyễn Văn Trường ký. Nguyễn Văn Thìn ký. Nguyễn Văn Trượng ký. Nguyễn Văn Bút ký. Kỳ lão Trần Văn (....) điểm chỉ. Bát phẩm độ trưởng Nguyễn Văn Lai ký. Phó lý Nguyễn Văn Lịch lý. Hương trưởng Nguyễn Văn Chấn ký. Lý trưởng Nguyễn Văn Rượu đóng triện. Kỳ lão Nguyễn Văn Trượng ký. Kỳ lão Chu Văn Huống ký. Kỳ lão Nguyễn Văn Bông điểm chỉ. Kỳ lão Bùi Văn Tộ ký. Kỳ lão Nguyễn Văn Ấn ký. Kỳ lão Đỗ Văn Tâm ký. Kỳ lão Nguyễn Văn Hòa ký. Kỳ mục Chu Văn Ngân ký. Kỳ mục Trần Văn Y ký. Kỳ mục Chu Văn Thực ký. Kỳ mục Thái Hữu Ngâm.

Vu: Hà Đông le 17 Jauvier 1921

(.....) mờ không đọc được

Hà Đông le 4 Jauvier 1921

Le Tổng Đốc

Hoàng Trọng Phu ký tên và đóng dấu.

HƯƠNG ƯỚC THÔN THỌ

Xã Yên Thái, Tổng Trung, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông

(Thiếu từ điều thứ 1 đến điều thứ 3)

Điều thứ 4: Chức vụ sưu thuế tộc biểu chiếu theo điều thứ 8 nghị định quan thống sứ số 1949.

Điều thứ 5: Các tộc biểu tự chọn một người trong ban làm hội trưởng và một người làm phó hội. Khi hội đồng do hội trưởng bá cáo, nếu hội trưởng ngăn trở gì đó phó hội bá cáo.

Điều thứ 6: Hội đồng lại bầu 2 người trong ban một người thông hiểu thư toán, làm thư ký để biên sổ sách và một người giầu làm thủ quĩ giữ tiền công.

Điều thứ 7: Nếu trong ban không thể bầu được người thủ quĩ và người thư ký, thời Hội đồng chọn người làng mà bầu, người được làng bầu chức ấy thì được quyền dự Hội đồng.

Điều thứ 8: Trừ ra khi có việc cần mở hội đồng bất thường còn thời mỗi tháng cứ ngày mồng một ngày rằm để Hội đồng bàn việc làng, ai say rượu thời cấm không được dự Hội đồng.

Điều thứ 9: Được quá nửa số người trong ban dự hội đồng có thể bàn việc làng, bàn xong rồi thời phải giải tán ngay, không được ngồi lâu mà bầy cuộc rươu phiến.

Điều thứ 10: Hội đồng bàn việc gì thì phải làm thành biên bản và biên bản ấy phải có chữ ký của những người hội viên hiện tại và phải bỏ vào hàm công để mà lưu chiểu.

Điều thứ 11: Tộc biểu mắc bận không đến họp được phải có nhời cáo để Hội đồng biết, nếu đã không có duyên cớ đích thực bỏ đi hai lần thời Hội đồng phải bảo họ ấy cử người khác ra thay.

Điều thứ 12: Đương lúc hội đồng nếu có ai trong làng theo lễ phép mà hỏi điều gì, thời Hội đồng phải theo lễ phép mà đáp lại minh bạch cho người ta biết.

Điều thứ 13: Những việc Hội đồng bàn được quá nửa số người ý hợp thời đem thi hành, nếu ý kiến không hợp thời phải bỏ phiếu kín nhưng một phiếu của hội trưởng được kể thành hai, hoặc bầu bằng cách bỏ phiếu kín cũng phải bắt đầu từ người tộc biểu họ nhỏ nhất bầu trước, rồi dần dần đến tộc biểu họ to nhất là hết.

Điều thứ 14: Khi có lệnh quan tòa án hoặc quan cai trị cần hỏi đến làng, thời Hội đồng tự chọn một hai người trong ban đi mấy lý trưởng.

Điều thứ 15: Trừ ra những khi có lệnh quan trên bắt làm thời không kể, còn những khi quan trên hỏi ý kiến về những việc quan hệ về lợi quyền chung cả làng, thời hai người tộc biểu, phó lý trưởng không được tự quyết mà trình quan ngay.

Điều thứ 16: Phải xin phép về mở Hội đồng tất được mọi người ý hợp rồi sẽ trình sau.

Điều thứ 17: Tộc biểu và phó lý trưởng vì việc làng mà bỏ đi xa trong 5 km làng không được chi lệ phí, quá số ấy làng chi mỗi người mỗi ngày đi lên tỉnh chi 0,40$, đi lên huyện thì 0,30$ là cùng.

Quan kỷ

Điều thứ 18: Tộc biểu làm việc gì trái hương ước hoặc cả hội đồng hoặc một họ nào giác ra thời chức sắc, kỳ lão trong làng họp hội

đồng mà cứu xử, hội đồng chức sắc kỳ lão này có quyền quở trách hay phạt tiền từ 0,10$ đế 1,00$ hoặc không cho dự hội đồng nữa, người nào làm mất tư cách đã nói ở điều thứ 3 hay là làm tổn hại quyền lợi của làng, thời hội đồng chức sắc kỳ lão bãi chức người ấy, nếu hội đồng xử không xong, hay người tộc biểu có lỗi không chịu thời hội đồng sẽ làm biên bản trình quan.

Sổ chi thu

Điều thứ 19: Muốn trong làng chi tiêu có chừng mực để khỏi tốn thời phải làm sổ chi thu.

Điều thứ 20: Thường năm cứ trong tháng mười Tây các tộc biểu Hội đồng dự tính đệ niên thu những gì, tiêu những tiền gì rồi làm thành sổ cả hội đồng ký kết trình quan sở tại kiểm xét đến mùng một tháng giêng Tây mấy được thi hành.

Điều thứ 21: Sổ chi tiêu của làng do Hội trưởng giữ, hội trưởng được quyền cho phép thu phát những khoản tiền đã dự tính trong sổ.

Tiền thu

Điều thứ 22: Thủ quĩ nhận được những tiền của ai nộp thì phải biên vào sổ răng cưa và rọc một bên, giao cho người nộp tiền làm biên lai tiền nộp ấy thuộc về khoản gì thư ký phải biên ngay vào sổ chi thu ở khoản đó dự tính cho thu những món tiền ấy.

Điều thứ 23: Ai nộp tiền cho một người nào mà không có thủ quĩ biên lai thời tiền ấy coi như chưa nộp.

Tiền chi

Điều thứ 24: Ngày nào tiêu việc gì thời lập tức hôm ấy thư ký phải biên vào sổ chi thu ở trang để dành cho biên những món tiền ấy.

Điều thứ 25: Làng có chi tiêu khoản gì quá số dự định hay là bất thường phải chi khoản gì ngoài số dự toán các tộc biểu phải mở Hội đồng làm biên bản trình quan tỉnh duyệt y mấy được thi hành.

Điều thứ 26: Những khoản tiền thủ quĩ chi ra mà không có chữ hội trưởng thời không kể, hễ ai đến lĩnh tiền ấy... cứ cuối tháng Hội đồng kiểm quĩ một lần và phải làm biên bản.

Điều thứ 27: Hết năm thời Hội đồng tính sổ xem số tiền thực thu vào là bao nhiêu còn lại bao nhiêu yết thị ở đình thời phải...

(thiếu từ điều 28 đến điều 42)

Điều thứ 43: Nếu việc canh phòng không được cẩn mật xảy ra việc gì thời khán thủ chịu trách nhiệm.

Điều thứ 44: Khi trong làng hoặc có cướp thì tất cả làng từ 59 tuổi giở xuống nghe động phải đến ngay ứng cứu, nếu ai không thấy mặt, Hội đồng xét ra thì phạt từ 0,10$ đến 1,00$.

Điều thứ 45: Canh phòng thời phải đi tuần luôn chung quanh làng cho trộm cướp khỏi vào, những khi giới canh phòng của ai người ấy phải sắm, người nào nhà nghèo không thể sắm thì làng trích quĩ ra sắm, khi hết hạn tuần phải giao lại giả làng.

Điều thứ 46: Ai bắt được kẻ trộm làng thưởng 1,00$, bắt được kẻ cướp thưởng 10,00$.

Điều thứ 47: Khán thủ phải chịu trách nhiệm về việc trộm cướp trong làng. Trong làng, ngoài vạc nấu giỏ có nhà nào mất trộm cướp mà khán thủ không bắt được phạm nhân thời phải chiếu tang vật mà đền cho sự chủ. Như khi cướp phát mà tuần đã hết sức chống cự cũng không thể giữ được thời không phải đền.

Điều thứ 48: Phó lý trưởng thường phải kiểm xét những người lạ mặt vào trong làng nếu thấy người nào không thẻ tùy thân và căn cước đáng ngờ thì phải giao quan xét.

Điều thứ 49: Tư cách khán thủ và người tuần là người mạnh bạo thực thà, có gia sản, người nào mang tiếng bất hảo thời không được làm, khán thủ và tuần phải theo quyền phép của tộc biểu và phó lý trưởng.

Điều thứ 50: Khán thủ tuần bắt được đứa ăn trộm mà ẩn nặc cho nó, ăn tiền tha đi sau có người tố giác thời Hội đồng phạt người khán thủ 1,00$ mà lại đuổi về ngay.

Điều thứ 51: Khán thủ làm việc ba năm đều được chu thỏa thời làng cho ngôi kỳ mục theo như phó lý cựu, nếu không làm hết bổn phận thì phải bãi chức và mất ngôi kỳ mục.

Sự kiện cáo

Điều thứ 52: Trong làng có ai kiện về việc dân sự hay thương sự trước phải trình hội đồng giải hòa.

Điều thứ 53: Hội đồng tiếp ai trình thời mở hội đồng chính đáng và tình thân ái, hòa giải cho hai bên, nếu hòa giải xong thời theo kiểu trong luật làm hòa giải chứng thư giao phó lý trưởng trình quan sở tại biên vào sổ.

Điều thứ 54: Việc hòa giải không xong hội đồng vì nguyên bị mà phải đi làm chứng trước tòa án thời người theo kiện phải chịu phí tổn, những người sinh sự dù không có thể hòa giải, nhưng người đương sự cũng phải trình hội đồng biết.

Điều thứ 55: Hội đồng xét hỏi duyên cớ việc sinh sự ra, làm biên bản trình quan chứ không được bắt vạ hay là cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Sự cứu cấp

Điều thứ 56: Gặp lúc cần cấp như là nước nhớn, đê sạt hoặc lửa cháy nhà nào trừ ra những người nào 60 tuổi và người yếu, còn người làng nghe hiệu đều phải lập tức đến cứu, nếu ai biếng nhác không đến hội đồng xét thực phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Điều thứ 57: Ai làm sự cứu cấp bị thương thời làng cấp cho 1,00$, trọng thương thời làng cấp cho 2,00$, chủng cứu đến nỗi chết thì cấp cho 51,00$ và cả làng đưa ma.

Việc vệ sinh

Điều thứ 58: Muốn cho người làng mạnh khỏe cần phải theo phép vệ sinh, một là phòng bệnh, hai là chữa bệnh.

Điều thứ 59: Hội đồng phải hiểu bảo người làng giữ nhà riêng và đường chung địa phận mình cho rất sạch sẽ.

Điều thứ 60: Cấm không ai được vứt uế vật ra đường và làm chuồng xí ở bên đường, ai phạm cấm ấy thời Hội đồng phạt 0,10$.

Điều thứ 61: Các đường đi ra sông, ra ao và bến lên xuống phải sửa sang cho bằng phẳng.

Điều thứ 62: Khi trong làng phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm phó lý phải trình quan khám thực ngay xin thầy thuốc chữa.

Điều thứ 63: Trong làng có ai mắc bệnh phong phó lý phải trình quan khám thực đem ra nhà dưỡng tế, không ai được vì nể mà để trong làng.

Điều thứ 64: Những đồ dùng của ngời ốm hay là của người chết không ai được vứt xuống chuôm ao, ai phạm cấm ấy làng phạt 0,50$ lại cấm không được làm chuồng lợn ở những chỗ có thể chảy xuống ao chuôm.

Đường sá, cầu cống và đê điều

Điều thứ 65: Làng đinh cử một người thủ lộ để trông coi cầu cống, đường sá và đê điều thấy nơi nào hư hỏng phải trình Hội đồng sửa lại, đến như việc đê điều khi nào nhà nước tu bổ cần phải bắt tráng thì thủ lộ cùng phó lý bắt tráng sửa đắp vững bền theo như ý quan trên, trừ Hội đồng kỳ lý (mờ không đọc được).

Điều thứ 66: Các đường chung cả làng thì phải trích tiền công mà sửa hay là chia ra nhân suất, hay là chia ra các nhà làng tùy ý Hội đồng trù nghĩ, các đường riêng các xóm, thì xóm nào xóm ấy phải sửa.

Điều thứ 67: Ai làm việc riêng mà làm hại đến đường sá, cầu cống chung cả làng thì phải bồi thường và phải phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 68: Ai có lòng công đức sửa sang đường công tư, đi lại cho tiện bằng phẳng để những người nghèo được ơn thì làng cũng bằng lòng cho làm.

Điều thứ 69: Thủ lộ làm việc ba năm đều được chu thỏa thời làng cho ngồi kỳ mục cũng như phó lý nếu làm không hết bổn phận thì phải bãi chức.

Các của công

Điều thứ 70: Đã gọi của chung làng thời người trong làng ai cũng có nghĩa vụ phải giữ, ai làm tổn hại thì phải bồi thường.

Điều thứ 71: Khi làng có bán động sản hay là bất động sản thời Hội đồng phải đấu giá kín nhưng yết thị cho mọi người đều biết trước đấu giá 10 ngày.

Điều thứ 72: Ai đấu giá cao thì được nhưng Hội đồng phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Xét gian lậu

Điều thứ 73: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm rượu lậu, thuốc lậu và mở sòng gá bạc lấy hồ thì Hội đồng phải khám xét luôn trong làng để trừ gian lậu.

Điều thứ 74: Ai có phạm cấm hội đồng không có thể khuyên ngăn được thì hội đồng bảo phó lý bắt tang vật làm biên bản để giải quan trừng trị.

Điều thứ 75: Những người phạm ấy dù quan đã chiếu luật trị tội nhưng làm mất phong thể trong làng thì Hội đồng phạt không được dự đình trung tế tự 1 năm.

Sự giao thiệp

Điều thứ 76: Theo thói quen khi có quan khách đến làng chỉ phó lý trưởng đương thứ ra ứng tiếp, nếu đi vắng thì không biết hỏi ai như thế thì không tiện nay các việc ấy định giao cho các người hội đồng.

Điều thứ 77: Không cứ quan Tây hay quan ta nếu có đến làng thì tuần phải đi báo ngay những người có chân Hội đồng.

Điều thứ 78: Các người Hội đồng và chánh phó lý lấy lễ nghi chỉnh đáng mà tiếp ở công sở, các quan muốn khám xét nhà nào thì

Hội đồng dẫn khám, nếu khi khám có sự gì ngăn trở thì hội đồng phải gìn giữ được ổn thỏa, khi ở trong địa giới làng có người ốm đau bị tai nạn gì, hội đồng nghe tin báo phải đến tận nơi, liệu phương kế mà giúp ngay.

Sự giáo dục

Điều thứ 79: Khi nào làng có tiền làm trường học sẽ chiếu các khoản sau này mà thi hành.

Điều thứ 80: Dạy trẻ con có học thức phổ thông là nghĩa vụ, người làm phụ huynh không ai được chối, làng mở một trường ấu học để dạy trẻ trong làng.

Điều thứ 81: Thường năm dân trích tiền công chi tiêu và lương thầy giáo.

Điều thứ 82: Trẻ con trong làng đúng 8 tuổi phải đi học cả.

Điều thứ 83: Làng lấy tiền công mà mua bút giấy cấp cho những con nhà nghèo mà hội đồng xét thực không thể mua được thì cấp cho.

Ngụ cư kỷ táng

Điều thứ 84: Làng chỉ cho người nào có căn cước minh bạch và nghề nghiệp chính đáng ngụ cư mà thôi.

Điều thứ 85: Trừ ra những người ngụ cư tạm thời còn người đã có gia sản ở làng thì phải chịu trách nhiệm canh phòng ở làng mỗi người đồng niên phải đóng cho làng một số tiền là 0,40$ để chi việc canh phòng.

Điều thứ 86: Ai có mồ mả gì táng phải trình hội đồng biết và tuần biết để kiểm cố.

Phần thứ hai: Nói về tục lệ

Sự tri thổ

Điều thứ 87: Trong làng có 4 cái ao và một giải sông Tô Lịch trong làng ai kê tầu làm giấy hoặc lấy nước làm giấy thì phải tiền thuế của dân từ khi trước, ai đã kê tầu nơi ấy thì cứ theo mà chịu tiền thuê,

sau này ai kê tàu làm giấy vào đất công thì phải trình hội đồng biết, nếu ai tự tiện mà làm không trình mấy Hội đồng thì không được làm.

Điều thứ 88: Đất công như lũy xưa hoặc ao đã lấp, hoặc đất người ký ky, hoặc bờ sông bờ chuôm vân vân ai ở những đất ấy thì phải chịu tiền thuê và ai mới làm nhà thì phải trình hội đồng biết, nếu ai tự tiện mà làm thì không được làm.

Hôn lễ

Điều thứ 89: Lan nhai nộp ở thủ quĩ 2,00$, lan nhai lễ đinh, lễ đền, dung kẻ suy các một lễ tùy lòng lễ thành nộp ở bản thôn hoặc thế tiền 2,00$ cũng được mà cheo nội hay ngoại cũng thế.

Điều thứ 90: Cấm không được theo thói quen mà chăng dây đóng cổng nếu ai phạm cấm phạt ngăn 0,20$.

Tang lễ

Điều thứ 92: Tang lễ là sự buồn rầu đau đớn nhà người ta, theo thói quen đặt tiệc mời khách như đám hội vậy, thực là trái lẽ, nay làng bỏ thói tệ ấy.

Điều thứ 93: Tang chủ nếu giầu có mời người thân tộc hộ lễ thời cũng mặc lòng, nhưng coi là việc riêng của nhà tang chủ không phải theo ai mà mời kỳ mục.

Điều thứ 94: Tang chủ đãi những người hộ lễ và những người giúp việc chớ không được mời tiệc.

Điều thứ 95: Trước khi chưa táng, dân làng đến thăm viếng chỉ dùng hương hoa mà thôi.

Điều thứ 96: Đến ngày yên táng, tang chủ tường với phó lý họp dân làng đều đến hộ tang nghĩa là khiêng quan tài và mang các đồ tang nghi trừ từ 60 tuổi giở lên, còn phải đi cả.

Điều thứ 97: Trong làng đưa ma là giả nghĩa lần theo chính bổn phận mình phải làm, trừ những người vắng nhà còn thời dù người trong làng hay là người ngoài làng cũng vậy khi an táng xong thời

chào tang chủ ngoài mộ địa rồi đâu về đấy ngay, không nên vào nhà tang chủ ăn uống.

Điều thứ 98: Tang chủ cũng nên tạ ơn người làng hay là người đi đưa ngay ngoài mộ địa không được mời khách về nhà.

Điều thứ 99: Tang chủ muốn để danh dự cho người thác mà gửi một món tiền kỷ niệm làm của công trong làng, thời làng cũng nhận món tiền ấy, nhiều ít tùy lòng tang chủ.

Điều thứ 100: Làng sẽ làm quyển sổ để biên những món tiền kỷ niệm ấy lưu truyền về sau.

Điều thứ 101: Làng chỉ được đem món tiền ấy làm những việc ích lợi chung cả làng.

Điều thứ 102: Sự gửi tiền kỷ niệm, là tùy ý tang chủ làng không bắt buộc ai cũng đều theo ai.

Tế tự

Điều thứ 103: Các việc tế trong một năm làng định chi như sau này:

Ngày mồng một tháng tiêng An Nam lễ Nguyên Đán 1,00$. Mồng hai 0,40$, mồng ba 0,40$, mồng 4 lễ động thổ 1,00$. Tháng hai ngày 8 lễ Đức thánh đồng cô 1,00$, ngày 15 lễ Kỳ Phúc 20 đồng. Tháng ba ngày 20 lễ vét giếng 1,00$ 0,30$, ngày 16 lễ tiên sư tiên hiền 2,00$. Ba tháng hè hương đăng nhật dạ, lễ Đức Thánh Trần chi 20,00$, ngày 15 lễ Kỳ Yên 6,00$, kỳ hậu 0,60$. Tháng 8 ngày 8 lễ Đức thánh đồng cổ chi 1,00$. Ngày 15 lễ Thường Tân 1,00$, tháng 9 ngày 16 thu tế tiên hiền 2,00$. Tháng 11 ngày 30 ky thần lễ chi 30,00$. Tháng 12 ngày 6 ky Đức thánh chủ 1,00$, lễ trừ tịch 1,00$, lễ sóc vọng mỗi tháng 1,00$. Đồng niên hương các tiết nhỏ 4,00$, chi trả phí Hội đồng mỗi kỳ 0,10$ giao thủ từ.

Điều thứ 104: Trong làng khi nào tế lễ, vị thứ phải tùy vai luân chuyển, đến ngày thì thư ký phải viết thể thức ra niêm yết ở đình sở cùng tuân mà làm.

Điều thứ 105: Khi đến kỳ tế lễ thời phải đều cả làng nghiêm chỉnh không được nói chuyện mà đi lại nhởn nhơ, người nào dự tế nghe trống đình mang mũ áo ra ngay làm lễ, hai bên đông làng tùy vị thứ mà đứng không được hống hách ở đình ấy là thất lễ, người nào không tuân niêm yết thì phải phạt không ai đứng ngồi mấy người ấy.

Điều thứ 106: Trong làng người nào văn tự Tây, Nam thi đỗ được là người khoa mục triều đình thì làm tiên chỉ, nghĩa là chủ tế tả văn, ví bằng người tiên chỉ làm quan vắng thì bầu người đại tế thay quyền tế tự. Như có dùng chức sắc thì người nào có phẩm hàm thì làm, chưa có hạng người ấy chọn trong làng hội đồng kỳ dịch hoặc tổng lý kỳ cựu hoặc người vị thứ bàn nhất, ai là người tử tế có học vấn có kiến thức không can án gì thì bầu làm chức ấy. Khi tế tự kính biếu tiên chỉ và các người vị thứ trong làng chỉ có phù lưu mà thôi.

Điều thứ 107: Ai được sống lâu từ 90 tuổi giở lên hội đồng trích của công mang một cái mũ bằng vóc, một cái áo lụa đỏ rộng tay gọi là để kính biếu kính thọ.

Điều thứ 108: Mỗi một năm tháng mười một và tháng hai

(thiếu điều 108 đến điều 112)

Điều thứ 113: Ai làm lý dịch không được mãn lệ từ dịch mà xin vọng vị thứ kỳ mục tiền vọng 10,00$ định mục vọng 7 đồng phù lưu lí phẩm theo người trước.

Điều thứ 114: Ai có vị thế mà không có văn tự thì không được dự hội và ngồi đình nói hát. Lệ vọng tư văn 1,00$, phù lưu 50 khẩu.

Thứ vị trong làng

Điều thứ 115: Chiếu nhất khoa hoạn và lão bàn nhất chiếu nhì Hội đồng tam cửu, bát cửu phẩm chánh, phó tổng lý tân cựu, chiếu ba lão nhiêu dịch mục, hương sắc học sinh sơ đẳng tốt nghiệp, tư văn, chiếu tư chính đinh có chân đóng góp hương ẩm. Còn như những người phục tích chỉ có phần đóng góp sưu dịch, chứ không được dự việc làng.

Điều thứ 116: Vị thứ chiếu nào ngồi theo chiếu ấy. Khi lễ bái cũng vậy nếu ai trái phép Hội đồng phạt ngăn 0,20$ sung quĩ.

Điều thứ 117: Kể từ ngày đã được thi hành khoản ước này điều gì sai trái mới khoản ước này đều bỏ đi cả.

Điều thứ 118: Trong làng ai trái những khoản ước nói trên thì Hội đồng tùy tình nặng nhẹ mà phạt, nặng thì không cho dự đình trung tế tự một năm và truất ngôi thứ xuống một bản nhẹ thời không cho dự đình trung một năm mà thôi.

Điều thứ 119: Đệ niên tế thần xong Thủ quĩ, thư ký phải đem hương ước này đọc cho cả làng đàn ông đàn bà được biết mà tuân.

Điều thứ 120: Các điều trên này có khoản nào trái với nghị định quan thống sứ tháng tám năm 1921 thì bỏ đi theo như nghị định.

Thừa sao bản chính.

HƯƠNG ƯỚC LÀNG MỸ ĐỨC

Tổng Vinh An, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông

Phần thứ nhất: Chính trị

Hội đồng giáp biểu

Điều 1: Làng Mỹ Đức có 4 giáp là Tương Thuận, Tô Tiềm, Chung Thuận và Khâm Đức. Mỗi giáp cử một hay vài người ra thay mặt gọi là giáp biểu để trông coi việc làng.

Điều thứ 2: Cách thức bầu giáp biểu thì phải theo như nghị định của quan thống sứ ngày 25 Février 1937.

Điều thứ 3: Các khoản thưa kiện về việc hộ thì Sưu thuế được xét nghị, nếu đôi bên thỏa thuận thì sưu thuế lập biên bản để nộp lên quan sở tại để ghi vào sổ hòa giải. Nếu hòa giải được rồi mà sau này người nào còn thưa kiện về việc ấy nữa thì sẽ phải phạt 1,00$ để bỏ vào công quĩ làng xã.

Điều 4: Sưu thuế được phạt người làng và người ngụ phạm vào khoản lệ của làng từ 0,10$ giở lên cho đến 1,00$ là cùng, nhưng các điều phạm ấy là những điều không thuộc về các khoản kể ở điều 323 luật hình An Nam do Tòa án xét nghị. Số tiền phạt ấy phải nộp vào quĩ làng.

Điều 5: Khi nào quan trên đòi hỏi đến Sưu thuế điều gì thì cứ tính theo xa gần hết bao nhiêu lộ phí thì trích ở quĩ. Như từ làng đến huyện ly, hết 2 km được trích 0,20$, đến tỉnh Hà Đông hết 8km được tính 0,40$. Đi việc riêng thì không được tính tiền.

Điều 6: Khi nào có lệnh quan các tòa cần hỏi đến làng việc gì thì hội đồng cử một người đi với lý trưởng để tỏ ý kiến. Nếu quý quan có hỏi đến công việc có can thiệp đến hàng xã thì người lý trưởng và người thay mặt hội đồng không được tự quyết phải về lập Hội đồng bất thường bàn định rồi làm giấy trình quan sau.

Điều 7: Hàng xã chi cho Lý trưởng một năm là 25,00$ tiền lương để tính trừ các khoản lộ phí khác. Hàng xã không chi lương cho chánh phó sưu thuế, thư ký và thủ quĩ. Nhưng quĩ được rồi rào thì chỉ nên cho chánh hội 20,00$, phó hội 17 đồng, thư ký 12,00$, thủ quĩ 12,00$ và trưởng ba 12,00$ một năm là tiền phụ cấp trách nhiệm để trừ vào các khoản lộ phí khác.

Điều 8: Lý trưởng tiếp được bài chỉ thuế đinh thì phải tường Hội đồng ngay để đủ thì giờ bổ thuế cho dân biết để lo thuế. Còn thuế thổ trạch và môn bài khi nào nhận được những giấy má ấy thì phải đi thu trong ba tháng phải xong. Hễ thu được từ hàng chục giờ lên thì phải đem nộp tại huyện lấy biên lai chứ không được để lại những tiền thuế ấy để buôn bán hay là dùng để sinh tức là tư lợi để tránh khỏi sự bất ngờ có thể xảy ra được.

Thuế đinh điền đã có ngạch nhất định của nhà nước, hội đồng cứ theo trong bài chỉ với sổ điền mà bổ.

Điều 9: Trong sổ bổ thuế phải biên rõ người nào bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu đinh, sưu, thành tiền bao nhiêu phải kể rõ ràng không được làm hơn.

Điều 10: Khi Hội đồng đã ký nhận vào sổ bổ thuế rồi thì số tiền thuế ở giáp nào thì giáp biểu ở giáp ấy phải thu rõ cho đủ và giao lại cho Lý trưởng trước năm ngày lấy giấy biên lai để đến ngày thứ sau lý trưởng đệ trình kiểm, hễ giáp biểu và lý trưởng người nào làm sai nhầm đến nỗi thuế bị thiếu hay là bị mất thì người ấy phải bỏ tiền ra đến ngay cho kịp ngày bổ thuế của nhà nước đã ấn định.

Điều 11: Người nào thiếu sưu thuế thì Lý trưởng và hội đồng phải tìm phương pháp bách thúc bắt buộc người ấy phải nộp, nhược

bằng người thiếu thuế ấy không có thể nộp được thì người thân thuộc phải nộp thay.

Điều 12: Làng có hai điếm canh; 1 điếm ở đầu phố Khâm Thiên xã Mỹ Đức và 1 điếm ở trong chợ giữa làng. Tiền chi phí vào hai điếm ấy và các đồ phụ tùng cần thiết thì lấy tiền công quĩ để chi.

Điều 13: Tuần phải chia nhau từng canh và phải đi tuần cả chung quanh trong làng để ngăn cản việc trộm cướp, việc buôn bán lậu và việc phi pháp khác. Nếu người nào bỏ sơ khoáng mà xảy ra việc kể trên thì phải phạt 1,00$ để bỏ vào quĩ.

Điều 14: Người tuần nào bắt cứ ngày đêm bắt được kẻ trộm thì làng thưởng cho 1,00$, kẻ cướp thưởng cho năm đồng bạc.

Điều 15: Tuần phải chịu hết trách nhiệm về việc trộm cướp việc ẩu đả nhau và các việc đã kể trên ở trong làng, nếu nhà nào xảy ra bị việc trộm cướp kể trên vân vân, mà tuần không bắt được kẻ phạm hay có ý dung túng, hay có ý tỏ ra hiệu riêng gì cho kẻ gian được thoát thân thì cứ chiểu gia tài vật mất trộm và các vật hư hỏng thì phải đền tiền cho chủ sự. Khi trộm cướp và các việc phi pháp khác xảy ra mà tuần tráng đã hết sức chống cự để cố giữ lại mà không được thời không phải đền tiền.

Điều 16: Lý trưởng và hội đồng phải kiểm xét những người lạ mặt đến ngụ ở làng. Những người nào không có thẻ tùy thân trì giấu ngón tay mình và căn cước đáng nghi thì bắt giải trình quan sở tại.

Điều 17: Những tuần tráng phải theo quyền phép Hội đồng và Lý trưởng cùng chức dịch. Những người đến ngụ ở làng để buôn bán thì phải nộp 0,30$, phải trình lý trưởng và hội đồng để ghi tên vào sổ ngụ. Nếu người nào đến ngụ ở làng và người có nhà cho trú ngụ mà không tường lý trưởng và hội đồng ngay, nếu có bị mất trộm hay việc khác thì những người không đi trình phải chịu trách nhiệm, tuần tráng không phải bồi thường vật mất trộm ấy. Người ngụ hay là chủ không trình lại còn phải phạt 1,00$ nữa bỏ vào công quĩ về tội không tường hội đồng và lý trưởng.

Điều 18: Gặp lúc cần cấp; như hồng thủy trường đất, cướp bóc, hỏa tai và các việc khác có thể cho là tai nạn được thì giai từ 18 tuổi giở lên kể cả ngụ, nghe thấy hiệu trống và tù và báo hiệu rất gấp đều phải ra cứu ứng ngay lập tức, chỉ trừ những người già yếu và đi vắng. Nếu sau xét ra thấy những người khỏe mạnh nghe thấy hiệu lệnh cấp báo rõ ràng mà không chịu ra giúp đỡ hay là có ý lẩn lút viện những lẽ không được chính đáng thì phải phạt từ 0,20$ đến 0,50$ về tội bất năng phó cứu, tiền phạt ấy bỏ vào công quĩ.

Điều 19: Người nào vì việc cấp cứu mà bị thương thì làng cho tiền chữa thuốc, bị trong thương thì làng cấp cho 10,00$ là cùng, nếu bị tàn tật bất cử thì lại còn được trừ sưu thuế tạp dịch mãn đại. Nếu người ấy bị thiệt mạng mà có con giai thì làng cho người ấy được trừ tuần tráng mãn đại. Nếu người ngụ bị thương thì làng cũng chỉ cho 10,00$ thôi, nếu mà chết thì làng phải đi đưa đám.

Điều 20: Trong làng phải giữ gìn thế nào cho được vệ sinh chung, không ai được làm việc gì có hại đến sức khỏe của mọi người.

Điều 21: Hội đồng và lý dịch bắt người làng và người ngụ phải giữ gìn nhà riêng, đường chung và đường của các xóm lúc nào cũng phải sạch sẽ.

Điều 22: Cấm ngặt những người ở hai bên vệ đường chung và đường của các xóm không được đổ rác hay là các vật gì khác làm ngăn tắc ngòi nước chảy ụ lại thành bẩn thỉu, nếu người nào không tuân thì phải phạt từ 0,20$ cho đến 0,50$ để bỏ vào công quĩ.

Điều 23: Khi trong làng có phát những chứng bệnh có thể truyền nhiễm được thì lý trưởng hay là hội đồng phải trình quan ngay xin thầy thuốc về chữa.

Điều 24: Những đồ dùng của người ốm về bệnh truyền nhiễm thì phải đốt ngay đã chứ không được vứt xuống hồ ao nào cả hay là chỗ nào có thể sinh ra bệnh được; những chuồng lợn, chậu bò và chuồng vệ sinh làm gần bờ hồ và hai bên đường thì tinh cấm ngặt, nếu người nào phạm phải thì phải phạt từ 0,30$ đến 0,50$ để bỏ vào công quĩ.

Điều 25: Hội đồng và lý trưởng phải trông coi đường sá, cầu cống cho được vững bền bằng phẳng sạch sẽ nếu ai làm hư hỏng thì phải sửa chữa đền ngay lại cho cẩn thận, nếu không tuân phải tu bổ lại hết bao nhiêu phí tổn phải nộp ngay cho làng số tiền phí tổn ấy và còn phải phạt thêm 1,00$ nữa để bỏ vào công quĩy. Còn những ngòi nước và rãnh nước vẫn dùng để cho nước chẩy do người làm ra hay tự nhiên nếu người nào ngăn cấm lại để có ý lợi riêng hay dùng cách gì để nước bẩn bị ứ lại làm mất vệ sinh chung thì phải phạt 1,00$ bỏ vào quĩ.

Điều 26: Trong vụ mưa nhiều nước ứ lên không tiêu kịp có thiệt hại đến mùa màng và vệ sinh chung thì phải thêm rãnh cho nước chảy hết ngay, giữ nước mưa ấy có phải chảy qua ruộng đất của người nào thì người ấy cũng sẵn lòng ưng thuận cho việc công ích.

Điều 27: Cấm ngặt không được người nào thả trâu, bò, lợn, gà vịt hay là giống gì khác có thể phá hại hoa màu giống ở các ruộng nếu không tuân thì phải phạt 1,00$ để nộp vào công quĩ và còn phải đền về sự thiệt hại về hoa màu cho người chủ nữa.

Điều 28: Khi làng có muốn bán động sản hay là bất động sản lấy tiền để làm việc công ích, thì hội đồng và kỳ dịch phải để đơn xin phép quan trên có cho phép thì mới được bán thì bán đấu giá kín, việc bán này phải yết thị tại công sở cho mọi người biết trước mười ngày kể từ ngày niêm yết.

Điều 29: Người nào bỏ giá cao thời được, nhưng hội đồng và kỳ dịch phải làm biên bản và các giấy má về việc bán đấu giá đúng lẽ đính theo trình quan sở tại bẩm lên quan tỉnh duyệt y rồi thì thụ vụ án ấy mới có giá trị.

Điều 30: Khi nào có các quý quan khách đến làng hỏi han điều gì thì tuần phải đi báo ngay hội đồng hay là Lý trưởng ra ứng tiếp và giúp đỡ mọi việc cho được chu đáo.

Điều 31: Trong làng hễ người nào có con lên tám tuổi giở lên thì phải cho đi học kể cả con giai và con gái.

Điều 32: Làng chỉ cho người có thẻ tùy thân hay là giấy căn cước mà có nghề nghiệp chính đáng thì mới được ở ngụ, còn những người nào khác cũng có thẻ tùy thân và căn cước chưa tìm được công nghệ gì rõ ra là lương thiện cũng được ở ngụ, nhưng người chủ có nhà cho thuê hay là anh em bạn phải bảo lãnh.

Điều 33: Người nào có gia sản ở làng thì phải nộp 1,00$ bạc là tiền tuần phòng một năm để bỏ vào công quĩ.

Điều 34: Trừ ra những người trú ngụ tạm thời độ một tuần lễ không kể, còn người nào có gia sản ở làng thì phải chịu hết trách nhiệm canh phòng với làng để giữ việc trị an chung.

Điều 35: Trong một năm thì có hai ngày lễ chính tế thần: là 12 tháng hai và 12 tháng tám. Ngày 11 là ngày hết thời sửa lễ tam sinh một chai rượu, vàng hương, giầu cau. Ngày chính là ngày 12 thì sửa lễ một con lợn đáng giá 6,00$, một mâm xôi đáng giá 2,00$, hai chai rượu, vàng hương, nếu và giầu cau các quan viên ở ban thủ từ phải đi mua lợn và sắm sửa các lễ vật cho chu tất. Ngày mồng một tháng Tư cũng sửa lễ tam sinh vàng hương và giầu cau, rượu. Khi làm lễ xong rồi thì những lễ vật ấy mang về nhà đương cai chia phần. Ngày mồng một, mồng hai và mồng ba tết thì thủ từ chỉ phải đèn hương giầu cau thôi.

Điều 36: Việc chủ tế tả văn là phận sự viên nào phẩm hàm cao hơn nhất hay là viên có văn học hơn nhất mà không được nhờ người khác, nếu những chức ấy không kham được thời chủ tế về việc thủ chỉ tả văn thì viên nào có học thức, nếu một người quyền hai chức ấy thì dân chỉ biếu cau thôi.

Điều 37: Trong làng con giai lấy vợ, con gái lấy chồng không được bày ra việc ăn uống vì tổn hại nhiều vô ích. Lệ cheo nội là 0,50$, cheo ngoại là 1,00$ bỏ vào công quĩ.

Điều 38: Nhà hiếu chủ không phải làm cỗ mời khách hay là mời làng, chỉ phải giầu nước không thôi, làng đi đưa đám xong thì người nào về nhà người ấy.

Điều 39: Tang chủ muốn để danh dự cho người chết mà nộp một món tiền kỷ niệm vào công quĩ làng thời làng cũng nhận món tiền ấy, nhiều ít tùy tang gia, chứ làng không bắt buộc.

Điều 40: Khi nào nhà nước có giấy sức gọi lính thời hội đồng và lý trưởng xét xem nhà nào có nhiều anh em thời gọi trước, ít người gọi sau, người nào mà hội đồng và lý trưởng đã tuyển gọi đúng lẽ định chọn tránh để khỏi trúng tuyển thời phải phạt 1,00$ và lại còn phải đi tuyển nữa. Những người đi lính mãn khóa mà làng cắt ra khi về thì được đổi hàng kỳ mục, được trừ tuần tráng và tạp dịch. Những người tự nguyện xin đi lính mộ, khi về làng thì chỉ được trừ tạp dịch không thôi. Những nhà độc đinh thì không phải tuyển.

Điều 41: Từ 18 tuổi giở lên đến 50 tuổi đều phải đi tráng cả. Chỉ trừ có những viên chức sắc, kỳ dịch, có bằng thành chung giở lên và những kỳ dịch được trừ dịch và những người có chức phận làm việc ở làng được mãn khóa. Những chức dịch nào bị khiển trách và bị bãi dịch thì phải thu dịch như tráng làng.

Điều 42: Trong làng người nào nuôi trâu bò muốn bán đi thời phải trình hội đồng và lý trưởng mỗi con phải nộp 0,10$ bỏ vào công quĩ.

Điều 43: Các kiểu trống và tù và. Trống đánh họp đại hội đồng và tiểu hội đồng thời đánh ba hồi, sau 3 tiếng, trống gọi tuần chập tối thì đánh một hồi, sau 3 tiếng, trống báo hiệu cấp cứu thì đánh 5 tiếng một rất gấp luôn luôn (trống ngũ liên), trống cầm canh ban đêm thì cứ cách 15 phút đồng hồ thì đánh ba tiếng cách quãng đều nhau và khoan thai. Tiếng tù và cầm canh và đi tuần trong làng thì thổi hai hồi cho đều nhau và khoan thai. Tiếng tù và báo hiệu cướp trộm hỏa hoạn thì thổi ba tiếng trước ngắn và gấp tiếng sau thì dài cứ thế mà thổi luôn luôn.

Điều 44: Sổ cải lương hương ước này do hội đồng cùng đồng ý với các kỳ lão, chức sắc và đồng dân theo nghị định của quan thống sứ ngày 25 Février 1927 mang so sánh với Hương ước cũ châm chước

theo thời nghi và sau có muốn sửa đổi lại và muốn phụ khuyến thêm những điều hay, thời hội đồng có được thỏa thuận với đồng dân thì phải xin phép quan trên có cho thì mới sửa đổi được.

Điều 45: Khi nào sổ hương ước này được quan trên duyệt y thì phải đem tuyên bố tại đình trung để đồng dân nghe rõ ràng để thi hành.

Làm tại làng Mỹ Đức ngày mồng bảy tháng ba năm một nghìn chín trăm ba mươi bảy tức là ngày 25 tháng giêng năm Bảo Đại thứ 13.

Le Lý trưởng	Le Chánh hội
Signé: Nguyễn Trọng Cử	Signé: Nguyễn Lân

HƯƠNG ƯỚC LÀNG AN HÒA

Tổng An Hạ, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông

Vua Khải Định năm thứ tư tháng chín, ngày hai mươi.

Chúng tôi là Kỳ lý làng An Hòa, tổng An Hạ; huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông, bẩm lạy quan Tổng đốc đại thần, đại nhân làm ơn cải lương cho làng chúng tôi, một việc như sau này:

Nguyên trộm nghĩ, trong làng có khoản ước, cũng như nhà nước có luật lệ.

Làng chúng tôi, xưa nay, việc gì cũng chỉ lệ miệng thôi, không có nhất định. Vậy nên, chúng tôi hội họp bàn định chỉnh trị, tục lệ mọi điều cho được hợp thời, tiện dân.

Chúng tôi bẩm lạy quan lớn, làm ơn cho làng chúng tôi được phép thi hành các điều lệ trong sổ cải lương này, tả thành bốn bản: một bản đệ tỉnh, một bản đệ huyện, một bản giao chánh hội đồng, một bản giao Lý trưởng lâm sự thi hành cho thành khoán ước về sau.

Nay lạy bẩm.

Kê:

Phần I
Chính trị

1) Trong làng hội chọn:

a) Một người danh vọng, bản làm nghị trưởng, cầm quyền chi tiêu các món tiền của dân.

b) Một người giàu có làm thủ quĩ, để giữ tiền bạc cho được cẩn thận.

c) Một người thông thái làm thư ký để biên sổ chi tiêu, mọi món cho khỏi nhầm lẫn.

d) Và bầu mỗi họ một người tộc biểu, cùng với Lý dịch, mỗi tháng hai kỳ sóc vọng, tùy nghị trưởng, đến đình để bàn định những việc công ích trong làng cho được công bình, thỏa đáng.

Hễ ai, trong hội đồng gian tham tiền bạc của dân, hay là nhầm lẫn đến khi đồng dân tỉnh sổ, xét ra mà thiếu cùng là nhầm lẫn, thì hội đồng phải đền y số.

2) Mỗi tháng, hai kỳ sóc vọng, trích bạc công (...), giao thủ từ biện phù lưu lễ yết. Đệ niên cấp lương cho nghị trưởng, thủ quĩ, thư ký mỗi người (...) và cấp cho các tộc biểu, mỗi người (...) gọi là tuế bổng. Lại cấp cho thư ký (...) nút chỉ.

Người nào đi làm việc quan: lên huyện (...), lên tỉnh (...); việc nhỏ nhặt trong một ngày xong, việc to tát phải lập hội đồng ngay, để bàn định, không được tự tiện.

Còn niên hạn các nghị trưởng, thủ quĩ, thư ký, tộc biểu, ba năm là một khóa, nếu ai có sự gì tốt, đăng khóa nữa cũng được.

3) Dân trích 6 mẫu ruộng công để cấp lương lính. Dẫu bao nhiêu lính cũng có số ruộng ấy thôi. Khi nào, Lý trưởng tiếp giấy sức bắt lính, phải lập hội đồng ngay để cắt lính. Nhà nào con một, muốn đi phải làm giấy tình nguyện. Khi cắt xong rồi, thời giao Lý trưởng dẫn trình. Hậu giảm bổ cho Lý trưởng mỗi tên là (...). Còn như sức (...) thời cấp cho mỗi tên (...). Số tiền cấp ấy chia làm tám giáp. Giáp nào phải chịu bao nhiêu, thời phải đi thu ngay, giao cho Lý trưởng nếu chậm, hoặc thiếu, thời giáp ấy phải phạt (...) để sung công.

4) Hễ quan sức Lý trưởng lĩnh chỉ bài thuế, phải tường nghị trưởng lập hội đồng định ngày bổ thuế. Các giáp trưởng biện lễ, giá đáng (...), (...) đồng dân đến đình làm lễ bổ thuế. Xong rồi, phải làm ba bản sổ bài bổ, giao Lý trưởng đệ trình, chiểu tiền ấy, giáp nào chịu

bao nhiêu, thời giáp trưởng phải đi thu ngay, giao cho Lý trưởng mà lấy giấy biên lại. Nếu giáp nào chậm thiếu đến ngày kiểm bạc, Lý trưởng trình nghị trưởng, hội đồng ngay, bắt huynh thứ trong giáp ấy phải bồi cho đủ.

5) Thừa sức dụng tu sổ đinh, điền, thổ Lý trưởng lĩnh khoán thức về, thời phải lập ngay hội đồng, xét trong làng hễ ai đến tuổi thời vào sổ. Sổ ấy giao cho Lý trưởng dụng tu minh bạch. Dân bổ cho (...), chia làm tám giáp. Giáp nào chịu bao nhiêu, chia ra cũng thế.

Bằng giáp nào ngang ngạnh, Lý dịch trình hội đồng nghị phạt (...), mà kỷ phần giáp ấy phải làm xong, không được trì chậm.

6) Sổ sinh tử giá thú; mọi việc trong làng, ai đẻ, ai lấy vợ, ai lấy chồng và ai chết, cứ sóc vọng đến đình tường với Lý trưởng, để vào sổ. Nếu ai không chịu đến, để chậm kỳ khai mà phải cho người đi gọi, thời người chủ ấy, phải phạt (...) sung công.

7) Phàm những người nghị trưởng, thư ký, thủ quĩ, tộc biểu, bất (...) có việc quan cần, hoặc (...) Nam quan đến làng đòi hỏi việc gì, Lý dịch cho mời phải ra ngay, tùy cơ ứng tiếp. Nếu không ra mà nhỡ việc gì, quan trên phạt bao nhiêu thời người ấy phải chịu.

8) Cấm việc gian lậu trong làng. Hễ ai phạm điều quốc cấm, như rượu lậu, thuốc phiện lậu, cùng cờ bạc, v,v. Lý trưởng hội đồng bắt được quả tang, giải nộp quan trên nghị phạt bao nhiêu, người ấy phải chịu về dân lại phạt (...) sung công, để răn người khác.

9) Ở trong làng, cùng ngoài phố, nhà ai có khách lạ, thời phải tường Lý dịch, tuần phiên và người chủ ấy phải xem người khách có giấy tùy thân mới được chứa. Bằng ẩn lậu, lý dịch, tuần phiên xét biết người khách là gian, thời người chủ phải phạt (...) để sung công, còn khách bắt mang giải nộp.

10) Trong làng, cấm đi khuya, hễ ai không phải đương thứ, chức dịch, hạn từ 11 giờ, mà đi không có đèn lửa, tuần phiên bắt được, xét ra là người gian phải phạt (...) để sung công; còn như tuần phiên bắt được

kẻ trộm quả tang, thì giao cho Lý trưởng; hội đồng xét nghĩ. Còn như trộm vặt, con gà, con chó, buồng cau, nải chuối, con cá, lá rau, cái măng, cành củi, mọi nhẽ, con cự cha, vợ cự chồng, phải phạt (...) sung công.

11) Trong làng, hễ ai thưa kiện nhau việc gì, thời phải tường lý dịch, hội đồng xét xử, phân nhẽ phải trái, nếu không xong, Lý dịch, Hội đồng lập biên bản đệ trình quan trên xử khác thì thôi, nếu xử cũng (...) dân phạt người trái thêm (...) để sung công.

12) Tháng ba, Lý dịch, hội đồng cho mõ rao, nhà nào cũng phải quét vôi trắng trong nhà, ngoài ngõ và quét dọn chuồng trâu bò, gà lợn sạch cho khỏi truyền nhiễm lệ khí. Ai có các giống ấy để phá hoại hoa mầu, người ta cùng cây cối ven đường Lý trưởng tuần phiên bắt được phạt (...). Người không chịu quét dọn cũng phạt (...).

13) Trong làng bị trộm cướp, hoặc hỏa hoạn, hô hoán lên, Lý dịch, tuần phiên phát hiện đến cứu, người trong xóm ai ai cũng phải đến cả. Nếu ai ở nhà không đến, xét ra không có duyên cớ gì mà không (...) thực là người gian, phạt (...) sung công. Hễ ai đến cứu, ngộ bị thương, dân trích bạc công (...) để chữa bệnh. Nếu chết, cấp cho (...) để làm ma và cho một tên thử vị, lại cho tuần phiên (...) để đưa ma người ấy cho được trọng thể.

14) Trong làng, hễ ai có con giai, phải dạy bảo, làm ăn tử tế, không được dung túng chè rượu, chơi bời sinh ra trộm cướp hay là hiểm thù ai, mà đón đường cố hại người ta, cùng là phá hại mồ mả, hay là ăn trộm, cửa đình, cửa miếu, cùng làm ô uế mọi nơi. Lý dịch, hội đồng xét ra quả tang, bắt ngay giải nộp. Còn ai đánh nhau, chửi nhau, kêu làng nước, tuần phiên nghe tiếng chạy đến phát hiệu, giữ cả hai bên trừ có trọng thương, Lý dịch trình khám, nếu khinh thường, Lý dịch, Hội đồng, nghị xử bên nào trái phạt (...) sung công, nếu không chịu bắt mang giải nộp.

15) Ngày mùng tám, mùng chín tháng giêng, Lý dịch, hội đồng cho mõ rao. Đường ngang ngõ tắt, xứ nào khuyết ...., thời xóm ấy phải

sửa sang cho rộng rãi: đường công rộng 6 thước, đường tư rộng bốn thước. Ai xâm chiếm lý dịch Hội đồng xét thực, đất công phải giả và phạt 1,00$ để răn kẻ khác.

16) Mùng một tháng tám cắt tuần lý dịch, Hội đồng phải chọn lấy 6 người tráng kiện và một người thủ phiên, để canh phòng điếm sở trong làng ngoài đồng, đắp đê giữ nước. Đến mùa gặt các chủ điền phải nộp lúa sương, mỗi sào 6 nắm cho tuần gọi là thuế bổng tháng chạp, nhà to được thu 0,10$, nhà nhỏ 0,05$, trâu 0,30$, bò 0,20$. Nếu canh phòng không cẩn thận trong làng, ngoài đồng, ai thất thác gì, xuyên tường, tạc bích quả tang, tuần phiên phải đền y số. Nếu người chủ vu trả ra, trình Hội đồng xét thực, phải phạt 1,00$ sung công.

17) Tuần điếm tổng và trùng cờ tạp dịch cứ 49 tuổi giở xuống phải đi. Trừ người tân, cựu, chức dịch, lý phó tăng, điển văn, khoá sinh, tuyển sinh có văn bằng, lại có thứ vị, nộp 2,00$ mới được trừ, chưa có thứ vị thời nộp 17 đồng mới được trừ. Phó lý hương trưởng cứ tuần mà gọi không được lẫn lộn. Người nào đến lượt mà ngang ngạnh không đi, nghị phạt 0,50$. Phó lý gian lậu cũng phạt 0,50$. Đến kỳ bổ thuế dân cho Lý trưởng 20,00$ văng phí và 5,00$ khai bảo quanh năm, phó lý 3,00$ và trừ cho hương trưởng một suất sưu, còn Lý trưởng luân thứ đến kỳ đương cai hàng tổng cho 10,00$ biện lễ.

Phần II
Tục lệ

1) Đệ niên Nguyên Đán, đồng dân để ruộng công một thửa, một sào mười thước, ở xứ cửa quán, giao thủ từ đình cày cấy để tu lễ ngày ấy. Còn mùng hai, mùng ba các miếu, tuỳ tình các giáp biện lễ. Đến ngày mùng sáu là tiết khai hạ, dân trích ba công 3,00$ giao cho Lý trưởng biện lễ.

Đến ngày mùng một tháng sáu hạ tuần, mùng một tháng bảy Thượng Điền, hai kỳ ấy, trích bạc công 6,00$ giao cho phó lý biện lễ. Các kỳ, cứ mang đến đình, cho mõ rao kỳ lão, lý dịch, ra đình làm lễ. Khi lễ xong cho kiến diện thụ phước, không kính biếu ai.

2) Ngày mùng một tháng hai, giao hội, trích bạc công 0,20$, biện phù lưu yết lễ, chỉ mõ rao mời chùm các giáp, Hội đồng, lý dịch đình tinh.

Định xong rồi, làm giấy niêm yết để cả làng đều biết.

Đến ngày 12, tế lễ ở đình, trừ tình các giáp biện lễ. Còn như bài tế, cứ các giáp, cứ lần lượt biện rượu một chai, pháo một bánh, bạch lạp một đôi, vàng đại ba trăm, trầm bạch một phong, giầu ăn một trăm. Đồ tế giáp ấy phải giữ, nếu thất thác thời phải đền. Còn như chủ tế, cứ khoa trường chiếu sắc, nếu chưa có thì cứ tự 60 tuổi giở lên và không có can khoản gì thời được vào chủ tế. Còn bồi tế, tân cựu, chức dịch cũng thế.

3) Mùng một tháng tư Kỳ Yên, trích bạc công 10,00$ và lý dịch Hội đồng đi khuyên duyên trong làng để tu lễ thêm.

Lễ xong rồi, kiến diện thụ phước.

4) Việc ky thần các miếu, giáp nào thờ miếu nào, ngày có ky, trong giáp ấy phải biện lễ. Còn giáp ngoại, tuỳ tình. Việc sang làng Yên Lãng tu lễ đức Hoàng đế, thời trích 1,00$ công giao lý trưởng biện lễ.

5) Việc phụng sự ở chùa Hoa Lăng. Nguyên dân có 5 mẫu ruộng ở chung quanh chùa ấy giao cho nhà sư cày cấy, đèn hương. Đồng niên có bốn ky, nhà sư phải biên lễ oản chuối cộng là 250 phẩm thì mùng mười tháng giêng 50 phẩm, mùng bẩy tháng ba 100 phẩm, mùng mười tháng tư 50 phẩm làm lễ, mang lên chùa, cho mõ rao, đồng dân yết lễ, thụ phước. Riêng kỳ mùng bẩy tháng ba kinh biếu mà thôi. Còn ba kỳ kiến diện thụ phước. Phụng sự ở chùa Báo Ân, dân trích một mẫu hai sào (ở xứ mả phóng một mẫu, ở xứ Lòng thuyền 2 sào) để nhà sư cày cấy, đèn hương quanh năm.

Còn đệ niên, hai kỳ ky quan tổn họ Đỗ, lý dịch cùng trưởng tám giáp biện lễ, tựa từ đường bái yết.

6) Bầu cử lý, phó trưởng trong làng khi nào thừa giấy sức cho mõ rao, kỳ lão, kỳ lý, nội tịnh, đình hạng, chọn người nào thuần cẩn,

hợp lễ thời dự bàn người ấy. Từ khi cống cử, các nội tịch, nhân đinh ở nhà đầu phiếu, xong rồi, không ăn uống gì. Hễ ai làm Lý trưởng phải nộp lệ ngay 30,00$. Dân trích 2,00$ kính giáp lão, 2,00$ kính về kỳ mục, 1,00$ về Hội đồng, 10,00$ về hội tịch đình, gọi là giầu nước, 5,00$ giao cho người ấy để biện lễ, 10,00$ sung công.

Người nào làm phó lý phải nộp 20,00$. Dân trích để tiền giáp lão, kỳ mục, Hội đồng cũng thế, chia về nội tịch 5,00$ là tiền giầu nước, 5,00$ giao cho người ấy, biện lễ và 5,00$ sung công. Làm hương trưởng nộp 10,00$ làm thủ khoán nộp 6,00$, một nửa sung công, một nửa giao cho người ấy biện lễ. Hễ ai thông thái, dân bầu làm điển văn nộp 5,00$, còn biện lễ tuỳ tình. Cứ ngày công cử lý phó trưởng, phải cho tuần phiên 2,00$ tiền giầu nước.

7) Việc thu cheo người nào có con gái gả chồng, ngày sóc vọng đến đình trình Lý trưởng Hội đồng, trước ba phải nộp 2,00$. Lấy chồng làng khác 2,00$ và trong bản giáp cũng thế. Còn như người nào không chồng mà chửa phải nộp 2,00$, gọi là cheo ngọn cỏ, để cho người ấy cứ ở nhà sinh nở, Lý trưởng tuần phiên không được bắt.

8) Hễ ai đến 50 tuổi, phải nộp 1,00$ mới được trừ tạp dịch. Còn những người đã làm viên quan thời không phải nộp.

Ai đến 60 tuổi phải nộp 2,00$, trong giáp ấy cũng thế.

9) Việc ký táng, người làng khác đến chôn nhờ địa phận phải có giấy xin phép nhưng phải biện lễ xôi thủ nộp lệ trước cát táng 3,00$, hung táng 5,00$. Người nào đi lấy chồng làng khác, không có con và người nào có bố mẹ vợ, ở làng khác mà chôn nhờ thời nộp 1,00$. Ai nhờ ruộng tư, đôi bên tuỳ tình. Hễ ai ký hậu ở chùa, người chủ nói khi nhà sư thế nào, thời dân không biết, nhưng nộp tiền mỗi hậu 1,00$ dựng bia 2,00$. Người làng khác, nộp gấp đôi. Còn người ký táng thời phải nộp lệ tuần 1,00$ gọi là tiền khoán.

10) Trong làng, hễ ai chết, trong 24 giờ phải đem chôn ngay cho khỏi truyền nhiễm ai mời được bản giáp đưa ..... về nộp lệ 1,00$.

Khi mời hàng giáp phải biện giầu 100, nộp hàng giáp cắt giai và nộp lệ đâu cũng thế. Khi chôn xong rồi tuỳ tình gia chủ bản giáp không được sách nhiễu.

11) Hễ ai có công việc gì, kỳ mục, lý dịch, không được sách nhiễu thuốc phiện.

12) Việc tế lễ ở đình, cứ ba bận chiếu, chiếu trên, chiếu giữa, tân cựu chức dịch, văn hội, các sắc binh cùng người 50 tuổi, chiếu dưới toàn thị đình hạng. Nếu người nào việt phân, những người say rượu nói huyên hoa ở đình sở, thời phải rượu một chai, giầu 100, tạ thần tạ dân. Nếu sau lại thế, phạt bội nhị.

13) Việc ngôi thứ trong làng. Hễ ai làm lý, phó trưởng, điển văn, hương trưởng, thủ khoán mà được ba năm trở ra cùng mấy người lính mãn khoá được dự hàng kỳ mục. Còn tuyển khoá sinh có văn bằng, có thứ vị được dự hàng kỳ mục, những nộp lễ 1,00$ đi sung công.

14) Nguyên dân có 4 mẫu ruộng công, cứ đến rằm tháng giêng dân bán thuế tiền để sung công.

15) Việc kinh biếu – văn quan tự tú tài giở lên, ... quan tự lục phẩm giở lên dân trích ruộng công 5 sào để biếu các bậc ấy, dẫu nhiều ít cũng có thế thôi. Đến kỳ 12 tháng hai, dân biếu mỗi viên ấy, oản 10 phẩm. Còn như thất, bát cửu phẩm, mỗi viên 5 phẩm. Còn lão nhiêu, lý dịch, Hội đồng điển văn, tư văn, ưng tế, cùng các sắc binh tại ngũ, mỗi viên một phần.

16) Hễ trong làng có việc gì mà tiêu đến tiền, ai muốn mua Lý trưởng tăng mà có thứ vị rồi, thời phải 45,00$, chưa có thời phải 60 đồng, mua phó lý ..... có thứ vị thời phải 30,00$, chưa có thứ vị phải 45,00$, vọng tư văn thời 3,00$ chưa có thứ vị thời phải 18,00$.

Nhưng các người ấy phải biện lễ xôi thủ, phiến người tuỳ tình mà biện lễ. Ai muốn thứ vị thời phải 15,00$.

17) Hễ ai được chức văn quan, võ quan phải biên lễ xôi thủ nhất bàn, đến đình sở bái yết. Xong rồi, kinh biên đồng dân thụ phước. Lại

phải nộp bạc 5,00$. Thất, bát cửu phẩm, các chức ấy thời phải biện lễ như thể, tiền không phải nộp.

18) Nói về đất công, ruộng công, giang ..... địa phận. Hễ dân có bán thuê cho ai tự bao giờ đến bao giờ, thời lý dịch Hội đồng vào sổ nhật ký. Đáng bao nhiêu tiền, thời phải vào sổ, biện cho minh bạch. Hễ văn tự đổ tây giam phạm,..... làm nhiều, thời đồng dân xét thực, người làm gian ấy phải phạt mỗi người 0,50$. Quyền chủ mua mất tiền mua ấy.

19) Hễ ai phạm vào hai mục trên này phải phạt ngang ngạnh không chịu nộp tiền phạt, giải trình quan trên nghị xử.

Còn về dân có công việc gì, không được dự vào tế lễ, mà dân không ai ngồi với người ấy.

Trong sổ cải lương này, chính trị cùng tục lệ, cộng là 36 điều.

Dân chúng tôi đã tuân lệnh thi hành từ sau trở đi, hoặc có điều gì, nên tăng hay là nên giảm, cho được phương tiện hơn, thời dân chúng tôi xin kê trình, định về sau này.

Nay thừa lập sổ cải lương.

Thừa sao y bản chính

An Hoà le 8 Aout 1942

Le Tiên chỉ

Nguyễn Văn Lự

HƯƠNG ƯỚC LÀNG TÂY HỒ

Tổng Thượng, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông

Chủ ý cải lương

Khoán ước của làng lưu truyền từ xưa hoặc chỉ khẩu truyền mà không có minh văn hoặc có minh văn mà không hợp thời thế. Bởi vậy cần nên cải lương suy xét (...) khoản lệ thủa trước điều nào hại thời đổi, điều nào lợi thời theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh, dân làng có trình tự sau sẽ có trình độ tiến hóa mà bãi bổ nhiêm.

Phần thứ nhất: Nói về chính trị

Tổ chức hội đồng tộc biểu

Điều thứ 1: Các họ họp lại mà thành một làng bởi thế việc làng được các họ cử người thay mặt để mà trông nom gọi là tộc biểu.

Điều thứ 2: Theo số người trong họ mà cử họ nhớn cắt hai người họ nhỏ cắt một người, họ nhỏ quá chỉ số ba suất thời hai ba họ cắt chung một người vậy làng ta cắt mười hai người.

Điều thứ 3: Tư cách tộc biểu là tuổi từ hai mươi nhăm giở lên thông thái, có gia sản không can phạt tộc biểu giữ việc ba năm làm một hạn.

Điều thứ 4: Hết hạn ba năm cắt lại một lần ai được tái cử thời lại được làm nữa, những người đương làm tộc biểu thời được trừ tạp dịch như là canh phòng trong làng, tu bổ đường sá vân vân, khi hết hạn

thì làng cho tiền viên mục hương sinh nếu người ấy có rồi thời nhận cho con hay là anh em cũng được nhưng phải tường Hội đồng tộc biểu phiếu biên lai cho làm bằng.

Điều thứ 5: Chức vụ tộc biểu là phát nghị và quyết định việc làng dựng sổ chi thu và kiểm soát sổ ấy.

Điều thứ 6: Các tộc biểu tự chọn một người trong ban làm hội trưởng và một người làm phó hội trưởng, khi có Hội đồng do hội trưởng bá cáo nếu hội trưởng ngăn trở việc gì phó hội trưởng bá cáo.

Điều thứ 7: Hội đồng lại bầu hai người trong ban một người thông hiểu thư toán làm thư ký để biên sổ sách và một người giàu có làm thủ quĩ để giữ tiền bạc.

Điều thứ 8: Nếu trong ban không thể bầu được thủ quĩ thời Hội đồng chọn người làng mà bầu, người được bầu làm thủ qũy ấy thời được quyền dự Hội đồng.

Điều thứ 9: Trừ ra khi có việc cần mở Hội đồng bất thường còn thời mỗi tháng ngày mùng một Hội đồng một lần để bàn việc làng, ai say rượu cấm không được dự Hội đồng.

Điều thứ 10: Được quá nửa người trong ban dự Hội đồng thời có thể bàn việc, xong thời phải giải tán ngay, không được ngồi sau mà bầy cuộc tửu phiếm.

Điều thứ 11: Hội đồng bàn việc gì thì phải làm giấy biên bản, tờ giấy biên bản ấy phải có chữ ký của những người hội viên hiện tại và phải để vào công hàm để mà lưu chiểu.

Điều thứ 12: Tộc biểu có bận không đến hội được phải có nhời cáo Hội đồng biết, nếu ai không có duyên cớ đích thực tự bỏ đến hai lần thời hội đồng phải bảo họ ấy cắt người khác thay.

Điều thứ 13: Đương lúc hội đồng nếu ai trong làng theo lễ phép mà hỏi việc gì thời hội đồng cũng phải theo lễ phép mà đáp một cách minh bạch cho người ta biết.

Điều thứ 14: Những việc Hội đồng bàn được quá nửa số người ỷ hợp thì đem thi hành nếu ỷ kiến không hợp thì phải bỏ phiếu, nhưng

một phiếu của hội trưởng được kể thành hai hoặc bằng cách giơ tay hoặc bầu bằng cách bỏ phiếu cũng phải bắt đầu tự họ nhỏ nhất bầu trước rồi dần dần đến tộc biểu họ to nhất là hết.

Điều thứ 15: Khi có lệnh quan tòa án hoặc quan cai trị cần hỏi đến làng thì Hội đồng tự chọn nhiều là hai người trong ban đi mấy lý trưởng.

Điều thứ 16: Trừ khi có lệnh quan trên cắt làm thời không kể, còn những khi quan đến hỏi ý kiến về những việc quan hệ và quyền lợi chung cả làng thời hai tộc biểu và lý trưởng không được tự quyết mà trình quan ngay, phải mở hội đồng tất được mọi người ý hợp rồi sẽ trình sau.

Điều thứ 17: Tộc biểu và lý trưởng vì việc làng mà phải đi xa trong năm cây số làng không phải chi tiền lộ phí quá số ấy làng chi mỗi ngày là 0,30$, lên tỉnh hạn cho hai ngày, lên huyện hạn cho một ngày là cùng.

Quan kỷ

Điều thứ 18: Tộc biểu nếu làm việc gì trái hương ước cả hội đồng hoặc họ nào trong làng giác ra thời chức sắc kỳ mục trong làng họp hội đồng mà cứu xử.

Hội đồng chức sắc kỳ lão nay có quyền quở trách hay là phạt tiền tự 1,00$ cho đến 10,00$ hay là không cho dự Hội đồng nữa. Người nào làm mất tư cách đã nói ở điều thứ ba hay làm tổn hại quyền lợi của làng thời Hội đồng chức sắc kỳ lão bãi chức người ấy nếu Hội đồng xử không xong hay người tộc biểu có lỗi không phục tình thời Hội đồng ấy sẽ làm biên bản trình quan.

Sổ chi thu

Điều thứ 19: Muốn cho trong làng chi tiêu có chừng mực để khỏi tổn dân thời phải làm sổ chi thu.

Điều thứ 20: Thường năm cứ mùng một tháng bảy tộc biểu hội đồng dự tính sang năm thu những gì, tiêu những tiền gì rồi làm thành

sổ cả Hội đồng ký xuất trình quan sở tại kiểm sát để tỉnh bẩm duyệt đến mùng một tháng mười mấy được thi hành.

Điều thứ 21: Sổ chi thu của làng do hội trưởng giữ, hội trưởng được quyền cho phép thu phát những khoản tiền đã dự định ở trong sổ.

Tiền thu

Điều thứ 22: Thủ quĩ nhận được tiền của ai nộp thời phải biên ngay vào sổ răng cưa và xé một nửa giao cho người nộp tiền làm biên lai, tiền nộp sẽ thuộc về khoản gì thời thư ký phải biên ngay vào sổ thu tiền ở khoản đã dự định cho thu tiền ấy.

Điều thứ 23: Ai nộp tiền rồi thời người nào không có thủ quĩ biên lai thời tiền ấy coi như chưa nộp.

Tiền chi

Điều thứ 24: Ngày nào tiêu việc gì thời ngày hôm ấy người thư ký phải biên vào sổ chi thu ở chương đã dành cho biên món tiền ấy.

Điều thứ 25: Làng có tiền bất thường các tộc biểu phải mở Hội đồng làm biên bản nói rõ vì cớ gì mà tiêu là bao nhiêu, biên bản ấy phải định ngày vào sổ chi tiêu những khoản chi tiêu bất thường quá số hai mươi đồng bạc thời những tờ biên bản ấy phải trình quan tỉnh duyệt y trước đã rồi mới được thi hành.

Điều thứ 26: Những món tiền thủ quĩ giao ra mà định có chữ hội trưởng thời không kể hễ hai đến lĩnh tiền thời thủ quĩ bắt người lĩnh tiền ấy giao cho cái phải lai xé ở sổ răng cưa ra và do chữ trưởng hội ký hay là điểm chỉ của người lĩnh tiền ấy, cứ cuối tháng Hội đồng kiểm quĩ một lần và phải làm một tờ biên bản.

Điều thứ 27: Hết năm thời hội đồng tính sổ tiền thực thu vào là bao nhiêu, tiền chi là bao nhiêu, tiền còn lại là bao nhiêu yết thị ở đình ít ra một tháng để đồng dân cùng biết hễ khi yết thị phải cho mõ đi rao.

Điều thứ 28: Chi tiêu không được quá số dự định và phải cho rất tiết kiệm để cho tiền công còn thừa để làm tiền lưu trữ.

Điều thứ 29: Món tiền lưu trữ ấy làng dùng làm việc sinh lợi hay là để chi tiêu việc bất thường.

Điều thứ 30: Nếu làng đem tiền ấy cho vay thời lấy lợi ba phần mà thôi, thời những người vay phải cầm điền sản làm tin nếu không cầm thời không được vay.

Điều thứ 31: Những điền sản cầm cho làng đáng mười phần chỉ cầm được ba phần.

Điều thứ 32: Hội đồng định cho ai vay phải làm biên bản và bảo người vay tiền phải viết văn tự, văn tự ấy phải trước bạ, biên bản giao cho hội trưởng giữ và văn tự thì thủ quĩ sẽ chiếu theo trong văn tự mà giao tiền cho người vay, ai vay tiền công hễ đến hạn thời phải trả...

(không đọc được)

... thư ký cứ mỗi năm cấp cho hội trưởng năm đồng bạc, phó hội trưởng 3,00$, thủ quĩ 3,00$, thư ký 3,00$.

Lý phó trưởng

Điều thứ 36: Lý trưởng là người thay mặt làng mà thừa hành việc quan phó lý là người giúp việc lý trưởng.

Điều thứ 37: Lý phó trưởng không có quyền tự ý quyết định việc làng phải theo ý chung của các tộc biểu.

Điều thứ 38: Lý phó trưởng là người hành chính trong làng đều được dự chân hội đồng trong làng có chánh phó tổng cũng vậy.

Điều thứ 39: Làng không có ruộng đồng thời cấp cho lý trưởng đồng niên hai mươi đồng bạc và phó lý đồng niên sáu đồng bạc để chi tiêu làm việc quan.

Điều thứ 40: Lý phó trưởng đã được tiền lương làng cấp thì khi đi việc quan một mình không được tính tiền phí tổn với làng.

Bổ sưu thuế

Điều thứ 41: Lý trưởng tiếp quan phát bài chỉ thuế về thời ra tường hội trưởng mở Hội đồng mà chiếu bổ.

Điều thứ 42: Sưu thuế đã có ngạch nhất định của làng nước Hội đồng cứ theo trong bài chỉ mà tính tiền thuế rồi tính số làng bao nhiêu suất, thời chiểu tiền thuế quân san cho điền thuế ruộng thì của ta cả lý trưởng cứ theo chiểu thuế điền mà thu đã còn phu canh cũng thế còn như thổ nguyên trước tục làng thuế thổ tính chung mấy thuế đinh không kể là nhiều thổ ít thổ bây giờ làng cũng công thuận nguyên như cũ.

Điều thứ 43: Trong sổ thuế biên rõ người nào bao nhiêu điền, thuế đinh bao nhiêu thành tiền không được hàm hỗn.

Điều thứ 44: Khi đã bổ xong làm bãi bổ hội đồng tộc biểu ký kết đã trình rồi, thời cho mõ đi rao cho làng biết thuế bổ và giao lý phó trưởng hành thu để đệ nạp.

Điều thứ 45: Làng không bổ tiền ngoại phí cho lý phó trưởng nữa vì làng đã cấp tiền có lệ nhất định.

Điều thứ 46: Những người thiếu thuế sưu lý phó trưởng chỉ nên trình quan cứu xử.

Điều thứ 47: Ngày hội bổ thuế không được bày ra ăn uống để làng phải đóng nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 48: Trong làng có ai kiện cáo về dân sự thương sự trước hết phải trình lý dịch hòa giải.

Điều thứ 49: Hội trưởng tiếp ai trình thời phải mở Hội đồng lấy nhẽ chính đáng và tình thân ái hòa giải cho hai bên nếu hòa giải xong thời theo kiểu trong luật làm hòa giải chứng thư giao lý trưởng trình quan sở tại biên sổ.

Điều thứ 50: Việc hòa giải không xong vì nguyên bị mà phải đi làm chứng trước tòa án thời người thưa kiện phải chịu phí tổn.

Điều thứ 51: Những việc hình sự dù không có hòa giải nhưng người đương sự cũng phải trình hội đồng biết.

Điều thứ 52: Hội đồng xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra, làm biên bản trình quan chứ không được bắt vạ hay là cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Canh trong làng

Điều thứ 53: Canh phòng để giữ tính mệnh tài sản cả làng thời hết thảy người làng cắt tự năm mươi tuổi đến mười tám tuổi đều phải chịu trách nhiệm chỉ trừ ra những lão hạng chức sắc kỳ mục, những người đương thứ làm tộc biểu và những người làm việc quan ở sở công có giấy sức miễn tạp dịch, những người nhất nhị trường, người lính mãn lệ, người đang đi học, người chưa đến tuổi và những người tật bệnh còn thôi cứ luân thứ mà cắt tuần, người nào đến lượt mình mà đi vắng thì có thể nhờ bà con bạn hữu đi thay cho hay là nộp cho làng đồng niên 8,00$ bạc để thuê người khác đi thay, hay làng lấy tiền ấy sung công chuẩn chứ cho một thủ thời cắt lui xuống người dưới.

Điều thứ 54: Những người đi tuần chia làm hai ban mỗi ban sáu người đồng niên là đi mười hai người, sáu người đi từ mùng mười tháng giêng cho đến mùng mười tháng bảy, sáu người đi từ mùng mười tháng bảy cho đến mùng mười tháng giêng sang năm sau, thời phải tùy tòng Hội đồng lý dịch làm việc dẫn và việc quan bất thường có việc gì cần cấp như thủy hỏa đạo tặc vân vân thời nghe hiểu lý dịch gọi phải ra đủ cả mười hai người nếu người nào đi vắng phải có người ra thay nếu không thì phạt 0,20$ lần thứ hai phải phạt bốn hào, tiền ấy sung công lệ làng cứ đến mùng bảy tháng giêng thời Hội đồng cả dân mang sổ ra cắt tuần.

Điều thứ 55: Những khi giới để canh của làng người nào thời người ấy sắm, người nào nhà nghèo không thể sắm được thời làng trích tiền công mà sắm cho nhưng hết hạn canh thì lại phải giao trả làng nếu mất thì người ấy phải đền.

Điều thứ 56: Làng có một cái điếm ở đầu làng để canh, ngày đêm nếu lúc hư nát thì trích tiền công mà chữa.

Điều thứ 57: Người phó lý phải cắt mỗi ngày một người tuần nhật để trông nom trong làng mà phụ việc dân việc quan cứ đến gần tối nổi hiệu trống gọi những người trong ban ra canh, cho dù ai phương trở phải mượn người thay nếu bỏ không canh thời hai lần đầu mỗi lần Hội đồng phạt 0,10$, lần thứ ba thời Hội đồng chiểu theo hương ước mà bắt phạt nặng.

Điều thứ 58: Ban canh thường đêm phải đi tuần luôn chung quanh làng cho trộm cướp khỏi vào.

Điều thứ 59: Ai bắt được kẻ trộm thời làng thưởng 1,00$, bắt được một đứa cướp làng thưởng 10,00$ nếu có trộm cướp không cự nổi thời phải nổi hiệu liên thanh cho làng ra cứu.

Điều thứ 60: Tuần phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng như trong làng có người nào mất trộm mà tuần không bắt được đứa phạm thời phải chiểu nhẽ phải ra thì phải đến như khi tuần đã hết sức cự không thể được thì không phải đền.

Điều thứ 61: Lý trưởng, phó lý thường kiểm soát những người lạ mặt vào làng nếu thấy người nào không có thẻ tùy thân và căn cước thời bắt giải quan xét nhà nào có khách lạ không trình mà lý dịch tuần phiên xét được thời phải phạt năm hào nếu người khách ấy thực là gian phi thời bắt giải nộp cả chủ nhà cũng thế.

Canh ngoài đồng

Điều thứ 62: Việc trương tuần thời giao cho Lý phó trưởng tuần tráng coi ngoài đồng do lý phó trưởng phải mộ bốn người.

Điều thứ 63: Tư cách những tuần canh ngoài đồng là người mạnh khỏe thực thà và có gia sản người nào mang tiếng bất hảo thì không được làm.

Điều thứ 64: Người đi tuần ngoài đồng phải theo quyền phép hội đồng tộc biểu và lý trưởng.

Điều thứ 65: Tuần coi các đường khuyến nông của làng hễ thấy ai làm hủy hoại thời phải tường Hội đồng xét thực phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 66: Tuần coi việc giữ nước và tháo nước những khi nên giữ nên tháo phải hỏi ý kiến hội đồng không được tự quyết.

Điều thứ 67: Những người nào tháo nước đánh cá làm ruộng bị cạn thời tuần phải bắt ngay giải Hội đồng xét phạt từ 0,20$ đến 1,00$ nếu tuần dung túng để nước ruộng cạn thời Hội đồng phạt tiền cũng như người phạm.

Điều thứ 68: Lúa má hoa màu ngoài đồng tuần phải trông đủ cho cẩn thận mất đâu tuần phải chiểu nguyên giá mà đền, nếu trâu bò ăn hại thời hội đồng phạt mỗi con 0,20$ mà phải chiểu lúa ăn hại mà đền cho người có của.

Điều thứ 69: Làng cấp tiền công cho tuần không kể nội canh ngoài phụ cứ mỗi mẫu lúa đồng niên nộp tám hào mẫu mẫu nộp 0,50$ tiền ấy chia làm hai thứ tháng năm thu một nửa tháng mười thu một nửa tiền ấy là thế cho lúa sương mà ngày trước tuần vẫn được thu để dành về sau hễ đến trước khi gặt lúa khi lấy hoa mẫu các điền chủ phải chiểu số ruộng mà nộp tiền trước cho thủ quĩ đã để thủ quĩ tính hơn lại rất (...) được bao nhiêu tiền trình mấy hội đồng rồi phạt cho tuần.

Sự cấp cứu

Điều thứ 70: Gặp lúc cần cấp như là nước nhớn, đê sạt hoặc lửa cháy nhà nào hoặc trộm cướp nhà nào trừ ra những người sáu mươi tuổi và người ốm còn người làng nghe hiệu đều phải lập tức đến cứu nếu ai biếng nhác không đến hội đồng (...).

(từ điều 71 đến điều 78 mờ không đọc được)

Điều thứ 79: Việc thủ lộ thời giao cho phó lý trông nom, đường sá cầu cống và đê điều thấy nơi nào bị hư hỏng phải trình hội đồng sửa lại đến như việc đê điều thời phó lý phải coi sóc để cho người và súc vật khỏi làm tổn hại đến đê, phải giữ những nơi hư hỏng lại phải giữ gìn cho kỳ lúc nào cũng được tốt. Khi có chỗ nào hư hỏng nhiều mà cần phải nhà nước tu bổ mấy được thời phó lý phải tường Hội đồng để trình quan.

Điều thứ 80: Đường sá chung cả làng thời làng trích công mà sửa hay là chia ra nhân suất chia ra trâu bò thời tùy hội đồng trù tính, còn hai bên đường có nhà ở cả địa phận ai người ấy phải quét tước sửa sang cho sạch sẽ nếu không làm, thời Hội đồng phạt 0,10$, còn các ngõ của nhà nào nhà ấy tu sửa.

Điều thứ 81: Ai làm việc riêng mà hại đến đường sá chung của làng thời phải bồi thường và phải phạt từ 0,20$ cho đến 1,00$.

Điều thứ 82: Ai cần thảo nước qua đường, trước phải trình Hội đồng biết thảo xong phải đắp lại đẹp để như cũ.

Sự vệ nông

Điều thứ 83: Thường năm tu bổ các đường khuyến nông và khai rãnh giãn các ngòi lạch giữ nước cho tiện việc làm ruộng thời điền hộ phải đóng tiền ra làm chủ không được lấy tiền công.

Điều thứ 84: Cấm không ai được vạc cỏ bờ ruộng mà không đắp lại để bờ lở dần đi, ai phạm hội đồng phạt 0,30$.

Điều thứ 85: Cấm không ai được đắp đất qua ngòi mà chắn cá, làm nước không thông, ai phạm, hội đồng phạt 0,30$.

(điều 86, 87 mờ không đọc được)

Các của công

Điều thứ 88: Đã gọi là của chung của làng thời người trong làng ai cũng có nghĩa vụ phải giữ, nếu ai làm tổn hại thời phải bồi thường.

Điều thứ 89: Khi làng có bán động sản hay là bất động sản thời Hội đồng phải cho đấu giá kín nhưng yết thị cho mọi người đều biết trước khi đấu giá mười ngày, ai muốn đấu giá thời phải nộp tiền án quĩ tạm nhưng phải tùy vật giá sẽ kỷ tiền như của một trăm bạc thời phải nộp án quĩ 10,00$, nếu mua cao mà bỏ không làm thời mất tiền án quĩ.

Điều thứ 90: Ai đấu giá cao thời được nhưng Hội đồng phải làm biên bản mà đinh theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Xét gian lậu

Điều thứ 91: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm như rượu lậu, thuốc phiện lậu và mở sòng đánh bạc lấy hổ thời Hội đồng phải khám xét luôn trong làng để trừ gian lậu.

Điều thứ 92: Ai có ý phạm cấm, Hội đồng không thể khuyên ngăn được thời Hội đồng bảo lý trưởng bắt tang vật, làm biên bản để giải quan trừng trị.

Điều thứ 93: Người nào phận ấy dù quan đã chiểu luật trị tội nhưng mất phong thể trong làng thời Hội đồng phạt không được dự đình trung trong một năm.

Sự giao thiệp

Điều thứ 94: Theo thói quen khi có quan khách đến làng chỉ lý trưởng ra ứng tiếp nếu đi vắng thì quan khách không biết hỏi ai như thế thời không tiện nay định giao việc ấy cho các người hội đồng.

Điều thứ 95: Không cứ quan Tây hay là quan ta, nếu ai đến làng thời tuần phải đi báo ngay những người có chân Hội đồng.

Điều thứ 96: Các người Hội đồng và chánh phó lý lấy lễ nghi chỉnh đáng mà tiếp tại sở công, nếu các quan khám xét nhà nào thì Hội đồng dẫn khám, khi khám, nếu có sự gì ngăn trở thời Hội đồng phải gìn giữ cho được ổn thỏa, khi ở trong địa giới làng có ai ốm đau hay bị tai nạn gì Hội đồng nghe tin báo phải đến tận nơi liệu phương kế và cứu giúp ngay.

Sự giáo dục

Điều thứ 97: Trong làng dạy trẻ con phải có học thức phổ thông là nghĩa vụ người làm phụ huynh không ai được từ, nhưng làng chưa có tiền dựng được trường, hễ khi nào dựng được trường học thời tuần chiểu từ điều thứ chín mươi đến điều thứ một trăm.

Điều thứ 98: Thường niên, dân trích tiền công chi tiêu việc trường và lương thầy giáo.

Điều thứ 99: Trẻ con trong làng đúng tám tuổi phải đi học cả.

Điều thứ 100: Làng lấy tiền công mua bút giấy cấp cho những con nhà nghèo mà Hội đồng xét thực không thể mua được.

Ngụ cư ký táng

Điều thứ 101: Làng chỉ cho những người có căn cước minh bạch mà có nghề nghiệp chính đáng, ngụ cư trong làng mà thôi.

Điều thứ 102: Trừ ra những người ngụ cư tạm, còn người đã có gia sản ở làng thời phải chịu trách nhiệm canh phòng mấy làng.

Điều thứ 103: Ai muốn ký táng trong làng mà chôn đất công phải tường hội đồng xét xem cho muốn để ấy có nên để mà không còn chôn đất tư dù mua cắt của nhà riêng mặc lòng ai cũng phải nộp cho Hội đồng hung táng ba mươi đồng bạc, cát táng 15,00$ và một trăm giầu, một chai rượu trước khi chôn.

Phần thứ hai: Nói về phong tục
Sự quan điền thổ

Điều thứ 104: Làng bây giờ không có ruộng công, trong ba mươi hai mẫu ruộng của tư gia cả làng chỉ có một cái vực công ở đầu làng bốn khoảnh đất ước hơn ba sào ở gần đình miếu hai cái đồng ban có cây cối hoa quả, hai cái ao mắt rồng, một cái ao lão, một cái thanh lan giáp hồ Tây cho thuê lấy vào tiền thường thu.

Hôn lễ

Điều thứ 105: Nhà ai có việc cưới phải nộp lệ cheo cho làng trước khi cưới là cheo nội 1,00$, trăm giầu, một chai rượu, cheo ngoại là 2,00$, một trăm giầu, một chai rượu và tường lý trưởng vào sổ giá thú còn như sự ăn uống thì tùy ý hai họ ăn với nhau và cấm không được mời làng và kỳ mục và chia giầu cau, nem bánh cho làng như trước nữa.

Tang lễ

Điều thứ 106: Tang lễ là việc buồn rầu đau đớn, theo thói quen đặt tiệc mời khách như đám hội vậy, thực là trái nhẽ, xin bỏ thói tệ ấy đi.

Điều thứ 107: Tang chủ nếu giàu có muốn mời mấy người thân tộc hộ lễ thời cũng mặc lòng nhưng gọi là việc riêng của nhà tang chủ không phải theo thói cũ phải mời kỳ mục.

Điều thứ 108: Tang chủ chỉ đãi những người hộ lễ và người giúp việc chứ không được mở tiệc mời làng.

Điều thứ 109: Trước khi chưa chôn, dân làng chỉ dùng hương hoa đến thăm viếng mà thôi.

Điều thứ 110: Đến ngày an táng, tang chủ ở giáp nào thời mỗi giáp ấy hộ tang nghĩa là mang quan tài và mang các đồ tang nghi.

Điều thứ 111: Hàng giáp đi đưa ma là trả nghĩa lẫn nhau, chính bổn phận mình phải làm, trừ ra những người đi vắng nhà còn thời phải đi hết cả.

Điều thứ 112: Tang chủ cũng được báo cho dân biết ngày yên táng để ai nhớ đến tình hương đảng thời đi đưa ma nhưng báo hay là không báo thời tùy ý tang chủ.

Điều thứ 113: Dù người trong giáp hay người ngoài làng cũng vậy khi yên táng xong rồi thời chào tang chủ ở ngay ngoài mộ địa rồi đâu về đấy, không nên vào nhà ăn uống.

Điều thứ 114: Tang chủ cũng nên tạ ân hàng giáp hay người đi đưa ở ngoài mộ địa cấm không được mời về nhà.

Điều thứ 115: Tang chủ muốn để danh giá cho người thác mà gửi lại một món tiền kỷ niệm làm của công trong làng thời làng cũng nhận món tiền ấy nhưng nhiều ít tùy ý tang chủ.

Điều thứ 116: Làng sẽ làm quyển sổ để biên những món tiền kỷ niệm lưu truyền về sau.

Điều thứ 117: Làng chỉ được đem món tiền ấy làm những việc ích lợi chung cả làng.

Điều thứ 118: Sự gửi tiền kỷ niệm là tùy làng, tang chủ không được bắt buộc ai đều nhau.

Tế lễ

Điều thứ 119: Lễ ở đình cứ đến mùng tám tháng hai vào đám trong làng ba ngày, ngày thứ nhất dùng oản chuối giầu rượu ước năm đồng bạc, ngày thứ hai về các giáp cứ cắt lượt đến ai thì người ấy phải làm, mỗi đầu giáp làm một con lợn bàn xôi và giầu rượu ước hai mươi đồng bạc, ngày thứ ba dùng oản chuối, giầu rượu ước năm đồng bạc làng lễ tạ.

Điều thứ 120: Trong tiệc này, trừ những phần biếu đi còn bao nhiêu thời giáp nào đem về giáp ấy mà ăn.

Điều thứ 121: Khi vào đám, những người phải làm việc dân cắt ra thì phải ra cho đủ, nếu có ngăn trở gì thì phải cáo thiếu nếu không cáo hội đồng phạt 0,30$.

Điều thứ 122: Ngày lễ mùng một tháng tư mùng hai tháng bảy, mùng mười tháng mười, mùng hai tháng chạp, ba mươi tháng chạp, mùng một tháng giêng dùng oản chuối giầu rượu ước 3,00$, một kỳ quân về các giáp phải chịu ai đến lượt thì phải làm, con lễ thường tân thời làng trích tiền công 10,00$ giao lý dịch đương thứ phải chịu biện năm con gà đực, ba cân xôi, bốn con chim ngói, bốn mươi quả hồng, bốn mươi quả chuối, sáu chai rượu, một trăm khẩu giầu ngày lễ ấy đồng dân làm lễ ai đi lễ thời ăn, không đi thời thôi duy chỉ biếu thượng lão hai bàn cùng khoa sắc tộc biểu mỗi người một khẩu giầu.

Điều thứ 123: Ngày sóc làm lễ dùng ba mươi phẩm oản, ba mươi quả chuối, một chai rượu, bảy mươi khẩu giầu ước 1,00$ 0,50$ này lấy ở công quĩ chi giao thủ từ biên để các ông lão cùng người khoa sắc kỳ mục tộc biểu nhất nhị trường làm lễ, nhưng biếu chỉ có thượng lão khoa sắc mỗi người một khẩu giầu mà thôi.

Điều thứ 124: Còn như mười tám ngày kỵ của các hậu thần là ngày kỵ của các ông hậu thần làng chỉ 1,00$ giao cho thủ từ biên một

con gà một bàn xôi, năm mươi khẩu giầu, một chai rượu để các ông lão khoa sắc kỳ mục, nhất nhì trường làm lễ ai ở đấy thời ăn uống, còn kinh biếu cũng như ngày sóc.

Điều thứ 125: Khi tế lễ có ai say rượu làm bậy trái nhẽ thời làng phạt 0,30$ mà cấm không được dự tế đình trung sáu tháng.

Khao vọng

Điều thứ 126: Người nào đỗ cử nhân, tú tài Tây, Nam và người nào được bằng sắc phải khao làng năm mươi đồng bạc, một chai rượu, một trăm khẩu giầu thời được vọng vào ngôi chức sắc, những người làm thông ngôn ký lục giáo học các trường có giấy sức miễn sai cũng phải nộp khao như các người thi đỗ thi mới được là người chức sắc, đến sau khi được sắc về rồi chỉ sửa giầu rượu lễ thần mà thôi không phải nộp gì nữa nếu ai không nộp thì ngồi đâu ngồi đấy.

Điều thứ 127: Những người thi đỗ, các ông thông ngôn ký lục làm việc các sở mà có bằng sắc thì làng mừng một câu đối vóc giá 2,00$, nhưng có nộp được lễ khao thì làng mấy mừng.

Điều thứ 128: Lý phó trưởng khi ra làm việc nếu có lễ thành mà nộp cho làng 3,00$ thì làng mấy mừng một câu đối giá 1,00$.

Điều thứ 129: Trong làng những ngày tế thần có giết lợn hoặc bò thì ông thi đỗ đại khoa và đương quan tứ phẩm ấn quản dĩ thượng biếu một cái thủ, đồng thời có nhiều ông thời chia cái thủ mà biếu, ông nào khoa sắc có khao vọng thì biếu mỗi ông một cái chân lợn hay là bắp bò mỗi ông một cái, ông nào miễn sai có khao vọng thì biếu mỗi ông một cân thịt còn lý dịch đương thứ một cân, thủ từ mỗi người một cân, lão nhạc sinh một cân nhưng thịt giò bắp ấy của ba giáp hợp lại mà biếu còn những người hội đồng mỗi người một khẩu giầu thượng lão hạ lão và người ứng tế thì về hàng giáp mỗi người một khẩu giầu.

Điều thứ 130: Làng có ông nào đến năm mươi nhăm tuổi thời lên lão làng, phải nộp 1,00$, được trừ sưu theo như lệ nhà nước, ông

nào lên ba bàn phải nộp 1,00$ 0,50$, được ăn biếu, trong các khoản tiền ấy thu để vào công quĩ, không phải đổ lễ gì, những người đã lên ngôi ấy trước rồi thì thôi.

Điều thứ 131: Trong làng ai muốn vọng hướng sinh thời phải nộp sáu đồng bạc biên mục thì phải nộp 3,00$ rồi mấy được theo vào mấy những người hương sinh viên mục kia, ai vọng thời phải tường hội đồng và tộc biểu (mờ không đọc được).

Điều thứ 132: Trong làng ai (...) thời phải nộp cho làng một trăm năm mươi đồng bạc, ruộng năm nào, một trăm giầu, một chai rượu lễ yết thần, kinh dân, nên làm tờ ký kết thời người hậu thần ấy phải (...) làng thời làng phải... (mờ không đọc được).

(Điều 134 đến 136 mờ không đọc được)

HƯƠNG ƯỚC LÀNG TƯƠNG TRÚC

Tổng Nam Phù, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông

Chủ ý cải lương

Khoán ước của làng Tương Trúc lưu truyền từ xưa hoặc có khẩu truyền mà không có minh văn hoặc có minh văn mà không hợp thời thế. Bởi vậy cần nên cải lương suy xét hiện tình thời nay, so sánh khoán ước thuở trước điều nào bất tiện thời đổi, điều nào có lợi thời theo mục đích làm cho gia tộc được thịnh dần, dân làng có trật tự sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà cải bổ thêm.

Phần thứ nhất
Chính trị, Tổ chức hội đồng tộc biểu

Điều thứ 1: Việc làng có sưu thuế quản trị các viên sưu thuế là tộc biểu hạn số các viên ấy là 4 viên giở lên và 20 viên giở xuống.

Ở trong làng và có ai biết chữ Quốc ngữ hoặc chữ Nho mà xưa nay chưa bao giờ phạm vào một tội làng làm mất quyền công dân, trong điều 2 luật hình (...) và không có tiếng xấu trong làng thời mới làm được tộc biểu, nếu (...) ra làm tộc biểu mà không hợp lệ đã kê ở trên, thời hội đồng không công nhận. Những người đàn ông từ 25 tuổi giở lên mà xưa nay không bao giờ phạm một tội làm mất quyền công dân... (mờ không đọc được).

Trong (...) cử số 100 người được bầu 4 người tộc biểu quá số 100 mà chưa đủ số 100 được bầu 4 người tộc biểu nữa. Khi bầu thời tính

theo số người dự bầu xem ra được mấy người tộc biểu song cứ cái số mấy người được bầu một người tộc biểu mà chia cho số người dự bầu các họ nào đông đi dự bầu thời được bầu nhiều, tộc biểu nào ít bầu ít, nếu ít quá thời 2,3 họ bầu sưu thuế ở trong các viên sưu thuế có đủ tộc biểu 1 viên gọi là chánh hương hội, 1 viên gọi là phó... (mờ không đọc được) trừ ra cái số tộc biểu của các họ được bầu ra dự hội đồng thời chánh phó tổng làng sở tại, lý phó hương trưởng, trương tuần thủ lộ đều được dự hội đồng cả.

Điều thứ 8: Các việc khiếu nại về việc bầu cử tộc biểu hoặc chức dịch trong sưu thuế thời trong xã cứ lấy bấy nhiêu nếu không xong thời đệ trình quan huyện xét xử, nếu quan huyện xử không xong hễ bên nào không phục tình thời quan huyện sẽ bẩm lên quan tài thịnh.

Điều thứ 9: Hương hội lấy 3 năm làm một khóa kể bắt đầu tự ngày quan trên duyệt y biên bản bầu trước khi hết hạn một tháng, thời hội đồng phải tính ngày đặt cho dân làng để bầu hội đồng khác, khi nào quan trên đã duyệt y việc hội đồng mới rồi, thời hội đồng cũ mấy được bàn giao công việc sổ sách cho hội đồng mới và mấy thôi.

Điều thứ 10: Trong hạn ba năm ấy hoặc khuyết tộc biểu, vì từ dịch hoặc vì cách địch, hoặc vì mình một, thời họ ấy phải bầu một người khác ở trong họ mà khuyết người tộc biểu ấy, rồi làm biên bản giao sưu thuế đem lên trình quan huyện để bẩm. Quan tổng đốc duyệt y các công việc của hội đồng.

Điều thứ 11: Hương hội phải trông coi các việc cai trị trong xứ, phải làm cả công vụ của dân xã cùng thi hành các lý sức lệnh truyền của quan trên phải lập các khoản lệ trong xã, lập sổ thu của làng xã, bổ sưu thuế cùng các thuế khác, hoặc nạp vào nhà nước, hoặc thu cho sổ chi thu của làng xã và đinh sổ thuế của làng xã, thi hành sổ chi thu quản tri tài sản của công dân và thi hành các khoản lệ về việc tuần phòng nhất là ngăn cấm việc buôn bán rượu lậu, việc đánh bạc, cùng những việc họp tập phi pháp.

Điều thứ 12: Hương hội phải cử một ban ít là bốn người tộc biểu để giao cho quyền xét xử và đinh phạt những người dân trong làng phạm vào khoản lệ tuần phòng trong xã mà điều luật vi cảnh không nói đến, vẫn phạt từ 0,10$ cho đến 1$,00. Tiền phạt nộp vào công quĩ làng xã.

Điều thứ 13: Các việc tranh tụng về việc lệ hay là việc thương mại thời giao sưu thuế hòa giải nếu đôi bên thỏa thuận thời phải lập biên bản trình quan sở tại để ghi vào sổ hòa giải.

Việc hành động của hội đồng

Điều thứ 14: Trừ ra khi có việc cần mở hội đồng bất thường còn thời mỗi tháng cứ ngày mồng một ngày rằm, hội đồng bàn việc làng, nếu trong tháng mười Tây phải họp một kỳ hay mấy kỳ để lập sổ chi thu và trong thượng tuần tháng giêng Tây, phải lập một kỳ để lập sổ sưu thuế và các thứ thuế thu vào cho dân, những phiên hội đồng đều do sưu thuế làm chủ tọa nếu chánh hương hội vắng mặt thì phó sưu thuế thay, nếu cả chánh phó sưu thuế cùng vắng mặt thời hội đồng phải chọn một người tộc biểu nào lớn tuổi nhất thay làm chủ tọa, các kỳ hội đồng, cho dân chúng vào xem, các người xem không có quyền nói và không làm nào động hội đồng, ai phạm những điều ấy phải trục xuất. Phía hội đồng, viên chánh hương hội phải giữ cho hội đồng có trật tự, khi hội đồng trục xuất một viên hương hội ra ngoài là bởi các viên có mặt ở hội đồng định khi không đồng ý thời thôi.

Điều thứ 15: Nhời bàn của hội đồng nếu có quá nửa hội viên dự hội ý hợp thì mới có giá trị.

Điều thứ 16: Phải lập các biên bản các nhời bàn của hội đồng rồi phải đem những biên bản ấy vào một sổ riêng và phải có các viên hội đồng hiện tại ký tên nghị định của hội đồng nhiều ưng thuận, nếu hai bên không đồng ý mà số người bằng nhau thời hoãn đến kỳ sau cũng thế, thời bên nào có chánh hương hội thì bên ấy được việc ưng thuận thì bắt đầu từ tộc biểu họ nhỏ nói trước rồi đến tộc biểu họ to

nói sau là cùng các nghị định sưu thuế trái quyền lợi hoặc quy tắc của nhà nước hay là của làng xã thời cấm không được làm.

Điều thứ 17: Việc nào mà can thiệp đến làng xã thời viên chánh hương hội thời không được bàn riêng việc ấy biên không cả sưu thuế đồng bàn định

Điều thứ 18: Viên chánh hương hội phải trông nom các việc trong làng xã, phó sưu thuế là giúp việc cho viên chánh hương hội đi vắng, viên chánh hương hội đi vắng thời viên phó hương hội thay viên ấy nghĩa là cũng được quyền phát lệnh thu chi nhưng đến kỳ nào chánh hương hội bị bệnh không làm việc được hoặc đi vắng lâu thì mới thay quyền phát lệnh thu chi mà thôi.

Điều thứ 19: Hương hội lại ủy cử riêng hai người tộc biểu cùng với lý trưởng để mà thi hành những điều về tịch biên và bao những tài sản của những người can án ngoại các việc ấy, cũng biên làm việc khác mà sưu thuế giao cho viên chánh hương hội hay là người đại biểu của viên chánh hương hội thay mặt cho làng xã, khi tố kiện hoặc là nguyên đơn hoặc xã là bị cáo.

Điều thứ 20: Người thủ quĩ phải coi nom việc thủ quĩ tiền công của dân các công việc do chánh hương hội kiểm xét hay là do một viên kiểm xét của hương cử ra, làng phải cấp cho người thủ quĩ tiền phụ cấp đồng niên bao nhiêu đã ghi vào sổ dự toán.

Điều thứ 21: Người thư ký phải coi nom việc dựng biên bản các kỳ đồng niên hội đó của hương hội cùng các sổ sách của làng xã cùng những việc biên chép các giấy má thuộc về công vụ của hội đồng mà chánh hương hội làm. Để cho người thư ký tiền phụ cấp đồng niên bao nhiêu đã vào sổ dự toán lương của thư ký thủ quĩ thì hội đồng có thể tùy tài chính trong xã tăng giảm khi làm sổ dự toán.

Quan kỷ

Điều thứ 22: Viên tộc biểu nào bận việc không đến dự hội đồng phải có cáo trước để hội đồng biết, nếu không có lẽ đích đáng mà

không đến dự hội đồng luôn hạn kỳ, thì hội đồng làm biên bản trình quan không cho làm tộc biểu nữa. Viên tộc biểu nào phạm lỗi về chính trị hoặc làm việc trễ nải, luôn (...) thường tỏ thấy không đủ làm việc nữa, hoặc thất lễ với hương hội thì hội đồng làm biên bản trình quan trên trừng trị. Viên tộc biểu nào bị cách dịch hay là bị án phạt giam thì không được dự hương hội.

Điều thứ 23: Khi trông chừng rằng quyền lợi của làng xã bị thiệt hại vì hương hội làm việc không được cẩn thận hay trễ nải hay là cai trị không được hoàn hảo thì quan công sứ bãi hương hội ấy lúc ấy, hương hội ấy có thể kêu quan thống sứ xét lại mà nghị định quan thống sứ là nhất định.

Sổ chi thu

Điều thứ 24: Muốn cho trong làng chi thu có chừng mực cho khỏi tổn phí dân thì phải làm sổ chi thu. Sổ chi thu ấy chi thu đồng niên tự mồng một tháng giêng Tây đến ba mươi mốt tháng chạp Tây mà thường năm cứ trong tháng mười Tây người chánh hương hội mấy người thư ký, người thủ quĩ và lý trưởng mà làm sổ dự chi thu sang năm. Làm xong rồi phải họp tất cả hương hội cả để bàn định khi hương hội đã thỏa hợp rồi thì phải biên vào sổ biên bản, trong biên bản ấy phải nói rõ mỗi khoản chi thu dự định bao nhiêu, xong rồi hội đồng giao cái biên bản đệ trình quan tỉnh xét lại một lần, rồi bàn sổ dự toán nhất định đệ trình quan công sứ và quan tổng đốc duyệt y rồi mới được thi hành. Sổ dự toán ấy phải làm bốn bản, một bản chính ba bản sao viết bằng chữ Quốc ngữ, khi nào cần phải viết cả hai thứ chữ một bản chính khi quan trên đã duyệt y thì phát về cho hội đồng tuân hành, còn ba bản sao để lưu tại tòa tỉnh và huyện. Khi chưa hết năm mà có muốn thay đổi khoản chi thu gì nào khác mấy sổ dự toán như là dân cần phải tiêu việc gì mà sổ dự toán không dư đến hoặc có dự khoản gì ấy tiêu hết số tiền dự định rồi thì hội đồng phải họp để làm biên bản, vậy trong biên bản phải biên rõ vì cớ gì mà thay đổi rồi sao cái biên bản đệ trình quan trên phê duyệt đã, mới được thi hành.

Điều thứ 25: Phàm những khoản tiền thu vào như là thứ thường thu, thứ bất thường thu v.v những khoản tiền chi như là thứ bất thường chi v.v đều phải theo như trong nghị đinh quan công sử đã định.

Điều thứ 26: Cứ hết một tháng theo tháng Tây, thời hội đồng phải trục tính sổ chi tiêu trong tháng rồi biên vào trong sổ biên bản cần nhất phải thường xem đến những khoản dự chi, mỗi khoản đã chi biết bao nhiêu, như thế là tránh khỏi những việc tiêu quá sổ dự toán và cũng là một cách biết tiết chế việc tiêu, hết năm hội đồng tính sổ xem số thực thu vào là bao nhiêu, tiền thực chi là bao nhiêu yết thị tại đình hoặc tại công sở hội đồng và tất cả sổ công trong làng ít ra cũng là một tháng để đồng dân cùng biết.

Điều thứ 27: Những khoản phí về việc chi công cho người phụ việc trong làng mà không quá số hai mươi đồng bạc thì viên chánh hội được tự quyền cấp phải chi, nhưng quá số hai mươi đồng do hội đồng bàn định thỏa thuận rồi mới được chi. Việc chi tiêu không được quá số tiền đã dự định, cần phải rất tiết kiệm, cốt để cho tiền công được dư dụ mà làm những công ích.

Điều thứ 28: Những mớm tiền năm trước còn lại ấy, phải biên vào sổ thu sang năm để làng dùng làm những việc sinh lợi hay là chi tiêu mọi việc.

Điều thứ 29: Nếu làng đem tiền ấy cho vay thì lấy lời nhẹ mà thôi, những người vay phải thế chấp điền sản hoặc có người vật lực trong làng bảo lãnh làm tin nếu không thì không cho vay. Những điền sản thế chấp cho làng giá đáng mười phần chỉ được vay ba bốn phần thôi, nhưng người vay thế chấp điền sản thì phải có lý trưởng nhận thực.

Điều thứ 30: Hội đồng định cho ai vay thì phải biên vào biên bản, bảo người vay phải viết văn tự, văn tự ấy thủ quĩ được giữ, ai vay tiền công hễ đến hạn phải trả cả gốc và lãi chứ không được viết lãi làm gốc mà thêm hạn nữa hạn cho vay tiền công ít là sáu tháng, chứ không được quá một năm.

Điều thứ 31: Nếu số tiền công ít mà người vay nhiều và những điền sản của người vay ấy đem cầm đều bằng nhau thì hội đồng bỏ thăm ai bắt được thăm thì cho vay.

Điều thứ 32: Muốn cho trong làng tin cậy các tộc biểu làm việc hết bổn phận vậy nên cấm những người có chân hội đồng và những vợ con những người ấy không được vay tiền công của làng.

Điều thứ 33: Trừ ra thư ký thủ quĩ thì làng có tiền phụ cấp đồng niên còn chánh phó hội và tộc biểu giúp việc cho dân chứ không có tiền phụ cấp chỉ khi nào đi việc quan thì dân chịu tiền phí tổn cho mà thôi.

Điều thứ 34: Mỗi khi hội đồng thì chỉ được đủ tiền phù chà thôi không được hao phí.

Cấp tiền lộ phí cho hội đồng lý dịch đi việc quan

Điều thứ 35: Khi có việc quan trên đòi hoặc tự hội đồng hoặc lý dịch phải đi trình báo một việc gì không phải là việc riêng của mình và việc ấy do hội đồng lý dịch phải trình, nếu xuống huyện thì dân chi cho mỗi người mỗi ngày 0,30$, lên tỉnh mỗi người mỗi ngày 0,50$, xuống huyện lên tỉnh đều hạn cho trong một ngày, nếu việc không cần phải ở lại đến ngày hôm sau hoặc theo giấy đòi không cần phải đi từ chiều hôm trước thì hội đồng chỉ chi ở tiền mỗi ngày thôi, người tư dân nào có việc mà lại chung đến hội đồng lý dịch thì người có việc ấy phải chịu tiền phí tổn người nào thua phải chịu. Khi quan trên sức đòi có nói rõ đòi mấy người, hoặc khi có việc gì hội đồng cần phải lên trình mấy quan trên có thể ủy cho một người đi cũng được chứ không được tự đi nhiều người vô ích mà lại thiệt hại cho công quĩ.

Bổ sưu thuế

Điều thứ 36: Khi lý trưởng tiếp quan phát chỉ bài thuế về thì phải tường với hội đồng mà mở hội đồng tính sổ bổ thuế.

Điều thứ 37: Sưu thuế đã có ngạch nhất định của nhà nước hội đồng cứ theo bài chỉ mà bổ thuế đàn anh đàn em và ruộng nội canh phụ canh đều đúng như nhau chứ không phân biệt mà bổ nhiều bổ ít.

Điều thứ 38: Trong sổ bổ phải biên rõ số đinh điền chịu thuế là bao nhiêu, nếu hội đồng có đình thu thêm tiền ngoại phụ vào ngạch công quỹ của dân thì cũng phải tựa rõ vào mỗi suất bao nhiêu mẫu bao nhiêu sào, thước.

Điều thứ 39: Khi đã bổ xong rồi thì phải làm thành ba bản đệ trình quan huyện khi quan huyện đã duyệt y rồi thì một bản lưu chiểu ở huyện một bản niêm yết tại đình, một bản giữ lý trưởng hành thu đệ nạp, lý trưởng nhận thuế của ai phải biên lai bản răng cưa khi làm bài chỉ bổ thu những tiền tọa thu đệ nạp hay là tiền ngoại phí cũng phải kể cả và trong bài bổ minh bạch, ngày biên thuế chi không được bày ra việc ăn uống cho khỏi phải đóng nặng nề.

Điều thứ 40: Người nào bỏ thuế thì lý trưởng (...) trình quan cứu xử không được tùy tiện bắt bớ người ấy.

Sự kiện cáo

Điều thứ 41: Trong làng có ai kiện cáo về dân hay là thương sự trước hết phải trình hội đồng hòa giải. Hội đồng tiếp được ai trình việc gì thì mở hội đồng lấy lẽ chính đáng và tình thân ái mà hòa giải cho hai bên, nếu hòa giải xong rồi, theo trong luật, làm tờ hòa giải chứng thư, giao lý trưởng trình quan sở tại biên vào sổ mà hội đồng cũng biên vào sổ hội đồng nữa. Việc hòa giải không xong hội đồng làm một cái giấy kê giữ nguyên ủy việc ấy và ý kiến của hội đồng trình quan sở tại xét cũng như nhờ hội đồng thì người thua kiện ấy làng phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Điều thứ 42: Những việc hình sự dù không thể hòa giải được những người đương sự cũng phải trình đến hội đồng biết để hội đồng xét hỏi duyên cớ, trình quan vì hội đồng đã xét hỏi, được khám chiết minh bạch, thời có thể chấp cho việc tra xét của quan trên, mà hai bên cũng khỏi sự đòi hỏi phiền phí.

Điều thứ 43: Khi hội đồng xét hỏi một việc hình sự thì cần phải làm ngay không được trễ quá hai ngày. Khi xét xong thời phải biên bản trình quan, chứ không được bắt vạ hay là sách nhiễu nhà sự chủ.

Canh trong làng

Điều thứ 44: Việc tuần phòng là để giữ tính mệnh tài sản cho cả làng, thời hết thảy người làng từ 20 tuổi đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm, trừ ra những người chức sắc khoa mục người hiện làm việc các sở, người đương đi học các trường người có tàng tật, nghĩa là tất cả những người có giấy sức trừ hoặc theo lệ dân trừ cho thời không phải đi tuần, còn người nào đến phiên canh mà bỏ vắng có thể nhờ bà con bạn hữu canh thay, hoặc phải nộp cho làng một số tiền bằng hai số tiền làng cấp lương cho tuần thời cắt người khác thay.

Điều thứ 45: Những người đi tuần mỗi năm cắt sáu người, trong sáu người ấy lại chọn một người mẫn cán cật lực thuần cẩn, bầu làm đốc canh, khi trong làng có thiết phát sự gì thời tất cả các ban canh nghe động hiệu phải đến ứng cứu ngay, nếu người nào đến lượt đi tuần mà bỏ không đi và không mượn người thay, hay không nộp tiền thời hội đồng sẽ trình quan nghị sư và có thể truất ngôi thứ hương ẩm trong một bàn hoặc hai bàn, hoặc không được dự đình trung trong hạn sáu tháng hoặc một năm.

Điều thứ 46: Những khi giới để canh, thời làng trích tiền công mà sắm cho, nhưng hết hạn canh, lại phải giao trả làng, người nào nhận giữ thứ gì, thì phải biên nhận ở lý trưởng, nếu đánh mất thời phải đền.

Điều thứ 47: Cứ gần tối thời phó lý hay hương trưởng ra điếm nổi hiệu trống mõ, thời các người trong ban canh đều phải ra điếm canh phòng, ai có phương trở phải mượn người thay, nếu bỏ và không mượn canh thay, thời hai lần đầu hội đồng phạt một lần 0,20$ sung công, lần thứ ba hội đồng chiếu khoản không tuân hương ước mà bắt phạm.

Điều thứ 48: Tuần canh phường đêm phải đi tuần luôn chung quanh làng giữ cho trộm cướp khỏi vào, ai bắt được kẻ trộm có tang chứng, làng thưởng cho 1,00$ bắt được kẻ cướp làng thưởng 10,00$.

Điều thứ 49: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về việc trộm cướp trong làng, có nhà nào mất trộm cướp mà tuần không bắt được đứa phạm phải chiểu vật giá mất phải đền cho người sự chủ, như khi cướp phát tuần đã hết sức kháng cự mà không thể giữ được thì không phải đền.

Điều thứ 50: Lý trưởng thường kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không có thẻ tùy thân hay là căn cước đáng nghi thời bắt giải trình quan.

Điều thứ 51: Người nào ăn trộm từ buồng chuối, quả cau, củng mẩu vật ngoài đồng, tuần người nào bắt được tùy vật giá nhiều ít mặc lòng phải tường hội đồng làm biên bản trình quan xét xử và hội đồng lại có thể cấm không cho dự vào hương ẩm từ một tháng cho đến một năm và chiểu xuống từ một bàn đến ba bàn.

Canh ngoài đồng

Điều thứ 52: Trong mùa hoa mẩu và lúa má thì hương trưởng phó lý phải thay đổi đem tuần tráng coi nom đồng điền.

Điều thứ 53: Hương trưởng và tuần tráng thì phải theo quyền pháp hội đồng và lý phó trưởng.

Điều thứ 54: Tuần coi những đường khuyến nông của làng thấy ai làm lủng tổn thì tường hội đồng xét thực phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 55: Tuần coi việc tháo nước giữ nước, những khi nên tháo nên giữ phải theo ý hội đồng chứ không được tư quyết.

Điều thứ 56: Người nào tháo nước đơm cá mà để đồng điền bị cạn thì phải bắt ngay giải tường hội đồng xét nghĩ, phạt từ 0,10$ đến 3,00$ nếu cứ dong túng để nước cạn thì hội đồng phạt cũng như người phạm.

Điều thứ 57: Lúa má hoa mầu ngoài đồng tuần phiên canh giữ cẩn thận nếu để mất của phải chiểu giá mà đền.

Điều thứ 58: Lương tuần thì hội đồng chiểu như sư dự toán hàng năm chi cho tuần như chia làm hai mùa, một kỳ tháng năm một kỳ tháng mười, cứ trước vụ thua hoạch thì các chủ điền phải đem lúa sương túc nộp cho thủ quĩ lấy biên nhận, rồi thì đem cái phiếu ấy trình lý trưởng hay phó lý là người đứng thề cho thu hoạch biết thì mới được phóng thề cho cắt, khi thu hoạch xong cả rồi nếu không ai bị mất hoa màu thì hội đồng sẽ chi đủ lương cho tuần, nếu không phải đền thì khấu vào số tiền lương ấy còn bao nhiêu mới phát, khi nào nhiều việc phải phòng mà hội đồng xét cần phải thu thêm người canh phụ mấy tuần khi thu xong phải giả tiền công ngay.

Điều thứ 59: Các khoản ở trong biên bản định riêng về việc thu tiền để chi về việc hoa mầu sẽ cùng thi hành mấy những điều đã kể ở trên.

Việc cứu cấp

Điều thứ 60: Khi có việc động cấp tức như là việc nước to, đê sạt, lửa cháy, trộm cướp trừ ra những người sáu mươi tuổi và người yếu đuối còn những người làng nghe hiệu phải lập tức đến cứu, nếu ai không đến hội đồng xét định phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 61: Ai mà vì sự cấp cứu mà bị thương làng cấp tiền chữa thuốc, trọng thương thành tật làng tùy tật nặng nhẹ mà cấp cho từ 1,00$ đến 10,00$, thương đến nỗi chết làng cấp tiền tuất cho hai mươi đồng bạc và hội đồng đàn anh đàn em cả làng đi đưa ma, cho con hay cháu một tên nhiêu nam trừ đê điều tạp dịch chung thân, nếu ai bị thương thành tật làng thưởng cho thứ vị ngồi theo hàng lý dịch, bãi miễn cho không phải nộp tiền khao vọng gì cả.

Điều thứ 62: Người nào lý dịch cắt đến lượt phải ra canh đê hoặc đi hộ đê, mà bỏ không chịu đi, hoặc không nhờ người khác thay thì lý dịch trình quan nghị trị. Hội đồng truất ngôi từ một bàn đến ba bàn

hoặc cấm không cho dự đình trung thứ vị tế tự trong một hạn từ sáu tháng đến hai năm.

Sự vệ sinh

Điều thứ 63: Muốn cho người làng khỏe mạnh cần phải theo cách vệ sinh một là phòng hai là giữ bệnh.

Điều thứ 64: Hội đồng lý dịch cần phải hiểu và coi nom cho những nhà cửa đường sá riêng trong làng cho được sạch.

Điều thứ 65: Cấm không ai được vất ô uế ra và làm nhà xí bên đường hay để cho những nước chảy qua đường đi, nhà nào muốn cho nước qua đường thì phải làm cống ngầm nếu không tuân thì hội đồng phạt từ 0,20$ đến 1,00$ và bắt phải phá đi.

Điều thứ 66: Các giếng ăn nước phải tìm cách giữ gìn cho được trong sạch những phí tổn về việc sửa giếng làng trích tiền công để chi.

Điều thứ 67: Khi trong làng phát ra những bệnh có thể truyền nhiễm, thì lý trưởng phải trình quan ngay, xin thầy thuốc về chữa khi có một người làng ốm nặng ở nơi khác mang về làng thì phải có giấy chứng chỉ của quan thầy thuốc nhận thực là không phải bệnh truyền nhiễm, trình giấy (...) ở hương hội hay lý trưởng. Nếu không bỏ giấy thì cấm không được đem vào trong làng, ai không tuân thì phạt từ 0,10$ đến 1,00$ và bắt đi nhà thương ngay.

Điều thứ 68: Trong làng ai có bệnh hủi, lý trưởng phải trình quan khám thực đem ra nhà dưỡng tế không được để trong làng.

Điều thứ 69: Những đồ dùng của người ốm hay người chết và những xác thú vật nào chết cấm không được vất xuống hồ ao nếu ai không tuân thì phạt từ 0,30$ đến 0,50$.

Đường sá, cầu cống và đê điều

Điều thứ 70: Lý phó hương trưởng phải coi nom cầu cống đường sá và đê điều đến kỳ nước lên hễ có lệnh quan sức canh đê, thì phải

bắt trảng canh và cứ lần lượt, bắt mỗi lần mười người nếu đến lượt ai không đi thì trình quan trừng trị.

Điều thứ 71: Các đường sá và cầu cống chung của cả làng nếu hư hỏng phải trình hội đồng trích tiền công mà sửa hay là chia nhân suất hay chia về trâu bò mà đắp hội đồng trù nghĩ, còn các đường riêng nếu hư hỏng thì phải bảo các xóm phải sửa đắp lại mà phải coi chữa cho đường sá bao giờ cũng được cao ráo sạch sẽ.

Điều thứ 72: Ai làm việc riêng mà làm hại đến đường sá cầu cống chung của cả làng thì bắt phải sửa lại mà bắt phạt từ 0,20$ đến 1,00$.

Điều thứ 73: Ai cần tháo nước qua đường phải trình hội đồng biết, tháo xong phải đắp lại y nguyên như trước nếu ai không tuân phải phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Sự vệ nông

Điều thứ 74: Mỗi năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khai sâu các ngòi lạch chữa dọn cho tiện làm ruộng.

Điều thứ 75: Cấm không ai được vạc cỏ bờ ruộng mà không đắp lại để bờ ruộng lở dần đi, ai phạm cấm ấy phạt 0,30$ bắt phải bồi bổ lại.

Điều thứ 76: Cấm không ai được đắp ngăn qua ngòi mà đơm cá để cho nước không thông ai phạm ấy thì phạt 0,30$.

Điều thứ 77: Cấm chăn vịt đi ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa, ai phạm phạt 1,00$, nếu vịt ngỗng phá lúa phá mạ lại phải chiểu giá đền.

Các của công

Điều thứ 78: Đã gọi là của công chung cả làng thì người trong làng ai cũng có nghĩa vụ phải giữ nếu ai làm tổn hại phải bồi thường.

Điều thứ 79: Khi làng có bán động sản hay là bất động sản thì hội đồng phải khai giá và phải đính ngày yết thị và rao mõ cho mọi

người điều biết trước khi đấu giá mười ngày, khi cho những người đấu giá bỏ phiếu thì phải thu một số tiền ký quĩ nhiều ít thì hội đồng chiểu theo cái ngạch sai vật được đem đấu giá mà định (...) phiếu người nào bỏ cao nhất thì được, người nào không được thì hội đồng giả lại tiền ký quĩ, người nào mua hạn trong mười ngày phải nộp đủ tiền nếu để quá hạn thì cái tiền ký ấy phải tịch nộp vào công quĩ, khi đấu giá phải làm biên bản người nào thua được cũng phải ký vào biên bản.

Xét gian lậu

Điều thứ 80: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm như rượu lậu, thuốc phiện lậu và mở đánh bạc lấy hồ thì hội đồng phải khám xét luôn luôn trong làng để trừ kẻ gian lận.

Điều thứ 81: Ai cố ý phạm cấm hội đồng không thể khuyên ngăn được thì hội đồng bảo lý dịch đem tuần đến bắt tang vật làm biên bản trình quan trừng trị.

Điều thứ 82: Những người phạm ấy dù quan đã chiểu luật trị tội rồi nhưng làm mất phong tục trong làng thì hội đồng phạt không cho dự đình trung tế tự từ ba tháng đến một năm trong làng, những con giai con gái phải tội bất hiếu bất mục, ăn trộm, ăn cướp, gian dâm hoang thai, dù quan trên chiểu luật nghị trị rồi, nhưng làm hủy hoại phong tục trong làng thì hội đồng phạt từ 0,50$ đến 1,00$ hoặc truất thứ vị xuống một hai ngôi và cấm không cho dự tế tự từ sáu tháng đến một năm.

Sự giao thiệp

Điều thứ 83: Theo thói quen khi có quan khách đến làng chỉ lý phó trưởng đương thứ ra ứng tiếp, nếu đi vắng thì quan khách không biết hỏi ai, vậy nay khi nào quan khách đến thì các tộc biểu cũng phải ra ứng tiếp mấy lý dịch.

Điều thứ 84: Các người hội đồng và phó tổng lấy lẽ nghi chính đáng tiếp ở công sở, nếu các quan có muốn khám xét việc gì thì hội

đồng dẫn khám, nếu có sự gì ngăn trở thì hội đồng phải giữ gìn cho được ổn thỏa, khi ở địa giới trong làng có người ốm đau, hay bị nạn gì hội đồng nghe báo phải đến ngay liệu phường kế mà chấp chính.

Việc giáo dục

Điều thứ 85: Làng đã có tràng học tổng thi mỗi năm trích công quĩ lấy 2,00$ để chi về việc phát phần thưởng cho học trò.

Việc ngụ cư kỵ táng

Điều thứ 86: Làng chỉ có cho người nào có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng ngụ cư mà thôi, trừ ra những người ngụ cư tạm thời, những người có sản nghiệp ở làng thì cũng phải chịu trách nhiệm canh phòng mấy làng.

Điều thứ 87: Ai kỵ táng ở đồng điền mua đất của ai cũng phải trình hội đồng biết và phải nộp tiền kiểm cố cho công quĩ làng là 2,00$. Những làng Tự Khoát, làng Đông Trạch là hai làng giao hảo ai có kỵ táng thì (...).

Phần thứ hai

Phong tục

Sự quản điền thổ

Điều thứ 88: Làng có năm mươi ba mẫu bẩy sào ruộng công thì làng để cho tự, tặng hai chùa hai mẫu hai, người thủ từ năm sào, nền miếu một sào năm miếng, nền đình hai sào, nền chùa năm sào, làm chợ ba sào và để ra hai sào năm miếng cấp mấy làng Tự Khoát, giao cho giáp đương cai để đệ niên đèn hương thờ thần và cấp cho những người phải đóng thuế, ai được bao nhiêu sào thước phải ghi vào sổ điền thổ cho minh bạch rồi hội đồng làm biên bản trình quan. Còn sáu mẫu ruộng thì đem đấu giá phải theo cách thức đã nói ở trên và dân lại có phần một khúc sông Tô Lịch (trên giáp Tự Khoát dưới giáp Đông Phù) đem chia cho ba giáp để lấy lợi cả.

Sự tải sản

Điều thứ 89: Dân có một cái chợ (gọi là chợ Trúc) thì dân đã để ba sào ruộng họp chợ và dân trích tiền công làm lều quán để cho những người buôn bán ngồi bán hàng, thì phải bầu một người khán thị để coi nom những ngày phiên chợ, đồng niên hội đồng thu tiền lều quán là năm mươi đồng bạc giao cho khán thị hoặc lý trưởng thu giao cho thủ qũy để vào công quĩ.

Tế tự

Điều thứ 90: Việc tế tự thì đầu năm lễ Giao Thừa dân trích công qũy năm đồng bạc giao lý dịch sửa lễ xong rồi thì biểu viên mạnh bái và người đọc văn mỗi người một phẩm oản, một quả chuối, một miếng giầu còn thì những người đi lễ thụ phúc, lễ Nguyên Đán thì chung mấy làng Tư Khoát đã có khoán ước, ba ngày tết mỗi giáp sửa lễ một ngày, giáp nào sửa lễ thì giáp ấy thụ phúc.

Điều thứ 91: Ngày mồng mười tháng Giêng lễ nhất gia mỗi giáp sửa lễ xôi gà, lễ xong cứ giáp nào giáp ấy thụ phúc, ngày mười sáu tháng ấy lễ thượng nguyên thì mỗi xóm sửa một lễ chay lễ xong của xóm nào xóm ấy thụ phúc.

Điều thứ 92: Ngày mồng tám, mồng chín, mồng mười tháng hai lễ Nhập Tịch ngày mồng tám trích tiền công giao cho đương cai sự lễ một con lợn (ba yến) một mâm xôi (hai yến) một chai rượu hoa một trăm miếng cau để lễ xong rồi biếu mỗi biên chỉ một cái nọng, giáp văn một cái nậm và một cái thủ. Hội hương lão và các giáp bồi tế một (...) còn thì chia làm hai giáp văn một phần giáp võ một phần, nội tâm và xôi giầu rượu cũng chia như thế ngày ấy lại có lễ chay chung mấy làng Tự Khoát đã có khoán ước đến chiều hôm ấy và mồng chín mồng mười ta các giáp chia nhau sửa lễ xôi gà của giáp nào thì giáp ấy thụ phúc, đến chiều mồng mười thì các giáp sửa xôi lợn lễ tạ xong các giáp thụ phúc.

Điều thứ 93: Ngày hai mươi ba, hai mươi bốn tháng hai, tế xuân thời giáp đương cai, sửa một con lợn để tế sống, tế xong giáp ấy thụ phúc. Ngày mồng bốn tháng ba lễ Xuất Tịch đến mười sáu tháng bốn tháng ấy thanh đản các giáp đều phải sửa lễ xôi gà, xong của giáp nào giáp ấy thụ phúc.

Điều thứ 94: Ngày mồng một tháng Tư lễ cầu an dân trích tiền công để mua vọng mùa và mỗi giáp phải sửa lễ xôi lợn, lễ xong giáp nào cũng phải để lại cái nọng biếu viên tiên chỉ viên mạnh bái đọc văn giáp, văn giáp là (tiên chỉ một nửa cái nọng mạnh bái đọc văn một nửa còn thì giáp văn hai phần giáp võ một phần) còn các giáp biệt thụ phúc, ngày mồng mười tháng ấy lễ gieo mạ tiết Đoan Ngọ và ngày mồng một tháng sáu lễ Hạ Điền, ngày hai mươi chín tháng ấy lễ quá tuyết và rằm tháng bảy rằm tháng tám, các giáp đều sửa lễ xôi gà xong biệt thụ phúc. Ngày tháng bảy hoặc tháng tám tùy thời cày cấy các giáp đều sửa xôi gà lễ Thượng Điền và cúng biệt thụ phúc.

Tháng tám định ngày lễ Thường Tân, sửa hoa quả mấy làng Tự Khoát đã có khoán ước, ngày hai mươi bốn tháng chín lễ Thường Tân Hòa cốc các giáp sửa xôi lợn xong biệt thụ phúc, ngày hai mươi chín tháng Chạp lễ Tất Niên các giáp sửa lễ xôi gà và biệt thụ phúc. Còn lễ sóc thời Tiên chỉ mạnh bái đọc văn và các người bồi tế phải làm lễ xong thì thụ phúc, các lễ đã nói ở trên hễ lễ có xôi gà lợn thì mỗi giáp phải để một cái nọng nửa ván xôi và giầu để biếu giáp văn sĩ và bồi tế (giáp văn hai phần, vũ một phần, bồi tế một phần).

Điều thứ 95: Khi có việc sự Thần tế chung mấy làng Tự Khoát thời mạnh bái giáp đương cai cắt người vào đọc văn và hành lễ, giáp văn bầu người vào việc nhạc, giáp vũ coi nom, bồi tế thời cử giáp chọn người vào, còn tế riêng thì mạnh bái đọc văn thời chiếu vị thứ mà vào hành lễ, còn nhạc bồi tế cũng như lệ tế chung, những người vào tế ai không có tang tự một năm giở lên mới được tế, xong thời các cụ và các người vọng Hương ẩm Hương trưởng giở lên vào lễ nhất chiếu nhì, còn tự chiếu ba giở xuống đàn em vào lễ, nhị đi việc làng

hay là đi xuống ở nơi công, tư thì không được nói càn và nói to tiếng ai phạm ấy thời phạt 0,2$ sung công tái phạm thời phạt nhất bội nhị.

Điều thứ 96: Chùa chung mấy làng Tự Khoát đến rằm tháng Giêng thời hội đồng trích quĩ lấy năm đồng bạc sửa một cái thủ lợn một ván mười chai rượu và nhà chùa phải sửa quả để lễ, xong rồi đồng dân thụ phúc, rằm tháng năm rằm tháng Chạp mười sáu tháng Giêng các giáp sửa xôi gà nhà chùa sửa oản quả lễ xong, các giáp biệt thụ phúc.

Điều thứ 97: Hễ khi nào có rước thì nhận đi từ dưới giở lên phải đi rước còn các người chức sắc những người giáp văn phải mũ áo thụng đi sau thánh giá người giáp vũ phải đeo nhạc.

Điều thứ 98: Khi dân làng có hội hát con giai con gái đứng làm hai bên (nam tả nữ hữu) không được hỗn độn ai không tuân thì phạt 0,10$ sung công

Lễ hậu

Điều thứ 99: Mỗi năm ngày 17 tháng một các giáp sửa xôi gà đến công tự mà làm lễ còn các vị chùm hậu phối hưởng thì cứ đến mồng mười tháng hai dân trích tiền công quỹ 3,00$ giao lý dịch sửa lễ để quy tế ở chùa xong rồi chiều đến các vị hậu và chùa, mà (...) thụ phúc đến ngày lễ hậu ấy thì chỉ sửa giầu rượu mà thôi.

Hôn lễ

Điều thứ 100: Tiền lan nhai không cứ nội ngoại đều phải nộp 1,00$ những cheo ngoại lại phải thế tiền phù lưu là 3,00$ nữa, tiền cheo ấy phải nộp ở thủ quĩ và lấy biên lai khi cưới xong rồi thì đem biên lai ấy tường với lý trưởng hay là hộ lại để khai vào sổ giá thú nhà nào có cưới cấm không được chăng dây đóng cổng làm ngăn trở người ta nếu không tuân thì phạt 0,30$.

Tang lễ

Điều thứ 101: Khi có người chết thì giáp sở tại phải cắt đô tùy (....) làm câu đối, đối với đô tùy thì mặc lòng hiếu chủ, ai giầu có bầu rượu

đãi làng cũng tùy lòng không bắt phải nộp, nhưng nói tóm lại thì việc tang là sự buồn rầu đau đớn nhà người ta nên ai có lương tâm không nên vào nhà, tang chủ cũng không nên mời khách vào nhà ăn uống.

Khao vọng

Điều thứ 102: Ai có sắc tứ lục phẩm giở lên hoặc có bằng tham biện cử nhân, tú tài tâu phải vọng dân (50$,00) mà dẫu phải sửa lễ mừng đáng (10$,00) ai có sắc tứ cửu phẩm giở lên hoặc chánh phó tổng phải vọng dân (30$,00) ba mươi đồng bạc, dân sửa mừng đáng 5$,00 đồng bạc, có bằng tứ phó lý giở lên phải vọng dân (20$,00) hai mươi đồng bạc dân sửa lễ mừng đáng giá (2$,00), ai có các tốt nghiệp văn bằng phải vọng dân 15$,00 mười năm đồng bạc. Các người làm hội đồng mà chưa có thứ vị cũng phải vọng dân 15$,00 mười năm đồng bạc những người (....) ai muốn vọng vào hạng hương ẩm lý dịch thì phải 20$,00 vào hạng phó lý 15$,00 và hạng Hương trưởng 10,00$, ai vọng được năm mươi đồng bạc được trừ tạp dịch mãn đại mà ngồi vào hạng lý trưởng hương ẩm.

Điều thứ 103: Ai đến năm mươi tuổi vọng dân ba đồng bạc, thì được vào hội lão, được trừ tạp dịch, đến sáu mươi tuổi giả ruộng của dân thì được trừ thuế.

Điều thứ 104: Hội hương lão ai năm mươi tuổi mới được vọng vào hội tư văn, khi có tế tư thì đi hành lễ, hội từ vũ khi có rước thì đi sau nhạc.

Thứ vị

Điều thứ 105: Những người nghi văn võ bằng thì cứ chiểu tòng quốc điển còn các giáp thì cứ chiểu niên xỉ mà ngồi.

Điều thứ 106: Các hạng linh chinh ngạch cứ theo thứ vị của mình mà ngồi, nếu ai không tuân thì chiểu khoản bất tuân hương ước trình quan bắt phạt.

Điều thứ 107: Trong làng ai trái khoản ước trên này thời hội đồng tùy tình nặng nhẹ mà bắt phạt hoặc phạt tiền từ 0,20$ đến

1,00$, không cho dự đình tế tự một tháng đến hai năm hoặc truất ngôi xuống từ một bàn đến ba bàn nếu ai (...) thì hội đồng trình quan chiểu luật nghiêm trị đệ niên đến ngày giỗ hậu thì thư ký phải (...)

Hương ước của làng Tương Trúc

(...)

Thừa sao y như Hương ước chính bản

Lý trưởng

Hoàng Văn Giảng

Thuận đồng đã ký hương ước

Lý trưởng Bùi Văn Thảm ký. Phó lý Vũ Văn .... ký. Mục tuần Trần Văn Lợi ký.

(...)

HƯƠNG ƯỚC LÀNG THANH LIỆT

Tổng Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông

Sử ký làng Thanh Liệt

Tên làng xã Thanh Liệt xưa là Quang Liệt trong tổng Thanh Liệt, huyện Thanh Đàm, tỉnh Hà Nội, sau vì chữ Quang húy, nên đổi là Thanh Liệt xã, thuộc tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông, tỉnh Hà Đông sở lị tại làng Cầu Đơ trước thuộc tỉnh Hà Nội, xứ Bắc Kỳ nước Đại Nam.

Địa giới: Làng Thanh Liệt ở về phía đông nam tỉnh lị, cách tỉnh 5000 thước Tây (tức là 1250 trượng An Nam).

Đầu làng giáp xã Kim Lũ cuối làng giáp xã Huỳnh Cung. Làng ở theo một giải sông Tô Lịch, đông cận xã Kim Lũ và Đại Từ, tây cận xã Yên Xá và Nhuệ Giang, nam cận Bằng Liệt, Huỳnh Cung và Tả Thanh Oai, bắc cận Triều Khúc và Kim Lũ.

Làng có ba thôn là: Thượng, Trung, Hạ. Ba thôn lại chia ra làm 5 là: Cự Đông, Chu Nhì, Trung thôn, Vực thôn với Văn thôn.

Bây giờ 5 thôn lại chia ra làm 7 giáp là Cư đông, Chu Nhì, thuộc về thôn Thượng, Nam Thượng, Nam Hạ, Võng Đoài (thuộc về thôn Trung) Đông Vực, Văn Võ (thuộc về thôn Hạ).

1. Giáp Cự Đông thì bên đông giáp đồng làng Đại Từ bên tây bắc giáp đồng làng Kim Lũ, bên nam giáp thôn Chu Nhì từ Ngo Thủ đến Đồng Vũ.

2. Giáp Chu Nhì phía đông giáp đất làng Bằng Liệt, phía tây giáp đồng làng Kim Lũ, bên nam giáp thôn Trung, từ dọc nội đến Đông Tảo, bên bắc giáp Cự Đông.

3,4,5. Giáp Nam Thương, Nam Hạ, Đông Đoài thì bên đông giáp làng Bằng Liệt, bên tây giáp đồng làng Triều Khúc và làng Yên Xá, bên nam giáp Đông Vực đến cầu Bươu, bên bắc giáp Chu Nhì.

6. Giáp Đông vực thì phía đông giáp thôn Trung lên tây bắc giáp địa phận thôn Trung, không đến cầu Bươu, bên nam cận từ đường cầu bươu giáp đất Tả Thanh Oai đến ngã tư Tó.

7. Giáp Văn Võ thì bên đông giáp làng Huỳnh Cung bên tây cận đất thôn Vực, thông đến ngã tư Tó, bên nam giáp đồng làng Tả Thanh Oai, bên bắc giáp làng Bằng Liệt, phía trên đến xứ Duy Liệt Trung thôn.

Địa diện: Cứ theo địa bạ Gia Long thì làng có:

1. 740 mẫu ruộng, 100 mẫu thổ cả công lẫn tư, kể cả tha ma thổ phục, công thổ của dân.

Nay theo đồ bản của sở địa chính Hà Đông mà đo đạc lại từng thửa thì làng hiện có:

Điền 654 mẫu, 8 sào, 12 thước.

Thổ: 191 mẫu, 3 sào, 7 thước.

2. Một khúc sông Tô Lịch từ giáp địa phận làng Kim Lũ đến giáp địa phận làng Huỳnh Cung, nhưng khúc sông từ Kim Lũ đến cống chợ Quang chỉ được một nửa về phía giáp dân ở, còn nửa bên kia thì về phần làng Đại Từ, làng Bằng Liệt, còn từ cống chung đến Huỳnh Cung thì của bản xã cả, cái cống gạch ở thôn Cự Đông bắc qua sông Tô sang đồng Đại thì của bản xã. Cái cống gạch ở chung thôn, bắc qua sông Tô sang làng Bằng Liệt thì của bản xã, nhưng khi sửa lại cống này thì làng Bằng Liệt cũng góp vào một ít tiền.

3. Một xứ cống bì, đầm hòn có khe ngòi vào. Đầm hòn thông ra Nhuệ giang.

4. Ba cái vực: một cái ở đầu hai cái ở cuối thôn Cự Đông.

Dân số: số đinh kì 18 đến 60 tuổi phải đóng sưu kể từ năm bắt đầu lập hương ước là năm 1935 thì số đinh được: 619 xuất.

Tôn giáo: Đồng dân theo Thích giáo.

Hương chính các việc trong làng do hương hội quản trị.

Chủ ý - Cải lương

Khoản ước bản xã lưu lại từ xưa, hoặc chỉ khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không hợp thời. Bởi vậy năm Duy Tân nguyên niên tuế Đinh vị tức là năm 1908 Tây, nhờ ơn quan công sứ bản tỉnh cùng quan tổng đốc Hoàng đại nhân đã cho dân lập hội đồng tự sự và làm hương ước cải những tục lệ không thích thời. Tỉnh giảm sự yến ẩm, để dành tiền làm việc công ích, đó là thời kỳ làng ta bắt đầu cải lương trước nhất tỉnh Hà Đông. Bây giờ so nghị định ngày 25 tháng 2 năm 1927 của quan thống sứ Bắc Kỳ thì bản hương ước ấy có điều chưa được phù hợp, nên đồng dân lại thỏa thuận làm lại hương ước này cho hợp với nghị định ấy, sau sẽ theo trình độ tiến hóa của dân mà thêm bớt.

Phần thứ nhất

Điều thứ 1: Xã Thanh Liệt lập một hội đồng kỳ mục, mấy một hương hội chiểu theo nghị định quan Thống sứ Bắc Kỳ ngày 25-2-1927.

Điều thứ 2: Việc quản trị trong làng giao cho hương hội. Trong hương hội có một ban trị sự là một viên chánh hội, một viên phó hội, một viên thủ quĩ, một viên thư ký, chức chánh và phó hương hội thì bầu người đủ tư cách, nếu trong các giáp biểu người nào có chức sắc là người có lịch duyệt thì nên bầu hai chức quan trong ấy.

Điều thứ 3: Hương hội tự sự khi nhận chức phải làm lễ tại đình trước bàn thờ đức Đại vương thề xin đem lòng thành thực, công bằng làm chọn nghĩa vụ là dân biểu bằng có lòng tư lợi vị kỷ xin thần minh chu liệt.

Điều thứ 4: Những tiền lộ phí cấp cho những viên hương hội và lý dịch cùng hộ lại đi công cán thể lệ sau này.

1. Khi phải đi công cán mà trong vòng 4 kilomet thì không được tiền lộ phí.

2. Khi lên tỉnh Hà Đông mỗi viên ngày được 0,30$ nếu đường xa quá 5 kì lô mét thì mỗi ngày được 0,40$ hay 0,50$.

3. Phàm đi đâu mà không có lệnh trên hay không phải là công cán thì không được tiền lộ phí.

4. Chánh hương hội cấp cho các viên đi công xuất hoặc lên tỉnh hay xuống huyện một cái giấy đi đường khi về phải xin quan chuẩn nhật, cho thu về đính vào cuống phiếu phát ngân lưu lại thủ quĩ.

5. Khi viên nào đi mua bán hoặc sắm sửa việc công thì chánh phó hội cấp cho một cái giấy đi đường trong hạn chế là mấy ngày.

6. Chánh hội xét xem việc công cán tùy lớn nhỏ mà cắt nhiều hay ít người đi, nếu cắt quá làm tổn tiền dân thì phải bồi.

Điều thứ 5: Cấp cho thư ký tiền bút, chỉ mỗi năm 2,00$, lương cho thủ qũy, thư ký mỗi người mỗi năm 6,00$.

Điều thứ 6: Viên giáp biểu nào lười biếng không lo trọn công việc của hội đồng đã ủy thác cho mình, mà mình đã nhận làm thì phải phạt từ 0,10$ đến 0,50$ (...) mãn kỳ học mà thi đỗ phải về làm cho dân hoặc, làm thư ký hoặc hộ lại, hoặc (...).

Ai đỗ trước làm trước, nếu nhiều người cùng đỗ một lúc thì gắp thăm.

Nếu học lười biếng hay bởi cớ gì phải đuổi thì phải bồi giả tiền học phí của dân. Nếu mỗi kỳ học mà không đỗ thì phải học lại mà phải chịu lấy tiền học phí.

Người nào thi đỗ mà không bởi duyên cớ gì lại không làm việc cho dân thì phải bồi lại tiền học phí.

Chức thư ký, hộ lại và trưởng bạ thì hương hội nên bầu những người đã có bằng tốt nghiệp trường thư ký Hà Đông, là người đã học qua các công việc làm của các chức ấy.

Điều thứ 8: Hộ lại giữ sinh, tử, giá thú, trưởng địa bạ giữ sổ điền thổ.

Cấp cho hộ lại, trưởng địa bạ mỗi người mỗi năm 6,00$ lương. hộ lại trưởng địa bạ cùng trưởng lý được dự vào ban hương hội.

Điều thứ 9: Người nào làm thư ký mà kiêm được chức hộ lại hay trưởng địa bạ thì mỗi chức kiêm được 3,00$ lương một năm.

Thư ký, hộ lại, trưởng bạ, không làm trọn bổn phận mình thì hương hội trình quan nghị xử.

Sổ chi thu

Điều thứ 10: Sổ chi thu trong xã phải làm theo cách thức nói trong nghị định quan thống sứ ngày 25-2-1927.

Điều thứ 11: Cứ mỗi tháng thì hương hội kiểm quĩ một lần và làm biên bản. Đến hết năm thì hương hội tính sổ xem thực thu bao nhiêu, chi hết bao nhiêu còn thừa bao nhiêu làm biên bản rồi yết thị tại đình để đồng dân biết.

Điều thứ 12: Những tiền các năm trước còn lại thì dân dùng để tậu ruộng hay cho những người trong làng vay mà phải thế ruộng. Ai vay thì phải làm văn tự, do người trong ban hương hội bảo lĩnh, tiền lãi đồng niên mỗi 100,00$ là 8,00$ là cùng mà chỉ được vay một năm (...)

Việc sưu thuế

Điều thứ 13: Lý trưởng tiếp quan phát chỉ báo thuế về, thì phải tường chánh hương hội để họp cùng kỳ mục, hội đồng tính bổ.

Ngày hội bổ thuế cấm hương hội không được bày ra ăn uống để làng phải đóng góp nặng nề.

Sưu thuế đã có ngạch của nhà nước, hương hội cứ theo trong chỉ bài mà bổ. Vả lại cứ theo tục dân thì điền thổ quân san chịu thuế chứ không phân đẳng hạng.

Tiền lễ đảo võ cùng tiền sang hộ bổ cho chủ điền chịu.

Bất hạnh những người tử quá trước kỳ thuế thì dân lấy tiền công quĩ đóng sưu cho, sau lý trưởng xin giảm được lại sung vào công quĩ.

Trong bài bổ phải kê rõ thuế nhà nước, đánh mấy mẫu điền, mẫu thổ chịu bao nhiêu.

Khi bổ xong lập biên bản ra 4 bản, một bản trình quan xét thực, một bản niêm yết công đình, 1 bản giao thư ký nhận, 1 bản giao kinh tế chiểu thâm.

Lý trưởng cứ chiểu bài bổ mà thu, nếu thu lạm mà hội đồng xét được chuyển trình có lỗi.

Trước kỳ bổ thuế ba ngày thì dân đinh phải nộp đủ thuế đinh điền để lấy biên lai và lãnh thẻ, ai thiếu thuế mà thân thuộc và giáp biểu người ấy không thể ứng quả được, thì lý trưởng trình quan xét xử.

Điều thứ 14: Khi quan giao thẻ tùy thân về thì lý trưởng biên tên tuổi dân sinh và áp triện vào rồi phát ngay cho người ta không được sách nhiễu gì.

Bảo lý phó trưởng

Điều thứ 15: Khi nào trong làng khuyết lý trưởng thì hương hội họp lại bình chọn người có hạnh kiểm tốt và đủ tư cách nói trong nghị định ngày 3 tháng 7 năm 1930 mà bầu. Mỗi năm dân cấp cho lý trưởng 24,00$ lương.

Điều thứ 16: Khi nào trong làng khuyết phó lý thì hương hội bảo cử phó lý cũng như cách bầu lý trưởng, phó lý phải theo lý trưởng làm việc quan, đê điều, tuần, phòng các việc, thời năm dân cấp cho phó lý 20,00$ lương.

Điều thứ 17: Lý trưởng, phó lý được lòng về tình dân thì làm lễ thần mâm xôi cái thủ lợn, 3 chai rượu, 100 giấu, lễ xong kính dân huynh hạng tại đình.

Cắt lính

Điều thứ 18: Hễ quan trên cắt người ứng tuyển làm lính tráng thì lý trưởng phải tường hương hội.

Hương hội họp tại đình chọn lấy nhà nào đa đinh cường tráng thì cắt 1 người theo lý trưởng đi ứng tuyển, người nào đã được tuyển lại trốn tránh để khó cho dân làng mà quan trên trách phạt thì người ấy chịu, dân phải đi khai báo thì phí tổn về phần người ấy.

Kiện cáo

Điều thứ 19: Trong làng ai có bất hòa vì dân sự hay thương sự, trước hết nên tường hội đồng hòa giải

Nếu hội đồng hòa giải xong thì lập biên bản đệ trình quan sở tại vào sổ hòa giải, nếu hòa giải không xong thì trình quan xét xử.

Điều thứ 20: Hương hội về nguyên bị mà phải đi làm chứng trước (...) trước huyện, trước tòa thì người thua kiện phải chịu tiền lộ phí nhưng người nại chứng phải ứng tiền trước.

Điều thứ 21: Trong làng ai có bực tức điều gì thì cũng phải tường hội đồng phân xử, không được chửi nhau đánh nhau làm huyên náo dân cư hay cậy mình đánh người ta, kiện có bằng chứng thì phải từ tạ người ta và phải phạt từ 0,10$ đến 0,50$ và không được ra đình chiêm bái từ một tháng đến 1 năm, hay là trong hai thứ phạt ấy phạt một thứ thôi.

Điều thứ 22: Những việc hình sự dù hương hội không có phép hòa giải, nhưng người có việc cũng phải tường hương hội biết, hương hội xét cái duyên cớ việc hình phát ra, rồi làm biên bản trình quan mà không được đòi ăn uống hay là cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Điều thứ 23: Người nào khác lý bị quan phạt vì cảnh thì hội đồng thôi không phạt nữa.

Điều thứ 24: Khi có việc công phải đi kiện cáo thì dù dân là nguyên hay là bị cũng phải có lệnh quan trên cho phép rồi mới được đi (nghị định ngày 6-3-1906).

Việc tuần phòng

Tuần phòng trong làng

Điều thứ 25: Tuần phòng là một việc rất thiết yếu để bảo vệ tài sản tính mệnh của dân làng. Vậy phải chỉnh đốn việc tuần phòng cho có cương kỷ, thiết điểm các thôn, sắm khí giới, sắm đồ cứu hỏa, dự bị sẵn sàng, để phòng khi bất trắc như công quĩ có dư sẽ mang y phục cho tuần và luyện tập cho thành hẳn 1 ban cảnh sát của làng vậy.

Điều thứ 26: Các giai trong làng từ 18 đến 49 tuổi phải làm (...) cựu kỳ dịch không bị can cách, can bãi, các nghị viên hội viên và các giáp biểu đương thứ, các người tàng tật các học sinh đương tòng học. Những người này cũng được trừ tạp dịch trong làng. Người nào đến lượt làm tuần mà không thể đi được phải mượn người đi thay, hay nộp cho thôn mình ở 6,00$ để thôn ấy cắt người khác.

Điều thứ 27: Người ngoài đến ngụ cư có gia sản trong làng ở thôn nào cũng phải làm tuần thôn ấy, nếu không người ngụ cư ấy không đi tuần được thì phải mượn người khác đi thay hay phải nộp cho thôn ấy 6,00$ để thôn ấy cắt người khác đi thay, nếu không thì mất mát gì tuần thôn ấy không chịu trách nhiệm.

Còn người ngụ cư ở chung nhà với người làng thì không phải theo lệ ấy.

Điều thứ 28: Tuần do các giáp cắt ra.

Giáp Cự Đông có 6 tên tuần

Giáp Chu Nhì có 6 tên tuần.

Giáp Nam Thượng có 4 tên tuần

Giáp Nam Hạ có 4 tên tuần

Giáp Đông Đoài có 4 tên tuần

Giáp Đông Vực có 6 tên tuần

Giáp Văn Vũ có 10 tên tuần

Điều thứ 29: Hạn làm tuần có 1 năm kể từ ngày tháng Giêng An Nam, các thôn phải kê cho hương nội biết tên những người nào làm tuần năm ấy.

Tuần thôn nào phải canh giữ trong thôn ngoài đồng thuộc về địa phận thôn ấy. Trong làng hỗn cư hỗn canh thì người nào nhà ở đâu thu dịch ở đấy. Thủ phiên và tuần tráng theo quyền phép hương hội và lý dịch, tối đến tuần các thôn phải ra điểm canh.

Tên tuần nào bận việc phải mượn người đi canh hộ, nếu bỏ không canh lần thứ nhất phải phạt 0,10$ lần thứ 2 phải phạt 0,20$,

lần thứ ba phải trình tòa án xét xử phạm về tội kể trong điều thứ 323 câu thứ 1, luật hình An Nam.

Ban đêm canh phải đi tuần để giữ trộm cướp, khó lẩn vào thôn cư được.

Điều thứ 30: Phàm người lạ mặt không quen biết ai họ sản mà vào trong thôn cư thì lý trưởng phó, trưởng, tuần tráng phải hỏi thẻ, hay là người tình nghi thì phải trục ra khỏi làng ngay hay bắt giải nộp quan.

Nhà nào có khách lạ vào trú ngụ phải tường tuần với giáp biểu thôn ấy.

Điều thứ 31: Các lý dịch cũng phải xem xét trong làng ai làm điều gì vi pháp phải đem tường hội đồng phân xử.

Lý dịch đi có việc quan hay đi soát tuần thì phải thỏa hiệu giốc, nếu có việc cấp cứu động đến hiệu trống (...) ba hồi ba tiếng, thì hết tuần, các thôn lập tức phải đến chỗ ấy, theo lý dịch mà ứng việc, nếu không đến sẽ phải phạt mỗi người 0,20$ sung công, còn trống mõ liên thanh thì trong làng phải ra ứng cả.

Điều thứ 32: Phàm trong làng tuần thôn nào canh phòng bất cẩn để mất trộm vật gì mà tuần thôn ấy không bắt được, hay không tìm ra được việc trộm, sẽ phải bồi thường tang vật, chứ không can thiệp đến tuần thôn khác.

Song có cướp, trừ khi tuần các thôn khác cũng đã giúp hết sức đánh không được thì mới không phải đền, nếu không cũng phải bồi thường tất cả tang vật mất cướp.

Nếu có trộm cướp thì tuần phiên phải hết sức mà chống cự, trong làng lúc đó, ai có nhà cũng phải đem gậy, dao ra mà giúp sức đấu chiến, thế mới phải đạo làm người biết tương thủ, tương cứu, mà lại chẩn võ dương uy, làm quân gian khiếp sợ.

Điều thứ 33: Tuần bắt được kẻ cắp được thưởng 0,10$, bắt được kẻ trộm tùy tang vật nhiều ít được thưởng từ 0,10$ đến 1,00$, bắt được kẻ cướp được thưởng 10,00$.

Điều thứ 34: Khi bắt được kẻ gian phi mà cần phải giải nộp quan trên thì phải tốn về việc đi nộp ấy (...)

Khi dân có việc sai đến tuần quả phận sự họ, thì từng việc nặng nhẹ mà chi tiền.

Nếu về việc tư mà tuần phải canh gác, thì mỗi ngày canh được 0,20$ do sự chủ khiếu lý phải chịu.

Tuần phòng ngoài đồng

Điều thứ 35: Tuần thôn nào phải coi lúa, mạ, hoa, màu cây cối cùng các mộ ở địa phận đồng điền thôn ấy, hễ mất mát gì thì tuần phải bồi thường.

Điều thứ 36: Các nhà chủ có mẫu vật, vải, nhãn v.v... được phép đến gốc cây để giữ dơi, chuột, tuần không được ngăn cấm.

Các chủ có cây muốn đẵn, bỏ đi, phải báo tuần thôn ấy biết, nếu không báo phải phạt 0,30$.

Điều thứ 37: Cấm chăn hay thả trâu bò ở các bờ công cùng các sở có lúa, mạ, mẫu vật và cây có quả, nếu trái lệnh mỗi con vật bắt được phạt 0,30$.

Tuần nào bắt được trâu bò, vi pháp thì tiền phạt thưởng cho tuần ấy. Nếu tuần không trông nom mà người làng bắt được hay tuần thôn khác bắt được, thì thưởng cho tuần bắt được mà tuần thôn ấy không những là không được thưởng, lại phải phạt thêm 0,30$ sung công.

Điều thứ 38: Trong khi gặt hái tuần phải ngăn cấm kẻ mót từ sáng đến hôm, nhất thiết cấm không cho ai xuống đồng mót nhặt hay ai đổi quả bánh giầu thuốc lấy lúa chỉ những người góa bụa, mồi côi, già yếu mà nhà nghèo khổ mới được đi mót nhặt bông lúa rơi rụng, mà chỉ được mót nhặt lúa ở những ruộng đã gặt lúa rồi.

Từ 3 giờ chiều lúc lúa lượm gánh về, ruộng nào còn lúa chưa gánh hết, cũng không được xuống mót, kẻ nào trái lệ phải phạt từ 0,05$ đến 0,10$.

Trẻ con vị thành nhân thì bố mẹ hay người đỡ đầu phải can trách. Tuần thiên vị không chịu ngăn cấm kẻ mót để những nhiễu người gặt sẽ phải phạt 0,30$.

Điều thứ 39: Những bờ khuyến nông ở thôn nào thì tuần thôn ấy phải bồi phục cho cao rộng.

Hễ ai hủy hoại các đường khuyến nông, thì tuần phải tường Hương hội xét thực sẽ phạt từ 0,10$ đến 1,00$.

Điều thứ 40: Tuần phải giữ nước cống khi chấp thủy phóng thủy phải theo mệnh lệnh hương lão giáp biểu điển chủ thôn ấy.

Nếu tuần tráng sơ phòng chấp phóng thủy không cẩn, hoặc để cạn nước đồng điền, hoặc làm ngập lúa, mỗi tên tuần sẽ phải phạt từ 0,70$ đến 1,00$ mà thủ phiên thôn ấy phải đuổi, đã phải đuổi về thì cũng phải phạt từ 1 tháng đến 1 năm không được ra đình chiêm bái.

Những người tháo nước đơm cá, làm ruộng bị cạn lúa nát thì tuần bắt ngay tường hương hội bắt xét phạt từ 0,10$ đến 1,00$.

Điều thứ 41: Phàm người nào ăn cắp hay phá hủy hoa mầu cây cối trong làng ngoài đồng v.v... thì tuần phải bắt giải cho lý trưởng để đem tường sưu thuế bắt bồi thường mà bắt phạt từ 0,10$ đến 1,00$ và phạt không được ra đình chiêm bái từ 1 tháng đến 1 năm, hai thứ chỉ phạt 1 thứ thôi.

Trẻ con vị thành đinh mà phạm lỗi này thì bố mẹ hay người đỡ đầu phải chịu trách nhiệm.

Làm tuần mà lại phạm lỗi ấy thì phải bồi và phải phạt từ 0,10$ đến 1,00$ mà tên tuần ấy cùng thủ phiên phải đuổi về và 1 năm không được ra đình chiêm bái. Trừ ra khi nào không có thì chiếu theo điều thứ 293 trong luật hình An Nam mà bắt tội được (...) cả tháng 5 lẫn tháng 10 cứ mỗi sào được 6 nắm tay lúa thành 3 gồi.

Còn ruộng giống mầu thì mỗi sào, mỗi mẫu tuần được lấy 0,20$ mà ruộng giống khoai tây thì mỗi sào được 0,10$.

Những cây vải ở ngoài đồng thì 1000 quả vải tuần được lấy 0,50$.

Sự cấp cứu

Điều thứ 43: Gặp lúc cần cấp như thủy, hỏa, đạo, tặc... thì tuần 5 thôn, ai có mặt ở nhà, hễ thấy hiệu báo cấp, lập tức đem khí giới hay vật liệu đến ngay chỗ bị nạn mà cấp cứu. Nếu ai biếng nhác, hoặc lẩn mặt, hoặc đến nhưng không hết sức cứu hộ, mà hương hội xét được đích thực sẽ phải phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Người trong làng tức là trong một đoàn thể phải nên bênh vực nhau mình được tin cáo cấp thì nên đến ngay chỗ bị nạn mà cứu giúp thế mới hết bổn phận mình là người trong đoàn thể.

Điều thứ 44: Ai làm nghĩa vụ mình mà bị thương thì sưu thuế sẽ liệu cấp tiền để uống thuốc, hay đưa vào nhà thương điều trị. Nếu bị thương mà thành trọng tật, thì dân thưởng cho 1 vị thứ vào chiếu tả hữu dịch ở đình mà không phải nộp tiền vọng vào dân, còn tiền lệ riêng chiếu ấy phải nộp. Nếu người ấy có vị thứ rồi, thì cho con cháu người ấy.

Nếu bị thương mà chết thì dân cấp tiền tuất cho 50,00$, lại cho người con cháu người ấy vọng vào Tả hữu dịch ở đình như đã nói ở trên. Khi đưa ma cả làng cùng đi đưa để tỏ lòng thương tiếc người có công với đoàn thể.

Việc đê điều

Điều thứ 45: Người trong làng từ 18 tuổi giở lên phải đi hộ đê, chỉ trừ chức sắc, khoa mục, các viên đang tòng sự, các tân cựu, dịch không bị can cách, can bãi, các hương sắc, hương viên, nghị viên hội viên và các giáp biểu đương thứ, các bô lão từ 50 tuổi giở lên các người tàn tật, các học sinh đang tòng học. Nhà nước cần bao nhiêu tráng thì quân về thất giáp các hàng đi hộ - đi thì hội đồng lấy tiền công quĩ lưu chi cho ngày bao nhiêu. Nếu nhà nước dùng đến họ thì cùng quân tề thất.

Việc vệ sinh

Điều thứ 46: Người ta ai có mạnh khỏe thì mới sống lâu. Muốn cho dân làng được mạnh khỏe, thì ai cũng cần biết giữ vệ sinh chung

còn vệ sinh riêng, nhất là đàn bà sắp sinh nở lại cần vệ sinh lắm, cần phải có cô đỡ chuyên môn để tránh khỏi sự nguy hiểm cho trẻ. Vậy dân phải chọn người cho đi học đỡ và cấp tiền học phí mỗi tháng 6,00$.

Sưu thuế và lý dịch phải hiểu bảo dân trong làng nên giữ trong nhà ngoài ngõ cho sạch sẽ.

Điều thứ 47: Trong các thôn có đường thuận lộ, thì đường thôn nào thôn ấy phải bồi bổ cho cao rộng để đi lại cho tiện.

Sai hạng phải rộng 2 ngũ (4m Tây) giở lên hiểu hạng phải rộng 1 ngũ (2 thước Tây giở lên)

Ngòi rãnh trong thôn phải soi thông cho khỏi lầm lội, cái giếng đào lấy nước ăn phải giữ gìn cho được trong sạch.

Điều thứ 48: Cấm phóng uế và vất rác bẩn ra đường đi trong xóm hay ngoài làng. Cấm làm nhà xí ở bên đường ngõ đi lại trong làng, hay là một cách bộc lộ sơ sài quá để uế khí xông ra lối đi cho hại vệ sinh. Ai phạm phải dọn đi.

Cấm không được vất quần áo của kẻ ốm, hay người chết xuống đầm ao, sông, giếng.

Cấm làm chuồng lợn, chuồng xí cạnh đầm, giếng, sông, hay những chỗ mà đổ bẩn có thể chảy xuống đầm, sông giếng được ai phạm phải giở đi.

Điều thứ 49: Khi trong làng phát ra bệnh truyền nhhiễm, hoặc người hay súc vật thì lý trưởng phải phi báo quan và khất (...)

Việc sửa sang đường sá, cầu, cống

Điều thứ 50: Con đường cái của làng từ giáp Kim Lũ đến ngã tư Tó và cái bể lọc nước giao cho tên thủ lộ sang sửa cho bằng phẳng, quét dọn cho sạch sẽ cỏ rác, mỗi tháng sẽ cấp cho tên ấy 2,00$ lương. Nếu tên ấy lười biếng công việc làm không hết bổn phận thì phải phạt lương hay phải đuổi.

Ai vì lợi riêng mà làm hại đường sá, cầu cống, gò, đồng chung của dân cư thì phải bồi đắp lại và phạt từ 0,20$ đến 1,00$. Ai cần

thảo nước hay tát nước qua đường thì phải nói với giáp biểu cùng tuần sở tại. Khi công việc làm xong phải đắp lại đẹp đẽ như cũ, nếu bỏ không đắp lại hay đắp dối trá sẽ phải phạt 0,20$ và phải đắp lại. Nếu không đắp lại thì sưu thuế thuê người đắp phí tổn bao nhiêu người ấy phải chịu.

Việc vệ nông

Điều thứ 51: Muốn cho việc canh nông ngày được tiến bộ thì năm nào dân làng cũng phải bồi bổ các đường khuyến nông và các cầu cống, khai sâu các ngòi lạch để thông thủy đạo.

Hằng năm cứ về độ khô cạn, rảnh công việc, sưu thuế sẽ cho mõ rao để các chủ ruộng gần ngòi lạch ai muốn lấy luôn để bón ruộng thì lấy cho được luồng tiện.

Các chủ điền phải lấp giữ gìn bờ ruộng không được vát bờ đi. Nếu có vát cỏ bờ, vát rồi lại phải đắp lại về phía bên ruộng mình, không được bỏ lở dần đi mà chực lấn ruộng người khác ai phạm phải đắp lại và phải phạt từ 0,10$ đến 1,00$.

Điều thứ 52: Cấm không ai được tự tiện đắp đập cắm đăng cống sông, cống đầm mà đơm cá thì sưu thuế chưa cho phép để đến nỗi úng thủy làm hại đồng điền, ai phạm phải phạt 0,20$.

Cấm chăn nhiều gà, vịt, ngỗng ở ngoài đồng, khi đã gieo mạ và cấy lúa. Ai phạm phải phạt 0,30$. Nếu tổn hại lúa mạ thì người phạm lại phải đền nữa.

Công sản của làng

Điều thứ 53: Đã gọi là của công dân, thì người trong làng ai cũng phải có nghĩa vụ giữ gìn, nếu ai làm tổn hại của công thì phải bồi thường.

Điều thứ 54: Đáng lẽ cứ theo chỉ dụ thứ 2 niên hiệu Gia Long và nghị định quan kinh lược ngày 20-4-1894 cùng điều thứ 2 nghị định ngày 8-3-1906 thì cấm hẳn việc vay mượn hay bán công điền, công thổ. Nhưng quan trên cũng có thể đặc cách mà cho phép cầm bán

quyền vụ được. Vậy khi cần có sự cương nhu mà phải xin phép quan trên thì những người ký tờ giao kết cầm bán ấy phải chịu trách nhhiệm, chứ không can gì đến đồng dân. Thể lệ ấy mang thi hành về cả phiếu quốc trái của công dân nữa.

Điều thứ 55: Công dân có:

- Một tòa đình ở đầm Hòn thờ vị bản cảnh đại vương nguyên là người làng, họ Phạm nhà tiền Lý Nam Đế đánh giặc Dương Tư có công được truy tặng Long Biên hầu, sắc phong thượng đẳng phúc thần.

- Một thọ đàn ở bên đình đầm Hòn thờ các điện lão.

- Một văn từ ở gần chợ, xứ Quy Dõi, thờ đức tiên hiền nguyên là người làng, họ Chu làm Quốc tử giám tư nghiệp đời nhà Trần, sắc phong thượng đẳng phúc thần.

Ba sở ấy là của công dân, còn thôn Cự Đông có riêng ngôi chùa, thôn Trung có riêng một ngôi đình với 1 ngôi chùa. Thôn Đông Vực có riêng 1 ngôi đình làm trên đất công dân và 1 ngôi chùa. Thôn Văn có riêng 1 ngôi đền làm trên đất công dân ở xứ Thổ kỳ.

Điều thứ 56: Dân có một trường học Pháp Việt, nhà nước bổ thầy giáo về dạy và người chạy giấy quét dọn. Thầy giáo và người chạy giấy ăn lương nhà nước, làng không phải khoản (...) phải phạt từ 0,10$ đến 1,00$.

Đến ngày tháng 8-1935, thừa lệnh quan thống sứ Bắc Kỳ bãi bỏ người chạy giấy nói trên, nên dân phải cắt người trong làng ra thay trông nom quét dọn và dân làng trích 1 thửa ruộng là 5 sào 10 thước ở trước trường học và 7 sào Hạ Điền ở xứ Đồng Lau để làm lương tháng.

Điều thứ 57: Ở trước bể lọc nước dân có 1 sở hộ sinh, đủ đồ dùng như nhà thương tỉnh và mụ đỡ chuyên môn để đỡ sản phụ sinh nở cho được vệ sinh hoàn toàn.

Trong sở hộ sinh có một phòng tiếp khách, 1 phòng đẻ, 3 phòng để sản phụ nằm và tủ đựng thuốc, 2 phòng để mụ đỡ ở, 1 gian bếp, 1 bể nước tắm, 1 gian nhà xác, xung quanh có cây cối hoa quả.

Dân dùng 2 mụ đỡ có bằng tốt nghiệp chuyên môn ở đấy để đỡ đẻ và trông giữ các đồ vật cùng cây cối hoa quả, trong sở hộ sinh, nếu để mất mát đồ vật phải đền, nếu làm không hết bổn phận thì dân trình quan đuổi lấy người khác thay.

Thay tiền lương dân cấp cho 2 mụ đỡ, 1 thửa ruộng Hạ Điền ở xứ đầm Hòn 1m20 và lĩnh 5 sào thu điền ở cái Đồng Văn cộng là 1m7, gọi là hộ sinh điền giao cho 2 mụ đỡ cày cấy mà ăn.

Điều thứ 58: Làng có cái bể lọc nước, cùng các đồ máy nước ở bể ấy. Tên thủ lộ coi bể lọc nước, ngày nào cũng phải máy nước lên đầy bể để dân làng lấy nước ăn. Tên ấy phải coi giữ máy nước, nếu để mất phải đền.

Ai dùng nước thì máy lấy đem về nhà, cấm không được đến bể lọc mà tắm giặt ai trái lệnh phải phạt 0,20$.

Điều thứ 59: Làng có 1 nhà bia kỷ niệm việc cải lương trong có giồng cây cối. Đến năm 1936, dân lại làm 1 đài kỷ niệm, để các kỳ hội đồng, hương hội họp ở đấy. Sở này giao 1 người trông nom quét tước cấm không ai được vào vẽ bậy. Ai không tuân sẽ phải phạt 0,20$.

Điều thứ 60: Làng có 1 ấu trĩ viên để trẻ con đến chơi và tập thể thao cho mạnh khỏe.

Chọn một người bảo mẫu sạch sẽ trông nom, tắm giặt cơm nước cho trẻ. Chọn 1 người trông nom quét tước cửa nhà, giữ gìn cây cối vườn tược cùng các đồ vật, gánh nước cho trẻ ăn uống tắm giặt. Nếu mất mát vật gì thì phải đền.

Người bảo mẫu coi vườn, nếu lười biếng không làm hết bổn phận mình thì phải phạt lương hay phải đuổi.

Lương người bảo mẫu mỗi tháng 2,00$ rưỡi.

Mỗi ngày một người giáp biểu đến xem xét chứng thực những trẻ ăn uống, tiền lương cùng tiền cơm do công quĩ giả.

Điều thứ 61: Làng có 1 cái chợ tục gọi chợ Quang. Chợ này có 1 quán gạch lợp kẽm, 2 quán gạch lợp ngói, 1 quán gạch 8 gian (5 gian cho thuê) còn ba gian để tuần tráng canh phòng.

Chợ thì giao thông dịch quét dọn sạch sẽ.

Chiểu theo nghị định số 288 ngày 14 tháng 11 Tây năm 1925 của quan thống sứ Bắc Kỳ thì cho tên thông dịch ấy cứ mỗi phiên chợ đi thu chỗ ngồi, mỗi cửa hàng nhớn 0,10$, bé nửa xu.

Đồng niên thu được bao nhiêu thì cho vào công quĩ để cho trẻ quét tước, cùng sửa sang quán chợ lụi hỏng, nhưng năm nào cũng phải vào sổ dự toán năm ấy, có lệnh quan trên cho phép rồi mới thi hành.

Chợ ấy của dân nhưng thuộc về địa phận thôn Trung, vậy vẫn có lệ để cho thôn ấy thu tiền hàng thịt mỗi năm 12,00$ và phiên chợ 28 tháng Chạp cho tuần thôn ấy thu được bao nhiêu thì lấy để bù công giữ gìn trông nom, phiên chợ 23 tháng Chạp lấy 8 đồng sung công quĩ.

Điều thứ 62: Những chỗ đất công có cây cối, có quả ở địa phận thôn nào thì thôn ấy được ăn hoa lời cả. Đất (...)

Các nơi vườn đất của dân mua rồi, hễ cây nào có quả là của dân cả.

Những cây cối ở đất công có già héo mà đem bán phá thì cũng cho địa phận sở tại 1 nửa, còn 1 nửa sung công.

Điều thứ 63: Đoạn sông Tô Lịch về địa phận bản xã, mấy xứ công ao đầm Hòn hằng năm cho chúng bắt cá được bao nhiêu tiền sung công quĩ. Ai trưng sông phải nhặt vớt cỏ, bèo tươi, rác khác cho sạch sẽ. Vì lười biếng không nhặt để bẩn sông làm hại vệ sinh mà sưu thuế phải thuê người làm cho thì phí tổn bao nhiêu người trưng sông phải chịu.

Ai không trưng sông, đầm mà xuống đánh cá hay câu cá thì phải phạt 0,20$.

Điều thứ 64: Các công điền công thổ cùng sông đầm cây cối có quả, đem đấu trưng hủy vụ được bao nhiêu tiền sung vào công quĩ. Khi đấu trưng thì hương hội phải đặt giá từ bao nhiêu giờ lên mà cho đấu giá kín và phải yết thị trước mọi người làng đều biết.

Người làng ai cũng có quyền đấu giá ai muốn đấu giá trước hết phải đặt tiền ăn quĩ tạm là bao nhiêu do hương hội đinh. Khi thầu được thì tiền ấy sẽ tính vào tiền đấu hưng, nếu thầu không được thì tiền ấy giả lại.

Hễ thầu được rồi lại bỏ thì tiền ấy sẽ tịch biên công quĩ ai thầu được thì hương hội hạn cho bao nhiêu ngày phải nộp đủ tiền. Nếu hết hạn mà nộp không đủ thì hương hội coi như thầu rồi lại bỏ, khi ấy đem đấu giá lại ngay.

Điều thứ 65: Ruộng kỳ tại hàng huyện có kỳ ở xã ta 1m 8 sào ruộng tư điền để xuân thu lấy tiền làm lễ văn chỉ hàng huyện, mỗi năm dân ta phải nộp 24$,00 lương.

Trừ gian lậu

Điều thứ 66: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm như: nấu rượu lậu, buôn thuốc phiện lậu, gá chứa cờ bạc... thì hương hội và lý dịch phải trông nom khám xét trong làng luôn để giữ gìn sự gian lậu.

Điều thứ 67: Phàm cờ bạc như xóc đĩa, ích xi, rồi chẵn lẻ, thò lò, xúc xắc, quay đất đều là cái nguyên nhân sinh ra du đãng ăn cắp, ăn trộm, nhất thiết cấm chỉ.

Người nào mà hương hội hay lý dịch đã bảo trước lại còn cố ý phạm thì bắt tang vật giải lên quan trừng trị.

Điều thứ 68: Người nào cản dở, ăn trộm ăn cắp cướp hoặc thù hằn đốt cửa đốt nhà người ta, hoặc phao ra những đồ cấm vật vào nhà vào ruộng người ta, hay là phạm tội bất hiếu bất mục, hễ bắt được giải trình quan trên xét xử.

Điều thứ 69: Những người phạm lệ cấm nói ở điều thứ 66, 67, 68 thì dù quan đã chiểu luật trị tội rồi và phải tù rồi mặc lòng, nhưng vì làm mất phong thể làng thì hương hội phạt những người ấy không được ra đình chiêm bái từ 1 năm đến 3 năm, kể từ ngày ở tù ra và cũng không được ứng bảo việc gì trong làng nữa.

Những người can về tù tội ở trong làng kể ở điều thứ 66, 67, 68 thì dân mới phạt, còn những người vi hiểu nghĩa như là bênh vực quyền lợi cho công dân hay cho cả nhân mà nhỡ phạm hình phạt, thì không kể ở lệ này.

Điều thứ 70: Trước phải đặt lệ bắt khoán để trừ cái lệ hoang dâm cho chính dân phong, nay việc hoang dâm đã có tòa án trừng trị thì dân không phải theo lệ cũ bắt khoán nữa.

Điều thứ 71: Lý dịch, tuần phiên, chuyên trách việc tuần phòng, để trị yên cho dân phải lưu tâm vào mục này, nếu thiên vị nể nang dụng tình che chở, một mai (...)

Sự giao thiệp

Điều thứ 72: Trong làng người nào cũng phải lấy lễ bảo nhau, kính lão, nhường trưởng, yêu trẻ, thương hèn, không được cậy cường khinh mạn người trên, ức hiếp kẻ dưới, không được ngồi hàng xó giả nói xấu người ta. Nếu không tuân lệnh phải phạt 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 73: Theo tục cũ, khi có quan trên đến làng thường chỉ có lý dịch đương thứ ra nghênh tiếp mà thôi, nếu lý dịch đi vắng thì quan khách không biết hỏi ai, như thế không tiện, nay định giao cho việc ấy cả hương hội nữa.

Không cứ quan Tây quan ta đến làng thì tuần hay người nào biết trước, phải phi báo lý dịch cùng hương hội ngay.

Hương hội cùng lý dịch phải lấy lễ nghi chính đáng mà tiếp đãi tại công sở. Nếu các quan muốn khám xét nhà nào thì phải thân dẫn đến khám, khi khám nếu có sự gì ngăn trở thì phải giữ gìn cho được ổn thỏa. Đến các quan trong làng cũng vậy như khi đương hành chính có về thăm làng, hương hội, lý dịch cũng đi nghênh tiếp để tỏ cái lòng thân ái, trân trọng người tôn trưởng của dân.

Điều thứ 74: Ở trong xã khi ông tiên chỉ cùng cụ thượng già nhất trong làng, hay ông chánh hương hội hoặc tân hoặc cựu mà bị đau yếu thì hương hội cùng lý dịch phải đến vấng lệnh, mà biện 1 cái quả đáng giá độ 1,00$ để tỏ tình tương kính tương ái với nhau.

Điều thứ 73: Trước có lệ ngày tết Nguyên Đán thì hội đồng lý dịch đến nhà mừng tuổi ông tiên chỉ và ông thọ nhất trong làng, mấy ông chánh hương hội đương thứ để tỏ lòng kính tước xỉ.

Nay dân định ngày tết Nguyên Đán các huynh trưởng ra họp cả ở đình để cùng nhau mừng tuổi cho được vui vẻ.

Điều thứ 76: Khi trong địa hạt có người ốm đau hay bị nạn gì, bất cứ là người ở đâu hương hội lý dịch nghe tin báo phải đến tận nơi, liệu phương kế mà cứu giúp ngay. Mà không cứ là hương hội lý dịch tuần phiên, người nào cũng nên lấy nhân đạo mà đối đãi người, thấy người ta bị nạn gì hay xẩy ngã cũng nên cấp cứu người ta, không nên ngoảnh mặt làm thinh.

Sự học hành và giáo dục

Điều thứ 77: Bổn phận cha mẹ phải cho con đi học, từ lúc trẻ lên 8, lên 7 tuổi. Xã ta có trường học Pháp Việt, có thầy giáo dạy mà lại ăn lương nhà nước, thì thật tiện lợi cho làng.

Ngụ cư nhập tịch và ký táng

Điều thứ 78: Người nào có căn cước minh bạch và nghề nghiệp chính đáng, mới được ngụ cư trong làng. Nhà nào cho người trú ngụ, phải tường hương hội, lý dịch tuần phiên biết. Ai trái lệ phải phạt 0,20$.

Nhập tịch

Điều thứ 79: Người nào có tiên tổ có ngôi hương ẩm trong làng, đến mình bỏ làng, nhưng lương thiện không can án gì, sau muốn về làng phải nộp tiền phiến cấp liễu người đi vắng là 16,00$ sung công quĩ.

Điều thứ 80: Nếu người bỏ làng khi về muốn khao vọng phẩm hàm, thì ngoài số tiền khao vọng phải nộp gấp hai, trước hết phải nộp 16,00$. Như đã nói ở điều thứ 79 trên này.

Người ấy hàm cao thế nào mặc lòng, chỉ vọng được để đầu bàn nhì mà thôi.

Nếu bản nhất có ít người hàm cao hơn người này, hay không có người hàm bằng người này, thì những người hàm kém (...) việc gì cho dân đáng giá từ 1000 đồng bạc giở lên thì được quyền lợi như người vẫn ở trong làng. Người nào cúng vào dân từ 300 đồng đến 900 đồng thì được lên đến thứ nhì bản nhất là cùng.

Điều thứ 81: Người nào vì tha hương mẫu quán hay ngờ thiên hạ đến làm con mày, con nuôi người làng muốn vào ngôi hương ẩm đóng góp với làng phải nộp tiền hiếm cấp hữu 16,00$ sung công quĩ, mà phải có người làng làm bảo hộ cho mình và không được hưởng quyền lợi như người làng trừ người đã (...) từ trước không kể, từ nay trở đi phải theo lệ này.

Ký táng

Điều thứ 82: Người ngoài muốn ký táng hoặc hung hoặc cát ở địa phận làng này, bất cứ thuộc về thôn nào phải tường tổng lý mà định táng ngày nào, xứ nào phải nói trước để tổng lý tuần phiên khám thực và phải nộp tiền lệ hung táng 6,00$, cát táng 3,00$ sung công: chôn về địa phận thôn nào thì nộp thôn ấy hung táng 6,00$, cát táng 3,00$ nữa, còn giấu trình tiên chỉ hội đồng tổng lý tuần phiên 100 khẩu.

Hoặc hung tác, hoặc cát táng xong rồi, nếu muốn xây gạch, hay úp mộ xi măng, phải nộp công dân 2,00$ sung công và thôn sở tại 2,00$, cùng giấu trình tổng lý, sưu thuế, tuần phiên.

Điều thứ 83: Ngày sau muốn cải cát, hoặc lại để huyệt cũ, hoặc mang đi nơi khác mà cũng ở địa phận làng này thì phải nộp tiền lệ 3,00$ sung công, với 3,00$ nộp cho thôn sở tại.

Điều thứ 84: Con gái đi lấy chồng thiên hạ mấy rể làng, khi chết đưa về làng chôn, phải nộp tiền lệ hung táng 3,00$, cát táng 2,00$ sung công; lệ tiền nộp thôn sở tại cũng thế, với giấu trình 100 khẩu, đến sau cải cát được miễn tiền lệ.

Điều thứ 85: Những người thiên hạ nghèo đến làm mướn làm (...) dân, làm tôi tớ nhà tư trong làng, bất hạnh mất, không về quê

quản mình được, thì dân cho chôn ở các tha ma công mà không lấy tiền lệ.

Điều thứ 86: Những người có lòng từ thiện lúc bình sinh ai vào dân hoặc tiền hoặc đồ vật gì đáng giá từ 50,00$ giở lên, khi chết hoặc hung hoặc cát, đưa về chôn ở địa phận họ làng, chỉ phải giấu trình 100 khẩu, còn lệ tiền thì miễn cho mấy phong tục.

Điều thứ 87: Các thể lệ trên này đều là ký táng ở tha ma thổ phụ của dân, nếu táng vào ruộng công dân thì phải nộp vào tiền đất 10,00$, còn táng vào đất tư thì thuộc chủ điền mới được. Người nào tậu ruộng làm nghĩa địa riêng thì ngôi táng thứ nhất phải nộp lệ 3,00$, sung công 3,00$ nộp thôn sở tại, còn những ngôi sau thì thôi, mà giấu trình thì 100 khẩu.

Phần thứ hai
Tục lệ dân
Khao vọng, vị thứ, trung đình

Điều thứ 88: Có vọng vào ban nào, mới được hưởng quyền lợi ở ban ấy, kể từ ngày vọng lần đầu. Nếu vọng ở ngôi dân mà trong chiếu không vọng thì cũng kể như không.

Điều thứ 89: Vị nào trong làng có phẩm hàm cao nhất là tiên chỉ, nhì là thứ chỉ, vị nào khao chỉ phải sửa 1 cơi giấu, 5 chai rượu, xôi lợn 1 lễ y thần kính dân, còn giấu thì chiếu hết thượng hạ mỗi người 1 khẩu. Nhưng trước khi khao tiên chỉ đã vọng vào (...)

1. Ban chung tịch tọa được ở giữa đình.
2. Ban hương lão tọa thứ 2 bên sập tả hữu đình.
3. Ban tư văn tọa thứ ba tả mạc.
4. Ban các chức tọa thứ bản hữu mạc.
5. Ban hội đồng ngồi ở sở tộc hội đồng.
6. Ban văn phả ngồi bên tả đình.
7. Ban hiển binh ngồi bên hiên đình.
8. Ban giai hạng ngồi ở sở kỳ miếu.

Điều thứ 91: Những người này được vọng vào quan chung tịch.

1. Các cùng khoa mục, cựu học hay hàm học các quan chức hoặc văn hoặc võ các viên có phẩm hàm hoặc văn võ thì gọi là chức sắc.

2. Các chánh phó tổng, lý trưởng, phó lý, hộ lại, trưởng địa ba thư ký, hương trưởng thị gọi là hương sắc.

3. Các người có tiền mua vị thứ gọi là hương viên.

Điều thứ 92: Ai vọng vào ban chung tịch phải theo lệ đinh ở bảng giáp sau này:

Bảng giáp ban chung tịch

		Chức phận	Lễ yết thần	Tiền cúng thay cỗ khác
	Hạng nhất	Các quan khoa mục Các quan văn từ tam phẩm, võ từ nhị phẩm giở lên	Xôi lợn 2 lễ Rượu hoa 8 chai Rầu 1000 khẩu	Sáu mươi đồng bạc
	Hạng nhì	Quan văn từ ngũ phẩm, quan võ tam tứ phẩm	Xôi lợn 2 lễ Rượu hoa 6 chai Rầu 1000 khẩu	Năm mươi đồng bạc
	Hạng ba	Văn lục phẩm Võ ngũ phẩm	Xôi lợn 2 lễ Rượu hoa 4 chai Rầu 800 khẩu	Bốn mươi đồng bạc
	Hạng tư	Văn thất, bát phẩm Võ lục thất phẩm	Xôi lợn 2 lễ Rượu hoa 2 chai Rầu 700 khẩu	Ba mươi đồng bạc
Chức sắc	Hạng năm	Văn cửu phẩm Võ bát, cửu phẩm	Xôi lợn 2 lễ Rượu hoa 2 chai Rầu 700 khẩu	Hai mươi đồng bạc

Hương sắc	Hang sáu	Chánh phó tổng Lý trưởng, phó lý Hộ lại, Trưởng địa bạ Thư ký, hương trưởng	Xôi lợn 2 lễ Rượu hoa 2 chai Rầu 700 khẩu	Hai mươi đồng bạc
Hương viên	Hạng bảy	Những người mua vị Thứ hương viên	Xôi lợn 2 lễ Rượu hoa 2 chai Rầu 700 khẩu	25 đến 35 tuổi 60,00$ 36 đến 49 tuổi 50,00$ 50 tuổi giở lên 40,00$

Điều thứ 93: Chánh phó tổng làm việc mãn ba năm lý trưởng, phó lý làm việc mãn 6 năm, hộ lại, trưởng địa bạ và thư ký làm việc mãn 8 năm được vọng vào ban chung tịch, thư ký hộ lại phải có bằng thư ký mới được hưởng lợi này.

Các hương sắc đáng làm chức này ra làm chức khác thì những năm làm trước kể như liền. Vi như làm phó lý 4 năm ra làm tổng lý 2 năm thì cộng là 6 năm hộ lại trưởng ba và thư ký đã làm tổng lý thì những năm làm trước cứ 2 năm kể là 1, như làm hộ lại 6 năm, ra làm tổng lý 3 năm thì cộng là 6 năm.

Đến như hương viên thì khi nào dân có cần tiền công phụ, thì ban chung tịch và hương hội chọn người siêng đáng hầu vị thứ cho mới được vọng.

Những người nào vào ban chung tịch mà đứng vào (...)

Điều thứ 94: Những người chức sắc, hay hương sắc, hương viên bị can cách, can bài, can án mất dân quyền thì không được vọng vào ban chung tịch, nếu đã vọng vào ấy rồi thì phải truất vị thứ.

Điều thứ 95: Người nào đã vọng chức sắc rồi được thăng trật hoặc văn hoặc võ, phải làm lễ yết thần rượu hoa 1 chai, giấu 100

khẩu và mỗi trật thăng phải sung tiền 2,00$ sung vào công quĩ mới được gọi là thăng trật.

Võ giai đổi sang văn giai, văn giai được viên hàm hương viên thăng hương sắc, hương sắc thăng chức sắc đều kể là thăng trật.

Đây là nói những người đã vọng vào chung tịch rồi, còn người nào mới vọng thì chỉ phải sửa lễ và cúng tiền lệ đối hàm mình thôi, chứ không phải truy nguyên thăng trật.

Điều thứ 96: Tạm thứ thì chức sắc, hương sắc ngồi theo thứ bậc bảng giáp, còn hương viên thì ai mua trước thì ngồi trên, ai mua sau thì ngồi sau.

Hai người cùng hàm thì ai khao trước ngồi trước, nếu cùng khao thì hơn tuổi hay có chức sự gì hơn ngồi trên, hương trưởng vọng trước ngày làm hương ước này thì ngồi trên hộ lại.

Điều thứ 97: Ai khao vọng mà có sắc hay bằng phải làm lễ tuyên độc ở đình để đồng dân biết. Nếu không đem bằng sắc trình thì kể như không vọng.

Lệ tuyên sắc bằng phải nộp 1,00$ 0,20$ sung công do ban văn phả đọc.

Ai khao vọng phải chiếu hạng mình, mà cung tiến trước hôm khao. Nếu không cung thì chưa được hưởng quyền lợi của mình.

Nay đã lập lệ biết căn cỗ khao lấy tiền sung công thì lệ mời công dân về nhà ẩm thực nhất thiết tinh giảm.

Điều thứ 98: Vị thứ cao thấp các viên chức sắc thì khao hơn hoạn, hoạn hơn hàm, hàm hơn phẩm, đôi khi hơn thưởng thụ, thưởng thụ hơn hàm quyền, bá hộ hơn điện trưởng. Ví như hai người cùng hàm, một người khoa, một người hoạn thì người khoa trên.

Võ giai nhường văn giai một phẩm hai trật, nghĩa là chánh cửu phẩm văn giai thì bằng người chánh bát phẩm hội trưởng mà vẫn ở trên.

Điều thứ 99: Các viên khoa mục có phẩm hàm do vua ban mới được chiếu bảng ất kê sau này, đối hàm phẩm vị thứ cao thấp mà khao vọng.

Bảng ất

Chánh tam phẩm (3-1)	Đối mấy Thái thường tự khanh hàn lâm viện trực học sĩ.
Tòng tam phẩm (3-2)	Đối mấy quang lộc tự khanh.
Chánh tứ phẩm (4-1)	Đối mấy hồng lô tự khanh thiếu khanh, hàn lâm thị độc học sĩ.
Tòng tứ phẩm (4-2)	Đối mấy quang lộc tự thiếu khanh. Hàm lâm viện thị giảng học sĩ.
Chánh ngũ phẩm (5-1)	Đối mấy hồng lô tự thiếu khanh. Hàm lâm viện thị độc.
Tòng ngũ phẩm (5-2)	Đối mấy hàm lâm viện thị giảng.
Chánh lục phẩm (6-1)	Đối mấy tân học tiến sĩ, các vị tốt nghiệp tại cao đẳng học đường bên Âu châu (...) Hàn lâm viện trước tác.
Tòng lục phẩm (6-2)	Đối mấy hàn lâm viện tu (...)
Chánh thất phẩm (7-1)	Đối mấy Pháp tự cử nhân (...) Hàn lâm biên tu.
Tòng thất phẩm (7-2)	Đối mấy các viên tốt nghiệp tại cao đẳng Đông Pháp (...)
Tòng bát phẩm (8-2)	Đối mấy tân học tú tài bên Đông Pháp, bằng tiểu học cao đẳng Pháp, sinh viên tốt nghiệp trường thương mại Đông Pháp, hàn lâm điển học.
Chánh cửu phẩm (9-1)	Đối mấy cao đẳng tiểu học Pháp Việt tức là bằng thành chung và các bằng tương đương khác, hàn lâm cung phụng.
Tòng cửu phẩm (9-2)	Đối mấy hàn lâm đãi chiếu.

Điều thứ 100: Khi 5 hạng chức sắc nói ở điều 92 làm lễ yết thần thì hương hội đứng thay dân cất người sửa rượu mừng: hạng nhất 8 chai, hạng nhì 6 chai, hạng ba 4 chai, hạng tư hạng năm 2 chai, những người thăng trật thì dân không có lệ mừng.

Những ông đỗ đại khoa thì dân cử người đi đón.

Ban hương lão

Điều thứ 101: Trong làng những người nào đến đầu năm sau đúng 50 tuổi, thì ngày mồng 1 tháng Chạp năm trước là ngày lễ sóc, sửa 20 miếng giầu ra tường hội đồng biết là đến tuổi lên lão 50.

Điều thứ 102: Lệ trước, ngày mồng 7 tháng Giêng mỗi người lên lão phải sửa 10 quả cau tươi, 1 chai rượu hoa, 10 phẩm oản, 1 nải chuối, 1 bánh phảo và nến sáp để làm lễ khai hạ, vì thì câu, thì oản ganh nhau, mỗi người tốn kém đến mấy chục bạc. Thật là xa phí, nặng nề, sự buồn cho nhẹ, nay định triết can lấy tiền sung công, để đồng dân lấy tiền sửa lễ ấy. Bây giờ lên lão mỗi người chỉ phải sửa 100 khẩu giầu chào, mấy cung tiền thay sửa oản quả là:

Hạng nhất: 10,00$

Hạng nhì: 6,00$

Hạng ba : 3,00$

Ai nghèo quá thì miễn.

Các lão cung tiền 3,00$ thì được miễn câu đương xuân thu lễ thọ.

Người nào cung tiền vọng lão với dân hạng nào, thì phải cung trong chiếu thọ hạng ấy và phải theo thứ tự mà ngồi, như người cung 10,00$ thì ngồi trên, người 6,00$, người 3,00$ thì ngồi trên người không cung đồng nào.

Dân đã lấy tiền vọng rồi thì cấm các bô lão không được mời công dân về nhà ăn uống.

Điều thứ 103: Ai tuổi đến 60 thì hôm mồng 7 tháng Giêng phải sửa 10 quả cau tươi, 1 chai rượu lễ thần kính dân để dân biết đến năm sau là được miễn trừ sưu dịch.

Ai tuổi đến 80, 90, 100 thì ngày 7 tháng Giêng sửa cỗ thủ, một chai rượu, 10 quả cau tươi lễ thần kính dân để dân biết sửa đồ kính biếu.

Điều thứ 104: Cụ nào thọ từ 90 tuổi giở lên thì dân biếu mỗi năm 1 chiếc mũ ni, đáng giá 3,00$. Cụ nào thọ từ 80 đến 89 tuổi thì dân biếu mỗi năm 1 chiếc mũ ni đáng giá 2,00$, nhưng tùy năm biếu mũ hay biếu tiền.

Ban hương hội

Điều thứ 105: Ban hương hội là những viên giáp biếu cùng tổng lý ra cai việc dân không có lễ vọng gì cả một mực cho dân.

Ban tư văn, ban các chức, ban văn phả

Điều thứ 106: Ai vọng vào 3 ban này phải từ 18 tuổi giở lên và phải sửa 100 khẩu giầu, mấy cung 10,00$ sung quĩ và phải nộp tiền vọng vào ban mình nữa.

Ban biểu binh

Điều thứ 107: Ban biểu binh không có lệ vọng, chỉ để riêng cho nhà binh đương tại ngũ, hễ mãn khóa thì không được dự.

Ban giai hạng

Điều thứ 108: Ban này gồm các nhân đinh, từ 18 tuổi giở lên mà không có vị thứ gì ở đình thì gọi là hạng.

Mục tế tự
Các nghi tiết

Điều thứ 109: Các nghi tiết trong một năm kể ra sau này: lễ sóc vọng - mỗi tháng 2 kỳ: rằm và mồng một tháng Giêng. Tết Nguyên Đán 3 ngày, khai hạ mồng 7 tháng hai - kỷ niệm cải lương hương chính mồng 8, Kỳ Phúc mồng 9, mồng 10. Năm nào phong đăng thì vào đám thêm mấy ngày nữa tùy ban hương hội định liệu.

Tháng Tư: lễ Kỳ Yên giỗ hậu.

Tháng 5, 6: Lễ Hạ Điền giỗ hậu.

Tháng 7: Hóa nhất đức bản cảnh và Thượng Điền ngày 20.

Tháng 8: Lễ thường năm ngày rằm.

Tháng 10: Lễ xôi mới ngày 10.

Tháng 1: Hóa nhật đức tiên triết ngày 26 tháng 11.

Tháng Chạp: Lạp tiết và lễ Giao Thừa tối 30.

Điều thứ 110: Các kỳ sóc vọng ở 2 đình, viên thủ từ văn từ, mỗi kỳ phải sửa 10 phẩm oản và hoa quả phủ tửu, viên thủ từ cổ miếu mỗi kỳ phải sửa 12 phẩm oản và hoa quả phủ tửu. Mấy ở thọ đàn 16 phẩm oản và hoa quả phủ tửu, sáu giờ sáng đi lễ để dân làm lễ.

Điều thứ 111: Hằng năm cứ đến 30 tháng Chạp lễ Giao Thừa, thì 2 viên thủ từ mỗi viên phải sửa 1 lễ kê suy, hoa quả phủ tửu và vàng mã, mỗi lế đáng giá 2,00$, đúng giờ đệ lễ 2 đình để dân làm lễ. Viên thủ từ cổ miếu phải sửa thêm một lễ tống cựu nghênh tân nữa.

Điều thứ 112: Dân đặt hơn 4 mẫu ruộng số... ở sóc... giao cho 2 viên thủ từ mỗi người một nửa cày cấy, để cúng hương đăng cô Năm và làm lễ các tiết nói ở điều thứ 110 và 111. Dân đặt 1 sào 5 ruộng số (...) ở xứ (...) giao thủ từ ở miếu để làm lễ ở thọ đàn. Dân đặt (...) ruộng ở xứ số (...) giao thủ từ miếu Vực sửa lễ sóc vọng cùng thời tiết lễ đức bà.

Điều thứ 113: Ba ngày tết Nguyên Đán là mồng 1, 2, 3 tháng Giêng, lễ thượng, Hạ Điền tháng 6, tiết thường dân rằm tháng 8, tiết xôi mới mồng 10 tháng 10, các tiết này dân trích tiền công quĩ giao cho 2 viên thủ từ sửa lễ oản quả phủ tửu mỗi tiết giá 2,00$.

Hóa nhật đức bản thổ ngày 20 tháng 7, hóa nhật đức tiên triết ngày 26 tháng 11. Hai lễ này chi 2 thửa ruộng ở xứ đầm Tròn, 2 mẫu 4 sào mấy ruộng Hà Trại 2 mẫu 2 sào, cộng là 4 mẫu 6 sào giao thất giáp luân canh sửa lễ. Hễ đến lượt giáp nào sửa lễ nào thì giáp ấy chiếu theo lệ lễ cổ dân định mà làm.

Điều thứ 114: Dân có 2 mẫu 2 sào ruộng ở xứ trại Cá và 1 mẫu 8 sào ở xứ trại Đồng tạm giao về Thất giáp luân canh mỗi năm phải nộp

vào công quĩ 1 số tiền là bao nhiêu (...) giao cho 2 viên thủ từ luân canh làm giỗ, mỗi giỗ đáng giá 5,00$.

Điều thứ 116: Khai hạ ngày mồng 7 tháng Giêng thì dân lấy tiền công quĩ giao cho đồng canh, 50 tuổi mua lợn, gạo, phủ tửu hoa quả để dân làm lễ 2 đình còn viên căn đương và viên tương thì đồng canh ấy chịu.

Điều thứ 117: Ngày mồng 8 tháng 2 kỷ niệm việc cải lương, 9, 10 Kỳ Phúc sự thần thì dân chi 5 mẫu ruộng ở sứ Hoa Văn và 6 mẫu ở sứ đầm Tròn giao thất giáp tuần canh. Đến lượt giáp nào sửa lễ vào ngày nào, thì chiểu theo lệ cổ lệ kinh biếu của dân đã định mà làm.

Điều thứ 118: Ngày kỷ niệm và các ngày Kỳ Phúc các giáp phải sửa lễ vật, còn tiền ca xướng dầu đèn, mũ chờ thì dân lấy tiền công quĩ giả.

Điều thứ 119: Các ngày kỷ niệm và Kỳ Phúc lễ phẩm và lệ cổ cúng thế nào đã định trong biên bản, còn mỗi ngày đến giáp nào sửa lễ, thì giáp ấy phải để lại cái thủ, cái nọng, một cái nầm, 2 lá mỡ, 1 cái đuôi, 4 cái bắp hay giò 4 cân thịt, các thứ ấy để lại ban chung tịch để kính biếu những viên được hưởng quyền lợi.

Điều thứ 120: Ngày mồng 7 tháng Giêng, ngày 8, 9 tháng 2 không chia phần thiếu. Còn ngày mồng 10 có chia phần thiếu. Vậy ai ở bàn nào cứ bàn ấy mà ngồi, còn thiếu bỏ trống để dễ lấy phần.

Điều thứ 121: Năm nào phong đăng hay có khánh tiết gì dân vào đám thâu 1 vài ngày thì trích tiền công quĩ giao lý dịch mua bán các việc do sưu thuế định.

Điều thứ 122: Ngày mồng 9 tháng 2 là ngày rước minh khí ở văn từ ra đình, người nào đến lượt đi rước phải khăn áo chỉnh tề. Đúng 7 giờ sáng, nghe trống hiệu phải đủ mặt ở văn từ.

Điều thứ 123: Các ban tả, hữu tịch, văn phả thì việc giữ bát bảo biển, gươm vàng, còn biển binh thì cầm cờ ngũ hành. Các giáp đinh nam thì giữ việc khiêng kiệu, long đình, cờ, tam long, long đao, mã đao, trống, chiêng.

Điều thứ 124: Hội đồng cắt người nào giữ việc gì thì giữ việc ấy. Nếu chậm trễ quá giờ, hay đi rước không kính cẩn thì hội đồng tổng cờ xét thực sẽ phạt 0,10$ sung công.

Điều thứ 125: Trừ những viên nào ứng tế hay có việc gì ngăn trở không kể, còn quan viên chung tịch với 2 bàn chiếu. Lão đều nên mũ áo chỉnh tề ai phụng nghênh cho long trọng. Nếu người nào không có duyên cớ gì mà ly mặt không đi phụng nghênh thì phải phạt 0,10$.

Điều thứ 126: Ngày 10 chính việc Kỳ Phúc, trước dân đặt ruộng cho các giáp luân canh sửa 2 mâm cỗ ngọc, mỗi mâm dùng bánh đường 6 vị, 25 phẩm oản, 2 cơi giấu lễ, 2 chai rượu hoa, 2 bánh pháo làm lễ 2 đình.

Xét ra làm như thế rất tốn cho các giáp, nay dân sinh lấy lại ruộng cho đấu giá lấy tiền, giao lý dịch sửa cỗ ngọc ấy, trị giá là 12,00$.

Điều thứ 127: Lễ Kỳ Phúc hay kỉ niệm, là ngày vui vẻ, như có xướng ca sự thần thì ban chung tịch, thủ từ trước rồi giao sang ban hương hội để đồng dân tự lạc.

Khi xướng ca thì các cụ thượng sang ngồi với ban chung tịch, còn các ban khác ra đình túc trực nên ngồi lĩnh thỉnh cho tôn nghiêm.

Nếu người nào say rượu, làm huyên náo trong đình phải trục ra ngoài cửa đình và phải sửa cơi giấu ta thần kính dân.

Điều thứ 128: Cỗ thì giao ban nào ban ấy sửa, còn lễ công dân thì trích tiền công quĩ ra làm.

Lễ Kỳ Yên

Điều thứ 129: Dân lấy tiền công quĩ giao lý dịch phẩn biện sửa vàng mã hương lạp, hoa quả cùng 30 phẩm oản, tiền thầy cúng thì dân chi, còn mỗi giáp sửa tư 1 lễ đem ra đình để dân làm lễ. Lễ xong, của giáp nào đem về giáp ấy thụ phúc.

Mỗi giáp chỉ để kính dân 1 cơi giấu thôi, còn lễ phẩm của dân thì để kính biếu.

Đồng dân cùng các giáp đã làm lễ thật là đồng tâm thành kính, thì các thôn, các xóm không được sửa lễ từ nữa.

Lễ ứng tế

Điều thứ 130: Khi tế ở 2 đình thì tiên chỉ vào mạnh bái 1 đình, thứ chỉ vào mạnh bái 1 đình. Nếu tiên chỉ cáo từ, thì viên nào vị thứ kế tiếp vào thay.

Bồi bái cùng đông, tây xướng đều dùng hương sắc, hương viên. Việc củ soát, thưởng hưởng và ẩm phúc thì dùng người trong ban tư văn. Việc khởi chinh cổ cùng 3 tuần tiến tửu thì dùng người trong ban các chức. Việc chuyển văn cùng tuyên độc thì dùng người trong ban văn phả.

Trong thất giáp đinh nam, mỗi giáp phải 4 người mặc áo văn kiên, cầm khí giới thị lập.

Người nào ứng tế phải mũ, áo đi hia cho tôn nghiêm nếu nhầm nhặt thất lễ phải phạt 0,10$.

Khi tế thì các quan viên bô lão người trong các chiếu không dự việc chấp sự cũng phải khăn áo chỉnh lễ theo trật tự mà lập ban hai bên cho trang nghiêm.

Khi lập ban thì cấm viên nào ăn rầu, hút thuốc, nói chuyện làm huyên náo việc tế, trái lệ phải phạt 0,10$.

Điều thứ 131: Khi tế xong thì những viên ứng tế lễ trước, rồi các ban theo trật tự mà vào lễ như sau này.

1. Đệ nhất tịch để chức sắc và cụ thượng 80 tuổi giở lên.

2. Đệ nhị tịch để bô lão từ 60 đến 70 cùng hương sắc, hương viên.

3. Đệ tam tịch để tư văn, các chức, văn phả.

4. Đệ tứ tịch để giai hạng.

Ai ngang nhiên lễ vượt thứ hay ngồi vượt thứ, hay là ra đình không lễ mà cứ vào thụ phúc thì phải phạt 0,10$ sung công.

Điều thứ 132: Ở chỗ đình trung ai uống rượu say, rức lác, to tiếng, nói càn, thế là bất kính, thì phải trục xuất ra ngoài đình và phải phạt 0,10$.

Điều thứ 133: Lý phó trưởng là người thi hành, chính lệnh của dân, phải kiểm soát trật tự cho cả (...) thấy ai phạm điều gì phải trình hương hội ngay, nếu thiên vị trích được phải phạt như người phạm là vì không biết làm phận sự mình.

Hương hội cử thêm 2 viên giáp biểu để trông nom việc kiểm soát này.

Tư văn

Điều thứ 134: Các kỳ sóc vọng cùng các tiết lễ hai đình thì việc viết văn tế dùng khoa mục hậu tế nếu chưa có thì dùng thi nhất, nhì, trường hai tổng lý đương hay cựu. Kỳ sóc vọng cùng các tiết nhỏ thì viết đồng xã đẳng, còn các đại khánh tiết thì trên để tên tiên chỉ rồi đến tế các chức sắc, hương sắc, hương viên, còn ban bỏ lão, ban võ, hữu dịch, văn phả, biểu binh mỗi ban viết tên một người đầu và thất giáp của lý dịch đồng xã đẳng.

Tổ nhạc

Điều thứ 135: Có lễ phải có nhạc như khi tế lễ (...) hội bát âm, mỗi hội ít ra cũng phải từ 6 người giở lên, để khi rước hay các tiết lễ ra phụng sự thần cùng nghênh tiếp quan thì dân cấp cho mỗi hội, mỗi năm 1 mẫu ruỗi ruộng ở xứ đầm Hòn để sắm sửa cho đủ thứ và luyện tập cho thành thuộc và để đến công phụng sự cả năm. Tự phường nào lười biếng, coi việc công không ra ứng phải phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Kinh biếu

Điều thứ 136: Cho trọng sự đạo thì khi công dân có việc tế lễ ở đình, ở văn từ, như làm trâu, bò hay lợn thì đồng dân biếu tước xỉ chủ tế, tả văn, bồi bái, đông, tây xướng, tổng lý và ông chánh hội kỳ mục. Ông chánh hương hội đương thứ.

Các viên kiêm 2 chức được hưởng hai thứ biếu.

Điều thứ 138: Nếu tiên chỉ có phẩm hàm văn từ ngũ phẩm, võ từ tứ phẩm giở xuống thì dân biếu 1 cái nọng.

Điều thứ 139: Trong làng có ông thọ nam, bà thọ nữ 90 tuổi giở lên thì dân cùng biếu chung 1 cái thủ nói ở điều thứ 137. Nếu chưa có tiên chỉ ăn thủ thì dân biếu các cụ thọ này nửa thủ thôi.

Ông bà nào thọ từ 80 tuổi giở lên thì dân cũng biếu chung 1 cái nọng nói ở điều thứ 138. Nếu trong làng có nhiều ông bà 80, 90 tuổi thì phần biếu thủ hay nọng chia đôi, một nửa biếu tiên chỉ, một nửa biếu các ông bà ấy.

Điều thứ 140: Dân ta có đình có văn từ nên các tiết phải sửa 2 lễ. Những khi biếu thủ hay nọng thì chỉ biếu có một, còn dư thủ thì quân về các chiếu như nọng hay giò, bắp cùng thịt, mỡ, vĩ thì quân ban chung tịch.

Điều thứ 141: Dân biếu:

1. Hai viên mạch bái một phiếu thịt lộ, còn một quân ban chung tịch.

2. Chánh hội đồng kỳ mục 1 bắp bò hay 1 giò lợn.

3. Chánh hương hội 1 bắp bò hay 1 giò lợn.

4. Tả văn 1 bắp bò hay 1 giò lợn.

5. Chánh phó tổng đương thứ 1 bắp bò hay 1 giò lợn.

7. Hương hội 1 bắp bò hay 1 giò lợn.

Điều thứ 142: Khi làm lễ xôi như hạng kẻ suy thì huynh hạng thụ phúc tại đình không có biếu.

Điều thứ 143: Lễ sóc vọng ở tại đình có 38 phẩm oản. Những ngày lễ sóc vọng ấy, các chức sắc, hương sắc, hương viên ai đi lễ thì thụ lộc chứ không có biếu.

Điều thứ 144: Cỗ ngọc thì chia về các (...)

2. Ban lão:	6	2
3. Tư văn:	5	2
4. Các chức	5	2

5. Văn phả	2	1
6. Biểu binh	1	1
7. Hội đồng lý dịch 5 phẩm oản		2
8. Hai thủ từ	1	1
9. Cổ nhạc, bát âm	2	2
10. Ca nhi	1 phẩm oản	

11. Hạng 4 phẩm oản 2 bánh cốm nhớn.

12. Thôn trưởng 1 phẩm oản, 1 bánh cốm nhớn.

Chuối cùng các thứ bánh nhỏ thì chia theo tư oản.

Điều thứ 145: Lễ Kỳ Yên có 30 phẩm oản thì chức sắc, hương sắc, hương viên ai đi lễ thì thụ lộc chứ không biếu.

Hôn lễ

Điều thứ 146: Ai dựng vợ gả chồng cho con phải theo tuổi luật đã định là; con giai 18 tuổi, con gái 15 tuổi giở lên.

Điều thứ 147: Nhà nào có con gái gả chồng trước hết phải trình hội đồng và hộ lại vỡ tu và trước bạ giá thú.

Điều thứ 148: Nếu ai có tang phụ mẫu mà làm lễ giá thú, thủ tục bắt khoản 1,00$ sung công quĩ, 100 khẩu giầu tạ dân để răn kẻ bất hiếu.

Điều thứ 149: Ai gả chồng cho con phải nộp lan nhai cho con, như con đi làm ăn nơi xa, dù đã vào sổ giá thú chỗ ngụ quán rồi cũng phải lấy trích lục hợp lệ, sau tường hội đồng và nộp tiền lan nhai với dân. Nếu dụng tình ẩn lậu mà hương hội trích được sẽ phạt thêm 1,00$ với 100 giầu tạ dân.

Điều thứ 150: Người làng lấy nhau thì nộp tiền lan nhai 4,00$ mấy 100 khẩu giầu. Người làng lấy chồng thiên hạ thì phải nộp 5,00$ tiền lan nhai và 200 khẩu giầu.

Điều thứ 151: Việc hôn nhân nên tùy nghi tỉnh giảm, hội đồng nên khuyên bảo các nhà gái không nên thách cưới quá nặng để ăn uống phiền phí vô ích, nếu tùy lực mà theo các hạng sau này:

Hạng nhất: Nhà giai phú hào đưa sang nhà gái vừa các đồ vật, sinh lễ, vừa tiền tất cả ứng 100$.

Hạng nhì: 60 đồng

Hạng ba: 40,00$

Điều thứ 152: Chỉ trong họ các nhà sự chủ ẩm thực với nhau, chứ không được mời dân, nếu trái lệnh phải phạt 1,00$, mà người không thân thích đi ăn uống cùng phải phạt 0,50$.

Nếu trong họ nhà giai hay nhà gái có các ông bà già là người thân thích mà lại có việc ngăn trở không ai đón dâu được, thì được phép mời một người ngoài làm chủ hôn cho.

Người lấy chồng hay lấy vợ ở làng khác xa xôi cần phải khoản đãi thì tùy ý.

Điều thứ 153: Trong ngày nghênh hôn cấm ấu tráng trong làng, không được cầm cọc, chăng giây (...)

Điều thứ 154: Trong làng khi nào có người tạ thế thì hiếu chủ phải trình lý dịch hộ lại biết.

Điều thứ 155: Ai mất trong hai hôm phải mai táng, nếu việc táng nghi sửa soạn chưa xong mà hiếu chủ có cần lưu lại mấy hôm thì phải xin phép hương hội và quan sở tại, nhưng phải sơn gắn quan tài cẩn thận mà không được để quá 5 ngày trong nhà.

Điều thứ 156: Nếu về dịch tễ phải mai táng ngay hôm mất, huyệt phải đào sâu 2 thước Tây, mà nhà cửa cùng giường chiếu người ốm nằm phải rửa ráy chơ sạch sẽ cho lý dịch kiểm soát.

Điều thứ 157: Khi mất rồi thì trong hôm 3 ngày hiếu chủ phải đến khai với hộ lại vào sổ tử.

Điều thứ 158: Người mất thuộc về giáp nào thì hiếu chủ sửa giấu cau xin giáp ấy cắt cho đô tùy, y ngày giờ đã định đến nhà hiếu chủ rước linh cữu ra đồng.

Táng xong thì đô tùy phải thu thập các đồ hành tống đem giả, nếu mất mát thứ gì thì phải đền không can thiệp đến hiếu chủ. Khi an táng rồi thì hiếu chủ phải tạ hàng giáp có 5 lệ tùy theo giầu nghèo mà nộp.

Hạng nhất: 1 con lợn, 1 mâm xôi, 6 chai rượu, 100 giấu.

Hạng nhì: 6,00$ 100 giấu.

Hạng ba: 3,00$ 100 giấu.

Hạng tư: 1,00$ 100 giấu

Hạng năm: có 100 giấu.

Nếu giả lệ lợn xôi thì hàng giáp uống rượu.

Nếu giả lệ tiền thì hàng giáp lấy sung công hàng giáp.

Điều thứ 159: Khi táng rồi hiếu chủ muốn mời hàng giáp, quan viên tế thì phải đưa giấu tường hội đồng xét xem người mất là bậc chức sắc hay là hào phú thì hiếu chủ mới được mời tế mà tế một tuần thôi.

Điều thứ 160: Hiếu chủ được mời quan viên cụ thượng, hội đồng, tổng lý.

Điều thứ 161: Quan viên được giấy mời thì cử ngay người ứng tế.

Điều thứ 162: Khoản tiếp chỉ dùng hoa bàn theo tục An Nam không được bày đặt bánh trái, giò nem, ninh mọc. Khi uống rượu xong thì về không nên lấy phần phò cho đỡ phiền hiếu chủ, nhưng hiếu chủ phải tạ các viên ứng tế 100 giấu, còn quả phẩm điện tế thì miễn.

Lễ phụng

Điều thứ 163: Người nào quá cố được lệ dân phúng thì lý dịch tường mấy hội đồng cử người đi viếng và đi đưa đám.

Lệ phúng thì của đồng dân do lý dịch chuyên liệu sửa.

Điều thứ 164: Lệ những người được dân phúng và dân phúng những gì kể ra sau này:

Người được phúng	Lễ phúng
Tiên chỉ đương hay cựu	8 chai rượu
Ông cụ 80 giở lên mà thọ nhất làng	6 chai rượu
Ông cụ hay bà cụ 80 giở lên mà thọ thứ nhì giở xuống	4 chai rượu

Chánh hội đương hay cưu 4 chai rượu

(...)

(Từ điều 165 đến điều 170 mờ không đọc được)

Gá bạc

Điều thứ 171: Trước có thứ tiền kẽm, mỗi quan là 600 đồng, mỗi đồng bạc lúc giá 4 quan, lúc giá 5, 6 quan. Đến nay tiền kẽm không tiêu nữa mà giấy má ngày xưa ở trong làng vẫn hay viết giá tiền kẽm, vậy nay tùy theo giá bạc nhà nước cao hạ chứ không dùng tiền kẽm như trước.

Điều thứ 172: Kể từ ngày thi hành khoản ước này, tức là ngày quan trên đã duyệt y, thì các khoản gì trái với hương ước này đều là bỏ đi cả.

Điều thứ 173: Đệ niên đến ngày kỷ niệm cải lương thì thư ký sao hương ước này đọc để đồng dân cùng nghe.

Điều thứ 174: Ngoài những thể lệ kể trên, hương ước này lập riêng cho làng Thanh Liệt thì dân còn phải tuân theo lệ luật của nhà nước nữa.

Điều thứ 175: Quyển hương ước này có chữ hương ước thuế cùng chức sắc, kỳ lão, có chữ quan sở tại phê, có chữ quan tổng đốc cùng quan chánh công sứ Hà Đông duyệt y, rồi thành 4 bản chính, bản thứ nhất lưu chiểu ở (...)

Ngày 1 Aout 1935, đã đi trình quan tỉnh, quan huyện xét chữa các điều lệ thích hợp quốc nghi dân tục hiện đương thi hành nên đồng dân đã thỏa thuận xin phép tạm thi hành từ ngày 1 (...)1936 đợi khi quan trên phê duyệt sẽ (...) Hương ước cũ ký ngày 18 (...) 1908 đến nay nhiều khoản không (...)

Thừa sao y như chính bản

Hương ước của làng Thanh Liệt phụng đệ

Thanh Trì le 15 Juillet 1936

Quan huyện ký tên đóng dấu
Quan tổng đốc ký tên đóng dấu
Quan công sứ ký tên đóng dấu
Phụng soạn hương ước làng Thanh Liệt
Hàn lâm thị độc bản xã Tiên chỉ Vũ Văn Đức ký
Kỳ mục hội chủ Đặng Đình Cẩn ký
(.....)

HƯƠNG ƯỚC LÀNG SỞ HẠ

Tổng Xâm Thị, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông

Chủ ý cải lương

Khoản ước làng Sở Hạ từ xưa đến nay chỉ lệ khẩu truyền không có minh văn, mà có nhiều điều không hợp thời thế và không có nhất định, bởi vậy cần phải cải lương, suy xét hiện tình thời nay so sánh lệ truyền ngày trước, điều nào hại thời đổi bỏ, điều nào lợi thời theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh dần, dân làng có trật tự, sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà cải bổ thêm.

Chính trị

Tổ chức hội đồng tộc biểu

Điều thứ 1: Các họ họp lại thành một làng bởi vậy làng do các họ cử lấy người thay mặt, nhưng tục dân xưa nay và tự khi cải lương bầu hội đồng, dân vẫn chia các giáp chọn lấy người thay mặt, gọi là giáp biểu.

Điều thứ 2: Theo sổ đinh trong giáp mà cử, giáp nhỏ bầu ít, giáp nhớn bầu nhiều.

Điều thứ 3: Tư cách giáp biểu là từ 25 tuổi giở lên, có biết chữ và có gia sản, không can phạm trong điều thứ 3 nghị định quan thống sứ ngày 25-2-1927.

Điều thứ 4: Giáp biểu giữ việc 6 năm một hạn. Hết hạn ai được giáp tái cử lại được làm nữa. Giáp biểu từ dịch được trừ tạp dịch (như là canh phòng, tu sửa đường sá,...) và được ngôi tư dân ký.

Điều thứ 5: Chức vụ giáp biểu là phát nghị và quyết đinh việc làng, chịu trách nhiệm việc thu tiền, gửi công quĩ dân việc chi thu lập thành sổ sách minh bạch.

Điều thứ 6: Giáp biểu tự chọn trong ban lấy một người làm hội trưởng và một người phó hội trưởng. Khi hội đồng họp do hội trưởng bá cáo, khi hội trưởng vắng thì phó hội trưởng bá cáo.

Điều thứ 7: Hội đồng lại chọn trong ban một người thư toán làm thư ký và một người giàu làm thủ quĩ giữ tiền công.

Điều thứ 8: Chức thư ký và thủ quĩ có thể chọn bầu người ngoài cũng được.

Điều thứ 9: Khi hội đồng họp, cấm người say rượu không được họp hội đồng.

Điều thứ 10: Được quá nửa hội viên trong ban dự hội, đồng thời mới bàn việc, bàn xong giải tán ngay không được bày cuộc tửu phiến.

Điều thứ 11: Hội đồng bàn việc gì phải lập thành biên bản có chữ ký hội viên hiện tại để vào tủ công lưu chiểu.

Điều thứ 12: Giáp biểu nào mắc bận hay có việc gì phương trở không đến dự hội được thời phải có nhời kiểu để hương hội biết. Ai không có duyên cớ gì đích thực, mà bỏ hai lần không đến họp hương hội phạt 0,20$ sung quĩ, nếu kháng cự sưu thuế lập thành biên bản trình quan xét.

Điều thứ 13: Đương lúc họp hội đồng trong làng có ai theo lễ phép mà hỏi điều gì, thời hương hội cũng phải đáp lại một cách minh bạch cho người ta biết.

Điều thứ 14: Những việc bàn quá nửa hội viên ý hợp thời đem thi hành. Ý kiến không hợp thời đem bỏ phiếu, hoặc bỏ bằng cách giơ tay hay bỏ phiếu kín, mà bắt đầu từ giáp nhỏ nhất.

Điều thứ 15: Khi có quan tòa án hay quan cai trị hỏi đến việc làng thời sưu thuế tự chọn lấy hai người trong ban cùng đi với lý trưởng.

Điều thứ 16: Trừ khi có lệnh quan bắt buộc phải làm thời không kể. Còn khi các quan hỏi ý kiến việc quan hệ về việc quyền lợi chung

của làng, thời hai người giáp biểu và lý trưởng không được tự quyết mà trình quan ngay phải về mở hội đồng tất cả mọi người hợp ý thời sẽ trình sau.

Điều thứ 17: Giáp biểu và lý trưởng làm việc làng mà đi từ 3km, thì thôi làng không phải chịu lộ phí. Quá số ấy như lên tỉnh dân chi mỗi ngày 0,60$ hạn cho 2 ngày, lên huyện dân chi mỗi ngày 0,20$, hạn một ngày.

Quan kỷ

Điều thứ 18: Giáp biểu nào làm trái hương ước hoặc cả hội đồng hoặc một người trong làng giác ra, thời hội đồng chức sắc, kỳ lão cứu xử có quyền phạt từ 0,50$ đến 1,00$ hay trình quan xét.

Sổ chi thu

Điều thứ 19: Làng vì không đủ tiền theo nghị định lập sổ chi thu, nhưng hương hội cũng phải giữ sổ sách nhật ký để biên chép việc thu việc chi cho minh bạch.

Điều thứ 20: Sổ nhật ký chi thu do thủ quĩ giữ. Hội trưởng có quyền theo hương ước và biên bản của sưu thuế bàn định mà cho phép thu phát.

Tiền thu

Điều thứ 21: Các khoản tiền của dân như là tiền cầm bán, hay cho thuê, các món tiền nộp lệ dân, tiền triết can, các khoản và các số tiền nộp phạt của những người làm trái hương ước, các số tiền của dân đánh thuế riêng, đều nộp vào công quĩ.

Điều thứ 22: Thủ quĩ nhận tiền của ai đều phải giao biên lai cho người ấy.

Điều thứ 23: Ai nộp tiền cho người nào, mà không có lệnh hội trưởng và thủ quĩ biên lai thời số tiền ấy coi như chưa nộp.

Tiền chi

Điều thứ 24: Khi chi tiêu việc gì, thủ quĩ phải biên sổ sách cho minh bạch.

Điều thứ 25: Khi dự định làm việc gì hương hội phải hội lại mà bàn định trước. Nếu quá số 20,00$ phải xin phép quan duyệt y mới được đem thi hành.

Điều thứ 26: Các số tiền chi ra thủ quĩ phải bắt người lĩnh tiền giao giả giấy ký nhận và có cả chữ hội trưởng ký.

Điều thứ 27: Nếu quĩ làng có thừa tiền sẽ đem gửi kho bạc.

Điều thứ 28: Sưu thuế thu chi các số tiền công không có sổ sách minh bạch mà hàn hỗn có ai giác xuất ra thời phải chịu lỗi.

Điều thứ 29: Làng sẽ tùy số tiền thu và chi mà phụ cấp cho thủ quĩ và thư ký mỗi năm mỗi người là 4,00$ bạc.

Điều thứ 30: Lý trưởng là người thay mặt làng mà thừa hành việc quan. Phó lý là người giúp việc lý trưởng.

Điều thứ 31: Lý phó trưởng không có quyền tự quyết việc dân, phải theo ý chung của các giáp biểu.

Điều thứ 32: Lý phó trưởng là người hành chính trong làng, đều được dự chân hội đồng, làng có chánh phó tổng cũng vậy.

Điều thứ 33: Làng trích ruộng công cho lý trưởng một mẫu để làm việc quan.

Điều thứ 34: Lý trưởng đã được dân cấp ruộng rồi khi đi việc quan một mình không được lấy tiền phi tổn nữa.

Bổ sưu thuế

Điều thứ 35: Lý trưởng lĩnh bài chỉ về phải tường với sưu thuế để hội dân lại chiểu bài bổ mà quân bổ.

Điều thứ 36: Sưu thuế nhà nước đã có ngạch không được chia đàn anh, đàn em, nội canh ngoại canh mà bổ nhiều ít.

Điều thứ 37: Sưu thuế đã hội dân quân bổ rồi phải lập thành bài bổ cho minh bạch, hạng nào phải chịu cho bao nhiêu trình quan kiểm xét.

Điều thứ 38: Khi quan đã kiểm xét bài bổ xong, chánh hương hội phải niêm yết tại công sở cho dân biết mà giao cho lý trưởng

chiểu bài bổ mà hành thu đăng nạp. Ai bỏ không đóng sưu thuế thì lý dịch hương hội sẽ trình quan xin phát mại phần canh công điền của người ấy để sung nạp.

Sự kiện cáo

Điều thứ 39: Trong làng ai có kiện nhau về việc dân sự thương sự thì trước hết phải trình hội đồng hòa giải.

Điều thứ 40: Chánh hương hội tiếp được ai trình phải mở hội đồng lấy lẽ chính đáng và tình thân ái mà hòa giải cho hai bên nếu hòa giải xong thời theo luật mà làm biên bản trình quan vào sổ.

Điều thứ 41: Hòa giải không xong vì nguyên bị mà hội đồng phải đi làm chứng thời người thua kiện phải chịu phí tổn cho hội đồng.

Điều thứ 42: Những việc hình sự không hòa giải được, những người đương sự cũng phải trình hội đồng biết để hội đồng hỏi duyên cớ phát ra làm sao, hương hội không được bắt vạ hay cho tuần sách nhiễu nhà sự chủ.

Canh trong làng

Điều thứ 43: Canh phòng để giữ tính mệnh tài sản chung cho cả làng. Về cuối năm khi mùa nước sông và lúc có lệnh quan sức thời những giai đinh 18 tuổi cho đến 49 tuổi chưa có vị thứ trong làng phải chịu trách nhiệm, cắt nhau từng ban ra mà canh. Trừ những người có vị thứ trong dân, người làm các công sở, người tàn tật, người còn đi học các trường.

Điều thứ 44: Ai vì đi vắng hay vì ngăn trở gì cũng có thể mượn anh em và con canh thay được hay là nộp cho trương tuần ngày 0,10$ đến 0,50$ để trương tuần mượn người canh thay cho mình.

Điều thứ 45: Khi canh người đốc canh phải lập thành bảng yết ban canh, ai bỏ thiếu không canh hương hội xét thực phạt 0,20$ sung công quĩ.

Canh ngoài đồng

Điều thứ 46: Làng chọn lấy 8 người tuần đinh khỏe mạnh, thực thà có gia sản, không can khoản gì để canh trong làng ngoài đồng quanh năm gọi là tuần sương.

Điều thứ 47: Những khi giới đi tuần thì dân trích công quĩ sắm cho, hết hạn lại giao cho tuần mới mất phải đền.

Điều thứ 48: Làng cho tuần lấy sương túc ở ngoài đồng để làm lương.

Điều thứ 49: Tuần bắt được kẻ ăn trộm mầu vật ở ngoài đồng thưởng 0,20$ bắt được cướp thưởng 10,00$.

Điều thứ 50: Tuần phòng không cẩn thận trong làng ngoài đồng có ai mất gì, hương hội xét thực lý dịch tuần tráng phải đền.

Điều thứ 51: Ở trong làng có người nào lạ mặt không có thẻ tùy thân và căn cước đáng tình nghi thời lý dịch bắt giải trình quan xét.

Cứu cấp

Điều thứ 52: Gặp lúc cần cấp như nước lớn đê sạt, trộm cướp, lửa cháy nhà nào, trừ những người già yếu còn mọi người nghe hiệu lệnh phải lập tức đến cứu cấp ngay. Ai biếng nhác không đến hương hội xét thực phạt 0,30$ sung công quĩ.

Điều thứ 53: Ai vì sự cứu cấp mà bị thương, dân cấp tiền thuốc 2,00$, bị trọng thương dân cấp 5,00$, bị chết dân cấp 10,00$ tử tuất và cả dân đi đưa.

Vệ sinh

Điều thứ 54: Muốn cho làng khỏe mạnh, cần phải theo phép vệ sinh, thứ nhất phòng bệnh thứ hai chữa bệnh.

Điều thứ 55: Cấm không ai được vất uế vật ra đường, làm nhà xí ra đường, ai phạm phạt 0,20$ sung quĩ.

Điều thứ 56: Cấm không ai được vất đổ vật người ốm, người chết đã dùng xuống hồ ao, không ai được làm chuồng lợn, chuồng xí, bỏ uế vật ở chỗ dốc nước chảy xuống hồ ao, ai phạm phạt 0,30$.

Điều thứ 57: Cấm không ai được thả các súc vật trên bờ giếng ai không tuân phạt 0,20$.

Điều thứ 58: Giếng ăn nước phải xa tha ma phải sửa sang giữ gìn cho trong sạch phí tổn tiền công quĩ chịu.

Điều thứ 59: Khi trong làng có xảy ra bệnh truyền nhiễm hương lý phải trình quan xin thầy thuốc chữa cho.

Điều thứ 60: Cấm không ai được buộc trâu bò ở đường làng làm cho bẩn và hỏng phải phạt 0,10$.

Điều thứ 61: Nhà ai ở gần đường làng, bờ rào phải sửa dọn cho quang, không được để u ám hại vệ sinh phải phạt 0,20$.

Đường sá, cầu cống

Điều thứ 62: Đường trong làng phải để rộng ít là ba thước Tây.

Điều thứ 63: Dân đã cử người trông nom đường sá cầu cống, đê điều, hễ thấy chỗ nào hư hỏng phải trình hội đồng để sửa soạn lại, đê thì phải coi sóc cho người và các súc vật khỏi làm hại đê, có chỗ nào hư hỏng nhiều cần phải nhà nước tu bổ lại, thời sưu thuế, lý dịch phải trình quan.

Điều thứ 64: Các đường chung của làng trích tiền công quĩ mà sửa sang hay chia về nhân xuất mà sửa sang.

Điều thứ 65: Các đường riêng từng xóm thì xóm nào xóm ấy phải sửa.

Điều thứ 66: Cấm không ai được giồng cây rào lấn ra đường làng, ai không tuân phạt 7 hào và phải sửa sang lại, nếu kháng cự thì hương lý phải làm biên bản trình quan.

Điều thứ 67: Ai làm việc riêng mà hại đến đường sá cầu cống của làng thời phải bồi thường và phải phạt từ 0,50$ đến 1,00$.

Điều thứ 68: Ai cần tháo nước hay làm việc gì phạm đến đường trước hết phải trình hội đồng xem xét khi làm xong phải sửa lại giả dân như cũ.

Điều thứ 69: Thường năm trương tuần phải bắt tuần sương tu bổ đường khuyến nông khai sâu cừ lạch chứa nước cho tiện làm ruộng.

Điều thứ 70: Cấm, không ai được đắp chắn chỗ nước chảy để nước không thông làm thiệt hại mầu vật. Ai làm hư hỏng đường đôi phải đắp giả, ai phạm cấm phải phạt 0,10$.

Điều thứ 71: Cấm không ai được chăn trâu bò ở bờ ruộng có hoa mầu và chăn vịt khi đã gieo mạ và có hoa mầu ở đồng. Ai phạm cấm ấy phải phạt 0,20$, lại phải bồi giả hoa mầu của người có hoa mầu bị thiệt.

Các của công

Điều thứ 72: Các công điền công thổ của dân thời quân cấp cho dân còn ra bao nhiêu hoặc cho thuê hoặc cầm bán, sưu thuế phải đấu giá công nhiên lấy tiền sung quĩ.

Điều thứ 73: Khi đấu giá các công sản của dân phải bỏ phiếu kín, nhưng phải niêm yết trước 10 ngày, ai muốn mua phải nộp cho thủ quĩ một số tiền ký quĩ trước, tùy theo việc nhiều ít.

Điều thứ 74: Mở phiếu ai giả cao hương hội lập biên bản bán cho, hẹn kỳ giả tiền nếu quá hẹn không giả thì số tiền ký quĩ trước sẽ mất, hương hội sẽ lập kỳ đấu giá thứ hai.

Xét gian lậu

Điều thứ 75: Những điều nhà nước đã ra lệnh cấm như rượu lậu, thuốc phiện lậu và mở sòng cờ bạc lấy hổ, thời hương hội phải khám xét luôn để trừ gian lậu.

Điều thứ 76: Ai cố phạm hương lý khuyên ngăn không được thời bắt tang vật giải trình quan xét.

Giao thiệp

Điều thứ 77: Khi có quan chức Tây, Nam về làng hương lý phải đón tiếp cho phải phép các quan có cần làm việc hay khám xét gì hương lý phải chỉ dẫn trông nom cho khỏi sự ngăn trở.

Điều thứ 78: Khi trong địa hạt làng mình có ai bị tai nạn khẩn cấp, hương lý phải tìm ngay phương cứu cấp.

Điều thứ 79: Khi các chức dịch hay huynh thứ làng khác đến làng mình làm việc gì ích lợi, hương lý phải thay mặt làng mà giao thiệp cho có tình thân ái.

Điều thứ 80: Khi có ai mời công dân, hương lý hội dân lại định cách mừng hay phúng.

Điều thứ 81: Các việc giao thiệp công của dân có cần phải chi tiêu phí tổn công quĩ dân chịu.

Giáo dục

Điều thứ 82: Dạy trẻ con học thức phổ thông là nghĩa vụ của người làm phụ huynh không ai được từ chối, làng đã có trường học dạy trẻ con ở trong làng.

Điều thứ 83: Hương lý phải trông nom cho trẻ con học, nhà nào nghèo không thể mua được giấy bút, hương hội xét thực trích tiền công quĩ mà cấp thêm cho.

Điều thứ 84: Dân muốn cho trẻ con chăm học ai có bằng sơ học Pháp - Việt, khi vào làng 18 tuổi dân cho ngồi trên hàng giai đinh, nhưng phải nộp vọng cho dân 2,00$ vào quĩ và 100 khẩu giầu nộp khi ngồi có việc công.

Ngụ cư

Điều thứ 85: Làng chỉ cho những người có căn cước minh bạch, nghề nghiệp chính đáng ở trong làng.

Điều thứ 86: Trừ những người ngụ cư tam thời còn những người có gia sản ở trong làng phải chịu trách nhiệm canh phòng.

Điều thứ 87: Người nào thê hương hay mẫu quán mà muốn vào làng phải nộp 15,00$ sung công quĩ "dân có thuận mới được".

Ký táng

Điều thứ 88: Khi có những người khác làng xin ký táng bất cứ người ấy mua đất của các chủ tư hay để vào đất công, phải tường với

hương hội, lý dịch đã đánh, mà lại phải nộp tiền ký táng là 2,00$ nộp vào quĩ.

Tục lệ

Quản điền thổ

Điều thứ 89: Lệ làng cứ 3 năm một lần quản cấp lại các công điền, công thổ của dân. Cứ đầu tháng tám An Nam năm thứ ba, hương hội lý dịch hội dân lại lập biên bản chiểu đinh quản điền chiếu theo thứ vị, ai ngồi trên đã nộp đủ lệ dân lấy phần trước.

Điều thứ 90: Nếu trong làng hai hay nhiều người cùng vào thì người nào có ngôi trên được lấy phần trước, con nuôi thì bao giờ cũng phải lấy phần sau.

Điều thứ 91: Ai đến tuổi 18 vào làng phải sửa 100 khẩu giấu và nộp vào quĩ dân 2,00$ nhập hương. Dân cấp ngay cho phần ruộng công kỳ tại ở huyện Thượng Phúc, còn ruộng ở làng không phải kỳ quản điền thì phải chờ đến kỳ quản điền hay khi có ai chết, thì dân sẽ tạm san cấp cho. Nhưng đến kỳ bổ sưu thuế dân cũng trừ giảm bớt cho.

Điều thứ 92: Ai không tuân nộp hương lệ phải phạt 0,20$ và hương hội sẽ trình quan xin phát mại kỳ phần ruộng để thu cho đủ tiền hương lệ sung vào qũy.

Tôn giáo

Điều thứ 93: Vốn dân phần nhiều tòng giáo trong những kỳ hội lễ nhà thờ phải phụng nghênh thánh giá trước hết hương hội, lý dịch phải hội dân lại để cắt cử những người chấp sự, ai làm việc gì đã kê rõ ở tờ niêm yết sở công, nếu ai vì phương trở điều gì hay vắng mặt không thể đi rước được phải có lời cáo trước với chánh hương hội hay lý trưởng để cắt người khác vào thay. Ai không tuân bỏ khoáng khiếm phạt 0,20$ sung công quĩ cho nghiêm phong tục.

Điều thứ 94: Lệ dân tam chi ra hai mẫu ruộng công kỳ ở tại huyện Thượng Phúc đấu giá bán thuê lấy tiền. Giao chánh chương

để chi vào việc hai kỳ lễ: 1. Lễ Phục sinh; 2. Lễ các thánh. Khi đấu giá phải có mặt cả ban hương hội, chánh chương, lý trưởng, trưởng ba, hộ lại, đấu giá tại công sở rồi lập thành biên bản thu và chi cho minh bạch.

Điều thứ 95: Hội linh hồn là hội cầu cho những linh hồn người trong dân đã chết. Công bản hội do viên linh mục giữ để làm lễ cầu nguyện.

Điều thứ 96: Dân có hai mẫu hai sào của người ký hậu cho dân, ruộng ấy bán thuê để mua chiếu giải nhà thờ và mua dầu thắp đèn trong nhà thời (do tùy quyền viên linh mục).

Điều thứ 97: Dân chi ra 6 sào ruộng công giao thủ từ cày cấy dân lấy giá mỗi năm 6,00$ để mua dầu thắp một cái đèn chầu quanh năm.

Điều thứ 98: Dân cho thủ từ 4 sào ruộng công để làm lương.

Điều thứ 99: Đồ tự khí - trừ những đồ tự khí viên linh mục giữ còn ra bao nhiêu người cán sự "cán biên" phải chịu trách nhiệm trông nom gìn giữ.

Điều thứ 100: Nếu hư hỏng đâu người cán sự "cán biện" tường với sưu thuế đình cách chữa lại, cán sự sơ sài để mất hư hỏng phải đền.

Điều thứ 101: Khi giao đồ tự khí hương hội phải lập thành biên bản, cán sự ký nhận, mỗi năm hương hội kiểm soát lại một lần.

Điều thứ 102: Đồ hoành tống đưa đám mà như cờ chuông thì người quản giáo giữ.

Khao vọng

Điều thứ 103: Làng có ai đỗ tú tài, cử nhân giở lên: "hoặc Tây, Nam". Người được hàm hàn lâm, phẩm hàm cho dân biết thì dân sẽ tùy bậc mà cắt cử người đón rước còn lệ dân nếu triết nạp thì lấy một số tiền là 30$ sung quĩ.

Điều thứ 104: Ai làm chánh phó tổng, chánh phó hương hội, lý phó trưởng, nếu triết nạp thì dân lấy một số tiền là 20,00$ sung quĩ.

Điều thứ 105: Trừ những hạng trong điều 103 và 104 không kể, còn lý phó hương tư dân và lính đều phải triết nạp lấy một số tiền là 20,00$.

Điều thứ 106: Còn các hạng làm việc tư dân ngôi dưới phải nộp 10,00$.

Điều thứ 107: Con nuôi và ngụ cư phải nộp gấp hai.

Điều thứ 108: Vọng lão ai đến tuổi 61 mà là người khoa mục, phẩm hàm thì phải sửa 100 khẩu giầu, một gói chè nộp lệ khi dân ngồi hội họp ở sở công, có việc công thời lên ngồi ngôi lão.

Điều thứ 109: Những người có dự hội đồng kỳ mục đến tuổi lão nộp tiền triết can cho dân 1,00$ sung công quĩ.

Điều thứ 110: Lão hạng là do những người không có vị thứ gì trong dân khi đến tuổi lão nộp tiền triết lệ 6,00$ sung công quĩ.

Điều thứ 111: Lão hạng là do người không có vị thứ gì trong dân khi đến tuổi lão nộp tiền triết lệ (.....) sung công quĩ.

Điều thứ 112: Đến tuổi lão vẫn được lấy phần canh công điền làng quân cấp cho.

Điều thứ 113: Ai không tuân hương ước mà khao hay nộp tiền triết can, thì dân không cho người ấy ngôi ngồi và khi quân điền dân không nhường cho lấy phần trên.

Vị thứ

Điều thứ 114: Thứ vị trong làng và việc cấp tiền sẽ theo thứ tự sau này:

1. Những người được thưởng hàm từ cửu phẩm giở lên và đỗ bằng Tây học hoặc Pháp Việt học từ tú tài giở lên, bất cứ già trẻ ai hàm cao đỗ cao thời ngồi trên, ai hàm thấp đỗ thấp thời ngồi dưới, nếu hàm cùng như nhau mà cùng vọng một năm thì hàm văn giai ngồi trên hàm bạch hộ, hàm bá hộ trên hàm đội trưởng, nếu cùng vọng một năm hàm ngang nhau thì người nào nhiều tuổi ngồi trên.

2. Những hàng lão từ 60 tuổi giở lên mà làm chức dịch có bằng quan phẻ thì theo thứ tự sau: Chánh phó tổng, chánh phó hội, chánh, phó lý trưởng, trưởng ba, hộ lại, thủ quĩ, thư ký, hương trưởng nếu cùng chức ai làm trước thời ngồi trên.

3. Những các thứ dịch chưa đến 60 tuổi theo thứ tự sau này:

a) Chánh phó tổng tân cựu.

b) Chánh hội lý trưởng, phó hội phó lý tân cựu, các người có bằng cao đẳng học Pháp hoặc Pháp Việt tùng sự chính sở công.

c) Trưởng ba, hộ lại, thủ quĩ, thư ký hương trưởng tân cựu, linh dân bắt mãn khóa mà không được phẩm hàm quản giáo cán biện đã mua lý hương tự dân rồi thì ai làm trước ngồi trên ai làm sau ngồi dưới.

d) Các hạng lão 60 tuổi giở lên mà không làm chức dịch gì có chữ quan phẻ.

e) Các hương lý tư dân các cán biện, quản giáo, chưa mua lý hương tư, linh đầu mộ mãn lệ không được phẩm hàm, ai làm trước thời ngồi trên quản phiên thôn trưởng.

g) Giai dân cứ theo tuổi mà ngồi nếu cùng vào làng một năm cùng tuổi thì theo ngôi của bố, bố trên thì con ngồi trên, những con nuôi, con ngụ cư đẻ hoang thì ngồi dưới cùng.

Hôn lễ

Điều thứ 115: Ai có con gái lấy chồng ở làng phải nộp tiền triết cau, cau chia hết cả mọi người trong làng (...) gửi chánh chương để chi kỳ đại lễ ba năm một kỳ khi thu phải biên nhận xong kỳ lễ phải tính toán và phải nộp (...) tiền cheo 120 quả cau một gói chè, tiền nộp vàp quĩ, cau nộp cho lý trưởng pha cheo chia các người có vị thứ trong làng, chè biếu lý trưởng.

Điều thứ 116: Con gái lấy chồng ở làng khác nộp lệ một gấp hai.

Điều thứ 117: Lệ xưa nhà gái mời dân mà nay tùy tinh.

Điều thứ 118: Còn nhà giai ở trong làng cũng triết lệ mời dân ăn uống, lấy một số tiền chia làm ba hạng (...). Số tiền này nếu ai bị túng nghèo không lo được thời có lời tường để dân cũng bằng lòng cho.

Tang lễ

Điều thứ 119: Việc tang là việc buồn rầu, cấm không được đặt tiệc ăn uống khi quan tài còn ở trong nhà, trong ba ngày phải tống táng ngay.

Điều thứ 120: Tục dân xưa nay tang chủ phải mời dân ăn uống. Thứ nhất là mời trình thứ hai là thành phục, ba là tống chung nay triết nạp lấy một số tiền chia làm ba hạng (...).

Điều thứ 121: Nhà tang chủ muốn vì tình cha mẹ hay là thân thiết, nộp một số tiền kỷ niệm sung công quĩ, xin nộp hạng nào dân cũng bằng.

Điều thứ 122: Ai vì mình túng nghèo không có thể lo được có lời tường với dân, dân cũng cho.

Điều thứ 123: Đồ hành tống của làng như đài tráng thuộc về giáp của người chết, phải cắt cử đưa đón cho trang trọng.

Điều thứ 124: Khi tống chung phải có cơi giấu tường với hương hội biết để loan báo cho làng đi đưa đám ma.

Thuế trâu bò

Điều thứ 125: Dân vì nhiều trâu bò nên đường sá, cầu cống thường hay hư hỏng, vậy dân lấy một số tiền thuế riêng để thêm vào lấy tiền sửa sang đường sá, cầu cống, ai nuôi trâu phải nộp thuế một con trâu là (...) mỗi con bò là (...) phải mang nộp cho thủ quĩ để sung vào quĩ.

Điều thứ 126: Hết tháng 10, ai còn chây lười, không nộp sưu thuế sẽ cắt phái tuần sương đi thu, mỗi con phải phạt thêm (...) nữa.

Tạp ước

Điều thứ 127: Sưu thuế và các chức dịch là những người mối việc dân đã tin cậy cử ra thay mặt để trông nom hết tất cả các công việc dân. Mỗi khi theo lệnh quan, dự định việc dân hay uỷ thác cho một người nào làm việc gì cần phải xem xét lại kỹ càng cho được

chính đáng nếu sơ sài mà làm cho dân phải sinh ra lỗi thôi sẽ phải tùy việc mà chịu trách nhiệm.

Điều thứ 128: Các công thổ là gò đống chỗ đất hoang, hào lũy xung quanh làng, hai bên đường của làng, ai sửa sang hay giồng được cây cối gì có lợi thời dân chia cho một nửa lợi ấy. Nhưng trước khi sửa sang và giồng cây cối phải tường với hương hội xem xét và chứng nhận cho theo nhời trong biên bản giao ước với dân.

Điều thứ 129: Ai làm hư hại hay để súc vật phá cây cối của dân phải chiểu tinh giá (...) đến (...), lại phải chiểu tinh giá loại ấy mà bồi thường nữa.

Điều thứ 130: Hiệu lệnh của làng: trống đánh một hồi rồi đánh năm tiếng sau là hội đồng. Đánh hai hồi là có hiệu cần.

Điều thứ 131: Trống đánh chín tiếng là gọi tuần nếu đánh gấp hai là có việc cần.

Điều thứ 132: Trống đánh một hồi rồi đánh ba tiếng sau là hội dân.

Điều thứ 133: Ai tự làm trái hiệu lệnh, của dân phải phạt từ (.....) đến (.....) sung công quĩ.

Điều thứ 134: Đương đêm ai cãi nhau to tiếng làm xôn xao dân phạt (.....) sung quĩ.

Điều thứ 135: Ai đi dong làng nói những nhời thô tục hay chửi không rõ ra tên ai, dân phạt từ (.....) đến (....) sung quĩ. Nếu nói phạm hay chửi rõ tên ai mà có đơn trình thì hương hội tùy theo việc nặng nhẹ mà lập biên bản trình quan.

Điều thứ 136: Quyển tục lệ này điều do theo nghị định và tục cũ của dân mà cải bổ hợp thời, mỗi năm cứ đến ngày lễ các Thánh, thư ký phải mang đọc cho dân nghe một lần để mọi người tuân theo hương ước.

Hương ước này quan huyện đã chứng kiến và tuyên đọc trước mặt dân thỏa thuận.

Le thư ký Tạ Quang Phúc
Le thủ quĩ Đặng Quang Dầu
Le phó hội Đặng Văn Miêu
Le chánh hội Đào Tử Liễn
Ký triện
Chức trưởng ba và hộ lại, hương trưởng ai làm trước thì ngồi trên
Le hộ lai: Đặng Duy Thản
Ký triện
Hadong le 15-6-1936
Phụng đệ:
Thanh tri le 10 fum 1936
Le tri huyen
Hadong le 23 fuim 1936
Pham Học Hải
Sao theo bản chính
Sở Ha le 16 (.....) 1942
Le lý - trưởng
Nguyễn Bá Giản

HƯƠNG ƯỚC LÀNG SỞ THƯỢNG

Tổng Thanh Trì, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông

Mục lục

Chú ý cải lương

Khoản ước của làng lưu truyền từ xưa hoặc chỉ khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần nên cải lương, suy xét hiện tình thời nay, so sánh khoản ước khi trước, điều nào lợi thời theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu, dân làng có trật tự, sau sẽ theo trình tiến hóa mà cải tổ thêm.

Phần thứ nhất: Chính trị

Tổ chức hội đồng tộc biểu

Điều thứ 1: Các họ họp lại thành một làng, bởi thế việc làng do các họ cử người thay mặt để mà trông coi gọi là tộc biểu.

Điều thứ 2: Theo số người trong họ mà cử họ nhớn cử hai người hay là ba người, họ nhỏ cử chung một người.

Điều thứ 3: Tư cách tộc biểu là nam hai mươi nhăm tuổi giở lên, thông thái có gia sản không can án phạt giam, tộc biểu làm việc ba năm là một hạn.

Điều thứ 4: Hết hạn ba năm cử lại một lần, ai được tái cử thời lại được làm nữa, những người đương làm tộc biểu thời được trừ tạp dịch như là canh phòng trong làng, tu bổ đường sá: Khi hết hạn thời làng cho thứ vị vào ngôi kỳ mục.

Điều thứ 5: Chức việc tộc biểu là phát nghị và quyết định việc làng, dựng sổ thu chi và kiểm soát sổ ấy.

Điều thứ 6: Các người tộc biểu tự bầu một người trong ban làm chánh hội trưởng và một người làm phó hội trưởng, khi có hội đồng thời chánh hội trưởng bá cáo, nếu hội trưởng ngăn trở việc gì thời do phó hội trưởng bá cáo.

Điều thứ 7: Hội đồng lại bầu hai người trong ban một người thông hiểu thư toán làm thư ký để biên sổ sách và một người giầu có làm thủ quĩ giữ tiền công.

Điều thứ 8: Nếu trong ban không thể bầu được người thủ quĩ thời hội đồng chọn người làng mà bầu, người được bầu làm thủ quĩ ấy được quyền dự hội đồng.

Điều thứ 9: Trừ ra khi dự hội đồng chọn người làng mà bầu, người được bầu làm thủ quĩ ấy được quyền dự hội đồng.

Điều thứ 10: Được quá nửa số trong ban dự hội đồng thời có thể bàn việc, bàn xong phải giải tán ngay không được ngồi lâu mà bầy cuộc rượu phiến.

Điều thứ 11: Nội dung bàn việc gì phải làm biên bản, tờ biên bản ấy phải có chữ ký của những người hội đồng hiện tại và phải để vào công hòm để lưu chiểu.

Điều thứ 12: Tộc biểu mắc bận không đến để hội đồng được phải có nhời cáo để hội đồng biết, nếu ai không có duyên cơ đích thực, tự bỏ đến hai lần hội đồng phải bảo họ ấy cử người khác thay.

Điều thứ 13: Đương lúc hội đồng nếu có ai theo lễ phép mà hỏi điều gì thời hội đồng cũng theo lễ phép mà đáp lại một cách minh bạch cho người ta biết.

Điều thứ 14: Những việc hội đồng bàn được quá nửa số người ý hợp, thời đem thi hành, nếu ý kiến không hợp thời phải bỏ phiếu kín, nhưng một phiếu của hội đồng trưởng được kể làm hai, hoặc cách bỏ phiếu kín cũng phải bắt đầu từ người tộc biểu họ nhỏ nhất bầu trước rồi dần dần tộc biểu họ to nhất là hết.

Điều thứ 15: Khi có lệnh quan tòa án hoặc quan cai trị cần hỏi đến làng thời hội đồng tự chọn nhiều là 2 người trong ban đi với lý trưởng.

Điều thứ 16: Trừ ra những khi có lệnh quan trên bắt làm thời không kể, còn những khi quan trên hỏi ý kiến về những việc quan hệ, quyền lợi chung của làng, thì hai người tộc biểu và lý trưởng không được tự quyết mà trình quan ngay, phải mở hội đồng tất được nhiều người ý hợp rồi sẽ trình sau.

Điều thứ 17: Tộc biểu và lý trưởng làm việc làng mà phải đi xa trong năm cây số thời làng không chi lộ phí, quá số cây chi lên tỉnh mỗi người một ngày là 1,00$, lên huyện thời mỗi người là 0,40$ lên huyện hạn cho một ngày, lên tỉnh hạn cho hai ngày là cùng.

Quan kỷ

Điều thứ 18: Tộc biểu nếu làm việc gì trái hương ước, hoặc cả hội đồng, hoặc một họ nào trong làng giác ra, thời chức sắc, kỳ lão trong làng họp hội đồng mà cứu xử, sự gì đích thực thời phạt là 2,00$ hoặc không cho dự hội đồng nữa, người nào làm mất tư cách đã nói ở điều thứ ba hay là làm tổn hại quyền lợi của làng thời hội đồng chức sắc kỳ lão bãi chức người ấy, nếu hội đồng xử không xong hay là người có lỗi không phục tinh, thời hội đồng sẽ làm biên bản trình quan.

Sổ chi thu

Điều thứ 19: Muốn cho trong làng chi tiêu có chừng mực, để khỏi tổn dân thời phải làm sổ chi thu.

Điều thứ 20: Thường năm cứ ngày mồng một tháng mười một Tây, các tộc biểu hội đồng dự tính để niên thu những tiền gì, tiêu những việc gì, rồi làm thành sổ, cả hội đồng ký kết trình quan sở tại kiểm soát bẩm tỉnh duyệt y, đến mồng một tháng giêng Tây mới được thi hành.

Điều thứ 21: Sổ chi thu của làng giao hội trưởng được quyền cho phép thu phát, nhưng phải cứ những việc đã dự định ra trong sổ.

Tiền thu

Điều thứ 22: Thủ quĩ đã nhận được tiền của ai phải biên vào sổ răng cưa và xé một nửa giao cho người nộp tiền làm giấy biên lai, thư ký thời phải chép ngay vào sổ thu chi ở khoản đã dự định cho thu món tiền ấy.

Điều thứ 23: Ai nộp tiền cho một người nào mà không có chữ thủ quĩ biên lai thời cũng như chưa nộp.

Tiền chi

Điều thứ 24: Ngày nào tiêu việc gì thời tức hôm ấy thư ký phải biên vào sổ chi thu, tiêu về khoản gì thời phải biên vào chương đã để dành để biên khoản ấy.

Điều thứ 25: Làng có chi tiêu bất thường hội trưởng phải mở hội đồng làm biên bản nói rõ vì có gì mà tiêu là bao nhiêu, biên bản ấy phải đính ngay vào sổ chi thu những khoản chi tiêu bất thường số tiền quá số 25$, thời những tờ biên bản ấy phải trình quan tỉnh duyệt y trước đã rồi mới được thi hành.

Điều thứ 26: Những món tiền thủ quĩ chi ra mà không có chữ hội trưởng thời không kể, hễ ai đến lĩnh tiền thủ quĩ bắt người lĩnh tiền ấy giao một cái phải lai xé ở sổ răng cưa ra và có chữ ký hội trưởng chữ ký hay là điểm chỉ người lĩnh tiền ấy, cứ cuối tháng hội đồng kiểm soát một lần và phải làm tờ biên bản.

Điều thứ 27: Hết năm thời hội đồng tính sổ xem số tiền thuộc thu vào là bao nhiêu tiền chi ra là bao nhiêu yết thị tại đình ít ra là một tháng để đồng dân cùng biết, hễ khi yết thị thời phải cho mõ đi rao.

Điều thứ 28: Chi tiêu không được quá số dự định và phải rất là tiết kiệm để cho tiền công còn thừa làm tiền lưu trữ.

Điều thứ 29: Món tiền lưu trữ ấy làng dùng làm việc sinh lợi hay là để chi tiêu việc bất thường.

Điều thứ 30: Nếu làng đem tiền ấy cho vay thời lấy lợi nhẹ mà thôi những người vay, phải cầm điền sản làm tin nếu không cầm thời làng không cho vay.

Điều thứ 31: Những điền phải cầm cho làng giá đáng mười phân chỉ cầm được năm phân.

Điều thứ 32: Hội đồng cho ai vay phải làm biên bản và bảo người vay tiền phải viết văn tự, văn tự ấy phải trước bạ, biên bản giao hội trưởng giữ mà văn tự thời thủ quĩ giữ. Thủ quĩ sẽ chiếu trong văn tự mà phát tiền cho người vay, ai vay tiền công hễ đến hạn phải giả cả gốc và lợi chứ không được viết lợi làm gốc mà tăng thêm hạn nữa, hạn cho vay tiền không được quá một năm.

Điều thứ 33: Nếu số tiền có ít mà người vay nhiều vả lại những số điền sản của người vay ấy đem cầm đều bằng nhau thời hội đồng bỏ thăm ai bắt được thăm thời hội đồng cho vay.

Điều thứ 34: Muốn cho làng tin cậy các tộc biểu và tộc biểu làm hết bổn phận. Vậy nên cấm những người có chân hội đồng và vợ con những người ấy vay tiền của làng.

Điều thứ 35: Làng cấp ruộng công cho chánh phó hội trưởng thủ quĩ thư ký, mỗi người năm sào còn giáp biểu mỗi người ba sào chứ không cấp tiền.

Lý phó trưởng

Điều thứ 36: Lý phó trưởng là người thay mặt làng sẽ thừa hành việc quan, phó lý là người giúp việc lý trưởng.

Điều thứ 37: Lý phó trưởng không có quyền tự ý quyết định việc làng phải theo ý chung cả hội đồng tộc biểu.

Điều thứ 38: Lý phó trưởng là người hành chính trong làng đều được dự chân hội đồng trong làng có chánh phó tổng cũng vậy.

Điều thứ 39: Làng trích ruộng công cấp cho lý trưởng một mẫu năm sào phó lý một mẫu một sào để chi phí làm việc quan, làng lại cấp cho chánh tổng mỗi năm 10,00$ cho hậu phong tục.

Điều thứ 40: Lý phó trưởng đã được ruộng công làng cấp thời khi đi việc quan một mình không được tính phí với làng nữa.

Bổ sưu thuế

Điều thứ 41: Lý trưởng tiếp quan phát chỉ bài thuế về thời tường hội đồng mở hội đồng mà tính sổ bổ.

Điều thứ 42: Sưu thuế đã có ngạch nhất định của nhà nước hội đồng cứ theo chỉ bài mà bổ không được chia ý đàn anh hay đàn em ruộng nội canh hay là ngoại canh mà bổ nhiều bổ ít.

Điều thứ 43: Trong sổ bổ phải nêu rõ người nào bao nhiêu điền thổ bao nhiêu sưu đinh thành bao nhiêu tiền không được hàm hỗn.

Điều thứ 44: Khi đã bổ xong giao lý phó trưởng hành thu đệ nạp.

Điều thứ 45: Làng không bỏ tiền ngoại phí cho lý trưởng vì làng đã cấp ruộng có lệ nhất định.

Điều thứ 46: Những người thiếu sưu thuế lý trưởng chỉ nên trình quan cứu xử hoặc tường với hội đồng lấy phần ruộng người ấy mà đền nạp cho đủ số.

Điều thứ 47: Ngày bổ sưu thuế không được bày ra ăn uống để làng phải đóng nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 48: Trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay thương sự trước hết phải trình hội đồng hòa giải.

Điều thứ 49: Hội đồng tiếp ai trình thời phải mở hội đồng lấy lẽ chính đáng và tình thân ái mà hòa giải cho hai bên, nếu hòa giải xong làm chứng thư giao lý trưởng trình quan sở tại biên số.

Điều thứ 50: Hòa giải không xong, hội đồng vì nguyên bị phải đi làm chứng trước tòa án thời người thua kiện phải chịu phí tổn.

Điều thứ 51: Những việc hình sự dù không có thể hòa giải, nhưng người đương sự cũng phải tường hội đồng biết.

Điều 52: Hội đồng xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra làm biên bản trình quan chứ không được bắt vạ hay là cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Canh trong làng

Điều thứ 53: Canh phòng để giữ tính mệnh tài sản chung cả làng thời hết thảy người làng từ 18 tuổi đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm, trừ ra những người chức sắc khoa mục, người hiện làm việc các sở, người đương đi học các trường, người chưa đến tuổi và người có bệnh tật, người nào phải phiên canh mà đi vắng thời có thể nhờ bà con bạn hữu canh thay, hoặc nộp cho làng một số đồng bạc để thuê người canh thay.

Điều thứ 54: Những người đi tuần chia ra làm 2 ban mỗi ban 80 người trong ban canh bốn tháng, mỗi ban phải bầu một người trong ban làm đốc canh, khi trong làng có cướp phát thì tất cả các ban canh nghe hiệu phải đến cứu ngay mấy ban canh đương thứ.

Điều thứ 55: Những khi giới để canh, của ai người ấy phải sắm, người nào nhà nghèo không thể sắm được thời làng trích tiền công mà sắm cho, nhưng hết hạn canh lại phải giao lại giả làng.

Điều thứ 56: 11 xóm chia làm 11 điếm, sự lập điếm xóm nào xóm ấy phải làm.

Điều thứ 57: Người đứng đầu ban canh cứ gần tối nổi hiệu trống mõ gọi các người trong ban ra điếm, ai có phương trở phải mượn người thay nếu bỏ không canh thời hai lần đầu mỗi lần phạt 0,10$, lần thứ ba thời hội đồng chiểu điều không theo hương ước mà bắt phạt.

Điều thứ 58: Ban canh thường đêm phải đi tuần luôn chung quanh làng cho trộm cướp khỏi vào.

Điều thứ 59: Ai bắt được kẻ trộm làng thưởng 1,00$, bắt được một đứa cướp làng thưởng 10$,00.

Điều thứ 60: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp phát, tuần đã hết sức chống cự mà không thể giữ được thì không phải đền.

Điều thứ 61: Lý phó trưởng thường kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không có thẻ tuỳ thân hay là căn cước đáng ngờ thời bắt giải trình quan xét trị.

Canh ngoài đồng

Điều thứ 62: Làng cử một người trương tuần và 10 người tuần tráng để trông coi đồng điền, còn đến vụ đông can hạt lại cắt 10 người tuần nữa để phụ thêm.

Điều thứ 63: Tuần tráng thời cho trương tuần mộ.

Điều thứ 64: Tư cách trương tuần và tuần tráng là người mạnh bạo và thực thà có gia sản, người nào mang tiếng bất hảo thời không được làm.

Điều thứ 65: Tuần tráng và trương tuần phải theo quyền phép hội đồng tộc biểu và lý trưởng.

Điều thứ 66: Tuần coi các đường khuyến nông của làng thấy ai làm huỷ tổn thời tường hội đồng xét thực phạt 0,20$.

Điều thứ 67: Tuần coi việc giữ nước và thảo nước nhưng khi nên giữ, nên thảo phải theo ý kiến hội đồng không được tự quyết.

Điều thứ 68: Những người nào tháo nước đơm cá để ruộng bị cạn thời tuần phải bắt ngay giải hội đồng không được tự quyết.

Điều thứ 69: Lúa mạ hoa mầu ngoài đồng tuần phải canh giữ cho cẩn thận, mất của ai phải chịu nguyên giá mà đền.

Điều thứ 70: Không kể nội canh hay phụ canh đều đồng niên mỗi mẫu 0,60$, trước vụ gặt thời các điền chủ phải nộp tiền sương túc ấy cho người thủ quĩ hội đồng phân phát cho tuần, ai có trâu bò đồng niên mỗi con 0,40$, bò mỗi con 0,30$ để làng lấy tiền cho tuần.

Điều thứ 71: Trương tuần làm được ba năm đều được chu thoả thời cho ngôi kỳ mục cũng theo như phó lý, nếu không làm hết bổn phận thì phải bãi chức mất ngôi kỳ mục.

Sự cứu cấp

Điều thứ 72: Gặp lúc cần cấp cứu như là nước nhớn, đê sạt hoặc lửa cháy nhà nào, hoặc trộm cướp nhà nào, trừ ra những người có tuổi giở lên và người yếu đuối, còn người làng nghe hiệu thời phải lập tức đến cứu, nếu ai biếng nhác không đến, hội đồng xét thực sẽ phạt 0,20$.

Điều thứ 73: Làng có 4 cái mốc đắp giao cho tuần, ban 2 cái, tuần phiên 2 cái, mỗi điếm phải sắm một cái cu liêm, một cái mốc đáp, đều bằng sắt, cán cho dài mấy 2 cái gầu sơn bằng dựa, dùng để đổ nước, hễ thấy hoả hoạn đâu thời các tuần cùng các điếm phải mang đồ vật ấy đến hộ ngay, tuần nào hoặc điếm nào không đến cứu trợ phải phạt 0,30$.

Điều thứ 74: Ai vì sự cứu cấp mà bị thương, làng cấp tiền chữa thuốc, trọng thương thành tật làng cho ngôi kỳ mục, thương đến nỗi chết làng cấp cho tiền tuất là 20$, và cả làng đi đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 75: Muốn cho người làng mạnh khoẻ cần phải theo phép vệ sinh, một là phòng bệnh, hai là giữ bệnh.

Điều thứ 76: Hội đồng thường hiểu các làng giữ nhà riêng và đường chung cho rất sạch sẽ.

Điều thứ 77: Cấm không ai được vứt uế vật ra đường và làm nhà xí bên đường, ai phạm cấm ấy thời phải phạt 0,30$.

Điều thứ 78: Các giếng ăn nước phải tìm cách giữ gìn cho được trong sạch, những phí tổn về sự giếng nước ăn dân trích tiền công để chi.

Điều thứ 79: Khi trong làng phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm thời lý trưởng phải trình quan ngay xin thầy thuốc chữa.

Điều thứ 80: Trong làng có ai mắc bệnh hủi, lý trưởng phải trình quan khám thực đem ra dưỡng tế không được ẩn dấu mà để ở trong làng.

Điều thứ 81: Những đồ dùng của người ốm hay người chết cấm không được vứt xuống hồ ao, ai phạm cấm ấy làng phạt 0,30$, lại cấm không được làm chuồng lợn hay chuồng tiêu ở quanh bờ ao hay là ở những chỗ mà thoai thoải có thể chảy xuống hồ ao được, ai phạm phải phạt 0,30$.

Đường sá cầu cống đê điều

Điều thứ 82: Làng cử một người thủ lộ, để trông coi đường sá cầu cống đê điều thấy nơi nào hư hỏng phải trình hội đồng để sửa lại, đến như đê điều thời thủ lộ chỉ phải coi sóc để cho người và súc vật khỏi làm tổn hại đến đê, phải giữ gìn cho đê lúc nào cũng được tốt khi có chỗ nào hư hỏng nhiều mà cần phải nhà nước tu bổ mới được thời thủ lộ phải tường hội đồng để trình quan.

Điều thứ 83: Các đường sá của cả làng thời làng trích tiền công mà sửa, còn thời chia nhân suất phải làm, các ngõ trong làng thời phải chia về các xóm, xóm nào xóm ấy phải đắp cho cao ráo sạch sẽ nếu bỏ hoang bẩn thời làng phạt....

Điều thứ 84: Người làm việc riêng mà làm hại đến đường sá, cầu cống chung của làng thời phải bồi thường đắp lại và phải phạt 0,30$.

Điều thứ 85: Ai cần tháo nước qua đường trước phải tường hội đồng, tháo xong lại phải đắp lại ngay.

Điều thứ 86: Thủ lộ làm việc 3 năm đều được thỏa, thời làng cho ngồi kỳ mục cũng như phó lý, nếu không làm hết bổn phận thời phải bãi chức.

Sự vệ nông

Điều thứ 87: Các đường vệ nông, quân về các giáp sáu năm một lần đổi chia lại, phải sắp trên thành sắp lại thời làng phạt 1$00, sung công mà bắt giáp ấy đắp lại ngay còn huỷ liệt thời giáp ấy tu bổ ngay, không tu bổ thời làng cũng bắt phạt như thế.

Điều thứ 88: Mỗi năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khai sâu ngòi lạch giữ nước cho việc làm ruộng.

Điều thứ 89: Cấm không ai được cuốc cỏ bờ ruộng mà không đắp lại để bờ lở dần đi, ai phạm hội đồng phạt...

Điều thứ 90: Cấm ai được sắp đặt qua ngòi đơm cá khiến cho nước không thông ai phạm hội đồng phạt...

Điều thứ 91: Cấm chăn trâu bò bờ ruộng khi lúa đã tốt, ai phạm hội đồng phạt 0,10$, nếu trâu bò ăn lúa mạ của ai thì lại phải đền nữa.

Điều thứ 92: Cấm chăn vịt nhiều ở ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa, ai phạm hội đồng phạt 1$,0, nếu vịt phá lúa mạ thời phải đền nữa.

Các của công

Điều thứ 93: Đã gọi là của chung của làng thời người trong làng ai cũng có nghĩa vụ phải giữ, nếu ai làm tổn hại thời phải bồi thường.

Điều thứ 94: Khi làng đã bán động sản hay là bất động sản hội đồng phải đấu giá kín nhưng yết thị cho mọi người đều biết trước khi đấu giá 10 ngày.

Điều thứ 95: Ai đấu giá cao thời được, nhưng hội đồng phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Xét gian lận

Điều thứ 96: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm như rượu lậu, thuốc phiện và mở sòng chứa bạc lấy hồ thời hội đồng phải khám xét luôn luôn trong làng để trừ gian lậu.

Điều thứ 97: Ai có ý phạm cấm hội đồng thấy không thể khuyên ngăn được thời hội đồng bảo lý trưởng làm biên bản giải tang vật để trình quan trừng trị.

Điều thứ 98: Những người phạm ấy dù quan trên đã trừng phạt trị tội nhưng làm mất phong thể trong làng thời hội đồng phạt không được dự đình trung tế tự 3 tháng đến 1 năm.

Sự giao thiệp

Điều thứ 99: Theo tục quen quan khách đến làng chỉ lý phó trưởng ra ứng tiếp, nếu đi vắng quan khách không biết hỏi ai, như thế thì không tiện nay định giao việc ấy cho các người hội đồng.

Điều thứ 100: Không kể quan Tây hay quan ta nếu có đến làng thời tuần phải báo ngay những người có chân hội đồng.

Điều thứ 101: Các người hội đồng và chánh phó lý lấy lễ nghi chính đáng tiếp tại sở công, nếu các quan có khám xét nhà nào thời hội đồng dẫn khám, khi khám nếu có việc gì ngăn trở thời hội đồng phải giữ gìn cho được ổn thoả, khi ở trong địa giới làng có người ốm đau hay bị tai nạn gì hội đồng nghe tin báo phải đến xét thực liệu phương kế mà cứu cấp ngay.

Sự giáo dục

Điều thứ 102: Dậy trẻ con có học thức phổ thông là nghĩa vụ làm phụ huynh làng mở trường ấu học để dậy trẻ con trong làng.

Điều thứ 103: Làng trích 3 mẫu ruộng để chi lương thầy giáo

Điều thứ 104: Trẻ con trong làng đúng 8 tuổi phải đi học cả.

Điều thứ 105: Làng lấy tiền công mua bút giấy cấp cho những trẻ con nhà nghèo mà hội đồng xét thực không thể mua được.

Phần thứ hai

Phong tục

Việc tế tự

Điều thứ 106: Các kỳ tế tự cứ ông tiên chỉ, tả văn đến như vào mạnh bái ông tiên chỉ không vào thời cứ chuyển xuống, còn bồi tế cùng các việc ai quen việc gì thời vào việc ấy, nhưng mũ áo hia hài phải cho chỉnh khiết ai không chỉnh khiết hoặc thất lễ thời tạ phù lưu 30 khẩu giấu.

Điều thứ 107: Lệ làng mỗi năm đầu tháng Giêng, Rằm tháng tám kỳ phúc hôm trước yết lễ đã có xôi gà, ai đến lượt thời phải biện

lễ, xong rồi cho cả làng cùng hưởng hôm sau thời chung nhau hoặc lệ giúp biện lễ hoặc làm trâu bò thời chung nhau hoặc làm riêng gà lợn cũng được, tế thần xong rồi thời tế hậu, tế rồi kinh biếu quan tuần dự tế một cái thủ lợn, ai không ra tế thời không được biếu, ông tiên chỉ một cái long, ông võ cá 1 cái giò, ông thứ chỉ 1 cái giò, manh bái 1 phiến thịt tộ, đọc văn 1 phiếu thịt, hội chức sắc 1 cái cảnh, ai đã khao rồi mới được, bô lão quan viên kính mỗi ông 1 khẩu giấu, chức sắc miễn sai, đã khao đủ lệ thời dân cũng kính mỗi ông một khẩu giấu, hội linh 16 người biếu 1 cái cảnh, ai đi vắng thời thôi, ai bài chỉ thu xếp các đồ tự khí sơ xuất điều gì thời làng bắt đền, những đồ kính biếu ở trên này tính hết bao nhiêu, đến giáp nào thời giáp ấy phải chịu, đã có sổ biên, đến kỳ tế xong, giáp khác cũng phải nộp đủ, còn thời đưa về nhà cầu đương mà ăn uống 2 ngày lễ ấy. Mãi biện thập vật hương đăng xưa nay mỗi kỳ cả làng đóng mỗi người 0,02$ giao cho lý dịch mãi biện, có chèo hát thời mỗi người phải đóng 0,03$.

Điều thứ 108: Mỗi năm tháng Tư lễ Kỳ Yên thời cả làng họp lại mua những đồ vật, hết bao nhiêu tiền bổ mỗi người là bao nhiêu, thời hội đồng phải biên vào sổ chi tiêu, các giáp thu xong nộp cho thủ quĩ rồi hội đồng giao lý dịch mãi biên, đến như tháng hai tháng tám sinh tế thời đã có quan viên biện lễ thụ huê, tháng bảy tháng Chạp Kỳ Phúc đã có 4 người hình được lên bè phải biện lễ tế xong bổ hình cùng hưởng, tháng Chạp ngày 30 lễ Tất Niên thời mã bàn bổ thượng biện lễ hội ông đã có tiền phóng tức không phải bổ nữa, còn đồ vàng mã, giấy đã có ruộng công cũng không phải bổ, tháng năm lễ Đoan Dương, tháng mười lễ Thường Tân và ngày 30 tháng Chạp lễ nghênh tống sửa lễ thường gì thời hội đồng chuẩn tính biên vào sổ chi tiêu cứ chiểu nhân suất mà cấp liễm.

Điều thứ 109: Xưa nay cứ 3 ngày tết tháng Giêng gọi là thời tiết nhớn, nhà nọ đem cỗ mới vàng mã đến nhà kia cúng bái coi ra phiền lắm, từ nay về sau ai muốn đưa lễ thời đưa tiền triết can 0$,20 để làm tiền hương đăng, chứ không được mang cỗ bàn như trước nữa.

Việc tang sự

Điều thứ 110: Trong làng có ai bất hạnh người giáp nào thời tường giáp ấy để cất đồ tuỳ đi đưa, không được để lâu trong nhà rồi bày đặt tế lễ ăn uống phiền phí, chỉ phải nộp lệ giáp 1,00$, một trăm miếng giầu mà thôi, còn như hàng giáp đi đưa là giả nghĩa nhau không được vào nhà mà ăn uống, nếu tang chủ muốn để vào làng một món tiền kỷ niệm ít nhiều thời làng cũng nhận, nhưng tuỳ ý tang chủ chứ không ép ai cả.

Lệ lên lão

Điều thứ 111: Lệ làng lên lĩnh rồi mới được lên bô, mỗi năm 4 người ở lĩnh lên bô thời mỗi người chỉ biện lễ lợn 1 con, xôi 1 bàn chứ không được xa phí, người nghèo không biện được thời triết can lấy 2$,00 sung công, trong hội bô ai lên bàn năm thời gọi là bô thượng, ông nào lên bô thượng mà tuổi chưa đến 60 cũng không làm sắc mục gì thời triết nộp 3$,00 để sung công ai được đến bô cả, thời sửa 1 cái sỏ lợn, 2 cân xôi, 3 chai rượu 40 khẩu giầu lễ thần linh, nhưng ông nào nghèo không biện được lễ thời triết nộp 3$,00 làng mừng ông cả bô 1 mũ ni vóc, chiếc là láng thâm 7 vuông. Làng có tế lễ lớn lợn thời biếu 1 cái giò, gà thời biếu 1 cái tỏi, còn như ít bàn bô thượng ông nào đến 70, sửa lễ cũng thế làng mừng cái mũ ni vóc cho hậu phong tục.

Việc khao vọng

Điều thứ 112: Trong làng ai đỗ Tây học, cử nhân tú tài hay được phẩm hàm chức sắc và những người tham bị thông tư thời phải sửa xôi lợn, giầu rượu lễ thần kính dân và phải nộp chiết can bánh giầy bánh chưng là 20$,00 để làm tiền công, làng mừng 1 đôi câu đối vóc đến như cỗ bàn mời dân đều trước cả, chánh phó lý và người thí chung tốt nghiệp văn bằng và những người làm hương trưởng dịch mục, lệ khao vọng cũng như trên nhưng chỉ phải nộp tiền chiết can 10$,00 sung công, các người làm việc trong làng tuy đã khao vọng rồi nhưng sau lại được phẩm hàm thời lại nộp lệ khao vọng 10$,00 nữa.

Ngôi thứ

Điều thứ 113: Ngôi ngồi thời cử nhân trên bát phẩm tú tài trên cửu phẩm, cử nhân tú tài Tây cũng vậy, còn như những người đỗ tốt nghiệp văn bằng thời ngồi trên chánh phó lý, hương trưởng dịch mục thời ngồi dưới phó lý.

Việc quản phân công điền thổ

Điều thứ 114: Sáu năm một lần chia ruộng lúc chia thời trống đánh mõ rao, trên dưới đều họp ở đình sở, lập lại bản sổ gọi là sổ quân điền, chiểu trong hương ước mà để ruộng gì làm tế lễ điền, học điền, lý dịch, hương điền, hội đồng hương điền, giáo điền hương đăng điền, phụng mã điền, tử tuất điền còn bao nhiêu tính số người mà chia đều người trên nhận trước, người dưới nhận sau, ai nhận mấy sào ở mẫu nào, độ nào thời biên vào sổ dẫu nhầm nhận phải ruộng xấu cũng không được nói lại, ai nhận ruộng rồi chẳng may chết đi, thời phần ruộng ấy cho con cháu người ấy, được cấy đủ ba năm gọi là ruộng tử tuất, mãn tang thời giả làng để cấp cho giai mới vào làng.

Hôn lễ

Điều thứ 115: Trong làng ai có con gái gả chồng thời phải nộp lệ 2$,00 để làm của công và xác biện phù lưu một trăm khẩu giấu, các kỳ hội đồng đem đến đình mà nộp đến như ngoại giá thời thu một bội nhị và tường với hội đồng lý trưởng vào sổ giá thú.

Điều thứ 116: Cấm không được chăng giây đóng ngáng ngăn trở việc cưới, ai phạm hội đồng phạt 0,20$.

Việc vào làng

Điều thứ 117: Theo tục trước, không cứ tuổi bao nhiêu xin vào làng cũng được, nhờn không vào cũng thôi, nay định ai đến 17 tuổi phải nộp 3,00$ vào làng và 30 khẩu giấu, bạc ấy để sung công, làng biên tên vào sổ rồi sẽ cấp ruộng, mà phải đóng góp lệ làng ngay bao giờ làng có tế lễ gì, khao vọng đến lần thời phải biện gà 4 con (đã có

cân riêng) xôi 4 cân (do cân mua lợn, rượu 4 chai (giá 1$,00) oản 20 phẩm cau 20 quả, giầu 45 khẩu, ai đã vào không đóng góp được phải bỏ làng đi, thời phần ruộng ấy phải giả lại làng để cấp cho người khác, bao giờ lại vào thời giáng ngôi hương ẩm 3 ngôi, những người bỏ phần vào làng, cùng người nghe không vào làng được mà tuổi đến 18 thời cũng phải lĩnh thẻ tuỳ thân, còn ai trú ngụ không có vợ con, không có thẻ tuỳ thân thời làng đuổi đi.

Tạp dịch

Điều thứ 118: Ngày xưa các họ còn ít người, mỗi họ làm một cái nhà thờ, thờ ông thuỷ tổ, rồi sau chi khác cùng những người theo họ mẹ, họ vợ mấy người kiều ngụ cũng nhận là họ ấy thời cũng phải thờ tế nhưng mà thực là phải khác xưa nay không phải để tang nhau (như họ Cao Văn, mỗi một chi lại ba phái các họ khác cũng vậy), mà giai gái vẫn lấy nhau nay xin đổi chữ đệm ở giữa cho phân minh (như trước đều là Cao Văn cả nay xin đổi một phái là Cao Xuân một phái là Cao Khắc một phái là Cao Thế, các họ khác cũng xin như thế) để về sau, có ai thực phải, giai gái lấy nhau khỏi sinh kiện cáo.

Điều thứ 119: Trong làng lương giáo biên đã chia những công lợi của công dân như là công điền công thổ, công dân, trước đã chia rồi bây giờ cũng theo như thế, quyền lợi bên nào có bao nhiêu thời bên ấy giữ chứ không được hàm hỗn.

Điều thứ 120: Xưa nay đất ở trong làng chỉ có 39 mẫu cả nhà và ao, bây giờ nhiều người ít chỗ ở, mà ngoài đồng thời chỉ có ruộng công thôi, vậy định để ra ngoài đồng một xứ ở 10 mẫu linh (tại thập độ, thập ngũ độ từ thất chí thập nhị điền) để người dân trong làng ai không chỗ ở thời ra đấy mà ở, nhưng phải trừ phần ruộng kỷ phần mình đi mà sau người ấy chết thời để cho con cháu nhưng cũng phải trừ ruộng kỷ phần.

Điều thứ 121: Làng có trống mõ, ốc làm hiệu lệnh, trống thời hễ làng hội việc gì cứ hội ấy mà đánh để nghe mà ra họp, tuần thời được đánh mõ thổi ốc, những lúc tối ra các điếm chỉ được thổi có ba tiếng

thôi, có ai đánh nhau, kêu làng nước thời thổi một hồi ba tiếng, bằng có việc gì quan hệ lắm thời thổi ba hồi sáu tiếng, nghe thấy thổi cách nào thời cả hội đồng cùng các tuần phải đến cho đủ ai thiếu thời bắt 0,10$, ai không phải phận sự mà đánh trống cùng thổi ốc càn, thời làng bắt 0,30$ để sung công.

Điều thứ 122: Những khoán lệ trước không hợp với hương ước này thời bỏ đi cả.

Điều thứ 123: Ai trái khoản ước này thời hội đồng tuỳ tình, lý nặng nhẹ mà phạt từ 0,10$ đến 0,20$ hoặc không cho dự hương ẩm từ ba tháng đến một năm hoặc làm biên bản trình quan nghĩ trị.

Điều thứ 124: Đệ niên cứ ngày Kỳ Phúc tháng Giêng, tháng tám, thư ký, phải đem hương ước đọc cho đồng dân cùng nghe.

Hương lão	*Hadong, le 31 mai lg 21*
Ký tên: Lê Duy Nhuận Ký	(.....)
Cao Nam Phương –	*signé: misible*
Lê Duy Khuê –	Vu
Đặng Văn Lợi –	*Hadong le 31 mai, lg 21*
Vũ Xuân Nở Điểm chỉ	Quan tổng đốc
Lê Duy Cán Ký	Ký tên: Hoàng Trọng Phu
Cao Thế Ngoán Điểm chỉ	
Nguyễn Văn Giễm Ký	Vu
Cao Đình Chừa –	*Thanh Tri le 23 Avril lg 21*
Cao Hầu Hai–	
Nguyễn Văn Lạ -	Quan tri huyện
Cao Văn Suất –	Ký tên: Nguyễn Văn Kỳ
Cap Văn Thập –	Tiên chỉ
Đặng Văn Chế –	Chánh hội đồng kỳ mục
Đặng Văn Sửu Điểm chỉ	Cao Xuân Thiện

Nguyễn Duy Đặng Ký	.....
Cao Đình Thành Điểm chỉ	.....
Bì Văn Xa Ký	.....
Đặng Văn Ẩn Điểm chỉ	Sao theo bản chính
Mao Văn Tham Ký	*Sở Hạ le 16..... 1942*
Cao Văn Y –	Phụng sao
Hương trưởng: Đặng Văn Giang –	Le Lý trưởng
Thư ký: Nguyễn Văn Hàm –	Nguyễn Bá Giản
Phó Lý: Cao Văn Chiểu –	
Lý trưởng: Cao Văn Tập áp triện	
Chánh tổng: Cao Văn Cơ -	
Huyện nha cửu phẩm thừa phái Vũ Văn Phong phụng cửu.	

HƯƠNG ƯỚC XÃ THANH TRÌ

Tổng Thanh Trì, huyện Thanh Trì

Khoán ước của làng lưu truyền từ xưa, do khẩu truyền mà không có minh văn, nên mọi việc không chuẩn tích. Bởi vậy cần nên suy xét hiện tình mà so sánh khoản lệ ngày trước điều nào hại thời đổi, lợi thời theo, mục đích cho gia tộc được vững lên, dân làng có trật tự, sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà cải bổ thêm.

Phần thứ nhất
Chính trị

Điều thứ 1: Cách bầu hội đồng tộc biểu thì theo như nghị định của nhà nước.

Điều thứ 2: Những tiền lệ cấp cho các người chức dịch thể lệ như sau này:

1. Khi phải đi xa trong vòng 5 km không được tiền lộ phí.

2. Khi xa quá vòng ấy, mỗi người được 0$,30 một ngày, lên tỉnh hạn cho 3 ngày, đến huyện hạn cho một ngày là cùng. Đi lại ở trong xã mình hay đi đâu mà không có lệnh quan sức theo như lệ thì không được đòi tiền phụ cấp gì cả.

Việc bổ sưu thuế

Điều thứ 3: Lý trưởng tiếp quan chỉ bài về, thời phải tường chánh hương hội họp các tộc biểu lại mà tính bổ, các mạch thuế hương hội cứ theo trong chỉ bài mà bổ, không được chia làm dân anh

hay dân em; ruộng nội canh hay phụ canh mà bổ nhiều hay bổ ít, trong sổ bổ phải biên rõ bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu sưu đinh, thành bao nhiêu tiền, không được hàm hồ.

Điều thứ 4: Những dân đinh trong làng từ 18 tuổi giở lên đồng niên mỗi người đóng thêm 0$,04, phí tổn về vụ thuế cho những người chức dịch hành thu chi tiêu về việc rầu, nước v.v...

Điều thứ 5: Ngày hội bổ thuế cấm hương hội lý dịch không được bày ra ăn uống để làng phải đóng góp nặng thêm.

Điều thứ 6: Bất cứ nội canh hay ngoại canh đồng niên mỗi mẫu, phải nộp 0$,60 tiền sương túc để chi lương cho tuần tráng.

Điều thứ 7: Thu tiền sưu thuế phải biên nhận, tờ biên lai ấy ở quyển phải lai nhà nước phát, trong sổ bổ kê những khoản gì thì tờ phải lai ấy cũng phải kê như thế.

Điều thứ 8: Những người nào thiếu sưu thuế thì lý trưởng phải trình quan cứu xử.

Điều thứ 9: Khi bổ xong thì hương hội, lý dịch các thôn phải chiêu phận hành thu rồi giao cho lý trưởng để cập kỳ đăng nạp.

Sự kiện cáo

Điều thứ 10: Trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay thương sự trước hết phải trình hương hội lý dịch. Khi tiếp được ai trình thời phải mở hội đồng lấy nhẽ chính đáng và lòng thành thực hoà giải cho hai bên, nếu hoà giải xong thời hương lý phải lập biên bản trình quan sở tại vào sổ hòa giải. Nếu việc hòa giải không xong, hương hội vì nguyên bị mà phải đi làm chứng trước tòa án, người thua kiện phải chịu tiền phí tổn.

Điều thứ 11: Những việc hình sự dù không có phép hòa giải nhưng những người có việc cũng phải trình hương lý biết. Hương lý xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra làm biên bản trình quan. Không được đòi ăn uống hay là để cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Điều thứ 12: Bất cứ kiện cáo gì đã tường với hương lý hòa giải xong hay không xong thì mỗi bên cũng phải nộp 0$,30 cho tuần tráng.

Việc tuần phòng

Điều thứ 13: Canh phòng để giữ tính mệnh và tài sản chung của làng, từ 18 tuổi đến 50 tuổi thì phải chịu trách nhiệm canh phòng, trừ ra những người hiện đang làm việc các sở, người chức sắc khoa mục, người đang đi học các trường và người có bệnh tật là phải đi canh, người nào đi vắng hoặc mắc việc không ra canh được thì có thể nhờ bà con bạn hữu canh thay, hoặc nộp cho làng 4$,00 để làng thuê người canh thay cho.

Điều thứ 14: Những người đi tuần bắt đầu từ mồng 2 tháng 2 An Nam cho đến ngày tháng ấy năm sau là hết hạn, lại cắt người khác thay, hết trên đến dưới cứ luân chuyển, người nào đi tuần trong một năm đều có lương cấp tuỳ số tiền sương túc nhiều ít, nhưng được lĩnh hai kỳ là tháng thuế và tháng Chạp.

Điều thứ 15: Trong ban tuần canh phải có người đốc canh như hương mục v.v... Khi nghe thấy động, phải lập tức đốc tuần tráng đến cứu ngay. Mỗi người phải dùng khí giới riêng của ai khắc tên người ấy, nếu ai nghèo không có thời làng trích số tiền công sắm cho, hết hạn canh phải để giao giả làng.

Điều thứ 17: Tuần tráng canh phải đi xung quanh làng để giữ trộm cướp, ai bắt được trộm trong làng thì thưởng 1$,00, bắt được cướp, làng thưởng 10$,00, nếu xảy ra trộm cướp mà tuần tráng không hết sức canh phòng thì chiểu số tiền thiệt thòi của sự chủ phải bồi thường, trừ ra khi nào tuần tráng cố sức mà không ngăn cấm được thì không kể.

Điều thứ 18: Tuỳ làng nhớn hay nhỏ, mà lập nhiều điếm hay ít điếm, phí tổn lập điếm làng trích tiền công để chi.

Điều thứ 19: Lý phó hương trưởng thường khi phải kiểm soát những người lạ mặt vào làng, nếu có tình nghi không đủ căn cước, thời giải quan xét.

Canh ngoài đồng

Điều thứ 20: Khi tới vụ gặt các hoa mầu thì trương tuần phải đốc các tuần tráng để trông coi cho khỏi mất mát.

Điều thứ 21: Nếu trông coi bất chu, thì chiểu theo giá hoa màu mà đền cho sự chủ. Số tiền đền ấy do trích ở tiền sương túc ra.

Điều thứ 21: Tuần coi các đường khuyến nông của làng, thấy ai làm huỷ tổn thời phải tường hương lý xét thực phạt từ 0$,10 đến 0$,50.

Điều thứ 22: Tuần coi việc giữ nước và thảo nước những khi nên giữ nên thảo phải hỏi ý kiến hương lý không được tự quyết.

Điều thứ 22: Những người thảo nước đơm cá, tranh bờ lấn ruộng làm cho điền chủ phải ca thán thời tuần phải tường hương lý xét phạt từ 0$,10 đến 1$,00. Nếu tuần dong túng để nước ruộng cạn hay mất bờ cõi thời hương lý bắt phạt tiền như người phạm.

Điều thứ 23: Lúa mạ hoa mầu ngoài đồng tuần phải canh giữ cho cẩn thận mất đâu tuần phải chịu nguyên giá mà đền.

Điều thứ 24: Trương tuần làm việc 3 năm liền được chu toàn thời làng cho khao vọng cũng như hương lý; không làm hết bổn phận thời cũng như không vậy.

Sự cứu cấp

Điều thứ 25: Gặp lúc cần kíp như là thuỷ, hỏa, đạo, tặc, trừ ra những người 60 tuổi và người yếu đuối, còn người làng nghe hiệu đều phải lập tức đến cứu, nếu ai biếng nhác không đến cứu, hương lý xét thực phạt 0$,50 đến 1$,00. Ai vì sự cứu cấp mà bị thương thành tật, làng cho ngồi hương mục; bị thương đến nỗi chết, làng cấp tiền tuất cho 20$,00 và cả làng đưa đám.

Sự vệ sinh

Điều thứ 26: Muốn cho người làng được mạnh khoẻ cần phải theo phép vệ sinh một là phòng bệnh, hai là chữa bệnh.

Điều thứ 27: Hương hội thường phải bảo giữ nhà riêng hay đường chung cho sạch sẽ. Cấm không ai được vất uế vật ra đường và làm nhà xí bên đường, ai phạm cấm hương hội phạt 0$,20.

Điều thứ 28: Các giếng nước ăn phải tìm cách giữ gìn cho được trong sạch, những phí tổn về sự sửa giếng làng trích tiền công để chi.

Điều thứ 29: Khi trong làng phát ra chứng bệnh có thể truyền nhiễm để xin quan thầy thuốc về chữa, hễ ai mắc phải bệnh hủi, lý trưởng phải trình quan khám thực đem ra dưỡng tế, không được vị nể mà để ở trong làng.

Điều thứ 30: Cấm không được vất những đồ dùng của người ốm hay của người chết, làm chuồng lợn hay chuồng tiêu ở bên cạnh hồ ao hay là những chỗ đó, bẩn có thể chảy xuống hồ ao được. Nếu ai phạm cấm hội đồng phạt 0$,50.

Sửa sang đường sá và đê điều

Điều thứ 31: Làng cử một người hương mục để trông coi đường sá và đê điều, thấy nơi nào hư hỏng phải trình hương hội để sửa lại.

Đê điều phải giữ gìn đừng để cho người ta cấy cày vào chỗ sườn đê hay là giống giọt gì ở đấy.

Khi đê hư hỏng nhiều quá mà cần phải nhà nước tu bổ mới được thì hương mục phải tường với hương lý trình quan.

Điều thứ 32: Ai vì lợi riêng mà làm hại đến đường chung của làng thời phải bồi thường và phải phạt tự 0$,20 đến 1$,00. Ai cần tháo nước qua đường phải xin phép hương lý, tháo xong lại phải đắp lại đẹp đẽ như cũ.

Điều thứ 33: Hương mục làm việc 3 năm được chu toàn thời làng cho khao vọng sự thanh đối hàng phó lý, nếu không làm hết bổn phận thời phải bãi chức.

Về việc vệ nông

Điều thứ 34: Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông để đi lại gặt hái cho tiện. Làng định ra những điều cấm sau này:

1. Cấm không ai được nhân việc phát cỏ bờ ruộng mà cuốc vào bờ để bờ lở dần đi, ai phạm, hương hội phạt 0$,10.

2. Cấm không ai được đắp đập qua ngòi và đơm cá khiến cho nước không thông, ai phạm hương hội phạt 0$,10, trừ ra hương hội có cho phép thì không phải phạt.

3. Cấm không được giồng giọt lúa khoai v.v... ở bên trong bờ sông ngòi dễ ung tắc, ai phạm phạt, từ 0$,10 đến 0$,20.

4. Cấm chăn trâu bò bờ ruộng khi lúa đã tốt, ai phạm phạt 0$,10, nếu trâu bò ăn lúa của người ta thì phải đền nữa.

5. Cấm chăn vịt nhiều ngoài đồng khi đã gieo mạ và cấy lúa, ai phạm phạt 1$,00. Nếu vịt phá lúa thời phải đền nữa.

Các của công

Đã gọi của chung của làng thời người trong làng phải giữ gìn, nếu ai làm tổn hại thời phải bồi thường.

Điều thứ 35: Cấm những người chức dịch không được vay mượn cầm cố bán chác của công hàng xã, nghĩa là nếu không được phép quan trên cho thì không được làm tờ giao kết gì, để làng phải chịu trách nhiệm về việc tiền nong. Những tờ giao kết nếu không có chữ quan trên y cho thì dẫu có lý trưởng áp triện cũng không can thiệp gì đến cả làng, chỉ những người có tên ký ở đấy là phải chịu trách nhiệm riêng mà thôi. Thể lệ ấy mang thi hành cả về việc phiếu quốc trái của công dân nữa.

Khi có việc phải đi kiện cáo, thì dẫu làng là bên nguyên hay bên bị cũng phải có lệnh quan trên cho phép rồi mới được đi.

Việc cấm bán công điền, công thổ

Điều thứ 36: Việc cấm bán công điền công thổ, đáng lẽ cứ chiểu theo luật lệ nhà nước thì cấm hẳn. Nhưng quan trên cũng có thể đặc cách mà cho phép cầm bán được.

Khi làng có bán động sản hay là bán hủy cố bất động sản thời hương hội phải đấu giá kín, nhưng yết thị cho mọi người đều biết, trước khi đấu giá 10 ngày, ai đấu giá cao thì được mà hương hội phải làm biên bản và đính theo giấy tinh nguyện để lưu chiểu.

Trừ gian lậu

Điều thứ 37: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm như rượu lậu, thuốc phiện lậu và mở sòng gá bạc lấy hồ thời hương hội phải khám xét luôn trong làng để trừ gian lậu, nếu ai còn có ý phạm cấm thời hương hội bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để giải quan trừng trị.

Sự giao thiệp

Điều thứ 38: Theo thói quen khi có quan trên đến, làng chỉ có lý phó trưởng đương thứ ra tiếp, nếu đi vắng thì quan khách không biết hỏi ai, như thế thì không tiện, nay định giao việc ấy cho cả các chức dịch như chánh, phó hội, thủ quĩ, thư ký, tộc biểu v.v... nữa.

Điều thứ 39: Không cứ quan Tây hay quan ta nếu có đến làng thời tuần phải đi báo những người chức dịch ra ứng tiếp tại công sở; nếu các quan muốn khám xét nhà nào phải dẫn khám, khi khám nếu có sự gì ngăn trở thì phải giữ gìn cho được ổn thỏa.

Sự học hành và giáo dục

Điều thứ 40: Bổn phận cha mẹ phải cho con đi học; vậy khi làng có đủ tiền mà làm nhà trường thời phải làm trường ở làng cho trẻ con đến học.

Điều thứ 41: Tiền chi phí về việc học và lương thầy giáo trích 5% tiền ngoại phu thuế đinh điền mà nhà nước giảm cho thu cùng sưu thuế để phát lương cho thầy giáo.

Điều thứ 42: Trẻ con lên 6 tuổi đã phải đi học.

Ngụ cư và ký táng

Điều thứ 43: Làng chỉ cho người có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng ngụ cư trong làng mà thôi, trừ những người ngụ cư tạm thời còn những người đã có gia sản ở làng thời phải chịu trách nhiệm canh phòng với làng, nếu không ra được thời mỗi tối phải nộp 0$,10 để thuê người canh thay.

Điều thứ 44: Ai ký táng ở đồng điền cuả làng dù mua tất cả đất của ai nhưng cũng phải trình hương lý biết và phải sửa lễ yết thần 300 giấu, 1 chai rượu; 6$,00; chi cho lý trưởng 2$,00 chi phí về việc quan, còn 4$,00 giao cho hương hội để mua gạch lát đường công dân.

Phần thứ hai

Tục lệ

Sự quân cấp điền thổ

Điều thứ 45: Việc quân cấp điền thổ cứ 3 năm một lần chiếu đinh quân cấp thượng hạ đồng dân được bao nhiêu chia về các giáp, giáp nào giáp ấy chia ra mà làm, người nào có con nuôi phải có dân làng biết căn cước rõ ràng và phải canh dịch không cho 3 năm, thời dân mới cấp đất cho những người làm con nuôi. Canh dịch từ ngày nào thời phải tường lý trưởng nhận thực làm bằng. Dân để ra một mẫu ruộng làm tiền hương đăng và hàng năm mỗi người phải đóng 0$,50 thu cùng vụ thuế để giao cho thủ từ phụng sự. Phần đất để cho lý trưởng là 2 trượng, chánh hội 1 trượng, trưởng ba 1 trượng, phó lý 1 trượng.

Điều thứ 46: Về cuối năm Tây khai thẻ cho dân đinh những người ấy đều được ăn phần đất cả.

Điều thứ 47: Người nào có đất khẩu phần mà đem đổi cho làng khác, lấy đất sâu quá 1 thước thời dân sẽ trích khẩu phần lại không cho ăn nữa trong một khóa là 3 năm kể từ khóa sau trở đi.

Điều thứ 48: Lễ sóc vọng hàng năm do thủ từ phải biện trích vào số tiền mỗi suất 0$,05 đã nói ở trên.

Điều thứ 49: Tiền cho thuê đầm hàng năm, mỗi năm được 50$,00 và 20$,00 đất công binh đều chia cho nhân đinh trong làng về vụ thuế.

Hôn lễ

Điều thứ 50: Trong làng tiền lan nhai ngoại phải nộp 5$,00, 1 chai rượu, 300 giấu lễ thần và trình bản nhất tư văn, với người đầu vai xỉ, còn những người dự trong hội tư văn mỗi người một quả cau. Trước khi cưới người con gái ở về thôn nào thì nộp cho hương hội hàng thôn ấy lấy giấy biên lai, tiền ấy hương hội hàng thôn ấy phải mua gạch để dùng việc công làng, sau khi cưới thì phải đến trình hộ lại mà khai vào sổ giá thú.

Cheo nội phải nộp 1$,00, 100 giấu và một chai rượu đem đến nhà giáp linh nhà có con gái; sau khi giáp linh nhận cheo cũng phải đem nộp cho chánh hội hay lý trưởng, lấy giấy biên lai theo như cheo ngoại đã nói ở trên.

Điều thứ 51: Việc khai giá thú hạn trong 8 ngày, khi cưới cấm không được giăng giây, đóng cổng làm ngăn trở người ta, ai không tuân phạt 0$,30 sung công.

Điều thứ 52: Những người đương sự lấy giá thú, hộ lại không được sách nhiễu tiền bạc gì.

Việc tang lễ

Điều thứ 53: Người giáp nào xưa nay vẫn ăn ngồi với nhau mà bị phải có người chết thời cứ mời giáp ấy đi chôn, mỗi người đi chôn chỉ được 0$,30 thôi. Sau khi an táng xong có mời được giáp ấy một bữa thời phải nộp 1$,00 vào công quĩ bằng không thì thôi.

Điều thứ 54: Nộp tiền ấy cho lý trưởng hay chánh hội, lấy giấy biên lai. Người đương sự lại phải trình hộ lại để khai vào sổ khai tử. Việc khai tử hạn trong 3 ngày kể từ ngày chết mà trước khi táng.

Điều thứ 55: Ai mời hội tư lễ vào trợ lễ tế ngay hay trong 3 năm tuần tiết tùy ý, mời trợ tuần gì thời hội tư lễ cũng cho, nhưng phải

biện 1 thủ lợn, 1 mâm xôi, giầu rượu lễ tổ và 1$,00 để giao cho ông giữ hòm áo, thuê người sái thức. Lễ tổ rồi hội quân phân những người có mặt trợ lễ cho tang chủ.

Điều thứ 56: Xin đô tùy bao nhiêu, hoặc có khi nhiều nghi trang quá mà đô tùy trong giáp cầm không hết thời có thể xin đô tùy mọi giáp khác đi hộ tống cũng được, nhưng phải biện giầu nói với giáp lĩnh, giáp trưởng; những phi phạm chi cho đô tùy tùy lòng hiếu chủ chi cấp, hay làm rượu đãi làng thì cũng tùy ý chứ không bắt lệ phải làm.

Điều thứ 57: Ai có con giai, con gái mới sinh trong một tháng trình với hộ lại để khai vào sổ sinh.

Việc tế tự

Điều thứ 58: Tháng Giêng ngày mồng 1, mồng 2, mồng 3, hương hội lý dịch phải biện xôi gà, chè đường, giầu rượu ra lễ thần, đồng dân làm lễ động thổ xong, lễ ấy giao giả lý trưởng. Mồng 4, lễ chúa tể ở phủ, các giáp cứ luân thứ phải biện xôi thủ, đồng dân lễ xong rồi thụ phúc. Ngày mồng 6, mồng 7, mồng 8 lễ khai hạ đấu võ, các giáp lĩnh phải biện chai nghi lễ Thần, đồng dân lễ xong rồi thụ phúc.

Ngày 30, Kỳ Phúc đồng dân cấp thủy, lý dịch biện xôi thủ, giầu rượu và hai thước vải tây đỏ, lễ mộc dục xong đồng dân yến ẩm tại đình, lấy tiền công giả lý trưởng 2$,00.

Tháng hai ngày mồng một tế phụng nghênh, rước ra chùa lễ Phật, ngày mồng hai phụng nghênh về đình tế tạ. Các giáp lĩnh chiêu biện lễ; bánh dầy mỗi lá góp mỗi đình một cái.

Oản là: 100, chuối là: 100 giầu, rượu là: 100, chiểu định mà góp.

Tùy ý chia lễ ở đình và chùa. Lễ xong đến mồng 3 dân hội tế chia lộc.

Điều thứ 59: Trong tháng hai bất cứ thượng chung hay hạ đình, người nào trong hội tư văn khao rồi thì phải sửa lễ ra văn chỉ lễ thánh (lễ ấy tục làng gọi là đình tế). Sửa lễ trước ngày đình gọi là lễ (túc yết) phải biện 1 con lợn và 1 mâm xôi đều 40 cân.

Ngày hôm sau (chính đinh) phải biện: Tam sinh là 1 con gà, 1 con vịt, 1 cái thủ lợn và 1 mâm ngũ quả.

Điều thứ 60: Tháng ba ngày mồng một, mồng hai tế và phụng nghênh thánh mẫu ở đền ra chia lễ Phật thời các giáp linh phải biện oản, quả, giầu rượu vào đền lễ và 1$,00 giao cho sư sửa lễ Phật. Lễ xong đồng dân quân phân.

Ngày 14, tế thu các giáp linh phải chiểu biện một mâm xôi mặt lợn giầu rượu đem ra đình tế lễ xong đồng dân thụ phúc.

Điều thứ 61: Tháng Tư, sửa lễ tiễn ôn cầu phúc, các giáp linh phải chiểu luân thứ, biện oản quả lễ thành và bổ nhân suất 0$,10. Ngày 24 tháng 4 lễ bách linh ở điếm sở thì tuần phải biện lễ. Tuần lấy vào tiền hoa lợi ở chỗ tiền sương túc mà biên xong đồng dân quân phân.

Điều thứ 62: Tháng năm ngày 22 tế Hạ Điền; các giáp phải luân thứ chỉnh biện xôi thủ, thiết long đình tại cửa mà lễ thành; tế xong đồng dân thụ phúc.

Điều thứ 63: Tháng 7 ngày mồng 2 tế dịch mã, đồng dân lấy tiền hoa lợi ở ruộng công mua xôi lợn tế thần, lễ xong thụ phúc. Ngày 27 tháng 7 lễ Thượng Điền thì về các giáp phải luân thứ chỉnh biện xôi thủ, theo như lễ Hạ Điền.

Điều thứ 64: Tháng 8, sửa lễ thành tục gọi là "thu, đinh tế", theo như điều thứ 59.

Điều thứ 65: Tháng 9 ngày mồng 4 tế Thường Tân, các giáp chỉnh biện lễ vật, lễ xong giáp nào giáp ấy thụ; còn như một con cá trắm thờ đã có sào ruộng hoa mầu để mua, lễ xong giáp nào làm ruộng thời giáp ấy đem về thụ phúc.

Điều thứ 66: Ngày 22 tháng một tế dâng giầu, các giáp phải luân thứ chỉnh biện xôi thủ, lệ theo như tế Hạ Điền ở trên.

Điều thứ 67: Tháng Chạp ngày mồng hai tế dịch mã, lệ theo như mồng 2 tháng 7 ở trên. Đêm 30 lễ Tất Niên, phải biện xôi thủ lễ Thần, đồng dân lễ xong thụ phúc.

Tiền biện lễ đồng dân chiểu bổ giao cho thủ từ biện lễ.

Việc khao vọng

Điều thứ 68: Trong làng tự lý, phó, hương, bình cùng tạp chức chưa có phẩm hàm gì thời 4 người cùng khao vọng một tiệc; hôm trước mời 3 hội tiệc (hội tư văn, hội lão, hội giáp linh) về nhà trước mời 3 hội tiệc và kinh biếu mỗi người 1,00$ bánh dầy (ước 0$,50); hôm sau mời từ người 18 tuổi giở lên đến ông lão về nhà yến ẩm một tiệc kinh biếu mỗi người 1,00$ bánh dầy (ước 0$,50) và vọng hội tư văn một tiệc, kinh biếu bánh dầy cũng như thế.

Điều thứ 69: Người nào mới ra làm lý dịch, trước khi khao phải sửa một tiệc mời 3 hội về nhà yến ẩm và nộp 10$,00 sung công. Tiệc ấy tục gọi là (rượu dẫn ngõ).

Người nào phong phú có lòng mời thảo về món gì cũng được, tùy ý dân biện lễ vật để mừng tân chức ví dụ như cau, chè, rượu v.v...

Điều thứ 70: Ai có thi đỗ cử nhân, tú tài hay được phẩm hàm, mà chưa khao vọng thời phải khao một mình.

Điều thứ 71: Ai có khoa trường, chức sắc và thí sai chánh, phó tổng, đội trưởng thư lại cùng lý lịch các tạp chức có quan trên minh sức cho dân biết thì phải sửa một con lợn, một mâm xôi ra lễ Thần mời ba hội về nhà yến ẩm một tiệc. Xôi lợn ấy kính dân, hoặc dân có việc gì chiết can 10$,00 để công tiêu.

Điều thứ 72: Người nào đã khao vọng rồi mà đi làm việc quan các sở có minh sức về làng biết, lòng thành ra lễ Thần, mời dân về nhà thiết đãi tùy ý. Chức cao dân mừng to, chức thấp dân mừng nhỏ hoặc câu đối, cau, chè, rượu v.v... Các người ấy nếu người nào được phẩm hàm thì cứ tính từ hàm Tòng cửu phẩm phải nộp vào công quĩ 25$,00 rồi cứ thăng một trật thì phải nộp cho dân 5$,00 lên đến chánh thất phẩm giở lên thì không bắt buộc phải nộp nữa. Những người ấy muốn cúng vào cho dân bao nhiêu thì tùy ý.

Điều thứ 73: Bao giờ làng có việc dùng nhiều tiền cũng có thể xin phép quan bán thử vị, mỗi ngôi 40$,00 và phải khao vọng theo như điều thứ 68 ở trên.

Điều thứ 74: Người nào đã khao vọng rồi mới được sửa lễ xuân, thu đinh.

Điều thứ 75: Người nào ra làm việc mà chưa khao vọng thời không được dự tiệc xuân, thu đinh.

Điều thứ 76: Trong làng ai hơn chức mà đã vọng rồi thời được khao tiên chỉ, khi dân tế vào chủ tịch gọi là "mạnh bái". Lệ khao ngôi cao nhất ấy là phải sửa một con bò thui một 100 cân và 100 cân xôi, giầu rượu lễ Thần kinh dân, tự người 18 tuổi giở lên ra đình yến ẩm!

Điều thứ 77: Nếu chưa có ai xứng đảng và đủ tư cách tiên chỉ thời dân chọn người nào thuần cẩn, biết chữ Hán, biết lễ nghi, gia đình có hạnh phúc lâu đời vào chủ tịch. Người ấy phải biện xôi, lợn lễ Thần kinh dân (do ba hội nhân tại đình), ai trước đã làm lý, phó, hương, binh và đã mua lý, phó, hào đã khao vọng đủ lệ rồi mà sau lại ra làm chức dịch gì nữa thì phải sửa lễ 1 mâm xôi một cái thủ lợn ra lễ thần kinh dân và nộp 3$,00 sung quĩ.

Điều thứ 78: Ngôi thượng lão và ngôi tả văn dân cũng phải tuyển cử như ngôi chủ tịch ở trên và cũng phải biện lễ như điều 77 đã nói.

Ai quán ở làng khác chưa được ba đời, thì không được lên ngôi thứ nhất về cả các nhánh.

Điều thứ 79: Ai không khao tiên chỉ mà đủ tư cách vào làm chủ tịch tế thần, dân tùy lễ ấy mà biếu như trợ tế vậy.

Việc vị thứ

Điều thứ 80: Ngồi ở đình sở có ba hàng:

1. Hàng giữa kính: Khoa trường, chức sắc, chiểu tông tôn ty mà ngồi; những lý, phó, hương đã khao vọng cùng sửa lễ xuân, thu, đinh rồi thời cứ theo cuối hàng chức sắc mà ngồi hoặc nhường tuổi cho nhau mà ngồi cũng được, nghĩa là "hương đảng dĩ hòa vi quý".

Giòng ấy hay hàng ấy gọi là: Hội quan viên tư lễ.

2. Hàng bên tả từ cụ 100 tuổi đến cụ 50 tuổi, cứ tuổi mà ngồi, ai hơn ngồi trên: hàng ấy gọi là hội Kỳ Anh.

3. Hàng bên hữu các giáp linh 49 tuổi giở xuống cùng các lý dịch chưa khao vọng cứ tuổi mà ngồi gọi là hội chức dịch.

Đình sở có ba giòng quý nhất ấy để kính ba hội, còn giai nhân từ 18 tuổi giở lên đều được ngồi cả, trừ ba hàng trí tôn ấy ra.

Việc đăng thọ

Điều thứ 81: Người nào đến 50 tuổi phải sửa một con lợn chín 60 cân và 60 cân xôi, 300 giấu, 1 chai rượu và vàng hương rước lễ ra đình, nổi trống mời hội Kỳ Anh tế thần. Lễ xong mời về nhà yến ẩm một tiệc mỗi mâm chỉ có: 4 đĩa, 2 bát, 1 chén chè, 1 đĩa xôi. Xôi lợn ấy thừa huệ chia phần. Người đăng thọ phải nộp vào hội lão 6$,00 để về sau hội lão lại phúng người ấy 5$,00.

Điều thứ 82: Trước ngày rước lễ ra đình tục gọi là bữa (giả lợn) thời sự chủ cũng phải biện giấu bảo bữa mời các cụ yến ẩm một tiệc, mỗi mâm có 4 đĩa.

Điều thứ 83: Con lợn tế thần đã nói ở điều thứ 81, để riêng 4 cái chân giò, cứ luân thứ hết trên đến dưới đều được phần cả và để biếu người thượng lão một cái nọng lợn một đĩa xôi, người tả văn một miếng thịt một đĩa xôi.

Điều thứ 84: Người nào đã đến tuổi mà không muốn sửa lễ theo điều thứ 81 và điều thứ 82 thì nộp chiết can 10$,00, nhưng sau khi nộp tiền không được hưởng quyền lợi như điều thứ 82 và 83.

Bổn phận người giai trong làng

Điều thứ 85: Giai trong làng cứ 17 tuổi phải tường với lý trưởng đăng vào đinh hạ.

Điều thứ 86: Giai giáp nào phải theo như kỷ luật của giáp ấy đặt ra, ví dụ như lấy tiền hay ăn uống về việc chứa chưởng hay mâm chay và nuôi lợn tục gọi là "Lợn đàn anh" v.v...

Nếu người nào nghèo khổ không lo đủ bổn phận như điều thứ 85, 86 đã nói thì không được hưởng quyền lợi về việc tế tự ẩm thực ở giáp ấy.

Người nào ở làng khác mà muốn đến đóng góp việc hương ẩm với làng thì phải nộp cho làng 4$,00.

Việc kinh biếu

Điều thứ 87: Việc kinh biếu của làng rất có giá trị, những người sau này được biếu:

1. Chức thượng lão.

2. Chức tiên chỉ.

3. Chức tả văn

4. Chức lý trưởng, chánh hội, phó lý và phó hội hàng thôn.

Hai kỳ dịch mã biếu tiên chỉ 1 cái thủ lợn, 1 mâm xôi. Biếu tả văn 1 cái cổ lợn, 1 đĩa xôi.

Việc khao vọng thượng hạ, biếu tiên chỉ một mâm cỗ, biếu thượng lão một mâm cỗ, biếu lý trưởng một mâm cỗ, biếu chánh hội một mâm cỗ. Hễ người khao vọng ở về thôn nào, thôn ấy không có lý trưởng thì mâm cỗ biếu lý trưởng đem biếu phó lý, không có chánh hội thì mâm cỗ biếu chánh hội đem biếu phó hội. Nếu không có cả lý phó trưởng hay chánh phó hội thì không phải biếu 2 mâm cỗ ấy. Đến hôm người làm lễ khao vọng vào hội tư văn, thì lại phải biếu người tiên chỉ một mâm cỗ, người tả văn một mâm cỗ.

(Nguyên bản bị mất)

HƯƠNG ƯỚC LÀNG GIÁP NHẤT

Tổng Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông

Mục thứ I
Nói về việc tế tự

1. Ngày 30 tháng Chạp là ngày trừ tịch, Tết Nguyên Đán là ngày mồng 1, mồng 2, mồng 3, cho đến ngày mồng 7 tháng Giêng, các lễ vật nhất định tính ra tiền kê như sau: Tiền mua mũ, mã vàng 3$,36, gà lễ 6$,60, hương đăng 4$,00, chuối tiêu 1$,56, pháo 2$,64, trầm hương 0$,30, trứng 0$,60, câu đối tết 1$,00, các lễ ấy do dân trù liệu lấy tiền mà chi.

2. Lệ đổi đăng cai, - Ngày mồng 4 tháng Giêng là ngày đổi đăng cai là ngày người phải chứa việc làng trong một năm. Hôm ấy người đang cai phải tự mình biện cả, thủ lợn 1 cái, chân giò lợn 1 cái, chuối tiêu 2 nải, xôi 4 cân, giầu lễ 5 cơi, rượu 2 chai, ước độ 2$,00, người nhà đăng cai phải đệ các lễ này ra đình lễ xong đồng dân về nhà người đăng cai uống rượu.

3. a) Lễ Kỳ Phúc - là ngày 13 tháng 2 làm lễ mộc dục, lễ vật bằng phẩm, quả giá tiền 1$,00, do kỳ lão cung biện.

b) Ngày 14 tháng 2 là ngày lễ chính kiến, sửa lễ lợn 1 con, xôi 2 cân, oản 1 cân, chuối tiêu 2 nải, giầu rượu, diêm tương, cùng các khoản phù phí giá tiền 1$,00, do người đăng cai phải chịu cả. Còn vàng, mã, pháo, chè, nến, hương, cùng các ngoại phí khác, ước độ 19$,00 thời về dân chịu.

c) Tối hôm 14 tháng hai, lễ xướng ca, lễ Phật bằng phẩm quả ước 1$,00, do hương hội cung biện.

d) Ngày 15 tháng hai lễ tạ, lễ vật bằng phẩm quả ước 1$,00 do hội tư văn cung biện.

e) Lễ túc trực là lễ sớm tối về ngày Kỳ Phúc (ngày 13, ngày 14, ngày 15 tháng 2, sửa lễ giầu rượu, cúng về dân phải chịu.

4. Lễ kỳ yên là ngày 15 tháng 3, sửa xôi 4 cân, oản 2 cân, rượu mỗi bàn 1 ty con, cơm 8 nồi, vàng đại mỗi người 1 trăm, chiểu theo lần lượt nhân suất cung biện, còn mũ, mã nhang đăng và lợn tế cúng các lễ vật, ước 10$,00 do công dân phải chịu, có thỉnh tư văn hành lễ, lễ xong cứ biếu tư văn 1 cái thủ lợn, 1 phiến xôi, lễ xong đồng dân về nhà người đăng cai uống rượu.

5. Lễ đốt vàng là ngày mồng 5 tháng 5, mỗi người một trăm vàng đại, còn thủ lợn 1 cái, chân giò lợn 1 cái, chuối tiêu 2 nải, xôi 4 cân, rượu 10 ty con, ước độ 2$,00, do công dân phải sửa, lễ xong đồng dân đều uống rượu.

6. Lễ Hạ Điền ngày mồng 1 tháng 6 là ngày lễ vua Thần Nông sửa lễ thủ lợn 1 cái, xôi 2 cân, rượu 10 ty con, ước 2$,00 do công dân phải chịu, lễ xong đồng dân đến uống rượu.

Còn sửa giầu rượu lễ yết thần và 1 cỗ mũ tế vua Thần Nông thì người đăng cai phải chịu.

7. Lễ Thượng Điền và Tết Trung nguyên là ngày 15 tháng 7, xôi 6 cân, rượu mỗi bàn 1 ty con, cơm 8 nồi, vàng đại 1 trăm, chiểu theo lần lượt cung biện, còn lợn 1 con, chuối tiêu 2 nải, cùng các lễ vật ước 5$,00, do công dân cung biện, có thỉnh tư văn hành lễ, lễ xong cứ biếu tư văn thủ lợn 1 cái, xôi 1 phiến, đồng dân về nhà người đăng cai uống rượu.

8. Lễ Chạp là ngày mồng 2 tháng Chạp, sửa lễ: thủ lợn 1 cái, chân giò lợn 1 cái, chuối tiêu 2 nải, rượu 10 ty con, xôi 4 cân, giầu lễ 5 cơi, đáng giá 2$,00, do công dân cung biện, lễ xong đồng dân đều uống rượu.

9. Đồng niên các lễ sóc, vọng, cứ 12 người thôn trưởng lần lượt sửa lễ.

Tiền góp về đình thờ 3 thôn, tiền chi về ba hôm Tết ước độ 6$,00, lại đến ngày Kỳ Phúc trong ba thôn, là ngày 11, ngày 12 tháng 2 phải góp 20$,00.

10. Chiểu trong dân đồng niên chỉ về việc tế tư là 86$,66, mà dân chỉ có một số tiền thu hoa mầu đồng niên được 40$,00, còn nhân đinh cúng mỗi suất đinh đồng niên là 0$,50 cứ năm nào đến tháng 2 cũng cúng đủ các số tiền ấy để vào quĩ, đến kỳ sửa lễ nào, thì hương hội sẽ phát chi từng tiết một cho đủ.

Mục thứ II

Nói về lệ đăng hương lão

11. Người nào đến tuổi lên thôn trưởng, phải nộp lệ 100 giầu và 0$,40.

12. Từ thôn trưởng lên kỳ lão, cũng phải nộp 100 giầu và 0$,40 để thay cho các lễ vật khác.

13. Người nào đến tuổi 70, 80 cho đến 100 tuổi, thì phải sửa lễ xôi thủ lễ thần, rồi kính biếu dân, rồi dân có giầu biếu lại các cụ.

14. Người nào cũng cứ 15 tuổi thì vào làng, phải nộp 112 miếng giầu để biên thêm tên vào sổ làng.

15. Người nào để quá tuổi mới vào làng, thì phải mua ngôi mỗi ngôi là 0$,50 để sung công quĩ.

Mục thứ III

Nói về việc khao vọng

16. Người nào được phẩm hàm, hay đi lính đã được mãn khoa, thì khao vọng mới được dự vào chiếu tư văn.

17. Người nào theo học mà đỗ được bằng tốt nghiệp, bằng sơ học Pháp Việt, hay bằng thư ký, phải sửa lễ thần rồi kính biếu dân và nộp lệ là 5$,00, để sung công quĩ, về sau mà có khao vọng cũng được dự chiếu tư văn.

Mục thứ IV
Nói về lệ lan giai

18. Người nào có con gái mà gả chồng cho người cùng làng thì phải nộp lệ 130 miếng giầu và 1$,50, còn người nào có con gái gả chồng cho người làng khác, cũng phải nộp lệ 130 miếng giầu, mà tiền lệ thì nộp gấp hai là 3$,00, để sung công quĩ.

Mục thứ V
Nói về lệ kỵ tảng

19. Người nào ở làng khác có ruộng đất phụ canh, hay không có ruộng đất cũng vậy, mang một ngôi hung táng, hay một ngôi kết táng, mỗi ngôi nộp 5$,00. Còn người nào đó có để mả sẵn trước rồi mà dịch đi ở cùng trong đồng phải nộp lệ 2$,00, để sung công quĩ, trước khi mang mả về phải nộp 40 miếng giầu.

Mục thứ VI
Nói về lệ tống chung

20. Người nào có bố, mẹ già xin đô tùy phải biện rượu 1 chai nhớn và 30 miếng giầu, khi đô tùy đến nhà người đăng cai lại phải nộp 100 miếng giầu và 1$,00 để sung công quĩ.

21. Người nào đã bỏ làng đến khi tạ thế xin đô tùy không được.

Mục thứ VII
Nói về lệ trừng giới

22. Trong hương đảng nên dùng hòa thuận là hơn. Hễ khi có việc gì, mà ngồi tại công sở, mà có người nào say rượu nói càn, hay nói hỗn người công chức, chẳng cứ người trên hay người dưới phải phạt một số tiền từ 0$,30 đến 1$,00 tùy theo điều nặng nhẹ, để sung công quĩ.

Mục thứ VIII

Nói về việc đi việc quan

23. Người làm việc mà có việc gì đi việc công dân, thời định lệ đi xuống huyện mỗi người chi 0$,30 đi lên tỉnh chi 0$,50.

Duyệt y ngày 27 tháng 12 năm 1936

Le tổng đốc

Hoàng Trọng Phu

Tri huyện

Phạm Học Hải

HƯƠNG ƯỚC XÃ ĐỊNH CÔNG THƯỢNG

Tổng Khương Đình, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông

Chủ ý cải lương

Khoán ước của làng lưu truyền từ xưa hoặc do có khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không có hợp thời thế, bởi vậy cần nên cải lương suy sét hiện tình thời nay so sánh khoản lệ thuở trước, điều nào bất tiện thì đổi điều nào có lợi thời theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu dân làng có trật tự, sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà cải bổ thêm.

Phần thứ I
Chính trị
Tổ chức hội đồng giáp biểu

Điều thứ 1: Các làng lập thành xã do hương hội quản trị, các viên hương hội gọi là giáp biểu, hạn số cái trên ấy là 4 người giở lên và 20 viên giở xuống.

Điều thứ 2: Chỉ những người đàn ông tuổi từ 25 giở lên, có tài sản ở trong làng, có biết chữ Quốc ngữ hoặc chữ Nho và không có tiếng xấu ở trong hương đảng, mà xưa nay không bao giờ phạm vào một tội làm mất quyền công dân kể trong điều thứ 29 hình luật An Nam thì mới được là giáp biểu. Nếu giáp nào cử người ra làm giáp biểu mà không hợp lệ đã nói ở trên, thì hội đồng không công nhận. Những người đàn

ông tuổi từ 18 giở lên mà xưa nay không bao giờ phạm một tội làm mất quyền công dân kể trong điều hình luật An Nam điều 29 khoản thứ 1 và khoản thứ 5, thì mới được đi bầu giáp biểu.

Cách bảo cử

Điều thứ 3: Trong mỗi xã cứ số 100 người được bầu 4 người giáp biểu. Quá số 100 cũng được bầu thêm 4 người giáp biểu nữa. Cách thức bầu tuân theo như trong nghị định quan thống sứ ngày 12 tháng 8 năm 1921.

Điều thứ 4: Hương hội lấy 3 năm làm một hạn, kể bắt đầu từ ngày quan trên duyệt y biên bản bầu trước khi hết hạn 1 tháng thì hội đồng phải định nhật cho đồng dân họp để bầu hội đồng khác. Khi nào quan trên đã duyệt y việc bầu hội đồng mới rồi, thì hội đồng cũ mới được bàn giao công việc sổ sách cho hội đồng mới và mới được thôi. Khi bầu hội đồng mới thì những người giáp biểu cũ cũng được ứng bảo, nghĩa là trong giáp mình lại bầu cho mình sung làm giáp biểu.

Điều thứ 5: Trong hạn 3 năm ấy mà khuyết giáp biểu, hoặc vì từ dịch, hoặc vì cách dịch, hoặc vì mạnh một, thì trong giáp ấy phải bầu một người giáp biểu khác, rồi xem biên bản đệ trình huyện để truyền bẩm quan công sứ và quan tổng đốc giữ.

Điều thứ 6: Các việc khiếu nại về việc bầu giáp biểu, thì trong làng tự xử lấy mấy nhau, nếu không xong, thì đệ bẩm quan huyện xử sự, chư huyện xử rồi mà một bên không phục tình thì huyện sẽ bẩm lên quan trên lai định.

Điều thứ 7: Danh sách bầu giáp biểu và bầu chức dịch hội đồng một thứ phải làm thành bốn bản, rồi đệ trình huyện để truyền bẩm quan thống sứ và quan tổng đốc duyệt y. Nếu người nào các điều khuyết thế nào thì lý trưởng phải kê cho đúng.

Các công việc của hương hội

Điều thứ 8: Hương hội phải coi các việc cai trị trong làng phải làm cả công vụ của dân làng, cùng thi hành các trát sức lệnh truyền

của quan trên, hương hội phải lập các khoản lệ trong làng, lập sổ chi thu bổ sưu thuế cùng các thứ thuế khác, hoặc nộp vào nhà nước, hoặc thu cho làng, sổ chi thu của làng và định số thuế của làng thi hành sổ chi thu của làng, quản trị tài sản công dân và thi hành các khoản lệ về việc tuần phòng nhất là ngăn cấm việc buôn bán lậu, việc đánh bạc cùng những sự họp tập phi pháp.

Điều thứ 9: Các khoản thưa kiện về việc hộ hay xử nghỉ. Nếu đôi bên được thỏa thuận, thì phải lập biên bản phải đệ lên quan sở tại để ghi vào sổ hòa giải.

Điều thứ 10: Hương hội có thể cử một bọn có 2, 3 người giáp biểu, để giao cho quân bắt phạt, các điều trong dân làng phạm vào (...) của trong làng mà điều (...) đến, phạt từ 0,10$ đến 1$,00 tiền phạt phải nộp vào công quĩ trong làng.

Việc hành động của sưu thuế

Điều thứ 11: Hương hội chọn ở trong các viên có chân hội ấy, bầu một viên chánh, hương hội và một viên phó hương hội.

Điều thứ 12: Hương hội lấy người lý phó trưởng đương thứ vào hội đồng để bàn định trong làng có chánh phó tổng cũng vậy.

Điều thứ 13: Hương hội lại chọn trong các giáp biểu hoặc người ngoài lấy một người làm thủ quĩ và một người làm thư ký. Lý phó trưởng và trương phiên không được làm thư ký thủ quĩ, người thủ quĩ dẫu không là giáp biểu cũng được làm vào hội đồng dự quyền giám đinh, người thư ký nếu không phải là giáp biểu thì dự vào hội đồng để hội đồng hỏi ý kiến, chức trách thủ quĩ cần phải chọn người nào mà gia sản phải có đủ, để bảo đang chức trách của người ấy, thư ký phải chọn người am hiểu thư toán, hai người ấy cũng phải hợp lệ như đã nói về khoản mục bầu giáp biểu ở trên.

Điều thứ 14: Trừ ra khi có việc cần phải mở hội đồng bất thường, còn thì mỗi tháng cứ ngày chủ nhật đầu tháng để bàn việc làng, nhưng trong tháng 10 Tây phải hội họp một kỳ hay mấy kỳ để

lập sổ dự toán chi thu và trong thượng tuần tháng Giêng Tây phải lập một kỳ để lập sổ sưu thuế và (...) thu vào cho dân, các kỳ (...), không được quyền nói và không được làm náo động. Hội đồng xử phạm những điều ấy phải trục xuất ra ngoài. Phòng hội đồng viên chánh hương hội phải giữ cho hội đồng có trật tự, khi hội đồng mà trục xuất một viên hương hội ra ngoài, là bởi do ở phần nhiều các viên có mặt tại hội đồng bàn định, khi không đồng ý thì thôi.

Điều thứ 15: Nhời bàn của hội đồng nếu có phần nhiều quá nửa hội viên dự hội họp, thì nhời bàn ấy mấy có giá trị.

Điều thứ 16: Phải lập biên bản các nhời bàn ấy vào một quyển sổ riêng và phải có các viên hội đồng hiện tại ký tên. Nghị định của hội đồng phải có phần nhiều ưng thuận, nếu hai bên không đồng ý mà số người bằng nhau, thì hoãn đến kỳ sau, nếu kỳ sau cũng lại thế, thì bên nào có chánh hương hội là bên ấy được, việc ưng thuận thì bắt đầu từ giáp biểu nhỏ nói trước, rồi đến giáp biểu to nói sau là cùng. Các nghị định của hương hội trái với lợi quyền của nhà nước hay là của trong làng thì cấm không được làm.

Điều thứ 17: Việc nào mà can thiệp đến trong làng, thì một viên hương hội hay là nhiều viên hương hội không được bàn riêng việc ấy, phải họp cả hương hội mở hội đồng bàn định.

Điều thứ 18: Viên chánh hương hội phải coi sóc các việc trong làng, viên phó hương hội là giúp việc cho viên chánh hương hội, khi viên chánh hương hội đi vắng, thì viên phó hương hội coi sóc việc ấy, nếu chánh phó cùng đi vắng thì hội đồng chọn lấy người giáp biểu nào biết việc hơn được thay quyền ấy.

Điều thứ 19: Hương hội lại cử hai viên giáp biểu mà thi hành những án về việc (...) những tài sản của người can án, ngoài các việc ấy hai viên ấy cũng phải làm việc khác mà hương hội giao cho. Viên chánh hương hội hay người đại biểu của viên chánh hương hội thay mặt cho trong làng trong khi đi hầu kiện hoặc xã là nguyên đơn hoặc xã là bị cáo.

Điều thứ 20: Người thủ quĩ phải coi việc thủ quĩ tiền công của dân, các công việc do chánh hương hội kiểm sát hay là do một viên kiểm sát của hương hội cử ra, làng phụ cấp cho người thủ quĩ tiền phụ cấp đồng niên là 6 (...).

Điều thứ 21: Người thư ký phải coi việc lập biên bản các kỳ hội đồng, nếu hội đồng của hương hội cùng các sổ sách của trong làng mà chánh hương hội bảo làm giấy má về công việc của hội đồng cũng là các biên chức ấy, làng để cho người thư ký đồng niên tiền cấp 6,00$ bạc. Lương của thư ký và thủ quĩ thì hội đồng có thể tùy tài chính trong làng mà tăng giảm khi làm sổ dự toán.

Quan kỷ

Điều thứ 22: Viên giáp biểu nào mắc bận không đến dự hội phải có kiểu trước để hội đồng biết, nếu như không có mục đích chính đáng mà không đến dự hội đồng (...) sẽ làm nghị định không cho làm giáp biểu nữa, viên giáp biểu nào phạm lỗi về việc chính trị hoặc làm việc (...) xét thấy không dư làm việc (...) hoặc thất lễ mấy hương hội, các viên này trình quan trên trừng trị, viên giáp biểu nào cách dịch hay là phải (...) phạt giam thì không được dự vào hương hội nữa. Viên giáp biểu nào mà bị giấy tòa án sức bắt thì phải tạm huyền chức.

Điều thứ 23: Khi xem chừng rằng: quyền lợi của trong làng bị thiệt hại, vì hương hội làm việc không cẩn thận hay là trễ nải hay là cai trị không được hoàn toàn, thì quan trên là bãi hương hội ấy, lúc ấy hương hội có thể kêu quan trên xét lại, mà nghị định quan trên là nhất định.

Sổ chi thu

Điều thứ 24: Muốn cho trong làng chi thu có chừng mực, cho khỏi tổn đau dân, thì phải làm sổ chi thu, sổ chi thu ấy chi thu đồng niên từ mồng một tháng Giêng Tây đến 31 tháng Chạp Tây, mà thường năm cứ đến ngày mồng 1 tháng 10 Tây người trong hương hội mấy người thủ quĩ, thư ký và lý trưởng mà làm sổ dự chi dự thu sang

năm, làm xong rồi thì hội tất cả hội đồng để bàn đinh. Khi hương hội đã thỏa hợp rồi, thì phải tự vào sổ biên bản, trong biên bản ấy phải nói rõ mỗi khoản thu chi đã dự định là bao nhiêu. Hội đồng thỏa hợp rồi, lý trưởng đệ trình sổ ấy lên quan huyện để đệ bẩm lên quan trên xét. Khi quan trên duyệt y, rồi mấy được thi hành, (...) bằng chữ Quốc ngữ, khi nào cần chữ Nho phải viết cả hai thứ chữ, một bản chính. Khi quan trên đã duyệt y, thì phát về cho hội đồng tuân hành, còn 3 bản sao để lưu lại tòa, tỉnh và huyện, khi chưa hết năm mà có muốn thay đổi khoản chi thu nào khác mấy sổ dự toán, thì hội đồng phải họp để làm biên bản, trong biên bản phải kể rõ vì cớ gì mà thay đổi, rồi sao sổ biên bản lên trình quan huyện để bẩm lên quan trên phê duyệt đã rồi mấy được thi hành.

Điều thứ 25: Phàm những khoản tiền thu vào (như là thứ thường thu, thứ bất thường thu v.v... những khoản tiền chi ra (như là thứ thường chi, thứ bất thường chi v.v...) đều phải theo y như trong nghị định quan thống sứ đã định.

Điều thứ 26: Hết năm thì hội đồng tính sổ xem số thực thu vào là bao nhiêu, tiền thực chi ra là bao nhiêu, yết thị tại đình hoặc tại sở hội đồng và tất cả các công sổ trong làng ít ra cũng là một tháng để đồng dân cùng biết.

Điều thứ 27: Những khoản phí về việc chi công cho người phu việc trong làng mà không quá số 20$, thì phải có hội đồng trong làng thỏa thuận mấy được chi; cho tiêu không được quá số dự định, phải cho rất tiết kiệm, để tiền công còn thừa làm tiền công quĩ.

Điều thứ 28: Những món tiền năm trước còn lại ấy, lại biên vào sổ chi thu sang năm, để làng dùng làm việc sinh lợi hay là để chi tiêu mọi việc.

Điều thứ 29: Nếu làng đem tiền ấy cho vay thì lấy lãi nhẹ mà thôi, nhưng người vay phải thế chấp điền sản hoặc có người vật lưu trong làng đứng bảo lĩnh làm tin, nếu không thì không cho vay.

Nhưng điền sản thế chấp cho làng, giá đáng 10 phần chỉ được 3, 4 phần thôi, nhưng người vay thế chấp điền sản thì phải lý trưởng nhận thực.

Điều thứ 30: Hội đồng định cho ai vay thì phải biên bản vào sổ biên bản, bảo người vay phải viết văn tự thì thủ quĩ giữ, ai vay tiền công hễ đến hạn thì phải giả cả gốc và lãi, chứ không được viết lãi làm gốc mà tăng hạn thêm nữa. Hạn cho vay tiền công trong 6 tháng mà thôi.

Điều thứ 31: Nếu số tiền công ít mà người vay nhiều và những điền sản của những người vay ấy đem thế chấp bằng nhau thì hội đồng bỏ thăm, ai bắt được thăm thì cho vay.

Điều thứ 32: Muốn cho trong làng tin cậy các giáp biểu và các giáp biểu làm hết bổn phận vậy nên cấm những người có chân hội đồng và những vợ con những người ấy vay tiền công của làng.

Điều thứ 33: Trừ ra thư ký (...) thì làng có chi tiền lương đồng niên và chánh phó hương hội và giáp biểu thì giúp việc cho dân (...) lương, chỉ khi nào đi việc quan, thì dân chịu tiền phi tổn cho mà thôi.

Điều thứ 34: Mỗi kỳ hội đồng làng chi (...) làm tiền (...) trả; những khoản chi phí về việc hội đồng và phụ cấp cho chánh phó hương hội ấy thì làng trích ở trong số chỉ khoản thứ 5 mà chi.

Lý, phó trưởng

Điều thứ 35: Lý trưởng là người môi giới cho chính phủ với trong làng, nhưng công việc và chức trách của lý trưởng, trong nghị định quan thống sứ (điều thứ 19) đã nói, thì lý trưởng phải y tuân mà làm cho hết bổn phận, phó lý là giúp việc lý trưởng, phó lý trưởng không có quyền tự ý quyết định việc làng, phải theo ý kiến chung cả hội đồng giáp biểu. Lý trưởng giữ sổ sinh tử, giá thú phải tuân lệ biên kỹ, minh bạch trong 3 tháng phải kê tường mấy hội đồng kê trình.

Điều thứ 36: Lương lý trưởng làng cấp tiền nguyệt hướng cho đồng niên 24 (...). Người phó lý đồng niên làng cấp cho 12 (...), ngoại

tiền ấy lại được lĩnh tiền lộ phí nữa, số tiền lương ấy thì đến kỳ làm sổ dự toán, hội đồng có thể tùy các tài chính trong dân mà tăng giảm ít nhiều cũng được.

Điều thứ 37: Giáp biểu và lý trưởng vì việc làng phải đi xa trong 5 cây số làng không chi lộ phí (...) làng chi mỗi người mỗi ngày (...) tiền (...) cước xá phí thì tùy phải (...) làng đến nơi quan đòi mỗi 1 cây số (đi 0,02$ về 0,02$) nếu người tư dân nào xin đòi đến, thì người ấy phải chịu tiền phạm phi và tiền xa phí ấy, chứ dân không chi.

Bổ sưu thuế

Điều thứ 38: Lý trưởng tiếp lính quan phát chỉ bài về phải tường với hương hội mở hội đồng mà tính số bổ thuế.

Điều thứ 39: Sưu thuế đã có ngạch nhất định của nhà nước, hội đồng cứ theo trong bài chỉ mà bổ, không được chia đàn anh, đàn em ruộng nội canh hay phụ canh mà bổ nhiều bổ ít.

Điều thứ 40: Trong sổ bổ phí phải biên sổ người nào bao nhiêu điến thổ bao nhiêu sưu đinh thành bao nhiêu tiền không được hàm hỗn.

Điều thứ 41: Khi đã bổ xong thì phải biên vào sổ biên bản rồi sao ra 3 bản nữa, 1 bản trình huyện, một bản yết thị tại đình và một bản giao lý trưởng hành thu đệ nạp.

Điều thứ 42: Những người thiếu sưu thuế lý trưởng phải lên trình quan cứu xử.

Điều thứ 43: Ngày bổ sưu thuế, không được bày ra sự ăn uống để làng phải đóng nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 44: Trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay thương sự, trước hết phải trình hội đồng hòa giải.

Điều thứ 45: Hội đồng tiếp ai trình, phải mở hội đồng, lấy (...) chính đáng và tinh thần đó mà hòa giải cho hai bên, nếu hòa giải xong, thì theo kiểu trong luật làm hòa giải chứng thư giao Lý trưởng

trình quan sở tại biên vào sổ mà hội đồng cũng phải biên vào sổ biên bản của hội đồng nữa.

Điều thứ 46: Việc hòa giải không xong thì hội đồng làm giấy, kể rõ nguyên ủy việc ấy và ý kiến của hội đồng trình lên quan sở tại xét xử, nếu tòa án xử cũng như hội đồng thì người thua kiện làng lại phạt từ (...) đến (...).

Điều thứ 47: Những việc hình sự dù không có thể hòa giải, những người đương sự cũng nên trình ngay cho hội đồng biết, để hội đồng xét hỏi duyên cớ trình quan, vì hội đồng đã xét hỏi được một khúc chiết phân minh, thì có thể giúp cho việc tra xét của quan trên, mà hai bên cũng bớt được những sự đòi hỏi phiền phí.

Điều thứ 48: Hội đồng xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra làm biên bản trình quan, chứ không được bắt vạ hay là cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Điều thứ 49: Những hội đồng và lý dịch phải đi làm chứng về việc hộ hoặc việc hình nếu quan trên bảo bên nào thua kiện thì phải chi tiền (...) cho những người đi làm chứng ấy.

Sự canh phòng trong làng

Điều thứ 50: Việc canh phòng để giữ tính mạng tài sản chung của cả làng, thì (...) tuần phải cắt người khỏe mạnh (...), mà sự canh phòng phải cho nghiêm mật mấy được. Cắt tuần lệ làng có chia ra làm 4 phiên (do nhất, nhì, ba, tư), cứ đến ngày mồng 3 tháng Chạp An Nam thì đổi phiên lệ làng, ai đến 18 tuổi, trừ những người (...) thì lý trưởng kê lên giao cho trưởng phiên gọi vào phiên ấy để đi ra tuần. Ai không đi tuần thì phải mượn người khỏe mạnh đi thay. Ai không mượn được người đi thay, thì phải nói mấy lý trưởng và cả tuần phiên để nộp tiền (...) cho phiên ấy thay người khác đi thay.

Điều thứ 51: Nguyên làng có điếm thì mỗi điếm có 4 người tuần để canh phòng cả trong làng ngoài tổng, những phó lý và trưởng phiên đốc xuất canh phòng.

Điều thứ 52: Những khi giới canh thì làng trích lấy tiền công sắm cho, nhưng hết hạn lại giao giả làng, người nào nhận giữ thứ gì thì phải biên nhận (...) lý trưởng. Nếu đánh mất thì phải mua cái khác đền hoặc chiểu nguyên giá đền giả dân.

Điều thứ 53: Làng đã sẵn có 3 điếm canh rồi không phải làm thêm nữa, khi nào quan trên có sức làm điếm thêm hay là những (...) thì làng sẽ lấy tiền công (...).

Điều thứ 54: Cứ đến tối thì phó lý, trưởng phiên phải thổi hiệu khẩu hiệu ra điếm, thì tuần tráng phải theo ngay ra điếm mà canh. Ai có phương trở phải mượn người canh thay. Nếu bỏ không canh, thì 2 lần đầu mỗi lần phạt (...), đến lần thứ ba thì hội đồng chiểu theo hương ước mà phạt.

Điều thứ 55: Tuần phải thường thường đi tuần luôn chung quanh làng cho trộm cướp khỏi vào làng.

Điều thứ 56: Ai bắt được kẻ trộm có tang tích thì làng thưởng cho 1$,00 (...), bắt được đứa kẻ cướp thì làng thưởng cho 5$,00 (...).

Điều thứ 57: Tuần phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp, trong làng có nhà nào mất trộm cướp mà tuần không bắt được đứa phạm và quan trên không tra xét ra đứa phạm, thì tuần phiên và những người đốc tuần phải chiểu vật giá mất mà đền cho sự chủ. Nhưng khi cướp phá mà tuần đã hết sức kháng cự không thể giữ được thì không phải đền.

Điều thứ 58: Lý phó trưởng thường kiểm sát những người lạ mặt vào làng, nếu thấy người nào không có phiếu chỉ tùy thân và căn cước đáng nghi thì bắt giải trình quan trên cứu xét.

Canh ngoài đồng

Điều thứ 59: Trong những mùa hoa mầu (...) phiên phải thay đổi mà (...).

Điều thứ 60: Tuần tráng và phó lý trưởng phiên phải theo quyền pháp hội đồng và lý trưởng.

Điều thứ 61: Tuần tráng phải coi các đường khuyến nông gò đống của làng, thấy ai làm hủy hoại thì tường hội đồng xét thực phạt từ (...) đến (...) mà thôi, khi hội đồng định phạt ai thì phải tự vào biên bản, nếu người bị phạt có nại chứng cớ thì hội đồng cũng phải xét hỏi đã rồi mới định phạt.

Điều thứ 62: Tuần tráng phải coi việc giữ nước và thảo nước, những khi nên giữ nên thảo phải hỏi ý kiến hội đồng không được tự quyết.

Điều thứ 63: Những người nào thảo nước đơm cá làm ruộng bị cạn, thì tuần phải bắt ngay phải tường hội đồng xét, phạt từ (...) đến (...), nếu tuần dung túng để những ruộng cạn, thì hội đồng phạt tuần tiền cũng như người phạm.

Điều thứ 64: Lúa mạ hoa màu ngoài đồng, tuần phải canh giữ cho cẩn thận, mất đâu tuần phải chiểu nguyên giá mà đền.

Điều thứ 65: Lương tuần làng chi cho mỗi tên mỗi tháng (...), đồng niên cộng là (...) nhưng chia phát làm 2 kỳ, một kỳ là tháng 6 và một kỳ là tháng 11.

Điều thứ 66: Khi nào nhiều việc phải canh phòng, mà hội đồng xét cần phải thuê thêm người canh phụ cho tuần, xong việc rồi thì phải giả tiền công ngay, mà món tiền công giả ấy hội đồng lập biên bản trích tiền công quĩ, mỗi người mỗi ngày (...).

Điều thứ 67: Các khoản ở trong biên bản định riêng về việc thu tiền để chỉ về việc hoa mầu sẽ cũng thi hành mấy những điều đã nói ở trên.

Sự cấp cứu

Điều thứ 68: Gặp lúc cần kíp như là nước lớn sức ra (...) hộ đê hoặc lửa cháy nhà nào hoặc trộm cướp nhà nào, trừ ra những người 60 tuổi và người yếu đuối, còn người làng nghe đồng hiệu phải lập tức đến cứu, nếu ai biếng nhác không đến, hội đồng xét thực, phạt từ (...) đến (...).

Điều thứ 69: Ai vì sự cứu cấp mà bị thương, làng cấp cho tiền chữa thuốc, trong thương thành tật, làng xem tùy tật nhẹ, nặng mà cấp cho từ 1$,00(...) đến 10$,00 (...), thương đến nỗi chết làng cấp tiền tuất cho 20$,00 (...) và cả làng đi đưa ma, nếu người nào bị thương thành cố tật, đến khi 55 tuổi lên lão thì làng trừ những tiền vọng lão ấy cho.

Sự vệ sinh

Điều thứ 70: Muốn cho người làng mạnh khỏe, cần phải theo phép vệ sinh (một là phòng bệnh hai là chữa bệnh).

Điều thứ 71: Hội đồng thương hiểu bảo người làng giữ nhà riêng và đường chung cho rất sạch sẽ.

Điều thứ 72: Cấm không ai được vất uế vật ra đường và làm nhà xí ở bên đường hay là để cho những nước bẩn chảy qua đường đi, nếu nhà nào muốn cho nước chảy ra đường thì phải làm ống ngầm, người nào không tuân, thì phải phạt từ (...).

Điều thứ 73: Cái giếng nước ăn phải tìm cách giữ gìn cho được trong sạch, những phí tổn về việc sửa sang giếng ấy thì làng lấy tiền công phí.

Điều thứ 74: Khi trong làng phát những bệnh có thể truyền nhiễm thì lý trưởng phải trình quan ngay xin thày thuốc chữa.

Điều thứ 75: Khi trong làng có một người ốm nặng ở chỗ khác đem về làng, thì phải có một tờ chứng chỉ của quan thày thuốc nhận thực là không phải truyền nhiễm, trình giấy ấy với chánh hương hội hoặc lý dịch, nếu không có giấy ấy thì cấm không được đưa về trong làng, trong làng ai không tuân thì phạt từ (...) đến (...) và bắt phải đem lên nhà thương chữa ngay.

Điều thứ 76: Trong làng có ai mắc phải bệnh phong, lý trưởng phải trình quan khám thực đem ra nhà dưỡng tế, không được vị nể để ở trong làng.

Điều thứ 77: Những vật uế khi cùng những đồ dùng của người ốm hay người chết cấm không được vất xuống hồ ao, lại cấm không được làm chuồng lợn hay chuồng xí ở cạnh bờ ao hay là ở những chỗ dơ bẩn có thể chảy xuống bờ ao, ai không tuân, làng phạt từ (...) đến (...).

Đường - sá, cầu - cống

Điều thứ 78: Phó lý và trưởng phiên phải trông nom đường sá cầu cống trong làng cùng 3 điếm, thấy nơi nào hư hỏng phải tường hội đồng để sửa lại.

Điều thứ 79: Các đường chung cả làng và các đường chung 3 xóm, nếu chỗ nào phải sửa, hội đồng trích tiền công mà sửa sạch sẽ, còn các ngã tư thì do các chủ cùng đi chung ấy, phải cùng bảo nhau mà sửa sang cho cao ráo.

Điều thứ 80: Ai làm việc riêng mà làm hại đến cầu cống, đường sá gò đống chung của làng, trừ ra phải sửa đền, hội đồng lại phạt từ (...) đến (...).

Điều thứ 81: Ai cần tháo nước qua đường trước phải trình hội đồng biết, tháo xong rồi phải đắp lại đẹp đẽ như cũ, nếu không tuân thì (...) xét thực, phạt từ (...)

(Từ điều 82 đến điều 87 không đọc được...)...phải kê nhật yết thị và rao mõ cho mọi người biết trước đấu giá 10 ngày.

Điều thứ 88: Trước khi cho những người thầu bỏ phiếu thì phải nộp một số tiền ký quĩ nhiều ít tùy hội đồng chiếu theo đăng giá ngạch sản vật đem đấu giá mà định, khi mở phiếu hễ người nào bỏ cao nhất thì được thầu; người nào không thầu được thì hội đồng sẽ giả lại tiền ký quĩ ngay lúc mở phiếu xong. Người thầu được hạn trong 5 ngày phải nộp tiền, nếu để quá hạn thì mất số tiền ký quĩ ấy, phải tịch một sung vào công quĩ, mà hội đồng đem đấu giá lại, phí tổn do người bỏ không nộp tiền ấy phải chịu, khi đấu giá xong phải biên vào sổ biên bản, mà người nào thầu được cũng phải ký vào biên bản ấy.

Điều 89: Ai đấu giá cao thì được, nhưng hội đồng phải làm biên bản đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Xét gian lận

Điều thứ 90: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm như rượu lậu, thuốc phiện lậu, mở sòng chứa bạc lấy hồ, thì hội đồng và lý dịch cần phải khám xét luôn để trừ cấm gian lậu.

Điều thứ 91: Ai cố ý phạm cấm, hội đồng không có thể khuyên ngăn được, thì hội đồng bảo lý trưởng bắt tang vật để làm biên bản và giải trình quan trừng trị.

Điều thứ 92: Những người phạm ấy dù quan trên đã chiểu luật trị tội rồi, nhưng làm mất phong tục trong dân làng thì hội đồng phạt không cho dự đình trung tế lễ tự 3 tháng đến 1 năm; những người nào đêm ngày to tiếng làm náo động hương thôn để làm mất sự yên ổn trong làng phạt (...).

Điều thứ 93: Trong làng những con giai con gái phạm tội bất hiếu bất mục ăn trộm ăn cắp và gian dâm hoang thai, ai phạm những tội ấy dù quan trên đã chiểu luật trị tội rồi nhưng làm mất phong thể trong làng hội đồng phạt từ (...) đến (...), hoặc truất vị thứ xuống một hai ngôi hoặc cấm không cho dự đình chùa lễ bái ăn uống từ 6 tháng đến 2 năm.

Sự giao thiệp

Điều thứ 94: Theo thói quen khi có quan trên đến làng, chỉ có lý phó trưởng ra nghênh tiếp, nếu đi vắng thì quan khách không biết hỏi ai, như thế thì không được hợp lễ, (...) viên hội đồng cũng phải nghênh tiếp (...).

Điều thứ 95: Quan Tây, quan ta bất thần có việc đến làng, thì tuần phải đi báo ngay cho những người hội đồng ra nghênh tiếp, thì các viên hội đồng và chánh phó lý phải lấy lễ nghi chính đáng mà nghênh tiếp tại công sở. Nếu các quan muốn khám xét nhà nào, hội đồng phải dẫn khám, khi khám nếu có sự gì ngăn trở, thì hội đồng

phải giữ gìn cho được ổn thỏa. Ở trong địa giới có ai ốm đau hay là bị tai nạn gì, hội đồng nghe tin báo, phải đến tận nơi liệu phương kế mà cứu giúp ngay.

Sự giáo dục

Điều thứ 96: Dạy trẻ con có học thức phổ thông là nghĩa vụ người làm phụ huynh, không ai được từ, nếu khi làng có đủ tiền thì sẽ lập riêng một trường học để dạy trẻ con trong làng. Thường năm làng lấy tiền công và tiền của người cung học phí để chi tiêu về việc trường và cấp lương cho thầy giáo.

Điều thứ 97: Trẻ con trong làng lên 7 tuổi thì phải đi học. Làng lấy tiền công mua giấy bút để cấp cho những con nhà nghèo đi học, mà hội đồng (...) không có thể mua được ấy.

Điều thứ 98: (...) người nào đi học (hoặc chữ hoặc nghề) (...) nhà nước, dẫu đến tuổi đóng góp, dân cũng trừ cho phần tập sự ở trong làng. Nếu người nào giả danh làng xét ra thì không được trừ nữa.

Giữ công sản

Điều thứ 99: Trong làng, những nơi đình, chùa, miếu, chợ hoặc gò, đống, bờ lũy mà có cây cổ thụ và cây cỏ ăn hoa trái, lũy tre v.v... những sản vật ấy là của công làm cảnh trí thịnh lợi cho dân, thì nơi nào nơi ấy dân đã giao cho người chuyên chủ giữ gìn, cấm không được hái chặt lấy làm lợi riêng. Người nào phạm đến, hội đồng chiểu phạt từ (...) đến (...) sung vào công quĩ.

Điều thứ 100: Trong làng phàm những cây cối, bất luận nhón nhỏ, hoặc mồ mả, cấm người chăn trâu bò không được giăng buộc làm hại của công, của tư trong dân, ai mà phạm đến, hội đồng chiểu phạt từ (...) đến (...) sung công quĩ.

Ngụ cư kỳ tàng

Điều thứ 101: Làng chỉ cho người có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng được ngụ ở trong làng mà thôi, trừ ra (...) tạm thì còn những người đã có (...) phải chịu trách nhiệm (...).

Điều thứ 102: Ai kỳ táng ở đồng điền dân trừ những chỗ cấm địa và gần giếng ra, còn để vào ruộng nào phải mua đất ruộng ấy, nhưng cũng phải sửa giấu 100 miếng, rượu một chai lớn, yết thần rồi tường mấy hội đồng biết và phải nộp tiền đất lệ dân hung táng (...), cát táng (...), lại đãi tuần tiền kiểm (...). Hội đồng xét xem người nào kỳ táng có giấy nhận thực và có phép quan trên phê thì mấy được để, không được cưỡng táng.

Phần thứ II
Phong tục
Sự điền thổ

Điều thứ 1: Ruộng chùa có 3 mẫu 4 sào 14 thước 1 tấc. Nguyên xưa của các tổ sư và các giả vãi để lại, thì xin giao tự tăng hoặc nì cày cấy nộp thuế mà theo như giấy khi mới về nhập tự, cung sửa đèn hương các việc quanh năm ở chùa.

Điều thứ 2: Ruộng hội trống tế có 4 sào (...) của 2 hội tư văn để lại, xin chuyển (...) hội ấy cày cấy nộp thuế và sửa (...) chia ruộng lại thì mấy được nhận làm ruộng khẩu phần. Nếu trong 3 năm ấy có người nào quá cố đi thì xin lấy phần ruộng quá cố ấy cấp cho người mới đến tuổi, vì như nhiều người đến tuổi mà phần ruộng quá cố ít thì quân sản ra mà nhận lấy canh (...) phần quá cố nhiều mà người đến tuổi ít thì người đến tuổi chỉ được nhận ruộng khẩu phần như lệ cấp mà thôi. Nếu như người quá cố mà chưa có người đến tuổi, thì phần ruộng quá cố ấy xin đấu giá lấy tiền để vào công quĩ.

Hôn lễ

Điều thứ 5: Lệ con giai không kể nội ngoại phải sửa giấu 100 miếng, rượu 1 chai lớn yết thần kính dân và lại phải nộp tiền lệ dân (nội thì nộp (...) ngoại thì nộp (...) cho đủ, để vào công quĩ. Mà nộp tiền phải nộp vào trước khi cưới, nhưng đến chánh hương hội lấy giấy, rồi đến nộp ở thủ quĩ lấy giấy biên lai. Đem giấy biên lai ấy đến tường lý trưởng mà khai biên vào sổ giá thú. Nếu người nào đến xin

trước bạ mà lý trưởng hỏi không có biên lai nộp cheo, thì lý trưởng phải tường cho chánh hương hội biết đã, để hội đồng xét xử thế nào rồi do biên vào sổ giá thú.

Còn nhật trong làng ai sinh con giai con gái, thì phải (...) đến tường lý trưởng để biên vào sổ sinh, không được bẩm lậu.

Điều thứ 6: Nhà nào có đám cưới, cấm không được lấy nem bánh của nhà giai là sự xa và chăng dây đóng cổng làm ngăn trở người ta, nếu ai không tuân hội đồng phạt (...).

Tang - lệ

Điều thứ 7: Lệ tang có chia ra 4 hạng: hạng thứ nhất nộp lễ yết thần chiết can (...) và giầu 100 miếng; hạng thứ hai chiết nạp (...) và giầu 100 miếng; hạng thứ ba chiết nạp (...) và giầu 100 miếng; hạng thứ tư là những người nào nghèo khó không thể nộp tiền được thì chỉ 100 miếng giầu mà thôi.

Điều thứ 8: Những món tiền chiết can ấy phải lấy của chánh hương hội rồi đem nộp ở người thủ quĩ nhận tiền đủ rồi cho giấy biên lai, người nộp tiền phải đem biên lai ấy và 10 miếng giầu đến tường lý trưởng để kê khai vào sổ tử bạ.

Điều thứ 9: Lệ xin đô tùy hộ tống, thì những viên có sức mạnh đã có khao vọng rồi được xin đô tùy dân 20 người, nhưng phải nộp tiền lệ dân cho đủ để vào công quĩ thì (...) cắt cử trong 4 phiên đinh tráng (...) đã có trong bản giáp (...) người nào xóm nào đã có lệ riêng của giáp ấy, xóm ấy, như nhà hiếu chủ giầu có làm rượu tạ làng thì cũng tùy ý, chứ không lệ bắt phải làm.

Tế - tự

Điều thứ 10: Trong làng có 6 nơi tế tự là một tòa đình, một tòa chùa thì đồng dân phụng sự, khi nào có đổ nát, dân xin lấy tiền công quĩ tu bổ, một tòa miếu thì thôn Phúc Lý phụng sự, có đổ nát, thì thôn Phúc Lý tu bổ, 2 nơi văn chỉ (do xuân thu nhị kỳ) thì 2 hội tư văn

phụng sự, có đổ nát, thì 2 hội tư văn ấy tu bổ, còn một nơi nhà thờ tổ nghề thợ bạc ở tại Hà thành Hàng Bồ phố, nguyên dân xưa có ngạch kim hoàn cục, kể đệ niên đến ngày (xuân thu nhị kỳ) thì đồng dân và những người trong làng làm nghề thợ bạc ấy tế tự, mà có cho thuê ra thì đồng dân lấy lợi ấy, những khi cho thuê thì đồng dân làm giấy giao nhận.

Điều thứ 11: Trong làng một năm có 4 kỳ đồng dân tế lễ chung (là kỳ Nhập Tịch, kỳ Xuất Tịch, kỳ Lập hạ, kỳ Thường Tân) thì xin trích lấy tiền công quĩ giao lý dịch xuất xử tuần phiên sửa lễ đệ lên đình, để hương viên hành lễ, xong rồi lý dịch và tuần phiên phải (...) lúc hành lễ cho đến lúc đồng dân (...) chung ở đình cho chu tất.

Điều thứ 12: Ngày mồng 10 tháng Giêng là ngày thượng nguyên đồng dân hội họp bàn định các công việc một năm ở trong làng thì xin trích lấy tiền công quĩ bạc là (...) giao tăng tự hoặc ni nhân sửa hương đăng phẩm quả, để đồng dân làm lễ ở chùa.

Điều thứ 13: Ngày 12 tháng 2 - lệ là ngày san tước, nhân đinh trong 3 xóm (là thượng làng xóm trung làng xóm thiên phúc xóm) phải lên sửa sang đình vũ và gò đống cùng đường ngõ trong làng cho quang đãng sạch sẽ, xin trích lấy bạc công quĩ (...) giao thủ từ nhận sửa (giấu thờ 50 miếng, rượu 1 chai con) để đồng dân làm lễ san tước. Ngay hôm ấy hội hương viên cắt một viên đi khỏi chỉ, lý dịch cắt 4 người tuần phiên đến (...) nhà viên mạnh bái phung nghinh thần sắc và triều y quan đới các hạng lên đình cũng xin trích bạc công quĩ (...) giao thủ từ nhận sửa (giấu thờ) 100 miếng giấu, rượu 1 chai con, vải tây đỏ 1 vuông, bạch đàn nến pháo kim chỉ các hạng v.v...) để đồng dân làm lễ mộc dục.

Điều thứ 14: Ngày 13 là ngày Nhập Tịch xin trích lấy bạc công quĩ (...) giao lý dịch xuất xử tuần phiên sửa lễ (lợn 2 con giá bạc (...), xôi 1 mâm giá bạc 2,00$, rượu (...), giấu thờ 300 miếng và chuối tiêu phù trà diêm tương các hạng giá hạng giá bạc (...). Ngày hôm ấy những viên chức sắc (...) vọng, miễn viên phải sửa xôi (...) đều đệ lên

(...), để hương viên làm lễ Nhập Tịch, xong rồi thì bày ra (...) trông nom các việc cho chu tất, còn như lệ cũ các chiếu phải (...) hương viên mỗi người (...) (độ 59 tuổi) tư văn mỗi người (...) thu ngay ngày hôm ấy cho đủ để vào công quĩ.

Điều thứ 15: Ngày hôm 15 hội hương viên sửa lễ riêng (...) sinh tử (...) để làm lễ Khánh Ha, lễ xong rồi, đồ lễ ấy hội hương viên đem về thụ phúc riêng, nhưng trích lại cau tươi 30 quả để kính biếu về các chiếu, (...) lễ phẩm của hội hương lão, thì hội hương lão cũng đem về mà thụ phúc riêng.

Điều thứ 16: Ngày 16 là ngày Xuất Tịch, sớm hôm ấy xin trích bạc công quĩ (...) giao thủ từ sửa lễ giấu thờ 50 miếng, rượu 1 chai con) để hương viên làm lễ dịch (...) xong rồi cũng lại xin trích bạc công quĩ (...) giao lý dịch, xuất xử tuần phiên sửa lễ (lợn 1 con giá bạc (...), xôi 1 mâm giá bạc (...), rượu 3, giấu thờ 300 miếng và chuối tiêu phù trà, diêm tương các hạng giá bạc (...) đệ lên đình để hương viên làm lễ Xuất Tịch, xong rồi (...) thụ phúc chung ở đình, nhưng lý (...).

Điều thứ 17: Ngày 17 hội hương viên cắt một viên đi khởi, cắt 4 người tuần phiên phải phụng nghinh thần sắc và (...) về nhà viên mạnh bái để phụng sự.

Điều thứ 18: Ngày Lập hạ (do tòng quan lịch) xin trích lấy bạc công quĩ (...) giao lý dịch xuất xử tuần phiên sửa lễ (vàng mã giá bạc (...)) và đồ lễ phẩm các hạng (lợn 2 con giá bạc 20$,00 (...), xôi 2 mâm giá bạc 4$,00 (...), rượu 4$,00 (...), giấu thờ 300 miếng và chuối tiêu, khoai chú phụ, trà diêm tương các hạng giá bạc 5$,00 (...)) đệ lên đình để hương viên làm lễ Kỳ Phúc. Xong rồi thì lợn 1 con, xôi 1 mâm, chia phần cả đại hạ, còn lợn 1 con, xôi 1 mâm (...) làm cỗ để đồng dân thụ phúc chung ở đình, nhưng lý dịch và tuần phiên trông nom các việc cũng như ngày Nhập Tịch cho chu tất, nhân đinh mỗi người sửa vàng đại 200 (...).

Điều thứ 19: Ngày thượng Hạ Điền xin trích lấy bạc công quĩ mỗi kỳ (...) giao thủ từ sửa vàng mã và mỗi kỳ (giấu thờ 100 miếng, rượu 2 chai con) để đồng dân làm lễ.

Điều thứ 20: Ngày 12 tháng 9 là ngày Thường Tân, xin trích lấy bạc công quĩ 20$,00 (...) giao lý dịch xuất xủ tuần phiên sửa lễ phẩm (...) đệ lên đình để hương viên làm lễ xong (...) tuần phiên trông nom các việc giống như ngày Xuất Tịch.

Điều thứ 21: Ngày mồng 2 tháng Chạp, xin trích bạc công quĩ (...) giao thủ từ sửa lễ (giấu thờ 50 miếng, rượu 1 chai con) để đồng dân làm lễ xong rồi thụ huệ ở đình.

Điều thứ 22: Ngày 25 tháng Chạp xin trích lấy bạc công quĩ (...) giao thủ từ sửa lễ (vàng 2 cây, rượu 1 chai con, giấu thờ 100 miếng, để đồng dân làm lễ Tất Niên xong rồi thụ huệ ở đình.

Điều thứ 23: Trong một năm những kỳ đồng dân tế lễ (như là ngày Nhập Tịch, Khánh Hạ, Xuất Tịch, Lập Hạ, Thường Tân) đem hương, nến pháp bạch đàn, xin trích bạc công quĩ 4(...) giao thủ từ nhận sửa, mà những ngày lễ ấy tuần phiên trông nom sửa bầy đồ khí tế các việc. Hội nhạc thờ phải lên cử nhạc để hương viên hành lễ.

Điều thứ 24: Trong một năm từ ngày Nguyên Đán cho đến ngày trừ tịch và tuần sóc vọng đèn hương nhật dạ ở đình, xin trích lấy bạc công quĩ 24(...) giao thủ từ ký nhận sửa lễ (do ngày sóc sửa gà 1 con, xôi 2 đĩa, thanh tiêu 2 nải, giấu (...) miếng, rượu (...) chai lớn giá bạc (...), ngày vọng (...) rượu 1 chai... con giá bạc (...)). Còn như năm nào phải sắm sửa các đồ dùng ở đình, cũng xin trích bạc công quĩ ra mua mà kê biên vào sổ dự toán năm ấy.

Điều thứ 25: Trong dân năm nào có đại hội vào đám, như ăn mừng thần sắc và phong đăng thì dân sẽ tu biên bản đệ trình.

Điều thứ 26: Phàm đình trung tự khí trừ ra những sự trân trọng (như là sắc mạnh triều y long mạc các hạng v.v...) đã có lệ viên tế cho phụng thờ, còn như các đồ vật khác, nay cứ chuyển giao lý trưởng phụng thư, thường niên hễ đến tiết lễ nào phải dùng đến vật gì thì lý trưởng phải soạn ra giao tuần phiên đệ lên đình làm lễ xong rồi thì tuần phiên lại phải đệ về nhà lý trưởng yên trí. Nhưng mỗi năm đến ngày 12 tháng 2 thì phải đệ tất cả lên đình

tường dân để dùng làm việc vào đám, đám xong rồi đến ngày Xuất Tịch (là ngày 17) dân kiểm soạn xem lại biên giao lý trưởng phụng nhận như thường.

Khao - vọng

Lệ vọng lão tư cách người có 3 hạng

Điều thứ 27: Trong làng ai có khao vọng gì và ai đến 55 tuổi thì cứ ngày (...) tháng Giêng phải sửa giầu 20 miếng tường dân (...) định cho ngày sửa lễ (giầu 300 miếng, rượu hoa 3 chai) yết thần trình dân và nộp tiền chiết can vọng lễ.

Điều thứ 28: Chiếu hương lão có 2 hạng (một chiếu gọi là hương lão, một chiếu gọi là lão hạng) chiết can tiền vọng cũng có 2 hạng, một hạng 10(...), một hạng 6 (...), như người nào đến 55 tuổi cũng phải nộp tiền chiết can của dân cho đủ, nhưng ai muốn nộp hạng nào thì dân cũng nhận. Ai muốn ngồi chiếu nào thì dân cũng thuận (...) tiền chiết can ấy để vào công quĩ.

Điều thứ 29: Những viên nào có hương viên thì cứ theo lệ tiền chiết can do lễ của dân nộp đủ thì ngồi vào chiếu hương lão, nhưng chưa được trừ sưu thuế nhà nước.

Điều thứ 30: Những người có tư văn mà chưa có ngôi hương viên muốn ngồi vào chiếu hương lão, thì phải vọng riêng chiếu hương viên (...) và nộp tiền chiết can của dân cho đủ rồi mấy được ngồi vào chiếu hương lão, không thì ngồi lão hạng (...) cũng chưa được trừ sưu thuế nhà nước.

Điều thứ 31: Những người hương (...) mà (...) chiếu hương lão, trừ nộp (...), lại phải tiền vọng lệ ngoại của làng là 12 (...), tiền ấy để vào hương công quĩ dân (...) chiếu hương viên (...), tư văn 2 hội, mỗi hội 2(...) cho đủ các (...) ấy mấy được ngôi hương lão. Nếu không vọng lên chiếu hương lão thì (...) nộp tiền chiết can của dân mà ngồi lão hạng, (...) cho những tập sự trong làng chú, cũng chưa được trừ sưu thuế nhà nước.

Điều thứ 32: Viên nào 60 tuổi thì chỉ phải sửa (giầu 100 miếng, rượu 1 chai lớn), yết thần trình dân để dân (...). Đến 61 tuổi mấy được trừ sưu thuế nhà nước.

Điều thứ 33: Như ai mà ra công dịch mấy dân hạng nào mà được (...), không can khoản gì, khi lên lão thì các hạng tiến vọng ấy dân nhường trừ một nửa.

Điều thứ 34: Trong làng ai vọng hương viên thì phải có ngôi tư văn và có thuần hạnh, lại không can khoản gì thì mới được vọng, nhưng phải nộp tiền chiết can là 10 (...) để vào công quĩ. Còn phải sửa giầu 300 miếng, rượu hoa 3 chai yết thần kính dân, coi như trong chiếu hương viên có lệ riêng phải dư thì mới được ngồi.

Điều thứ 35: Trong làng viên nào có được phẩm hàm văn giải hoặc vũ giải từ nhất phẩm giở xuống đến tòng cửu phẩm hàm cũng khoa mục văn bằng và chánh phó tổng, như về dân khao vọng thì lệ tiền chiết can khao dân chiểu theo như trong nghị định, nhưng phải sửa giầu 200 miếng, rượu hoa 3 chai, yết thần kính dân cho đủ để vào công quĩ. Viên nào có muốn (...) lên đình yết thần, xin dân cắt (...) cắt 30 người và (...) của làng đi rước.

Điều thứ 36: Viên nào chưa đủ vị (...) trong dân mà được phẩm hàm về dân khao vọng, thì phải vọng đủ các vị thứ rồi mấy được khao lên chiếu chức sắc. Vì như viên nào thủy ngụ mà được phẩm hàm khao vọng, thì tiền khao vọng phải thêm hơn người nguyên (...) làng một bạc. Còn như có phẩm hàm về mà chưa khao vọng, khi ra đình sở thì cứ ngôi hương ẩm ở đâu ngồi đấy. Viên ấy chưa phải bàn rồi lên đình, thì dân chưa kinh biếu ở chiếu chức sắc, thì cứ theo phẩm hàm hơn kém mà định chỗ ngồi trên dưới, giả như có 2, 3 viên phẩm hàm bằng nhau cùng khao vọng thì dân chiểu theo ngôi hương ẩm mà đặt trên dưới.

Vị - thứ

Điều thứ 37: Vị thứ trong làng có 2 ban, chia làm 2 dòng, ban bên tả trong thì chiếu hương viên hội đồng lý dịch, ngoài đầu động

giản binh rồi hương đinh, ban bên hữu trong thì chiếu chức sắc hương lão tư văn, ngoài đầu đông thì chiếu lão hạng hương đinh.

Điều thứ 38: Trong làng có 1 ngôi mạnh bái hoặc văn vũ tư cửu phẩm giở lên cùng khoa mục văn bằng có khao vọng thì lên ngôi ấy, mà (...) cũng có phẩm hàm đều khao vọng cả thì dân chiểu viên nào phẩm hàm cao thì ngồi chiếu nhất, còn thì cử phẩm trật mà ngồi.

Điều thứ 39: Chiếu hương lão ai đến tuổi thì phải theo lệ dân nộp tiền vọng chiết can với lệ riêng của hương lão cho đủ rồi mấy được ngồi.

Điều thứ 40: Chiếu hương viên ai muốn ngồi thì phải theo lệ dân nộp tiền vọng chiết can và lệ riêng của hương viên cho đủ rồi mấy được ngồi.

Điều thứ 41: Trong làng ai xin vào tư văn trong 2 hội, mà tổ phụ không có ngôi ấy, trước hết phải tường hội đồng biết, nếu xét thỏa đáng rồi, thì phải nộp tiền vọng của dân(...) sung vào công quĩ. Xong rồi vào hội nào phải theo lệ hội ấy cho đủ, thì hội đồng có giấy biên lai vào tên người ấy viên thư văn vào hội ấy, phải biên tên (...) cho viên thủ văn để hội tư văn đại hạ.

Điều thứ 42: Trong làng người nào đến 17 tuổi thì cứ ngày 12 tháng 9, sửa giầu 20 miếng đệ lên đình sở yết thần tường hội đồng để giao lý trưởng trước danh Nhập Tịch, đến 18 tuổi cũng thu sưu thuế.

Điều thứ 43: Những người ngụ cư Nhập Tịch chưa được 3 đời và người thê hương mẫu quán Nhập Tịch, thì vị thứ kém người làng một bậc, mà tiền khao vọng phải hơn người làng một bậc, làng đã vị thứ phân minh như thế, như ở đình sở hoặc ở tư gia, cứ theo vị thế chức sắc đến hương lão hương viên hội đồng lý dịch tư văn lão hạng giảm binh hương đinh (...) mà lại say rượu (...) hội đồng phạt từ (...) đến (...). Nếu không chịu phạt thì cấm không được ra đình chùa lễ bái ăn uống một năm.

Điều thứ 44: Lệ làng ngôi thứ nhất trong chiếu hương viên thì vào chủ tế, viên thứ hai tả văn, mà đến kỳ Nhập Tịch, Xuất Tịch hoặc xướng ca thì viết văn cả đại hạ.

Bầu hậu làng

Điều thứ 45: Trong làng ai muốn xin làm (...) thì trước hết có lời tường dân cho được thỏa đáng, nhưng phải để (...) có thứ bậc, như hậu lễ sinh lễ thì phải để ruộng (...), lễ hàn âm thì phải để ruộng (...), thì dân (...) nhưng lại chiểu lệ nộp tiền (...) để sung vào công quĩ: người ngoại hương thì nộp tiền lệ gấp hai (...) muốn lập bia thì dân cũng thuận, (...).

Kính - biếu

Điều thứ 46: Đồng niên có 4 kỳ tế lễ chung như là kỳ Nhập Tịch, kỳ Xuất Tịch, kỳ Lập Hạ, kỳ Thượng Tân) đồng dân hành lễ xong rồi thì xin để ra hoặc cái thủ lợn hoặc cái cảnh lợn kính biếu về phần viên mạnh bái. Như văn giai tự tứ phẩm giở lên, vũ giai tự ngũ phẩm, vũ giai tự tứ phẩm giở xuống cũng đã khao vọng, sửa xôi lên mạnh bái thờ kính biếu về phần mạnh bái vào chủ tế, nếu mạnh bái vắng mặt mà viên nào thay vào chủ tế thì viên ấy được thụ phúc chung về phần tộ ấy. Như chưa có viên nào khao vọng lên chiếu mạnh bái ấy thì chiểu vị (...) hội hương viên mà vào chủ tế, thì kính biếu phần tộ ấy, đến như kính biếu về phần mạnh (...) đã nói ở trên rồi, còn như kỳ nào (...) thì trích ra một cái thủ lợn (...) nhau, hoặc trích lấy tiền dư dụ trong công quĩ gọi là một (...) ngày hôm ấy, (...) dành trông rước sách linh đình, tự gia mỗi nhà thì giồng cột đèn kéo cờ, đến tối thắp đèn cho rất long trọng và (...), trên là cảm ơn công đức chính phủ bảo hộ, dưới là nhớ ơn huệ các quan tư mạc sẵn lòng dạy bảo dắt dìu dân lên đường văn minh (...) ở nơi hội đồng công (...) cho mọi người (...) đều nghe, (...) biên bạch lòng dân kính mến, sau là cảm kích lòng người đời đời nhớ mãi không quên, mà lễ ấy chỉ được làm trong một ngày hôm ấy mà thôi.

Điều thứ 52: Kể từ ngày thi hành khoản ước này, các khoản ước gì cũ mà trái với hương ước này đều bỏ đi hết.

Điều thứ 53: Trong làng (...) những khoản ước, thì hội đồng xét (...) mà trách phạt.

Điều thứ 54: (...) đến ngày việc làng là ngày thượng nguyên, người thư ký phải đem hương ước ra đọc tại đình để đồng dân cùng nghe, đến như địa (...), đã có độ bản, duy một cái (...) tuy gọi là chợ (...) tu sửa, một đoạn sông Tô Lịch từ đầu cống xuống giáp quán Bỏng, nhờ ơn cho dân, năm nao cấy được thì dân được lợi.

Phụng sao hương ước (...)

HƯƠNG ƯỚC LÀNG NAM DƯ HẠ

Huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông

Việc bổ sưu thuế

Điều thứ 1: Khi người phó lý thừa sức lệnh quan trên lĩnh bài chỉ về thì cho thủ hạ đi thông đạc; hội đồng kỳ dịch và dân sinh ra đình bổ sưu thuế.

Điều thứ 2: Khi dân làng đã ra đông đủ thì phó lý trưởng (...) sẽ chiểu theo trong bài chỉ mà kính giải hàng các khoản xem đinh, điền cùng ngoại, phụ các hạng mỗi khoản phải đóng bao nhiêu tiền: đinh mỗi xuất bao nhiêu, điền thổ mỗi mẫu bao nhiêu, lập thành bài bổ đệ trình quan huyện chuẩn.

Điều thứ 3: Khi quan huyện đã duyệt y vào bài bổ rồi thì cứ chiểu theo trong bài bổ ấy mà thu còn những sự phí tổn cho phó lý trong kỳ thuế mỗi thẻ phải chịu (...) và mỗi mẫu ruộng phải chịu (...).

Việc tuần phòng

Điều thứ 4: Cứ đến kỳ cắt tuần thì hương lý xét trong làng những người dân đinh nào từ 18 tuổi giở lên cho đến 45 tuổi giở xuống mà có sức mạnh thì chọn lấy 20 người ra đi tuần và hạn đi tuần cứ 3 năm một khóa; những người đi tuần thì hương lý đã kê danh sách niêm yết tại đình.

Điều thứ 5: Những người đi tuần ấy theo lệ cũ cứ đến tháng 10 thì được lấy mỗi sào ruộng là 2 lượm lúa và tháng 5 được lấy mỗi mỗi sào là 2 hàng ngô.

Điều thứ 6: Trong làng ai mất lúa, dạ, ngô hay hoa mầu gì thì tuần phải chiểu giả mà đền, còn ai ăn cắp vặt như buồng cau, nải chuối, con cá, cái măng v.v... là việc nhỏ không đáng trình quan thì phạt: không cho người ấy được dự hương ẩm 3 tháng nếu tuần dung túng những người ăn cắp ấy thì phạt tuần cũng như thế.

Việc cấp cứu

Điều thứ 7: Khi trong làng xảy ra việc hỏa hoạn, hay trộm cướp, hoặc đánh nhau mà cứ kêu "làng nước" thì hương lý và tuần tráng đến hộ cứu, nếu người nào tự nhiên vô cớ mà kêu làng nước ầm ỹ để hương lý và tuần tráng xét ra không có điều gì thì phải phạt từ (...) nhập quĩ.

Việc sửa sang đường - sá, cầu - cống

Điều thứ 8: Nếu trong làng đường sá hoặc cầu cống hủy liệt, thì hương lý nổi trống hội đồng họp bảo công trình lập thành biên bản để trích lấy tiền công quĩ ra sửa sang những chỗ hủy liệt ấy.

Việc (...)

Điều thứ 9: Mỗi năm có 2 kỳ thu hoạch mầu vật đến kỳ thu hoạch thì tuần tráng xem những xứ ruộng nào đã chín thì báo cho dân thu hoạch, còn chỗ nào xanh sẽ thu hoạch sau, nếu người nào không tuân mà còn xanh đã thu về sẽ phải phạt (...) để nhập quĩ.

Điều thứ 10: Lúc đồng điền đương có lúa và hoa mầu thì cấm không ai được thả trâu, bò, gà, vịt, lợn ra phá hại, nếu ai phạm cấm, hội đồng phạt (...) sung công.

Việc vệ sinh

Điều thứ 11: Ngoài đường cái hoặc các ngõ xóm thuộc về địa phận nhà nào cũng phải sửa sang quét dọn cho sạch sẽ và phải giữ

những súc vật không được phóng uế ra đường để khỏi sinh ra sự truyền nhiễm. Nếu ai không tuân sẽ phải phạt (...) sung công.

Việc đón tiếp các quan Tây, Nam

Điều thứ 12: Khi nào thừa sức có các quan Tây hoặc các quan An Nam về làng hiểu thì hay có việc gì, thì hương lý phải có đủ mặt để đón tiếp cho được long trọng. Khi bất thần các quan đến làng, thì người làng ai biết trước, cũng phải báo hương lý ứng tiếp.

Việc ngụ cư ký táng

Điều thứ 13: Nếu người nào ở làng khác mà đến buôn bán hoặc làm công nghệ gì trong làng thì cứ đến tháng Chạp là phải nộp (...) để cho tuần mua dầu thắp canh phòng.

Điều thứ 14: Nếu người nào đến ký táng ở làng trước hết phải tường hương lý và phải sửa lễ yết thần và nộp (...) sung công quĩ.

Việc quản cấp điền thổ

Điều thứ 15: Trong làng có 12 giáp, mỗi giáp một phần ruộng, cứ 6 năm một lần giáp nào chuyển qua giáp ấy.

Việc tế tự

Điều thứ 16: (...)

Việc khao vọng

Điều thứ 17: Nếu trong làng ai (...) mà được phẩm hàm (...) sửa lễ yết thần thì phải nộp cho công quĩ là (...) và sửa thêm 1 mâm xôi (...).

Điều thứ 18: Nếu tại làng ai làm (...) chánh phó tổng thì phải nộp vào quĩ là (...) và cũng phải sửa lễ như người có phẩm hàm.

Điều thứ 19: Người nào làm được lý (...) thì phải nộp vào quĩ là (...) và (...) một con lợn, một mâm xôi làm lễ (...).

Điều thứ 20: Còn những người làm (...) thư ký, thủ quĩ thì phải nộp vào quĩ là và cũng phải sửa lễ như người (...).

Điều thứ 21: Còn những người (...) sửa việc công (...) và dân sẽ (...) cho không phải đi tuần nữa.

Việc vị - phẩm

Điều thứ 22: Người nào được phẩm hàm (...), còn chánh, phó tổng, lý, phó trưởng (...) thư ký, thủ quĩ thì cứ chiểu văn bằng mà ngồi.

Việc kính biếu

Điều thứ 23: Khi xuân (...) và những ngày kỷ niệm (...) thì những người tế tự và (...) sẽ được biếu một phẩm oản; một quả chuối, còn những khi giỗ hậu (...) mà giáp nào đến lượt phải sửa lễ thì giáp ấy phải đem biếu tiên thứ chỉ lý dịch một cái chân lợn, một đĩa xôi và một quả cau.

Việc hôn lễ

Điều thứ 24: Trong làng con giai phải từ 18 tuổi, con gái từ 15 tuổi giở lên mấy được làm lễ kết hôn với nhau và khi cưới ấy thì phải tường hộ lại vào lễ giá thú và nộp (...) vào quĩ và 100 miếng giầu, những người nào ở làng khác mà đến lấy con gái làng thì nhà gái phải nộp quĩ là (...) và 100 miếng giầu.

Việc tang lễ

Điều thứ 25: Trong làng phàm có người mệnh một thì phải đến tường hộ lý đến khám xét và phát giấy khai tử thì mới được (...) hoặc mời giáp (...) đi chôn.

Phụng sao chính quyển
Nam Dư Hạ 10-8-42

HƯƠNG ƯỚC LÀNG GIÁP LỤC

Tổng Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông

Mục thứ nhất
Nói về việc tế tự

1/ Tháng Giêng lễ Nguyên Đán công dân cung lễ. Tháng Chạp ngày 30 công dân cấp cho (...) để mua mũ mã pháo vòng hương, chám nến và giầu lễ với xôi 1 cân giầu 10 khẩu, rượu 1 chai, kỳ lão thôn trưởng lễ Thần xong uống rượu ở đình.

2/ Ngày mùng 1 tháng Giêng, gà 3 con, xôi 2 cân, giầu khẩu rượu 3 chai con, lễ Thần xong kỳ lão thôn trưởng về nhà người trưởng cả uống rượu.

Lễ ở chùa Sét, oản 2 cân, rượu 3 chai con, giầu 30 khẩu, chuối 3 nải, vàng đại 3 trăm, hương 3 thẻ.

Đền Sét oản 1 cân, chuối 1 nải, vàng đại 1 trăm, hương 1 thẻ, rượu 1 chai con, giầu 10 khẩu.

Đền Mới oản 1 cân, xôi 1 cân, rượu 1 chai con, chuối 1 nải, giầu 10 khẩu, kỳ lão thôn trưởng đi lễ cả 3 nơi xong về đình uống rượu.

3/ Ngày mùng 2 tháng Giêng, gà 1 con, xôi 1 cân, rượu 1 chai con, giầu 10 khẩu. Bàn Ba đi lễ Thần xong đưa về nhà người đầu bàn cả bàn cùng uống rượu.

4/ Ngày mồng 3 tháng Giêng, gà 1 con, xôi 1 cân, rượu 1 chai con, giầu 10 khẩu. Bàn Tư đi lễ chầu xong đưa về nhà người đầu bàn cả bàn cùng uống rượu.

5/ Ngày mùng 4 tháng Giêng, người đương cai phải (...) sửa gà 5 con, xôi 5 cân, giấu 100 khẩu, rượu 5 chai con đệ ra đình đồng dân đến lễ Thần xong đưa về nhà người đương cai uống rượu, xong rồi đổi đương cai, lúc đầu nhà người đương cai mời, dâng giấu uống nước, ăn giấu xong giao các vật dụng của công dân để người đương cai mới nhận xong rồi đồng dân giải tán.

6/ Ngày mùng 7 tháng Giêng, lễ Khai Hạ, công dân cúng lễ sửa gà 3 con, xôi 2 cân, giấu 30 khẩu, rượu 3 chai con. Đồng dân lễ Thần xong đưa về nhà người đương cai uống rượu.

7/ Ngày 15 lễ Thượng Nguyên ở đình, công dân sửa lễ gà 1 con, xôi 1 cân, giấu 10 khẩu, rượu 1 chai con.

Ở chùa Sét oản 2 cân, chuối 3 nải, giấu 30 khẩu, rượu 3 chai con, đồng dân đi lễ cả hai nơi, xong rồi đưa về nhà người đương cai uống rượu.

8/ Ngày 16 lễ Thượng Nguyên ở đền Sét, thôn trưởng sửa lễ xôi, thủ, vàng, hương, giấu, rượu hết (...). Kỳ lão thôn trưởng đi lễ mẫu, xong đưa về nhà người đương cai uống rượu.

9/ Ngày 20 lễ Thượng Nguyên ở đền Mới. Đồng dân thờ vọng đức (...) Bát Hải có bơi thuyền ở cửa đền và có ngồi đồng năm ghế ở trong đền, đồng dân ra lễ mẫu xong uống rượu ở đền, chi tiêu hết (...) người đồng đền và 5 người ngồi đồng cùng chịu với nhau.

10/ Ngày 25 lễ xuân tế, đồng dân cùng lễ hết (...) sửa lễ xôi thủ giấu rượu lễ Thần xong đồng dân đưa về nhà người trưởng của đồng dân uống rượu.

11/ Tháng hai, ngày mùng 10, chùa Sét có lệ xuân tế, công dân sửa lễ oản 3 cân, chuối 3 nải, giấu 30 khẩu, rượu 3 chai con, vàng đại 3 trăm, hương 3 thẻ. (Các chuối giấu rượu vàng hương người đương cai phải mua). Kỳ lão thôn trưởng lễ xong về nhà người đương cai chia phần đồng dân thượng hạ.

12/ Tháng ba, ngày mùng 3 đến Sét tế Mẫu, công kỳ lão thôn trưởng cung lễ hết (...), sửa lễ xôi thủ, giấu rượu vàng hương, Kỳ lão thôn trưởng đi lễ xong về nhà người đương cai, kỳ lão thôn trưởng uống rượu.

13/ Ngày 15 công dân lễ cầu an, người đương cai phải (...) để sửa mũ, mã, lợn, rượu, xôi, giấu lễ và vàng hương với chuối đồng dân cúng lễ xong về nhà người đương cai uống rượu.

14/ Tháng năm, ngày mùng 5 công dân cung lễ sửa gà 3 con, xôi 2 cân, rượu 3 chai con, giấu 30 khẩu. Đồng dân lễ Đoan Ngọ xong về nhà người đương cai uống rượu.

15/ Tháng bảy, ngày 15 lễ Trung nguyên công dân cung lễ hết (...) sửa xôi thủ, giấu rượu, đồng dân lễ xong về nhà người đương cai uống rượu.

16/ Tháng tám, ngày 11 chùa Sét thu tế. Kỳ lão, thôn trưởng công dân cung lễ oản 3 cân, chuối 3 nải, giấu 30 khẩu, rượu 3 chai con, hương 3 thẻ, vàng đại 3 trăm. Các chuối giấu rượu vàng hương người đương cai phải mua). Kỳ lão thôn trưởng đi lễ xong về nhà người đương cai chia phần đồng dân thượng hạ.

17/ Ngày 11 đền Sét, thu tế kỳ lão thôn trưởng cung lễ hết (...) sửa lễ xôi thủ, giấu rượu vàng hương, đi lễ xong kỳ lão thôn trưởng về nhà người đương cai uống rượu.

18/ Lệ dân lễ Kỳ Phúc, từ ngày 13 đến ngày 16 công dân cấp (...) từ (...) để mua sáp trầm hương nến và mũ mã, ngày 13 người đương cai phải (...) để mua lợn 1 con, xôi 1 mâm và rượu 5 chai nhớn, giấu 100 khẩu đệ ra đình mời tư (...) xong, kính biếu tư văn thủ lợn 1 cái, xôi giấu 30 khẩu, rượu 1 chai nhớn, còn thời mời đồng dân về nhà người đương cai cơm rượu cỗ bàn túc dụng.

Ngày 14 lễ Thánh hiền đồng dân cung lễ xôi và oản 5 cân, mời tư văn tế Thần xong kính biếu tư văn thủ lợn 1 cái, xôi 1 cân, rượu 1 chai, giấu 30 khẩu và kính biếu các viên hương chức thứ vị, còn thừa thời đồng dân đưa về nhà người đương cai đồng dân uống rượu.

Tối hôm 14, tế xướng ca, hội tư văn cung lễ (...) phẩm, giấu rượu, lễ Thần xong, đồng dân uống rượu ở đình, để trông coi về việc (...) thờ hát, 1 tối số tiền hết (...) do hội tư văn giả cả.

Ngày 15 lễ trung thu, đồng dân cung lễ sửa gà 3 con, xôi 2 cân, rượu 3 chai con, giấu 30 khẩu lễ Thần xong, đồng dân về nhà người

đương cai, đồng dân uống rượu. Ngày 16 lễ tạ, công dân cung lễ gà 3 con, xôi 2 cân, rượu 3 chai con, giầu 30 khẩu, lễ Thần xong về nhà người đương cai đồng dân uống rượu.

19/ Ngày 20 đến Mới, thu tế và bơi thuyền ở trước cửa đền và đồng dân ra tế đức vua Bát Hải xong rồi đến những người (...) đồng nam ngồi, đồng dân tế lễ xong uống rượu ở đền (...), do người đồng đền và những người ngồi đồng cùng chịu với nhau.

20/ Tháng chín, ngày mùng 4, lễ Thường Tân có dân cung lễ sửa gà 3 con, xôi 2 cân, rượu 3 chai con, giầu 30 khẩu, kỳ lão thôn trưởng bốn bàn lễ xong về nhà người đương cai cùng uống rượu.

21/ Tháng Chạp ngày mùng 2, lễ Chạp công dân cung lễ, sửa hết (...), sửa xôi thủ, giầu rượu lễ xong đồng dân về nhà người đương cai uống rượu.

22/ Ngày 18 lễ dâng Thần, công dân cung lễ hết (...) sửa lễ mua lợn 1 con, xôi, giầu, rượu và hương hết, lễ Thần xong về nhà người đương cai uống rượu.

23/ Những ngày sóc và ngày vọng, lễ phù tửu do kỳ lão và thôn trưởng cung lễ và đi lễ.

24/ Những ngày công dân cúng lễ có gà và xôi, oản, cùng giầu rượu thời đồng dân cùng đều chịu lần lượt như gà 1 con, giầu 10 khẩu giá tiền hết (...), như xôi hay oản 1 cân thời giá tiền đều hết (...) như phải rượu 1 chai con hết là (...), đồng dân cung lễ đồng niên gà hết 24 con, xôi và oản hết 28 cân, rượu 35 chai con.

25/ Những ngày công dân sửa lễ số tiền để mua mã tất cả cộng hết là (...), như tết Nguyên Đán (...), ngày 25 tháng Giêng (...), ngày15 tháng bảy (...), ngày 14 tháng tám và tiền cấp bàn tư (...), ngày mùng 2 tháng Chạp (...), ngày 18 tháng Chạp hết (...) đồng dân bổ đồng với nhau.

26/ Những ngày mùng 4 tháng Giêng (...), ngày 15 tháng ba (...), ngày 13 tháng tám (...) cộng là (...), đương cai phải chịu, thời đồng

dân cấp cho người đương cai được thu lấy thóc và tiền xướng tác cả đồng niên.

27/ Những kỳ tư văn hội cung lễ và tiền hát nhà trò tối ngày 14 tháng tám thời hội tư văn bỏ đóng với nhau.

Mục thứ hai
Nói về những lễ đăng kỳ lão và thôn trưởng

Trong làng cụ nào được lên ngôi cụ Thượng và ông nào được lên ngôi trưởng cả, thời đều phải sửa thủ lợn 2 cái, xôi 2 mâm, rượu 2 chai lớn, giầu 100 khẩu để ra đình lễ Thần xong, đưa 1 cái thủ lợn, xôi 1 mâm, rượu 1 chai nhớn, giầu 1 khẩu đến nhà người đương cai để kính biếu đồng dân, còn 1 thủ lợn và xôi 1 mâm, rượu 1 chai nhớn đưa để ông ấy phải (...) kỳ lão thôn trưởng bàn ba về nhà uống rượu.

30/ Người nào đến ngôi đăng thôn trưởng, thời phải sửa giầu 30 khẩu để trình với kỳ lão thôn trưởng biết rằng người ấy đã được đến ngôi thôn trưởng.

Mục thứ ba
Nói về việc hiếu

32/ Trong làng người nào bất hạnh mà chết, người nhà đưa khẩu giầu đến nhà người đương cai để mời đồng dân đến, để (...) người tống táng, phải nộp lệ dân (...) và rượu 1 chai nhớn, lúc dân đưa ma ra đồng chôn xong rồi, về nhà hiếu chủ phải đến tạ lại và nộp (...) tiền đi đường, thời những người đi không được lấy.

Mục thứ tư
Nói về việc kỷ táng

33/ Người nào ở làng khác mà đưa mộ hung táng đi chôn ở địa phận làng về đất công phải nộp lệ dân là (...) thu vào công quĩ và kỳ lão, thôn trưởng, hương hội, tuần phòng mỗi lễ là (...).

34/ Còn như cát táng thời nộp vào công quĩ (...) Kỳ lão, thôn trưởng, hương hội, tuần phòng mỗi lễ là (...), còn như để mộ ở đất tư mà hiếu chủ đã mất tiền mua đất rồi thì cũng phải trình với hương hội, lý dịch biết và phải nộp (...) công quĩ dân (...) làm công quĩ.

Mục thứ năm
Nói về việc lan nhai

35/ Trong làng người nào có con gái nhớn đến tuổi kết hôn, như lấy chồng người trong làng thời phải đưa giấu 100 khẩu, rượu 1 chai nhớn và nộp (...) vào công quĩ, còn như lấy chồng ở khác làng thời phải giấu 100 khẩu, rượu 1 chai nhớn và nộp vào công quĩ (...) công dân.

Mục thứ sáu
Nói về việc khao vọng

36/ Trong làng người nào được phẩm hàm hay được sắc và thi đỗ tự bằng thành chung giở lên và làm hương hội lý trưởng trước đã dự hội tư văn rồi thời thời phải nộp (...) vào công quĩ còn lễ vật theo như điều lệ nói ở điều thứ 37.

37/ Viên nào chưa được dự tư văn mà nay muốn khao vọng, hay ra làm lý trưởng hay hương hội thời viên ấy phải nộp vào công quĩ (...) nữa và phải sửa lễ xôi thủ giấu rượu, lễ yết Thần văn chỉ, xong kính biếu hội tư văn và phải sửa lợn 1 con, xôi 1 mâm, giấu rượu vàng hương đệ ra đình lễ Thần xong, rồi viên ấy mời đồng dân về nhà cơm rượu cỗ bàn túc dụng xong các lệ viên ấy được dự hội tư văn..

Mục thứ bẩy
Nói về việc quan

38/ Hương hội và lý trưởng có việc quan phải đi lên tỉnh, tiền lệ phí (...), xuống huyện xa phí (...) và những công việc quan hương hội và lý trưởng (...) ứng ra, đồng dân trích lấy công quĩ chi giả.

39/ Lý trưởng làm sổ đinh và đi duyệt sổ đinh đồng dân cấp tiền lộ phí (...) và tiền bút chỉ.

40/ Mỗi năm đồng dân cắt 6 người dân đinh làm tuần tráng để theo hương hội và lý trưởng sai khiến việc quan và (...).

(Bản gốc mất trang)

HƯƠNG ƯỚC LÀNG YÊN DUYÊN

Tổng Thanh Trì, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông

Chủ ý cải lương

Khoản ước của làng lưu truyền từ xưa hoặc chỉ khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy cần nên cải lương, suy xét hiện tình thời nay, so sánh (...) lệ thuở trước, điều nào hại thời đổi, điều nào lợi thời theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giầu, dân làng có trật tự, sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà cải bổ thêm.

Phần thứ nhất
Chính trị
Bổ sưu thuế nhà nước

Điều thứ 1: Khi lý trưởng tiếp quan phát bài chỉ thuế về thời phải tường chánh hương hội họp các tộc biểu lại mà bổ thuế.

Điều thứ 2: Sưu thuế đã có ngạch của nhà nước hương hội cứ theo trong chỉ bài mà chiếu bổ không được chia đàn anh hay đàn em, ruộng nội canh hay phụ canh mà bổ nhiều hay bổ ít.

Điều thứ 3: Trong sổ bổ phải biên rõ bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu sưu đinh thành bao nhiêu tiền không được hàm hồ.

Điều thứ 4: Khi bổ xong thì lý, phó trưởng người nào việc ấy phải hành thu đem vào kho bạc.

Thu tiền gì cũng phải biên nhận số tiền vào tờ phái lai ấy lấy ở quyển phái lai nhà nước phát, trong sổ bổ kê những khoản gì thì tờ phái lai ấy cũng phải kê như thế.

Điều thứ 5: Những người nào thiếu sưu thời lý trưởng phải trình quan cứu xử.

Điều thứ 6: Ngày hội bổ thuế cấm hương hội không được bầy ăn uống để làng phải đóng góp nặng thêm.

Sự kiện cáo

Điều thứ 7: Trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay thương sự trước hết phải trình hương hội hòa giải.

Điều thứ 8: Khi chánh hương hội tiếp ai trình thì phải mở hội đồng lấy lẽ chính đáng và lòng thành thực hòa giải cho hai bên, nếu hòa giải xong thời phải lập biên bản trình quan sở tại vào sổ hòa giải.

Điều thứ 9: Nếu việc hòa giải không xong hương hội vì nguyên bị mà phải đi làm chứng trước tòa án thời người thua kiện phải chịu phí tổn.

Điều thứ 10: Những việc hình sự dù không có phép hòa giải nhưng những người có việc cũng phải trình hương hội biết.

Điều thứ 11: Hương hội xét hỏi việc duyên cớ hình sự phát ra làm biên bản trình quan, không được đòi ăn uống hay là để cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Việc canh trong làng

Điều thứ 12: Canh phòng để giữ tính mệnh và tài sản chung của làng, người làng tự 20 tuổi đến 50 tuổi đều phải chịu trách nhiệm canh phòng: trừ ra những người hiện đang làm việc các sở, người chức sắc, khoa mục, người đang đi học các trường và người có bệnh tật, thì mấy không phải đi canh, người nào đi vắng hoặc mắc việc không canh được, thời có thể nhờ bà con bạn hữu canh thay hoặc nộp cho làng (...) để làng thuê người canh thay cho.

Điều thứ 13: Những người đi lính đã mua nhiêu (...) rồi khi đến lượt đi tuần thời cũng phải trừ như người: kỳ mục; người nào đi lính mà không mua nhiêu (...) thời phải nộp vào quĩ (...) thời cũng được trừ như người kỳ mục vậy.

Điều thứ 14: Những người đi tuần chia làm ba ban mỗi ban canh 1 năm. Mỗi ban bầu trong ban một người (...) đốc canh, khi trong làng có cướp phát thì tất cả các ban canh nghe động hiệu phải đến cứu ngay với ban đương thứ.

Điều thứ 15: Những khi giới để canh của ai người ấy phải ra khắc tên vào, người nào nhà nghèo không thể sắm (...) thời trích tiền công sắm cho, hết hạn canh phải giả làng.

Điều thứ 16: Làng phải lập điếm canh, tiền phí tổn lập điếm làng trích tiền công để chi.

Điều thứ 17: Người đứng đầu ban canh cứ gần tối phải nổi hiệu trống mõ gọi các người trong ban ra điếm, ai có phương trở bận, mượn người canh thay, nếu bỏ không canh thời hai lần đầu (...) lần hương hội (...) lần thứ ba thì sẽ trình quan xét nghị.

Điều thứ 18: Ban canh nào đến lượt đi tuần thì phải đi tuần luôn quanh trong làng để cho cướp khỏi vào.

Điều thứ 19: Ai bắt được một đứa trộm thì làng thưởng (...) bắt được một đứa cướp làng thưởng (...).

Điều thứ 20: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng, như trong làng có người mất trộm, cướp mà tuần phiên không bắt được đứa phạm, thời phải chiếu giá đã mất mà đền cho sự chủ, khi cướp phá, tuần đã hết sức kháng cự mà không thể giữ được thời không phải đền.

Điều thứ 21: Lý phó trưởng thường phải kiểm soát những người lạ mặt vào làng nếu thấy người nào không có thẻ tùy thân hay là căn cước đáng ngờ thời phải bắt giải quan xét.

Điều thứ 22: Người nào ăn trộm ngô đậu các thức vật hoa màu ở làng cùng đồng bãi, tuần hay là người nào bắt được tang vật nhiều ít

mặc lòng đem về tường trình hội đồng lập biên bản trình quan xét xử và hội đồng có thể cấm không được dự hương ẩm từ một tháng cho đến 1 năm và rút ngôi xuống 3 bản.

Canh ngoài đồng

Điều thứ 23: Làng cử một người trương tuần và ít ra là 30 người tuần tráng để trông coi đồng điền.

Điều thứ 24: Tuần tráng thời cứ cắt những người mạnh khỏe.

Điều thứ 25: Tư cách trương tuần và tuần tráng là người mạnh bạo, thực thà và có gia sản người nào mang tiếng bất hảo thời không được làm.

Điều thứ 26: Trương tuần và tuần tráng phải theo quyền phép của hương lý.

Điều thứ 27: Tuần coi các đường khuyến nông của làng, thấy ai làm hủy tổn thời phải tường hương hội xét thực phạt từ (...) đến (...).

Điều thứ 28: Tuần coi việc giữ nước và thảo nước những khi nên giữ nên thảo phải hỏi ý kiến hương hội không được tự quyết.

Điều thứ 29: Những người thảo nước đơm cá làm ruộng bị cạn thời tuần phải bắt giải ngay hương hội xét phạt từ (...) đến (...) nếu tuần dung túng để nước ruộng cạn thời hội đồng bắt phạt tiền như người tội phạm.

Điều thứ 30: Lúa má hoa mầu ngoài đồng tuần phải canh giữ cho cẩn thận mất đâu tuần phải chịu nguyên giá mà đền.

Điều thứ 31: Làng cho tuần lấy lúa sương không kể nội canh hay phụ canh đều đồng niên mỗi sào là hai lượm tức là 4 gối, còn ở ngoài châu thổ thời mỗi phần (...) là (...) tiền ấy lấy cấp cho tuần về tháng Chạp do tuần đi thu.

Điều thứ 32: Hương mục làm việc 3 năm liền được (...) thời làng cho ngồi kỳ mục cũng như là phó lý, không làm hết bổn phận thời phải bãi chức, đã bãi chức thời mất ngôi hương mục.

Sự cứu cấp

Điều thứ 33: Gặp lúc cần kíp như là hỏa tai cướp bóc hay là đê sạt, trừ ra những người 60 tuổi và người yếu đuối còn người làng nghe hiệu đều phải lập tức đến cứu nếu ai biếng nhác không đến cứu hương hội xét thực phạt từ (...) đến (...)

Điều thứ 34: Ai vì sự cứu cấp mà bị thương làng cấp tiền chữa thuốc, trọng thương thành tật làng cho ngôi hương mục, bị thương đến nỗi chết làng cấp tiền tuất cho (...) và cả làng đưa ma.

Sự vệ sinh

Điều thứ 35: Muốn cho người làng được mạnh khỏe cần phải theo phép vệ sinh một là phòng bệnh hai là chữa bệnh.

Điều thứ 36: Hương hội thường bảo người làng phải giữ nhà riêng và đường chung cho sạch sẽ.

Điều thứ 37: Cấm không ai được vất uế vật ra ngoài đường và làm nhà xí bên đường, ai phạm cấm hội đồng phạt (...).

Điều thứ 38: Các giếng nước ăn phải tìm cách giữ gìn cho được trong sạch, những sự phí tổn về sửa giếng dân trích tiền công để chi.

Điều thứ 39: Khi trong làng phát ra chính bệnh có thể truyền nhiễm, lý trưởng phải trình quan ngay tìm thày thuốc để chữa.

Điều thứ 40: Trong làng có ai mắc phải bệnh hủi, lý trưởng phải trình quan khám thực đem ra dưỡng tế, không được vị nể mà để ở trong làng.

Điều thứ 41: Những đồ dùng của người ốm, người chết cấm không được vứt xuống hồ ao ai phạm cấm phạt (...) lại cấm không được làm chuồng lợn hay chuồng tiêu ở bên cạnh hồ ao hay là những chỗ dơ bẩn có thể đổ xuống hồ ao được.

Sự sửa sang đường sá, cầu cống và đê điều

Điều thứ 42: Làng cử lý, phó trưởng để trông nom đường sá cầu cống và đê điều thấy nơi nào hủy hỏng phải trình hương hội để sửa

lại đến như đê điều thì lý, phó trưởng phải coi sóc đừng để cho người và súc vật làm hư hại đến đê, đừng để cho người ta cày cấy và giồng giọt gì ở đấy và phải giữ cho đê lúc nào cũng được tốt, khi có chỗ nào hư hỏng nhiều mà cần phải nhà nước tu bổ mấy được thời lý, phó trưởng tường sưu thuế trình quan.

Điều thứ 43: Ai vì lợi riêng mà làm hư hỏng đến đường sá cầu cống chung của làng thời phải bồi thường và phải phạt từ (...) đến (...).

Điều thứ 44: Ai cần tháo nước qua đường trước phải xin phép hương hội tháo xong lại phải đắp lại đẹp đẽ như cũ.

Việc về nông

Điều thứ 45: Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khơi sâu các ngòi lạch chứa nước cho tiện ruộng, mỗi năm cứ tháng 11 hay là tháng 12 hội đồng cho rao mõ các chủ ruộng gần ngòi phải khơi ngòi ấy lấy bùn đổ vào ruộng mà bón.

Điều thứ 46: Cấm không ai được phát cỏ bờ ruộng mà lại không đắp lại để bờ lở dần đi ai phạm hương hội phạt (...).

Điều thứ 47: Nếu hương hội không cho phép thì cấm không ai được đắp đập qua ngòi mà đơm cá khiến cho nước không thông, ai phạm hương hội phạt (...) cấm không được giồng giọt (lúa khoai lang, khoai sọ v.v...) ở bên trong bờ sông ngòi để sông ngòi dễ úng tắc ai không tuân phạt từ (...) đến (...).

Điều thứ 48: Cấm chăn trâu bò bờ ruộng khi lúa đã tốt ai phạm hương hội phạt (...), nếu trâu bò ăn lúa của người ta phải đền.

Điều thứ 49: Cấm chăn vịt nhiều ngoài đồng khi đã gieo mạ (...) và cấy lúa ai phạm hương hội phạt (...), nếu vịt phá lúa mạ phải đền nữa.

Các của công

Điều thứ 50: Đã gọi là của chung của làng thời người trong làng ai cũng phải có nghĩa vụ phải giữ nếu ai làm tổn hại thời phải bồi thường.

Điều thứ 51: Cấm không ai được tự tiện vay mượn cầm cố bán chác của công làng xã mà không có phép quan trên cho.

Những tờ giao kèo về của công làng không có chữ quan trên ý cho thì dẫu có lý trưởng ấp triện thì cũng không can thiệp gì đến làng cả, chỉ những người có tên ký ở đấy là phải chịu trách nhiệm riêng mà thôi, thế lệ ấy mang thi hành về việc phải quốc (...) của công dân. Khi có việc phải đi kiện cáo thì dẫu làng là bên nguyên hay bên bị cũng phải có lệnh của quan trên cho phép rồi mới được đi.

Việc cầm bán công điền hay công thổ đáng lẽ cứ chiểu theo luật lệ của nhà nước thì cấm hẳn, nhưng quan trên cũng có thể đặc cách mà cho phép được. Khi làng có bán động sản hay là bán huỷ bất động sản thời hương hội phải đấu giá kín, nhưng yết thị cho mọi người đều biết trước khi đấu giá 10 ngày.

Điều thứ 52: Ai muốn đấu giá cao thì được nhưng hương hội phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Trừ gian lậu

Điều thứ 53: Những điều chính phủ đã có lệnh cấm như rượu lậu, thuốc phiện lậu và mở sòng gá bạc lấy hồ, thời sưu thuế, lý dịch phải khám xét luôn trong làng để trừ gian lậu.

Điều thứ 54: Ai được hương hội đã bảo trước mà còn có ý phạm cấm thời hương hội, lý dịch bắt tang vật giải lên quan trừng trị.

Điều thứ 55: Những người phạm ấy dù quan chiểu luật trị tội nhưng mất phong thể làng thời hương hội phạt không được dự đình trung tế tự trong một tháng đến 1 năm.

Sự giao thiệp

Điều thứ 56: Theo thói quê khi có quan trên đến làng chỉ có phó lý trưởng đương thứ ra tiếp, nếu đi vắng thời quan khách không biết hỏi ai, như thế thì không tiện, nay đính rằng các việc ấy thì cả các người tộc biểu cũng phải ứng tiếp nữa.

Điều thứ 57: Không cứ quan Tây hay quan ta nếu có đến làng thời phải đi báo các người hội đồng tộc biểu và lý dịch các người ấy phải lấy lễ nghi chính đáng mà tiếp đãi tại công sở, nếu các quan muốn khám xét nhà nào thời phải dẫn khám. Khi khám nếu có sự gì ngăn trở thì phải giữ gìn cho được ổn thỏa, khi ở trong địa giới có ai phải ốm đau tai nạn gì thời hương hội nghe tin báo phải đến tận nơi liệu phương kế mà cứu cấp ngay.

Sự học hành và giáo dục

Điều thứ 58: Bổn phận cha mẹ phải cho con đi học vậy khi làng có đủ tiền mà làm nhà trường cho trẻ con đến học.

Điều thứ 59: Tiền chi phí về việc học và cấp lương cho thầy giáo sẽ lấy tiền công của dân, trẻ con lên 6 tuổi mới cho đi học.

Điều thứ 60: Khi nào nhà trường làm đã xong rồi thời làng đó phải để ra một món tiền để mua bút sách vở cho con nhà nghèo.

Ngụ cư và ký táng

Điều thứ 61: Làng chỉ cho người có căn cước minh bạch và có nghề nghiệp chính đáng ngụ cư ở trong làng mà thôi.

Điều thứ 62: Trừ ra những người ngụ cư tạm thời còn những người có gia sản ở làng thời phải chịu trách nhiệm canh phòng với làng, ai ký táng ở đồng điền của làng đi mua đất của ai cũng phải trình hương hội biết và phải nộp tiền kiểm cố cho làng là (...).

Phần thứ hai
Sự quân cấp điền thổ
Phong tục

Điều thứ 63: Việc quân cấp điền trong làng cứ 3 năm một lần đổi trương quân điền thổ thời lý dịch hội đồng kỳ mục đồng dân hội lại làm sổ quân điền thổ, (...) châu thổ tính được bao nhiêu đất phải tính chia cho đều, ai được bao nhiêu phần đất sào thước đất phải biên vào sổ quân điền thổ cho minh bạch, rồi hội đồng làm biên bản trình

quan còn thứ trị ăn phần đất thì chia phần đất ra làm (...) giải: một giải là bô cả đứng đầu hễ người (...) cả tức là người nhiều tuổi nhất làng bắt phần đất về đồi nào, thì bao nhiêu bô lão hàng phiên, rồi đến giai hạng đều phải theo mà ăn về đồi ấy thế mới được bắt sang đồi khác, một giải là tiên chỉ đứng đầu hễ người tiên chỉ tức là người phẩm hàm cao nhất làng bắt phần đất về đồi nào, thì bao nhiêu người kỳ mục xã mại tư văn đều phải theo mà ăn về đồi ấy, hết đồi ấy rồi mấy ăn sang đồi khác, duy có (...) tư văn ăn theo về giải người tiên chỉ thời bao giờ cũng hơn người giai hạng theo về giải người bô cả, cho nên hễ khi nào đồi đất người tiên chỉ bắt trước nhất chưa đủ phần cho các tư văn, mà đồi đất người bô cả ăn đến hết hàng phiên mà còn thừa phần đất thì giai hạng phải nhường cho những người tư văn còn thiếu phần bắt theo (...) sang liền với (...) hàng phiên đã rồi mới đến giai hang ăn theo, trong hai giải này thì lấy người bô cả làm hơn, người nào hợp tư cách về hai giải thì cũng chỉ ăn một phần đất thôi nhưng muốn ăn theo về giải nào thì tùy ý người ấy.

Phần đất của làng có đồi 9 và đồi 10 đất xấu quá nếu quân cấp thì ai nhận phần nào 2 đồi ấy xã phải thiệt riêng. Vậy 2 đồi ấy thì không đem quân cấp sẽ chiểu đinh số mà chia về các giáp để cho các giáp tùy tiện sinh lợi, khi chưa đến khóa quân cấp mà trong làng có ai quá cố đi thì phần đất người ấy cứ để cho vợ con hay người thừa tự được ăn cho hết khóa, mà vợ con hay người thừa tự người ấy phải chịu thuế phần đất ấy như thuế các phần đất khác.

Tế tự

Điều thứ 64: Việc tế tự đình trung cứ ông thủ chỉ vào (...) bái và tả văn còn kỳ mục quan viên y mạo (...) chỉnh khiết vào tế xong rồi thời biếu ông thủ chỉ 1 miếng giầu thờ, nếu ai sơ suất việc tế dân bắt phạt 100 miếng giầu cho nghiêm lễ.

Điều thứ 65: Ngày mồng 7 tháng Giêng, 6 ông lên lão mỗi ông (...) con gà, mâm xôi, cơi giầu thờ, chai rượu đưa ra đình làm lễ kiến trang xong (...) bàn và kỳ mục thụ phúc.

Điều thứ 66: Ngày Rằm tháng 2 thế thọ 6 ông lên lão, mỗi ông phải sửa 1 nén thịt lợn và một nén xôi, một chai rượu đem ra đình tế xong thời thượng hạ (...) và lý phó trưởng ăn uống, 6 ông ấy phải mua 4 đôi chiếu cho dân và mỗi ông phải nộp tiền làm mã là (...) năm đồng bạc.

Điều thứ 67: Tháng 2 ngày Kỳ Phúc 6 giáp phải sửa xôi lợn đem ra đình tế xong rồi giáp nào giáp ấy đem về công giáp ăn uống.

Điều thứ 68: Ngày mồng 3 tháng 3 tế Thiên địa thời 6 giáp phải sửa xôi lợn và mũ mã đem ra đình nghè tế xong rồi giáp nào giáp ấy đem về công giáp ăn uống.

Điều thứ 69: Ngày mồng 1 tháng tư, lễ Kỳ Yên tài mã và đồ vật hết bao nhiêu thời 6 giáp phải trích tiền ra tu lễ.

Điều thứ 70: Ngày 24 tháng tư là ngày kỷ niệm ở miếu thượng thời 6 giáp sửa lễ.

Điều thứ 71: Tháng tám ngày Kỳ Phúc cử lý phó trưởng phải sửa 1 mâm xôi con gà, 1 chai rượu, cơi giấu thờ và (...) nộp quĩ, lễ xong kỳ mục và 6 bàn ăn uống lý phó trưởng (...) phải trồng trong ba năm mỗi năm là (...) mà thôi.

Điều thứ 72: Ngày rằm tháng tám kỷ niệm đức vua bà bơi chải trong ba ngày tu lễ và số tiền giải bơi sau giáp phải sửa.

Điều thứ 73: Ở trong làng ai đã mua được xã, tư văn đồng dân là (...) để sung công quĩ thời dân lánh trừ cho đê điều tạp dịch.

Hôn lễ

Điều thứ 74: Tiền lan nhai không cứ nội ngoại đều phải nộp (...), nhưng cheo ngoại phải nộp thêm tiền phù trà lá (...) nữa tiền cheo ấy phải nộp công dân (...) giáp, (...) xóm, (...) nộp tiền phải lấy giấy phái lại đều phải nộp trước khi cưới, lúc cưới xong rồi phải tường hộ lại vào sổ giá thú, nhà nào có đám cưới cấm không được chăng dây, đóng cổng làm ngăn trở người ta nếu không tuân thời hương hội phạt (...).

Tang lễ

Điều thứ 75: Tang lễ chia làm 4 hạng 1 nộp lệ (...) hạng nhì (...), hạng ba nộp (...) hạng tư nộp (...) cấm không được ăn uống nữa.

Điều thứ 76: Những tiền chiết can ấy phải lấy phái lai của giáp người đương sự phải tường hộ lai vào sổ tử.

Điều thứ 77: Người ở giáp nào thời đô tùy ở giáp ấy hay xóm ấy, nhưng phi tổn đãi đô tùy thời tùy lòng hiếu chủ.

Khao vọng

Điều thứ 78: Ai đỗ cử nhân, tú tài Tây, Nam, phẩm hàm chức sắc tổng lý chia làm ba hạng cử nhân cùng người lục phẩm giở lên chiết tiền khao vọng lấy (...) dân mừng 1 đôi câu đối vóc và 1 buồng cau, tự thất phẩm đến cửu phẩm dân lấy chiết can (...) dân mừng 1 đôi câu đối vải đỏ, 1 buồng cau khi có việc được ngồi chiếu chức sắc. Dân có (...) thần thời dân biếu mỗi người 1 miếng giầu thờ.

Điều thứ 79: Ai làm chánh phó tổng chưa có phẩm hàm cũng khao như người thất phẩm giở xuống.

Điều thứ 80: Ai làm lý, phó hương mục khi có bằng thời dân chiết can lấy (...), mãn lễ 3 năm mấy được trừ dịch thời được ngồi chiếu kỳ mục. Ai phải cách bãi hay can phạt trị tội thì mất cả (...) kỳ mục.

Điều thứ 81: Những người kỳ mục chức sắc mà có phẩm hàm chỉ nộp tiền chiết can 1 lần mà thôi.

Thứ vị

Điều thứ 82: Ai đến ngôi lên lão thì phải theo tục lệ riêng của hàng bô.

Điều thứ 83: Còn các hạng lính điền thế cứ theo thứ vị cũ mà (...) còn như lính tình nguyện phải nộp (...) thì mới được trừ các tạp dịch trong làng nếu không nộp thì không được trừ.

Điều thứ 84: Trong làng ai trái những khoản ước thời hội đồng tùy ý nhẹ nặng mà bắt phạt từ (...) đến (...) hoặc không cho tế tự và dự đình trung 1 tháng đến 2 năm hoặc truất ngôi xuống 1 bàn đến bà bàn nếu không tuân hội đồng chiểu luật trinh quan nghĩ trị...

HƯƠNG ƯỚC LÀNG PHÁP VÂN

Huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông

Chương thứ nhất
Việc chính trị

Điều thứ 1: Việc bầu hội đồng tộc biểu (...) dịch thì theo như nghị định của nhà nước.

Điều thứ 2: Làng cấp lương cho lý trưởng mỗi năm là hai mươi đồng bạc (...)

Điều thứ 3: Làng bầu một người hương trưởng làm quản đốc bọn tuần tráng, trông nom việc (...) và việc khoán hộ, coi sóc đường sá, cầu cống sông ngòi, đường hỏa xa và cột dây thép thì sẽ được một năm là một mẫu ruộng năm sào ruộng công (...)

Điều thứ 4: Tiền lộ phí cấp cho hương (...) quan khi lên tỉnh xuống huyện. Lên tỉnh thì được lộ phí 0,50$, xuống huyện thì được lộ phí bốn hào. Tiền lộ phí này có giấy quan đòi mới được lĩnh.

Điều thứ 5: Khi lý trưởng nhận được bài chỉ phải đem trình chánh hương hội, hội họp hương lý lại để bổ, lý trưởng cứ theo như (...) của làng mà thu nộp kho bạc.

Điều thứ 6: Dân trong làng khi thưa kiện nhau về việc dân sự thương sự thì phải (...) hương hội hoà giải trước, nếu hòa giải không xong mà quan phải đòi hương hội làm chứng chỉ bên nào thua thì phải chịu cái tiền phí tổn.

Điều thứ 7: Canh phòng trừ các hạng chức (...) khoa mục các quan viên làm việc nhà nước các người làm việc dân được miễn lệ làng, các người đi linh được đủ hạn nhà nước và những người ít tuổi, còn dân từ 18 tuổi cho đến hết năm 35 tuổi là phó canh cả, người nào đến lượt đi tuần mà không ở làng thì phải trình hương lý biết, nếu không có người đi thay phải nộp một món tiền 8,00$ bạc một năm.

Điều thứ 8: Tuần đinh thì chia ra làm hai, cứ lần lượt thay đổi nhau mà canh (Tuần phòng trong một năm, một khi có trộm cướp nghe hiệu lệnh thì ban nghỉ cũng phải ra giúp ban canh (Tuần đinh phải sắm lấy vật liệu để phòng).

Điều thứ 9: Tuần đinh phải canh phòng trong làng ngoài đồng, đê điều để tráng dịch và chấp thủy phòng thủy mỗi năm dân cấp cho lúa (...) đồng hênh, nếu ban nào (...) không chịu làm hết bổn phận ở trên thì hương hội sẽ phạt giảm lương ấy.

Điều thứ 10: Cứu cấp. Những lúc cần kíp hỏa tai, trộm cướp, vỡ đê, chỉ trừ những người từ (...) mọi người nghe hiệu là phải đi, ai không đến thì phạt từ 0,20$ đến (....), ai bị thương nặng thành tật thì được ngôi, nếu bất hạnh chết đi thì gia quyến được (...) đồng bạc của dân trợ cấp cho và cả làng đi đưa đám ma.

Điều thứ 11: Vệ sinh, cửa nhà đường sạch sẽ không ai được đổ rác phóng uế ra, trái lệnh này thì phải phạt 0,20$, giếng nước ăn giữ cho sạch sẽ, tốn kém làng chịu.

Điều thứ 12: Của công.

Của công làng tức là của cả người trong làng thì nghĩa vụ dân phải giữ gìn làng, không được làm hư hại, không ai được cầm cố ruộng đất công nếu khi nào cần có việc công tiêu phải có phép quan trên cho thì mới cầm cố được.

Điều thứ 13: Xét gian lậu.

Hương hội thời thường khám xét trong làng luôn để trừ những việc quốc cấm như rượu, thuốc phiện lậu, sòng cờ hoặc ai không

nghe lệnh thì hương lý bắt cả người và tang vật làm biên bản giải trình quan.

Điều thứ 14: Hễ trong làng ai mà ăn trộm cướp có tang chứng hẳn hoi thì hương lý giải trình quan trên xét xử, người ấy phải ăn giam tù thì lại sẽ không cho dự đình trung tế tự, một hạn là 3 năm về những người can tội ăn trộm thì sẽ không được đến đình trung tế tự một hạn là sáu tháng.

Điều thứ 15: Ai ở trong làng mà ăn cắp buồng cau, nải chuối hay con gà con vịt mà bắt được quả tang thì giải trình quan. Khi quan đã làm án phạt người ấy rồi thì về làng không cho người ấy dự tiệc làng trong sáu tháng.

Điều thứ 16: Ai mà thông gian cưỡng gian, bắt được quả tang thì hương hội sẽ làm biên bản giải trình quan.

Điều thứ 17: Sự giao thiệp khi nào có quan trên đến làng, có việc gì thì hương lý phải nghênh tiếp theo nghi lễ chính đáng tại công sở.

Điều thứ 18: Quan trên muốn khám xét nhà nào, lý phải hướng dẫn có điều gì ngăn trở phải giữ gìn ổn thỏa.

Điều thứ 19: Ngụ cư.

Ai muốn đến ngụ cư ở làng có căn cước rành mạch và phải có nghề nghiệp làm ăn, chỉ trừ người nào ở tạm thời mà thôi còn cứ người nào có gia sản trong làng là phải (...)

Điều thứ 20: Còn những người ngụ cư trong làng mà sau muốn xin đóng góp với làng, thì phải báo cho hương lý biết để xét thực có bằng lòng thì phải sung vào công quĩ 2,00$, một trăm khẩu giầu có một chai rượu và phải đến trình trước lý trưởng.

Điều thứ 21: Ký táng.

Ai ký táng mồ mả ở làng nếu để vào ruộng đất tư thì phải trình hương lý dịch và phải nộp vào công quĩ dân, hung táng thì mỗi một ngôi là bốn đồng bạc, nếu để ruộng đất công thì cũng phải trình chịu như lệ và phải thêm một chai rượu và một trăm khẩu giầu để chiếu

dân đình. Chỉ trừ ra những gò đống thì phải nói với hương hội lý dịch có bằng lòng cho để mới được.

Điều thứ 22: Nếu khi có người chết đường thuốc về chỗ làng mà không có người thừa nhận thì sau khi tường trình quan sở tại khám xét thì hương hội trích tiền công quĩ ra mà chi phí tổn về việc chôn cất cho người ấy.

Điều thứ 23: Lúa sương túc của làng thì nội canh hay phụ canh mỗi sào 2 lượm mỗi lượm lúa tức là 3 gồi mà phải ra 2 lượm tức là sáu gồi.

Điều thứ 24: Quân cấp điền thổ: Trong làng có 52 mẫu 9 thước ruộng trích ra 4 mẫu 6 sào để về hương lão cùng tiên hiền, trích ra 8 mẫu 8 sào để vào thầy tư, trích 1 mẫu 8 sào 6 thước để về giáp giáo, trích ra 3 sào 5 thước để thôn trưởng lương dân làm lễ xôi mới, còn 3 mẫu 2 sào ruộng để quân dân đình lương giáo.

Điều thứ 25: Dân có một cái đầm ruộng rộng 22 mẫu 5 sào 11 thước thì hương hội phải đem bán đấu thầu để lấy tiền sung công quĩ lương giáo.

Điều thứ 26: Hễ ai đến 18 tuổi thì phải đem một cơi giầu đến tường trình hương hội biết để hương hội cấp ruộng kỷ phần cho.

Chương thứ hai

Tục lệ chương lương dân

Điều thứ 27: Tiền cheo cho con gái lấy chồng làng nộp cheo cho dân 2,00$, một chai rượu và một trăm khẩu giầu, hễ lấy chồng ngoài thì phải nộp 100,00$ nữa.

Điều thứ 28: Tiền hiếu.

Hễ trong làng có ai trăm tuổi thì phải nộp 1 trăm khẩu giầu và 1 chai rượu.

Điều thứ 29: Khao vọng.

Những người làm việc trong làng như chánh phó tổng lý trưởng, chánh hộ lại, trưởng ba và thư ký có đỗ bằng thư ký làng được đủ hạn

sáu năm là được vọng vào tư văn đến khi nào được phẩm hàm lại phải vọng nữa mới được ngồi chân chức sắc. Còn như hơn thì chiểu theo thứ tự trên dưới như tùng văn giai thì đối làm chánh cửu phẩm đội, nhưng chánh cửu phẩm văn giai còn như trướng văn phải người tùng cửu phẩm văn giai còn như chức chánh phó tổng rồi đến lý trưởng chánh hội chánh hộ lại, trưởng bạ, thư ký, hương trưởng binh rồi đến hàng nhiêu xã, nhưng lính đủ hạn nhà nước mới được khao vọng. Khao vọng là phải làm cỗ mời dân từ 18 tuổi đến (...).

Điều thứ 30: Lương dân ai đến 35 tuổi thì phải nộp mỗi lương dân một số tiền là 1,20 đồng, 12 quả cau và một bánh pháo, ai đến 18 tuổi nộp mỗi lương dân 1,00$, một chai rượu, một cơi giầu.

Điều thứ 31: Lương dân ai đến 49 tuổi thì phải nộp mỗi lương dân một số tiền là (...) 1 chai rượu và 1 bánh pháo.

Điều thứ 32: Các khoản tiền ở điều thứ 30 và lý lịch thôn trưởng lương dân thu lấy để chi tiêu sửa sang đình chùa.

Điều thứ 33: Lương dân ai đến 50 tuổi thì phải nộp mỗi lương dân một trăm khẩu giầu và một chai rượu.

Điều thứ 34: Cả lương giáo ai đến 60 tuổi thì sửa lễ thần và thảo bản mời dân, để biếu một (...) và dân gánh suất sưu năm ấy. Còn như người nào bất hạnh chết đi sau khi dân đã duyệt sổ đinh dân cũng trợ cấp cho tiền sưu năm ấy.

Điều thứ 35: Những người chức dịch người nào làm việc có sửa lễ thần kinh dân thì mới được dự lễ những ngày sóc vọng ở trên đình.

Điều thứ 36: Về việc đình chùa tháng hai tháng tám thì người từ 18 tuổi đến 35 tuổi là phải dọn đồ thờ tế lễ và canh đình khi việc làng, nếu ai ngăn trở việc ấy thì sẽ phạt từ 0,20$ đến 0,50$, ai không nghe sẽ giải trình chỉ trừ những người làm việc dân thôi.

Điều thứ 37: Khi việc làng như tế lễ ở trên đình thì ban hương hội sẽ có quyền trừng phạt, nếu ai ngăn trở sự thần hay nói càn dở ở trên đình điều gì, hội đồng đã bảo ban mà không nghe thì phải phạt tiền tới 0,20$, nếu cương không nghe thì hương lý lập biên bản trình quan.

Điều thứ 38: Ở làng ai vô cớ kêu làng nước, động đến lý dịch tuần phiên làm huyên náo trong làng thì phải phạt từ 0,20$ đến sáu hào.

Điều thứ 39: Nếu ai chửi đổng ở trong làng thì sẽ phải phạt từ 0,50$ đến 1,00$, ai không chịu tiền phạt sẽ trình quan.

Nay lập hương ước.

Phụng sao Le lý trưởng

HƯƠNG ƯỚC LÀNG GIÁP NHẤT

Tổng Khương Đình, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông

Điều thứ 1: Tiên chỉ ngồi chiếu thứ nhất, văn thời tiến sĩ, võ tạo sĩ khoa mục mới được ăn tiên chỉ, khi ông tiên chỉ vắng mặt, tất cả đồng dân bàn định việc gì thì sau cũng phải trình ông tiên chỉ biết mà ngồi. Tiên chỉ thì phải có đồng dân thỏa thuận làm giấy suy cử lên mới được.

Điều thứ 2: Hương soát ngồi chiếu thứ hai, thì hai ông ngồi một chiếu, cứ đến bảy mươi tuổi (...) phải sửa lễ thánh, trình dân biết sau mới được ngồi chiếu ấy khi sửa lễ lại.

Một mâm xôi, một cái mặt lợn hai chai rượu, hai mươi khẩu giầu lễ, ba mươi khẩu giầu tạ. Có việc gì cần đến, đồng dân thỏa thuận tả đơn bán, thì phải nộp là 15,00$ (.....) cũng được dự theo các ông đã đến tuổi khước lễ rồi. Nếu đến tuổi này mà không sửa lễ, hoặc dân không bán cũng không được ngồi.

Điều thứ 3: Hương lão ngồi chiếu thứ ba, ba ông ngồi một chiếu cứ đến năm mươi tuổi dĩ thượng phải sửa lễ Thánh, trình dân cũng theo như điều lệ thứ hai đã nói trên, thì ban nào theo ban ấy mà ngồi ai cao phẩm ngồi trên, ai thấp phẩm ngồi dưới, tùy theo thứ tự mà ngồi.

Điều thứ 4: Ngồi chiếu thứ tư thì bốn người ngồi một chiếu, từ bốn mươi chín tuổi dĩ hạ; khi có sắc với dân mới được ngồi, sửa lễ cũng theo như điều thứ hai, thứ ba đã nói ở trên... Cứ bốn người một chiếu, ai cao phẩm ngồi trên, ai thấp phẩm ngồi dưới, lý trưởng và

nhiều chức dịch cũng được dự vào ban này. Nếu ai có sắc phẩm mà không sửa lễ Thành trinh dân, thời không được ngồi.

Điều thứ 5: Ngồi chiếu thứ năm, giai đình từ bốn mươi chín tuổi, 49 dĩ hạ, cứ bốn người ngồi một chiếu, ai nhiều tuổi ngồi trên, ai ít tuổi ngồi dưới.

Điều thứ 6: Ngồi chiếu thứ sáu giai đình dưới mười tám tuổi, bốn người ngồi một chiếu, ai nhiều tuổi ngồi trên ai ít tuổi ngồi dưới.

Điều thứ 7: Khi đại Kỳ Phúc hoặc có tiệc gì, hễ mổ trâu, bò hay lợn, thời cái thủ lợn chia ba; ông tiên chỉ một phần, các quan viên tế một phần, còn một phần chia từ bàn tư giở lên, cái nọng bàn nhì được hưởng cả; cái nắm chia ông từ, lính của dân và lý dịch, còn thần tế tác ra chia suất thương hạ. Nếu không có ông tiên chỉ, thời cái thủ chia làm hai các quan viên tế lễ một nửa, còn một nửa chia từ bàn tư giở lên, có ông tiên chỉ thời ông tiên chỉ vào chủ tế, nếu không có ông tiên chỉ thời cắt ông nhiều tuổi ở bàn nhì vào chủ tế trong khi đại Kỳ Phúc.

Điều thứ 8: Khi các ông quá cố từ bàn ba giở lên thấy trong nhà phát tang, thì ngoài dân phải cho nổi hiệu, cắt giai. Lệ cắt giai là: Hai ông chấp hiệu, hai ông thể sát trong ban ấy và mười sáu người giai, từ bốn mươi chín tuổi giở xuống cùng lý trưởng và hương trưởng phải trông coi vào việc ấy. Hễ gia chủ thấy ngoài nổi hiệu cắt giai, phải sửa hai mươi bốn gói giấu ăn, hai mươi hai cái khăn trắng quấn trên đầu, hai cái thắt lưng trắng, hai cái thắt lưng trắng thắt đủ và hai lá cờ trắng, đưa thể sát để dẹp đám. Khi an táng xong, gia chủ phải nộp lệ là 0,50$ (...) để các ông chấp hiệu, thể sát, hương lý và giai giấu nước; nhưng khăn trắng và thắt lưng trắng nói ở trên... (văn bản bỏ lửng câu). Nếu nhà hiếu chủ nào bần bách quá mà không sửa được thì dân cũng chước cho. Khi tống chung xong, thì từ ngày tống chung cho đến khi cải táng, chậm lắm là ba năm nhà hiếu chủ phải sửa một cái lễ thần ít nhất là đáng giá 3,00$ (...) ta dân, nếu ai nghèo túng quá không sửa được thời dân cũng miễn cho.

Điều thứ 9: Từ bàn tư giở xuống ông nào quá cố, thì gia chủ phải có ba mươi khẩu giầu nói với dân, thời dân mới cắt giai. Lệ cắt giai là: Hai ông chấp hiệu, hai ông thể sát. Trong ban ấy và mười sáu người giai từ 18 tuổi giở lên, cùng lý trưởng phải trông coi về việc ấy, còn các lệ khác cũng theo như điều thứ tám đã nói ở trên, nhưng phải nộp lệ là 1,00$ (.....) nói về tiền giầu nước.

Điều thứ 10: Con giai làng lấy con gái làng phải nộp lệ là 2,00$ mười bạc (....) ba mươi khẩu giầu hai chai rượu, gái làng lấy giai làng khác, phải nộp lệ là năm đồng (... và 1,00$ chiết can lệ giầu cau để cho hương trưởng còn giầu rượu cũng như trên về khoản nộp cheo.

Điều thứ 11: Ký táng vào đất công; người làng phải nộp lệ là 3,00$ (...) sửa lễ yết thần là: một mâm xôi, hai chai rượu, một cái mặt lợn, mười khẩu giầu lễ, ba mươi khẩu giầu ta khởi hành phải có giầu trình lý dịch biết, táng xong, phải sửa một đĩa xôi, một chai rượu, một cái giò lợn và mười khẩu giầu cho tuần phiên, còn người ngoài ký táng vào đất công, phải nộp lệ là năm đồng bạc (...) và 1,00$ cho tuần phiên, còn các lệ khác cũng theo như trên đã nói, lại phải đưa ông từ 0,50$ đèn hương.

Điều thứ 12: Nguyên công dân có hai mẫu tám sào ($2^{m}8$) và một cái ao cá, cứ hàng năm bán bảy vụ lấy tiền và thu các thứ lợi khác để chi tiêu về việc tế lễ các đại Kỳ Phúc tuần tiết và tu sửa vào việc nhà Thánh. Cứ đến cuối năm tính sổ hễ thiếu thời bổ vào nhân suất thương hạ ai cũng phải chịu, trước tế lễ bốn kỳ và tuần tiết đến nay cải hương giảm đi còn có hai kỳ là mười hai tháng Giêng và mồng hai tháng chín, còn các kỳ khác và tuần tiết sái lễ; chỉ sửa lễ hàn liêm mà thôi.

Điều thứ 13: Nguyên sáu sào ruộng (6 sào) chi ông từ để dầu đèn và các tuần lễ Thánh trong một năm.

Điều thứ 14: Nguyên một mẫu ruộng (1 mẫu) chi nhà chùa hương đèn và tu bổ vào việc chùa.

Điều thứ 15: Chi bút cho lý trưởng, trưởng bạ và hộ lại, bán sông Tô Lịch giang vi giới, lý trưởng được hưởng hai phần ba còn một phần ba trưởng bạ hai phần hộ lại một phần.

Điều thứ 16: Nguyên có cái chợ cả năm có một phiên hai mươi bảy tháng Chạp An Nam (27-12) họp mua bán ăn tết, thì cho tuần phiên lấy giải một xu, hai xu hay dăm xu tùy các hàng to nhỏ để giầu nước trông coi khi chợ họp.

Điều thứ 17: Những quả muỗm ở nơi thuộc đất công dân, lợi tức ấy chia làm hai phần, chi ông từ một phần còn một phần cho lý trưởng.

Điều thứ 18: Lệ tuần tráng thời ai có nóc nhà trong làng đều phải ra tuần. Hễ ai già yếu quá không ra nằm tuần được, có con nhớn hoặc thân nhân phải ra thay. Nếu không có ai ra thay được, hoặc ai vì lẽ gì làm ăn xa vắng thì phải nộp lệ là 1,00$ (...) các nóc nhà mà trích làm hai phiên cứ lần lượt mà ra, khi đến phiên nào thời phiên ấy suy cử lấy một người hương trưởng hoặc trương tuần và trông coi nội hương ấp ngoài đồng điền và thu tiền nộp cùng các bổng lợi khác để thuê người và chi tiêu vào việc công hàng phiên.

Điều thứ 19: Những nhà ở trong làng có khách lạ phải có giấu trình với hương lý để hương lý biết và đến xét xem có phải là người lương thiện không. Nếu có điều gì khả nghi thời người có khách ấy không được lưu lại trong nhà, hễ nhà nào có khách lạ, không tường với hương lý mà hương lý bắt được thời nhà ấy là chứa quân gian, xảy ra hết thảy điều gì, nhà ấy phải chịu hết trách nhiệm còn các người kiều cư, ký ngụ ở làng cứ đến tối phải ra nằm điếm với tuần để giữ những sự gian phi trong làng là vì những người ấy không có ai đón nhận.

Điều thứ 20: Khi trong làng xảy ra đạo tặc, hỏa hoạn, tuần tráng hoặc người làng ra ứng cứu, ai bắt được quân gian, dân sẽ thưởng cho một tên nhiêu nam suốt đời được trừ tạp dịch không phải đóng. Hễ bất hạnh bị thương nhẹ dân cho năm đồng bạc. Nếu bị trọng thương, dân cho 10,00$ để phục thuốc. Xảy nhỡ đến tính mệnh chết, dân cho ba mươi đồng bạc để tống táng và phải cất giai, không phải nộp lệ gì cả. Hễ có con thời cho con, không có con thời cho thân nhân người mệnh một ấy một tên nhiêu nam được trừ tạp dịch suốt đời không phải đóng.

Chúng tôi là kỳ lý hương hội và đồng dân chiểu theo bản sơ thảo hương ước, quan lớn đã chứng kiến cho dân chúng tôi truyền đọc đều nghe tại công đình làng chúng tôi. Tại ngày mồng sáu tháng năm, năm một nghìn chín trăm ba mươi tám.

Vậy xin quan lớn ban lên quan trên duyệt về cho dân chúng tôi tuân tu.

Nay lập hương ước
Đệ trình

HƯƠNG ƯỚC LÀNG GIÁP NHẤT

Tổng Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông

Mục thứ I
Nói về việc tế tự

1. Ngày 30 tháng Chạp là ngày trừ tịch, tết Nguyên Đán là ngày mồng 1, mồng 2, mồng 3, cho đến ngày mồng 7 tháng Giêng, các lễ vật nhất định tính ra tiền kê như sau: tiền mua mũ, mã vàng 3$,36, gà lễ 6$,60, hương đăng 4$,00, chuối tiêu 1$,56, pháo 2$,64, trầm hương 0$,30, trứng 0$,60, câu đối tết 1$,50, đinh liệu lạm chi 0$,10, các lễ ấy cho dân trù liệu lấy tiền mà chi.

2. Lệ đổi đang cai - Ngày mồng 4 tháng Giêng là ngày đổi đang cai là ngày người phải chứa việc làng trong một năm, hôm ấy đang cai phải tự mình biên cả, thủ lợn 1 cái, chân giò lợn 1 cái, chuối tiêu, 2 nải chuối, xôi bốn cân, giầu lễ 5 cơi, rượu 2 chai, ước độ 2$,00, người nhà đang cai phải đệ các lễ này ra đình, lễ xong đồng dân về nhà người đang cai uống rượu.

3. a) Lễ Kỳ Phúc là ngày 13 tháng 2 làm lễ mộc dục lễ vật bằng phẩm quả giá tiền 1$,00 do kỳ lão cung biện.

b) Ngày 14 tháng 2 là ngày chính hiến, sửa lễ lợn 1 con xôi hai cân, oản 1 cân, chuối tiêu 2 quả, giầu rượu diêm tương cùng các khoản phụ phí giá tiền 15$,00, do người đang cai phải chịu cả. Còn vàng, mã, pháo, chè, nến, hương, cùng các ngoại phí khác, ước độ 19$,00 thời về dân chịu.

c) Tối hôm 14 tháng hai, lễ xướng ca, lễ vật bằng phẩm quả ước 1$,00 do hương hội cung biện.

d) Ngày 14 tháng hai lễ tạ lễ vật bằng phẩm quả ước 1$,00 do hội tư văn cung biện.

e) Lễ túc trực là lễ sớm tối về ngày Kỳ Phúc (ngày 13, ngày 14, ngày 15 tháng 2, sửa lễ giầu rượu, cúng về dân phải chịu).

4. Lễ Kỳ Yên là ngày 15 tháng 3, sửa xôi bốn cân, oản 2 cân rượu mỗi làng 1 ty con, cơm 8 nồi, vàng đại mỗi người một trăm chiếu theo lần lượt xuất cung biện, còn mũ mã nhưng đăng và lợn tế cùng các lễ vật, ước 10$,00 do công dân phải chịu, có thỉnh tư văn hành lễ, lễ xong có biếu tư văn 1 cái thủ lợn phiến xôi, lễ xong đồng dân về nhà người đang cai uống rượu.

5. Lễ đốt vàng là ngày mồng 5 tháng 5, mỗi người một trăm vàng đen, còn thủ lợn 1 cái, chân dò lợn 1 cái, chuối tiêu 2 nải, xôi 4 cân, rượu 10 ty con, ước độ 2,00$ do công dân phải sửa lễ xong đồng dân đều uống rượu.

6. Lễ Hạ Điền ngày mồng một 1 tháng 6, là ngày lễ vua Thần Nông, sửa lễ thủ lợn 1 cái, xôi 2 cân, rượu 10 ty con, ước 2,00$ do công dân phải chịu, lễ xong đồng dân đến uống rượu. Còn sửa giầu rượu lễ yết thần là một cỗ mũ tế vua Thần Nông thì người đang cai phải chịu.

7. Lễ Thượng Điền và tết Trung Nguyên là ngày 15 tháng 7, xôi 6 cân, rượu mỗi bàn 1 ty con, cơm 8 nồi, vàng đại 100 chiếu theo lần lượt cung biện, còn lợn 1 con, chuối tiêu 2 nải, cùng các lễ vật ước 5 $,00, do công dân cung biện, có thỉnh tư văn, hành lễ xong cử biếu tư văn thủ lợn 1 cái, xôi 1 phiến, đồng dân về nhà người đang cai uống rượu.

8. Lễ chạp là ngày mồng 2 tháng Chạp, sửa lễ thủ lợn 1 cái, chân giò lợn 1 cái, chuối tiêu hai nải, rượu 10 ty con, xôi 4 cân, giầu lễ 5 cơi, đáng 2,00$, do công dân cung biện, lễ xong đồng dân đều uống rượu.

9. Đồng niên các lễ sóc vọng, cứ 12 người thôn trưởng lần lượt sửa lễ.

Tiền góp về đình thờ 3 thôn, tiền chi về ba hôm tết ước đô 6,00$, lại đến ngày Kỳ Phúc trong ba thôn là ngày 11, ngày 12 tháng 2 phải góp 20,00$.

10. Chiểu trong dân đồng niên chi về việc tế tư là 86$, 66 mà dân chỉ có một số tiền thu hoa mầu, đồng niên được 40,00$, còn nhận định cứng mỗi suất đinh đồng niên là 0,5 đồng cứ năm nào đến tháng 2 cũng cứng đủ các số lễ nào, thị hương hội sẽ phát chi từng tiết một cho đủ.

Mục thứ II
Nói về lệ đăng hương lão

11. Người nào đến tuổi lên thôn trưởng, phải một lệ 100 giầu và 0,10$.

12. Từ thôn trưởng lên kỳ lão, cũng phải một 100 giầu và 0,40$ để thay cho các lễ vật khác.

13. Người nào đến tuổi 70, 80 cho đến 100 tuổi, thì phải sửa lễ xôi thủ lễ thần, kính biếu dân, rồi dân có giầu biếu lại các cụ.

14. Người nào cũng cứ 15 tuổi thì vào làng, phải nộp 112 miếng giầu để biên thêm tên vào sổ làng.

15. Người nào để quá tuổi mới vào làng thì phải mua ngôi, mỗi ngôi là 0,50$, để sung công quĩ.

Mục thứ III
Nói về việc khao vọng

16. Người nào được phẩm hàm hay đi lính được mãn khoa vọng mới được dự vào chiếu tư văn.

17. Người nào theo học mà đỗ được bằng tốt nghiệp bằng đại học Pháp - Việt hay bằng thư ký, phải sửa lễ là 5,00$, để sung công quĩ, về mua mà có khao vọng cũng được dự chiếu tư văn.

Mục thứ IV
Nói về lệ lan nhai

18. Người nào có con gái mà gả chồng cho người cùng làng thì phải nộp lệ 130 miếng giầu và 0,10$, còn người nào có con gái gả

chồng cho người làng khác cũng phải nộp lệ 130 miếng giầu, mà tiền lệ thì nộp gấp hai là 3,00$ để sung công quĩ.

Mục thứ V
Nói về sự kỷ tảng

19. Người nào ở làng khác có đất phụ canh, hay không có ruộng đất cũng vậy, mang một ngôi hung táng, hay một ngôi cát táng mỗi ngôi nộp 5,00$, còn người nào đã có để mả sẵn trên rồi mà dịch đi ở cùng trong đồng phải nộp lệ 2 đồng, để sung công quĩ, trước khi mang mả về phải nộp 40 miếng giầu.

Mục thứ VI
Nói về lệ Tống chung

20. Người nào có bố, mẹ già xin đô tùy phải biện rượu 1 chai nhỏn và 30 miếng giầu, khi đô tùy đến nhà người đang cai lại phải nộp 100 miếng giầu và 1,00$ để sung công quĩ.

Mục thứ VII
Nói về lệ trừng giới

22. Trong hương đảng nên dùng hòa thuận là hơn. Hễ khi có việc gì, mà ngồi tại công sở, mà có người nào say rượu nói càn, hay nói hỗn với người công chức, chẳng cứ người trên hay người dưới đều phải phạt một số tiền từ 0,30$ đến 1,00$ theo điều nặng nhẹ để sung công quĩ.

Mục thứ VII
Nói về việc đi việc quan

23. Người làm việc mà có việc gì đi việc công dân, thời định lệ đi xuống huyện mỗi người chi 0,30$, đi lên tỉnh chi 0,50$.

(...)

Thừa sao chính bản

Le lý trưởng

HƯƠNG ƯỚC LÀNG PHÚ MỸ

Tổng Văn La, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông

Chủ ý cải lương

Khoán ước của làng lưu truyền từ xưa hoặc chỉ khẩu truyền, mà không có minh văn hoặc có minh văn, mà không hợp thời thế.

Bởi vậy cần nên cải lương, suy xét hiện tình thời nay, so sánh khoán lệ thuở trước, điều nào lợi thời theo, mục đích làm cho gia tộc được thịnh dần, dân làng có trật tự. Sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà cải bổ thêm.

Phần thứ nhất
Chính trị
Tổ chức hội đồng tộc biểu

Điều thứ 1: Cách thức bầu hội đồng tộc biểu và chức vụ của các viên ấy, thời đều theo như nghị định của nhà nước, tộc biểu làm việc được 12 năm được dự ngôi kỳ mục trong dân.

Điều thứ 2: Hội đồng và lý trưởng về việc làng phải đi xa trong 5 kilômet làng không chi tiền lộ phí, quá sổ ấy như lên huyện chi mỗi ngày 0,20$, lên tỉnh chi mỗi ngày 0,40$ là cùng.

Sổ chi thu

Điều thứ 3: Khi nào làng đủ thể lệ làm sổ chi thu như trong nghị định thời sẽ làm sổ chi thu, còn bây giờ thời việc thu chi tiền công phải biên vào sổ nhật ký, theo nghị định của nhà nước.

Điều thứ 4: Hết năm thời hội đồng tính sổ, tính số tiền thực thu vào được bao nhiêu, chi ra bao nhiêu, còn lại là bao nhiêu, yết thị tại đình để đồng dân đều biết.

Lý phó trưởng

Điều thứ 5: Lý trưởng là người thay mặt làng mà thừa hành việc quan, phó lý là người giúp việc lý trưởng, phó lý trưởng không có quyền tự ý quyết định việc làng phải theo ý kiến chung cả hội đồng.

Điều thứ 6: Lý trưởng phó lý là người hành chính trong làng đều được dư chân trong hội đồng, trong làng có chánh phó tổng cũng vậy.

Điều thứ 7: Làng trích ruộng cung cấp cho lý trưởng một mẫu, để chi phí làm việc quan trọng trong một năm, lý trưởng đã được ruộng làng cấp cho rồi, thời khi đi việc quan một mình, không được tính tiền phí tổn với làng nữa và tục dân lại để ruộng tiên chỉ 5 sào.

Bổ sưu thuế

Điều thứ 8: Lý trưởng lĩnh được bài chỉ thuế về, thời phải tường hội đồng mở hội đồng mà tính bổ, sưu thuế, đã có ngạch nhất định của nhà nước, hội đồng cứ theo trong bài chỉ mà bổ, không được chia đàn anh đàn em, ruộng nội canh hay phụ canh mà bổ nhiều bổ ít.

Điều thứ 9: Trong sổ bổ phải biên rõ bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu sưu đinh, thành bao nhiêu tiền, không được hàm hỗn.

Điều thứ 10: Khi đã bổ xong, giao lý trưởng hành thu dự nộp.

Điều thứ 11: Càng không bổ ngoại phí cho lý trưởng nữa vì làng đã cấp ruộng lệ nhất định.

Điều thứ 12: Những người thiếu sưu thuế lý trưởng phải tường hương hội làm biên bản trình quan, trích ruộng ký phần công điền, đấu giá lấy tiền để sung số thuế.

Sự kiện cáo

Điều thứ 13: Trong làng có ai kiện cáo về dân sự hay thương sự, trước hết phải trình hội đồng hòa giải. Chánh hội tiếp ai trình phải mở

hội đồng, lấy lẽ chính đáng và tình thân ái mà hòa giải cho 2 bên, hòa giải đã xong thời theo trong luật làm tờ hòa giải chứng thư giao lý trưởng trình quan sở tại biên vào sổ.

Điều thứ 14: Việc hòa giải không được hội đồng với nguyên bị và ai làm chứng trước tòa án người thua kiện phải chịu phí tổn.

Điều thứ 15: Những khiếu kiện không có thể hòa giải được cũng phải trình hội đồng xét hỏi duyên cớ việc hình sự phát ra rồi làm biên bản trình quan.

Điều thứ 16: Từ 7 giờ tối trở đi, trong làng ai làm náo động thấy tiếng kêu làng nước hương hội lý dịch tuần tráng thân hành đến tận nơi, xét ra không phải là việc cấp cứu, thời bị phạt ngân từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 17: Khi trong làng có việc ăn uống (như là Kỳ Phúc, lễ Kỳ Yên, việc hiếu hỉ nhà tư vân vân) ai uống rượu say hay là không say mà nói bậy, để mất phong hóa của dân, như hương lão và người có chân trong quan viên tư văn, lần thứ nhất phải phạt 0,10$ lần thứ hai 0,30$, lần thứ ba 0,50$, nếu không chịu truất ngôi xuống mười ngôi.

Điều thứ 18: Hội trung đình và đinh tráng ai phạm phải điều 17 đã nói ở trên lần thứ nhất phạt 0,10$ lần thứ hai 0,20$, lần thứ ba 0,30$ nếu không chịu truất ngôi xuống ba bàn.

Sự canh phòng

Điều thứ 19: Canh phòng để giữ tính mạng tài sản chung cả làng theo như tục lệ của làng, những người không mua nhiều mua xã, thời phải đi tuần, cứ số thứ tư mỗi người một năm. Cả làng có một cái điếm canh, dân bầu một người trương tuần, có sức khỏe có gia sản và cắt 3 người tuần tráng để theo trương tuần trông nom trong làng và ngoài đồng, người nào đến lượt phải đi tuần mà đi vắng, hoặc nhờ bà con đi thay cho cũng được, hoặc nộp món tiền là 0,30$ để làng thuê người canh thay.

Điều thứ 20: Người đứng đầu ban canh cứ đến gần tối thời nổi hiệu trống mõ, gọi các người trong ban ra điểm, ai có phương trở gì thời phải mượn người, nếu bỏ không canh thời 2 lần đầu hội đồng phạt mỗi lần 0,20$, đến lần thứ ba thời hội đồng phạt 0,50$.

Điều thứ 21: Ban canh thường đêm phải đi tuần luôn chung quanh làng để trộm cướp khỏi vào làng. Ai bắt được kẻ trộm hương hội thưởng 1,00$ hay bắt được một đứa cướp được thưởng 10,00$.

Điều thứ 22: Tuần phiên phải chịu trách nhiệm về sự trộm cướp trong làng cùng ngoài đồng, có nhà mất trộm, mà tuần không bắt được đứa phạm thời phải chiểu giá mà đền cho sự chủ những khi cướp phát ra mà tuần đã hết sức kháng cự không thể giữ được thời không phải đền.

Điều thứ 23: Người trong làng mà ăn trộm không cứ là vật gì, tuần phiên bắt được thời lý dịch giải trình quan nghĩ trị, rồi sưu thuế lại phạt người ấy mà truất ngồi từ một bàn đến ba bàn.

Điều thứ 24: Người đi tuần mà ăn trộm người ngoài bắt được. Hội đồng thưởng người bắt được ấy 0,50$ mà người tuần ấy lý dịch trình quan nghị trị, rồi hương hội lại cấm không cho dự đình trung trong một năm.

Điều thứ 25: Lý phó trưởng thường kiểm soát trong làng, nếu thấy những người lạ mặt vào làng, người nào không có thẻ tùy thân mà cản cước đáng ngờ thời bắt giải nộp.

Điều thứ 26: Lương tuần tráng, ruộng ngoài đồng có ít, thu số tiền sương chi cho tuần không đủ, nên làng định cho tuần lấy lúa sương, lúa mỗi mẫu 10 lượm mỗi lượm ba nắm, ngô đậu mỗi mẫu mười hàng, khoai mỗi sào 30 bụi, mía mỗi mẫu (.....) mạ mỗi sào 5 hào năm xu.

Điều thứ 27: Canh phòng ngoài đồng nếu mất đâu phải chiểu giá bồi thường đấy như: lúa, ngô, đậu đền mỗi sào 1,00$ khoai mỗi luống 3,00$ hoặc mất hoa mầu, mà đền giả hoa mầu cũng được.

Canh đê điều đường sá cầu cống

Điều thứ 28: Làng cử một người thủ lộ để trông nom đê điếm, đường sá, cầu cống thấy nơi nào hư hỏng phải trình hội đồng để sửa lại đến như việc đê điều thời thủ lộ phải theo lý trưởng đốc xuất ban canh (hoặc không có thủ lộ thời không tuân) việc cắt ban canh đê điều thời trừ các cụ 60 tuổi giở lên và những người làm việc có năm bằng dân sự cùng tân cựu binh lính, những người tật bệnh thời trừ, còn từ 18 tuổi giở lên, phải luân thứ canh phòng, nhưng những người làm việc ra binh lính khi đã trừ dịch hay mãn khóa rồi, phải khao vọng đủ lệ mới được trừ.

Sự vệ nông

Điều thứ 29: Thường năm làng tu bổ các đường khuyến nông và khai sâu cả ngòi lạch để chứa nước cho tiện việc làm ruộng.

Điều thứ 30: Cấm không ai được phát cỏ bờ đồi bên ruộng mà không đắp lại, để bờ và đường sá lở dần đi, ai phạm cấm ấy hội đồng phạt 0,20$.

Điều thứ 31: Cấm không được cho trâu bò phá hủy hoa mầu của người ta, nếu phạm hội đồng phạt 0,20$ và phải chiểu giá đền của người thiệt hại nữa.

Điều thứ 32: Cấm chăn vịt ngoài đồng nếu vịt phá hủy hoa mầu, thời phải phạt 1,00$ và phải chiểu giá đền nữa.

Điều thứ 33: Khi nào có bán động sản, hay bất động sản, thời hội đồng phải đấu giá kín, nhưng yết thị cho mọi người đều biết trước khi đấu giá mười ngày, ai đấu giá cao thời được, nhưng hội đồng phải làm biên bản và đính theo giấy tình nguyện để lưu chiểu.

Sự gian lậu

Điều thứ 34: Những điều Chính phủ đã có lệnh cấm như rượu lậu, thuốc phiện lậu, và mở sòng đánh bạc lấy hồ, thời hội đồng phải khám xét luôn trong làng để trừ gian lậu.

Điều thứ 35: Ai có ý phạm cấm hương hội bảo lý trưởng khuyên răn không được thời hội đồng bảo lý trưởng bắt tang vật làm biên bản để giải quan trừng trị.

Điều thứ 36: Những người phạm ấy dù quan đã chiểu luật trị tội nhưng làm mất phong thể trong làng, thời hội đồng phạt không cho dự đình trung tế tự trong một năm.

Sự quản cấp

Điều thứ 37: Làng có bao nhiêu công điền thời kinh mà chia đều cho những người phải chịu sưu thuế, tự 61 tuổi giở lên, đã được trừ sưu, thời không được ăn ruộng nữa. Còn tự 60 tuổi giở xuống đến 18 tuổi, thời chiểu theo thứ tự mà quân chia cho đều, cứ 3 năm cho công bằng.

Hôn lệ

Điều thứ 38: Ai có con gái gả chồng khác làng thời số tiền lan nhai và đồ lễ các hạng chiết can lấy tiền là 5,00$ gả chồng người làng 3,00$.

Tang lệ

Điều thứ 39: Sự tang là sự buồn dầu đau đớn cho người ta, theo thói cũ phải đặt ra tiệc nọ tiệc kia, như thế thực là trái nhẽ, mà bó buộc cho nhà chủ sự.

Điều thứ 40: Nay những các lệ ngạch ăn uống đều tinh giảm chiết can lấy tiền bỏ quĩ hạng nhất nộp 20,00$, hạng nhì nộp 15,00$ hạng ba 10,00$ ai muốn nộp hạng nào cũng được.

Điều thứ 41: Tiền ấy ai nộp hạng nhất thời thượng bao chức sắc, kỳ mục, sưu thuế lý dịch đồng dân đều phải đi đưa đám cả, ai nộp hạng nhì thời sưu thuế lý dịch và hội đình trung đi đưa, hạng ba thời hội trung đình và đình tráng đi đưa.

Điều thứ 42: Ai không xin được làng đưa ma chỉ xin giáp cố hương cũng được là vì không nộp được các lệ tiền đã nói ở trên thời làng cũng miễn cho.

Điều thứ 43: Ai có cha mẹ chết đã theo trong hương ước mà nộp tiền tiền sung quỹ rồi hội đồng lý dịch phải cổ động để dân làng đều đến đưa ma.

Điều thứ 44: Đến ngày an táng, tang chủ mời làng đi đưa hộ tang, nghĩa là khiêng quan tài và mang các đồ tang nghi thời trung đình và đình tráng, phải chiểu theo thứ tự vua khiêng vác cho mỹ tục, trừ những người vắng nhà, còn phải đi đưa cả, nếu có mặt ở nhà mà không chịu đi hộ tang phải nộp 0,10$ để làng thuê người khác thay).

Điều thứ 45: Nếu nhà tang chủ nào giầu có, muốn báo đáp cha mẹ mời dân làng đến tế tự để chọn đạo hiếu, thời dân cũng cho tùy ý nhà chủ, nhưng trước hết phải tường hương hội lý lịch biết rồi mới được thi hành.

Điều thứ 46: Việc tang nghi dân đã chiết can lấy tiền, sự ăn uống nhất thiết bỏ đi hết, ai còn sách nhiễu đòi hỏi đến sự ăn uống thời hương hội phạt 0,50$ sung công.

Tế tự

Điều thứ 47: Cứ đệ niên đến ngày mồng ba tháng hai, mồng mười tháng tám là kỳ phúc, mồng một tháng Tư là ngày lễ Kỳ Yên, để sửa lễ và 5 hát, ăn sự 18 tuổi giở lên nếu không có tiền công thời tùy tinh cao giáp phải sửa.

Điều thứ 48: Ngày 15 tháng Giêng là ngày thượng nguyên dâng sao ở chùa dân để một mẫu 4 sào tự điền giao cho nhà chùa cấy làm để hương đăng cả năm và sửa lễ dâng sao.

Khao vọng

Điều thứ 49: Đã là chức sắc kỳ mục lý dịch thời phải có văn bằng và nộp lệ khao vọng với làng cho đủ, rồi sẽ nên chiểu theo trật tự trong hương lệ mà ngồi.

Điều thứ 50: Tự bát cửu phẩm, Chánh phó tổng chi xuất đội cai binh giở lên. Thời chiết nộp khao lệ 40,00$ sự sưu thuế lý dịch giở

lên thời chiết nộp theo lệ 30,00$ hương tuần quản lộ giở xuống, thời chiết nộp 20,00$. Những người được phẩm hàm và các người làm chánh phó hội thủ quĩ thư ký trưởng bạ hộ lại lý trưởng phó lý trương tuần quản lộ mà không làm được tiệc rượu dấp bút, thời lại phải chiết can nộp vào công quĩ 20,00$. Ai không có chân nhiêu mua xã bán, mà ra làm chức dịch phải nộp quá số chiết nộp thêm 10,00$ nữa.

Điều thứ 51: Ai chân bạch đinh đến 50 tuổi phải chiết can lễ vật cúng ngân là 15,00$ chân nhiêu mua cúng 6,00$ xã mua 10,00$ chân có văn bằng kỳ mục 10,00$ binh linh 3,00$.

Điều thứ 52: Bộ ngũ chưởng giở xuống tới binh linh quan hệ xùng tuổi.

Vị thứ

Điều thứ 53: Vị thứ đinh trung, thời ngôi thứ theo tục dân phân làm ba hạng.

Hạng Hương lão tự 50 tuổi giở lên đến tám chín mươi tuổi, chiểu thứ tự trong sổ Hương lão mà ngồi.

Điều thứ 54: Ngôi thứ chức dịch trong làng như là khoa mục, phẩm hàm, chánh phó tổng xuất đội, đội trưởng lý trưởng, Chánh hội giữ đồng, phó lý phó hội giữ đồng chiểu tấn tòng cựu cùng thư ký, hộ lại, trưởng bạ cứ chiểu theo trong sổ tư văn mà được phẩm hàm lại phải nộp thêm một món tiền là 15,00$ nữa.

Điều thứ 55: Hội trung đinh trên là binh linh đến lý phó xã tư chiểu theo tục lệ mà ngồi.

Điều thứ 56: Làng đã phân làm ba, hạng ngôi thứ, hạng nào ngồi theo hạng ấy nếu khi có họp việc làng công sở hay tiệc lẻ gi, bất cứ công hay tư, cứ chiểu như hương ước mà ngồi cho có thứ tự nếu ai ngồi lạm quyền thời lần thứ nhất phạt 0,20$ lần thứ hai phạt 0,30$, lần thứ ba không cho dự đinh trung trong một năm.

Tạp ước

Điều thứ 57: Hễ có phải đi khai sông đắp đê, sang hộ mọi việc lớn thời chỉ những người chức sắc kỳ mục chức dịch cùng tộc biểu được từ còn thời quân thụ.

Điều thứ 58: Hễ có việc sang hộ mà đến tre gỗ thời tất cả làng phải chịu, nếu dung nhân công thời sinh tráng phải chịu.

Điều thứ 59: Người làng muốn bàn việc làng, chỉ nên bàn ở công sở, nếu mà danh chính ngôn thuận thời không ai được ngăn trở, mà không cho nói, nhưng chỉ cấm không ngồi chỗ trà đình, phạm điếm gia tư mà phù ngôn loạn ngữ và hủy báng việc công.

Điều thứ 60: Trong làng ai là người trái hương ước này, thời hội đồng sẽ chiểu tùy nặng nhe mà phạt không cho dự tế tự đình trung từ sáu tháng đến một năm hoặc truất thứ vị xuống từ một đến 3 bàn.

Điều thứ 61: Hễ đến kỳ đại Kỳ Phúc thời thư ký phải đem bản hương ước này ra đình mà tuyên đọc để đồng dân nghe.

Điều thứ 62: Kể tự ngày thi hành khoán ước này thì các điều khoán ước gì cũ trái với hương ước này đều bỏ đi hết.

HƯƠNG ƯỚC LÀNG YÊN LƯƠNG

Tổng Thanh Trì, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông

Kỳ mục lý dịch cùng mọi người trên dưới trong làng Yên Lương tổng Thanh Trì, tỉnh Hà Đông thuận tình bàn định với nhau rằng.

Nhờ ơn bề trên ơn nhà nước che chở làng ta dù có ít người cũng đứng một nóc xa, cũng thành một họ đạo, vì vậy đã phải có khoán lệ chung giữ với nhau trong làng mới có phép tắc, cho vững bền mãi mãi, cho nên mọi người hợp một ý công nhận mấy điều khoán lệ như sau này.

Điều thứ 1: Xin vào làng phải có một trăm giầu và 0,5$ xin dân rồi mới được nhận phần thổ trạch.

Điều thứ 2: Ai đã nhận khẩu phần thời phải gánh vác công việc với dân; ai quá chân đi vắng phải có 10 miếng giầu trình dân, ai không trình hay là cố tình bỏ khiếm phải khoán mỗi lần 0,50$, ai bỏ những việc lớn như phần đê dân thuế hết bao nhiêu thì kẻ ấy phải trục và phạt 1$00.

Điều thứ 3: Ai không có duyên cớ gì chính đáng bỏ làng mà đi phải nộp lệ 5 $00 mới được dỡ nhà đi.

Điều thứ 4: Ai đã đi khỏi làng mà sau lại muốn về làng, phải chịu lệ gấp đôi kẻ mới vào.

Điều thứ 5: Tiền cheo nội 2 $ cheo ngoại 1$.

Điều thứ 6: Nhà nào có người chết phải nộp lệ 1$00, trăm giầu, xin dân tống táng cho.

Điều thứ 7: Lý trưởng làm thủ khoán bắt phạt kẻ có lỗi trong dân.

Điều thứ 8: Tiên chỉ giữ tiền công sổ bổ và sổ chi tiêu các khoản trong dân đến kỳ làm phúc họ sẽ đệ trình xin chữ nhận thực vi bằng.

Về sự thuốc phiện

Điều thứ 9: Ai nghiện thuốc phiện dân phạt 0$30.

Điều thứ 10: Ai sắm hay làm bàn đèn thuốc phiện về nhà dân phạt 0,30$.

Về tửu trà

Điều thứ 11: Ai tỉnh rượu mà giả say điếc lác, to tiếng xôn xao phạt 0$50.

Điều thứ 12: Ai uống rượu sinh sự đánh nhau phạt mỗi người 1$00.

Điều thứ 13: Ai đem kiện nhau mời chánh phó tổng mà không trình đến kỳ lý trong dân, nhất là các đấng coi sóc linh hồn thời phạt 0$30 và truất ngôi xuống dưới 5 người.

Về sự đánh bạc

Điều thứ 14: Ai gá chứa đánh bài bạc phạt 1$00.

Điều thứ 15: Các con bạc mỗi người 0$50 bất kỳ bắt được đánh ở đâu.

Về sự trộm cướp

Điều thứ 16: Ai ăn trộm bắt được quả tang giá từ 5$00 đồng dĩ thượng dân phạt 1$00 và bắt phải đền đủ tang vật, còn từ 3$00 giở xuống cũng bắt đền và phạt 0$ 50, lý trưởng lại trình quan xét nữa.

Về sự dâm phong

Điều thứ 17: Ai nói những dâm từ ô uế phạt 0$10.

Điều thứ 18: Ai đem phường chèo hát vào trong làng mà không tường với hương hội lý dịch thì phải phạt 1$00.

Điều thứ 19: Nam nữ gian tình bắt được quả tang phạt mỗi bên 0$10.

Điều thứ 20: Ai lấy nhau hay là cha mẹ lo liệu vợ chồng cho con cái trái phép đạo, phạt mỗi bên 0$10.

Điều thứ 21: Phụ nữ hoang thai thì bố mẹ nó phải nộp phạt cho dân 0$300.

Việc sưu thuế

Điều thứ 22: Đệ niên đến kỳ sưu thuế, lý trưởng lĩnh được bài chỉ về thời tường trình dân để hội đồng trị sự quân bổ, cứ chiếu số bạc trong bài chỉ bổ về đinh sưu là bao nhiêu và các khoản tạp tiêu khoản nào nên bổ vào đinh, khoản nào nên bổ vào điền, cùng khoản phụ cấp cho lý trưởng đi việc thuế là bao nhiêu làm thành ba bản, ký kết trình quan sở tại một bản, lưu nha lưu dân một bản còn một bản lý trưởng phải niêm yết nơi công sở trước 7 ngày thu, ai nộp lý trưởng phải biên lai phân minh, nếu người nào không nộp thì lý trưởng khai tên ra, trình hội đồng bắt nộp cho đủ, trong khi thu thuế bất hạnh người nào chết đi thì vợ con hay là thân thích phải nộp số đó, còn người nào tha vãng chưa kịp thu thì lý trưởng phải tha vãng mà nộp cho đủ rồi bắt người ấy chịu lãi.

Lúc bổ thuế không được bày ra rượu chè gì cả mà chỉ giầu nước mà thôi, nếu hành thu bất lực thì lý trưởng phải bồi.

Tiền lộ phí

Điều thứ 23: Khi nào có việc công dân mà lý trưởng hay là kỳ mục hội đồng phải lên tỉnh xuống huyện thì mỗi người mỗi ngày lên tỉnh được 0$40, xuống huyện được 0$20.

Điều thứ 24: Khi nào trùm cán và quản giáo đi về việc công giáo xa ngoài 5 cây số thì được 0$20 lộ phí.

Còn người nào có việc riêng mà phải nai đến kỳ lý đi thì phải chịu phí tổn.

Việc tuần phòng

Điều thứ 25: Việc canh sát trong làng vì làng ta nhỏ bé nên việc cảnh sát rất khó khăn, vậy cứ theo cổ tục thì từ 18 tuổi đến 60 tuổi hết thảy phải đi tuần chỉ trừ lý dịch, trùm trưởng quản giáo tân cựu.

Điều thứ 26: Cứ lệ trong dân đầu năm họp hội đồng cắt một người trương tuần tòng với lý trưởng trông nom với lý trưởng để trông nom việc canh phòng.

Điều thứ 27: Trách nhiệm tuần phiên phải canh phòng nội hương ấp ngoài đồng điền, tòng lý trưởng và trương tuần, kiểm soát những việc phi pháp như là cờ bạc, rượu lậu, trông nom những việc vệ sinh chung như là đường, cầu cống phải cho sạch v.v... Nhất là một năm hai kỳ làm phúc và những kỳ lễ bất thường thì tuần phải dọn trong ngoài thành đường cho sạch, hàng ngày phải trông nom không cho ai bẩy rơm rác bẩn thỉu chung quanh nhà thờ và ứng trực trong khi các cha về mở lễ.

Luật thưởng phạt hàng tuần

Điều thứ 28: Tuần phiên bắt được đạo tang thời hội đồng thưởng cho 0$500.

Điều thứ 29: Ai bắt sống được kẻ cướp thời dân thưởng cho từ 10 $00 đến 15 $00. Nhược bằng bằng đánh cướp mà phải khinh thương thời dân thưởng cho từ 1$00 đến 5$00 làm tiền phục dược tùy nặng nhẹ; phải trọng thương mà thành tật thì cho từ 5 $00 cho đến 15$00 hay là ngôi nhiêu nam nhân trừ mãn đại; không may mà chết đi thì làng làm ma và cắt kỳ lý đi đưa đến mộ và xin cho một lễ quy lăng 15 $00 và trợ tuất cho vợ con 20,00$.

Việc cấp cứu

Điều thứ 30: Trong làng ngoài đồng có quân gian khi đến cướp phá hay là phát hỏa hàng tuần nổi hiệu liên thanh thì giai dân từ 18 tuổi đến 49 tuổi đều phải mang trúc trượng khí giới tề tựu tại điếm sở

theo với lý dịch hàng tuần, ra đánh hay là chạy chữa nếu ai khiếm diện thời phạt 1 $00.

Việc sửa sang đường sá

Điều thứ 31: Các con đường các xóm và cận dân thời tuần phiên đốc bắt người trong xóm ấy quét dọn bồi đắp cho bằng phẳng sạch sẽ, còn đường công dân thời tuần phiên phải sửa soạn, trong làng ai tháo nước qua đường nào thời trình lý trưởng cho phép, xong lại đắp lại như cũ, nếu ai làm hủy hoại đường công dân, hay là đem lòng tham cuốc vạc xâm chiếm thời phạt 0$50.

Phá hủy hoa lợi

Điều thứ 32: Phàm đương mùa lúa mạ hay là ngô đậu, hoa lợi, rau cỏ, vịt, thời không được thả rộng để phá hoại các hoa mầu thời phải phạt 0$50 và phải đền hại cho điền chủ lại phạm nhất bội nhị.

Vệ sinh chung

Điều thứ 35: Tuần phiên cắt lượt nhau bắt đốc con em quét dọn sửa soạn các đường nhỏn nhỏ trong dân cho bằng phẳng sạch sẽ, các rãnh phải khai cho thông, còn các đường sá cửa ngõ lân cận đâu thời đấy mỗi buổi sáng phải quét dọn, phàm chuôm ao hồ rãnh có nước tụ hãm thời phải dọn lấp cho sạch.

Về giếng nước ăn công dân, cấm trâu bò không được chăn chung quanh giếng, cấm không ai được rửa ráy, bắt được ai phạm phạt 0$20, tái phạm nhất bội nhị.

Bệnh truyền nhiễm

Điều thứ 34: Ai phải bệnh truyền nhiễm thời lý trưởng phải trình quan xin thầy thuốc về chữa. Ai phải bệnh hủi thì lý trưởng phải xét và trình quan đem đi dưỡng tế. Nếu người nào bất hạnh mà chết về bệnh truyền nhiễm thời bắt chôn ngay và phải đốt hết cả giường chiếu đồ dùng của người ấy, nếu ai không tuân thời phạt 1$00 và sai

tuần đến đến nhà lấy đồ đốt đi. Nếu lý dịch có ẩn lậu thì cũng phạt 1$00 và lại trình quan xét.

Thú vật chết

Điều thứ 35: Những con thú vật như là trâu bò v.v... mà chết thời phải trình quan rồi đem chôn ngoài đồng xa làng, chôn sâu 3 thước rồi đổ vôi bột cho khỏi khí độc; nếu ai không tuân phải phạt 1,00$ và lại trình quan nghị phạt.

Đón tiếp các quan Tây, Nam và các đấng Tây, Nam linh mục

Điều thứ 36: Khi nào các quan trên đến làng bất kỳ quan Tây hay là quan ta hoặc là các đấng Tây, Nam linh mục thì kỳ lý hội đồng và trùm, cán cùng tuần phiên phải ra đón tiếp mà phải lấy lễ nghi chỉnh đáng tiếp đãi tại công sở, nếu các quan muốn khám xét nếu có sự gì ngăn trở trong khi khám thời phải giữ gìn cho được ổn thỏa.

Việc thu bổ

Điều thứ 37: Vì trong làng ta không có tiền công nếu bất thường mà phải chi tiêu việc gì như: việc quan thì do lý trưởng thu bổ còn việc đạo thì do trùm cán thu bổ.

Ngụ cư ký táng

Điều thứ 38: Khi có ai xin đến ngụ cư thời phải xem xét người ấy có căn cước minh bạch mới cho ngụ cư trong làng mà thôi, nếu người ấy đã có gia sản ở làng thì phải chịu trách nhiệm canh phòng với làng.

Điều thứ 39: Ai ký táng ở đồng điền của làng dù mua đất của ai thì cũng phải trình lý dịch ra nộp tiền kiểm cư là 10$00.

Việc quân cấp điền thổ

Điều thứ 40: Làng ta có 8 mẫu đất ruộng ai đã cư đừng canh ai đã canh thì đừng cư, cứ hết 6 năm dân lại quân cấp.

Việc phụng sự

Điều thứ 41: Làng ta là một làng toàn tòng đạo Thiên Chúa, cho nên dù có ít người mặc lòng, ta cũng phải đồng lòng chẳng về việc gì nhớn nhỏ như khi về kỳ lễ rước sách thì dù ông kỳ mục cũng phải làm việc thí dụ như cầm nến, cầm thánh giá mà thôi, còn cờ lọng tàn quạt thì giai đinh phải kiêm còn những người bỏ thì phải phạt 0$200, trừ ra những người đi xa vắng quanh năm có giấu kiếu.

Việc khao vọng

Điều thứ 42: Viên nào ở trong bậc khoa trường chức sắc cao hơn cả thời dân tôn lên làm tiên chỉ, nhưng phải có hạnh kiểm tốt và phải khao vọng nộp 10 $00 sung quĩ.

Điều thứ 43: Còn các viên như lý phó trưởng, chánh phó hội, trùm trưởng cán biên, quản giáo khi mãn lệ thì phải khao vọng chiết nạp 40$, sung quĩ nếu có mời dân thì phải nộp 5$00 sung quĩ trước khi dân cất chén uống rượu.

Điều thứ 44: Các viên thư ký thủ quĩ, hộ lại, trưởng bạ mãn khóa thanh khoản thì được vọng ngồi thứ ngang hàng lý trưởng, lệ vọng chiết can là 40$00, nếu có mời dân thì phải nộp 5$00, sung quĩ trước khi dân cất chén uống rượu.

Điều thứ 45: Ai khao dân có bánh giầy thì dân mừng cơi giấu, bánh pháo và 6 $00.

Bán thứ vị

Điều thứ 46: Người nào đến tuổi đóng sưu phu dịch muốn mua thứ vị thì phải nộp công quĩ 5 $00. Từ đó được mãn trừ tuần tráng.

Vọng lão

Điều thứ 47: Ai đã đến tuổi 50 thì phải cúng cho dân 10$00 từ đó thì được miễn trừ đê điều tạp dịch, bằng ai không nộp các số ngân ấy thì phải đi tuần cho đến 61 tuổi.

Khao trình văn bằng

Điều thứ 48: Những người thi đỗ văn bằng sơ học Pháp Việt giở lên, được phép trình dân nộp vào công quĩ 30$00 thì được trừ tuần tráng.

Khánh điếu

Điều thứ 49: Các cựu lý dịch và trong ban hương hội cùng trùm cán, quản giáo bất kỳ tân cựu khi tạ thế thì dân sẽ xin cho một lễ 0$50.

Việc tang ma

Điều thứ 50: Chỉ hạn trong ba ngày là thành phục tống táng, nếu nhà nào chậm trễ vì con cái làm việc buôn bán xa chưa chạy kịp hay là vì cớ gì khác phải chậm trễ thì phải là lễ chính đáng mới được, nhưng cũng không được để quá 5 ngày, nếu khi thời khí không yên thì phải tống táng trong 24 giờ.

Còn sự muốn xin cha xứ làm phép xác hay là lễ quy lăng thì phải có 10 miếng giấu cây viên cán biên, còn tráng dịch thì tang gia phải chịu.

Sự cắt đô tùy

Điều thứ 51: Còn về sự cắt đô tùy thì tuần tráng phải khiêng, nếu ai đi vắng thì gia nhân phải quản nhận, bằng bỏ khiếm thì phạt 0$20, bằng kế nào ở nhà mà vì bướng bỉnh không chịu khiêng thì nhất thử phạt 0$50, nhị thử 1$00, bằng lần thứ ba thì dân biên vào sổ, nếu nhà ấy có ai mệnh một thì dân không tống táng cho.

Tổng kết

Sổ cải lương hương tục này là so sánh lệ tục cũ mà châm chước với thời nghi, vậy những người trong làng phải theo đó mà thi hành, còn những lệ tục cũ, điều nào trái với những điều trong sổ cải lương này đều bỏ đi hết.

Ai không tuân thời hội đồng trình quan trừng trị. Ai làm điều gì phi pháp thì cứ chiểu theo tục lệ mà phạt.

Làm tại Yên Lương ngày 16 Maws 1936.

HƯƠNG ƯỚC LÀNG ÍCH VỊNH

Tổng Cổ Điển, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông

Thời nào cũng vậy, nước nào cũng thế, muốn cho trong nước được yên ổn làm ăn, trên thuận dưới hoà, có kỷ cương, luân thường đạo lý tất phải có luật.

Luật tức là quyển sách ghi chép các điều lệ mà trên tức là vua, quan, dưới tức là dân đinh đều nhất nhất ưng thuận thi hành để trừng trị những kẻ vô luân thường đạo lý và để ai nấy đều tuân theo mà ăn ở cho phải đạo, phép tắc thời mong trong nước mới được thịnh vượng làm ăn.

Vậy dân làng nào cũng thế tức phải có quyển hương ước, cũng như nhà nước có quyển luật làm cốt.

Hương ước biên chép các điều luật của dân làng đã thi hành, tất phải công bằng lẽ tất nhiên ai đã là người trong làng, tức phải theo hương ước.

Làm ra tại công sở làng Ích Vịnh tổng Cổ Điển, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông năm Bảo Đại thứ 1 tức là Dương lịch năm 1926.

Trên dưới đều hoà thuận kỷ kết hương ước:

Điều thứ 1: Nói về việc sưu thuế, nếu lĩnh măng - đa về thời lý trưởng phải thông báo tiên, thứ chỉ, chức sắc, hương lý, điền hộ chiểu sổ bạc trong măng-đa các hạng và tạp phí bao nhiêu, bổ cho đinh mỗi suất bao nhiêu tiền, điền thổ mỗi mẫu bao nhiêu tiền, rồi lập

thành sổ bổ để đồng dân ký kết đệ trình, xong giao cho lý trưởng phải thu trước ba ngày cho đủ. Nếu người nào bỏ sưu thì lý trưởng phải trình quan xét còn ai có ruộng công tư mà không đóng thuế, thời lý trưởng trình quan xin cắm ruộng ấy đem bán huỷ.

Điều thứ 2: Nói về việc cắt tuần, mỗi năm là một khoá, trong làng phải soạn mỗi hộ một người hoặc 2 người mà ra đi tuần cùng nhau canh giữ, trong làng, ngoài đồng. Có hai khu đồng: một khu từ Đồng Thiêng đến xứ Bờ Ngừ để niên làng bán đấu giá, bán thuế sương túc để lấy tiền sung công, còn một khu từ xứ Bờ Ngừ đến xứ Đồng Đồi giao cho tuần phiên canh giữ mà lấy lúa sương túc và thuế hoa mầu. Sương túc thời nội canh mỗi sào 1 lượm là ba gồi sáu nắm, nếu canh phòng bất cẩn thời phải đền mỗi sào 42 lượm. Còn dạ lấy mỗi sào 1 bó hạn thừng ba thước rưỡi, nếu mất mỗi sào phải đền 1 bó. Nếu ai lấy trộm dạ mà tuần bắt được thời hương hội phạt người ấy 0$10; gánh trộm phạt 0$30. Còn các hạng thuế trong làng thu như sau này: trâu mỗi con 0$10, bò mỗi con 0$06 mà canh phòng sơ khoảng thời trâu phải đền mỗi con 11 $00, bò mỗi con 8$00 còn như mất đồ vật gì thì cứ chiểu giá mà đền. Thuế hoa mầu các hạng và vườn ao mỗi sào 0$04, nếu canh phòng bất cẩn thời phải đền mỗi sào 1$00. Tuần tráng canh phòng hàng năm thời có việc canh phòng thời những người 48 tuổi giở xuống đến 18 tuổi không có nhiệm xã gì thời cứ cắt 2 người trên để đốc canh còn cứ lần lượt mà canh hoặc khi có bắt cờ quạt để đón các quan Tây, Nam thời những người ấy phải đi, nếu ai không đi mà phải mượn người khác thay thời phải nộp cho lý dịch 0$20 để thuê người khác đi thay.

Điều thứ 3: Nói về việc cứu cấp: Nếu trong làng thiết phát điều gì hễ thấy động hiệu trống mõ thời tuần phiên tất cả làng phải ra ứng cứu, người nào ở nhà không ra mà hội đồng xét thực thời phạt 0,5$, sung công. Người nào cự nhau mấy kẻ cướp mà chết thời làng cho con hoặc kỳ cựu và 10$, bạc nữa; nếu phải thương nặng làng cho 5$, bạc, ai bắt được kẻ cướp làng cho một tên xã hoặc kỳ cựu và 10$, bạc nữa.

Điều thứ 4: Đường sá cầu cống.

Nếu có khuyết liệt đâu thì trích số tiền công quĩ ra mà sửa sang lại cho được cao ráo sạch sẽ.

Điều thứ 5: Việc vệ nông:

Các đường cái trong làng ngoài đồng cấm những người có ruộng đất ở bên đường cái công không được xâm chiếm đào xẻ, làm cho đường hẹp hay huỷ liệt, nếu ai không tuân hội đồng xét thực thời phải để giả những chỗ ruộng đất xâm chiếm ấy và phạt 0,5$, sung công. Cấm không ai được gánh đất ruộng công nếu ai không tuân phạt 0,30$. Còn các đìa ải, đường cái có khuyết liệt đâu thời tuần phải trông coi sửa sang.

Điều thứ 6: Việc vệ sinh

Cấm những người nào mà nhà ở bên đường cái không được làm nhà phóng uế ở bên đường và những nhà có vật gì chết không được vứt bỏ ở hồ ao, sông giếng và không được chôn ở bên cạnh nữa. Nếu không tuân hương lý xét thực phạt 0,5$, sung công. Còn sông giếng, hồ ao nào mà có bèo sen thời trích tiền công mà thuê người sửa sang dọn dẹp cho được sạch sẽ.

Điều thứ 7: Việc đón tiếp các quan Tây, Nam

Nếu có bắt cờ để đón tiếp các quan Tây, Nam thời lý dịch phải cắt ngay tráng cơ đem cờ đi đón. Còn khi có các ngài về làng có việc gì thời chức dịch tuần tráng phải ra đón tiếp và các người trong làng trông thấy cũng phải ứng tiếp cho được trọng phong thể.

Điều thứ 8: Việc ngụ cư ký táng

Nếu có người đến ngụ cư, hoặc thê hương hoặc mẫu quán, hoặc làm con nuôi ai, muốn vào làng hay vào giáp nào cũng phải tường trình hương lý, tiên thử chỉ xét thực mấy được vào. Nếu có người đến ký táng vào đất công hay tư cũng phải nộp tiền ký táng vào dân 5$00 bạc và phải sửa lễ xôi gà oản quả đáng giá 1$00 bạc lễ thần kinh dân. Ruộng đất lai phải điều đình với điền chủ mới được. Nếu người

nào có ruộng phụ canh mà đến kỳ tảng vào ruộng của mình thời cũng phải sửa lễ như trên và cũng phải tường trình như trên.

Điều thứ 9: Việc quân cấp điền thổ

Làng có ruộng thần từ 31 mẫu, chi về thần từ Phật tự, tư văn tư võ, sắc vọng, ky điện, bô lão, Thường Tân cộng là 9 mẫu 4 sào, để lý trưởng 1 mẫu bút chỉ cộng chi hết 10 mẫu 4 sào, còn 20 mẫu 6 sào đem quân cấp tự 18 tuổi giở lên, mỗi người 1 sào cứ lệ 3 năm một khoá, cứ theo thứ tự lần lượt mà ăn không được hàm hỗn. Ruộng công ấy quân cấp rồi còn thừa bao nhiêu dân bán đấu giá để lấy tiền sung công.

Điều thứ 10: Việc tế tự

Làng đã chia ra các giáp, có một toà đình, một toà chùa, một toà đền, một toà văn chỉ, cả làng cùng cúng tế chung không được phân biệt. Ngày sự thần thời các giáp phải đệ lễ vật ra cho đủ hồi 11 giờ, nếu giáp nào chậm trễ thời phạt 0,30$ sung công. Việc nghênh thần đại kỳ phước đệ niên cứ ngày mồng một, mồng hai và mồng ba tháng hai nghênh thần thì trước trừ những người đại tang, khi công chúng đã cắt ai việc gì không được tị nạnh, ai đi vắng phải cáo thiếu nếu không phạt 0,20$ sung công. Ngày ấy có hát thờ, hát chèo mua trả pháo, đấu thắp lấy tiền công chi việc ấy, ai quang quẻ phải ra đình túc trực nghe hát, trên thời khoa mục, chức sắc, hương lý, kỳ mục, kỳ cựu, hương lão rồi đến nhiêu xã dân đinh phải ngồi cho có thứ tự. Còn những người giai làng không mua nhiêu xã gì thời phải khiêng cỗ hát của quan viên, các cụ và phải hầu hạ cho tử tế. Ai là người đại tang, tiểu cớ phải ra điếm để trông coi trong làng ngoài đình với tuần phiên. Cứ ngày mồng ba tháng tư lễ cầu yên 25 tháng Chạp lễ sáp (...) chiểu bổ nhân suất cả làng đều phải trực. Còn các tiết sự thần tháng 6, tháng 7, tháng 9, tháng Chạp thời cứ vào ngày mồng 3, thời tế tự cùng chung thời các giáp phải để lấm hoặc xôi chuối góp biếu quan viên tế. Ngày 9 tháng 5 đã có 8 sào ruộng hậu để giỗ hậu đến lượt giáp nào cấy ruộng thời phải chỉnh biện 1

trăm vàng đại vàng hồ 1 vạn, cau 30 miếng, lợn 1 con, tế xong rồi lợn ấy đem cân cả lòng lấy 4 yến 5 cân còn xôi rượu các giáp cùng cấp. Tế lễ xong rồi thủ biếu khoa mục, chức sắc, cảnh biếu kỳ mục, kỳ cựu; lầm biếu quan biên tế, giò chân biếu lý dịch 2 cái, thủ từ 1 cái, phường kèn một cái, còn thịt chia về các giáp cùng ăn uống. Ngày mồng 8 tháng Chạp giỗ đến đã có hơn bẩy sào và hơn 3 sào ruộng hễ đến lượt giáp nào cấy ruộng ao ấy phải chỉnh biện vàng đại 1 trăm, cau 30 miếng, lợn 1 con cân theo như lễ hậu. Còn như xôi rượu kính biếu ăn uống cũng như giỗ hậu. Tết Nguyên Đán ngày 1, ngày 2 ngày 3 ngày 7 và 30 tháng Chạp mỗi sóc vọng và mồng 3 tháng 3 mồng 5 tháng 5 mồng 10 tháng 10 đã có 4 sào ruộng thời chia các giáp, giáp nào giáp ấy sửa lễ. Tư văn đã có ruộng 2 mẫu giao cho hai người đương cai mỗi người 6 sào để lo, cứ ngày 12 tháng 2 và ngày 12 tháng 8 mỗi tiết một người đương cai phải sửa lợn 1 con hoặc 2 con giả cân lấy 1 yến nếu cân thiếu thời phải phụ thêm mỗi cân 0,30 cân lòng giả tư văn bỉ ngoại không cân, nếu làm 2 con lợn thời những di kinh chỉ được một con mà thôi, lại dân đương cai mỗi tiết 5$00 bạc sửa lệ tục và rượu gạo (...) khoản tư văn dùng đủ, có (...) mục, chức sắc canh biếu kỳ mục cựu, lầm biếu quan viên tế; còn 8 sào ruộng giao cho 8 người cấp lượt mỗi người phải cân 1 yến 6 cân xôi. Tư văn có tiền, gốc lãi ai cầm tiền gốc lãi tính đến 12$00 bạc mà không giả tư văn được thời tư văn truất ngôi người ấy; có kỳ cựu xuống xã, xã xuống bạch đinh. Việc tư võ đã có 1 mẫu 2 sào giao cho 2 người đương cai, mỗi người 6 sào đệ niên cứ ngày 12 tháng 2 và 12 tháng 8 mỗi người phải sửa 1 con lợn cân 4 yến rưỡi lòng bỏ ngoài giả tư võ. Tư võ đã có tiền gối, lại mỗi tiết phụ cho người đương cai 3,50$, để chi việc rượu gạo giầu cau cho đủ. Việc bô lão đã có ruộng 2 mẫu 3 sào giao đương cai 5 sào đệ niên cứ ngày 15 tháng 11 phải chỉnh biện rượu gạo các khoản dùng đủ còn 1 mẫu 8 sào giao 6 người cấy lượt cứ đến ngày 15 tháng 11 bô lão lấy tiền thứ, mỗi thứ mỗi người 0,80$, để bô mua lợn làm lễ. Việc chùa làng có một khu đất chùa 1 mẫu 3 sào và ruộng có 1 mẫu

1 sào lại có ruộng ký ky phụ canh ở các đồng nữa, đồng Ngọc Hồi 5 sào, đồng Lạc Thị 2 sào, đồng Quỳnh Đô 3 sào, đồng Huỳnh Cung 8 miếng, đồng Lưu Phái 8 miếng, đồng Vĩnh Ninh 3 sào cộng là 2 mẫu 5 sào 6 miếng giao cho thủ tự cày cấy phải sửa lễ sóc vọng hương đăng các tiết quanh năm, còn 15 tháng Giêng phải sửa lễ đức Chúa 9 cái thủ lợn, 2 chục phẩm oản, 1 nải chuối, 1 chai rượu, 1 cơi giầu. Đến rằm tháng năm và 15 tháng 10 phải sửa lễ hậu chùa cũng như 15 tháng Giêng; những lễ ấy xong rồi kinh dân cùng ăn uống. Việc Thường Tân để 2 sào ruộng và một sào đất giao các giáp cày cấy; đến ngày Thường Tân giáp nào cấy ruộng ấy phải sửa gà 5 con, xôi 1 yến 6 cân hồng chuối mỗi thứ ba mươi quả, rượu 2 chai và giầu cau kim ngân nữa. Lễ xong chia cả dân cùng ăn uống.

Điều thứ 11: Khao vọng

Trong làng ai chưa mua nhiêu xã mà có khoa mục Tây, Nam, hoặc được phẩm hàm, hoặc làm chánh phó tổng thì phải sửa lễ thần kinh dân, còn như ăn uống tuỳ lòng nhưng phải nộp dân 50,00$; ai đã có mua nhiêu xã rồi mà có khoa mục Tây, Nam hoặc được phẩm hàm hoặc làm chức dịch khao vọng 30$, bạc sung công và cũng phải sửa lễ thần kinh dân như trên, ai mà có kỳ cựu hoặc đã mua kỳ cựu mà được phẩm hàm thời ăn uống tuỳ lòng nhưng phải khao dân một con lợn, một mâm xôi, 5 chai rượu, hai trăm miếng cau giá 10$00, bạc lễ thần kinh dân ăn uống, thủ biểu khoa mục chức sắc, cảnh biểu kỳ lý, kỳ cựu, giò chân để biếu lý dịch hai cái, còn cả dân cùng ăn uống. Khao trùm trưởng, hoặc khi ai mà khao trùm tưởng tư võ; ăn thủ thời chiết nạp bánh dầy và ăn uống nhưng phải sửa lễ xôi gà oản quả giầu cau đáng giá 1$00 bạc lễ thần kinh dân.

Điều thứ 12: Vị thứ

Dân có việc công tiêu gì thời dân bản vị thứ như bản xã từ 12 tuổi giở xuống thời 12$00 bạc, từ 13 tuổi đến 17 tuổi cứ mỗi tuổi thêm 1$00 bạc nữa, từ 18 tuổi giở lên thời 20,00$, bạc; ai mà có chân xã rồi lên kỳ mục thời 25$00 bạc có chân kỳ cựu mà lên lý,

phó, hương trưởng thời cứ mỗi bậc 10$00, bạc. Ai mua xã hay mua kỳ cựu các hạng thời phải chồng tiền ký điểm 0,60$, ai mua kỳ cựu giở lên thời phải chồng 1$00 bạc, mới được vào chân kỳ cựu, ai không có chân xã hay không có chân xã mà đến 50 tuổi phải nộp 1$00 bạc nữa sung công mới được gửi vào chân hương lão, như ngôi hương lão ấy thời cứ nhiều tuổi ngồi trên, ít tuổi ngồi dưới, nếu hai người bằng tuổi nhau thời người xã trên người bạch đinh. Còn như ngồi vị thứ thì trên có khoa mục Tây, Nam, chức sắc, chánh phó hương hội, thư ký, thủ quĩ rồi đến nhất, nhị trường thi sinh có bằng văn tốt nghiệp thì sơ học yếu lược giở lên, lại đến lý phó hương trưởng mua, kỳ cựu mua, hương lão, lính binh, xã nhiêu và bạch đinh cứ theo vị thứ mà ngồi không được hàm hỗn. Người nào làm lý phó hương trưởng, chánh phó hương hội mà chưa có xã thì vọng vào dân 50$00 bạc, có xã rồi phải vọng 30$00, có kỳ cựu rồi phải vọng 15$00, còn như trưởng ba, hộ lại, thư ký, thủ quĩ chưa có xã hoặc có xã cũng khao vọng như lý phó hương trưởng, chánh phó hương hội, còn những người có kỳ cựu rồi phải vọng 10$00. Khi vọng tiền thời dân tả đơn tư bảo mới được vào ngôi ấy. Người nào đi lính thời dân chiểu theo ngôi thứ người ấy đương khi ra linh, làng cho lên một bậc, còn khao vọng cũng như người mua thứ vị, nếu người nào không khao vọng thời cứ ngôi cũ mà ngồi. Những người thí khoá sinh có văn bằng tốt nghiệp mà chưa có xã vọng 6$00, dân cho tên và người có xã vọng 12$00, dân cho tên kỳ cựu. Ai có kỳ cựu rồi dân cho ngồi ngôi hương hào cứ mỗi bậc phải vọng 10$00, mà dân cho ngồi tự ngôi hương hào đến ngôi thủ quĩ, còn khao vọng cũng như người mua kỳ cựu, ai cũng khao vọng, nếu không thì cứ ngôi cũ mà ngồi. Lệ dân đã có thứ bậc trên thời khoa mục phẩm hàm, thứ đến kỳ mục, lý dịch, kỳ cựu, hương lão xuống đến xã nhiêu, bạch đinh, ai cũng phải kính nhường nhau cho tử tế. Ai say rượu nói càn, người trên hiếp kẻ dưới. Kẻ dưới hỗn với người trên, hương lý xét ai trái nhẽ phạt 0,20$ sung công.

Điều thứ 13: Tục kính biếu

Giỗ điển, giỗ hậu thời thủ biếu khoa mục, chức sắc, cảnh biếu kỳ lý, kỳ cựu, giò chân để lý dịch 2 cái, trưởng hậu 1 cái. Tư văn thủ, cảnh cũng kính biếu như trên, lầm biếu quan viên tế. Tư võ thủ biếu bàn nhất, cảnh biếu bàn nhì, giò chân biếu bàn ba. Việc bô lão thời cảnh biếu tự 50 tuổi giở lên, thủ biếu 60 tuổi giở lên, đến 70 tuổi giở lên lại biếu thêm một cỗ nữa. Còn như mồng 3 tháng tư và các tiết tứ qui sư thần, thời thủ cảnh kính biếu các cụ hàng giáp, nhưng các giáp phải đưa lầm, hoặc xôi chuối kính biếu quan viên tế, đồ biếu ấy phải biếu tiên thứ chỉ, chánh phó hội đồng, lý dịch kính binh và hương lão từ 60 tuổi giở lên mà có nhiêu xã.

Điều thứ 14: Việc hôn lễ

Trong làng ai có con gái lấy chồng phải nộp cheo công dân, tường trình chánh phó hội, lý dịch, hô lại và tiên thứ chỉ, nếu có chánh phó tổng trong làng đương chức thời cũng phải trình. Lấy chồng trong làng nộp cheo công dân 1$00, lấy chồng làng khác nộp 2$00 sung công, khi nộp cheo phải sửa cơi giầu chai rượu để dân phá cheo.

Điều thứ 15: Việc tang lễ

Ai có tang lễ mời đô tuỳ làng giáp, hoặc quan viên tế ăn uống tuỳ lòng, còn tiền hiếu giáp nào nộp vào giáp ấy. Những người hung táng hay cát táng để vào đất công dân thời phải sửa lễ xôi gà oản quả lễ thần kinh dân; tường trình cũng như việc hôn lễ.

Điều thứ 16: Việc tường đất chung quanh làng

Có 260 trượng trước đã bán thuê chương cho các chủ, gần đâu mua đấy, phải giồng tre rào dậu cho kín đáo, nếu ai bỏ đường trống trải hương lý xét thực phạt 0,16$, sung công. Hết hạn dân bán chương khác giá bán tuỳ kỳ hạn cùng quyền lợi của người mua sẽ theo như văn tự của dân viết cho người ấy. Nếu người gần đấy không mua thời người khác mới được mua không được tranh nhau. Khi nào dân cần đến tre hoặc chông chà thời dân chiểu trượng tường quân bổ người mua phải chịu.

Điều thứ 17: Việc bầu cử hương lý

Khi nào có giấy, lúc hương hội mãn hạn cứ 25 người được bầu một người tộc biểu, người ấy phải tuổi từ 15 giở lên, nếu họ nào không đủ 25 người thời phải hợp với họ khác cho đủ số mới được bầu một người tộc biểu. Khi đã bầu tộc biểu xong thì theo nghị định quan mà bầu chánh phó hội thủ ngân, thư ký. Còn bầu lý phó trưởng thì khi nào có sức báo khuyết lý phó trưởng thời hương lý báo cáo cho cả dân biết, rồi sẽ xem người nào có gia sản đủ tư cách thời dân bầu người ấy đầu đơn ứng cử. Nếu người lý dịch nào bị can cách dịch hoặc bãi dịch thì dẫn truất ngôi không được ngồi ngôi ấy nữa.

Điều thứ 18: Việc hiệu lệnh

Trong làng đã có trống mõ, ngày thường thấy đánh trống 1 hồi 3 tiếng tức là trống họp việc làng hay là phá cheo, thấy đánh 1 hồi 6 tiếng là trống hội đồng, có việc dân hay việc quan hội đồng phải ra họp ngay. Ngày thường thấy đánh 6 tiếng mõ thời tuần phải ra ngay. Nếu thấy đánh trống mõ liên thanh ấy là việc cướp hay cháy thời tuần và cả làng ai cũng phải ra cả, nếu ai ở nhà không ra, hương lý xét thực phạt 0,30$ sung công.

Điều thứ 19: Việc cờ bạc, xóc đĩa

Cấm gá bạc, xóc đĩa, ai không tuân hương lý bắt được làm biên bản trình quan. Cấm không ai được làm việc gian phi hoặc nấu rượu lậu, thuốc phiện lậu, ăn trộm, trái phép việc gì quan trên bắt được mà dân phải đi khai báo phí tổn bao nhiêu người ấy phải chịu, cả làng bắt được cùng giải trình. Người nào gian dâm đĩch thục, ăn trộm trâu bò đều giải trình. Ai đào tường cắt luỹ, ăn trộm quả bầu, bắp ngô, buồng cau, nải chuối v.v... làng bắt được phạt 0,30$ sung công. Việc làng người nào ăn cắp xôi thịt thì phạt 30$00. Còn như cày cấy làm màu xong rồi cấm trâu bò, ngỗng vịt không được thả gần ruộng, nếu không tuân tuần phiên bắt được, phạt trâu bò mỗi con 0,05$, ngỗng vịt mỗi đàn 0,20$. Ai thả ngỗng vịt cứ mỗi chục con phải nộp vào dân 0,10$ sung công. Tiền ấy giao cho tuần phải thu.

Việc đánh nhau

Ai đánh nhau thưa kiện thì trước phải tường trình hương lý phân xử. Đánh nhau thương nặng phải giải trình, thương nhẹ cũng vậy.

Điều thứ 20: Việc đình

Dân để 9 sào ruộng 5 sào đất giao thủ từ cày cấy hương đăng quanh năm và các tiết cơm thờ. Khăn mộc dục và 20 quả hồng, ba đĩa cốm để mồng 3 tháng chín lễ Thường Tân.

Phụng đệ

Thanh Trì, le 6 Jauvier 1937

Le Tri Huyện

trannis *Hadong le 9 Mars 1937*

Le Tổng Đốc

Hoàng Trọng Phu Phạm Ngọc Hải. *Hadong le 22 Mars 1937. Hadong le 11 Jien 1938. Hadong le 17 Juin 1938.*

Ký tên và đóng dấu

Thừa sao y chính

Phụng đệ

HƯƠNG ƯỚC LÀNG GIÁP NHẤT

Tổng Khương Đình, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông

Điều thứ 1: Tiên chỉ ngồi chiếu thứ nhất, văn thời tiến sỹ, võ đạo sĩ khoa mục mới được ăn tiên chỉ, khi ông tiên chỉ vắng mặt tất cả đồng dân bàn định việc gì thì sau cũng phải trình ông tiên chỉ biết. Mà ngôi tiên chỉ thì phải có đồng dân thoả thuận làm giấy suy cử lên mới được.

Điều thứ 2: Hương chiếu ngồi ghế thứ hai, thì hai ông ngồi một chiếu, cứ đến 70 tuổi phải sửa lễ thánh trình dân biết sau mới được ngồi chiếu ấy, khi sửa lễ là:

Một mâm xôi, một cái mặt lợn, hai chai rượu, mười khẩu giấu lễ, ba mươi khẩu giấu tạ. Còn ngoài ra dân có việc gì cần đến, đồng dân thoả thuận bán, thì phải nộp lệ phí 15,00$, cũng được dự theo các ông đã đến tuổi sửa lễ rồi. Nếu đến tuổi này mà không sửa lễ hoặc dân không bán cũng không được ngồi.

Điều thứ 3: Hương toát ngồi chiếu thứ ba, ba ông ngồi một chiếu, cứ đến 50 tuổi dĩ thượng phải sửa lễ thánh trình dân cũng theo như điều lệ thứ hai nói trên.

Chức sắc từ 50 tuổi dĩ thượng thì ban nào theo ban ấy mà ngồi, ai cao phẩm ngồi trên tuỳ theo thứ tự mà ngồi.

Điều thứ 4: Ngồi chiếu thứ tư bốn người một chiếu, từ 40 tuổi dĩ hạ khi có sắc phẩm phải sửa lễ thánh trình sắc phẩm với dân mới

được ngồi, sửa lễ cũng theo như điều thứ hai, thứ ba đã nói ở trên. Cứ bốn người ngồi một chiếu, ai cao phẩm ngồi trên, ai thấp phẩm ngồi dưới. Lý trưởng và những người chức dịch cũng được dự vào ban này. Nếu ai có sắc phẩm mà không làm lễ thành trình dân cũng không được ngồi.

Điều thứ 5: Ngồi chiếu thứ năm, giai đinh từ bốn mươi chín tuổi dĩ hạ, cứ bốn người ngồi một chiếu, ai nhiều tuổi ngồi trên, ai ít tuổi ngồi dưới.

Điều thứ 6: Ngồi chiếu thứ sáu giai đinh dưới mười tám tuổi, cứ bốn người ngồi một chiếu, ai nhiều tuổi ngồi trên, ai ít tuổi ngồi dưới.

Điều thứ 7: Khi đại Kỳ Phúc hoặc có tiệc gì hễ mổ trâu bò hay lợn thời cái thủ chia ba, ông tiên chỉ một phần, các quan viên tế lễ một phần chia từ bàn tư giở lên, cái mông bàn nhì được hưởng cả, cái nầm chia ông từ, linh của dân và lý dịch, còn thân thể chia suốt thượng hạ. Nếu không có ông tiên chỉ thời cái thủ chia làm hai, các quan viên tế lễ một nửa, còn một nửa chia từ bàn tư giở lên. Có ông tiên chỉ thời ông tiên chỉ vào chủ tế, nếu không có ông tiên chỉ thời cắt ông nhiều tuổi ở bàn nhì vào chủ tế trong khi đại Kỳ Phúc.

Điều thứ 8: Khi các ông quá cố từ bàn ba giở lên, thấy trong nhà phát tang, thì ngoài dân phải cho nổi hiệu cắt giai, lệ cắt giai là: Hai ông chấp liệm hai ông thể sát trong ban ấy và mười sáu người giai từ 49 tuổi giở xuống, cùng lý trưởng và hương trưởng phải trông coi vào việc ấy, hễ gia chủ thấy ngoài nổi hiệu cắt giai, phải sửa hai mươi bốn gói giầu ăn, hai mươi hai cái khăn trắng quấn đầu, hai mươi hai cái thắt lưng trắng và hai lá cờ trắng để dẹp đám. Khi an táng xong, gia chủ phải nộp lệ phí là 0,5$ để các ông chấp hiệu thể sát, hương lý và giai đinh giầu nước, nhưng khăn trắng và thắt lưng trắng nếu hiếu chủ nào mà bần bách quá mà không sửa được thời dân cũng chước cho. Khi tống chung xong, thì từ ngày tống chung đến khi chậm lắm là ba năm hiếu chủ phải sửa một cái lễ ít nhất là 2,00$ để tạ dân, neu ai nghèo túng quá không lo được thì dân cũng miễn cho.

Điều thứ 9: Từ bàn tư giở xuống ông nào quá cố thì gia chủ phải có ba mươi khẩu giầu xin với dân, thì dân mới cắt giai, lệ cắt giai là: hai ông chấp hiệu, hai ông thể sát, trong ban ấy phải có giai từ mười tám tuổi giở lên, cùng lý trưởng, hương trưởng phải trông coi về việc ấy, còn các lệ khác cũng theo như điều thứ tám ở trên nhưng phải nộp lệ là 1,00$ bạc để lo tiền giầu nước.

Điều thứ 10: Giai làng lấy gái làng phải nộp lệ là 2,00$ 0,50$, ba mươi khẩu giầu, hai chai rượu, gái làng lấy trai làng khác phải nộp lệ là 5,00$ và 1,00$ lệ cau giầu để cho phương trưởng, còn giầu rượu cũng như khoản nộp cheo.

Điều thứ 11: Ký táng vào đất công, người làng phải nộp lệ là 3,00$. Sửa lễ yết thần là một mâm xôi, hai chai rượu, một cái mặt lợn, mười khẩu giầu lễ, ba mươi khẩu giầu tạ. Khi khởi hành phải có giầu trình lý dịch biết. Táng xong, phải sửa một đĩa xôi, một chai rượu, một cái giò lợn và mười khẩu giầu cho tuần phiên, còn người ngoài ký táng vào đất công phải nộp lệ là 5,00$ các lệ khác cũng theo như trên, phải đưa thêm ông từ 0,50$ vàng hương.

Điều thứ 13: Nguyên sáu sào ruộng chi ông từ để dầu đèn và các tuần lễ thánh trong một năm.

Điều thứ 14: Nguyên một mẫu ruộng để nhà chùa hương đăng và tu bổ vào việc chùa.

Điều thứ 15: Chi bút chi cho lý trưởng, trưởng bạ và hộ lại, bán sông Tô Lịch giang vị giới, lý trưởng được hưởng hai phần ba, còn một phần ba, trưởng bạ hai phần, hộ lại một phần.

Điều thứ 16: Những quả muỗm ở nơi thuộc đất công, lợi tuế ấy chia làm bốn phần, công dân lấy hai phần, chi ông từ một phần, còn một phần cho lý trưởng.

Điều thứ 17: Lệ tuần tráng thời ai có nóc nhà trong làng đều phải ra tuần. Nếu già yếu quá không ra nằm tuần được có con nhớn hoặc thân nhân phải ra thay. Nếu không có ai thay được hoặc vì lẽ gì, làm ăn xa vắng phải nộp lệ là 1,00$. Các nóc nhà chia làm hai phiên,

khi đến phiên nào thời phiên ấy suy cử lấy một người hương trưởng, hoặc trương tuần ra trông coi nội thương ấp, ngoài đồng điền và thu lấy tiền nộp cùng các bổng lợi khác để thuê người và chi tiêu các việc hàng phiên.

Điều thứ 18: Nguyên có cái chợ cả năm có một phiên vào hai mươi bẩy tháng Chạp họp mua bán ăn tết thì cho tuần phiên lấy giải một xu, hai xu hay dăm xu tuỳ các hàng to, nhỏ để giầu nước trông coi khi họp chợ.

Điều thứ 19: Những nhà ở trong làng, có khách lạ phải có giầu trình Hương lý biết và đến xét xem có phải người lương thiện không. Nếu có điều gì khả nghi thời người có khách ấy không được lưu lại trong nhà. Nếu nhà nào có khách lạ, không trình với hương lý mà hương lý bắt được thời nhà ấy chứa quân gian, xẩy ra điều gì nhà ấy phải chịu hết trách nhiệm. Còn các người kiều cư, ký ngụ ở làng cứ đến tối phải ra nằm điếm với tuần để giữ những sự gian phi vì những người ấy không có ai bảo lãnh.

Điều thứ 20: Khi trong làng xảy ra hoả hoạn, đạo tặc tuần tráng hoặc người làng ra ứng cứu, ai bắt được quân gian sẽ được thưởng một tên nhiêu nam suốt đời được trừ tạp dịch. Nếu bị thương nhẹ, dân cho năm đồng bạc, nếu bị trọng thương dân cho 10,00$ để phục thuốc. Nhỡ thiệt đến tính mạng (chết) dân cho ba mươi đồng bạc để tống táng và phải cắt giai, không phải nộp lệ gì cả. Hễ có con thời cho con, nếu không có con thời cho người thân bạc mệnh ấy một tên nhiêu nam được trừ tạp dịch suốt đời không phải đóng.

Chúng tôi là kỳ lý, hương hội và đồng dân chiểu theo bản sơ thảo hương ước, quan lớn đã chứng kiến cho chúng tôi tuyên đọc điều nghị tại cổng đình làng chúng tôi vào ngày 6-5-1938.

Vậy xin quan lớn bẩm lên quan trên duyệt y về cho dân chúng tôi tuân tạ.

HƯƠNG ƯỚC LÀNG TƯƠNG MAI

Tổng Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông

Bài tựa

Một làng lớn thì ví như một nước, nhỏ chỉ vi như một hội. Nếu muốn cho sử cai trị một nước, một làng, một hội cho có chất tự công bằng, thì một nước phải có luật, lệ một nước một hội phải có điều lệ một hội, thế thì một làng lại không có khoán ước của một làng hay sao?

Làng Tương Mai chúng ta đây là một làng văn hiến đã lâu, các tiền dân chúng ta là những bậc khoa bảng tài cao, học rộng, cho nên các cụ đã đặt ra những khoản lệ trong làng chúng ta cũng đã chỉnh đốn lắm, nhưng không phải đã từ xưa làng chúng ta không có khoán lệ vậy.

Nhưng việc đời phải có biến thiên, không sao giữ cố mãi được, vậy nên chúng ta phải tuỳ thời châm chước cho khoản lệ hợp với thời nghi, thời sử văn minh trong làng chúng ta đây mới tiến bộ lên được.

Vậy nay thân kính cổ kim, chúng ta cùng nhau ứng đặt một cái hương ước cho làng Tương Mai chúng ta như sau này: đem ra tuyên bố cho thượng thông, hạ đạt cùng nhau ký kết để trình duyệt y, đem về thi hành cho trong làng chúng ta có trật tự, công bằng để cùng nhau bước lên trên con đường văn minh trong thế giới ngày nay vậy.

Nay kính tựa

Phần thứ nhất
Chính trị
Khoản thứ I

Lập hội đồng hương chính, ban trị sự, hội đồng kỳ mục và đại hội đồng công dân.

Điều thứ 1: Chiểu theo quy định quan thống sứ Bắc Kỳ ngày 25 tháng hai năm 1927 lập ra ở làng Tương Mai, tổng Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông một hội đồng gọi là hương hội để cai trị những việc công của làng.

Điều thứ 2: Những hội viên của hội đồng ấy thời phải chọn người từ 25 tuổi giở lên có đủ tư cách thông thái, đứng đắn, ở trong các giáp gọi là giáp biểu, giáp nhớn bầu nhiều giáp nhỏ bầu ít theo như nghị định, những giáp biểu ấy làm việc sáu năm một khoá.

Điều thứ 3: Bầu những giáp biểu thời trong giáp phải thoả thuận, ký kết vào biên bản đệ trình quan trên duyệt y. Những người đã can án, phạt giam, bị cách và bị bắt thì không được cử ra làm giáp biểu. Những người đương làm giáp biểu thời được quyền lợi ngôi thứ nói ở phần thứ nhất.

Điều thứ 4: Trong hội đồng hương chính phải chọn lấy một ban trị sự có bốn viên chức sau này:

1. Viên chánh hương hội
2. Viên phó hương hội
3. Viên thư ký
4. Viên thủ quĩ

Điều thứ 5: Nếu cử những chức dịch trong ban trị sự mà có nhiều người tranh nhau thời phải bỏ phiếu kín mà bầu, ai hơn được làm chứ không được tranh ty. Ban trị sự thì lệ cũng sáu năm một khoá.

Điều thứ 6: Chánh hương hội thời phải trọng người có danh giá đứng đắn công bằng và quyết đoán để làm chủ toạ hội đồng, để thay mặt dân mà ký các giấy má để cai quản và quyết đoán công việc trong làng.

Điều thứ 7: Phó hương hội phải trọng người có danh giá, đứng đắn và công bằng để giúp việc viên chánh hương hội. Nếu chánh hương hội đi vắng thời phó hương hội được chủ toạ thay và có thể ký thay các giấy má của hội đồng.

Điều thứ 8: Thư ký phải trọng người biết chữ Nho, thông Quốc ngữ và giỏi tính toán để coi giữ từ hàn cùng biên chép sổ sách của dân.

Điều thứ 9: Thủ quĩ phải trọng người có tư bản vật lực và cũng phải biết chữ và tính toán để coi giữ công quĩ, biên chép giấy má sổ sách thuộc về tiền bạc của dân. Nếu trong ban hội đồng chưa có thể chọn được thư ký, thủ quĩ, thì phải chọn người trong làng mà bầu.

Điều thứ 10: Trong hương hội có thể chia ra làm ba ban như sau này, để làm việc cho có chuyên trách.

1. Một ban coi về việc chính trị, tế tự, giáo dục.
2. Một ban coi về các việc công tác, tục lệ, tuần phòng và vệ sinh.
3. Một ban coi về các việc tài chính, địa chính, nông thương và công nghệ.

Điều thứ 11: Mỗi ban có một viên trưởng ban làm đầu và bốn viên hội nghị. Viên chánh hương hội được giám đốc cả ba ban ấy.

Điều thứ 12: Lệ hội đồng mỗi tháng họp một kỳ, cứ ngày chủ nhật đầu tháng đúng 2 giờ chiều, những người có chân giáp biểu phải đủ mặt ở hội đồng để họp. Nếu chủ nhật ấy bàn không hết việc, thời đến chủ nhật sau phải họp luôn mà bàn cho xong.

Điều thứ 13: Hội viên nào bận thì phải có giấy hay có nhời xin kiếu vắng mặt, nhưng cũng không có thể cáo luôn năm kỳ hội đồng. Người hội viên nào không có cớ gì mà không đến dự hội đồng năm lần luôn, thời viên chánh hương hội phải làm giấy trình quan trên có ưng ý thì mới được từ dịch.

Điều thứ 14: Được quá nửa số người trong ban đến dự thì hội đồng mới được bàn việc. Hội đồng làm việc gì, viên thư ký phải làm biên bản, tờ biên bản ấy phải có chữ ký của hội viên hiện tại để lưu chiểu.

Điều thứ 15: Khi bàn việc ai muốn nói gì, thì phải có từ tốn kẻ trước người sau. Nếu nhiều người muốn nói một lúc, thời viên chủ toạ phải định lần lượt, bàn xong thì phải giải tán ngay.

Điều thứ 16: Những việc bàn nếu quá nửa số người đến họp bằng lòng thì mới được thi hành, nếu ý kiến bất nhất thì phải bỏ phiếu kín, hoặc giơ tay, bên nào nhiều người thuận hơn thì việc làng phải theo, nếu phân đôi, thì ban nào có chánh hương hội ưng thuận thì bên ấy được.

Điều thứ 17: Nghị viên nào vào hội đồng mà say rượu ăn nói vô phép, càn giở thì phải phạt 0,20$ sung công lần sau phạt bội. Nếu cãi nhau, đánh nhau, thời hội đồng xét ai trái phải phạt 0,30$, hễ ai không chịu nộp phạt, hoặc ai bị phạt luôn ba lần như thế thì phải trình quan trên trừng phạt.

Điều thứ 18: Khi khuyết chân giáp biểu nào, thời giáp ấy phải chọn người khác điền ngay cho đủ số hội viên, những người đã bị bãi chân nghị viên thời không được bầu lại nữa. Còn những người từ dịch, hoặc mãn khoá thì lại được tái cử. Nếu cả ban hương hội còn sáu tháng nữa mãn khoá thì không phải điền chân khuyết ấy nữa.

Điều thứ 19: Nếu trong làng có người nào có ý kiến hay và ích lợi cho dân mà muốn bàn mấy hội đồng, thì phải nói với viên Chánh hương hội biết trước để viên ấy tường với hội đồng, rồi phải theo lệ phép mà bàn nói, người trong làng nếu ai theo lễ phép mà bàn, hỏi điều gì thì hội đồng cũng phải lấy lễ phép mà đáp lại cho minh bạch.

Điều thứ 20: Hễ khi có nhiều việc công dân thì hương hội được phép cắt cử những người trong làng tuỳ tài năng, tuỳ chức vụ mà thi hành.

Điều thứ 21: Hễ ai không có cớ gì chính đáng mà không chịu tuân theo hương ước và nghị định của hội đồng, thì hương hội sẽ liệu cách trừng trị hoặc sẽ trình đại hội đồng công dân xét xử.

Khoản thứ hai
Hội đồng kỳ mục và đại hội đồng công dân

Điều thứ 22: Hễ trong làng có đủ số người mà lập được thành hội đồng kỳ mục, thời bây giờ sẽ chiểu nghị định ngày 25 tháng hai năm 1927 của quan thống sứ mà thi hành. Sự lập thành và sự hành động của hội đồng kỳ mục thì cứ chiểu theo nghị định ấy mà thi hành.

Điều thứ 23: Mỗi năm vào ngày chủ nhật thượng tuần tháng Chạp ta phải họp đại hội đồng công dân từ 18 tuổi giở lên, để công nhận sổ kết toán năm trước và sổ dự toán năm sau, các tờ trình về công việc của hương hội trong năm trước.

Điều thứ 24: Chủ toạ kỳ đại hội đồng nay là một ông nhất bên tước, có một ông nhất bên xỉ và một ông nhất bên nước làm cố vấn. Nếu ba ông này ngăn trở không dự hội đồng được thì cắt các ông liền ngay dưới. Các ông ấy lại trong ba người có tài giỏi trong dân mà giao cho xét trước các sổ sách của hương hội và hương hội đã đệ trình 7 hôm trước ngày mở đại hội đồng.

Điều thứ 25: Nếu xét thấy đúng phép và đáng khen thì đại hội đồng bỏ phiếu nhiều người bằng lòng, sẽ ghi tên người có công vào sổ kỷ công, nếu sai suyễn, gian lận, cũng bỏ phiếu nhiều người không bằng lòng thì sẽ... ghi tên người có lỗi vào sổ kỷ quá, hoặc trình quan trên xét xử.

Điều thứ 26: Hễ ông nào được kỷ công dân ba lần, thì cả dân sẽ cử đại biểu đến tặng một đồ mừng Tây, cần chọn đúng giá 6 $00.

Khoản thứ ba
Sổ sách – Công quĩ

Điều thứ 27: Muốn cho việc chính trị trong làng có trật tự có chừng mực minh bạch, thì phải có những sổ sách như sau này:

1. Quyển sổ địa toán
2. Quyển sổ chi thu

3. Quyển sổ lưu trữ công quĩ
4. Quyển biên bản hội đồng
5. Quyển sổ thư vàng
6. Quyển sổ thư lại

Điều thứ 28: Sổ dự toán là một quyển sổ căn cứ đến kỳ đại hội đồng công dân họp xem tiền trong trữ quĩ còn lại bao nhiêu liệu mà dự định những việc phải thu, phải chi năm sau một khoản nhất định là bao nhiêu, sổ này khi nào định hay sổ tiền thu nhập của làng được đủ số như nghị định của nhà nước đã định thì sẽ thi hành.

Điều thứ 29: Sổ chi thu thì để chép những việc chi thu từng khoản, từng điều, nếu đến cuối năm xem cho biết mà làm sổ dự toán và cần nhất là sổ cho hội đồng biết những việc đã tiêu để khỏi tiêu quá số tiền trong sổ dự toán đã định (sổ này thủ quĩ giữ).

Điều thứ 30: Quyển sổ lưu trữ trong quĩ để viên thủ quĩ chép những tiền dân để dành (thủ quĩ giữ).

Điều thứ 31: Quyển biên bản để biên các thời ban của hội đồng (chánh hội giữ).

Điều thứ 32: Quyển sổ thư vàng và quyển sổ thư lại sổ biên các thư từ vãng lai (thư ký giữ).

Điều thứ 33: Những quyển sổ đã kể ở trên này thì bổn phận người nào người ấy phải giữ gìn cho cẩn thận, nếu mất mát hư hỏng thời hội đồng sẽ tuỳ theo lỗi nặng nhẹ mà hoặc trình quan trên hoặc phạt 0,20$ sung công, đến khi giải chức phải bàn giao cho người thay mình.

Điều thứ 34: Tiền công thời giao viên thủ quĩ phải giữ. Nếu mất mát suy suyễn thì viên ấy phải bồi thường.

Điều thứ 35: Khi có tiền phải thu thì chánh hương hội biên giấy phát lĩnh cho thuỷ quĩ biết mà thu, phát ấy phải biên rành số tiền là bao phiêu, về việc gì.

Điều thứ 36: Nhận tiền của ai thì thủ quĩ phải biên giấy biên lai cho người ấy.

Điều thứ 37: Chi tiêu việc gì thì đã có biên bản dự định của hội đồng không bao giờ được quá số tiền đã định.

Điều thứ 38: Khi cần tiêu việc gì thì chánh hương hội làm giấy phát ngân giao cho người có việc đến thủ quĩ mà lĩnh tiền. Nếu không có phải phát ngân của chính hương hội thời thủ quĩ không được phát tiền cho ai cả. Khi phát tiền cho ai thời phải bắt người ấy ký nhận.

Điều thứ 39: Mỗi tháng hội đồng phải kiểm quĩ một lần, khi khám quĩ thì có biên bản để lưu chiểu.

Điều thứ 40: Hết năm hễ trong sổ dự toán chi tiêu còn thừa lại thì phải bỏ vào trữ quĩ và phải vào sổ số tiền từng khoản cho minh bạch. Không bao giờ chánh hội được thiện tiện trích tiền trong sổ trữ quĩ mà tiêu việc gì.

Điều thứ 41: Nếu có việc tiêu bất thường phải cần tiền (từ 20$,00 giở xuống thời hội đồng phải họp mà bàn làm biên bản nói rõ vì cớ gì mà tiêu, còn như việc tiêu quá số 20$,00 thời biên bản ấy phải trình quan duyệt y mới được thi hành.

Điều thứ 42: Nếu trong trữ quĩ có nhiều tiền thời hội đồng có thể tậu ruộng để làm của công.

Điều thứ 43: Làng có nhiều tiền công thì nên gửi nhà banque thì hơn, tưởng không nên cho người làng vay rồi sinh ra thưa kiện mất lòng nhau.

Khoản thứ tư

Chánh phó lý, trưởng bạ, hộ lại, giáp trưởng và đang cai

Điều thứ 44: Phàm công việc gì của dân, chánh phó lý không được quyết đinh một mình, phải tường với chánh hội để chánh hội tường với hội đồng, bàn định và phải theo ý chung của ban hội đồng mà làm. Hễ quan trên có sức hỏi việc gì, cũng phải tường với chánh hội không được dấu diếm.

Điều thứ 45: Lý trưởng thì để thay mặt dân thừa hành việc quan và coi việc binh lương, sưu thuế và cẩm phòng mà mỗi năm dân cấp cho lý trưởng một mẫu hai ruộng để chi phí việc quan.

Điều thứ 46: Phó lý là người giúp việc lý trưởng để coi sóc đê điều, tuần phòng và kiêm chức cảnh sát trưởng, mà dân cấp cho phó lý mỗi năm 8 sào ruộng để chi phí việc quan. Dân trích công quĩ cấp cho hương trưởng mỗi năm 5,00$ và cấp cho hộ lại mỗi năm 5,00$ để chi phí việc quản lý, phó trưởng hương trưởng, hộ lại nếu đi việc quan thời không được tính tiền lộ phí nữa.

Điều thứ 47: Lý phó trưởng có quyền được dự hội đồng, nếu xét thấy những viên chức trong ban trị sự cùng những giáp biểu làm điều gì trái hương ước, thì phải trình viên chánh hội đồng kỳ mục để viên ấy xét xử. Trưởng bạ, hộ lại chỉ được dự thính thôi.

Điều thứ 48: Khi khuyết lý phó trưởng, trưởng bạ, hộ lại thời phải theo nghị định nhà nước mà bầu.

Điều thứ 49: Lý phó trưởng trong khi tại chức nếu có làm gì lầm lỗi về tục làng thời hương hội phải trình viên chánh hội đồng kỳ mục xét xử, nếu hội đồng ấy xét qua (...) nếu nhiều phiếu bằng lòng (...) thời đại hội đồng phải trình quan trên xin bãi chức đi mà xin bầu người khác thay.

Điều thứ 50: Hai mươi người dưới các bô 50 tuổi của bốn giáp thời gọi là giáp trưởng, thời phải giữ đồ thờ của dân, khi dân tế được bồi tế khi dân có việc gì mãi biên mà hội đồng cử dân thì phải thi hành.

Điều thứ 51: Bốn người đang cai của bốn giáp, khi dân có hội họp thời phải đi nói các việc chức sắc và bộ thương, khi các ông ấy đi vắng thời phải đưa phẩn ngôi và khi dân có việc gì mà hội đồng cử đến thời phải thi hành. Các người bên trụ nếu đến lượt làm đang cai thời có thể mượn người khác thay được, còn những người bên nước thời chính thân phải làm đang cai, cấm không được mượn người khác thay.

Khoản thứ năm
Bổ sưu thuế

Điều thứ 52: Đệ niên hễ kỳ lĩnh bài chỉ về thời phải tường với viên Chánh hương hội để họp hội đồng mà tính bổ, khi bổ phải chiếu theo bài chỉ ngạch thuế của nhà nước đã định mà phân cho đều, đinh

không được chia đàn anh, đàn em và điền không được chia nội canh, ngoại phụ mà bổ nhiều ít.

Điều thứ 53: Trong bài bổ phải viết rõ bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu thuế đinh, thành tiền bao nhiêu, không được làm hỗn.

Điều thứ 54: Khi đã bổ xong phải yết thị tại đình cùng các xóm đinh mỗi suất bao nhiêu, điền mỗi mẫu bao nhiêu, cho nhân đinh điền chủ đều biết và hạn trong mười ngày phải đem tiền thuế đến nhà lý trưởng mà nộp cho đủ và lấy biên lai. Nếu lý trưởng thu có trở ngại gì thời phải trình hội đồng hộ thu. Nếu lý trưởng thu hà lạm, quá bài bổ thời người đương sự trình hội đồng xét rồi chuyển trình lên quan trên.

Điều thứ 55: Hễ người nào nộp thuế mà không lấy biên lai thì thuế ấy coi như không nộp.

Điều thứ 56: Nếu quá ngày đã định mà ai chưa nộp kịp thời lý trưởng tường hội đồng đòi giúp. Hoặc cho một tháng kể từ ngày hết hạn nộp mà còn chưa nộp thời hội đồng trình quan trên xét xử, còn người nào bỏ sưu thời trình quan răn trị và tước ngôi hương ẩm.

Điều thứ 57: Khi đến hạn quan trên đã định mà thuế còn thiếu ít nhiều thời phải kêu tên những người thiếu thuế ấy tường với hội đồng, hay tạm vay tiền trong công quĩ mà nộp cho đủ ngạch thuế nhà nước, rồi sẽ thu sau, hoặc trình quan xét xử.

Điều thứ 58: Đến kỳ đệ nộp thời lý trưởng phải đem tiền thuế đi nộp cho cẩn thận, nếu suy suyển phải bồi thường.

Điều thứ 59: Dân bổ cho lý trưởng mỗi đồng bạc thuế là hai xu để chi về việc toạ thu phí tổn.

Điều thứ 60: Ngày bổ thuế cấm không được bầy cuộc ăn uống và thuốc phiện.

Khoản thứ sáu

Kiện cáo và cãi nhau

Điều thứ 61: Trong làng ai kiện cáo về dân sự hay thương sự trước phải tường hội đồng hoà giải, nếu không thuận tình sẽ trình quan trên xét xử và phải nộp 0,20$ tiền lệ phí sung công.

Điều thứ 62: Hễ lý dịch hoặc nhân dân ai trình việc gì thời chánh hội phải chọn ngày họp hội đồng để xét xử lấy lệ chính đáng và tình thân ái mà hoà giải, khi hoà giải xong phải theo trong luật mà làm hoà giải chứng thư giao cho lý trưởng trình quan sở tại biên vào sổ lưu chiểu.

Điều thứ 63: Việc hoà giải không xong mà nguyên bị đem nhau đi kiện cửa quan trên mà hội đồng phải đi làm chứng, thời người thua kiện phải chịu tiền phí tổn cho hội đồng.

Điều thứ 64: Những việc hình sự gì không có thể hoà giải được những người đương sự phải trình cho lý trưởng và hội đồng biết.

Điều thứ 65: Hội đồng xét hỏi duyên cớ việc hình sự ấy phát ra từ đâu, rồi làm biên bản trình quan chứ không được bắt hay là cho tuần sách nhiễu nhà sự chủ, nhưng sau khi quan trên xét ra ai có lỗi, thời phải chịu tiền phí tổn cho tuần.

Điều thứ 66: Đêm hôm nếu người nào cãi nhau hay vô cớ hô hoán để náo động làng xóm thời phải phạt từ 0,$20 cho tới 0,50$ sung công.

Điều thứ 67: Hễ ai mất mát vật gì mà không biết là ai lấy, thời để ý mà dò tìm chứ không nên rêu rao chửi rủa đồng đường để cho làng được yên ổn và cho mỹ phong hoá.

Khoản thứ bảy

Cắt tuần canh phòng trong làng ngoài đồng

Điều thứ 68: Canh phòng là việc quan trọng thì tất cả hàng dân đinh trong làng từ 18 tuổi trở đi đều phải lần lượt cắt đi, chỉ trừ những người có sức được miễn sai, trừ hai tên nhiêu quả, thủ từ, một tên nhiêu của lý trưởng, một tên nhiêu của chánh hương hội.

Điều thứ 69: Những người đi xa vắng mà vẫn giữ ngôi hương ẩm hoặc những người có nhà mà vì duyên cớ gì không đi tuần được thời được mượn người đi thay, nhưng phải mượn người khoẻ mạnh và cẩn thận, nếu sơ suất người chủ mượn cũng có trách nhiệm.

Điều thứ 70: Tuần dân mỗi năm lệ cắt là mười ba người, một người trương tuần và 12 người tuần phiên giao cho hộ lý làm cảnh sát trưởng quản đốc để tuần phòng trong làng và ngoài đồng. Trong khi những người ấy đương giữ việc thì được trừ tạp dịch canh đê và đắp đê.

Điều thứ 71: Những người có bằng, có thấy đến lượt ai tuần, đi canh đê và đi sang hộ mà mắc bận không đi được thì được nộp lệ 6,00$, được tinh trừ tạp dịch mãi, còn những người đi vắng không có bằng, mỗi lượt đi tuần phải nộp 3,00$, trừ cả tạp dịch trong năm ấy, mua tại hội đồng, tiền sung vào công quĩ.

Điều thứ 72: Tuần phiên phải tùy lòng lý dịch và hội đồng sai bảo việc quan, việc dân đêm hôm phải luồn quanh trong làng và ngoài đồng, để phòng những quân trộm cướp gian phi, khi có hội đồng họp thời phải có vài người để ứng hầu.

Điều thứ 73: Nếu trong làng có nhà nào mất trộm cướp mà không bắt được đứa gian phạm, thời tuần phiên phải phạt mỗi người 0,20$ sung công, song khi cướp nếu hội đồng đã xét tuần hết sức chống cự thời không phải phạt.

Điều thứ 74: Nếu người tuần nào bắt được đứa kẻ trộm nào thì được thưởng 5,00$ đánh chết một đứa kẻ cướp được thưởng 10,00$ bắt sống được đứa kẻ cướp được thưởng 20,00$.

Điều thứ 75: Lúa và hoa màu ở ngoài đồng, tuần phiên phải canh giữ cẩn thận, nếu có sơ suất thời lý dịch và tuần phiên phải đền cho chủ ruộng theo thời giá.

Điều thứ 76: Mỗi năm mỗi mẫu ruộng phải nộp tiền sương túc nội canh 0,30$ ngoại canh 0,60$ phải nộp vào kỳ sưu thuế, lý trưởng phải thu, rồi nộp cho thủ quĩ lấy biên lai. Khi gặt lúa phải trình lý phó trưởng xin phép gặt thì mới được gặt. Nếu không xin phép mà cứ gặt, thời tuần phiên phải tường hội đồng, lý dịch xét phạt người chủ ruộng 0,20$ sung công.

Điều thứ 77: Tiền sương túc chia làm ba, lý dịch một phần, tuần một phần, còn một phần thì chi về việc vệ nông.

Điều thứ 78: Hễ tuần phiên gian theo hoặc bỏ trốn thời phạt 0$50 sung công, nếu bướng ngạnh trình quan trị tội.

Điều thứ 79: Khi động dụng thời có giấy sức phải ra canh điếm tổng thời sau này hội đồng sẽ liệu cách thuân tuần.

Điều thứ 80: Nếu có người lạ mặt vào làng thời lý dịch, tuần phiên phải tra hỏi, như không có thẻ tuỳ thân và tình nghi thời bắt giải trình quan trên.

Điều thứ 81: Nếu nhà nào có người lạ mặt mà từ năm người giở lên, hội họp trong ban đêm thời phải trình lý dịch trương tuần biết trước, nếu quả 10 giờ đêm mà không trình thời tuần phiên cứ việc bắt và phạt nhà chủ 0,20$. Nếu nhà nào có công việc gì mà muốn mượn tuần phiên canh gác riêng cho nhà ấy cho có trật tự, thời phải nộp mỗi ngày 24 giờ, mỗi người tuần 1,00$. Nửa ngày 12 giờ 0,50$, nộp vào công quĩ rồi sẽ cho tuần canh.

Điều thứ 82: Nội trong địa hạt làng từ 11 giờ đến 3 giờ sáng ai đi ngoài đường thời phải cầm một nén hương, một bó đóm, hay một cái đèn có lửa, nếu không có thì phải phạt từ 0,10$ đến 0,40$ trừ khi có giấy phép của chánh hội cấp cho thời không kể.

Điều thứ 83: Phàm người ở trong địa hạt làng, nếu ai dắt kẻ gian phi về làng hoặc chứa kẻ gian phi hễ bắt được thì người ấy phải phạt từ 0,50$ đến 1,00$ và trình quan nghị trị.

Điều thứ 84: Nếu người nào trộm cắp hoa mầu, phá huỷ đường ngõ, bờ ruộng chắn đập ngăn sông, tháo trộm nước ruộng, để các súc vật ra ngoài đồng làm hại lúa mạ, hoa mầu của dân và cây cối của công, tuần phiên bắt được trình hội đồng xét phạt từ 0,20$ đến 0,50$ sung công, rồi phải chiểu theo thời giá mà đền cho tài chủ.

Khoản thứ tám
Sự cấp cứu

Điều thứ 85: Gặp khi cần cấp như nước to, lửa cháy, trộm cướp v.v... trong làng hễ nghe thấy hồi trống ngũ liên thanh thời mỗi người

phải lập tức đến ứng cứu, chỉ trừ những người tàng tật, già yếu, nếu ai trễ biếng ẩn mặt không ra, hội đồng xét thấy phạt từ 0,20$ đến 0,50$ sung công.

Điều thứ 86: Cả tuần phiên và người dân hễ ai vì sự cứu cấp bị thương, làng cấp tiền chữa thuốc. Nếu nặng, thành tật dân cấp cho 20,00$ lại cho người ấy hoặc thân nhân cha chú anh em, con, cháu một tên nhiêu nam trừ tạp dịch... Người nào chả may chết thời dân cấp cho tiền tuất 50,00$, cả làng cắt đô tuỳ đưa ma cho tử tế và cũng cho thân nhân một tên nhiêu nam.

Khoản thứ chín
Vệ sinh

Điều thứ 87: Muốn cho người làng khoẻ mạnh cần phải theo phép vệ sinh nghĩa là phòng bệnh và chữa bệnh.

Điều thứ 88: Hội đồng thường phải khuyên bảo những người trong làng giữ nhà riêng và các đường ngõ, làng xóm cho được sạch sẽ, cấm không ai được vất những vật ô uế, mảnh sành, mảnh chai, súc vật chết ra đường ngõ... Cấm không được buộc trâu bò và đổ vật liệu gì ra đường ngõ, mà đường ngõ ở gần nhà nào thì nhà ấy phải quét dọn bồi bổ cho bền tốt và cho sạch sẽ nếu để bẩn, để hỏng và phạm cấm thì sẽ phải phạt từ 0,10$ đến 0,40$.

Điều thứ 89: Những giếng nước ăn hoặc ao thì phải giữ gìn cho trong sạch và cấm không ai được vứt những đồ ô uế, súc vật chết và buộc trâu, bò, lừa, ngựa gần giếng trong khoảng 9 thước.

Điều thứ 90: Những đồ dùng của người ốm hoặc chết thời phải đốt đi chứ không được vất xuống giếng, ao. Chuồng tiêu thì cấm hẳn không ai được làm bên cạnh đường và gần các ao, giếng. Nếu ai phạm cấm các khoản ở trên này mà tuần phiên xét thấy trình hội đồng phạt từ 0,10$ đến 0,50$ sung công.

Điều thứ 91: Khi trong làng nhỡ có bệnh truyền nhiễm thì lý trưởng phải trình quan trên để xin thầy thuốc về cứu chữa. Nếu trong

làng có người nào mắc bệnh hủi thì cũng phải trình quan trên đem ra dưỡng tế ngay không được ẩn lậu.

Điều thứ 92: Những đồ dùng của người mắc bệnh truyền nhiễm thì phải đem đốt đi mà chôn xuống đất chứ không được vứt ra đường ngõ, hoặc hồ ao.

Điều thứ 93: Hễ nhà nào có chó mà nghi là chó hoá dại thời phải trình ngay trương tuần sai người đến bắt mà đốt lại để đem lên sở thú y khám nghiệm, nếu ẩn nặc thì sẽ phải phạt từ 0,20$ đến 0,60$.

Khoản thứ mười

Công sở, đường sá, cầu cống, đê điều

Điều thứ 94: Cả làng cắt 4 người đầu dân ra làm chức thủ lộ để cùng phó lý trông nom đường sá, cầu cống, đê điều, những người ấy đương khi làm việc thì được trừ tạp dịch.

Điều thứ 95: Những người thủ lộ thì phải coi đường sá của dân cho bằng phẳng tử tế. Nếu có hư hỏng thì phải trình hội đồng trích tiền sửa chữa.

Điều thứ 96: Nếu hội đồng xét cần phải đắp thêm đường hoặc làm cầu cống cho có ích chung, thì phải họp bàn trình quan trên trích lấy tiền thuế làm và có lấy điền thổ của ai để dùng làm việc công ích thời được cứ theo giá cũ của chủ mà tính giả lại tiền cho chủ.

Điều thứ 98: Cấm không ai được phá huỷ cây cối ở chùa, đình, miếu không ai được mang đồ ô uế qua sân chùa, đình, miếu, không ai được phá huỷ tường của chùa, đình, miếu nếu ai phạm cấm sẽ phải phạt từ 0,20$ đến 0,50$ sung công.

Điều thứ 99: Khi quan trên có sức đắp sửa đê hoặc làm điếm canh nước thời lý trưởng, phó lý, thủ lộ phải trình hội đồng trích tiền công quĩ mà làm và cắt những người tráng đinh lần lượt đắp đê và canh đê, chỉ trừ cho những người được trừ đã nói ở khoản bảy nói về việc tuần phòng.

Khoản thứ mười một
Vệ nông

Điều thứ 100: Mỗi mẫu ruộng chủ điền phải đóng 0,10$ để chi cho dân đinh đi canh đê làm tiền lộ phí. Tiền này hễ năm nào có phải canh đê mới được thu.

Điều thứ 101: Ai muốn làm nhà, mở trại, hoặc để mả giáp đường đi thì phải trình hội đồng đến xét và cắm cho mới được làm.

Điều thứ 102: Mỗi năm làng cắt bốn người điền hộ làm chức khuyến nông để xem xét những đường khuyến nông cùng ngòi lạch ngoài đồng hễ chỗ nào nên tu bổ thì trình hội đồng trích tiền công quĩ vào khoản lúa sương để thuê người tu bổ.

Điều thứ 103: Các viên khuyến nông phải xem ngày nào bắt đầu cày cấy, bắt đầu thu hoạch thì phải trình hội đồng bàn định rồi yết thị cho dân biết, hễ ai trái nghị định của hội đồng thì phải phạt từ 0,50$ đến 1,00$.

Điều thứ 104: Cấm hẳn không ai được ra đồng mót lúa, hoa màu của dân, nếu ai phạm cấm tuần bắt được trình hội đồng phạt từ 0,10$ đến 0,50$ sung công, rồi phải (...) giả tiền điền giả tài chủ.

Khoản thứ mười hai
Ruộng đất và ao, đầm của công dân

Điều thứ 105: Đã gọi là của công dân thì người làng ai cũng có nghĩa vụ coi giữ, nên ai trông thấy kẻ nào làm tận nơi, thì phải trình hội đồng bắt kẻ ấy phải bồi thường.

Điều thứ 106: Những ruộng đất công thì năm nào hội đồng cũng phải họp bàn mà bán huy vụ, hoặc cho đấu giá tất cả, hoặc cho thuê từng khu một lấy tiền sung công.

Điều thứ 107: Khi dân có bán động sản (đồ vật) bán bất động sản (ruộng đất) thì hội đồng phải yết thị trước một tháng để mọi người biết mà ra đấu giá, khi bán đấu giá sản vật gì hội đồng phải làm biên bản và làm đủ các giấy má để lưu chiểu.

Khoản thứ mười ba
Gian lậu và phạm cấm

Điều thứ 108: Chính phủ đã có nghị định cấm ngặt mọi sự gian lậu, vậy hội đồng và lý dịch phải xem xét luôn trong làng nếu ai có thuốc đạn, khí giới, rượu cùng thuốc phiện lậu, hoặc gá cờ bạc lấy hồ, thì lý dịch, tuần phiên phải bắt lấy tang vật và trình hội đồng làm biên bản trình quan xét xử.

Điều thứ 109: Khi xét ra người nào mà để vào công tư điền thổ những thứ quốc cấm mà quan đã bắt được, sau khi quan đã chiếu luật trị tội rồi đến lúc được về dân lại phạt từ 0,60$ đến 1,00$ và cấm ba năm không được đi ăn uống với làng, hễ ai tái phạm thì sẽ phải truất ngôi.

Điều thứ 110: Trong dân người nào gian tham, trộm, cắp (buồng cau, trái chuối, con gà, con chó v.v..., tuần phiên bắt được tang chứng, hội đồng xét ra vật giá nhỏ nhặt, không đáng đem trình quan trên, thì phạt từ 0,20$ đến 1,00$, tang vật giao giả sự chủ. Nếu người phạm ấy không nộp nổi phạt thì phải đi làm các việc tạp dịch cho dân, mỗi ngày 10 giờ trừ cho 0,20$, nếu còn vi phạm thì trình quan nghị trị.

Điều thứ 111: Nếu ai xét thấy người làng ngồi hàng quán bia đặt, đàm luận bậy bạ những chuyện can thiệp vào việc nước, việc làng, cùng những người say rượu ra đường chửi nói bậy bạ thì trình hội đồng xét thấy có đủ chứng cớ phạt từ 0,20$ cho đến 0,50$, nếu ương ngạnh làm biên bản giải trình quan trên. Trong dân người nào du đãng không chịu làm việc hội đồng xét thực làm biên bản giao cho lý dịch giải trình quan trên nghị trị.

Điều thứ 112: Phàm người trong làng hễ ai mất trộm cắp đồ vật gì phải trình lý dịch để tra xét, nếu lý dịch tra xét không xong, sẽ trình hội đồng xét xử.

Khoản thứ mười bốn
Giao thiệp

Điều thứ 113: Nếu ai có quan khách đến làng bất cứ quan Tây, quan ta, thì lý dịch cùng những người có chân hội đồng phải lấy lễ nghi mà tiếp đãi ở nơi công sở cho kính trọng và tử tế.

Điều thứ 114: Nếu các quan có giấy khám xét hỏi han việc gì thì hội đồng và lý dịch phải đến khám không được do dự ẩn lậu.

Điều thứ 115: Trong khi khám xét hội đồng và lý dịch phải giữ cho ổn thoả, không được để người trong làng làm huyên náo và sinh sự ra điều gì.

Khoản thứ mười sáu
Ký ngụ

Điều thứ 119: Trong dân có người nào ký ngụ thì gia chủ phải trình hội đồng lý dịch tuần phiên xét, có căn cước minh bạch nghề nghiệp làm ăn lương thiện mới được ký ngụ trong làng. Những người ký ngụ ấy phải chịu tiền dùng tịch mỗi năm mỗi người đàn ông từ 18 tuổi giở lên là 0,50$ hoặc mỗi nhà đàn bà goá, cũng mỗi năm 0,50$, thời không phải đi canh gác. Kỳ sưu thuế phải đem tiền ấy nộp vào công quĩ và lấy biên lai. Hễ người làng ai mà bỏ ngôi hương ẩm mà vẫn ở trong địa hạt làng thì cũng coi phỉa người ký ngụ vậy.

Điều thứ 120: Những người làng khác mà muốn xin nhập tịch với người làng, thời phải có hai người làng nhận thực là người lương thiện mới được, phải đóng góp như người làng, nhưng không được làm lý phó trưởng, giáp biểu cùng kỳ hậu công dân. Đến người con mới được bình đẳng như người làng.

Điều thứ 121: Những người trú ngụ nếu làm điều gì phi pháp thì hội đồng giải trình quan và đuổi đi không cho ở trong địa hạt làng nữa.

Khoản thứ mười bảy
Cắt lính

Điều thứ 122: Nếu có giấy bắt lính thì lý dịch phải trình với hội đồng bàn xem các họ nào có hai, ba anh em trúng cách nhà nước thì gọi đi ứng tuyển.

Điều thứ 123: Những người đi ứng tuyển thì dân chi mỗi người mỗi ngày 0,20$.

Điều thứ 124: Những người trúng tuyển thời đã có lương nhà nước cấp cho, dân không phải cấp tiền, cấp ruộng cho nữa, khi hội họp thời được cử ngồi vào hàng nhiêu.

Điều thứ 125: Người lính nào mà không may bị tử trấn có minh sức thì dân cho con cháu một tên nhiêu nam và trừ tạp dịch mãn đại. Người đi trận bị thương thành tật cũng vậy.

Điều thứ 126: Người nào đang ở lính mà làm điều phi pháp hoặc bỏ trốn đi mà phải phạt tù hay phải tước ngạch mà có minh sức thì khi về làng cấm không cho dự đình trung tế tự ba năm.

Điều thứ 127: Người nào dân tuyển rồi mà lẩn trốn thì dân truất hai ngôi hương ẩm (nghĩa là sút xuống hai ngôi), phạt bạc 1,00$ sung công.

Điều thứ 128: Hễ có người tình nguyện với dân ra đi lính thì dân cho trước, nếu không có sẽ cắt họ nào nhiều đinh cắt trước, họ ít cắt sau, không được thiên vị nhân nhượng.

Điều thứ 129: Người ra lính mội hoặc tình nguyện với nhà nước cũng cho theo như ngạch linh dân. Đến khi về sẽ phải nộp tiền vọng là 10,00$ thì được ngồi vào hàng nhiêu.

Khoản thứ mười tám
Sổ đinh điền, sinh tử và giá thú

Điều thứ 130: Đến kỳ làm hoành là hội đồng phải cắt người trong ban đi với lý trưởng, phải làm cho đúng và hợp với sổ đinh điền của dân. Khi làm sổ đinh thì hội đồng phải ký kết đệ trình để quan đệ tỉnh.

Điều thứ 131: Từ nay những sổ đinh điền, sinh, tử và giá thú thì các chức dịch phải giữ gìn cẩn thận, khi Hội đồng có cần xem đến thì phải đưa ra, khi thôi việc phải bàn giao cho người khác kế quản.

Điều thứ 132: Nếu trong làng có người sinh, tử giá thú thì phải theo kỳ ban trong luật đã định ra trình hộ lại vào sổ, nếu quá hạn ấy thì hộ lại trình quan trên xét mà hội đồng phạt người ấy 0,20$ sung công. Hễ ai có con cháu đến 18 tuổi thì phải làm đơn đưa đến ông chánh hội đồng kỳ mục cho chữ vào đấy rồi đưa trình lý trưởng để vào sổ sinh, khi lý trưởng nhận đơn ấy thì phải biên lai cho người 18 tuổi ấy. Nếu người đến 18 tuổi mà không chịu lên đơn để vào đinh thì lý trưởng trình quan trên nghị trị.

Điều thứ 133: Ai mới tậu ruộng, hoặc đất thời phải trình các chức dịch để chữa sổ điền thổ.

Khoản thứ mười chín
Trâu, bò, lừa, ngựa

Điều thứ 134: Trong làng ai tậu trâu, bò, lừa, ngựa hoặc đi bán đều phải trình chức dịch để biên vào sổ.

Điều thứ 135: Đồng niên chủ nuôi phải nộp vào công quĩ mỗi con lừa, ngựa 0,40$, trâu 0,30$, bò 0,20$.

Điều thứ 136: Khi nào có dịch trâu bò, thì hội đồng lý dịch phải trình quan mời thầy thuốc về chữa, phí tổn công dân chịu một nửa người chủ chịu một nửa. Chẳng may có con nào chết thì hội đồng phải cắt tuần phiên phu với người chủ đem chôn đổ vôi và cấm không được ăn thịt ấy.

Khoản thứ hai mươi
Xâm chiếm luỹ giới

Điều thứ 137: Đường ngõ công dân đã có giới mốc, hễ ai để cây cối tre pheo mọc lấn ra đất công, thời hội đồng cho tuần phiên chặt lấy dùng vào việc công dân.

Điều thứ 138: Những người trong làng nếu xâm chiếm luỹ giới của công dân hoặc của tư gia thì Hội đồng sẽ phân xử mà bắt phải giả lại, nếu không nghe sẽ trình quan nghị xử.

Khoản thứ hai mươi mốt
Khuyến miễn và cảnh giới

Điều thứ 139: Từ nay trở đi nếu trong làng có người bất cứ nam nữ hễ ai thi đỗ từ bằng thành chung giở lên thì dân thưởng cho 1,00$ (1đồng) và được trừ tạp dịch như những người được trừ đã nói ở khoản 7, gọi là dân đông điền sách, để làm gương cho người khác.

Điều thứ 140: Các bà cụ từ 70 tuổi giở lên, các bà nào thi đỗ từ bằng thành chung giở lên, cùng các bà nào nhà nghèo chịu khó làm ăn cắm cúi nuôi chồng con học hành thi cử được dân đánh giá, thì dân đã đặt một chiếu riêng để khi nào làng có đình đám hội hè thì dân nói những bà ấy ra đình lễ tuần nghe hát.

Điều thứ 141: Trong làng có ông bà nào có công đức với dân (như giúp tiền chữa đình, chữa chùa, làm cầu làm quán, làm trường học, xây đường đi, v.v...) thì dân sẽ làm bia kỷ niệm công đức ấy và cũng được quyền lợi như trên đã nói ở điều 140.

Điều thứ 142: Làm người phải có luân thường đạo lý làm gốc, nếu trong làng mà người nào cư xử với ông bà cha mẹ, anh em chị em bất hiếu, cùng những đàn ông đàn bà lăng loàn chửi nhau đánh nhau, tuần phiên bắt được, nếu đủ chứng cớ giải ra hội đồng, phạt từ 0,20$ cho đến 0,80$ sung công.

Điều thứ 143: Nếu trong làng người nào dung túng gia hạ làm điều gian phi, dâm đãng thì hội đồng cứ người chủ nhà phạt từ 0,60$ đến 1$00, những người đang tại chức thì trình quan nghị trị.

Khoản thứ hai mươi hai
Cứu tế

Điều thứ 144: Những người quan quả, cô độc và nghèo khó, tàn tật, già yếu hay bé bỏng mà có xin hội đồng cứu giúp cho thời hội đồng phải xét có nên giúp thì sẽ giúp cho.

Điều thứ 145: Sau này làng có tiền công thì sẽ dựng ra nhà thương để cho người làng, có chỗ chữa bệnh và sinh đẻ.

Khoản thứ hai mươi ba
Tiền lộ phí khi đi việc công

Điều thứ 146: Người trong hội đồng hay người trong làng mà hội đồng cắt cử đi việc công thời được tiền lộ phí như sau này xuống huyện Thanh Trì vừa đi vừa về 0,5$. Vào tỉnh Hà Đông vừa đi vừa về 0,3$.

Điều thứ 147: Khi đi đâu hoặc xa hơn, hơn kém sẽ chỉnh kilomet mà tính, mỗi kilomet là 0,5 $ vừa đi, vừa về.

Phần thứ hai
Phong tục

Khoản thứ hai mươi bốn
Phong tục trong làng

Điều thứ 148: Nguyên làng có bốn giáp từ Đông Thái, Công Thịnh, Đoài Nhất và Đoài Tiên, có hai đình một chùa, hai quán ngói, hai cổng làng, một văn chỉ, một bộ tiên nông.

Điều thứ 149: Sau này đình chùa và các công sở ấy có đổ nát thời hội đồng phải họp bàn mà xin phép quan, trích tiền công quĩ mà sửa chữa.

Điều thứ 150: Đồ thờ thần sắc, triều y thì giao cho hội tư văn giữ, hội đồng và hội tư văn phải làm hai quyển sổ biên các thứ vào. Hội đồng giữ một quyển còn hội tư văn giữ một quyển. Còn các thứ đồ khác thời giao cho hai mươi người giáp trưởng hoặc giao cho thủ từ tại đình cũng phải biên hai quyển sổ, hội đồng giữ một, các giáp trưởng giữ hoặc thủ từ giữ một, khi các thứ đồ thờ ấy hư hỏng thì các người phục thủ phải trình hội đồng xét để trích tiền công quĩ mà sửa chữa. Đến khi đổi giáp trưởng hoặc thủ từ thì phải bàn giao cho người kế chức.

Điều thứ 151: Nếu đồ thờ thất lạc thì cứ những người phụng thủ ấy phải đền, nếu mất trộm, mất cướp thời phải trình hội đồng xét có quả tang thời sẽ liệu mà phân xử. Nếu vô ý để mối xông hoặc ẩm nát thời phải đền một nửa.

Khoản thứ hai mươi nhăm
Tọa thứ trong đình – khao vọng và kính biếu

Điều thứ 152: Ngôi thứ tại đình chia ra làm bốn nhòng như sau này:

1. Nhòng khoa sắc miễn sai và các chức dịch trong làng.

2. Nhòng lão nhiêu giáp trưởng và hàng nhiêu.

3. Nhòng lão hạng (ba nhòng này tức là bên trụ, ngồi ở phía đông đình).

4. Nhòng dân đinh (nhòng này tức gọi là bên nước toạ tại phía tây đình).

Điều thứ 153: Nhòng khoa sắc và các chức chia ra ba bậc như sau này:

1. Bậc chức sắc, các viên có khoa bảng từ tú tài thi đỗ thường có phẩm tước từ cửu phẩm dĩ thượng).

2. Bậc miễn sai, thì sai chánh phó tổng, thì sai giáo học, thì sai thư ký, thì sai lục sự, thừa phát và các người mới có bằng thành chung chiếu chức hoặc chiếu tuổi mà ngồi.

3. Bậc hương chức tân cựu, chánh phó hương hội, lý trưởng phó lý, thư ký, thủ quĩ, hộ lại, trưởng ba, nhang chương, nhang hào và giáp biểu chiếu theo chức phẩm mà ngồi.

Nhòng lão nhiêu chiếu tuổi mà ngồi, rồi đến giáp trưởng lính hàng nhiêu chiếu niên xỉ mà ngồi và sau hết là đang cai.

Điều thứ 154: Phàm người trong làng nếu ai thi đậu Nam khoa hay Tây khoa từ tú tài dĩ thượng mà chưa xuất chính thì nộp lệ vọng là 5$00 đến khi xuất chính mà được phẩm hàm thì nộp 10,00$ nữa. Nếu ai đã tòng sự nhà nước được phẩm hàm thì nộp lệ vọng là 20,00$, nếu ai đầu quân mà được phẩm hàm thì nộp lệ vọng là

15,00$. Nếu ai quyền thượng được phẩm hàm thì phải nộp lệ khao là 30,00$. Những viên này phải đem bằng sắc trình dân và hội đồng để biên vào danh sách và đinh toạ thứ vào bậc chức sắc. Phẩm hàm nào cũng chỉ phải vọng một lượt như thế (...) sau ai được thăng hàm mà muốn ngồi thì phải nộp vào công quĩ 5,00$ nữa, cũng phải đem bằng sắc trình dân và hội đồng để biên vào danh sách và định toạ thứ.

Điều thứ 155: Các viên có khoa bảng, có phẩm hàm thời chiếu theo quan chế mà ngồi, mà được đang cai mời, biếu, khi làng có hội được ngồi chiếu biểu xuất bên đông đình và khi vắng phải đưa phần ngôi, bậc này được chứ không phải làm đang cai, nhưng cũng phải lệ khao cho ban giáp 1$00 nữa.

Điều thứ 156: Phàm người trong làng ai được vào bậc miễn sai mà muốn vọng thì phải nộp vào công quĩ 10,00$, phải đem bằng hoặc nghị định ra trình dẫn và hội đồng để biên đặc sách và đinh toạ thứ, sau được phẩm hàm phải nộp lệ 10,00$ thì được lên bậc chức sắc.

Điều thứ 157: Các chức dịch trong làng lệ bầu, cứ phải theo nghị định của chính phủ, nếu muốn vọng vào bậc hương chức thời phải nộp vào công quĩ 15,00$ phải đem bằng hoặc nghị định, hoặc biên bản trình dân và hội đồng để biên vào danh sách và đinh toạ thứ. Hễ ai có nhiều rồi thì được nộp 3,00$. Hễ ai đã vọng rồi thì được ngồi vĩnh viễn, hễ ai không vọng thì chỉ được ngồi khi còn tại chức mà thôi, nếu được thưởng phẩm hàm thì phải nộp 10,00$ và toạ thứ vào ngôi chức sắc.

Điều thứ 158: Người mới nhập tịch hoặc con nuôi người trong làng mà được phẩm hàm thì lệ khao phải nộp gấp bội.

Điều thứ 159: Hễ viên chức nào đã nộp lệ khao rồi mà muốn mừng thì tuỳ ý, nếu mà lại muốn mời dân thì đến mang 3$00.

Điều thứ 160: Khi làng có việc gì tu bổ to tát thì được bán nhang hào mỗi tuổi 1,00$ giở lên đến 60 tuổi và phải lễ vọng là 2,00$ toạ thứ là bậc hương chức và bán xã nhiêu mỗi tuổi 0$60 bán đến 60 tuổi và phải nộp lệ vọng là 10$00, toạ thứ vào hạng lão nhiêu. Đơn bán

nhang hào và xã nhiêu thời hội đồng kỳ mục và ông nhất bên xỉ cho chữ y thuận vào xong lại phải trình dân để đình toạ thứ.

Điều thứ 161: Các sắc linh dân cắt ra và các lãnh hộ nói ở khoản 17 và các nhiêu nam ở khoản 8 thời kể tuổi và ngồi vào nhòng thứ hai với xã nhiêu.

Điều thứ 162: Phàm người trong làng ai đã được 60 tuổi dĩ thượng thì kể tuổi mà có nhiêu thì ngồi vào nhòng lão nhiêu, nếu không có nhiêu thì ngồi vào nhòng lão hạng. Sổ thượng từ 65 tuổi trở lên thời được đang cai nói biểu, khi hội hè thì được ngồi chiếu biểu xuất bên tây đình và khi vắng đang cai phải đưa phần ngôi.

Điều thứ 163: Bô thượng từ 70 tuổi giở lên có đến ngày mồng bẩy tháng Giêng bầu rượu ra lễ thần, về trình dân thì dân mừng 1,00$ thay vào cái mũ ni, còn ai muốn ăn mừng thì tuỳ ý, nếu có nói cả dân thì dân lại mừng 3$00 nữa. Còn từ 50 tuổi giở lên đến 65 tuổi thì phải làm lễ vọng lão như sau này: một con lợn luộc, một mâm xôi, hai bàn hoa quả, ba cơi giầu mỗi cơi mười quả cau và ba chai rượu, ngày mồng bảy tháng Giêng đệ ra miếu lễ thánh sống để về đình trong trình dân, xôi lợn thì kính biếu cả dân, hai bàn hoa quả, giầu rượu thì kính biếu ba nhòng bên đông đình việc làm cỗ chia phần thì người có việc tự sai làm cả.

Điều thứ 164: Trong một năm mà có nhiều người lên bô thì chỉ độ một hay hai người làm lễ mà thôi, còn cho chiết nạp tiền vào công quĩ lấy biên lai. Khi tranh nhau hành lễ hoặc tranh nhau chiết nạp thì phải bỏ thầu.

Điều thứ 165: Lễ chiết nạp định từ 12,00$ hơn cũng được, kém thì phải nói với hội đồng và trình dân thì ta lấy tình mà châm chước ít nhiều cho xong lễ. Hễ ai đã vọng lão rồi thì khi dân rước được mặc áo tấc đi phù giá, hễ ai làm lễ gì mà bên cha được hưởng thì cũng phải sửa ba cơi giầu mỗi cơi mười quả để biếu ba nhòng bên cha.

Điều thứ 166: Phàm người trong làng ai đến 18 tuổi thì phải vọng giáp đã, rồi mới ra trình dân và hội đồng xét đã có giấy biên lai của lý

trưởng nhận đón trình rồi mới vào sổ dân đinh thì được chiếu tuổi mà ngồi vào hàng dân đinh, tức gọi là bên nước ở bên tây đinh, hễ nhiều người cùng một tuổi thì phải suy lên đời trên, hễ cha trên thì con trên hoặc sau này sẽ theo giấy khai sinh ai để trước thì được ngồi trên.

Điều thứ 167: Phàm những lệ tục gì mà có lễ giấu thờ thì phải kính biếu một ông nhất bên tước, viên chánh hội đồng kỳ mục một ông nhất lão nhiêu, một ông nhất bên lão hạng và ông chánh hương hội mỗi người một quả cau, văn tế, hội tư văn tả, từ này phải tả các tên của các vị kê trên, rồi đến phó hương hội, lý dịch và giáp trưởng, văn tế khi đại hội thì phải tả cả hai nhòng chức sắc và lão nhiêu theo như cổ khoán.

Khoản thứ hai mươi sáu
Lễ vọng hội tư văn

Điều thứ 169: Phàm người trong làng ai có khoa trạng chức sắc miễn sai, kỳ mục, hàng nhiêu đều được vọng vào hội tư văn cả, phải nộp vào công quĩ 1$00 gần như lễ vọng với hội thì tuỳ theo lễ riêng của hội ấy.

Điều thứ 170: Hễ ai đã vọng hội rồi thời được ra miếu, đình tế lễ. Khi dân rước được mặc áo tấc đi phủ giá. Khi tế xong được hưởng tế phẩm là một cơi giầu chục qủa cau và một chai rượu hoa.

Khoản thứ hai mươi bảy
Các tiết tế tự thần...

Điều thứ 171: Lễ tửu tịch tối 30 tháng Chạp, tết Nguyên Đán mồng 1 tháng Giêng, tết Đoan Ngọ mồng 5 tháng 5, tết Trùng Thập mồng 10 tháng 10 thì giao cho ông thủ từ 1 mẫu 2 sào ruộng để ông từ cày cấy lấy hoa lợi mà làm lễ.

Điều thứ 172: Mồng một tháng Tư lễ Kỳ Yên, một suất phải góp 0,10$ đang cai giáp phải thu, xong rồi giao cho giáp trì thu sửa lễ thần đương niên hành khiển cả dân ra lễ thụ lộc.

Điều thứ 173: Việc Thánh Đản ngày 24 tháng tư thì giữ lại như sau này ngày 22 tháng tư khai trương kỳ tán, rước nước, rước mũ chầu về miếu, mộc dục xong; oản quả cho ba nhông, cha thụ lộc (...).

Điều thứ 174: Công dân có ba mẫu, ba sào ruộng để chi về việc lễ này thời Hội đồng cho thần huỷ vụ lấy tiền chi cho giáp trì thu cán biện, lễ thánh dẫn chi 25,00$ để sửa lễ cho lễ yết, lễ tạ, mã chầu và giầu nước, lại chi cho thủ từ 2,00$ giầu, nhang về kỳ lễ ấy.

Điều thứ 175: Ngày xuân tế nhật định ngày 13 tháng hai, ngày thu tế nhật đinh ngày 13 tháng tám, hành lễ tạ miếu ngoài chiều ngày 12 đang cai phải sửa lễ giầu rượu để làm lễ (...) xong đến tối làm lễ oản quả, hát một chầu cả dân ra miếu làm lễ, nghe hát, thụ lộc oản quả, đến sáng ngày 13 các giáp đệ đồ lễ ra miếu tế lễ xong, giáp nào về giáp ấy thụ lộc.

Điều thứ 176: Ngày lễ Thường Tân thì hội đồng sai mời ông chánh hội đồng kỳ mục, ông trưởng hội tư văn và ông trưởng hội kỳ lão ra đình xem ngày, định được ngày rồi sẽ công bố cho dân biết trước 10 ngày. Bốn giáp phải đúng 8 giờ sáng đệ tế phẩm ra miếu để dân tế lễ, xong giáp nào lại về giáp ấy thụ lộc. Phàm cả các việc tế lễ mà giáp nào đệ đồ tế lễ chậm quá hoặc không đệ đồ tế lễ ra thì phải phạt từ 0,5$ và giầu rượu ra lễ tạ thánh và xin lỗi dân.

Điều thứ 177: Ngày mồng hai tết thời bàn nhất bên tước sửa lễ, ngày mồng ba tết bàn nhất bên xỉ sửa lễ gọi là lễ sóc vọng.

Điều thứ 178: Còn như các ngày sóc, ngày vọng trong các tháng của một năm thời cứ bổ ra 5 người một bàn, lần lượt mà sửa lễ. Bàn nào sửa lễ thì bàn ấy hành lễ và thụ lộc.

Điều thứ 179: Cứ ba năm đại hội một lần. Thời cử dân cứ mười người làm một cỗ gọi là cỗ bổn bàn. Đến như định ngày hội trưởng trình hội, kén người rước, thời hội đồng phải nói ông trưởng hội tư văn, ông trưởng hội kỳ lão, hội đồng kỳ mục và đánh trống cả dân ra đình họp bàn định. Rồi sẽ niêm yết cho dân biết trước 15 ngày. Hễ ai có trở ngại việc gì, thời phải trình hội đồng, trước 7 ngày để

cắt cử người khác thay; nếu ai sơ khoáng việc dân thì bắt phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Điều thứ 180: Lễ thượng nguyên, lễ hạ nguyên, lễ Phật tại chùa Bố Trạch, nhà sư phải tiếp đãi giầu nước rồi biếu mỗi người một phẩm oản, một quả chuối, vị nào đi vắng đang cai phải đưa phần, lễ vía Phật mồng 8 tháng tư, lễ trung nguyên rằm tháng bảy, cả dân ra lễ, nhà sư cũng biếu như thế. Những ai đi vắng thì thôi, không có phần biếu.

Điều thứ 181: Khi hội đồng cùng cả dân họp bàn đã định được ngày tế lễ, hội hát rồi và đã công bố cho dân biết rồi thì không ai có quyền ngăn trở được việc làng, mà dân cũng không cấm ai thì hành việc riêng của mình chung vào ngày của dân đã định ấy.

Điều thứ 182: Chiếu lệ chia làm ba hạng như sau này:

Chiếu hạng nhất: chức sắc, bô thượng từ 65 tuổi giở lên đúng lệ.

Chiếu thứ nhì: cả hàng bô, trạ và bàn nhất hàng dân đinh (...)

Chiếu thứ ba: Từ bàn nhì hàng dân đinh (bên nước giở xuống).

Đi hành hương các làng khác cũng cứ lệ thế mà đúng lệ. Nếu ai trái lệ thì sẽ phải phạt từ 0,20$ đến 0,80$.

Điều thứ 183: Những người tòng sự công sở và người nào có đại tang được trừ không phải đi rước hoặc đi tế.

Khoản thứ hai tám
Tôn hậu thần và lễ kỳ hậu công dân

Điều thứ 184: Ngày 18 tháng Tư giỗ quan lớn quận công Cao Mỗ hội đồng trích công quĩ lấy 4$00 giao cho đang cai bốn giáp làm lễ xôi thủ giầu rượu cả dân ra đình, lễ giỗ thụ lộc.

Điều thứ 185: Sau này bất cứ người làng hay người làng khác mà có công lao giúp làng sự gì to tát, quan trọng mà có ích lợi cho cả dân, thì hương hội đệ cử lên hội đồng kỳ mục. Hội đồng công dân nếu mà đều công nhận suy tôn lên làm hậu thần thời cứ độ niên đến ngày giỗ, hội đồng trích tiền công quĩ là 4$00 giao cho đang cai làm lễ xôi thủ, giầu, rượu, cả dân ra kính lễ giỗ và thụ lộc.

Điều thứ 186: Ngày giỗ hậu cư xã và những giỗ hậu thời đã có 1 mẫu ruộng giao bên trạ cấy, làm xôi thủ, giầu, rượu ra đình kính lễ giỗ, thụ lộc.

(...)

Điều thứ 189: Phàm các ruộng và ký hậu tại đình hay tại chùa đều thuộc về của công dân, không ai có quyền lập văn tự hay chiếm lấy. Duy chỉ có hương hội thì có quyền quản lý đến mà thôi, trừ khi nào dân khiêm khoáng lễ hậu mà còn con cháu ky hậu muốn đòi ruộng tạm thời phải trình quan trên xét xử.

Khoản thứ hai mươi chín
Nhạc sinh

Điều thứ 190: Công dân nên cấp tiền hoặc ruộng cho một bọn đình nhạc và cho sáu người trú tạp dịch canh phòng các khoản. Vậy các ngày dân ra lễ phải cử nhạc và hội kỳ lão cùng hội tư văn hành lễ cũng phải cử nhạc, nếu khiếm khuyết thì phạt 0,20$.

Điều thứ 191: Khi tế lễ xong thì được ngồi (...) mà thụ lộc, khi tế tại đình, miếu cũng được một cơi giầu, một chai rượu tế.

Khoản thứ ba mươi
Lễ lan nhai

Điều thứ 192: Phàm người làng ai có con gái gả chồng cho người làng thời phải giầu rượu ra lễ miếu, về trình ông chánh hội rồi đến trình hộ lại để vào sổ giá thú, lấy bản trích lục đem giầu rượu và giấy trích lục ra đình trình dân, lại phải nộp lệ cheo 2,00$, đánh trống bô trạ ra đình ngả cheo. Nếu chưa nộp tiền, chưa vào sổ, thì dân không ngả cheo. Việc giá thú không ai được cho trẻ con chăng giây, ai trái lệ phạt từ bốn hào cho đến 1,00$.

Điều thứ 193: Nếu ai có con gái mà gả chồng cho người làng khác thời phải nộp cheo 4,00$ cũng phải trình các chức dịch và trình dân như trên.

Khoản thứ ba mươi mốt
Lễ làm ma và ký táng

Điều thứ 194: Hễ nhà nào có người chết thời phải đến trình hộ lại để vào sổ tử, hễ ai để quá hạn không trình thì sẽ phải phạt 0,20$. Việc làm ma thì nên làm cho giản tiện, cho có vẻ bi ai, không nên loè loẹt để giường mắt thiên hạ. Vậy dân dự định đóng một cái nhà táng gỗ, một cái linh xa gỗ, một đôi biển gỗ, một đôi đèn lồng và năm lá cờ để đi đưa đám. Ai muốn mượn những đồ ấy thì phải nộp vào công quĩ 3,00$.

Điều thứ 195: Hạn định lập một cái nghĩa trang hàng xứ ai muốn để mồ vào đó thì phải mua đất bao nhiêu sau hội đồng sẽ định.

Điều thứ 196: Hễ người làng khác ai muốn để mả vào ruộng công như đồng tha ma của dân, thì phải trình chánh hội xét định nếu bằng lòng cho để thì người chủ nộp vào công quĩ 10,00$ đất, không kể tiền lệ bảo cố nói ở điều dưới.

Điều thứ 197: Phàm người làng khác hễ ai để mả vào trong địa hạt làng bất cứ ở ruộng công tư của ai hay chính của mình đi nữa cũng đều phải nộp vào công quĩ mỗi ngôi là 6,00$ tiền lệ bảo cổ. Ai có thê hương mẫu quán hoặc tế quán có làng hoặc đã ký ngụ ở làng từ một năm dĩ thượng thời được triết bản.

Điều thứ 198: Những người có việc nói ở trên này phải đến trình chánh hội xét, rồi cho giấy phát lĩnh đến thủ quĩ nộp tiền xong sẽ trình chánh phó lý trưởng và trương tuần xong mới được thi hành việc nhà mình.

Điều thứ 199: Hễ từ ngày thi hành khoán ước này, cho điều khoản gì cứ trái với hương ước này đều bỏ đi cả.

Điều thứ 200: Trong làng ai trái những khoán ước trên thời hương hội tuỳ tình lý nhẹ nặng mà phạt, hoặc không cho dự đình trung tế tự một hạn là bao lâu, hoặc truất vị thứ xuống mấy bàn.

Điều thứ 201: Đệ niên đến ngày vào chùa tế thần, thời thư ký phải đem hương ước này đọc cho đồng dân cùng nghe.

Điều thứ 202: Ngoài những thể lệ đặt trong hương ước này, lập riêng cho làng Tương Mai, thì dân còn phải tuân theo lệ luật quan trên nữa.

Điều thứ 203: Quyển hương ước này phải có chữ ký các tộc biểu, có chữ quan sở tại phê, có chữ quan tổng đốc và quan chánh công sứ duyệt y, rồi làm thành bốn bản: Bản thứ nhất lưu chiểu ở làng, bản thứ hai lưu chiểu ở nhà quan sở tại, bản thứ ba ở dinh quan tổng đốc và bản thứ tư ở toà sứ.

Hương ước này lập tại làng Tương Mai ngày mồng một tháng ba năm Bảo Đại thứ mười một, tức là ngày 23 tháng mars 1936. Tiên chỉ, kiêm chánh hương hội.

Lê Toại Pour copie confome à l'original
Le lý trưởng

HƯƠNG ƯỚC LÀNG YÊN PHÚ

Huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông

Chủ ý cải lương

Khoán ước của làng lưu truyền tự xưa hoặc chỉ có khẩu truyền mà không có minh văn, hoặc có minh văn mà không hợp thời thế, bởi vậy nên cải lương suy sét hiện tình thời nay so sánh khoán lệ thời trước, điều nào lợi thời theo điều nào hại thời đổi, mục đích làm gia tộc được thịnh giầu dân làng có trật tự, sau sẽ theo trình độ tiến hoá mà cải thêm.

Chính trị

Tổ chức hội đồng tộc biểu

Điều thứ 1: Các họ họp lại thành một làng, bởi thế việc làng thời do các họ cử người ra thay mặt để mà trông coi gọi là tộc biểu.

Điều thứ 2: Tư cách người ra ứng cử làm tộc biểu thì phải theo như nghị định nhà nước.

Điều thứ 3: Khi bảo các tộc biểu theo nhân số như trong nghị định, họ nhớn cử một hai ba người, họ nhỏ một người, họ bé quá thời hai ba họ hợp nhau lại cử một người.

Điều thứ 4: Khi bảo tộc biểu xong thời trong ban lại chọn lấy người làm chánh phó hội và thủ quĩ, thư ký, nếu không có thủ quĩ, thư ký thời bảo người ngoại ban.

Điều thứ 5: Hội đồng mỗi tháng họp hai lần là ngày mùng 1 và ngày 15 trừ ra khi nào có việc cần mở hội đồng thời tuỳ ý.

Điều thứ 6: Khi hội đồng họp bàn việc gì phải quá nửa số hội đồng bằng lòng mới được thi hành.

Điều thứ 7: Hội đồng bàn định làm việc gì phải lập biên bản tường hội đồng kỳ mục duyệt y thời sẽ làm giấy yết thị thi hành.

Điều thứ 8: Khi hội đồng họp các người trong ban có duyên cớ gì thì phải cáo thiếu nếu không cáo mà tự tiện bỏ thiếu, thời phải phạt 0,10$ sung công. Nếu ai say rượu làm mất giá trị ăn nói thô bỉ, hoặc làm sự gì hành hung cũng phải phạt 0,10$.

Điều thứ 9: Quyền lợi của các chức dịch thời được trừ các việc tạp dịch, nếu ai làm mãn lệ chưa có ngôi kỳ mục mà được trừ dịch thời phải khao khoán của lệ dân cho toàn kỳ mục, nếu là kỳ mục rồi thời ngồi đâu cứ ngồi đấy.

Điều thứ 10: Hội đồng được quyết định việc làng trông nom các công việc sổ sách của làng và giúp sức lý trưởng các công việc quan cần cấp.

Điều thứ 11: Khi mở hội đồng thời viên chánh hội hoặc viên phó hội báo hiệu nếu có việc gì cần mở hội đồng thời lý trưởng tường chánh phó hội trước rồi mới báo hiệu, còn không ai được tự tiện báo hiệu mấy hội đồng cả.

Điều thứ 12: Khi thấy trống hiệu các viên chức phải có 5 người tuần cũng phải đến ngay để phòng khi sai phái.

Điều thứ 13: Trong khi họp cho dân làng đến dự thính, nếu ai theo lễ phép có hỏi điều gì, thời hội đồng cũng phải lấy lễ phép mà giả lời cho minh bạch để cho người ta biết, nếu ai say rượu thời không cho vào dự thính hoặc nói càn bậy thời phạt 0,20$, nếu ăn nói lỗ mãng các chức dịch trong khi đương làm việc thời hương hội làm biên bản trình quan xét xử.

Điều thứ 14: Các viên chức dịch cùng dân làng người nào làm mất quyền lợi và tổn hại của công dân thời hương hội trình quan xét.

Điều thứ 15: Khi có quan cần hỏi đến làng không biết việc gì, thời hội đồng cắt lấy một người để đi với lý trưởng, nếu quan có hỏi việc quan hệ thiệt hại đến làng, trừ ra khi quan có lệnh bắt phải làm ngay, thời không kể còn thời phải về mở hội đồng ngay để cho được nhiều người ý hợp rồi sẽ tính sau.

Điều thứ 16: Khi các chức dịch làm việc công làng mà phải đi lên huyện thời làng cấp cho mỗi người 0,10$, còn lên tỉnh thời làng cấp cho 0,20$ một ngày nhưng tuỳ việc chỉ được tính đến hai ngày là cùng.

Quan kỷ

Điều thứ 17: Trong ban hương hội nếu đồng tình nhau mà làm việc gì hà lạm hoặc trái với hương ước, mà có người tố ra dân biết thời chức sắc kỳ lão kỳ mục họp ngay lại, xét thực thời trình quan xét, nếu tự một viên nào phạm lỗi ấy thời hội đồng cũng trình quan.

Sổ chi thu

Điều thứ 18: Lập sổ chi thu thời trong dân không đủ số tiền theo như người đinh ước, vậy chỉ dùng sổ nhật ký thường năm cứ đến cuối năm hội đồng họp luôn mấy kỳ mà tính sổ tự đầu năm thu chi bao nhiêu lập thành biên bản và giấy yết thị cho dân đều biết.

Điều thứ 19: Sổ nhật ký phải biên chép cho cẩn thận hoặc khi làm công việc gì to tát thời phải tính toán ngay để làm giấy yết thị cho dân làng đều biết.

Điều thứ 20: Các số tiền công giao cho thủ quĩ giữ khi thủ quĩ nhận tiền của ai thời người nộp tiền phải lấy chữ biên nhận, nếu ai lấy tiền mà không lấy giấy biên thì như là chưa nộp.

Điều thứ 21: Trách nhiệm của thủ quĩ là người giữ tiền công cẩm thủ quĩ không được tư tiêu, chợt có lúc hội đồng hỏi đến mà không đủ thời trình quan xét.

Điều thứ 22: Khi dân chi tiêu đi rồi nếu còn tiền lưu trữ nhiều thời đem gửi nhà ngân hàng.

Điều thứ 23: Muốn cho dân làng có lòng tin cậy hội đồng thời cấm những người cùng hội đồng không được vay số tiền công của làng mà tiêu.

Lý phó trưởng

Điều thứ 24: Lý trưởng là người thay mặt làng mà thừa hành việc quan, phó lý là người giúp đỡ việc cho lý trưởng trông nom các việc tạp dịch đốc các tuần tráng canh phòng.

Điều thứ 25: Lý phó trưởng đương thứ không có quyền được quyết định việc làng phải cùng đồng ý cả hội đồng tộc biểu.

Điều thứ 26: Lý phó trưởng là người hành chính thay mặt làng thời ai có công việc khao vọng, đám xá gì thời phải bảo trước hai ngày lý phó trưởng được dự vào hội đồng, trong làng có chánh phó tổng cũng thế.

Bầu cử chức dịch

Điều thứ 27: Trong làng hễ có người lý phó trưởng nào khuyết có sức đầu đơn ứng cử, hương hội làm giấy yết thị ai hợp tư cách như trong nghị định nhà nước thì được ra ứng cử, khi ai ứng cử phải nói với dân trước.

Điều thứ 28: Bầu hương hội, hộ lại, trưởng ba thì theo như nghị định nhà nước còn bầu hương trưởng thì tuỳ theo tục dân.

Điều thứ 29: Tiền phủ chè về việc dân họp bầu thì người trúng cử phải chịu.

Cấp lương

Điều thứ 30: Lý trưởng được cấp hai sào hai thửa ở cạnh nghè số 585 và cấp tiền cho đi việc quan trong một năm cùng cả kỳ sưu thuế cộng là 20,00$.

Điều thứ 31: Hương trưởng tức là phó thời được cấp một sào năm miếng ở sứ cửa hàng còn tiền không cấp.

Điều thứ 32: Thư ký được cấp 1,00$ làm bút chỉ trong một năm.

Điều thứ 34: Trưởng ba thời không có cấp lương gì cả vì nhà nước đã có nghị định cho tiền rồi.

Điều thứ 35: Thủ quĩ và các chức dịch không có cấp tiền ruộng gì cả.

Điều thứ 36: Trong làng người nào ăn cắp vặt buồng cau nải chuối, như cây tre cây gỗ và đồ vật hoa mầu v.v... bắt được quả tang những tang vật nhỏ nhặt không đáng giải trình, phải phạt từ 0,10$ đến 1,00$, ấy là đàn ông thời phạt thế còn về đàn bà thì phải phạt từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 37: Người nào đã bị phạt một lần như thế mà không chừa mà lại tái phạm thời hội đồng lý dịch giải trình.

Điều thứ 38: Người nào trong khi đình đám chèo hát hay đi ở đường sá mà chòng ghẹo đàn bà con gái thì phạt 0,10$ sung công.

Điều thứ 39: Khi người nào phạm tội thông gian, cưỡng gian bắt được đích thị thời hội đồng lập biên bản giải trình quan xét.

Điều thứ 40: Người đàn bà con gái nào chưa chồng hoặc goá chồng mà chửa hoặc có chồng mà không duyên cớ gì tự bỏ chồng mà đi thời làng bắt bố mẹ, anh em ruột thịt phải nộp 1,00$ phạt chứ không ăn vạ.

Điều thứ 41: Nếu người đàn ông nào phạm tội thông dâm, cưỡng dâm đã bị phạt tù rồi khi về làng lại cấm không cho đi việc làng cùng các đám xá trong một hạn 6 tháng.

Hiếu đễ

Điều thứ 42: Người nào bất lương với ông bà, cha mẹ mà phải cáo đến dân thời phạt người ấy từ 0,50$ đến 1$00.

Điều thứ 43: Người nào bất tốn với cậu mợ chú bác, cô dì để phải cáo đến dân thì phải phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Điều thứ 44: Người đàn bà nào chửi chồng thậm tệ làm mất giá trị của chồng đến hội đồng thời hội đồng xét thực phạt người vợ từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 45: Người đàn ông nào mà chửi vợ thậm đến ông cha mẹ vợ mà vợ phải cáo đến hội đồng xét thực thì cũng phạt theo điều thứ 44.

Điều thứ 46: Các người tộc trưởng ở trong nhà cùng ngoài làng nếu chửi người dưới thậm tệ mà người bị chửi cáo đến hội đồng xét thực thì phạt từ 0,10$ đến 0,30$ nếu người dưới mà nói người trên thậm tệ thời cũng phạt từ 0,20$ đến 0,50$.

Lễ phép

Điều thứ 47: Những khi hội họp cùng những khi việc làng ai muốn thưa gửi việc gì thời phải nói cho từ tốn lễ phép, dù người trên có nhầm thì người dưới cũng phải nhẹ nhàng mà thưa can, người dưới có lỗi thì người trên phải bảo ban tử tế, chứ không được cãi lộn bậy, đàn anh cũng không được lấy quyền thứ mà ăn hiếp đàn em ăn nói không được hỗn độn, đã có vị thứ nếu ai phạm các điều nói đây thời phải phạt từ 0,10$ đến 0,30$.

Cờ bạc – gian phi

Điều thứ 48: Người nào bày ra gá cờ bạc như là bài lá, xóc đĩa, thò lò v.v để lấy hồ thì hội đồng bắt phải thôi đi nếu không nghe thời sẽ bắt lấy tang vật giải trình quan xét.

Điều thứ 49: Người nào cố ý dùng rượu lậu hoặc nấu rượu lậu cùng thuốc phiện lậu mà hội đồng khuyên bảo không được, thì các chức dịch và tuần phiên bắt lấy tang vật giải trình và cấm không cho người (...) đi việc làng các đám xá công dân trong một hạn là 6 tháng.

Hiệu lệnh của làng là trống, mõ, cái kèn

Điều thứ 50: Hiệu trống đánh 3 hồi sau lại 3 tiếng gọi là trống thượng hạ, trống đánh khắp nhịp gọi là trống ba, 1 hồi sáu tiếng gọi là trống kỳ mục và hội đồng, trống 2 hồi 6 tiếng gọi là trống giáp đông, trống 6 tiếng gọi là hiệu gọi tuần, trống liên thanh là hiệu cứu cấp.

Điều thứ 60: Tù và ốc thổi hồi là hiệu gọi tuần, thổi luôn luôn là hiệu báo động, thổi đến kèn là công việc cần cấp.

Trách nhiệm người giữ hiệu lệnh

Điều thứ 52: Trống thượng hạ cùng các hiệu trống thì lý trưởng được quyền báo hiệu, nhưng trước khi báo hiệu trống về nhòng món nào thì cũng phải báo viên đầu nhòng biết trước.

Điều thứ 53: Trống lão thì cụ nhất cụ nhì được quyền báo hiệu.

Điều thứ 54: Trống kỳ mục thì viên đầu kỳ mục tức là viên chủ tế tự quyền báo hiệu.

Điều thứ 55: Trống hội đồng kỳ mục và hương chính thì các chánh phó ban nào được tự quyền ban ấy báo hiệu.

Điều thứ 56: Trống các giáp thì do cụ nhất giáp báo hiệu.

Điều thứ 57: Trống gọi tuần thì trương tuần, lý phó trưởng được quyền báo hiệu trừ ra khi nào có thể báo hiệu được.

Điều thứ 58: Trống liên thanh thì ai thấy sự cứu cấp cũng báo hiệu được.

Điều thứ 59-60: Còi ben và tù và thì tuần phải giữ, ai báo hiệu nhầm thì người ấy phải chịu trách nhiệm phạt từ 0,10$ đến 0,30$.

Việc sưu thuế

Điều thứ 61: Thường năm cứ đến kỳ sưu thuế lý trưởng lĩnh bài chỉ thuế về thì tường với hội đồng để định ngày quân bổ.

Điều thứ 62: Khi quân bổ thì lý trưởng dựng trống thượng hạ và hội đồng đủ mặt và kỳ lão kỳ mục họp tại công sở quân bổ.

Điều thứ 63: Khi bổ xong lập thành sổ bổ đệ trình quan kiểm duyệt, rồi làm giấy dán thị cho minh bạch và cho mõ rao để cho dân làng đều biết.

Điều thứ 64: Khi quân bổ phải lấy sự công bằng chiếu y bài chỉ đinh thụ cả ngoại phụ, đinh điền phụ cả ngoại phụ điền rồi chiếu theo mà quân bổ.

Điều thứ 65: Trong làng người nào đã vào được làng mà đến tuổi đeo thẻ thì cấp phụ thêm cho hơn mọi người chưa có thẻ 2 sào, ruộng thì phải đóng sưu về một hạng riêng.

Điều thứ 66: Phàm người nào không vào được làng, tức là không mua nhiêu không mua xã, không có ruộng cấp riêng hơn cùng những người ký ngụ như dân thì cũng đóng sưu về một hạng riêng.

Điều thứ 67: Được miễn sưu là những người đã có nghị định nhà nước trừ rồi, duy chỉ trừ cho người nào chính đinh xin quan ở làng tuổi thời nhiều mà tuổi ở sổ đinh ngày xưa nhầm, nên thẻ ít tuổi vậy thời khi đến tuổi sáu mươi dân xét thực cho bên lão thời trừ cho, còn ruộng cấp hơn phải giả lại dân mà tiền về số thẻ người ấy thời dân sau thu, còn cái thẻ thời nguyên người ấy vẫn được giữ.

Điều thứ 68: Bổ về hạng điền thời các hạng cộng lại rồi quân bổ nhất luật như theo...

Điều thứ 69: Khi bổ thời tính giắt (dứt) hẳn diện tích số ruộng của các chủ riêng ra, rồi còn bao nhiêu là thuộc về số ruộng công phải chịu.

Hạng thổ

Điều thứ 70: Các hạng thổ tính cộng lại rồi trừ số tư thổ ra của các chủ còn bao nhiêu thuộc về các công thổ chịu.

Điều thứ 71: Khi bổ thuế về các công điền công thổ thời tính hợp cả số ruộng công cùng các ky hậu công dân, ruộng tư văn, ruộng kính biếu các cụ lục thập, ruộng làm lệ về việc tế lễ ruộng thần từ Phật tự các công thổ công thì hợp cả làm một rồi chiểu tính nhân đinh ai đã vào làng tức là mua xã mà đã có ruộng quân cấp cùng người nào bất hạnh không hết vẫn còn ruộng dân cấp thời theo sổ bổ mà thu.

Bổ về tư dân ngoại phụ

Điều thứ 72: Cứ về kỳ thuế thời dân bổ tiền đóng thuế phụ canh tư dân điền, các tiền phụ cấp lương tiền bút chỉ, tiền hội bộ phù chà, các khoản tiền dân chi tiêu thiếu mà phải ứng tạm thời quân bổ những người mới vào làng cho đến các cụ ngoài sáu mươi tuổi trở lên đều phải chứ không ai được trừ.

Điều thứ 73: Lý trưởng hoặc các phần thu cứ theo như sổ bổ mà thu không được lạm thu (...).

Sự thiếu thuế

Điều thứ 74: Việc thuế là việc hệ trọng của cả làng ai ai cũng là dân mình cả thời đều phải có trách nhiệm chung, nếu ai phân phát đóng sưu cùng các hạng thuế mà bổ hoặc bổ thiếu không nộp chu, hễ lý trưởng tư phần thu tường hương hội lập biên bản trình quan xét và trích lấy số ruộng công không phân người ấy và xin tịch biên gia tài riêng của người bổ thiếu ấy, đem yết đấu giá phát mại để lấy tiền phụ vào sưu thuế của người bổ thiếu, nếu không đủ thời dân sẽ trích tiền công để đóng thạy và cấm người bổ thiếu ấy không đi việc làng cùng các đám xá công dân mà mất quyền hưởng quyền lợi trong dân, khi nào mà người bổ thiếu ấy có tiền nộp giả dân, thời phải biện một bình rượu hai trăm miếng giầu lễ thần tạ dân, thời lại chia được ngôi và hưởng quyền lợi như thế.

Cắt lính

Điều thứ 75: Khi nhà nước cần dùng đến lính chia về các xã thời cả dân họp lại, cho trong dân những người khoẻ mạnh mà con nhà nhiều anh em, hội đồng định lập thành biên bản trình quan. Khi quan trên đã tuyển trúng rồi mà ai trốn chạy thì lý trưởng trình quan nghiêm phạt.

Bắt tráng

Điều thứ 76: Khi có sự cần dùng như nước sông lên to hoặc khi có lệnh quan trên, hay dân có việc cần dùng đến tráng thời dân có lệ cắt tự giai bé mới vào làng trở lên cho hết hạng giai phải đi lần lượt, hết lại bắt đầu, trừ ra khi nào phải tráng đi đắp đê nhiều thời dưới phải đi hai lượt, trên kỳ mục đi đỡ một lượt trẻ bé không đi tráng được thì người nhớn phải đi thay, trừ ra các cụ ngoại lục thập giở lên cùng các người đương thứ chức dịch thì mới được trừ.

Điều thứ 77: Việc bắt tráng khi lần lượt đến phải đi tráng hoặc một ngày hoặc hai ngày tùy theo từng việc nếu ai tự trốn hoặc bỏ thì phải phạt 0,20$.

Nói về việc kiện cáo

Điều thứ 78: Người nào vì uất ức riêng mà phải thưa kiện nhau, khi khởi kiện phải tường hội đồng trước.

Điều thứ 79: Khi có ai thưa kiện thì làm đơn đến tường viên chánh hương hội, nếu viên chánh hương đi hay có duyên cớ gì thì đến viên phó hương hội, khi hương hội tiếp được đơn kiện thì mở hội đồng xét hỏi.

Điều thứ 80: Việc kiện cáo nào thuộc về trái hương ước thì hội đồng chiếu điều ấy ra nghị phạt.

Điều thứ 81: Việc kiện thuộc về dân sự thương sự tố tụng thì hội đồng lấy sự công chính đáng và tình thân ái mà hoà giải cho hai bên, nếu hai bên đều bằng lòng thì làm biên bản hoà giải đệ lên quan sơ cấp.

Điều thứ 82: Việc kiện mà hoà giải công không xong thì hội đồng làm biên bản giải trình.

Điều thứ 83: Việc kiện thuộc về hình sự hội đồng không thể hoà giải được như người đương sự cũng phải tường hội đồng lý dịch biết trước, rồi sẽ trình quan nghĩa là hội đồng được tin báo thời đi ngay để xét xem công việc hình ấy phát ra thế nào, làm thành biên bản để cho tiện việc tra cứu, nếu người đương sự không trình thì phạt 0,20$.

Điều thứ 84: Nói rõ là các việc kiện thời hội đồng cứ theo quyền hạn mà làm không được sách nhiễu dân rượu chè của người đương sự gì cả.

Nói về tuần phòng

Điều thứ 85: Bầu trương tuần cứ đến ngày mùng 9 tháng Giêng An Nam thì tuần cũ mãn lệ, đồng dân họp lại để cắt chọn trương tuần và tuần tráng khác.

Điều thứ 86: Lệ bảo trương tuần cứ lần lượt trong dân người đầu giai nào đứng đắn ngay thẳng không can án gì thời được ra làm trương tuần một năm hoặc hai ba năm.

Điều thứ 87: Những người đương thứ làm việc quan thời không phải ra làm trương tuần.

Điều thứ 88: Cắt tuần tráng thì tính công cả dân, giai những người nào chưa có ngôi kỳ mục và mạnh khoẻ còn trừ người học các trường rồi tính chia làm hai ban, mỗi ban phải đi một năm không ai được trừ đổi, duy chỉ có nhà nào từ ba anh em giở lên mà nhớn cả thời được trừ cho người giai cả, người nào mới kỷ ngụ không được trừ.

Trách nhiệm của tuần

Điều thứ 89: Canh trong làng ngày đêm tuần phải trông nom cả tài sản chung của làng, phòng giữ kẻ gian phi làm các công việc tuỳ theo lý dịch sai phái. Nếu xảy ra sự gì thất thoát thì phải đền người bị mất.

Điều thứ 90: Điếm canh có hai điếm một là điếm cổng làng hai là điếm ngoài đình.

Điều thứ 91: Tuần chia làm hai phiên cứ đến 6 giờ tối ban nào ở điếm nào ra điếm ấy mà canh, điếm thường cắt luân nhau để đi tuần giữ đường dây điện phòng chống trộm cướp khỏi vào, để cho dân được linh thiếp.

Điều thứ 92: Canh ngoài đồng tuần phải trông cho các đường khuyến nông chấp thuỷ phóng hỏa. Nếu để chảy mà cạn khan nước hại cho sự làm ruộng thì tuỳ theo số hại nhiều hay ít tuần phải phạt từ 0,50$ đến 1,00$. Để thất thoát hoa mầu cùng để các giống vật phá hại mà tuần không biết thì tuần phải đền những hoa mầu hại ấy.

Quyền lực của tuần

Điều thứ 93: Tuần được quyền trông nom những việc gian lậu, tuỳ theo thời vụ có thể cấm các chủng vật ở bãi mầu bãi lúa phá hại hoa vật tuần bắt tường lý dịch xét thực thì phạt người ấy 0,10$.

Hiệu lệnh của tuần

Điều thứ 94: Trống đánh một hồi hoặc ốc giục một hồi thời tuần phải ra hoặc có công vụ cần thì ai là tuần phải ra ngay không được chậm thiếu nếu ai không có duyên cớ gì mà vắng mặt trong khi ấy thời phải phạt 0,10$ nộp vào công quĩ, nếu người bị phạt không chịu nộp thì tường hội đồng phạt thêm 0,20$ nữa.

Quyền lợi của tuần

Điều thứ 95: Thu tiền nóc nhà cứ đến cuối năm được thu các chủ có nhà riêng, nhà ngói thời thu 0,10$ nhà tre gỗ mà có cánh cửa thì thu năm xu, nhà nào làm toàn bằng tre thì thu ba xu lệ thu tiền này nghĩa là mỗi chủ có bao nhiêu cái mặc dầu chỉ được thu một cái nhà trên.

Điều thứ 96: Thu tiền trâu bò, những người nào có trâu bò đã làm vụ tháng 6 An Nam hoặc xong vụ mà bán đi hay còn lại đến cuối năm phải nộp cho tuần trâu mỗi con phải nộp 0,10$ năm xu, bò 0,10$ trâu bò bé chưa biết cầy bừa thì thôi.

Điều thứ 97: Thu lúa sương vụ chiêm và vụ mùa người làng thì được thu mỗi sào ba gồi còn như người làng mà mua ruộng góc mẩu thì tuần thu mỗi sào 4 gồi, người làng khác cấy phụ canh tuần được thu 2 lượm mỗi lượm 3 gồi.

Điều thứ 98: Khi các hoa mẩu đã được ăn rồi như là ngô, khoai, đậu mỗi sào được thu 0,05$.

Điều thứ 99: Tuần phòng là để giữ lấy sinh mệnh chung cho cả làng được linh thiếp, nên ngày đêm hễ thấy có tiếng kêu la làng nước thì tuần phải nổi hiệu lệnh đến ngay mà ứng cứu xem kêu việc gì thì tường lý dịch biết.

Điều thứ 100: Cứ đến tối nhà ai có khách trú ngụ thì phải tường lý dịch và tuần biết, ai không tuân thì phải phạt 0,20$ và ngày đó vì việc nhỏ mà kêu làng nước để tuần phải đến cũng phải phạt 0,10$ để cho tuần.

Điều thứ 101: Tuần thám thính có tình nghi gì cho ai làm việc gian phi thì phải báo lý dịch, hội đồng biết.

Điều thứ 102: Hễ thấy trộm cướp vào làng thì tuần hết sức chống giữ người nào bắt được đứa ăn trộm, thời làng thưởng cho 1,00$, nếu bắt được đứa ăn cướp thời làng thưởng 5,00$ bạc những tiền thưởng ấy điều lấy ở công quĩ.

Điều thứ 103: Tuần phải giả tiền dân, nghĩa là thường năm cứ đến tháng mười một An Nam về kỳ thu hoạch lúa sương xong hễ năm nào đại được mùa phải nộp cho dân là 15$00 để chi phí về kỳ việc làng hay là tuần cung tiến đồ vật thì số tiền giả dân ấy được miễn, nhưng trước khi sửa đồ vật gì phải tường dân biết có ưng thuận mới được sắm sửa, nếu năm nào mà vụ tháng 10 lúa giảm xấu thì dân cũng nghĩ liệu mà giản bớt cho.

Cứu cấp

Điều thứ 104: Gặp lúc lửa cháy hoặc cướp hễ thấy đánh trống hoặc kèn báo hiệu cứu cấp thời hết thảy tuần cùng mọi người trong làng phải lập tức đến cứu giúp ngay, trừ ra những người nào yếu đau và người già không kể còn dân làng ai không có duyên cớ gì mà vắng mặt thời hội đồng xét phạt người ấy từ 0,10$ đến 0,50$.

Điều thứ 105: Các việc cứu cấp nếu người nào vì sự cứu cấp ấy bị thương thời làng cấp đỡ cho tiền chữa thuốc, nếu bị trọng thương mà thành tật thời làng cho ngôi kỳ mục, đã có kỳ mục rồi thời làng cho 20,00$ nếu bị đến nỗi chết thời làng cũng cấp cho 20,00$ và cho con hoặc cháu hoặc anh em một ngôi xã, những tiền cấp ấy dân lấy ở công quĩ.

Đường sá cầu cống

Điều thứ 106: Phó lý hương trưởng, trương tuần phải trông nom đường sá dây điện báo đường quan lộ thuộc về địa phận làng mình, nếu xảy ra sự gì thời các người ấy phải chịu trách nhiệm.

Điều thứ 107: Các đường công của làng thời hương trưởng và tuần trông nom thấy ai làm sự gì hư hỏng đến đường sá thì bắt người ấy phải làm đền.

Vệ nông

Điều thứ 108: Các đường khuyến nông mỗi năm tuần phải đắp lại một lần thời làng cấp thêm cho 1,00$.

Điều thứ 109: Cấm không cho ai được xẻ ngang đường mà thảo nước, nếu phải tát nước qua thì khi tát qua xong phải sửa lại ngay, nếu ai không sửa lại giả làng để hủy liệt, hội đồng phạt người ấy 0,20$.

Điều thứ 110: Cấm không cho ai được tự tiện thảo nước, nếu ai vì tình riêng mà cần phải thảo cho cạn bớt nước, thì phải báo với tuần tường hội đồng biết có ưng thuận mới được thảo, ai mà tự tiện thảo thì hội đồng phạt 0,20$.

Điều thứ 111: Cấm không ai được đắp bờ ngang ngòi hoặc đơm cá hoặc làm ngăn trở trong cống trong khi đang cần cho nước cạn mà làm cho nước không thông nếu ai phạm cấm hương hội phạt 0,20$.

Điều thứ 112: Cấm không ai được để bò, trâu phá huỷ mầu vật, nếu phạm thì phải chiểu giá bồi thường và phải phạt theo như lệ ở điều thứ 93.

Điều thứ 113: Cấm thả vịt, ngỗng ở những nơi đã cấy lúa gieo mạ cùng những chỗ có hoa màu đã trồng, nếu ai để phá huỷ tuỳ theo nhiều ít mà phạt như điều thứ 93 và phải chiếu giá đền ngay.

Điều thứ 114: Khoản lệ được thả vịt, ngỗng đỡ hại về ruộng đất, vậy thì ai thả phải nộp về làng. Cứ từ 10 con trở lên phải nộp cho làng 0$10 còn ngỗng và vịt đẻ thời cứ 10 con phải nộp 0,30$, ai thả đến khi được bán phải tường lý dịch sai tuần kiểm điểm ai không tuân phải phạt 0,30$.

Điều thứ 115: Các khoản phạt đã nói ở điều 100 và 101, 110, 111, 112, 113 để cho tuần phiên nếu ai bị khoản ấy mà không nộp thời lý dịch trình quan.

Vệ sinh

Điều thứ 116: Muốn cho người ta khoẻ mạnh thời phải cần giữ vệ sinh hội đồng lý dịch cần phải trông nom ra lệnh luôn cấm các nhà và đường sá không được đổ các rác cùng những vật ô uế ở quanh nhà, phải ở cho sạch sẽ không ai được để dơ bẩn ai không tuân mà phạm cấm ấy thì phải phạt 0,20$.

Điều thứ 117: Ở hồ ao và đường sá cấm không cho ai được vất những vật ô uế xuống ao và ra ngoài đường nếu ai phạm sẽ phạt 0,10$. mà phải sửa dọn đi ngay. Ao của nhà ai mà có sen tây thời phải vớt đi cho sạch, nếu ai không chịu vớt thì hội đồng lý dịch phạt 0,30$ nếu không tuân sẽ trình quan xét.

Điều thứ 118: Cấm không cho ai được làm chuồng lợn, chuồng tiêu ở bên đường hoặc bờ ao, người ta thường tắm, ai không tuân mà phạm cấm ấy thì phải phạt 0,20$ mà phải phá đi ngay, nếu nhà chủ không phá thời hội đồng lý dịch làm biên bản trình quan, nếu người nào vì hẹp đất phải làm ở bên đường đi hay bên bờ ao thì phải xây tường kín không cho khí hôi ra ngoài được.

Điều thứ 119: Giếng ăn nước cấm không ai được xuống tắm rửa hoặc phóng uế, ai phạm thời phạt 0,50$.

Điều thứ 120: Trong làng hoặc có phát ra chứng bệnh truyền nhiễm, thời nhà đương sự phải báo lý dịch biết để đi trình quan ngay để tìm quan thày thuốc về điều trị.

Điều thứ 121: Các đồ dùng của người mắc bệnh khi khỏi rồi mà không dùng nữa cũng phải đốt đi không được vất bậy ai phạm phạt 0,10$.

Điều thứ 122: Các đồ của người chết đã dùng trong khi mắc bệnh giường, chõng, quần áo v.v... phải đốt đi không được ném xuống hồ ao cùng ngòi hoặc bỏ ra ở trên đất ai phạm phạt 0,30$.

Cách giao thiệp

Điều thứ 123: Khi nào có quan Tây hoặc quan ta đến làng mà có sức trước thời lý dịch, hội đồng, tuần phiên phải đón tiếp nếu không

có giấy báo ai thấy các quan đến thời phải báo ngay cho lý dịch để ra ứng tiếp lấy lễ phép đối đãi ở tại công sở.

Điều thứ 124: Khi dân có các quan khách đến làng thì phải có tuần ở luôn đấy để phòng khi sai phải.

Điều thứ 125: Các quan có muốn khám xét việc gì trong làng thời lý dịch, hội đồng phải dẫn khám ngay, nếu cơ sự gì ngăn trở thời lý dịch, hội đồng giữ gìn cho có trật tự và ổn thoả.

Điều thứ 126: Khi trong làng hoặc địa phương làng mình ai xảy ra nạn gì thời lý dịch nghe được tin báo đến ngay để tìm cách cứu giúp hoặc trích tiền công trợ cấp cho đi nhà thương.

Điều thứ 127: Việc tiếp đãi khách cũng như làng có giao hảo mà đến lễ thờ ở làng mình hoặc làng mình đi lễ thờ làng khác, thời các lý dịch chức sắc, Hội đồng kỳ mục hương chính cùng các người đương thứ được đi lễ hoặc ngồi ứng tiếp, còn đến đại lễ thì tất cả thượng hạ khi ẩm thực ai say rượu làm mất trật tự phong hoá của dân thì dân cấm người ấy 3 năm không được đi lễ và các đình đám nữa công dân cũng không được đi.

Điều thứ 128: Khi ở các nơi khác ai có việc gì thịnh tình mời dân mà có giấy mời ba nhòng tự 3 chiếu thì trích tiền công lấy 0,60$ ngoài 3 chiếu giở lên cứ mỗi chiếu chi thêm 0,20$ để mua lễ...

Điều thứ 129: Trong làng ai có việc hiếu hỷ mà thịnh tình mời dân thời cũng hội tại công sở để cùng đi đến cho trọng phong thể.

Sự giáo dục

Điều thứ 130: Việc dạy trẻ con phải có học thức phổ thông thời mọi việc mới được tiến hoá, nên cho con trẻ đi học ấy là nghĩa vụ của cha ông không ai là từ chối được.

Điều thứ 131: Trong làng nhà nào có trẻ con đi học mà tình nghèo không có đủ tiền mua được giấy bút dân xét thực chi tiền công đỡ cho.

Ngụ cư

Điều thứ 132: Khi có người ở làng khác mà đến ở làng mình lĩnh thẻ thì lý trưởng hội đồng xét thực xem hạnh kiểm và căn cước người ấy có được hiền lành có nghề nghiệp gì chính đáng mới cho ngụ.

Điều thứ 133: Người ngụ cư muốn xin làng lĩnh thuế và có ngôi hương ẩm thì phải nói với dân bản cho ngôi ấy, tức là ngôi ăn ruộng.

Điều thứ 134: Người ngụ mới được một năm dù có phẩm trật gì đủ khao vọng rồi cũng chỉ được ngồi đến bàn thứ 4 kỳ mục, đến tuổi lên lão thời lên trước ngồi trên nhưng cũng chỉ được ngồi đến bàn thứ 3 lão là cùng.

Điều thứ 135: Người ngụ đã được hai đời thì cho ngồi đến bàn thứ 3 kỳ mục còn ngôi lão không được dịch lên nữa.

Điều thứ 136: Người ngụ mà được 3 đời coi như là người làng.

Điều thứ 137: Các ngôi ngồi đã nói ở trên thời cứ như thế mà ngồi nếu ngồi hỗn độn thì phải phạt 0,30$ sung công.

Điều thứ 138: Người nào ngụ được 3 đời thì quyền lợi cũng được hưởng như người lâu đời.

Điều thứ 139: Người ngụ tạm thời là những người nhờ dân lĩnh thẻ hoặc thẻ ở làng khác mà đến ngụ ở làng cùng việc tuần phòng cũng phải gánh vác.

Điều thứ 140: Người ngụ nào mà có thê hương mẫu quán thời đến đời thứ hai sẽ được hưởng quyền lợi như người làng.

Việc mai táng

Điều thứ 141: Khi trong làng có ai để mồ cất mả trước khi đến hoặc cất phải tường lý trưởng biết trước hoặc để... ở xứ nào để truyền mõ rao cho dân đều biết ai có tổ mộ ở xứ ấy để ra mà trông coi, người nào không tuân lệnh này mà tự tiện không trình bảo thời phạt 1,00$ bạc sung công.

Điều thứ 142: Ai để mả ở ruộng công điền công thổ thì nhà sư chủ mang 10 quả cau nói với chủ có ruộng ấy trước một ngày, nếu để vào ruộng đất tư thì nói với chủ ruộng cho được ổn thoả mới được.

Việc ký táng

Điều thứ 143: Người làng khác cùng người ngụ mà đem mộ tiên tổ ở nơi khác về để ở đồng làng, thì phải nói với lý phó trưởng hội đồng trước khi để hai ngày và phải sửa vòng nhang 3 chai rượu 200 miếng cau lễ thần kinh dân, để vào ruộng đất công thì mỗi mộ là 5$00, nếu để vào ruộng đất tư thì phải điều đình với chủ có ruộng cho được ổn thoả, nhưng cũng phải nộp cho làng 3,00$ còn lễ nghi cũng như trên.

Phong tục

Điều thứ 144: Tục vào làng tức là mua xã mỗi người tuỳ theo giá dân bán cho nhưng cũng phải tự 6,00$ trở lên đến 15,00$ còn người ngụ thời khi ấy sẽ tuỳ dân định.

Điều thứ 145: Lệ vào làng bán xã khi dân có việc tiêu hoặc ít nhiều phải bán mấy tên xã, thời hội đồng yết thị cho mõ rao định giá bán và ngày thu tiền tả đơn ai đủ tiền trước thì tả đơn trước, ai đủ tiền sau thì tả đơn sau, đơn trước ngồi trên đơn sau ngồi dưới, nếu trong một năm mà nhiều người cùng tả đơn thời ai hơn tuổi ngồi trên, nếu cùng tuổi thì chiểu ngôi bố, hễ bố trên thì con trên.

Điều thứ 146: Tục lệ chứa xã khi làng có ăn hợp mà phải chuyên biện cứ lần lượt từ 49 giở xuống cứ mỗi người một tháng chuyên biện về tháng của người nào thì người ấy phải chịu hết lượt lại bắt đầu lại.

Điều thứ 147: Lệ cơm xôi kể lượt tự người 49 tuổi giở xuống ai đến lượt sửa một cân xôi hay cân oản, thì phải sửa cân xôi bằng 4 cân 3 lạng cân Tây, cân cơm thì cân nặng 12 cân Tây ai được lệ mà phải sửa, hoặc gà thì phải cân nặng mỗi cân 10 lạng cân Tây, thịt lợn mỗi cân nặng 4 cân 2 lạng cân Tây.

Quân cấp công điền

Điều thứ 148: Cứ 6 năm quân cấp lại một lần khi đến hạn quân cấp ruộng ai đi làm xa thì nhận ngày tết và người ấy có về phải đến

trình diện lý dịch biết, người nào bỏ làng đi đã lâu ngày không thấy tin tức gì thời không được ruộng cấp nữa.

Điều thứ 149: Thời kỳ cấp điền kể từ ngày mùng 7 tháng Giêng An Nam thì hội đồng lý dịch, trưởng bạ đem sổ sách, bản đồ ra tại công sở mà chiểu tính số ruộng và nhân đinh những người đi xa tính trừ ruộng kính biếu các cụ 60 trở lên mỗi cụ 2 sào 5 miếng và ruộng phụ cấp cho chính đinh thụ sưu mỗi người 2 sào còn bao nhiêu thời chia đều nhau.

Điều thứ 150: Những người đi xa có đeo thẻ chính đinh được ăn hơn 2 sào ruộng, còn trẻ bé cùng các hạng đeo thẻ miễn trừ thì ăn ruộng cấp kém hơn người chính đinh.

Điều thứ 151: Trong khi cấp ruộng lấy sự công bằng chia cấp làm ba lượt nghĩa là lượt thứ nhất một phần thì lượt thứ 2 bằng 2 phần thứ nhất còn bao nhiêu cấp cả về lượt thứ ba.

Điều thứ 152: Trong 3 lượt cấp ruộng loại nào cũng cấp từ trên giở xuống, nhưng 2 lượt cấp trước không ai được ăn thừa quá số chia 2 miếng, còn bao nhiêu thì cấp lượt cuối cùng cấm không cho ai được ăn thừa 3 miếng, nếu ai nhờ thửa mà phải ăn thừa thì phải chiểu giá mà giả tiền ngay, nếu ai không giả tiền thì tuỳ dân muốn trích thửa ruộng nào lấy lại cũng được.

Điều thứ 153: Ruộng kính dâng các cụ 60 trở lên ăn cả về lần thứ nhất còn những người đeo thẻ ăn hơn 2 sào thì cấp lượt thứ 2.

Điều thứ 154: Cấp ruộng tử tuất người nào bất hạnh chết cũng cho ăn hương tang 3 vụ ruộng nữa (tức là 3 vụ tháng 10) số ruộng cấp ấy cũng như người còn sống và cứ theo ngôi cũ của người ấy còn sống mà ăn, nếu người chết mà đã cống được một vụ hoặc 2 vụ rồi mà đến hạn cấp lại cho ăn thêm vụ nữa cho đủ số năm thì thôi, còn thừa vụ nào thì dân lấy lại đấu giá và người nào đã đeo thẻ mà chết thì phải giả lại làng 2 sào ruộng phụ về thẻ, còn các người bị chết thì không kể năm chết, được ăn thông tang 3 năm nữa.

Cấp ruộng lệ

Điều thứ 155: Cứ luân thứ những người có xã xử tự trên giở xuống theo ngôi ăn ruộng hạn tự ngày khai hạ trở đi (tức là ngày 7 tháng Giêng An Nam) ai bất hạnh chết từ ngày ấy trở đi thì cũng được ăn ruộng lệ và làm (...).

Việc tế lễ

Điều thứ 156: Lệ Giao Thừa đặt hai sào hai thước thửa số 1683-1684 ở xứ vườn mít, bổ canh 2 người cấy mỗi người phải sửa 1 lễ mũ 2 trăm vàng đại, chuối tiêu 1 nải, rượu nửa bình, cau 15 quả, gà 1 con (tức một cân) xôi một cân theo điều thứ 147 một thẻ nhang nến hai cây.

Điều thứ 157: Lệ lễ ở nhà thờ sắc cũng phải làm lễ cúng tối hôm Giao Thừa đã đặt một sào ruộng ở xứ vườn miễu số 1487 và số 1539 luân canh người cùng cấy phải sửa lễ chung nhau rượu nửa bình cau 50 quả vàng đại một trăm, hương một thẻ, gà 1 con tức 1 cân, xôi một cân, cân theo điều thứ 147.

Điều thứ 158: Lễ Nguyên Đán ngày mùng một tháng Giêng giao thủ hương hoặc thủ từ chi biện bốn con gà, cân được 3 cân và cân xôi các cân theo ở điều 147 chuối 3 nải, rượu một bình, cau 20 quả.

Điều thứ 159: Lễ ngày mùng 2 đặt ruộng ở xứ đối trên 2 thửa số 417- 418 cộng là một sào ai đến lượt cấy phải sửa lễ gà 3 con cân nặng 2 cân cân theo điều 147, chuối 1 nải, rượu nửa bình, cau 50 miếng; ngày mùng 2 lễ ở miếu đặt ruộng 1 người cấy sửa lễ gà một cân cân theo điều 147 rượu nửa bình, cau 5 quả.

Điều thứ 160: Lễ mùng 3 đặt ruộng 2 thửa ở xứ lọc sấu số 1190-1197 hai thửa ở xứ vườn mít số 1534 và số 1654 cộng thành 1 sào luân canh 2 người cấy đến lượt phải biện lễ, gà 4 con cân nặng 4 cân, xôi 2 cân cân theo điều 147 chuối tiêu 2 nải, rượu một bình, cau 100 miếng.

Điều thứ 161: Ngày 4 tháng Giêng các viên kỳ mục sửa lễ oản một cân theo điều 147 chuối 2 nải, cau 20 quả, rượu một bình.

Điều thứ 162: Các viên chức được đi lễ trong các ngày tết thì chỉ có các cụ kỳ mục cùng người đã lớn, đi tuần thì được đi dự lễ kiến diện, thụ lộc duy chỉ để phần chức sắc các cụ 60 giở lên thôi.

Điều thứ 163: Lệ chuyên biện các ngày tết lễ xong dân thụ lộc tại đình thì do người làm lệ phải chuyên biện không phải như xã nhà lính cũ.

Điều thứ 164: Lệ sóc vọng các cụ lễ ở nhà sắc kỳ mục lễ ở đình việc sửa lễ thì theo điều thứ 161 hai lệ ấy thì theo luân thứ mà sửa biện lễ chứ không có công làng.

Điều thứ 165: Lễ động thổ ở làng thì viên chủ tế phải chỉnh biện phủ tửu, tuần thì phải trang hoàng khi cụ về việc lễ.

Điều thứ 166: Lễ khai hạ cứ ngày mùng 7 tháng Giêng dân đặt một sào ruộng ở xứ bờ sông số 168 luân thứ các cụ cấy, khi đến lượt cụ nào phải sửa một con gà, một cân xôi mỗi thứ phải một cân theo điều 147, lễ xong chỉ có các cụ quản lộc, còn như nhà cụ nào làm phải có cỗ bàn thì tuỳ nghi không có cũng không sao.

Điều thứ 167: Thượng nguyên thường năm đến ngày mùng 9 tháng Giêng An Nam dân có đặt 5 sào ruộng ở sứ vườn mít số 1621 và số 16231 16234 số 1625 số 1626 luân canh năm người cấy sửa biên 2 cái thủ lợn cân nặng 3 cân, xôi 5 cân các cân cân theo điều 147, chuối hai nải, cau 30 quả, rượu 2 bình, vàng đại trăm để tại chùa lễ sao và ở đình lễ khai quang.

Điều thứ 168: Lệ tế đình ở đình cứ đến ngày 2 tháng Giêng là ngày lễ kỳ phúc cho đồng dân và đầu năm họp mặt thì tất cả những người ở trong dân đều phải đóng tiền để mãi lễ.

Điều thứ 169: Lễ hè đệ niên đến ngày mùng 1 tháng 4 An Nam lập đàn sửa mũ để lễ cầu cho dân được mạnh khoẻ thì chiểu từ bổ về các giáp đóng tiền sửa lễ.

Điều thứ 170: Lễ Kỳ Phúc tháng 4 ngày 22 lệ dân tự ngày hôm trước hồi 2 giờ chiều đến tối có lệ tin yết, dân đặt 1 sào ở xứ vườn mít

số 1740 và số 1745 luân canh mỗi năm 2 người cấy phải chung nhau làm lễ oản 2 cân cân theo điều 147, chuối 2 nải, rượu 1 bình, cau 100 miếng còn (...) chè thờ thời giao cho tuần chỉnh biện tiền mãi lễ bổ về hai giáp.

Điều thứ 171: Kỳ Phúc tháng 5 ngày 18 lệ dân rước tự 3 giờ chiều ngày 17, tối có lễ túc yết thì dân đặt một sào 2 thửa ở xứ vườn mít số 1633-1634 luân canh 2 người làm lệ sửa lễ cũng như tháng 4 cổ thờ và tiền đáng cũng như tháng 4.

Điều thứ 172: Lệ Hạ Điền thường năm cứ đến ngày 17 tháng 5 đặt ruộng xứ vườn mít 1 sào số 1636 và một sào số 1567 luân thứ 2 người cấy sửa lễ chung nhau xôi 2 cân theo điều 147, rượu một bình, chuối 1 nải, cau 10 quả.

Điều thứ 173: Lệ thường dân đến tháng chín tuỳ theo ngọn lúa sẽ định ngày làm lễ, thì dân đã đặt ruộng ở xứ vườn mít số 1616 luân thứ 1 người cấy đến lượt phải biện lễ oản gạo mới 5 cân theo điều 147, hương tiêu 7 nải, rượu 4 bình, cau 30 quả, vàng đại 3 trăm, pháo 1 phong, bạch lạp 1 bao và nộp tiền chiết can ăn uống là 10,00$ số tiền ấy phải nộp trước 2 ngày để dân giao cho tuần mãi hoặc để công tiêu.

Điều thứ 174: Kỳ Phúc tháng 11 chính lệ ngày 6, nhưng dân vào tiệc từ ngày 4 hay mùng 5 cho đến ngày mùng 8 hoặc mùng 9 đặt ruộng sửa mả ở đồng làng nhị châu cộng 1 mẫu 5 sào luân thứ các người mỗi sào phải nộp 1,00$ giao dân sửa... còn các lễ nghi bổ tiền các giáp và tiền qũy giao cho tuần mãi lễ.

Điều thứ 175: Lễ Kỳ Phúc giải tịch theo tục lệ đến ngày 25 tháng 11 thời lễ tạ hoá mã, việc sửa lễ trích lấy tiền công hoặc bỏ đóng về các giáp.

Điều thứ 176: Theo tục lệ về các ngày Kỳ Phúc trong một năm có 1 kỳ đại tiệc thì hội đồng cắt quân tất ai vào việc gì đã có giấy yết thị trước, hễ khi rước thời người chánh phó hương hội cùng lý dịch báo trống hiệu các nhòng xong, rồi báo trống thượng hạ để sắp quân tất ra là dân đã phải hiệu thì dù đương làm việc gì cũng phải ra ngay

những người có trở cũng phải ra để trông nom, người nào việc gì vào việc ấy, nếu ai có duyên cớ gì vắng mặt thì phải biện 30 miếng giầu nói với dân trước khi rước 4 giờ chiều đồng hồ để dân liệu sẽ cho, nếu ai không tuân như giấy cắt hoặc ganh tị nhau bỏ đồ thờ thì phải phạt từ 0,10$ đến 0,50$, hội đồng lập biên bản ngay không vì nể ai cả.

Điều thứ 177: Nói về tế lễ trong những khi có tế lễ thời do lý trưởng tả văn, trong văn tế chỉ được viết tên chức sắc chủ tế cụ nhất chánh phó hội đồng kỳ mục và hương chính lý phó trưởng đương thời còn không xưng tên ai nữa.

Điều thứ 178: Các viên kỳ mục phải vào tế ai không có áo mũ hoặc có duyên cớ gì phải sửa 3 quả cau cáo thiên địa trước khi vào tế, nếu ai không cáo thì dân phạt người ấy 0,10$.

Điều thứ 179: Lệ sắp ấu cứ ngày 25 tháng 12 An Nam là ngày làm lễ, dân đặt ruộng một sào 2 thửa số 467 số 468 ở xứ cạnh nghè, luân thứ 2 người cấy sửa theo đều 147, chuối 1 nải, rượu 1 bình, cau 100 miếng, vàng 300.

Giỗ hậu

Điều thứ 180: Các lệ giỗ hậu giỗ chùa, công dân công giáp thì đã có ruộng riêng, ai cấy đến lượt phải làm giỗ, khi giỗ hoặc ở bia hoặc ở nhà trưởng nam, khi giỗ xong thì xôi thịt chia làm phần để biếu trưởng một phần còn sẽ quân lộc.

Điều thứ 181: Những viên chức được đi giỗ hậu nếu hậu giỗ bằng lợn, bằng thủ thời chỉ các cụ và kỳ mục cùng người đã đi tuần mới được đi dự lễ, còn dân rước thì để phần không được đi.

Điều thứ 182: Giỗ hậu bằng gà hoặc xôi thời chỉ có các cụ kỳ mục biếu cho không để phần dưới.

Điều thứ 183: Khi giỗ hậu thì chỉ có (...) rồi đọc văn hoặc yết cáo còn đến khi những ngày Kỳ Phúc, dân sửa sang ở bia khi tế thần xong thì viên chức nào làm lễ tế hậu làm chủ tế hậu thời viên chánh phó hội, lý phó trưởng được làm.

Tư văn

Điều thứ 184: Căn nguyên của hội là văn hội, tư văn ở dân theo tục thì cả thượng hạ ai đã vào làng thì có ngôi tư văn.

Điều thứ 185: Lệ vào hậu hiền người đã là kỳ mục giở lên mà bất hạnh chết khi đến ngày lễ xuân thu, thì cho cỗ thông tang và được vào tên phối hưởng.

Điều thứ 186: Lệ của tư văn vào mùa xuân và mùa thu cứ chọn ngày đinh mùi lễ thời công hội đã có ruộng luân thứ cụ trùm chứa được cấy để chuyên biện, còn hang ruộng luân thứ trong hội ai được cấy 6 miếng ruộng thì sửa một cân xôi cũng cân theo điều 147.

Điều thứ 187: Lệ sửa lễ vào mùa xuân cụ trùm chứa phải sửa 1 con gà, 1 cân xôi, rượu 1 bình, cau 10 quả để đài văn chỉ để hội lễ này thời chỉ có quan chức mà các cụ trùm đương thứ lý dịch giở xuống đến 1 bàn đầu hàng giáp là được đi hành lễ và thụ lộc.

Điều thứ 188: Lệ sửa lễ về mùa thu thời các cụ thượng hạ cũng được dự còn lệ túc yết và thỉnh sinh thời cụ trùm chứa phải sửa 1 cân gà, 1 cân xôi, cau rượu cũng như trên còn hàng chinh tế thời đã lễ lợi đức của hội các ông cầu thu tiền và mãi lễ còn cụ trùm chức phải chuyên biện cơm xôi đã có ruộng lệ.

Điều thứ 189: Các đồ thờ tự ai phận sự phải giữ để thất thoát thì phải đền ngay, nếu không đền thì trình xét và xin đổi sổ ruộng công quân cấp bán vào đủ số thì thôi.

Khao vọng

Điều thứ 190: Cụ nào được ngôi cao nhất cao nhì, được làm cụ trùm nhất trùm nhì cụ nào được ngôi ấy thời phải vọng 6 miếng ruộng, ai không ruộng thì chiểu giá cộng tiền, còn đại khoa trung khoa cộng tiền theo điều 191, lễ nghi miễn còn phẩm hàm cộng tiền theo điều 192, lễ nghi cũng miễn cho các cụ hàng vọng mỗi cụ 0,80$, các ông cầu vân chánh trưởng không phải vọng.

Khao vọng để công dân

Điều thứ 191: Người nào làm được quan tước hoặc thi đỗ Tây, Nam trung khoa đại khoa, phải sửa lễ một con lợn cân được 50 cân Tây, xôi 5 cân cân theo điều 147, rượu 5 bình, cau 200 miếng lễ thần rồi kính dân và phải nộp 20,00$ để sung công.

Điều thứ 192: Người phẩm trật thì phải sửa lễ 1 con lợn cân 30 cân Tây, xôi 4 cân, rượu 3 bình, cau 200 miếng lễ thần rồi kính dân và phải nộp vào công quĩ 15,00$.

Điều thứ 193: Những ai mà được phẩm hàm mà khao vọng cũng chiểu theo điều 192, phàm người nào ra linh trước chưa có ngôi kỳ mục mà một bước lên ngôi cao thời cũng theo điều 192 mà khao vọng và lại vọng thêm vào chức kỳ mục 10,00$ làm nghi lễ, nghi lễ cũng như điều 194 còn hoa quả bàn miễn.

Điều thứ 194: Dân đinh người nào chưa là kỳ mục mà làm chức gì trong dân thời phải sửa một cái thủ lợn, xôi 3 cân, rượu hai bình, cau 200 miếng lễ thần kính dân và phải làm hoa bàn mời dân 1 lượt để tả đơn và ký điểm và nộp tiền khao là 10,00$ vào công quĩ và vọng vào ngôi kỳ mục 1 bình rượu, 10 quả cau.

Điều thứ 195: Mua ngôi kỳ mục người nào không ra làm được thời mua lệ mua chơi, bán cho ít nhất cũng phải sáu đồng giở lên còn khao vọng cũng theo điều 194.

Điều thứ 196: Người nào đã là kỳ mục rồi mà lại ra làm chức dịch nữa thời cũng phải sửa lễ như người mới theo điều 194 nhưng giảm cho tiền vọng và hoa bàn duy chỉ có người giữ triện thì nộp thêm 1,00$ vào sung công.

Điều thứ 197: Người ngụ cư ra làm các chức dịch thời phải khao vọng theo số tiền cũng như các lệ, còn tiền lễ nghi đều bằng hai.

Điều thứ 198: Nói về chức chủ tế trong dân có khoa trường cùng phẩm trật đủ khao vọng thời được nhận chức chủ tế tức là ngôi tiên chỉ, nếu không có phẩm tước thời dân sẽ tuỳ bảo ai được nhận chức

ấy lần bắt đầu thời phải sửa lễ và hoa bàn theo như điều 194 còn số tiền không phải nộp nữa.

Điều thứ 199: Viên chủ tế là người có khoa mục phẩm trật vì có duyên cớ gì (...) có làng thì từ 3 tháng trở nên phải (...) giấu lễ cáo thì dân bảo người nhiếp tế, nếu không có chức sắc mà chủ tế là người bảo cử thì dân bảo người khác làm chủ tế.

Điều thứ 200: Người làm nghiệp phải sửa trầu cau 200 miếng, rượu một bình và 2 (...) oản theo điều thứ 147, chuối tiêu 2 nải lễ thần rồi kính dân khi (...) tế không phương trở nữa lại được ra nhận chức thì chỉ phải sửa một bình rượu, 200 miếng cau lễ thần rồi kính dân, nếu chủ tế là dân bảo tín là người không có khoa trường chức sắc thì chỉ được làm chủ tế đến năm 55 tuổi thì thôi.

Điều thứ 201: Mời cụ toát tức là cụ nhất thì chiểu điều 138 mà mời cụ nào được nhận chức ấy phải sửa lễ theo điều 200 như người làm nhiếp tế.

Điều thứ 202: Lệ đăng lão đi được đến tuổi lên lão lệ 50 tuổi mới được vọng, lệ vọng lão chia làm 2 hạng tiếp con ăn uống hạng nhất cúng về làng 5,00$ bạc cúng về nhòng cụ 2,00$ bạc hạng nhì cúng về dân 4,00$ về nhòng cụ 2,00$ bạc ai muốn... hạng nào thời cúng, còn đồ lễ thời sửa xôi một cân, thủ một cân theo điều 147, rượu 2 bình, cau 200 miếng lễ thần kính dân.

Điều thứ 203: Lệ lên lão 60 tuổi người nào đến tuổi ấy triết can ăn uống phải cúng vào dân bốn đồng bạc và sửa 2 bình rượu, 200 miếng giấu lễ thần rồi kính dân, cụ nào già mà nộp đủ lệ thì được tịnh trừ cơm rồi cùng các tạp dịch trong làng.

Điều thứ 204: Người ngụ mà đến tuổi lên lão 50, người mới ở một đời thời phải cúng vào dân 10,00$ khao, hai đời thì phải 8 đồng khao, lên lão 60 tuổi người ở một đời thì phải nộp 6,00$, hai đời thì phải 5,00$, còn lễ nghi theo điều thứ 202-203, còn số tiền vào hộ lão không kể, nội ngoại cũng theo như trên, ai đủ lệ được ngồi chiếu lão theo điều thứ 134 – 135 – 136 – 137 – 138 mà ngồi.

Kinh biểu

Điều thứ 205: Về tư văn các viên đỗ trung khoa, đại khoa Tây, Nam vọng vào tư văn cũng theo điều 190 mà biếu theo điều thứ 207 cụ trùm nhất cụ trùm nhị, đã khao vọng theo điều 190 thì được biếu lộc, 3 ông cân thì biếu chân giò, 6 cụ trùm hàng nhì biếu lẩm, những ông văn trưởng thì biếu chân giò, phẩm hàm đã vọng cũng biếu chân giò, lệ biếu cứ mỗi con lợn phải biếu như thế.

Điều thứ 206: Biếu của công dân trong một năm có 4 ngày Kỳ Phúc và một tiệc tế đình (...) thì biếu cau hoa quả thì cũng phải biếu không biếu thời tuần phải chỉ biếu ... trình diện viên được ăn biếu xong rồi tuần mang vào nhà.

Điều thứ 207: Các viên chức được khao vọng theo điều 191 sửa lại bằng lợi thời biếu thủ xôi một đĩa, cau 3 qủa, có lễ chay thì biếu oản 3 phẩm, chè thờ 1 bát, cau 3 quả, còn tiểu tiết thời biếu cau, cỗ ngọc biếu một thứ quý nhất, các hoa qủa kinh thì thức gì quý nhất cũng biếu.

Điều thứ 208: Các phẩm hàm mà được nộp khao vọng theo điều 192, thì chiếu điều 206 mà biếu, làm lợi thời biếu bằng lọng xôi, một đĩa cau 3 quả, lễ chay thì oản một phẩm, chè thời một đĩa, cau 3 quả còn cỗ ngọc các thứ hoa quả cũng biếu như trên.

Điều thứ 209: Biếu chủ tế trong làng đã có chức sắc vào chủ tế rồi thì thôi không phải biếu nữa, bằng không mà phải bảo viên chủ tế hoặc viên nhiếp tế, trong những ngày ở Kỳ Phúc thì biếu 1 cái chân giò, oản 1 phẩm, cau 1 quả còn hoa qủa cũng biếu như trên.

Điều thứ 210: Các viên kỳ mục vào tế khi việc làng mà có tế lễ hễ làm lợn hoặc bò thì biếu một cái lẩm oản cau chuối mỗi viên điều một thứ, trừ ra 3 ngày Kỳ Phúc nhiều lần tế cũng biếu một ngày, còn các ngày khác biếu cau.

Điều thứ 211: Biếu cụ nhất cụ nào được ngôi ấy thì các ngày đại tiệc và các tiểu tiết đều được biếu một quả cau có hoa quả quý cũng biếu một thứ.

Điều thứ 212: Biếu chánh phó kỳ thì cũng như biếu cụ nhất, nếu có chánh phó tổng cũng biếu như thế.

Điều thứ 213: Biếu các viên ở ban hương hội cùng các chức dịch đương thứ các ngày có biếu cũng biếu mỗi viên một miếng cau.

Điều thứ 214: Biếu lý trưởng theo điều 209 cũng như biếu viên chủ tế.

Điều thứ 215: Biếu phó lý hoặc hương trưởng thì trong một năm ngày Kỳ Phúc tháng 4 và ngày Thường Tân có lễ mặn thì biếu 2 cái chân giò, oản 1 phẩm, cau 1 quả, còn các ngày tiểu tiết cùng khác kinh cũng biếu cau.

Điều thứ 216: Biếu thủ nhang ở đại đình trong những khi có tế lễ thì những đồ lễ đều biếu mỗi thứ biếu một, lợn biếu 1 cái chân giò, còn cụ từ, nhà sắc, nhà đền, biếu oản 1 phẩm, cau 1 quả.

Điều thứ 217: Biếu những viên cầm gươm trường và đồng văn tế hoặc lễ mặn biếu mỗi ban một cái chân giò và 3 phẩm oản, 3 quả cau nếu lễ chay thì biếu mỗi người một phẩm.

Nói về lễ Kỳ Phúc

Điều thứ 218: Trong khi tế xong những cau rượu lễ các viên chức cùng những viên hành lễ được thụ phúc, duy chỉ biếu cụ nhất và chánh phó kỳ mục mỗi viên 1 miếng cau, còn không được biếu ai.

Điều thứ 219: Mỗi kỳ việc làng thì đều bổ về các giáp để lấy tiền mãi lễ, hoặc của giáp nào thì giáp ấy mua, nếu khi có tiền công quĩ thì trích lấy tiền ra mua lễ về việc làng cũng được, nếu tiền bổ đóng mà ai chậm thiếu thì lính hoặc tuần phải thu mà tường đến dân làm biên bản cho người ấy bỏ giáp hoặc bỏ làng.

Điều thứ 220: Khi việc làng mà lễ tạ xong, dân có cỗ ngọc cùng các hoa quả quý dân chi biếu còn sẽ quân tổng theo như vị thứ 4 nhòng mỗi người nguyên một thứ đến đâu hết thì thôi, nhưng trước khi tổng thì chia số lộc ấy ra làm 3 tổng xong 3 nhòng, còn sẽ dồn lại để nhòng giai.

Nói về vị thủ tư văn

Điều thứ 221: Ngôi tư văn cũng như ngôi thượng hạ chỉ khác cỗ ngồi.

Điều thứ 222: Lệ ngồi cụ trùm nhất nhì mỗi cụ ngồi một cỗ, những trung khoa đại khoa Tây, Nam dự vào tư văn theo điều 190 thì cho ngồi ở dưới cũng được, dịch lên ngồi cùng cụ nhất nhì cùng 6 cụ chung hàng thì ngồi 2 cỗ mỗi cỗ 3 cụ, còn thì ngồi 3 ông một cỗ, 8 ông văn trưởng thì 4 ông một cỗ, còn hàng giai cũng 4 người một cỗ, còn các ông phẩm hàm đã khao vọng trong tư văn theo điều 190 cũng được dịch lên ngồi hàng văn trưởng, không được dịch lên hàng câu trùm, bao giờ đến ngôi của mình mới được dịch lên.

Vị thứ về công dân

Điều thứ 223: Khi làng có họp ăn uống ở các đám xá hoặc kiến diện hoặc đi lễ thờ ở xã giao hảo thì dân có 4 nhòng tức là 4 hàng chiếu 1 là chiếu lão, 2 là chiếu chức đương thứ chức dịch, 3 là chiếu hương mục, 4 là chiếu giai.

Điều thứ 224: Lệ ngồi chiếu lão ai đã đến tuổi lên lão mà đã lệ vọng rồi mới được ngồi theo nhòng ấy, chiếu chức sắc thì được ngồi đầu giòng đương thứ hội đồng lý dịch, chiếu hương mục là người nào đã ra làm việc mà nghỉ, nghỉ việc rồi cùng những người không thể làm việc được mà mua ngôi đều nộp khao vọng đủ lệ thời ai làm việc trước và mua trước được ngồi trên, ai làm việc hoặc mua sau thì ngồi dưới, chiếu giai thì theo ngôi xã xử ở điều 145 mà ngồi.

Điều thứ 225: Các vị thứ đã nói ở trên thì phải ăn ngồi cho có trật tự nếu mà hỗn độn hoặc là nhầm thì phải phạt 0,10$ đến 0,30$ trừ ra khi nào nhỡ chiếu mà phải dịch lên và dịch xuống thì miễn phạt.

Việc hôn lễ

Điều thứ 226: Trong làng người nào có con gái gả chồng thì phải nộp cheo với làng, sự gả bán theo như luật nhà nước mới được.

Nói về vị thủ tư văn

Điều thứ 221: Ngôi tư văn cũng như ngôi thượng hạ chỉ khác cỗ ngồi.

Điều thứ 222: Lệ ngồi cụ trùm nhất nhì mỗi cụ ngồi một cỗ, những trung khoa đại khoa Tây, Nam dự vào tư văn theo điều 190 thì cho ngồi ở dưới cũng được, dịch lên ngồi cùng cụ nhất nhì cùng 6 cụ chung hàng thì ngồi 2 cỗ mỗi cỗ 3 cụ, còn thì ngồi 3 ông một cỗ, 8 ông văn trưởng thì 4 ông một cỗ, còn hàng giai cũng 4 người một cỗ, còn các ông phẩm hàm đã khao vọng trong tư văn theo điều 190 cũng được dịch lên ngồi hàng văn trưởng, không được dịch lên hàng câu trùm, bao giờ đến ngôi của mình mới được dịch lên.

Vị thứ về công dân

Điều thứ 223: Khi làng có họp ăn uống ở các đám xá hoặc kiến diên hoặc đi lễ thờ ở xã giao hảo thì dân có 4 nhòng tức là 4 hàng chiếu 1 là chiếu lão, 2 là chiếu chức đương thứ chức dịch, 3 là chiếu hương mục, 4 là chiếu giai.

Điều thứ 224: Lệ ngồi chiếu lão ai đã đến tuổi lên lão mà đã lệ vọng rồi mới được ngồi theo nhòng ấy, chiếu chức sắc thì được ngồi đầu giòng đương thứ hội đồng lý dịch, chiếu hương mục là người nào đã ra làm việc mà nghỉ, nghỉ việc rồi cùng những người không thể làm việc được mà mua ngôi đều nộp khao vọng đủ lệ thời ai làm việc trước và mua trước được ngồi trên, ai làm việc hoặc mua sau thì ngồi dưới, chiếu giai thì theo ngôi xã xử ở điều 145 mà ngồi.

Điều thứ 225: Các vị thứ đã nói ở trên thì phải ăn ngồi cho có trật tự nếu mà hỗn độn hoặc là nhầm thì phải phạt 0,10$ đến 0,30$ trừ ra khi nào nhỡ chiếu mà phải dịch lên và dịch xuống thì miễn phạt.

Việc hôn lễ

Điều thứ 226: Trong làng người nào có con gái gả chồng thì phải nộp cheo với làng, sự gả bán theo như luật nhà nước mới được.

Điều thứ 227: Cheo nội là con gái trong làng mà lấy chồng người làng thì phải nộp cheo 3,00$ và 200 miếng giầu 2 bình rượu lễ thần kinh dân.

Điều thứ 228: Cheo ngoại là người con gái đi lấy chồng ở làng khác thì phải nộp cheo 5,00$, còn lễ nghi cũng như người trong làng.

Điều thứ 229: Lệ trống cheo trước khi cưới nhà gái phải nói với lý trưởng trước hai ngày. Khi nghênh hôn sửa lễ nộp cheo, thì mời lý trưởng dựng trống thượng hạ và truyền mõ đi rao để dân làng biết ra tản cheo ở công sở.

Điều thứ 230: Phàm ở trong làng mà có người con gái nào đến ngụ ở làng mà đi lấy chồng thì phải vào sổ giá thú ở làng và cũng phải sửa 2 bình rượu, 200 miếng cau để nói với hội đồng lý dịch chứng biết, nếu ai không tuân lệ, thì cứ nhà có người con gái ngụ trong khi xuất giá phải phạt 0,50$ sung công, việc cưới cấm không được chăng dây làm ngăn trở cho người và ai không tuân phạt 0,30$.

Điều thứ 231: Trong làng người nào bách tuế thì nhà hiếu chủ ở giáp nào mời giáp ấy để sửa soạn mọi việc đi hành tống, hoặc nhà hiếu chủ muốn mời thêm giáp khác nữa để hành tống cũng được, nhưng trước hết phải nói với cụ nhất ở giáp ấy, để truyền cho lính trương và bảo mõ rao để cho mọi người nghe hiểu đi hành tống.

Điều thứ 232: Khi mai táng xong, nhà hiếu chủ sửa hai bình rượu và 100 miếng cau tạ ngay giáp ở nơi điển sở, nếu mời mấy giáp cũng tạ mỗi giáp như thế, không phiền nhiễu gì cả.

Điều thứ 233: Trong khi đưa đám ai cũng nên để tâm ấy nảy vì cùng nòi giống ở mấy nhau một làng, phút chốc mà kẻ mất người còn, vậy trong khi đưa đám là từ biệt nhau lần cuối cùng, nên cấm không ai được cười nhả nô đùa và những ai là người phận sự làm việc gì về việc hiếu, ai có duyên cớ gì không đi được phải sửa 10 miếng cau cáo thiếu, nếu người nào không cáo hoặc lười biếng bỏ việc không làm để trong giáp phải cáo tố đến hội đồng xét phạt 0,20$.

Điều thứ 234: Kể từ ngày thi hành khoán ước này, các điều nghị gì trái với khoán ước này thời bỏ nhiều ít, ai không tuân mà làm trái thì phải phạt từ 0,50$ đến 1,00$, nếu người ấy không phục tinh chịu nộp thì hội đồng làm biên bản trình quan xét phạt và cấm không cho đi việc làng cùng các đám xá công dân một hạn là 6 tháng.

Hương ước của làng Yên Phú soạn từ năm Bảo Đại thứ 11 tháng 9 ngày 16.

Phụng sao Hương ước
Le lý trưởng

HƯƠNG ƯỚC XÃ KHƯƠNG HẠ

Tổng Khương Đình, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông

Phần thứ nhất
Chính Trị

Khoản thứ 1
Lập hội đồng kỳ mục và hội đồng trị sự

Điều thứ 1: Nay lập ra ở làng Khương Hạ, tổng Khương Đình, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông (...) gọi là hội đồng kỳ mục để sửa soạn và trông nom những công việc trong làng.

Điều thứ 2: Những hội viên của hội đồng thời phải chọn những người có đủ tư cách thông thái đứng đắn trong các cửa họ để làm tộc biểu (họ lớn ba người, họ vừa hai người, họ nhỏ một người, họ nào ít đinh thì hai ba họ chọn lấy một người, những tộc biểu ấy thời lệ ba năm một khoá.

Điều thứ 3: Chọn những tộc biểu thời (...) họ phải thoả thuận ký kết, ứng cử và phải là những người từ 25 tuổi giở lên mấy được, những người đã bị phạt giam và bị cách bãi (...) không được cử ra làm tộc biểu, những người được làm tộc biểu thì được trừ tạp dịch.

Điều thứ 4: Trong hội đồng kỳ mục thì phải chọn lấy một ban trị sự có những viên chức như sau này:

1 viên kiểm duyệt (Controlur)

1 viên chánh hội trưởng (Président)

1 viên phó hội trưởng (vice Président)

1 viên thư ký (Seerétaire)

1 viên thủ quĩ (Trésorier)

1 viên cảnh sát (Commissaire)

Còn những tộc biểu đều là nghị viện cả.

Điều thứ 5: Nếu những chức dịch trong ban trị sự có người tranh nhau, thời phải bỏ phiếu kín mà bầu, ai hơn thì được làm chứ không được ganh tỵ. Ban trị sự thì lệ cũng ba năm một khoá, nếu ai mãn lệ mà hội đồng kỳ mục bằng lòng bầu lại cũng được.

Điều thứ 6: Chánh hội trưởng thì phải chọn người nào danh giá, đứng đắn, công bằng và quyết đoán để làm chủ toạ hội đồng, để thay mặt dân mà ký các giấy má để sửa soạn và quyết đoán công việc trong làng.

Điều thứ 7: Phó hội trưởng cũng phải chọn người danh giá, đứng đắn và công bằng để giúp việc viên chánh hội trưởng, nếu chánh hội trưởng đi vắng, thì phó hội trưởng được làm chủ toạ thay và có thể ký thay các giấy má của hội đồng.

Điều thứ 8: Thư ký thì phải chọn người biết chữ Nho thông Quốc ngữ và giỏi tính toán để coi giữ từ hàn và biên chép sổ sách của dân.

Điều thứ 9: Thủ quĩ thì phải cốt chọn người có tư bản vật lực mà cũng phải biết chữ cùng tính toán để coi giữ công quĩ, biên chép giấy má sổ sách có can thiệp đến tiền bạc của dân, nếu trong ban chưa có thể chọn được thư ký và thủ quĩ thời phải chọn người trong làng mà bầu.

Điều thứ 10: Cảnh sát thời chọn lấy người có sức lực can đảm nhanh nhẹn để trông nom việc tuần phòng, việc cảnh sát và đường sá quán của làng.

Điều thứ 11: Còn những nghị viên thời là những người có quyền xem xét, bàn luận công việc ích lợi trong làng cùng bài bác những công việc mà ban trị sự làm sai phép nước và trái hương ước.

Điều thứ 12: Lệ hội đồng mỗi tháng phải họp 2 kỳ, cứ ngày chủ nhật đầu tháng và chủ nhật thứ ba trong tháng (theo tháng Tây) đúng một giờ trưa những người có chân tộc biểu đúng giờ đủ mặt ở hội đồng để họp, chỉ những người có chân tùng sự hoặc buôn bán xa làng thời ít ra cũng phải đến họp mỗi tháng một lần.

Điều thứ 13: Hội viên nào bận thời có giấy hoặc có nhời xin vắng mặt, nhưng không có thể cáo luôn năm kỳ hội đồng, hội viên nào không có cớ gì mà không dự hội đồng thời lần thứ nhất phạt 0,20$ sau phạt bội, nếu không chịu phạt thì bãi chân tộc biểu, người nào muốn thôi tộc biểu thời trước phải có giấy trình... xét có ưng thuận thì mấy được từ dịch, tiện mà bỏ thì phải bãi chân tộc biểu.

Điều thứ 14: Năm nào cũng vậy cứ đến chủ nhật đầu tháng một Tây (November) thì đại hội đồng cả dân mà tính toán sổ công việc suốt năm, bàn soạn và dự định công việc và sổ sách năm sau, khi có việc cần thì phải họp hội đồng bất thường mà bàn.

Điều thứ 15: Được quá nửa số người trong ban đến dự thời hội đồng mới được bàn việc. Hội đồng làm việc gì viên thư ký phải làm biên bản, tờ biên bản ấy thời phải có chữ ký của hội viên hiện tại để lưu chiểu.

Điều thứ 16: Khi bàn việc ai muốn nói gì thời phải có từ tốn, kẻ trước người sau nếu nhiều người muốn nói một lúc thì viên chủ toạ, phải định lần lượt. Bàn xong thì phải giải tán ngay chứ không được ngồi lâu mà bầy cuộc tửu phiếm.

Điều thứ 17: Những việc bàn nếu quá nửa số người đến họp bằng lòng thời mấy được thi hành, nếu ý kiến bất nhất thời phải bỏ phiếu kín hoặc giơ tay, bên nào nhiều người thuận hơn thì việc làng phải theo, bàn hỏi gì cũng bắt đầu từ tộc biểu họ nhỏ được nói trước, rồi mấy đến tộc biểu họ to, một phiếu của viên chánh hội trưởng thì bao giờ cũng được kể làm hai phiếu.

Điều thứ 18: Khi có lệnh quan toà án hoặc quan cai trị cần hỏi đến làng thời hội đồng tự chọn hai người trong ban đi với lý trưởng.

Điều thứ 19: Trừ ra những khi có thượng lệnh bắt làm thì không kể, còn khi quan trên hỏi ý kiến về những việc can thiệp đến quyền lợi chung dân, thời hai tộc biểu ấy cùng lý trưởng được thay quyền mà quyết trình rồi sẽ tường với hội đồng sau.

Điều thứ 20: Nếu lý trưởng và tộc biểu đi việc quan phải vào tỉnh mỗi người phụ cấp 0,30$ một ngày (nhưng không được quá một ngày), xuống huyện 0,40$, (và không quá hai ngày), còn như có việc dân phải đi đâu thời dân sẽ liệu nhưng cũng không được quá 0,40$ mỗi người một ngày.

Điều thứ 21: Nghị viên nào vào hội đồng mà say rượu ăn nói vô phép càn dở thì phải phạt 0,20$ sung công, lần sau bội, nếu cãi nhau đánh nhau thời hội đồng xét ai trái phải phạt 0,30$, luôn ba lần như thế thì bãi chân tộc biểu không chịu phạt cũng thế.

Điều thứ 22: Khi nào khuyết chân tộc biểu thời phải chọn người khác để thay ngay cho đủ số hội viên, những người đã phải bãi chân nghị viên thời không được tái bầu làm tộc biểu nữa, còn những người có giấy trừ dịch hoặc mãn khoá thời lại được tái cử.

Điều thứ 23: Khi nào người tộc biểu hoặc phải bãi chân tộc biểu hoặc từ dịch vì cớ gì mà khuyết thời họ ấy phải cử người khác thay ngay, nếu trong một tháng mà còn chưa có người thay thời hội đồng sẽ chọn người họ khác.

Điều thứ 24: Xem trong làng có người danh giá, đứng đắn và công bằng thời ra làm chức kiểm duyệt để trông nom xem xét công việc của hội đồng làm, kiểm soát sổ sách, tiền bạc, của dân mà trừ lấy việc làng cho có công bằng nề nếp.

Điều thứ 25: Viên kiểm duyệt thì lúc nào cũng được dự hội đồng và cũng có thể làm chủ toạ hội đồng, khi xét thấy những chức dịch trong ban trị sự cùng những tộc biểu làm việc trái hương ước thời viên ấy được bẻ bác và sửa chữa, nếu người có lỗi không nghe thời viên ấy cho mời những chức sắc và kỳ lão trong làng họp một hội đồng sắc mục mà quở trách, hoặc phạt bạc từ 1,00$ cho tới

10,00$, hoặc bãi chân tộc biểu, nếu còn không phục tình làm biên bản trình quan.

Điều thứ 26: Nếu trong làng có người nào ý kiến hay và ích lợi cho dân muốn bàn mấy hội đồng thời phải nói cho viên hội trưởng biết trước để viên ấy tường với hội đồng rồi phải theo lễ phép mà bàn nói. Trong làng ai theo lễ phép mà bàn hỏi điều gì thì hội đồng cũng phải lấy lễ phép mà đáp cho minh bạch.

Khoản thứ 2
Sổ sách, công quĩ
Sổ sách

Điều thứ 27: Muốn cho trong làng chi tiêu có chừng mực, công quĩ được minh bạch thời phải có những sổ sách như sau này:

1 quyển sổ dự toán

1 quyển sổ chi thu

1 quyển sổ công quĩ

1 quyển sổ lưu trữ công quĩ

Điều thứ 28: Sổ dự toán là một quyển mỗi năm cứ đến kỳ đại hội đồng (November) thì dân họp mà xem tiền trong trữ quĩ còn lại, mà dự định những việc phải thu và chi năm sau, mỗi khoản nhất định là bao nhiêu cả hội đồng ký kết trình quan sở tại xem xét, để đính bẩm duyệt, đến mồng một tháng Giêng mấy được thi hành (sổ này thư ký phải giữ).

Điều thứ 29: Sổ chi thu thời để chi những việc chi thu từng khoảng từng điều đến cuối năm xem cho biết mà làm. Dự toán và cần nhất là để cho Hội đồng biết những việc đã tiêu để khỏi tiêu quá số tiền trong sổ dự toán đã định (Sổ này thư ký giữ).

Điều thứ 30: Quyển sổ công quĩ thì cho viên thủ quĩ biên chép những tiền của dân chi thu hàng ngày. (Sổ này thủ quĩ giữ).

Điều thứ 31: Quyển trữ quĩ thì để thủ quĩ chép những tiền dân để dành, chép những tiền các khoản trong sổ toán chi tiêu còn thưa lại. (Thư ký giữ).

Điều thứ 32: Những sổ sách đã nói trên này thời bổn phận người nào người ấy phải giữ cho cẩn thận, nếu mất và hư hỏng thì hội đồng có lỗi.

Về công quĩ

Điều thứ 33: Tiền công thì do thủ quĩ phải nhận đủ, nếu sai xuyển thời viên ấy phải bồi thường.

Điều thứ 34: Khi có tiền phải thu thì hội đồng biên phái cho thủ quĩ biết mà thu. Phiếu ấy phải biên rằng số tiền là bao nhiêu, thu về việc gì thì hội đồng và thư ký phải ký tên.

Điều thứ 35: Nhận tiền của ai thì thủ quĩ phải biên lai bằng giấy răng cưa.

Điều thứ 36: Chi tiêu việc gì thì đã có sổ dự toán của dân, không bao giờ được chi quá số tiền đã định.

Điều thứ 37: Khi cần tiêu việc gì thì hội đồng phải xem trong sổ dự phí, nếu khoản ấy còn tiền thời phải làm phái cho minh bạch giao cho thủ quĩ trích ra mà tiêu (Phái ấy hội trưởng và thư ký phải ký tên). Nếu không có phái của hội đồng thời người thủ quĩ không bao giờ được phát tiền cho ai cả.

Điều thứ 38: Mỗi tháng hội đồng phải kiểm quĩ một lần, khi khám quĩ thì phải có biên bản để lưu chiểu.

Điều thứ 39: Hết năm hễ các khoản trong sổ dự toán chi tiêu còn thừa lại thì phải bỏ vào trữ quĩ và phải vào sổ sổ tiền từng khoản cho rành mạch.

Điều thứ 40: Không bao giờ hội đồng được thiện tiện trích tiền trong sổ trữ quĩ mà tiêu việc gì.

Điều thứ 41: Nếu có việc tiêu bất thần hay khoản nào trong số dự toán thiếu tiền phải cần tiêu thêm (Từ 20,00$ giở xuống) thời hội đồng phải họp bàn làm biên bản nói rõ vì cớ gì mà tiêu, số tiền là bao nhiêu trình viên kiểm duyệt xét có đáng tiêu mấy được còn như việc tiêu quá số 20,00$ thời tờ biên bản ấy phải trình quan duyệt y mấy được thi hành.

Điều thứ 42: Nếu trong trữ quĩ có nhiều tiền thì hội đồng tậu ruộng để làm của công và cũng có thể cho người trong làng vay lấy lãi ba phân (3%).

Điều thứ 43: Người nào muốn vay tiền công thì phải có văn tự ruộng, đất, hoặc đồ đạc gì gửi làm tin mấy được, song cũng không được vay quá nửa giá vật đã gửi như không có gì gửi thời cấm hẳn không ai được vay.

Điều thứ 44: Khi có người hỏi vay thời hội đồng họp, xét có đáng cho vay hay không rồi làm biên bản trình viên kiểm duyệt xét thực thời làm phải giao cho thủ quĩ lấy tiền cho vay. Nếu không có phải của hội đồng thời thủ quĩ không bao giờ có quyền cho ai vay cả.

Điều thứ 45: Hạn cho vay thì không bao giờ được quá một năm, nếu đã tới thời phải trả cả gốc và lãi, chứ không được viết lãi lên làm gốc và cũng không có phép xin thêm hạn nữa.

Điều thứ 46: Ai vay tiền công thì phải làm văn tự bằng giấy tín chỉ, văn tự và văn tự ruộng đất hoặc đồ đạc gửi làm tin thì thủ quĩ phải đính vào phái của hội đồng giao cho mình phát số tiền ấy và phải cất giữ cho cẩn thận.

Điều thứ 47: Nếu trong làng có nhiều người muốn vay mà dân không đủ tiền thì phải bỏ thăm, ai gắp được thăm ấy thì được vay chứ không được tranh ty.

Khoản thứ ba
Chánh phó lý

Điều thứ 48: Nay dân đã có hội đồng thời chánh phó lý không được quyết định việc làng phàm công việc gì cũng phải tường với Hội đồng và phải theo ý chung cả ban ấy mà làm.

Điều thứ 49: Lý trưởng thì để thay mặt dân mà thừa hành việc quan và coi giữ bình lương sưu thuế, lý trưởng thì được trừ sưu dịch và dân cấp cho mỗi năm 30,00$ để chi phí việc quan.

Điều thứ 50: Phó lý là người giúp việc lý trưởng để coi sóc đê điều cấm phòng và kiêm chức cảnh sát. Phó lý cũng được trừ sưu dịch và mỗi năm được phụ cấp 12,00$ lý phó trưởng nếu đi việc quan một mình thời không được tính phi tổn với làng nữa.

Điều thứ 51: Lý phó trưởng thì có quyền được dự hội đồng, nếu xét thấy những viên chức trong ban trị sự cùng những tộc biểu viên kiểm duyệt biết ngay để viên ấy xét xử.

Điều thứ 52: Khi khuyết lý phó trưởng thì phải theo nghị định nhà nước mà bầu.

Điều thứ 53: Nếu có chánh phó tổng đi việc quan đến làng thời những viên ấy có quyền được dự hội đồng.

Khoản thứ tư
Bổ thu sưu thuế

Điều thứ 54: Đệ niên hễ lý trưởng lãnh bài chỉ về thời phải tường viên hội trưởng biết để họp hội đồng mà tính bổ, khi bổ thì phải chiếu trong bài chỉ ngạch thuế nhà nước đã định mà quân bổ cho đều (đinh không được chia đàn anh đàn em và điền không được chia nội canh ngoại phụ mà bổ nhiều ít).

Điều thứ 55: Trong bài bổ phải biên rõ bao nhiêu điền thổ, bao nhiêu thuế đinh, thành tiền bao nhiêu, không được hàm hỗn.

Điều thứ 56: Khi đã bổ xong phải cho rao mõ trước 15 ngày và hội đồng phải yết thị tại đình cùng các xóm, (đinh mỗi suất bao nhiêu và điền, thổ, mỗi mẫu bao nhiêu), cho đinh điền đều biết và hẹn trong 15 hôm ấy phải đem thuế đến lý trưởng mà nộp cho đủ mà lấy biên lai. Nếu lý trưởng thu thuế có trở ngại gì thì phải trình hội đồng hộ thu.

Điều thứ 57: Hễ người nào nộp thuế mà không lấy biên lai thời thuế ấy coi như chưa nộp.

Điều thứ 58: Nếu quá ngày đã định mà ai chưa kịp nộp thời mỗi ngày phải một tháng (kể từ ngày hết hạn nộp) mà còn chưa nộp

thời hội đồng trình quan xét xử bao nhiêu phí tổn người ấy phải chịu, còn như người nào bỏ thuế thời trình quan răn trị và tước trừ ngôi hương ẩm.

Điều thứ 59: Khi đến hạn quan trên đã định mà thuế thiếu ít nhiều thời lý trưởng phải kê tên những người thiếu thuế ấy tường mấy hội đồng hãy tạm vay tiền trong trữ quĩ mà nộp cho đủ ngạch thuế nhà nước rồi sẽ thu sau, hoặc trình quan xét xử.

Điều thứ 60: Khi đem đệ nạp thì hội đồng phải cắt hai người trong ban đi với lý trưởng cho cẩn thận, nếu suy suyển thì lý trưởng và hai người ấy phải chịu trách nhiệm bồi thường.

Điều thứ 61: Nay dân đã chi lương cho lý phó trưởng thì không được bổ tiền ngoại phí nữa.

Điều thứ 62: Ngày bổ thuế thì cấm hẳn không ai được ăn uống và bầy cuộc tửu phiếm.

Khoản thứ năm
Kiện cáo và cãi nhau

Điều thứ 63: Trong làng ai kiện cáo về dân sự hay thương sự, trước phải tường lý dịch hoà giải, nếu không thuận tình thì lý dịch hãy trình hội đồng xét.

Điều thứ 64: Khi lý dịch trình việc gì thời hội đồng phải họp ngay, lấy lẽ chính đáng và tình thân ái mà hoà giải, khi hoà giải cho hai bên xong thời phải theo trong luật mà làm hoà giải chứng thư, giao lý trưởng trình quan sở tại biên sổ.

Điều thứ 65: Việc hoà giải không xong mà nguyên bị và hội đồng phải đi làm chứng trước mặt toà án thời người thua kiện phải chịu phí tổn. Như quan toà xét xử cũng y lời hội đồng hoà giải thì tiền phí tổn phải chịu một hoá hai và cấm một năm không được đi ăn uống mấy làng.

Điều thứ 66: Những việc hình sự (...) không có thể hoà giải được, nhưng người đương sự cũng phải trình hội đồng biết.

Điều thứ 67: Hội đồng xét hỏi duyên cớ việc hình sự ấy phát ra từ đâu rồi làm biên bản trình quan, chứ không được bắt vạ hay là cho tuần tráng sách nhiễu nhà sự chủ.

Điều thứ 68: Đêm hôm vô sự, nếu người nào cãi nhau, đánh nhau và phát tiếng kêu to để náo động làng xóm thì phạt từ 0,20$ cho tới 0,50$ sung công.

Khoản thứ sáu
Các tuần canh phòng trong làng và ngoài đồng

Điều thứ 69: Canh phòng là việc quan trọng thời hết thảy người trong làng từ 18 tuổi giở lên đến người đầu bàn lĩnh nhì đều phải lần lượt cắt đi (chỉ trừ những người miễn sai, hương nhiêu, học sinh và tàng tật).

Điều thứ 70: Những người đi vắng hoặc người ở nhà có duyên cớ gì thì được mượn người đi thay, nhưng phải mượn người khỏe, cẩn thận, nếu sơ suất gì thì người chủ mượn cũng có lỗi.

Điều thứ 71: Tuần dân mỗi năm lệ cắt 10 người (mỗi giáp 5 người) chia làm hai ban mỗi ban đặt một người đàn anh làm thủ phiên.

Điều thứ 72: Tuần phiên thì cắt từ người đầu bàn lĩnh nhì giở xuống (hai giáp cũng thế). Trong khi những người ấy đương dự việc dân thì được trừ tạp dịch.

Điều thứ 73: Những con nhà lương gia tử đệ đến lượt đi tuần nếu không muốn đi thì được nộp lệ 2,00$ một năm.

Điều thứ 74: Những tuần phiên thì phải tuỳ hành lý dịch và hội đồng sai bảo việc quan, việc dân. Đêm hôm phải lượn quanh trong làng, ngoài đồng để phòng trộm cướp gian phi.

Điều thứ 75: Nếu trong làng có nhà mất trộm cướp mà không bắt được đứa phạm, thời phải chiếu giá vật mất chia mấy tuần xóm mà đền sự chủ, song khi cướp nếu hội đồng xét tuần đã hết sức chống cự thì không phải đền.

Điều thứ 76: Nếu người tuần nào bắt được kẻ trộm làng thưởng 1,00$, đánh chết một đứa cướp được thưởng 18,00$, bắt sống được một đứa thì được thưởng 20,00$.

Điều thứ 77: Lúa mạ hoa màu ngoài đồng tuần phải canh giữ cẩn thận, nếu sơ suất thì tuần phải chiểu giá mà đền.

Điều thứ 78: Mỗi năm tuần được phép thu hai vụ lúa sương, mỗi sào một lượm (ước ba gối) và tiền mầu mỗi sào 0,03$. Ruộng phụ canh cho thu bội nhị.

Điều thứ 79: Nếu ai không chịu nộp tiền mầu và lúa sương tuần trình Hội đồng bắt nộp hoả hai.

Điều thứ 80: Hễ tuần phiên nào gian tham hoặc bỏ trốn thời phải nộp hoàn tạp dịch bản phận và phạt từ 1,00$ cho đến ba đồng sung công, nếu cường ngạnh trình quan tước ngôi hương ẩm.

Điều thứ 81: Lúa sương và tiền mầu thu được chia làm 12 phần giao thủ từ 2 phần để làm lễ sóc suốt, năm còn chia cho tuần mỗi người một phần.

Điều thứ 82: Các xóm cũng phải cắt tuần canh phòng trong xóm. Tuần ấy cũng theo như lệ tuần dân mà cắt, xóm lớn một người quản ba người tuần, xóm nhỏ thời một người quản hai người tuần, nhưng tuần xóm thì dân cũng trừ tạp dịch.

Điều thứ 83: Khi động dụng thưa có giấy sức phải canh điếm tổng thời sau này Hội đồng sẽ liệu.

Điều thứ 84: Nếu có người lạ mặt vào làng thì tuần phiên, lý dịch phải tra hỏi, như không có thẻ tuỳ thân mà tình nghi thì bắt giải lên hội đồng xét hoặc giải trình ngay.

Điều thứ 85: Nếu người nào trộm cắp hoa mầu, chắn đập ngăn sông, tháo trộm nước ruộng, để trâu bò huỷ mầu mỡ và cây cối công, tuần phiên bắt được trình hội đồng xét phạt từ 0,20$ cho tới 0,50$ sung công.

Khoản thứ bảy
Sự cứu cấp

Điều thứ 86: Gặp khi cần cấp như nước to lửa cháy, trộm cướp v.v... trong làng đã nghe thấy hiệu mõ, trống liên thanh, thời mọi người phải lập tức đến ứng cứu (chỉ trừ những người già yếu, tàng tật) nếu ai trễ biếng, ẩn mặt không ra hội đồng xét thấy phạt từ 0,20$ cho đến 0,50$ sung công.

Điều thứ 87: Ai vì sự cấp cứu bị thương làng cho tiền chữa thuốc. Thương nặng thành tật dân cho con cháu hoặc anh em một tên nhiêu trừ tạp dịch mãn đại. Chẳng may mà chết thời dân cho tiền tuất 20,00$, cắt đô tuỳ cả làng đưa ma hạng nhất và con cháu cũng được một tên nhiêu.

Khoản thứ tám
Vệ sinh

Điều thứ 88: Muốn cho người làng khoẻ mạnh cần phải theo phép vệ sinh, nghĩa là phòng bệnh và giữ bệnh.

Điều thứ 89: Hội đồng thường phải khuyên bảo trong làng giữ nhà riêng và các đường ngõ làng xóm cho thật sạch sẽ. Cấm không ai được ô uế và vứt súc vật chết ra đường, nếu ai không tuân, tuần phiên xét thấy trình hội đồng phạt từ 0,40$ cho đến 0,50$ sung công.

Điều thứ 90: Những giếng ăn nước, hoặc ao thì các xóm phải tìm cách giữ gìn cho trong sạch.

Điều thứ 91: Những đồ người ốm hoặc chết thì phải đốt đi không được vất xuống hồ ao. Chuồng tiêu thì cấm hẳn không ai được làm bên cạnh đường và gần ao giếng.

Điều thứ 92: Khi trong làng nhỡ có bệnh truyền nhiễm thời lý trưởng phải trình quan để xin thầy thuốc cứu chữa. Nếu trong làng có người mắc bệnh hủi thời phải trình quan đem ra dưỡng tế ngay không được ẩn lậu.

Khoản thứ chín
Đường sá, cầu cống, đê điều và tre gỗ

Điều thứ 93: Mỗi năm làng cắt bốn người đầu dân làm chức thủ lộ để cùng phó lý trông nom đường sá, cầu cống, đê điều. Những người ấy đang khi làm việc thì được trừ tạp dịch.

Điều thứ 94: Những người thủ lộ thì phải coi giữ đường sá của dân cho bằng phẳng, tử tế. Nếu có hư hỏng, phải trình hội đồng trích tiền sửa chữa.

Điều thứ 95: Nếu hội đồng xét cần phải đắp thêm đường sá hoặc làm cầu cống chỗ nào cho có ích chung thì phải họp bàn trình quan trích lấy tiền thuê làm hoặc cho đấu giá.

Khoản thứ mười
Vệ nông

Điều thứ 96: Những đường khuyến nông và các ngòi lạch ngoài đồng hễ về địa phận xóm nào thì xóm ấy phải tu tổ và phải khơi sâu cho tiện đường nước chảy để làm ruộng.

Điều thứ 97: Dân có giáp giới sông Tô Lịch và hai khu đầm (đầm hồng và đầm chuối). Vậy người trong làng được quyền tát nước ở đấy để làm ruộng không ai được ngăn trở.

Điều thứ 98: Cấm hẳn không ai được để trâu bò cùng ngỗng vịt hoặc gà ra đồng làm hại lúa má, hoa mầu của dân. Nếu ai phạm cấm tuần phiên bắt được giải lên hội đồng phạt từ 0,10$ cho tới 0,50$ sung công, rồi phải chiểu giá đền gia tài chủ.

Khoản thứ mười một
Ruộng đất và ao đầm công dân

Điều thứ 99: Đã gọi là của chung dân thì người làng ai cũng có nghĩa vụ. Nếu ai làm tổn hại thời phải bồi thường.

Điều thứ 100: Những ruộng, đất công thì năm nào hội đồng cũng phải họp bàn mà bán huỷ vụ hoặc cho đấu giá lấy tiền sung công, để làm sổ dự toán năm sau.

Điều thứ 101: Khi dân có bán động sản (đồ vật) hay bất động sản (ruộng đất) thời hội đồng phải yết thị trước 15 ngày để mọi người đều biết mà đến đấu giá. Khi bán đấu giá sản vật gì hội đồng phải làm biên bản và đủ những giấy tinh nguyện để lưu chiểu.

Khoản thứ mười hai
Gian lậu và phạm cấm

Điều thứ 102: Chính phủ đã có nghị định cấm ngặt vậy hội đồng và lý dịch phải xem xét luôn trong làng, nếu có thuốc đạn, khí giới, rượu cùng thuốc phiện lậu hoặc gá cờ bạc lấy hồ thì phải bắt lấy tang vật làm biên bản giải trình.

Điều thứ 103: Những người phạm ấy như quan đã chiểu luật trị tội rồi, đến khi được về dân lại phạt từ 1,00$ cho đến 10,00$ và cấm ba năm không được ăn uống mấy làng.

Điều thứ 104: Trong dân người nào gian tham trộm cắp (buồng cau, trái chuối, con gà, con chó v.v...) đủ có tang chứng, hội đồng xét thực phạt từ 0,20$ cho đến 1,00$, tang vật giao giả sự chủ. Nếu người phạm ấy không nộp nổi phạt thì phải làm cỏ vệ sinh cho dân trong 24 tiếng đồng hồ, nếu còn tái phạm trình quan nghị trị.

Điều thứ 105: Nếu xét những người ngồi hàng quán bia đặt bàn luận những chuyện can thiệp việc nước cùng những người ra đường say rượu, chửi nói càn bậy, hội đồng xét thấy có đủ chứng cớ phạt từ 0,20$ cho tới 0,50$. Nếu cường ngạnh làm biên bản giải trị.

Điều thứ 106: Trong dân người nào du đãng không chịu làm ăn, hội đồng xét thực làm biên bản giao lý dịch giải trình.

Khoản thứ mười ba
Giao thiệp

Điều thứ 107: Nếu có quan khách đến làng, bất cứ quan Tây, quan ta thời lý dịch cùng những người có chân hội đồng phải lấy lễ nghi mà tiếp đãi ở công sở kính trọng tử tế.

Điều thứ 108: Như các quan có giấy về khám xét hỏi han việc gì thời hội đồng và lý dịch phải dẫn khám không được do dự ẩn lậu.

Điều thứ 109: Trong khi khám xét hội đồng và lý dịch phải giữ cho ổn thoả, không được cho người trong làng hỗn hào và sinh sự điều gì.

Khoản thứ mười bốn
Giáo dục

Điều thứ 110: Nếu sau này dân có tiền sẽ xin phép mở trường học và nuôi thầy giáo để dậy con trẻ trong làng, sau này sẽ định.

Khoản thứ mười năm
Ký ngụ

Điều thứ 111: Trong dân có người ký ngụ thì người chủ phải trình hội đồng lý dịch xét có căn cước minh bạch, nghề nghiệp làm ăn lương thiện mấy được chú ngụ trong làng.

Điều thứ 112: Những người ở ngụ có gia sản hoặc đóng góp mấy làng, thì đến đời con cái như người làng. Còn những người không đóng góp thì mỗi năm phải chịu tiền dung dịch 1,00$ và cũng phải đi canh như người làng vậy.

Điều thứ 113: Những người trú ngụ nếu làm điều gì phi pháp thì hội đồng bắt giải trình quan và đuổi đi không cho ở làng nữa.

Khoản thứ mười sáu
Cắt linh

Điều thứ 114: Nếu có giấy sức bắt linh thời lý trưởng phải trình hội đồng họp, xem trong làng các họ nhà nào có hai ba anh em và trúng cách thức nhà nước thời gọi đi ứng tuyển.

Điều thứ 115: Những người đi ứng tuyển dân chi mỗi ngày 0,20$ ăn uống.

Điều thứ 116: Những người trúng tuyển thì đã có lương nhà nước phát cho, dân không phải cấp ruộng nữa.

Điều thứ 117: Người lính nào không may tử trận mà có minh sức thì dân cho con cháu một tên nhiêu trừ tạp dịch mãn đại, người nào đi trận bị thương thành tật cũng vậy.

Điều thứ 118: Người nào đang ở lính làm điều phi pháp hoặc bỏ trốn đi có minh sức thì cứ thân nhân người ấy chịu lỗi. Đến khi trở về cấm năm năm không được đi ăn uống mấy làng.

Điều thứ 119: Người nào phải ra lính mà lẩn trốn thời dân truất 5 ngôi hương ẩm (nghĩa là sút xuống 5 ngôi) phạt bạc 2,00$ sung công, cấm ba năm không được đi ăn uống, đến khoá sau lại phải ra ứng tuyển.

Điều thứ 120: Cắt lính thì phải chọn họ nào nhiều đinh cắt trước, họ ít cắt sau không được thiên tư nhân nhượng.

Điều thứ 121: Những lính đương tại ngũ, đến kỳ sự thần nếu vì nhiều người thì mới được ngồi riêng cỗ linh. Nếu về ít người thì phải ngồi cuối giòng miễn sao mà ăn uống nghĩa là cứ 5 người một cỗ chứ không được hạch sách như trước).

Điều thứ 122: Người nào ra lính mộ hoặc tình nguyện cũng cho theo như ngạch linh của dân.

Khoản thứ mười bảy
Sổ đinh điền và sổ sinh tử giá thú

Điều thứ 123: Đến kỳ làm hoành tả hội đồng phải cắt hai người trong ban đi với lý trưởng, phải làm cho đúng và hợp sổ đinh điền của dân. Khi làm sổ đinh thì hội đồng phải họp mà ký kết để trình quan đệ tỉnh.

Điều thứ 124: Từ nay những sổ hương ẩm, đinh điền cùng sinh tử giá thú thì giao cho hội đồng nhận giữ cẩn thận.

Điều thứ 125: Nếu trong làng có người sinh, tử hoặc giá thú, hạn trong nửa tháng là cùng thì phải ra trình hội đồng vào sổ. Nếu quá hạn ấy phải phạt 0,20$ sung công.

Khoản thứ mười tám
Trâu bò

Điều thứ 126: Trong làng ai tậu trâu bò hoặc đem đi bán đều phải trình Hội đồng biết, nếu không trình ngộ sơ suất thì người chủ phải chịu.

Điều thứ 127: Trâu bò thì đồng niên phải nộp vào công quĩ mỗi con trâu 0,30$ bò 0,20$.

Điều thứ 128: Khi nào nhỡ có dịch tễ trâu bò thời hội đồng lý dịch phải trình quan, mời thầy thuốc về chữa, phí tổn thì dân phải chịu. Chẳng may có con nào chết thì hội đồng phải cắt tuần phiên phụ mấy người chủ mà đem chôn và cấm không ai được ăn thịt ấy.

Khoản thứ mười chín
Xâm chiếm luỹ giới

Điều thứ 129: Đường sá công dân đã có giới mốc, hễ ai để cây cối che phủ, mọc lấn ra đất công thì hội đồng cho tuần chặt lấy để dùng vào việc công dân.

Điều thứ 130: Những người trong làng nếu xâm chiếm luỹ giới của nhau thì hội đồng sẽ phân xử nghị phạt.

Khoản thứ hai mươi
Khuyến miễn và cảnh giới

Điều thứ 131: Từ nay trở đi nếu trong làng có người đi học thi đỗ bằng thành chung học tốt nghiệp giở lên thì dân thưởng cho 3,00$ gọi là đền công đèn sách làm gương cho người khác.

Điều thứ 132: Nếu người đàn bà nào nhà nghèo chịu khó làm ăn cắm cúi nuôi chồng con học hành được nên danh phận thì dân sẽ có chiếu riêng để khi đình đám phải mời những người ấy ra đình lễ thần nghe hát.

Điều thứ 133: Còn như trong làng ông bà nào có công đức mấy dân (như giúp tiền chữa đình, chữa chùa, làm cầu, làm quán hoặc quốc trái v.v..) thì dân sẽ có làm cái bia để kỷ niệm công đức ấy và cũng được những quyền lợi như trên điều thứ 132 đã nói.

Điều thứ 134: Làm người phải có luân thường đạo lý làm gốc, nếu trong làng người nào cư xử mấy ông bà cha mẹ, chú bác anh em bất hiếu bất đễ cùng những đàn bà lăng loàn chửi chồng, tuần phiên bắt được nếu đủ chứng cứ giải ra hội đồng phạt từ 0,20$ cho tới 0,50$ sung công.

Điều thứ 135: Nếu trong làng người nào dung túng gia hạ làm gian phi thì hội đồng cứ người chủ phạt từ 1,00$ cho tới 3,00$ những người đang tại chức thì trình quan nghĩ trị.

Điều thứ 136: Nếu trong làng có người đàn bà nào phạm thông dâm, cưỡng dâm mà có đủ chứng cớ thời phải theo lệ cheo ngoại mà nộp. Nếu cưỡng thời hội đồng sẽ trình quan nghị trị.

Điều thứ 137: Những con hoang thai muốn đóng góp mấy làng thời phải theo như người trú ngụ mà nộp lệ.

Phần thứ hai
Phong tục

Khoản thứ 1
Phong chánh trong làng

Điều thứ 138: Nguyên dân có hai giáp (giáp Bắc và giáp Đoài) ở ra năm xóm (xóm Bổ Trang, xóm Đức Long, xóm Hạ Hoà, xóm Nga My và xóm Trương Định) đồng điền hỗn cư hỗn canh, một đình, một chùa, một miếu, một văn chỉ, một bệ tiền nông, một cửa phủ và hai quán (quán Mô Đình và quán Cầu Khâu).

Điều thứ 139: Sau này nếu đình, chùa, miếu quán đổ nát thì hội đồng phải họp bàn xin phép quan trích lấy tiền trong trữ quĩ mà sửa chữa.

Khoản thứ hai
Những ngày tết lễ

Điều thứ 140: Từ nay trở đi những lệ sự thần chia làm ba hạng: một là lễ trọng, hai là lễ thương; ba là lễ hàn hâm.

Điều thứ 142: Lễ trọng thì lễ cờ:

1 con lợn giá ước 8 đồng.

1 mâm xôi ước tiền 1,00$ 0,20$.

5 chai rượu ti, 1.000 pháo, giấu cau vàng hương.

Điều thứ 143: Lễ hàn hâm là lễ xôi gà ước chừng 0,50$, 1 chai rượu ti và giấu cau vàng hương.

Điều thứ 144: Những ngày lễ trọng thì đương đình phải đúng 10 giờ sáng để lễ lên đình để dân tế. Tế xong trích lấy phần biếu rồi chiểu số hương ẩm chia phần suất. Còn thừa làm cỗ những người có mặt hiện tại ăn uống tại đình.

Điều thứ 145: Những ngày lễ thường cũng đúng 10 giờ sáng đương đình đệ lễ lên đình để dân làm lễ. Lễ xong những người có mặt hiện tại ăn uống tại đình không phải kinh biếu.

Điều thứ 146: Những ngày có lễ hàn hâm cũng tế tác ăn uống ở đình không phải biếu đãi.

Ngày Nguyên Đán

Điều thứ 147: Từ ngày Nguyên Đán (mồng một tháng Giêng) đến ngày mồng sáu tháng Giêng cứ chiểu số chức sắc (những người có tên trong văn tế) mỗi ngày một viên in 10 phẩm oản, quả chuối và giấu rượu giao đương đình đệ lễ lên đình lễ thờ. Lễ xong lý dịch chiểu số quan viên chức sắc, tiêu sai mà kính biếu. Người nào ở trên (...) trước không được tranh ty.

Kể khai hạ (mồng bẩy tháng Giêng)

Điều thứ 148: Ngày mồng bẩy tháng Giêng khai chính, hội đồng trích tiền trong sổ dự toán để định giao đương đình sửa hai lễ trọng (mỗi giáp một lễ); ba lễ hàn hâm một lễ oản quả và chi mỗi giáp 1,00$ diêm tương.

Tháng hai vào đám lệ

Điều thứ 149: Ngày mười một tháng hai yết lễ hội đồng trích tiền giao đương đình sửa bốn lễ thường (mỗi giáp hai lễ) một lễ oản quả và chi mỗi giáp 0,50$ diêm tương.

Điều thứ 150: Ngày mười hai chính tế thì phải sửa lễ tọng như trên điều thứ 148 đã định.

Đại tiệc

Điều thứ 151: Sau này nếu trữ quĩ có nhiều tiền và trong dân yên ổn, phong đăng, hoà cốc, thì cứ năm Tỷ, Ngọ, Mão, Dậu, xin phép quan mở đại tịch tế thần. Lúc bấy giờ hội đồng sẽ họp bàn làm biên bản và sửa chương trình.

Điều thứ 152: Dù dân có mở đại tiệc thì cũng cắt mệnh bái chứ không phải mời người làm chủ tịch như trước nữa.

Tháng Tư

Điều thứ 153: Nguyên tháng Tư lệ dân có (20) hai mươi cỗ mâm chay (mỗi giáp 10 cỗ). Cứ ngọ mồng một hội đồng và lý dịch đem tuần ra giếng ngư khiêng nước về đình mộc dục.

Điều thứ 154: Những người đương cai cỗ ấy phải sửa mỗi người một mâm xôi cân nặng 40 cân, in hai phẩm oản, 30 quả chuối và nộp 2,00$ tiền lệ.

Điều thứ 155: Những cỗ chay ấy thì cốt phải sửa cho thành kính và trong sạch thì thôi, chứ không phải làm phiền nhiễu khiêng nước, đánh chấu hồng v.v... như trước nữa.

Điều thứ 156: Nếu người đương cai nào theo lệ cũ mà phiền động đến làng xóm, giở thói ăn uống thì phải phạt 1,00$ sung công và truất ba ngôi hương ẩm.

Điều thứ 157: Lệ cứ 6 giờ sáng hôm mồng 6 những người đương cai phải đem xôi ra đình để làng cân và làm lễ.

Điều thứ 158: Nếu người nào thiếu xôi (40) bốn mươi cân hoặc sống hay không nộp lễ 2,00$ thì xôi ấy giả lại, phạt bạc 0,50$ mà đến năm sau lại phải thổi đền xôi khác.

Điều thứ 158: Khi dân đã tế xong thì hội đồng và lý dịch chiểu sổ hương ẩm mà chia phần suất. Còn những oản thờ thì chiểu sổ, chức sắc, tiêu sai, lý dịch, nghị viện, lão nhiêu, hương nhiêu, thủ từ, nhà sư, lão bà, đương đình và nhạc sinh mà chia biếu cho đều, không được kẻ hơn người kém.

Lễ Kỳ An

Điều thứ 160: Ngày lễ Kỳ An thì cũng sửa lễ trọng như trên điều 148 đã định. Tuy phải mua thêm đồ mã để cung tiến thì hội đồng sẽ định liệu.

Điều thứ 161: Lễ Kỳ An thì phải họp cả các xóm làm lễ một lần mà thôi, chứ không được tiến riêng như trước nữa. Nếu xóm nào không tuân thì Hội đồng trình quan chiểu theo chỉ dụ nhà vua đã định mà nghị phạt.

Lễ Thường Tân

Điều thứ 162: Hôm mồng hai tháng chín là lễ Thường Tân thì dân phải sửa lễ trọng như trên điều thứ 148 đã định và phải sửa thêm hai cỗ chim ngói, gạo mới v.v... (mỗi cỗ ước chi 1,500$) để dân cúng luôn cơm mới và xôi mới cho tiện.

Lễ chạp vua và Thượng Điền, Hạ Điền

Điều thứ 163: Ngày mồng hai tháng Chạp (chạp vua) mồng một tháng năm (Hạ Điền) và mồng một tháng sáu (Thượng Điền) thì dân phải sửa lễ thường như trên điều thứ 149 đã định.

Các ngày tết nhỏ

Điều thứ 164: Những ngày tết nhỏ như: Đoan ngọ, Trung nguyên, Trung thu, Trùng Thập, Hạp ấm, Hạ ấm, Thượng tiêu, Hạ tiêu

và Giao Thừa thì đều sửa lên hàn hàm. Duy chỉ ngày tết Trung thu 15 tháng tám cúng thêm bánh trái ước chi 1,00$ trở lại.

Điều thứ 165: Còn như đồ mã thờ thần, đôi câu đối và pháo cúng tết Nguyên Đán thì hội đồng sẽ định liệu.

Khoản thứ ba
Cách thức tế thần

Điều thứ 166: Lệ cứ những ngày đại tiệc cùng ngày có lễ trang thì dân phải tế thần.

Điều thứ 167: Hội đồng phải lập một quyển sổ biên tên những người tiêu sai, chức sắc, tại công tại quán, cùng những người có chân tư văn và nhiêu đình trung, lần lượt cắt tế. Hết lượt cắt lại.

Điều thứ 168: Chỉ trừ những người tại công nếu bận không về thì thôi, còn những viên tại quán đến lượt thì phải ra tế. Nếu có bận hoặc ốm đau thì phải tường giấy cho hội đồng biết trước để cắt người dưới.

Điều thứ 169: Ban tế thì ít ra cũng phải đương chức sự như sau này:

1 viên mệnh bái
2 viên bồi tế
1 viên đông sưởng
1 viên tây sưởng
1 viên đọc chức
2 viên chấp sự
2 viên phủng lạp
1 phường tài tử
1 phường đồng văn
1 người trống cái
1 người cầm chiêng
1 người đốt pháo

Điều thứ 170: Cứ người tiên chỉ được đứng mệnh bái. Nếu viên ấy đi vắng thì những người có tên trong văn tế lần lượt được vào đứng thay.

Điều thứ 171: Khi tế thì những viên chức phải thuộc lễ và phải tề chỉnh nghiêm trang. Nếu người nào lỗ mỗ thất nghi thì hội đồng cắt phần trợ tế và phần biếu.

Điều thứ 172: Những người tang cơ từ nay cũng được ra đình, xong phải chít khăn thâm và không được vào dự tế.

Tả văn

Điều thứ 173: Lệ cứ tú tài giở lên thì được viết văn tế thần. Nếu những viên ấy đi vắng thì viên thứ chỉ hoặc lý phó trưởng được quyền viết thay và phải theo bản văn cũ mà tinh tả.

Triều y và đồ thờ thần

Điều thứ 174: Từ nay trở đi triều y phải để tại đình cho thủ từ phụng sự đèn hương, chứ không được rước về để nhà viên tiên chỉ như trước nữa.

Điều thứ 175: Khi nào có tế lễ mà phải phong ngai thì cứ hai người lý phó trưởng đứng thức tắm gội sạch sẽ được vào mộc dục. Nếu phong lỗi nhầm vào ô uế thì hội đồng cắt phần biếu.

Điều thứ 176: Những đồ thờ thần thì phải để tại đình không ai được quyền cất giữ hoặc mượn dùng.

Điều thứ 171: Bao nhiêu đồ thờ phải biên chép vào hai quyển sổ. Hội đồng giữ một quyển và giao cho thủ từ giữ một quyển. Cứ mỗi lần thay thủ từ thì hội đồng lại phải kiểm soát lại cho đủ mà giao cho người mới.

Điều thứ 178: Những đồ thờ ấy sơ suất thì cứ thủ từ tuần phiên lý dịch phải chiểu giá mà đền.

Điều thứ 179: Nếu mất trộm cướp có tang chứng và mọi người đều biết thì hội đồng sẽ xét xử.

Khoản thứ tư
Vào làng, dồn ngôi và lên lão

Điều thứ 180: Lệ cứ ngày lễ Thường Tân mồng hai tháng chín, nếu ai đến tuổi vào làng hoặc lên lão thì sửa cơi giầu trình mấy bàn mình và hội đồng biết để trước ngôi vào sổ hương ẩm cho tiện ngày làm hoanh tả của dân.

Điều thứ 181: Nguyên dân có hai giáp (giáp Bắc và giáp Đoài) mỗi giáp chia làm 7 bàn: 1 bàn lão, 2 lĩnh tả, 3 lĩnh nhì, 4 lĩnh ba, 5 trưởng cả, 6 trưởng nhì, 7 trưởng ba.

Điều thứ 182: Lệ cứ người giáp nào đến 18 tuổi thì được vào làng, ngồi ở bàn trưởng ba giáp ấy và chịu sưu dịch.

Điều thứ 183: Những người mới vào làng thì phải nộp lệ 0,50$. Khi được dồn ngôi, từ bàn trưởng ba lên đến bàn lĩnh nhì mỗi bàn cũng phải nộp lệ 0,50$ là tiền vọng bàn.

Điều thứ 184: Người nào cha ông không đóng góp mấy làng mà muốn vào làng thì khi mới vào phải nộp tiền lệ gấp hai (nghĩ là 1,00$).

Điều thứ 185: Những người ở lĩnh nhì giở lên lĩnh cả thì phải nộp lệ vọng bàn 1,00$). Còn những người ở lĩnh cả tuổi đến 50 được lên lão cũng phải nộp vọng 1,00$.

Điều thứ 186: Những người lên lão thì được trừ tạp dịch, song (trừ những người đã được trừ tạp dịch không kể) ngoại tiền vọng bàn lại phải nộp 1,00$ tiền vọng tạp dịch. Nếu người nào không chịu vọng tiền ấy thì phải đóng dung dịch cho tới khi tuổi đến 60.

Điều thứ 187: Chỉ trừ 10 người đầu bàn lĩnh cả, còn những người đến tuổi năm mươi mà lên lão vượt ngôi những người ở trên mình thì phải vọng mỗi ngôi 0,50$. Đến khi những người trên mình ấy dồn lên thì lại được ngồi trên.

Điều thứ 188: Tuy được lên lão mà tuổi chưa đến 61 thì vẫn phải gánh sưu nhà nước.

Điều thứ 189: Lệ mỗi bàn phải có 20 người là ít và 25 người là nhiều còn bao nhiêu người chưa đến tuổi lên lão thì ở bàn lĩnh cả hoặc ở bàn trưởng ba (hai giáp cũng thế).

Điều thứ 190: Khi giồn ngôi nếu người nào không chịu nộp tiền vọng bàn thì phải ở lại mà dồn người dưới. Đến lúc những người ấy lên bàn trên thì ngôi phải ở dưới những người đã lên trước mình. Năm nào cũng phải dồn ngôi một lần.

Điều thứ 191: Người nào đóng góp nửa chừng mà bỏ và vẫn chịu sưu dịch nay muốn phục hồi và muốn theo ngôi cũ thời phải nộp vọng mỗi bàn 1,00$ (1đồng) sung công, (Kể tự bàn bỏ mà vọng).

Điều thứ 192: Nếu người nào bỏ đóng góp và cả sưu dịch đến lúc phục hồi thì tiền vọng ấy phải nộp hoá hai (nghĩa là 2,00$).

Điều thứ 193: Còn người nào xưa nay chưa đóng góp bao giờ nay muốn về làng thì cho chiếu niên xỉ mà vọng mỗi bàn 3,00$. Nhưng khi vào bàn nào thì phải ngồi cuối bàn ấy.

Điều thứ 194: Những người nộp vọng đã nói ở trên điều thứ 191, 192 và 193 này nếu chưa làm cỗ mâm, chay mà quá lượt rồi thời phải nộp vọng 5,00$.

Điều thứ 195: Nếu có nhiều người vào làng một lúc thì cứ những con chức sắc tiêu nai, được ngồi trên rồi đến con nhà lão nhiêu, hương nhiêu và tràng hạng. Hai người như nhau thì theo ngôi hương ẩm của tổ phụ mà định trên dưới.

Điều thứ 196: Những người thê hương mẫu quán hoặc người trú ngụ muốn đóng góp mấy làng cũng cho, song khi vào làng thì phải ngồi dưới và phải nộp lệ 1,00$. Nếu không vào làng thời dân coi cũng như người trú ngụ vậy.

Điều thứ 197: Những người trên này sau có phẩm hàm hoặc thi đỗ cũng được khao vọng như người làng. Duy chỉ không được dự ngôi tiên chỉ, trưởng lão và đứng mệnh bái tế thần.

Khoản thứ năm
Dòng quan viên
Chức sắc

Điều thứ 198: Cứ người nào có bằng hoặc sắc thì mấy được vọng chức sắc.

Điều thứ 199: Những người đã vọng chức sắc thì được đứng tên vào văn tế thần.

Điều thứ 200: Những người có bằng sắc muốn vọng giòng này phải sửa một lễ xôi lơn lễ thần và nộp lệ 20,00$.

Điều thứ 201: Giòng chức sắc thì cứ người nào phẩm cao ở trên vọng sau cũng thế. Coi như nhiều người theo ngôi hương ẩm mà định trên dưới.

Miễn sai

Điều thứ 202: Những người kể ra sau này thì mới được vọng miễn sai:

1. Những người đã có bằng sắc mà chưa nộp vọng chức sắc.
2. Những viên Tây, Nam khoa cử nhân tú tài.
3. Những viên thông kinh, bất cứ thừa phái, tùng sự các sở, chánh phó tổng, lý phó trưởng đã có bằng cấp hoặc nghị định.
4. Những người có bằng thành chung học tốt nghiệp, sơ đẳng tiểu học hoặc khóa sinh giở lên.
5. Những binh ngũ đã được phẩm hàm.

Điều thứ 203: Người nào muốn vọng miễn sai thì phải có bằng hoặc nghị định trình hội đồng xét và phải nộp lệ 10,00$ và một lễ hàn hâm lễ thần (những người đã có hương nhiêu thì không phải nộp vọng tiền nữa).

Điều thứ 204: Những người có bằng sắc chưa vọng tiêu sai mà muốn vọng lên chức sắc thì cũng phải nộp lệ miễn sai mấy được. Những người miễn sai tại công thì mỗi người một năm phải nộp lệ tiền

xôi 1,00$, còn những người tại quán thì phải nộp 0,30$ (không phải thổi xôi như trước nữa).

Nhiêu đình trung

Điều thứ 205: Những con nhà miễn sai mà có Tây, Nam thư toán thì được vọng nhiêu đình trung. Lệ vọng nhiêu này thì phải nộp 15,00$ và một lễ hàn hâm lễ thần (Như không phải con nhà miễn sai thì phải có bằng sơ học giở lên mới nộp được vọng).

Điều thứ 206: Những người vọng nhiêu đình trung mà có bằng tuyển sinh, khoá sinh cùng những người có chân tộc biểu làm mãn lệ thì lệ vọng ấy được giảm 5,00$ (nghĩa là phải nộp 10,00$) nhiêu đình trung thì được ngồi cuối hàng lý dịch.

Điều thứ 207: Nhiêu đình trung thì được trừ tạp dịch và khi tế thần được vào dự tế.

Điều thứ 208: Những người đã nộp lệ và mua nhiêu thì phải lấy đơn của hội đồng và giấy biên nhận.

Điều thứ 209: Những người làm việc bị can cách, bãi mà muốn theo ngôi ngồi cũ thì cũng cho nhưng phải nộp lệ 2,00$. Nếu không nộp tiền vọng ấy thì lại là tráng hạng và không được bàn việc dân.

Khoản thứ sáu
Kinh biếu

Điều thứ 210: Những ngày lễ trọng cùng ngày đại tiệc tế thần như có trâu, bò hoặc lợn thì cứ theo như bảng trên này mà kinh biếu.

1	Tây, Nam khoa tiến sĩ và hàm lâm kiểm thảo giở lên	Chia ba hai phần cái thủ
2	Tây, Nam khoa cử nhân, tú tài	Chia ba một phần cái thủ
3	Dòng chức sắc	Một nửa cái thủ
4	Hai giáp lão nhiêu	Một nửa cái thủ
5	Tiêu sai tại công, tại quán	Một nửa cái cảnh

6	Chánh phó Hội đồng và lý dịch	Một nửa cái cảnh
7	Thư ký, thủ quĩ và thủ lộ	Một nửa cái cảnh
8	Tộc biểu nghị viên	Một nửa cái cảnh
9	Viên tiên chỉ	Một nửa cái cảnh
10	Viên tự tế	Một nửa cái cảnh
11	Hai người đương đình	Một nửa cái cảnh
12	Binh ngũ	Một nửa cái cảnh
13	Đại bái (người đứng tế thay)	Một cái giò (1)
14	Người tả văn	Một cái giò (1)
15	Thủ từ	Một cái giò (1)
16	Hai ông lão cả hai giáp	Một cái giò (1)
17	Tài tử và đồng văn	Một cân thịt (1)
18	Tuần phiên	Một cân rưỡi thịt
19	Tích đinh (thằng mõ)	Nửa cân thịt

NOTA: nếu làng nào chưa có thì phép biếu ấy phá ra làm cỗ chia đều hai giáp.

(1) Nếu lợn thì biếu giò, trâu bò thì biếu bắp.

Điều thứ 211: Khi đã trích biếu xong thì chiếu nhân số hai giáp mà cắt phần suất, còn thì làm cỗ những người hiện tại ăn uống ở đình (cứ năm người 1 cỗ).

Khoản thứ bẩy

Kỷ hậu và giỗ hậu

Kỷ hậu

Điều thứ 212: Lệ kỷ hậu chia làm hai hạng:

1. Hạng nhất phải nộp vào công quĩ 20,00$ và 6 sào ruộng.
2. Hạng nhì phải nộp 15,00$ và 4 sào ruộng.

Điều thứ 213: Nếu ai muốn kỷ hậu hạng nào thì cứ theo như trên này mà nộp và phải sửa một lễ xôi thủ lễ thần rồi trình mấy hội đồng cấp đón cho mã dựng bia.

Điều thứ 214: Hậu hạng nhất sau khi trăm tuổi hễ đến ngày giỗ thì dân phải làm một lễ như sau này:

1 con lợn cân nổi 30 cân, 1 mâm xôi 10 cân; 10 chai rượu ty, 1.000 vàng và giấu cau cơm trứng.

Điều thứ 215: Hậu hạng nhì thì ngày giỗ có 1 cái thủ lợn ước 0,80$, 1 mâm xôi 0,50$ trở lại, 1 chai rượu ty, một nghìn vàng và giấu cau cơm trứng.

Điều thứ 216: Còn ngày kỵ phước thì hậu nào cũng đều sửa lễ hàn hâm.

Điều thứ 217: Khi người kỵ hậu ly trần thì phải sửa một cơi giấu và vàng hương đến viếng rồi đem bài vị người ấy ra nhà hậu mà thờ.

Điều thứ 218: Đến khi tống chung nếu con cháu người kỵ hậu không nộp nổi lệ hiếu thời dân chiểu cắt đô tuỳ hạng ba mà hộ tống.

Giỗ hậu

Điều thứ 219: Hiện nay dân có hai giỗ hậu như sau này.

1. Hậu cụ Nguyễn Văn Đạt giỗ ngày 24 tháng Tư.
2. Hậu công chúa giỗ ngày 21 tháng bảy.

Điều thứ 220: Từ nay trở đi hậu cụ Nguyễn Văn Đạt thì theo hạng nhất còn hậu công chúa thì theo hạng nhì.

Điều thứ 221: Những ngày giỗ hậu thì hội đồng trích trong sổ dự toán đã định giao cho đương đình sửa lễ đem đến bia hậu để dân cúng tế. Lễ xong trích phần biếu. Trưởng và tế tác ăn uống tại đình không có biếu đãi.

Khoản thứ tám

Cắt thủ từ - đương đình và đấu giấu

Thủ từ

Điều thứ 222: Người nào ra thủ từ ở đình thì dân cho cấy mỗi năm một mẫu ruộng công không phải nộp thuế, còn cắt thứ tự theo như lệ cũ.

Điều thứ 223: Thủ từ thì quanh năm phải đèn hương phụng sự nhà thánh và những ngày rằm phải sửa rượu hương hoa mà thôi chứ không phải làm lễ trung thu như trước nữa.

Đương đinh và đấu giâu

Điều thứ 224: Lệ cắt đương đinh thì cứ những người ở bàn lĩnh nhì dồn lên đình cả, lần lượt mỗi người phải làm một năm (chỉ trừ những người miễn sai mà thôi)

Điều thứ 225: Ai phải đương đinh mà đại tang hoặc đi vắng, đau yếu, tàng tật, thì được nộp vọng 1,00$ sung công.

Điều thứ 226: Người đương đinh nào làm lễ không được tinh khiết hoặc gian tham của dân thì phải phạt từ 0,20$ cho tới 0,50$ và cắt phần biếu.

Điều thứ 227: Lệ chỉ trừ miễn sai còn những người đấu bàn lĩnh nhì giở lên lần lượt phải làm đấu giâu.

Điều thứ 228: Những người đến lượt đấu giâu, đau yếu, tàng tật hoặc đi vắng thì phải nộp lệ 2,00$ một năm.

Điều thứ 229: Những người đấu giâu thì ít ra cũng phải làm việc mỗi hạn một năm và được trừ tạp dịch.

Điều thứ 230: Nếu người đấu giâu nào không giữ trách nhiệm bổn phận Hội đồng xét thấy phạt từ 0,20$ cho tới 0,50$ sung công.

Khoản thứ chín

Nhà sư, tử đền – Phủ điện và nhạc sinh

Nhà sư

Điều thứ 231: Nhà sư thì dân cho cấp mỗi năm một mẫu chín sào ruộng công không phải nộp thuế.

Điều thứ 232: Nhà sư thì phải đèn hương lễ Phật quanh năm và cứ ngày rằm tháng Giêng thì phải sửa 30 phẩm oản, quả chuối đem lên đình để dân làm lễ thượng nguyên. Lễ xong oản ấy kính dân chia biếu. Còn ngày thượng nguyên ở chùa thì được theo như lệ cũ, nhưng cấm không được làm cỗ đãi dân như trước.

Điều thứ 233: Nhà sư thì phải coi sóc giữ gìn nhà chùa cho được tinh khiết sạch sẽ. Nếu có đổ nát thì phải trình hội đồng để ban ấy xin phép trích tiền sửa chữa.

Từ đền

Điều thứ 234: Dân để một sào ruộng công làm tiền hương đăng ở đền, bà nào giữ từ đền ấy thì được cấy và không phải nộp thuế.

Phủ điện

Điều thứ 235: Từ nay ở phủ hoặc các điện từ lễ bái tuỳ lòng nhưng cấm không được ta sự lên đồng phán truyền lấy lễ mê hoặc nhân tâm. Nếu tuần phiên xét thấy giải lên hội đồng phạt từ 0,50$ cho tới 1,00$ sung công và không cho thờ cúng nữa.

Nhạc sinh

Điều thứ 236: Sau này trong làng nếu ai dựng hội nhạc sinh mà có công ích thì dân sẽ cấp tiền sắm sửa đồ dùng và cho sáu suất tạp dịch.

Khoản thứ mười
Giá thú, lan nhai và hỷ hạ
Giá thú

Điều thứ 237: Việc cưới hỏi là việc để cho tuỳ tiện nhưng cốt phải giản dị xong việc thì thôi, chứ không được xa xỉ.

Điều thứ 238: Đến như đóng ngõ, chăng dây cản trở thì cấm hẳn. Nếu tuần phiên bắt được phạt từ 0,10$ cho tới 0,50$ tiền ấy cho tuần được lấy.

Lan nhai

Điều thứ 239: Lệ lan nhai thì chia làm hai hạng:

1. Cheo nội
2. Cheo ngoại

Điều thứ 240: Cheo nội là con giai con gái làng ấy lấy nhau, phải nộp 2,00$ sung công; 1,00$ cheo xóm và 0,50$ cheo họ (cộng là 3,5,00$)

Điều thứ 241: Cheo ngoại là con gái làng lấy chồng thiên hạ thì tiền lệ ấy phải nộp hoá hai (nghĩa là cheo làng 4,00$, cheo xóm 2,00$ và cheo họ 1,00$, cộng là 7 đồng)

Điều thứ 242: Trừ những tiền đã kể ở trên điều thứ 240 và 241 này còn thì không ai được viện nhẽ gì mà lấy tiền nữa.

Hỷ hạ

Điều thứ 243: Còn việc hỷ hạ như ăn mừng, thượng thọ v.v.... thì tuỳ lực sở cập, nhưng cũng không nên xa xỉ và phiền phí quá. Nếu nhà nào cần phải ăn đến trâu, bò, thì phải xin phép quan mấy được.

Khoản thứ mười một
Việc hiếu

Điều thứ 244: Hiếu là việc tống chung phải nên giúp đỡ lẫn nhau và rất không nên ăn uống phiền phí.

Điều thứ 245: Từ nay nếu ai muốn nộp lệ hiếu thời được nộp tiền chứ không phải đãi làng, đãi giáp như trước nữa.

Điều thứ 246: Lệ hiếu chia làm ba hạng:

1. Hạng nhất phải nộp vào công quĩ 30,00$
2. Hạng nhì phải nộp vào công quĩ 20,00$
3. Hạng ba phải nộp vào công quĩ 10,00$

Điều thứ 247: Ngoài những tiền lệ đã kể trên này hiếu chủ duy phải sửa một lễ (hạng nhất xôi thủ, hạng nhì cùng hạng ba thì hàn hàm) để lễ thần. Lễ xong tế tác những người hiện tại ăn uống ở đình không phải biếu đãi.

Điều thứ 248: Còn như số hội viên đến viếng cắt đô tuỳ và cấp đồ tang nghi thì cứ theo như bảng sau này.

Điều thứ 249: Trong làng nếu ai muốn nộp hạng nào thì phải trình ít ra trước 24 giờ để Hội đồng xếp đặt. (Phải có 100 miếng giầu để Hội đồng mời những chức sự và cắt đô tuỳ).

Điều thứ 250: Khi có người nộp lệ hiếu thời hội đồng phải sửa một lễ vàng hương và cắt những người trong ban đến viếng (cứ những người bằng hàng với người chết giở xuống phải vào làm lễ).

Điều thứ 251: Nếu có người làng ở xa muốn nộp lệ hiếu thời hội đồng phải cắt người đến tận nơi mà điếu phúng, còn như muốn xin đô tuỳ để hộ tống thời hiếu chủ phải chi tiền lộ phí tổn.

Điều thứ 252: Ngoại ba lệ đã kể trên này dân còn một lệ phi thường.

Điều thứ 253: Lệ này thì chỉ những người chức sắc, miễn sai, lão nhiêu, cùng hương nhiêu thì mấy được nộp.

Điều thứ 254: Nếu ai xin lệ phi thường thì phải nộp vào công quĩ 100,00$ một lễ xôi lợn lễ thần và 200 miếng giầu.

Điều thứ 255: Lệ phi thường thì được quyền lợi như sau này:

1. Cả ban hội đồng đến viếng
2. Lễ viếng thì có; vàng hương, 2 chai rượu ty và một đôi câu đối vóc viết 4 chữ đồng dân bài văn.
3. 8 người chấp hiệu
4. 120 người đô tuỳ
5. Đồ tang nghi cũng như hạng nhất
6. Một phường nhạc sinh
7. Cả ban hội đồng vào tế một tuần (tế lúc nào tuỳ gia chủ định).

Điều thứ 256: Nếu có người nộp lệ hiếu thì hội đồng phải trích tiền lệ mà sửa lễ viếng và chi cho chấp hiệu đô tuỳ như sau này: Hạn phi thường 20,00$, hạng nhất 9 đồng, hạng nhì 7 đồng, hạng ba 6,00$, còn bao nhiêu thì bỏ vào công quĩ.

Điều thứ 257: Những người nào chết bất đắc kỳ tử thì không được nộp lệ hiếu.

Khoản thứ mười hai
Cắt người đi viếng, chấp hiệu và đô tuỳ

Điều thứ 258: Lệ những nghị viên phải lần lượt cắt đi phúng viếng và đưa đám.

Điều thứ 259: Nếu người nghị viên hội đồng đã cắt mà không đi hoặc đi đến nửa đường trở về thì phạt 0,20$ và cắt phần biếu.

Điều thứ 260: Lệ cắt chấp hiệu thì cứ mỗi bàn lĩnh cả mười người đầu bàn lần lượt phải đi.

Điều thứ 261: Những người chấp hiệu thì phải xếp đặt đô tuỳ, trông nom đồ tang nghi và cầm hiệu cho nghiêm chỉnh.

Điều thứ 262: Nếu người chấp hiệu nào bởi nhầm mà để hiếu chủ kêu ca thì cắt tiền lệ và phạt 0,30$ sung công.

Điều thứ 263: Lệ cắt đô tuỳ thì trừ hai bàn lão, hai đương đình, hội đồng lý dịch, tuần phiên và mỗi giáp 10 người đầu bàn lĩnh cả.

Điều thứ 264: Từ người thứ 11 hai bàn lĩnh cả giở xuống lần lượt phải đi đô tuỳ (hết lượt cắt lại.

Điều thứ 265: Nếu ai đến lượt đô tuỳ mà đi vắng, bận, hoặc tàng tật, đau yếu, thì được thuê người đi thay, nhưng phải mượn người nhớn mấy được.

Điều thứ 266: Nếu người nào đến lượt đô tuỳ mà bỏ thiếu thì phải phạt 0,30$ sung công và cắt tiền lệ, còn người chấp hiệu bỏ thiếu thời phải phạt bội.

Điều thứ 267: Nếu có người nào bỏ thiếu thì hội đồng phải thuê người khác thay ngay và chi công mỗi người 0,30$.

Điều thứ 268: Trong 24 người đô tuỳ cữu thì cứ 10 người trên phải đào huyệt, 10 người thứ đắp mả, còn 4 người dưới thì lấy đòn, trồng đòn và giả đòn.

Điều thứ 269: Những tiền lệ đã kê ở trên điều thứ 256 thời những người đô tuỳ cữu và chấp hiệu cùng những người khiêng linh xa thì được tính công bằng hai những người mang đồ hiếu.

Điều thứ 270: Khi chôn cất thì lý dịch tuần phiên phải trông coi cho đô tuỳ đắp điếm cẩn thận và cấm không cho ai cướp đồ tang mã. Nếu ai sơ suất thì lý dịch trình hội đồng bắt lỗi.

Điều thứ 271: Chỉ trừ những người mà đã nộp lệ hiếu còn thì việc hiếu không được tự tiện giết trâu, bò mà ăn uống như trước.

Điều thứ 272: Những nhà không nộp lệ hiếu thì cũng phải tường lý dịch vào sổ tử rồi được tuỳ nghi trong xóm mà chôn cất.

Điều thứ 273: Những người đã nộp lệ làng thì không phải đãi cỗ công dân nữa.

Khoản thứ mười ba
Cải cát và ký táng

Điều thứ 274: Hễ trong làng, người nào cải cát thì phải tường lý dịch mấy được ra đồng bốc mả.

Điều thứ 275: Nếu người nào muốn làm ma khô thì phải theo như lệ hiếu mà nộp.

Điều thứ 276: Người nào ký táng thì trước phải trình lý dịch nhận thật rồi đem tiền lệ ra nộp hội đồng mà lấy giấy biên nhận.

Điều thứ 278: Lệ ký táng thì phải nộp vào công quĩ. Hung táng 5,00$, cát táng 3,00$ và hạng nào cũng phải sửa một lễ xôi thủ lễ thần. Nếu người nào ký táng hai ba ngôi một lúc thì chỉ phải sửa một lễ mà thôi.

Điều thứ 279: Lệ ký táng ấy lễ thần xong tể tác những người có mặt hiện tại ăn uống tại đình không phải kính biếu ai cả.

Khoản thứ mười bốn
Đại cương (disposition générales)

Điều thứ 280: Từ nay trở đi nếu có người nào làm việc công ích cho làng thì dân phải có dấu tích làm kỷ niệm nhớ ơn người ấy.

Điều thứ 281: Sau này nếu trong dân có người cúng hoặc trữ quĩ có nhiều tiền thì phải làm một nhà hội đồng, mở trường cho trẻ con học chữ và học nghề, cho trong dân chúng thịnh vượng.

Điều thứ 283: Khi đã xong việc cải lương thì phải xin phép quan cho đo ruộng, đất trong làng để những điền chủ khỏi lậu thuế.

Điều thứ 284: Khi đo đạc ruộng phân minh thì mỗi năm một sào ruộng phải nộp 0,10$ là tiền lúa sương và tiền mầu để lấy tiền chi lương cho tuần, thì tuần phiên không được lấy lúa sương và tiền mầu nữa.

Điều thứ 285: Từ năm thứ hai sau khi cải lương nếu trữ quĩ được dư dật thì sẽ chi lương cho ban hội đồng trị sự và tăng lương lý phó trưởng.

Điều thứ 286: Những khoản lệ cũ trái với quyển hương ước này thì từ nay trở đi không được thi hành điều gì nữa.

Điều thứ 287: Sau khi quan đã duyệt y quyển hương ước này, nếu trong làng có muốn sửa chữa điều gì thì hội đồng phải họp bàn làm biên bản trình quan cho phép mấy được thi hành.

Quyển hương ước này có 40 trang; 34 khoản vừa chính trị vừa phong tục và 287 điều.

Thanh Trì le 28 Mars 1921
Le tri huyện
Nguyễn Kỳ *ký tên đóng kiểm*
Vu
Hadong le 10 Avril 1921
Le tổng đốc
Hoàng Trọng Phu *ký tên đóng kiểm*
Vu
Hadông le 10 Avril 1921
Ký tên và đóng dấu

MỤC LỤC

	Trang
• Hương ước Hà Nội - Một di sản văn hóa	5
• Khoán lệ xã Tu Hoàng	42
• Tờ khoán thôn Quan Nhân	65
• Điều lệ xã Đông Ngạc	67
• Hoa Ngạc xã Tống Chung Lệ Ba	88
• Văn hội Ước Lễ	93
• Phụng khai về hình mục	98
• Khoán lệ hương lão	103
• Tục lệ phủ Hoài Đức	108
• Khoán ước thôn Thổ Quan	117
• Kim ngân đình Thị Lệ	120
• Khoán lệ phường Xã Đàn	135
• Khoán ước thôn Trung Thông	145
• Hương ước xã Đại Từ	149
• Hương ước làng Thịnh Quang	164
• Hương ước làng Phúc Xá	182
• Hương ước tăng bổ xã Phúc Xá	205
• Hương ước làng Ngọc Hà	218
• Hương ước làng Võng Thị	236
• Hương ước làng Ngọc Xuyên	250
• Yên Phụ dân ước	264

- Hương ước xã Vĩnh Phúc 277
- Hương ước làng Nội Châu 294
- Hương ước làng Tam Bạc 311
- Hương ước làng Quảng Bá 324
- Hương ước làng Xã Đàn 342
- Hương ước thôn Hào Nam 359
- Hương ước làng Nhật Tân 371
- Hương ước thôn Thọ 388
- Hương ước làng Mỹ Đức 400
- Hương ước làng Tây Hồ 417
- Hương ước làng Tương Trúc 433
- Hương ước làng Sở Hạ 492
- Hương ước xã Thanh Trì 526
- Hương ước làng Giáp Nhất 541
- Hương ước xã Định Công Thượng 546
- Hương ước làng Nam Du Hạ 571
- Hương ước làng Yên Duyên 581
- Hương ước làng Pháp Vân 592
- Hương ước làng Giáp Nhất 598
- Hương ước làng Giáp Nhất 603
- Hương ước làng Phú Mỹ 607
- Hương ước làng Yên Lương 616
- Hương ước làng Ích Vịnh 624
- Hương ước làng Giáp Nhất 634
- Hương ước làng Tương Mai 638
- Hương ước làng Yên Phụ 669

NHÀ XUẤT BẢN TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA

109 Quán Thánh - Ba Đình - Hà Nội
ĐT: HC - TH: 04.3.7339361 - PH: 04.3.8439034
Các ban biên tập: 04.3.7341742 - 04.3.8438953 - 04.3.8439033
Fax: (84-4) 3.8438951 - Email: nxbtdbk1998@yahoo.com

HƯƠNG ƯỚC HÀ NỘI

TẬP I

TRƯƠNG SỸ HÙNG ***(Chủ biên)***

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TS. TRỊNH TẤT ĐẠT

Chịu trách nhiệm bản thảo:
TS. ĐỖ THỊ MINH THÚY

Biên tập:	**TRẦN BÍCH NGA - THÀNH NHÂN**
Trình bày bìa:	**NGUYỄN TIẾN DŨNG**
Kỹ thuật vi tính:	**THÀNH NAM**

In 2.000 cuốn khổ 14,5 x 20,5cm, tại Xí nghiệp in SAVINA
Giấy phép xuất bản số 46-2009/CXB/15-06/TĐBK
In xong và nộp lưu chiểu năm 2009

HƯƠNG ƯỚC HÀ NỘI



Hương ước Hà Nội T1 (QD)
1301100000005
132,000

Giá: 132.000đ